BỘ ĐỀ LUYỆN THI VÀO LỚP 10 THPT – THEO CẤU TRÚC MỚI

STT	NỘI DUNG	TRANG
ĐỀ 1	- Đọc hiểu: Truyện ngắn Củ Khoai nướng - Viết: bài văn bàn về *lòng tự trọng* của con người	4-10
Đề 2	- Đọc hiểu: Truyện ngắn Con thú lớn nhất - Viết: bài văn bàn về tác hại từ *lối sống tham vọng* của con người	11-14
ĐỀ 3	- Đọc hiểu: Truyện ngắn Đá gà - Viết: bài văn bàn về giá trị của các hoạt động văn hóa cộng đồng nơi làng quê.	14-16
ĐỀ 4	- Đọc hiểu: Truyện ngắn Nhện và người - Viết: bài văn bàn về tính kiêu ngạo được đặt ra trong truyện	16-21
ĐỀ 5	- Đọc hiểu: Tuỳ bút Phở - Viết: bài văn phân tích truyện Cái kén và con bướm	21-26
ĐỀ 6	- Đọc hiểu: Truyện ngắn Vực không đáy - Viết: bài văn nghị luận về lòng trắc ẩn của con người trong cuộc sống được gợi ta từ đoạn trích trong truyện ngắn	26-30
ĐỀ 7	- Đọc hiểu: Truyện ngắn Anh béo và anh gầy - Viết: Đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích ngắn gọn chủ đề của bài thơ sau: *Ngông nghênh tuổi trẻ* + Viết bài văn nghị luận về câu nói: *Hãy sống như lửa cháy.*	30-35
ĐỀ 8	- Đọc hiểu: Truyện ngắn Một cơn giận -Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến về vấn đề: *nên sử dụng thời gian rảnh rỗi như thế nào cho hợp lí?*	35-41
ĐỀ 9	- Đọc hiểu: Bài thơ Những tấm ảnh ở Trường Sa -Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích ngắn gọn giá trị tư tưởng của truyện ngắn: Con ngựa trắng của ba tôi	41-46
ĐỀ 10	- Đọc hiểu: Truyện ngắn Gọi con -Viết bài văn phân tích truyện ngắn Gọi con (có bài viết tham khảo)	47-54
ĐỀ 11	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Ngọn đèn không tắt -Viết: + Đoạn văn ngắnphân tích thông điệp trong truyện ngắn *Ngọn đèn không tắt* + **B**ài văn thuyết phục người khác từ bỏ thói quen đổ lỗi.	54-58
ĐỀ 12	-Đọc hiểu: đoạn trích truyện ngắn "*Bóng của thành phố*" -Viết: Bài văn Phân tích đặc sắc nội dung và nghệ thuật qua đoạn trích "*Bóng của thành phố*"	58-61
ĐỀ 13	-Đọc hiểu: Con trai và má -Viết bài văn phân tích và đánh giá nhân vật người mẹ trong văn bản trên.	61-64
ĐỀ 14	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Quà muộn -Viết: + Đoạn văn cảm nhận về bài thơ: Lá xanh + Bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của em về vấn đề con người cần dũng cảm để làm chủ tương lai.	64-71
ĐỀ 15	-Đọc hiểu truyện ngắn: Làm mẹ -Viết bài văn bàn về tình mẫu tử	72-76
ĐỀ 16	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Đêm đợi lũ	76-80

	-Viết: Bài văn bàn về việc khai thác rừng trái phép ở Việt Nam hiện nay.	
ĐỀ 17	-Đọc hiểu: Bài thơ Tấc đất thành cổ (Phạm Đình Lân) -Viết: + Đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật truyện ngắn trong văn bản Bài học quét nhà +Bài văn nghị luận trình bày ý nghĩa của lối sống biết trân trọng những giá trị truyền thống tốt đẹp của thế hệ trẻ ngày nay.	80-85
ĐỀ 18	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Cha tôi -Viết: Bài văn bày tỏ ý kiến của em về lối sống giản dị trong giới trẻ ngày nay	85-9
ĐỀ 19	Đọc hiểu: Truyện ngắn Lang rận -Viết: bài văn phân tích, đánh giá một số nét đặc sắc về nghệ thuật tự sự của Nam Cao thể hiện qua tác phẩm trên	89-96
ĐỀ 20	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Giận ông Giời -Viết: + Đoạn văn nghị luận (khoảng 100 đến 150 chữ) trình bày suy nghĩ của em về nhân vật ông Quải qua câu nói "*Cái sống ...thua vậy".* + Bài văn nghị luận trình bày ý kiến của em về câu nói: *"Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố". .*	96-100
ĐỀ 21	-Đọc hiểu: truyện ngắn ***Một ly sữa*** . -Viết: phân tích những nét đặc sắc của truyện ngắn ***Một ly sữa*** ở phần Đọc.	100-103
ĐỀ 22	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Tiếng chim kêu -Viết: bài văn nghị luận bàn về ý nghĩa của sự đồng cảm trong cuộc sống.	103-108
ĐỀ 23	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Cỏ lau (Nguyễn Minh Châu) -Viết: + Đoạn văn trình bày suy nghĩ về những điều cần làm để bản thân tìm thấy hạnh phúc trong cuộc đời. + Bai văn phân tích truyện ngắn **Cỏ lau** của Nguyễn Minh Châu	108-115
ĐỀ 24	-Đọc hiểu: Truyện ngắn "***Rơi xuống biển cả***" -Viết: bài nghị luận trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của nghịch cảnh trong cuộc sống từ câu chuyện trên	115-118
ĐỀ 25	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Cổ tích Ấm sứt vòi -Viết: Bài văn với chủ đề: *nuôi dưỡng đam mê trên hành trình đi theo bóng mặt trời*	118-123
ĐỀ 26	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Tình người -Viết: Từ những việc mà nhân vật bà lão trong truyện " Tình người" viết một bài văn nghị luận bàn về văn hóa xin lỗi và cảm ơn của con người trong xã hội hiện nay.	123-127
ĐỀ 27	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Bài học tuổi thơ (Nguyễn Quang Sáng) -Viết: Từ truyện ngắn *Bài học tuổi thơ* viết bài văn trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của lối sống trung thực.	128-131
ĐỀ 28	- Đọc hiểu: Truyện ngắn Hà Nội trong mắt tôi (Nguyễn Khải) -Viết: + Đoạn văn trình bày cảm nhận về chi tiết sau truyện: "*Nghĩa nói, ...đáng sợ.* + Bài văn trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của sự chủ động trong cuộc sống của mỗi người.	131-136
ĐỀ 29	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Người gánh nước thuê (Võ Thị Hảo) -Viết: + Đoạn văn làm nổi bật những đặc sắc về nghệ thuật trong đoạn thơ Những con đường (Lưu Quang Vũ) + Bài văn: Tôn trọng sự khác biệt	136-142
ĐỀ 30	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Đêm làng (Trọng Nhân)	142-147

	-Viết: + Đoạn văn phân tích ,đánh giá nhân vật Tường trong Đêm làng + Bài văn suy nghĩ về lối sống hết mình của tuổi trẻ.	
ĐỀ 31	-Đọc hiểu: Đoạn thơ "Bóng đa làng" (Hoàng Trần Cương) -Viết: + Đoạn văn phân tích đặc sắc trong nghệ thuật trần thuật của đoạn truyện : Bức tranh (Nguyễn Minh Châu) + Bài văn bày tỏ ý kiến về sự cần thiết phải biết trân trọng quá khứ.	148-154
ĐỀ 32	-Đọc hiểu: Truyện ngắn "Cha chở con đi học" (Nguyễn Kim Châu) -Viết bài văn giới thiệu về bản thân để ứng tuyển làm thành viên của Ban tổ chức sự kiện "Ngày của cha"	154-158
ĐỀ 33	-Đọc hiểu: Truyện ngắn: Người đầm (Thạch Lam) -Viết: + Đoạn văn bàn về hậu quả của việc *học mà không nghĩ.* + Bài văn phân tích vẻ đẹp của nhân vật người phụ nữ Pháp trong đoạn trích Người đầm (Thạch Lam)	
ĐỀ 34	-Đọc hiểu: đoạn trích trong truyện dài *Làm bạn với bầu trời* – Nguyễn Nhật Ánh -Viết: Bài văn phân tích, đánh giá về nội dung và một số nét đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích trong truyện dài *Làm bạn với bầu trời* – Nguyễn Nhật Ánh	159-168
ĐỀ 35	-Đọc hiểu: Đoạn trích truyện: *Chuyện con mèo dạy hải âu bay*– Luis Sepulveda -Viết bài văn thuyết phục người khác từ bỏ thói quen: làm việc riêng trong giờ học.	169- 172
ĐỀ 36	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Bố tôi (Nguyễn Ngo Thuần) -Viết bài văn phân tích truyện ngắn Bố tôi (Nguyễn Ngọc Thuần)	172-175
ĐỀ 37	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Ăn trôm táo (Nguyễn Nhật Ánh) -Viết bài văn nghị luận về lòng khoan dung	175-179
ĐỀ 38	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Giấy chứng nhận người (Tác giả: Ức Thanh - Trung Quốc ; người dịch: Vũ Công Hoan) -Viết bài văn nghị luận với chủ đề " sức hấp dẫn của truyện ngắn Giấy chứng nhận người"	180- 187
ĐỀ 39	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Anh béo và anh gầy (An-tôn Sê-khốp) -Viết: + Đoạn văn phân tích ngắn gọn chủ đề của bài thơ *Bản nháp* (Vân Anh) + Bài văn trình bày suy nghĩ của em về câu nói: *Hãy sống như lửa cháy.*	187- 193
ĐỀ 40	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Cây sa mộc chết đứng (Tống Ngọc Hân) -Viết: + Đoạn văn trình bày những suy nghĩ về số phận của những người phụ nữ trong truyện "Cây sa mộc chết đứng" của Tống Ngọc Hân. + Bài văn bàn về mối quan hệ giữa nhận thức và khát vọng.	193-198
ĐỀ 41	-Đọc hiểu: Truyện ngắn *Khắc dấu mạn thuyền* (Bảo Ninh). -Viết: + Đoạn văn về ý nghĩa sự hi sinh thầm lặng trong cuộc sống. + Bài văn phân tích và đánh giá nội dung đoạn trích ở phần đọc hiểu (trích *Khắc dấu mạn thuyền*, Bảo Ninh).	199-204
ĐỀ 42	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Bến thời gian (Tạ Duy Anh) -Viết: + Đoạn văn bàn về tầm quan trọng của việc sử dụng thời gian hợp lý +Bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và nhân vật trong đoạn trích phần đọc hiểu.	204-209

ĐỀ 43	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Bức tượng (S. Antov) -Viết: bài văn nghị luận bàn về ý nghĩa của việc sống biết cho đi.	210-214
ĐỀ 44	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Câu bé làm xiếc (Edmodo De Amicis) -Viết: + Đoạn văn về ý nghĩa của sự tế nhị khi giúp đỡ người khác + Bài văn phân tích nhân vật cậu bé làm xiếc trong văn bản trên.	214-219
ĐỀ 45	-Đọc hiểu: truyện ngắn "Chiếc lông chim màu đỏ" của Nguyễn Quang Thiều -Viết: + Đoạn văn cảm nhận về hình ảnh "chiếc lông chim màu đỏ" trong truyện + Bài văn bàn về mối quan hệ giữa niềm tin và sự thành công.	219-223
ĐỀ 46	-Đọc hiểu: truyện ngắn Con chó xấu xí (Kim Lân) -Viết: + Đoạn văn về tác hại của thói vô cảm trong cuộc sống. + Bài văn phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện ngắn đã cho ở phần Đọc hiểu.	223-228
ĐỀ 47	-Đọc hiểu: tác phẩm *"Đất quên"* của Nguyễn Huy Thiệp -Viết bài văn phân tích và đánh giá tác phẩm *"Đất quên"* của Nguyễn Huy Thiệp	228-236
ĐỀ 48	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Ga tàu tuổi thơ (Vũ Thi Huyền Trang) -Viết: + Đoạn văn trình bày cảm nhận về nhân vật người anh trong truyện + Bài văn thuyết phục từ bỏ thói quen này Lạm dụng mạng xã hội	237-242
ĐỀ 49	-Đọc hiểu: Truyện ngắn "Gió xanh" của Phạm Duy Nghĩa. -Viết: + Đoạn văn suy nghĩ về nghệ thuật kể chuyện trong đoạn trích "Gió xanh" của Phạm Duy Nghĩa. + Bài văn bàn về mối quan hệ giữa "thời cơ" và "thách thức" trong cuộc sống hiện nay.	242-247
ĐỀ 50	-Đọc hiểu: truyện ngắn *"Hoa đào nở trên vai"* (Vũ Thị Huyền Trang) -Viết: + Đoạn văn về *vai trò của sự sẻ chia* trong cuộc sống + Bài văn Phân tích đoạn trích truyện *"Hoa đào nở trên vai"*	247-256
ĐỀ 51	-Đọc hiểu: Truyện ngắn "Mây trắng còn bay" của Bảo Ninh. -Viết bài văn phân tính, đánh giá nhân vật bà cụ trong tác phẩm "Mây trắng còn bay"	257-263
ĐỀ 52	-Đọc hiểu: truyện ngắn *"Ông ngoại"*(Nguyễn Ngọc Tư) -Viết: +Đoạn văn về *giá trị của tình yêu thương con người* trong cuộc sống. + Bài văn cảm nhận về nhân vật Dung và chủ đề của truyện trên	263-268
ĐỀ 53	-Đọc hiểu: Truyện ngắn Miền thương thăm thẳm (Khánh Phượng Vũ) -Viết: + Đoạn văn cảm nhận về số phận và vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật Mụ trong tác phẩm. + Bài văn bàn về "hội chứng teen cuồng thần tượng" hiện nay.	269- 275
ĐỀ 54	-Đọc hiểu: truyện ngắn Quê mẹ (Thanh Tịnh) -Viết: + Đoạn văn về ý nghĩa của việc biết trân quý tình thân + Bài văn phân tích, đánh giá nhân vật cô Thảo trong truyện trên	275-279
ĐỀ 55	-Đọc hiểu: truyện ngắn "Giàn bầu trước ngõ" (Nguyễn Ngọc Tư.) -Viết: + Đoạn văn cảm nhận về nhân vật người bà trong truyện ngắn trên + Bài văn bàn về giải pháp xóa nhòa" sự chênh lệch khác biệt về quan điểm, tư tưởng, thói quen giữa các thế hệ.	280-290

ĐỀ 56	-Đọc hiểu bài thơ *Đò Lèn* của Nguyễn Duy. -Viết : + Đoạn văn trả lời của em cho câu hỏi về hạnh phúc…	**291-296**

	+ Bài văn phân tích tác phẩm *Đò Lèn* của Nguyễn Duy	
ĐỀ 57	-Đọc hiểu: đoạn văn nghị luận -Viết: + Đoạn văn về sự cần thiết phải biết nắm bắt cơ hội trong cuộc sống. + Bài phân tích hình tượng người mẹ được thể hiện trong bài thơ Mẹ (Huy Cận)	**296-301**
ĐỀ 58	-Đọc hiểu: Bài thơ Tôi muốn mình là một cái cây (Thanh Thảo) -Viết: + Đoạn văn cảm nhận nhân vật người cha trong Cha tôi (Sương Nguyệt Minh) + Bài văn về vai trò của lí tưởng sống đối với tuổi trẻ	**301-305**
ĐỀ 59	-Đọc hiểu: bài thơ Hôn trên mảnh đất quê hương (Thu Bồn) -Viết: + Đoạn văn ý nghĩa của quê hương đối với mỗi người + Bài văn phân tích vẻ đẹp độc đáo về nội dung và hình thức của đoạn thơ : Đường về quê mẹ (Đoàn Văn Cừ	**305-310**
ĐỀ 60	-Đọc hiểu: bài thơ Ngày xuân của nhà thơ Anh Thơ -Viết: bài văn phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật bài thơ trên	**310-313**
ĐỀ 61	-Đọc hiểu: bài thơ Áo cũ (Lưu Quang Vũ) -Viết bài vawn bàn về chủ đề: Các bạn trẻ phản biện ý kiến của lớp người đi trước.	**313-315**
ĐỀ 62	-Đọc hiểu: bài thơ Ba mét cách mặt đường (Vũ Hoàng Sơn) -Viết bài văn trình bày cảm nhận của em về bài thơ trên.	**315-318**
ĐỀ 63	-Đọc hiểu: văn bản thông tin *Lễ hội Sòng Sơn – Ba Dội* -Viết: + Đoạn văn bàn về ý nghĩa của việc phát huy sức mạnh của bản sắc văn hoá truyền thống trong đời sống hiện đại. + Bài văn phân tích nội dung và nghệ thuật của bài thơ: Một phía làng tôi (Nguyễn Văn Song)	**319-324**
ĐỀ 64	-Đọc hiểu: Bài thơ Quê hương (Nguyễn Bính) -Viết: + Đoạn văn về trách nhiệm của bản thân đối với quê hương, đất nước. + Bài văn nghị luận phân tích, đánh giá nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của đoạn thơ trong bài thơ trên	**324-327**
ĐỀ 65	-Đọc hiểu: Bài thơ "Không có gì tự đến đâu con"(Nguyễn Đăng Tấn) -Viết bài văn phân tích tác phẩm trên	**327-331**
ĐỀ 66	-Đọc hiểu: Bài thơ "Chiếc áo của cha (Ngô Bá Hoà) -Viết: + Đoạn văn bàn về "về ý nghĩa của sự thấu hiểu người thân. + Bài văn phân tích, đánh giá chủ đề và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ Chiếc áo của cha -	**331-335**
ĐỀ 67	-Đọc hiểu: Bài thơ "Rồi ngày mai em đi" của Lò Cao Nhum. -Viết: + Đoạn văn trình bày suy nghĩ về lời nhắn nhủ của nhân vật trữ tình dành cho "con" trong bài thơ + Bài văn bàn về vấn đề: bên cạnh tri thức, cần các yếu tố nào để đưa Việt Nam "sánh vai với các cường quốc năm châu" như điều của Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong mỏi?	**335-339**
ĐỀ 68	-Đọc hiểu: thơ "Tổ quốc ở Trường Sa"(Nguyễn Việt Chiến) -Viết: + Đoạn văn về tình yêu quê hương, đất nước. + Bài văn ghi lại cảm xúc của em về đoạn thơ trên.	**340-345**
ĐỀ 69	-Đọc hiểu: đoạn văn nghị luận	**345-349**

	-Viết: + Đoạn văn về vấn đề bình đẳng về quyền lợi giữa người với người mà tác giả đặt ra trong văn bản + Bài văn phân tích nghệ thuật sử dụng hình ảnh trong bài thơ "Thu đến" (Mai văn Phấn)	
ĐỀ 70	*-Đọc hiểu: Truyện "Chuyện con chó có nghĩa của một nhà nghèo (*Phạm Quý Thích) -Viết: + Đoạn văn phân tích ngắn gọn thông điệp của bài thơ Khát vọng (Đăng Hồng Thiệp) + Bài văn thể hiên quan niệm *Gió chiều nào theo chiều ấy.*	**350-354**

ĐỀ 1

I.ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Sau trận mưa rào vòm trời như được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn. Đã chớm hè nhưng trời vẫn lành lạnh, cái lạnh làm người ta hưng phấn và chóng đói. Thường Mạnh đi học về là đi thả trâu. Tối mịt cậu rong trâu về, đầu tưởng tượng đến một nồi cơm bốc khói nghi ngút.

[...] Chợt Mạnh phát hiện ra một đám mầm khoai đỏ au, mập mạp, tua tủa hướng lên trời. Kinh nghiệm đủ cho cậu biết bên dưới những chiếc mầm là củ khoai lang sót. Với bất cứ đứa trẻ trâu nào thì điều đó cũng tương đương với một kho báu. Nó bị sót lại từ trước Tết và bây giờ nó sẽ rất ngọt. Để xem, anh bạn to cỡ nào? Không ít trường hợp bên dưới chỉ là một mẩu khoai. Nước miếng đã kịp tứa khắp chân răng khi cậu tưởng tượng đến món khoai nướng. Ruột nó trong như thạch. Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này. Thật may là mình đem theo lửa – cậu lẩm bẩm. [...].

Mạnh đã có việc để làm, mà lại là một việc làm người ta háo hức. Trong chốc lát đống cành khô bén lửa và đợi đến khi nó chỉ còn lớp than hồng rực Mạnh mới vùi củ khoai vào. Cậu ngồi im lắng nghe một sự dịch chuyển vô cùng tinh tế dưới lớp than, cùi trắng muốt đang bị sức nóng ủ cho thành mật. Từng khoảnh khắc với Mạnh lúc này trở nên vô cùng huyền diệu. Rồi có một mùi thơm cứ đậm dần, cứ quánh lại, lan tỏa, xoắn xuýt. Cậu nhớ lại có lần bà kể, nhờ đúng một củ khoai nướng mà ông cậu thoát chết đói và sau đó làm nên sự nghiệp. Chuyện như cổ tích nhưng lại có thật. Nào, để xem sau đây cậu sẽ làm nên công trạng gì.

Chợt cậu thấy có hai người, một lớn, một bé đang đi tới. Ông già ôm theo bọc tay nải còn cậu bé thì cứ ngoái cổ lại phía làng. Cậu nhận ra hai ông cháu lão ăn mày ở xóm bên. Hôm nay, chẳng có phiên chợ sao ông cháu lão cũng ra khỏi nhà nhỉ. Vài lần giáp mặt cậu bé và thấy mặt mũi nó khá sáng sủa. Bố mẹ nó chết trong một trận lũ quét nên nó chỉ trông cậy vào người ông mù lòa.

Mạnh lén trút ra tiếng thở dài khi ông cháu lão ăn mày đã đến rất gần. Có thể thấy rõ cánh mũi lão phập phồng như hà hít tìm thứ mùi vị gì đó. Cậu bé vẫn câm lặng, thỉnh thoảng lén nhìn Mạnh.

– Mùi gì mà thơm thế – ông cậu bé lên tiếng – Hẳn ai đang nướng khoai. Ngồi nghỉ một lát để ông xin lửa hút điếu thuốc đã cháu.

Ông lão lần túi lấy gói thuốc lào. Thằng bé giúp ông tháo khỏi lưng chiếc điếu nhỏ xíu. Mùi khoai nướng vẫn ngào ngạt và Mạnh đành ngồi chết gí, không dám động cựa. Chỉ khi ông lão nhờ, cậu mới cúi xuống thổi lửa. Chà, ông cháu lão mà ngồi dai là củ khoai cháy mất. Đã có mùi vỏ cháy. Lửa sẽ lấn dần vào cho đến khi biến củ khoai thành đen thui mới thôi. Dường như đoán được nỗi khó xử của Mạnh, ông lão bảo:

– Tôi chỉ xin lửa thôi…

Mạnh như bị bắt quả tang đang làm chuyện vụng trộm, mặt đỏ lên. Nhưng ông lão mắt lòa không thể nhìn thấy còn cậu bé ý tứ nhìn đi chỗ khác.

– Thôi, chào cậu nhé. Ta đi tiếp đi cháu!

Ông lật đật đứng dậy, bám vào vai cậu bé, vội vã bước. Cậu bé lặng lẽ nhìn Mạnh như muốn xin lỗi vì đã làm khó cho cậu. Cái nhìn đĩnh đạc của một người tự trọng, không muốn bị thương hại khiến Mạnh vội cúi gằm xuống. Ôi, giá như có ba củ khoai, chí ít cũng là hai củ. Đằng này chỉ có một… Mạnh thấy rõ tiếng chân hai ông cháu xa dần. Nhưng chính khi ấy, khi củ khoai nóng hổi, lớp vỏ răn lại như từng gợn sóng nằm phơi ra trước mắt Mạnh, thì nỗi chờ đón háo hức lúc trước cũng tiêu tan mất. Giờ đây củ khoai như là nhân chứng cho một việc làm đáng hổ thẹn nào đó. Dù Mạnh có dối lòng rằng mình chẳng có lỗi gì sất nhưng cậu vẫn không dám chạm vào củ khoai… Hình như đã có người phải quay mặt đi vì không dám ước có được nó. Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy.

Mặc dù rong trâu về từ chiều nhưng mãi tối mịt Mạnh mới vào nhà. Giờ đây mới là lúc cậu sống trọn vẹn với cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá. Cậu nhắm mắt lại mường tượng giây phút cậu bé kia mở gói giấy báo ra. Nửa củ khoai khi đó sẽ khiến cậu ta liên tưởng đến phép lạ, có thể lắm chứ! Và rồi cậu thấy lâng lâng đến mức chính mình tự hỏi liệu đây có phải là giấc mơ?

(Trích **"Củ khoai nướng"** – Truyện ngắn chọn lọc Tạ Duy Anh- xuất bản 2002**)**

*Chú thích: Tác giả: Tạ Duy Anh có tên khai sinh là Tạ Việt Dũng, sinh ngày 9/9/1959 quê ở Chương Mĩ, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Ông là cây bút trẻ trong thời kì đổi mới. Qua hơn 20 năm cầm bút, Tạ Duy Anh vẫn luôn luôn trăn trở tìm cách đổi mới từ duy, quan niệm nghệ thuật, làm mới tác phẩm từ nội dung tới hình thức, từ ngôn ngữ tới cấu trúc. Tạ Duy Anh tiếp nối những dòng văn đầy trăn trở nhưng cũng đầy tính nhân văn. Tác phẩm: Củ khoai nướng nằm trong tập "Truyện ngắn chọn lọc" – Tạ Duy Anh.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1(0,5đ). Xác định ngôi kể trong đoạn trích?

Câu 2.(0,5đ) Nêu chủ đề của đoạn trích?

Câu 3.(0,5đ) Nhân vật chính trong đoạn trích là ai?

Câu 4. (0,5đ) Vì sao cậu bé Mạnh lại có "cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá"?

Câu 5.(1,0đ) Chi tiết nào trong đoạn trích để lại ấn tượng sâu sắc nhất với anh/chị?

Câu 6.(1,0đ) Em hãy lý giải hành động của ông lão ăn mày trong câu văn sau:"Ông lật đật đứng dậy, bám vào vai cậu bé, vội vã bước."

Câu 7.(1,0đ) Đánh giá tình cảm và thái độ của tác giả với nhân vật Mạnh?

Câu 8. (1,0đ) Qua đoạn trích trên, em hãy rút ra thông điệp có ý nghĩa nhất với bản thân.

PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm). Từ đoạn trích truyện **Củ khoai nướng** ở phần Đọc hiểu, em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 đến 500 chữ) bàn về lòng tự trọng của con người trong cuộc sống.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm

I		**ĐỌC HIỂU**	**6.0**
	1	Ngôi Kể: Ngôi thứ ba	0,5
	2	Chủ đề: Lòng yêu thương con người.	0,5
	3	Nhân vật chính trong đoạn trích là cậu bé Mạnh	0,5
	4	Cậu bé Mạnh lại có "cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá"vì đã chia sẻ một phần khoai nướng cho chú bé ăn mày.	0,5
	5	Chi tiết trong đoạn trích để lại ấn tượng sâu sắc nhất: – Cậu bé Mạnh tìm được một củ khoai lang còn sót lại trên ruộng khi đi chăn trâu. – Cậu bé Mạnh đã chia sẻ một phần khoai nướng với cậu bé ăn mày.	1.0
	6	Lý giải hành động của ông lão ăn mày trong câu văn sau:"Ông lật đật đứng dậy, bám vào vai cậu bé, vội vã bước." – Hai ông cháu vội vã rời đi để tránh cho Mạnh cảm thấy khó xử. Hai ông cháu ăn xin đói khổ mà đầy sự tự trọng, ý tứ. …	1,0
	7	Đánh giá tình cảm và thái độ của tác giả với nhân vật Mạnh: Đồng cảm, yêu mến	1,0
	8	Thông điệp ý nghĩa qua đoạn trích: HS có thể rút ra nhiều bài học khác nhau (phù hợp chuẩn mực đạo đức và pháp luật), GV linh hoạt cho điểm, dưới đây là gợi ý tham khảo: – Trong cuộc sống cần có lòng yêu thương, sự sẻ chia giữa con người và con người. – Không nên phân biệt đối xử, luôn có sự tôn trọng với mọi người xung quanh mình dù có thể họ là những người bất hạnh, kém may mắn. – Bài học về lòng tự trọng, ứng xử trước khó khăn thử thách của cuộc sống …	1.0
II		**LÀM VĂN**	**4.0**
		Từ đoạn trích truyện **Củ khoai nướng** ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận bàn về lòng tự trọng của con người trong cuộc sống.	
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Nghị luận về lòng Tự trọng của con người thể hiện trong ngữ	0.25

		liệu ở phần đọc hiểu, trong cuộc sống.	
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
		*Giới thiệu khái quát vấn đề nghị luận.	0.5
		*Phân tích và đánh giá: Lần lượt trình bày các luận điểm. Sử dụng lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ luận điểm: *** Lòng tự trọng của con người được thể hiện trong đoạn trích truyện Củ khoai nướng** – Câu chuyện nói về diễn biến tâm trạng của cậu bé Mạnh xoay quanh hình ảnh củ khoai nướng. Từ tâm trạng nôn nao, háo hức đến tâm trạng tủi hổ khi cậu đối mặt với hai ông cháu ăn xin đói khổ, chính sự tự trọng, ý tứ của hai ông cháu khiến cho Mạnh phải cúi gằm xuống, tâm trạng cậu trở nên bối rối, xấu hổ. – Cậu áy náy, ân hận vì không thể chia sẻ củ khoai cho hai ông cháu, cậu trách mình, dằn vặt bởi suy nghĩ: "Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng bằng cách đau đớn như vậy". Cuối cùng cậu cả thấy vui vẻ, thoải mái khi đã chia sẻ củ khoai nướng với hai ông cháu ăn xin. – Nhân vật Mạnh là một cậu bé có lòng tự trọng**,** có tấm lòng lương thiện, vị tha, biết yêu thương và quan tâm đến những người gặp khó khăn. – Hai ông cháu ăn xin đói khổ nhưng mọi hành động của họ đều thể hiện sự tự trọng, ý tứ. *** Lòng tự trọng của con người trong cuộc sống:** **– Biểu hiện của lòng Tự trọng:** + Lòng tự trọng là một trong những đức tính cao quý của con người, mà mỗi chúng ta đều cần phải có phẩm chất đó. Lòng tự trọng là coi trọng danh dự, phẩm chất, nhân cách của bản thân và những người xung quanh ta. Người có lòng tự trọng sẽ biết bảo vệ lòng tự trọng của mình. + Hằng ngày khi chúng ta giao tiếp với người khác, khi chúng ta làm việc, một người có lòng tự trọng được thể hiện qua việc được đối xử công bằng, tôn trọng. Trong học tập, lòng tự trọng thể hiện khi học sinh đi thi không quay cóp, gian lận,… **– Lòng tự trọng của con người trong cuộc sống:** + Lòng tự trọng là một nhân tố quan trọng góp phần tạo nên giá trị bản thân của một người đồng thời nó là nền tảng điều chỉnh suy nghĩ, hành động giúp bạn giao tiếp một cách hiệu quả. + Chúng ta coi trọng, giữ gìn phẩm cách, cư xử đàng hoàng, đúng mực, luôn làm tròn trách nhiệm được giao phó, không để	2.0

		người khác phải chê trách, nhắc nhở, rèn luyện cách đối nhân xử thế và luôn thân thiện cởi mở với mọi người xung quanh. * Đánh giá: – Người có lòng tự trọng sẽ biết cách hoàn thiện bản thân mình để trở thành một người được nhiều người yêu mến. Để làm được điều đó, bản thân mỗi người phải luôn nỗ lực, phấn đấu trong học tập cũng như trong cuộc sống.	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt..	0.5
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.5
Tổng điểm			**10,0**

Bài văn phân tích truyện Củ khoai nướng

Bài viết tham khảo

Bài làm

"Nhà văn là người dẫn đường đến xứ sở của cái đẹp" (Pau-tốp-xki). Thật vậy ,một nhà văn chân chính phải là người dùng cả cuộc đời của mình để gọi đục khơi trong, tìm ra cái đẹp và gợi ra cái đẹp, nhất là "cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới". Nhưng hơn hết ,cái đẹp ấy phải được thể hiện thông qua ngôn ngữ, hình tượng ,nghệ thuật đặc sắc .Để rồi người đọc cứ đi mãi, đi mãi lòng không thôi hứng thú, ngỡ ngàng bởi những chân trời mới mẻ mà mỗi nhà văn mở ra. Tạ Duy Anh cũng đã hoàn thành sứ mệnh cao cả ấy khi mang đến những nét đặc sắc trong nghệ thuật tự sự qua tác phẩm "Củ khoai nướng".

Nhà văn Đỗ Chu đã từng nói: "bắt tay vào truyện ngắn, có truyện ban đầu đến với tôi bằng một cái tên" .Nhan đề của một tác phẩm không đơn thuần là những con chữ được đặt một cách vô tình, mà đó là sự trăn trở, suy tư, ấp ủ biết bao tháng ngày của người nghệ sĩ. Không hoa mĩ, cầu kỳ ,nhưng bằng tài năng và tâm huyết Tạ Duy Anh đã biến những con chữ mà ta nói đến cạn cùng trở nên "lấp lánh kêu giòn và tỏa hương". Nhan đề "Củ khoai nướng" gắn liền với hình ảnh xuyên suốt tác phẩm. Do đó, nó trở thành sợi chỉ đỏ liên kết những chi tiết ,sự kiện, tạo nên sự mạch lạc cho cốt truyện. Không chỉ vậy, nhan đề còn trở thành một "tín hiệu nghệ thuật" khơi gợi sự tò mò nơi độc giả, đồng thời hé mở chủ đề của tác phẩm : Sự quan tâm, chia sẻ ,yêu thương giữa người với người. Như vậy ,chỉ bằng những con chữ giản dị Tạ Duy Anh đã rèn giũa chúng trở thành một nhan đề đầy hấp dẫn ,ý nghĩa như :"nhãn tự của bài thơ tứ tuyệt "

Trong truyện ngắn trên, nhà văn Tạ Duy Anh còn thật tinh tế khi lựa chọn mạch trần thuật tuân theo trật tự của dòng thời gian tuyến tính: Từ lúc cậu bé Mạnh đi chăn trâu vào sáng sớm , sau đó là cuộc gặp gỡ giữa cậu bé và hai ông cháu ăn xin, đến khi cậu bé trở về nhà. Cách kể chuyện ấy đã khiến câu chuyện trở nên chân thực, sinh động hơn .Đồng thời nó cũng giúp bạn đọc dễ dàng nắm bắt được nội dung ,cũng như sự vận động các chi tiết và hiện thực được phản ánh trong tác phẩm.

“Tình huống chính là thứ nước rửa ảnh làm nổi hình nổi sắc nhân vật, làm rõ tư tưởng nhà văn, là một khoảnh khắc chứa đựng cả một đời người” (Nguyễn Minh Châu). Chính vì vậy ,việc xây dựng được một tình huống đặc sắc là yếu tố quyết định sự “sống còn” của mỗi tác phẩm . Không nằm ngoài dòng chảy ấy, Tạ Duy Anh đã thật xuất sắc khi xây dựng được một tình huống vô cùng độc đáo , ý nghĩa : Cậu bé mạnh có một củ khoai nướng đúng lúc khoai chín thì hai ông cháu cậu bé ăn xin xuất hiện. Đây là một tình huống giản dị nhưng lại mang đậm tính nhân văn, góp phần khắc họa rõ nét suy nghĩ ,thế giới nội tâm của nhân vật đặc biệt là cậu bé Mạnh .Thoạt đầu, có thể thấy Mạnh là một cậu bé rất trẻ con ,ngây thơ ,hồn nhiên. Điều đó thể hiện ở việc cậu vui sướng xiết bao khi tìm được củ khoai :”Khi thấy mầm khoai, nó đã ngay lập tức nghĩ tới món khoai nướng hấp dẫn, ruột của nó trong như thạch những giọt mặt trào ra gặp lửa tạo một thứ hương thơm chết người “ . Bên cạnh đó ,khi thấy hai ông cháu em xin lại gần cậu đã ngay lập tức tìm cách giấu củ khoai bằng việc ngồi im và không nói gì:”Mạnh ngồi chết dí không dám động cựa “.Tâm hồn ngây thơ của đứa trẻ ấy nghĩ rằng nếu cứ ngồi yên sẽ chẳng ai phát hiện ra việc nó có một củ khoai đang thơm nức dưới đống lửa cháy bập bùng kia.Nó quyết định giấu củ khoai ấy vì nó rất trân quý củ khoai ,hơn nữa “ lại chỉ có một “ nên nó tiếc nếu phải cho. Thế nhưng cậu bé ngây thơ và có chút gì trẻ con ấy, thực ra lại là người thật nhân ái lương thiện và rất mực tự trọng .Bởi lẽ ý nghĩ giấu củ khoai để ăn một mình vừa lóe lên ,đã ngay lập tức vụt tắt ,sự ích kỷ cũng chẳng thể tồn tại lâu .Khi ý thức được đó là điều chưa đúng ,cậu bé dường như bị cảm giác day dứt , dằn vặt bám lấy:” Thấy xấu hổ không dám chạm vào củ khoai “.Vì thế Mạnh đã quyết định chia nửa củ khoai cho cậu bé ăn xin .Có lẽ Mạnh đã tự nhận ra rằng: Hạnh phúc đôi khi không phải nằm ở việc mình được tận hưởng một giá trị vật chất ,mà hạnh phúc là được tận hưởng giá trị ấy trong sự thanh thản nơi tinh thần .Như vậy, việc xây dựng tình huống truyện độc đáo chính là chiếc chìa khóa để nhà văn mở ra cánh cửa khám phá “con người bên trong con người” .Điều đó đã giúp tác phẩm:” Củ khoai nướng” trở thành “thứ khí giới thanh cao và đắc lực” khiến bạn đọc càng thêm thấm thía ở đâu đó trên mảnh đất này, vẫn còn tồn tại những phận người bất hạnh, nghèo khó , lang thang như đám mây bụi sống nương nhờ vào lòng thương của người khác. Qua đó ta càng trân trọng trước tình yêu thương, sự sẻ chia, gắn bó giữa người với người và lòng tự trọng của con người trong hoàn cảnh khốn khó.

Bằng những kinh nghiệm sâu sắc của cả một đời cầm bút, Tạ Duy Anh đã rất thành công trong việc lựa chọn ngôi kể và điểm nhìn. Truyện được kể theo ngôi thứ ba giúp người kể bao quát được toàn bộ nhân vật sự việc trong câu chuyện ,đồng thời mở rộng phạm vi hiện thực phẩm ánh, tạo tính khách quan cho tác phẩm. Song chuyện còn hấp dẫn bởi việc kết hợp tài tình giữa điểm nhìn bên trong và điểm nhìn bên “ngoài tác giả dường như đã hòa và nhân vật ,đến mức khó có thể phân biệt được giọng kể của anh ta với giọng kể của nhân vật “.Với việc sử dụng điểm nhìn bên ngoài ,nhà văn đã tái hiện thật rõ nét không gian của truyện” sau trận mưa rào vòm trời dường như được rửa sạch trở nên trong và cao hơn “,”những con sáo mỏ vàng đang nhảy kiếm ăn trên cánh đồng màu thu hoạch “.Một bức tranh thiên nhiên làng quê đang dần được mở ra cao và xa hơn, rộng lớn và yên bình. Không chỉ vậy, điểm nhìn bên ngoài còn giúp nhà văn khắc họa rõ nét hành động và lời nói của nhân vật :”Mạnh lén chút tiếng thở dài “hay Câu nói của ông lão ăn xin :”tôi chỉ xin lửa thôi “-đó là lời

nói của một người tinh ý để khiến Mạnh không khó xử. Hơn thế nữa , việc kết hợp với điểm nhìn bên ngoài và bên trong khiến nhà văn không chỉ thể hiện chân thực những gì hiển lộ, mà anh ta đã thực sự đưa bạn đọc tới "cuộc thám hiểm đến sự thật" ẩn sâu trong tâm hồn con người. Đó là khi cậu bé Mạnh thốt lên : "Chà thật tuyệt đó là món quà mà trời đất bạn tặng riêng cho cậu" .Ta bắt gặp niềm vui sướng trong sáng và chính đáng của một đứa trẻ . Để rồi niềm vui ấy chuyển dần thành sự lo lắng:" Ông lão mà ngồi dai là củ khoai cháy mất ".Và cuối cùng trở thành nỗi tiếc nuối đầy day dứt:" Ôi Giá như có ba củ khoai ,chí ít cũng là hai củ đằng này chỉ có một"," hình như có người ta phải quay đi phải không dám ước có được nó". Sự chuyển biến trong tâm hồn cậu bé Mạnh dường như hiện lên thật rõ nét, đó là sự hổ thẹn đau xót khi đã làm tổn thương người khác của một đứa trẻ rất đỗi ngây thơ nhưng đầy trưởng thành trong suy nghĩ. Tóm lại ,với việc kết hợp linh hoạt ngôi kể thứ ba với các điểm nhìn nghệ thuật độc đáo Tạ Duy Anh đã thể hiện chân thực bản chất của từng nhân vật, đồng thời tạo nên ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc.

" Nhân vật của tác phẩm nghệ thuật không phải giản đơn là những bản đập của những con người sống, mà được khắc họa phù hợp với ý đồ tư tưởng của tác giả" (Bertolt Brecht). Bởi lẽ đó, Tạ Duy Anh đã dụng công với hết thảy những tinh túy nhất ,để xây dựng lên những hình tượng nhân vật đặc sắc, nhằm khái quát hiện tượng và thể hiện tư tưởng trăn trở của chính mình với con người và cuộc đời.Có thể thấy nhà văn đã khắc họa nhân vật từ đa khía cạnh: Ngoại hình ,lời nói ,tính cách, đồng thời đặt nhân vật vào những tình huống phải lựa chọn :Cậu bé Mạnh phải lựa chọn giữa việc cho hay không cho củ khoai .Để rồi từ đó ,Ta thấy được một cậu bé Mạnh ngây thơ nhưng cũng đầy tự trọng, hai ông cháu ăn xin đầy khốn khổ nhưng đói mà sạch rách mà thơm. Không chỉ vậy, cũng qua nhân vật ,nhà văn bày tỏ được những tư tưởng của mình về cuộc đời: liệu rằng khi khốn khó con người ta có "chỉ nghĩ đến cái chân đau của mình "(Nam Cao) hay họ đủ nhân ái vượt lên tất cả để yêu thương và đùm bọc lẫn nhau .Và như thế, qua những hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan ấy, nhà văn đã cho ta thấy được những con người rất thực rất gần gũi song cũng hàm chứa biết bao thông điệp ý nghĩa .

Ngôn ngữ văn chương luôn được biết đến với sự trau chuốt, tỉ mỉ ,tinh tế "Phải phí tổn hàng ngàn cân quặng chữ mới thu được một chữ mà thôi" (Mai -a -cốp -xki), nhưng không có nghĩa là cao xa, khó hiểu .Ở đây Tạ Duy Anh đã thật xuất sắc sắc khi khai thác tiếng nói giản dị, gần gũi ,đậm chất khẩu ngữ của đời sống thường nhật trở thành ngôn ngữ giàu chất thơ . Chính ngôn ngữ ấy đã tạo nên sức sống mãnh liệt của tác phẩm trong lòng mỗi độc giả.

Có những lần tôi băn khoăn tự hỏi :Tại sao mỗi kết thúc truyện phải "giúp người đọc khám phá được những vấn đề mang tính bản chất tính quy luật của đời sống "phải chăng đó là sứ mệnh của chúng ? Trong tác phẩm:" Củ khoai nướng "sứ mệnh cao cả ấy đã được cất cao tiếng hát, khi Tạ Duy Anh xây dựng được một kết chuyện đặc sắc: Mạnh đuổi theo hai ông cháu cậu bé ăn xin để cho họ nửa củ khoai.Có lẽ ,chi tiết ấy ít nhiều gây bất ngờ cho người đọc vì trong toàn bộ phần truyện dường như Mạnh không có ý định chia sẻ củ khoai của mình. Qua đó ,tính cách của nhân vật Mạnh càng hiện lên rõ nét, đồng thời tư tưởng tình cảm của nhà văn cũng được thể hiện trọn vẹn và hoàn tất .Tạ Duy Anh tâm niệm rằng trong cuộc sống điều khiến người ta vui và hạnh

phúc không phải thứ mà người ta nhận được mà là điều người ta cho đi- đó là lối sống nhân ái.

"Mỗi tác phẩm phải là một phát minh về hình thức và khám phá về nội dung"(Lê-ô-nít Lê-ô-nốt) .Như vậy,những nét đặc sắc về nghệ thuật đã góp phần tạo nên giá trị cho các phẩm,thể hiện sâu sắc chủ đề :Lòng yêu thương giữa con người với nhau.Đồng thời mang đến những bài học quý giá làm "khơi dậy ý thức khôi phục bảo vệ cái đẹp "để con người biết cho đi, biết chia sẻ ,biết giúp đỡ, đồng cảm với những phận đời bất hạnh ,biết yêu thương những người khác mình.

" Văn học nằm ngoài quy luật của sự băng hoại chỉ mình nó không thừa nhận cái chết "(Schedrin). Thời gian khắc nghiệt chảy trôi theo quy luật của muôn thuở ,vạn vật vì thế không tránh khỏi gót giày của thời gian mà phai tàn theo năm tháng .Chỉ có những tác phẩm nghệ thuật chân chính là kết quả của quá trình" khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có " (Nam Cao) mang đậm ấn tượng nghệ thuật độc đáo người nghệ sĩ ,mới có thể vượt qua quy luật khắc nghiệt ấy để mãi" còn xanh" .

ĐỀ 2.

I.ĐỌC ***(5.0 điểm)***

Đọc văn bản sau:

Con thú lớn nhất

Ngày ấy, ở Hua Tát có một gia đình ngụ cư không biết ở mường nào chuyển đến. Họ dựng nhà ở ngoài rìa bản, chỗ gần rừng ma. Nhà ấy chỉ có hai vợ chồng đều luống tuổi. Họ đi đâu cũng có nhau. Người vợ lúc nào cũng âm thầm, im lặng, suốt ngày không hề thấy nói một tiếng. Người chồng cao lớn, gầy guộc, mặt sắt lại, mũi như mỏ chim. Đôi mắt của lão đục và sâu hoắm, phảng phất những tia lân tinh lạnh lẽo. Người chồng là tay thợ săn cự phách. Khẩu súng kíp trong tay lão như có mắt. Mỗi khi khẩu súng giơ lên, ít khi có chim chóc hoặc thú rừng nào thoát chết. Đằng sau nhà lão, lông chim, xương thú chất đầy thành đống. Những đống lông chim xơ xác đen xỉn như màu mực tàu, còn những đống xương thú màu đá vôi thì lốm đốm những vệt nước tủy vàng khè, hôi hám. Những đống ấy to như những cái mả. Lão thợ săn như là hiện thân thần Chết của rừng. Chim chóc và thú rừng sợ hãi lão. Cánh thợ săn ở Hua Tát vừa ghen tị, vừa bất bình với lão. Lão không tha bất cứ con vật nào trong tầm súng của mình. Có người kể rằng đã tận mắt nhìn thấy lão bắn chết một con công đang múa. Một con công đang múa nhé: cái đầu cong như lá lúa, cái đuôi xòe nửa vòng cung với đủ mầu sắc, tia nắng mặt trời hắt ánh lửa lấp lánh như vàng, đôi chân kheo khéo lươn vòng. Chỉ có tình yêu thì mới lượn vòng tinh tế như thế. Con công đang múa, thế mà – "Đùng" – khẩu súng trong tay lão già giật lên, phụt ra một lưỡi lửa đỏ. Con công ngã gục, cái cánh có ánh cầu vồng ngũ sắc nhòe máu. Vợ lão già đến, khô đét, đen ngòm, âm thầm nhặt con công cho vào cái lếp(l) sau lưng.

Tuy vậy, suốt đời lão già chỉ săn được những con chim, con thú bình thường. Lão già chưa bao giờ săn được con thú lớn ba bốn tạ thịt. Khẩu súng lão chỉ bắn được những con vật nhỏ ngu ngốc. Đấy chính là điều lão già khổ tâm, dằn vặt.. Cả bản Hua Tát xa lánh vợ chồng lão, không ai nói chuyện, chơi bời với gia đình lão. Nhìn thấy vợ

chồng lão, người ta tránh ngoắt đi. Cứ thế, lão thợ săn sống cô đơn bên người vợ âm thầm.

Cuối năm ấy, ở Hua Tát động rừng, cây cối xơ xác, chim chóc trốn biệt, không có dấu chân một con thú nào trong rừng. Chưa bao giờ người Hua Tát sống vất vả đến thế. Người ta đồn là Then (2) bắt đầu trừng phạt. Lão thợ săn ngụ cư kiếm ăn cũng rất khó khăn. Vợ chồng lão lang thang khắp rừng. Lần đầu tiên trong đời lão già gặp phải cảnh này. Ba tuần trăng, khẩu súng của lão không hề được nổ. Lão già dậy từ gà gáy canh ba vác súng đi đến tối mịt. Người vợ gầy của lão không còn đủ sức đi theo chồng nữa. Mụ ở nhà nhóm lửa chờ đợi. Ngọn lửa mụ nhóm như có ma ám, không đỏ mà lại xanh lét như mắt chó sói.

Lần ấy lão già đi vắng cả tuần liền. Người lão mệt lả. Đầu gối lão chùn xuống, các bắp thịt nhão ra tưởng chừng có thể dùng tay bấu được như bấu những con vắt nhẽo bết máu. Lão đã lết khắp nơi mà không gặp gì. Đến một con chim sâu, thậm chí một con bướm lão cũng không thấy. Lão hoang mang sợ hãi. Then đã trừng phạt thế gian như lời người ta đồn đại hay chăng?

Cuối cùng, mệt lả, lão già kiệt sức phải lết về nhà. Đến con suối đầu bản, lão dừng lại nhìn về nhà mình. Nhà lão có ánh lửa, cái ánh lửa xanh lét, chắc là vợ lão vẫn thức đợi chồng. Lão nhắm nghiền đôi mắt đục và sâu hoắm lại. Ngẫm nghĩ một lát, lão lộn lại rừng. Mũi lão đã đánh hơi thấy mùi thú…Lão gặp may thật. Lão đã nhìn thấy nó. Cái con công ấy đang múa. Kìa, đôi chân con công di chuyển nhẹ nhàng về phía bên phải, cái đuôi xòe thành đường tròn lại dịch về phía bên trái, cái ánh xanh gay gắt trên túm lông dầu của nó rực rỡ làm sao! Lão già giương súng lên: – Đùng! Phát súng nổ. Lão nghe thấy tiếng rú thất thanh. Lão chạy lại con thú bị bắn ngã. Đấy là vợ lão. Mụ đi ra rừng đợi lão, tay mụ còn cầm bộ lông chim công.

Lão thợ săn nằm sấp xuống, úp mặt vào vũng máu trên lớp lá mục nồng nồng, ngái và hôi như mùi chuột.

Miệng lão hộc lên như tiếng lợn lòi. Lão nằm thế rất lâu. Mây đen sà xuống thấp, khu rừng tối sẫm, nóng hâm hấp như da người sốt. Gần sáng, lão già .. bỗng đứng phắt dậy nhanh như con sóc. Lão nảy ý định lấy xác vợ lão làm mồi để săn con thú, con thú lớn nhất đời mình. Lão nằm trong bụi cây gần cái xác thối rữa của vợ lão một sải tay, đạn lên nòng, khắc khoải chờ đợi. Nhưng Then đã trừng phạt lão. Không có con thú nào đến với lão, chỉ có cái chết đến với lão.

Ba ngày sau, người ta lôi cái xác còng queo của lão ra khỏi bụi cây. Một vết đạn xuyên qua trán lão. Lão đã bắn được con thú lớn nhất đời mình.

(1) Giỏ đeo, (2)Ông Trời

(Những ngọn gió Hua Tát – *Tuyển tập truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp,* NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2002, tr. 320)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1 Nhân vật chính trong câu chuyện là ai?

Câu 2 Văn bản được kể ở ngôi kể nào?

Câu 3 Nhân vật lão thợ săn được xem là hiện thân của ai?

Câu 4 Chi tiết nào chứng tỏ người chồng *là tay thợ săn cự phách*?

Câu 5 Nguyên nhân cái chết của người vợ lão thợ săn?

Câu 6.Theo em, đâu là con thú lớn nhất (*con công, người vợ hay lão chồng*)? Vì sao?

Câu7 Qua câu chuyện, em rút ra được *thông điệp gì*?

Câu 8 Em có đồng tình với suy nghĩ: *Then đã trừng phạt thế gian* không? Vì sao?

VIẾT *(5.0 điểm)*

Viết một bài văn nghị luận nêu suy nghĩ về tác hại từ *lối sống tham vọng* của con người trong xã hội hiện nay.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC**	**5.0**
	1.1	Nhân vật chính là người chồng – lão thợ săn.	0.5
	1.2	Kể theo ngôi thứ ba toàn tri.	0.5
	1.3	Lão chồng được xem *là hiện thân thần Chết của rừng..*	0.5
	1.4	Là tay thợ săn cự phách, lão có thể bắn được con công đang múa.	0.5
	2.1	Lão thợ săn đã bắn chết vợ mình do lão tưởng nhầm đó là con công đang múa.	0.75
	2.2	Con thú lớn nhất đời của lão thợ săn là chính lão; vì lão đã tự biến mình thành con thú tàn độc nhất.	0.75
	2.3	HS rút ra được thông điệp phù hợp với câu chuyện; gợi ý: + Đừng quá tham vọng, sẽ phải trả giá đắt; đừng quá ảo tưởng về tài năng của mình… + Có những sai lầm khi nhận ra đã muộn, không thể quay lại được. + Sống chan hoà với thiên nhiên, không tàn hại cuộc sống của tự nhiên.	0.75
	2.4	HS có thể đồng tình/ không/ hoặc có ý kiến khác và lý giải hợp lý. Gợi ý: Then không trừng phạt thế gian; + Chính con người phải gánh lấy hậu quả từ những suy nghĩ, hành động của mình. + Gieo nhân nào gặt quả ấy…	0.75
II		**VIẾT**	**5.0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0.5
		***b. Xác định đúng yêu cầu của đề*:** *Lối sống tham vọng của con người và tác hại của nó.*	0.5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. Có thể theo hướng sau:	3.0

		* Giải thích: Tham vọng là những ước muốn, đòi hỏi vượt quá khả năng, giới hạn của bản thân mình; không hiểu rõ chính mình, đánh mất giá trị của bản thân trong cuộc sống. * Bàn luận: Trong cuộc sống, vì sao con người không nên sống tham vọng? Tác hại của lối sống tham vọng. + Bằng mọi giá để đạt được mong muốn của mình, con người không thể đứng vững trước những tác động xấu của cuộc sống. + Bất chấp mọi giá trị, không còn nhận ra những gì phù hợp và cần thiết với mình. + Cuộc sống trở nên nặng nề, u ám, khó thanh thản vì mải chạy theo những điều vượt quá sức mình. * Mở rộng: Sống có khát vọng chứ đừng tham vọng, nhìn rõ bản thân để không sống kiêu ngạo hoặc quá tự ti về bản thân… * Bài học nhận thức và hành động – Nhận thức sâu sắc về tác hại của việc sống tham vọng. – Biết nhìn rõ chính bản thân mình để có lối sống tích cực, có ý nghĩa, mối quan hệ giữa người với người sẽ trở nên tốt đẹp hơn. ***Lưu ý:*** *Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.*	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt	0.5
		***e. Sáng* tạo:** Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ	0.5
Tổng điểm			

ĐỀ 3.

PHẦN 1. ĐỌC HIỂU (4 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Thông lệ hàng năm, những ngày đầu Xuân đình An Trị tổ chức đá gà để tưởng nhớ Tả quân Lê Văn Duyệt, để tống quái những chuyện không vui đã xảy ra trong làng và cũng để nhóm thêm lửa ấm tình làng nghĩa xóm. Tự bao đời, đã thành nếp văn hóa làng. Tổng Lụi cấm đá gà vui Xuân, nghĩa là cấm cái truyền thống do người làng vun đắp, giữ gìn bao thế hệ thì dễ dàng gì, dân làng nín thinh cam chịu!

– Mấy người kéo đến đây mần loạn à?

Tổng Lụi chụp mũ, đe nẹt.

[...]

– Đá gà trong ba ngày Tết, chẳng qua để giải trí. Không giải trí bằng đá gà, thì giải trí bằng trò vui khác. Nhà nước Bảo hộ cấm, Tổng cấm! Việc chi mà ầm ĩ?

Tổng Lụi xuống giọng nhằm làm giảm nhiệt tình thế.

Chú Sáu sấn tới dạy Tổng:

– Trưa mồng Một Tết, đình An Trị mở cửa trường gà và tổ chức đá gà, dâng hương tưởng nhớ Tả quân tướng công. Do lúc sinh thời, Tả quân thích đá gà. Đá gà của Tả quân không vì giải trí, giải khuây mà vì, muốn tỏ rõ năm đức lớn trong một con

gà đá: Văn, Võ, Dũng, Nhân, Tín. Ngài giải thích: "Đầu có mồng, như đội mão là văn. Chân mang cựa nhọn như gươm giáo, là võ. Thấy địch trước mặt xông vào, là dũng. Kiếm được cái ăn, lập tức chia cho đồng loại, là nhân. Hằng ngày, cứ tới đúng giờ thì gáy, là tín". Lúc làm Tổng trấn Gia Định Thành, ngài thường nhắc tướng sĩ: "Năm đức tính đó, chẳng những giúp cho văn thần, võ tướng trong sứ mệnh trị quốc an dân, mà còn giúp thế nhân hành xử đúng đạo làm người…".

(***Theo** Trần Bảo Định, trích truyện **Đá gà – cái thú giải khuây**, trong Đất phương Nam ngày cũ, 2017, NXB Hội Nhà văn*)

Câu 1 (1 điểm). Xác định ngôi kể và điểm nhìn trần thuật của câu chuyện trên.

Câu 2 (0,5 điểm). Em hãy cho biết, câu chuyện trên xoay quanh sự việc chính nào?

Câu 3 (1 điểm). Em hãy cho biết thái độ, quan điểm của người kể chuyện về sự việc trong câu chuyện trên như thế nào? Dựa vào dấu hiệu nào mà em nhận biết được điều đó?

Câu 4 (1,5 điểm). Em có suy nghĩ gì về vai trò bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc thông qua những hoạt động cộng đồng (như lễ hội, trò chơi,…).

PHẦN 2. LÀM VĂN (6 điểm)

Từ nội dung phần đọc hiểu, em hãy viết bài văn nghị luận (500 chữ) bàn về giá trị của các hoạt động văn hóa cộng đồng nơi làng quê.

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4,0**
	1	– Ngôi kể: Ngôi thứ ba. – Điểm nhìn trần thuật: Điểm nhìn toàn tri.	1,0
	2	– Câu chuyện trên xoay quanh sự việc: Tổng một làng đang truyền đạt lệnh cấp của cấp trên về việc dẹp bỏ hoạt động đá gà đầu năm của dân làng An Trị, từ đã dẫn đến những tranh cãi giữa ông Tổng và dân làng. **** Lưu ý:** Học sinh có thể trả lời khác đáp án ở ý tác dụng nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.*	0,5
	3	– Thái độ, quan điểm của người kể chuyện: + Không đồng tình với việc làm của Tổng. + Ca ngợi và tin tưởng vào sự sáng suốt của dân làng, không để truyền thống bị mất đi. + Tâm đắc với văn hóa truyền thống của làng An Trị. **** Lưu ý:** Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.*	1,0
	4	– Có vai trò vô cùng quan trọng, bởi vì đó là lúc để cộng đồng được gắn kết. – Đó là lúc cộng đồng duy trì nền tảng của truyền thống.	1,5

		– Đó là lúc cộng đồng biết ơn và giữ gìn đạo nghĩa của tiền nhân. **** Lưu ý:** Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.*	
I		**VIẾT**	**6,0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: *Giá trị của các hoạt động văn hóa cộng đồng nơi làng quê*	0,25
I		*c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm* Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới: – Văn hóa làng quê là những hoạt động tập tục, sinh hoạt thường được diễn ra tập thể ở những vùng nông thôn nhằm tạo cơ hội gặp gỡ, gắn kết và sẻ chia cùng nhau trong một cộng đồng. Bởi thế, các hoạt động văn hóa làng quê vô cùng quan trọng, gom muôn nhà về một mối, một tâm thức. – Trong tác phẩm của Trần Bảo Định, văn làng quê chính linh hồn của sự sống quê hương. Bởi, con người sống trong một không gian, thời gian ghi dấu của lịch sử, của biết bao con người trong quá khứ đã đổ máu xương. Từ đó, miền đất này chất lứa linh hồn của bậc tiền hiền khai hoang mở cõi, giữ yên miền đất. – Trong tác phẩm của Trần Bảo Định còn gợi ra về giá trị gìn giữ đạo lý con người Nam Bộ trong hoạt động cộng đồng. Đó không chỉ là cái thú để giải trí, để khuây khỏa mà còn là minh triết của con người nơi đây. Nhờ vào hoạt động văn hóa, mà con người có dịp nhắc nhớ mình sống đường hoàng, xứng đáng với nơi mình sinh ra..	4,0
		– Đánh giá chung lại vấn đề: Mọi miền đất đều có văn hóa để giữ gìn tháng năm, để duy trì bản sắc, và để thấu hiểu bản thân mình xuất phát từ đâu. Nhờ vậy, văn hóa cộng đồng trở nên thân thuộc và gần gũi, đồng thời cũng đóng vai trò quan trọng, cấp thiết cần giữ gìn của cuộc sống thôn quê.	0,5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
I			10,0

+ II			

ĐỀ 4.

I. ĐỌC – HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

NHỆN VÀ NGƯỜI

Trần Việt Chiến là con ngựa chiến. Ai cũng thừa nhận như thế, kể cả những người không ưa

Thuở măng non, Chiến đến trường, các giáo viên mẫu giáo đã coi anh như thần đồng. Ngồi ghế tiểu học, Chiến toả sáng như một ngôi sao báo trước với mọi người một tương lai rực rỡ. Lên trung học, Chiến luôn đứng đầu khối, xuất sắc tất cả các môn. Chưa hết, Chiến còn là học sinh giỏi cấp quốc gia. Thi vào đại học, Chiến đỗ thủ khoa cùng lúc hai trường. Bốn năm sau, Chiến hoàn tất văn bằng kĩ sư điện toán với thứ hạng cao nhất. Nhà trường giữ anh lại làm cán bộ phụ giảng một thời gian rồi gửi đi du học. Bốn năm sau, Chiến mang về văn bằng tiến sĩ hạng tối ưu.

Ngoài chuyện khoa bảng, Chiến còn được trời phú cho một số năng khiếu khác – hát hay, vẽ giỏi và hùng biện. Nhưng lắm tài thì nhiều tật. Tật thứ nhất của Chiến là bướng bỉnh. Sau ngày về nước, anh quyết liệt không trở lại trường đại học mà xin vô một tổng công ty. Tật thứ hai của Chiến là bừa bãi. Các vật dụng của anh la liệt tuỳ tiện trong nhà ngoài ngõ, có lẽ do chủ nhân ỷ vào khả năng lưu trữ tư liệu của mình còn hơn bộ nhớ của máy điện toán. Tật thứ ba của Chiến là thích sống đời đơn độc – đơn độc chứ không cô độc, cũng chị này em nọ nhưng chưa thấy đỗ lại bến nào.

Nhất nhân nhất hộ, anh hãnh hách đến cực đoan, không những người mà các loài khác cũng khó chung nhà chung cửa.

***(Lược một đoạn:** Trong công việc cũng nhờ tài năng của mình mà Chiến có thể đ ứng ở những bộ phận rất cao, nhưng lại không thể thăng tiến. Đổi lại với anh là những chuyến đi công tác xa nhà.)*

Sau một chuyến đi dài ngày, Chiến về lại nhà. Tắm táp xong, anh lao vào giường nằm chờ giấc ngủ nhưng không chợp mắt được. Bình thường, trong những trường hợp như thế, anh với tay lên đầu giường, kéo xuống một tập gì đó và đọc. Nhưng hôm nay, những hợp đồng kinh tế, những biên bản hội họp, những báo cáo dài dằng dặc, khiến anh chán chữ nghĩa. Mặc cho chúng nhắm mở tuỳ thích! – Anh tự nhủ. Nhưng khi nhìn lên trần mùng, mắt anh bắt gặp một vật lạ. Cái gì thế nhỉ? Một chiếc lá khô lơ lửng giữa mùng màn trắng xoá. Anh chớp mắt. Một chiếc lá khô từ vườn chui qua hai lớp cửa len vào mùng ta? Không bao giờ! Anh cuộn mình ngồi dậy, lần tới. Không phải lá, một con nhện rằn to tướng với những chân dài và những khoanh bụng ánh bạc. Nhìn kĩ, nhện ta đang an nhiên tọa thị giữa cái mạng tơ nõn mỏng manh. Đồ ngu! – Ngắm nghía một lúc, anh rủa thầm, nằm trở lại – Rõ ràng chú mày bủa lưới săn mồi. Nhưng có gì trong cái mùng này mà săn! Chợt nhớ một bức biếm hoạ vẽ một người câu cá giữa sa mạc, anh thích chí cười ha hả.

Tối đến, sau khi xem xong chương trình truyền hình, Chiến vào giường. Vừa ngã người nhìn lên, anh lại bắt gặp con nhện với cái mạng tơ bùng nhùng. Vậy là chú mày dám ngang nhiên chung chạ với ta, áp tận đến nơi nghỉ ngơi. Ngứa mắt, anh muốn bắt giết ngay con nhện. Nhưng chợt nghĩ lại, sá gì một con vật nhỏ nhoi thế kia mà mình

phải nhọc sức. Lại nữa, phải cho nó chết đói dần mòn mới xứng với cái ngu có một không hai! Đợi đấy! Số mày đã tận, nhưng ta thề chẳng bao giờ động thủ. Anh nằm im và khởi sự chờ đợi con nhện chết. Và mỗi ngày hai bận, anh chờ đợi như thế suốt cả tuần nay. Nhưng nhện ta vẫn ngang nhiên tồn tại.

Rồi một chuyến công tác lưu động khác, Chiến tấn kĩ bốn phía mùng, chốt chặt các cửa trước khi đi. Tuy bận rộn nhưng mỗi khi có dịp nghỉ ngơi anh lại nghĩ tới nhện và hong hóng được thấy nó chết. Có lẽ cái ác trong anh kích thích. Anh nôn nao trên đường về nhà. Chú mày đã trắng mắt ra chưa? Áo thay chưa kịp cài nút, anh háo hức lao vào giường. Bắt chéo hai tay làm gối, anh hả hê căng mắt nhìn lên. Tuy có gầy đi nhưng nhện ta vẫn lì lợm sống! Thay vào phần hao hớt, một bọc trắng tròn trịa bằng cái nắp chai lủng lẳng trước mặt. Thì ra một quý bà! Nhưng sao đã không chết lại còn đẻ a?

Chiến quỳ thẳng người lên, muốn bứt tung màng tơ, bóp nát cái bọc trứng. Nhưng trời ạ, ngay trước mắt anh, bên kia cái màng tơ, một lỗ thủng – chỗ hợp ba góc của mỗi vuông vải. Với đôi mắt tinh và sáng như sao, Chiến nhận ra một đàn muỗi đang vo ve bên ngoài rồi lần lượt từng con chui qua cái lỗ ấy và dính ngay vào mạng. Đúng là một cái bẫy – một cái bẫy rất hiệu nghiệm! Vô vàn cánh muỗi lấp lánh. Nhưng mồi đâu mà nhử? – Anh hỏi rồi nhìn xuống người mình. Hèn gì! – Chiến giật mình.

Từ ấy, Trần Việt Chiến hết muốn làm con ngựa chiến.

(Trần Duy Phiên. Tạp chí Sông Hương, số 284, ngày 16/10/2012)

** Tác giả:*

***Nhà văn Trần Duy Phiên** sinh năm 1942, tại Huế. Ông đến với văn chương khi còn đang theo học tại trường Đại học Sư phạm và Đại học Văn khoa Huế từ những năm 60 của thế kỉ XX, sớm tạo ấn tượng với một phong cách văn phong "sắc cạnh và bạo liệt khi miêu tả cái ác và sự thảm khốc của chiến tranh" (Huỳnh Như Phương). Tốt nghiệp đại học, Trần Duy Phiên lên dạy học ở Kon Tum và đây là mảnh đất ông đã gắn bó suốt 40 năm, trở thành quê hương thứ hai của nhà văn. Sau năm 1975, Trần Duy Phiên nghỉ dạy học, bươn chải nhiều nghề để kiếm sống. Từ khoảng giữa thập niên 80, Trần Duy Phiên sáng tác trở lại và xuất bản một số tác phẩm gây được chú ý. Nhiều sáng tác của Trần Duy Phiên mang đậm tư tưởng sinh thái, thể hiện cái nhìn mới về mối quan hệ của con người với thiên nhiên. Trong số đó có bộ ba truyện ngắn: Kiến và người, Mối và người, Nhện và người.*

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Tóm tắt các sự kiện chính được kể trong văn bản trên..

Câu 2. Phân tích hiệu quả của hiện tượng đảo trật tự từ trong câu văn sau: "*Ngứa mắt, anh muốn bắt giết ngay con nhện.*"

Câu 3. Việc tác giả kể về những thành tích nổi bật của Trần Việt Chiến trong phần (1) tác phẩm nhằm mục đích gì?

Câu 4. Phân tích, làm rõ ý nghĩa chi tiết Chiến nhận ra lỗ thủng ở góc mùng – phía sau mạng nhện.

Câu 5. Chỉ ra và nhận xét về nét đặc sắc về nghệ thuật kể truyện của truyện ngắn trên?

Câu 6. Qua văn bản trên, em rút ra bài học gì về cuộc sống?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Em hãy viết một bài văn nghị luận (500 chữ) về tính kiêu ngạo được đặt ra trong truyện ngắn "*Nhện và người"* của Trần Duy Phiên.

HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		**ĐỌC HIỂU**	
	1	**Các sự kiện chính của truyện:** – Chiến là nhân vật tài giỏi xuất chúng, nhưng không ai ưa. – Chiến phát hiện trong mùng ngủ của mình có con nhện nhưng anh không bóp chết nó. Chiến chờ con vật ngốc nghếch tự chết vì đói và hồi hộp theo dõi. – Sau một chuyến công tác, Chiến thấy con vật không chết mà còn đẻ trứng. Chiến nhận ra, mình chính là mồi nhử để con nhện kiếm ăn. Từ đó Chiến không còn là con ngựa chiến nữa.	**1.0**
	2	**Hiện tượng đảo trật tự từ trong câu: "*Ngứa mắt, anh muốn bắt giết ngay con nhện."* có tác dụng:** – Làm cho cách diễn đạt giàu tính biểu cảm – Nhấn mạnh đến thái độ chán ghét của nhân vật với con nhện	**1.0**
	3	**Việc kể về những thành tích nổi bật của Trần Việt Chiến trong phần (1) nhằm mục đích:** – Tạo ra sự đối lập với phần (4) của văn bản. Ở phần (1) Chiến là một con ngựa chiến cao ngạo. Ở phần (4), với việc phát hiện mình là con mồi để nhện kiếm ăn, Chiến nhận ra sự thất bại thảm hại của mình trước sinh vật nhỏ bé. Từ đó Chiến không muốn làm ngựa chiến nữa. – Sự đối lập góp phần thể hiện chủ đề của truyện.	**1.0**
	4	Ý nghĩa chi tiết Chiến nhận ra lỗ thủng ở góc mùng – phía sau mạng nhện: – Tạo nên sự bất ngờ, tăng sức hấp dẫn cho truyện – Là điều kiện tiên quyết để nhân vật nhận thức được cuộc sống và bản thân. Qua đó, giúp nhân vật nhận ra sai lầm của bản thân – tự phụ, kiêu ngạo. -> Đây là chi tiết đắt giá giúp tác giả truyền tải được thông điệp quan trọng nhất của tác phẩm "Không kiêu căng tự phụ, không	**1.0**

		coi thường	

		người khác – một người dù là tầm thường nhất cũng có thể cho ta những bài học quý giá".	
	5	**Đặc sắc nghệ thuật:** Khắc họa, miêu tả tâm lý nhân vật. Tính cách của nhân vật Chiến chủ yếu được khắc họa qua độc thoại nội tâm và miêu tả tâm lý. Tác giả sử dụng độc thoại nội tâm ở nhiều đoạn để làm nổi bật thế giới tâm hồn của nhân vật như: – Khi nhìn thấy con nhện trong mùng chiến tự nhủ thầm: *"Đồ ngu! – Ngắm nghía một lúc, anh rủa thầm, nằm trở lại – Rõ ràng chú mày bủa lưới săn mồi. Nhưng có gì trong cái mùng này mà săn! Chợt nhớ một bức biếm hoạ vẽ một người câu cá giữa sa mạc, anh thích chí cười ha hả."* – Khi chiến tự tin chờ đợi cái chết của con nhện để anh ta tự mãn sự thông thái của mình : "*Vậy là chú mày dám ngang nhiên chung chạ với ta, áp tận đến nơi nghỉ ngơi. Ngứa mắt, anh muốn bắt giết ngay con nhện. Nhưng chợt nghĩ lại, sá gì một con vật nhỏ nhoi thế kia mà mình phải nhọc sức. Lại nữa, phải cho nó chết đói dần mòn mới xứng với cái ngu có một không hai! Đợi đấy! Số mày đã tận, nhưng ta thề chẳng bao giờ động thủ"* -> thể hiện rõ sự kiêu căng tự phụ của Chiến – Cuối cùng là sự thức tỉnh của Chiến khi nhận ra sự thông minh khó tin của con nhện: *Đúng là một cái bẫy – một cái bẫy rất hiệu nghiệm! Vô vàn cánh muỗi lấp lánh. Nhưng mồi đâu mà nhử? – Anh hỏi rồi nhìn xuống người mình. Hèn gì!"* -> Như vậy, có thể thấy, chính nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật độc đáo đã lột tả hết được tính cách nhân vật và qua đó thể hiện được tư tưởng nhân sinh của tác phẩm	**1.0**
	6	**Gợi ý bài học rút ra từ tác phẩm:** – Sự kiêu căng, ngạo mạn chỉ khiến con người trở nên đơn độc, không thể hòa hợp với đời sống xung quanh. – Nhân loại chỉ là một phần của thế giới tự nhiên. Tư tưởng coi con người là chủ nhân của vũ trụ làm cho con người trở nên kiêu ngạo, đắc thắng, ích kỉ, thậm chí ác độc trong mối quan hệ với muôn loài.	**1.0**

		– Hãy tôn trọng tự nhiên, sống bình đẳng, hài hoà với tự nhiên.	
II		**VIẾT**	**4.0**
		Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (500 chữ) về tính kiêu ngạo được đặt ra trong truyện ngắn "*Nhện và người"* của Trần Duy Phiên.	
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức của bài văn nghị luận về một vấn đề	**0.5**

		được rút ra từ tác phẩm văn học.	
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Tính kiêu ngạo của con người	**0.5**
		c. Triển khai vấn đề nghị luận: Học sinh có thể vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, đảm bảo hợp lí, thuyết phục, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật; có thể triển khai theo hướng sau: * Phân tích văn bản *Nhện và người* để rút ra vấn đề tư tưởng cần bàn luận: tính kiêu ngạo. * Nghị luận về tính kiêu ngạo: 1. Giải thích: – Kiêu ngạo là tự đánh giá quá cao khả năng và thành tích của mình, luôn nghĩ mình hơn người khác. – Kiêu ngạo là một thói xấu của con người. 2. Phân tích – Biểu hiện: + Luôn cho mình là nhất, không ai sánh bằng. + Bảo thủ, bảo vệ những ý kiến của bản thân, luôn cho chúng là đúng mà không quan tâm đến ý kiến của những người xung quanh. + Thích những thứ hào quang hư ảo, ưa nịnh bợ, tâng bốc. – Tính kiêu ngạo xuất phát từ tầm hiểu biết hạn hẹp của con người. – Tác hại: + Mất đi thiện cảm của những người xung quanh, bị người khác xa lánh, không được tin tưởng, tín nhiệm. + Tự đưa mình vào tình trạng bị cô lập, không nhận được sự giúp đỡ, tương trợ của người khác. + Không đánh giá chính xác khả năng của bản thân và của người khác, dễ dẫn đến thất bại.	**2.25** 0.75 0.5 0.5

		+ Sự kiêu ngạo, thói tự cao sẽ kéo theo những đức tính xấu khác như sự ích kỉ, bảo thủ,… – Nếu con người bỏ được tính kiêu căng và tự mãn sẽ trở nên khiêm tốn, đáng yêu, nhận được sự yêu quý của mọi người xung quanh, cuộc sống của họ sẽ trở nên tốt đẹp hơn và cộng đồng cũng trở nên tốt đẹp hơn. – Chứng minh Học sinh tự lấy dẫn chứng từ đời sống hoặc từ tác phẩm văn học. 3. Bài học nhận thức và hành động	0.5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	**0.25**
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	**0.5**

ĐỀ 5.

I.ĐỌC HIỂU (6.0 điểm) Đọc văn bản sau:

PHỞ

Phở ăn bất cứ vào giờ nào cũng đều thấy trôi cả. Sớm, trưa, chiều, tối, khuya, lúc nào cũng ăn được. Trong một ngày ăn thêm một bát phở, cũng như lúc trò chuyện ăn giọng nhau mà pha thêm một ấm trà, cùng thưởng thức với bạn bè. Hình như không ai nỡ từ chối một người quen rủ đi ăn phở. Phở giúp cho người thanh bạch đủ điều kiện biểu hiện lòng thành theo với bầu bạn nó hợp với cái túi nhỏ của mình. Phở còn tài tình ở cái chỗ là mùa nào ăn cũng thấy có nghĩa thâm thúy. Mùa nắng, ăn một bát, ra mồ hôi, gặp cơn gió nhẹ chạy qua mặt qua lưng, thấy như giời quạt cho mình. Mùa đông lạnh, ăn bát phở nóng, đôi môi tái nhợt chợt thắm tươi lại. Trong một ngày mùa đông của người nghèo, bát phở có giá trị như một tấm áo kép mặc thêm lên người. Đêm đông, có người ăn phở xong, tự coi như vừa nuốt được cả một cái chăn bông và tin rằng có thể ngủ yên đến sáng, để mai đi làm khoẻ. […].

Phở cũng có những quy luật của nó. Như tên các hàng phở, hiệu phở. Tên người bán phở thường chỉ dùng một tiếng, lấy ngay cái tên cúng cơm người chủ hoặc tên con mà đặt làm tên gánh, tên hiệu, ví dụ phở Phúc, phở Lộc, phở Thọ, phở Trưởng ca, phở Tư … Có khi một cái tên tật nguyền trên thân thể người bán phở được cảm tình quần chúng thân mật nhắc lại thành một cái tên hiệu : phở Gù, phở Lắp, phở Sứt … cái khuyết điểm trên hình thù ấy đã chuyển thành một cái uy tín trong nghề bán miếng chín mà lưu danh một thời trên cửa miệng những người sành. Quần chúng nhân dân, nhất là nhân dân Hà Nội có nhiều sáng kiến để đặt tên cho những người họ yêu tin […]

[…] Hương vị phở vẫn như xa xưa, nhưng cái tâm hồn người ăn phở ngày nay, đã sáng sủa và lành mạnh hơn nhiều … Ngày trước, anh hàng phở có tiếng rao, có người rao nghe quạnh hiu như tiếng bánh dày giò đêm đông tội lỗi trong ngõ khuất; có người rao lên nghe vui rền. Tại sao, bây giờ Hà nội vẫn có phở, mà tiếng rao lại

vắng hẳn đi? Có những lúc, tôi muốn thu thanh vào đĩa, tất cả những cái tiếng rao hàng quà rong của tất cả những thứ quà rong, của tất cả những thư quà miếng chín trên toàn cõi quê hương chúng ta. Những tiếng rao ấy, một phần nào vang hưởng lên cái nhạc điệu sinh hoạt chung của chúng ta đấy.

[...] Đêm Hà nội, nay thức khuya nhất vẫn là những hiệu phở [...] Và cái món ăn Hà Nội đầu tiên...vẫn là cái món phở ngày xưa chúng ta vẫn ăn đủ cả rau mùi hành hoa đủ chua cay và sôi sùng sục. Tôi biết ở Nam Bộ vẫn có phở, phở hủ tíu, nhưng bát phở Bắc ăn ở đầu hè di cư không bao giờ có thể ngon được bằng bát phở cổ truyền Hà Nội ăn ngay bên lò than quả bàng đỏ lửa giữa ngàn năm văn vật này.

(Trích tùy bút *Phở* – Nguyễn Tuân, Báo Văn số 1, 10-5-1957, và số 2, 17-5-1957. In lại trong *Cảnh sắc và hương vị đất nước,* NXB Tác Phẩm Mới, 1988)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích..

Câu 2. Phở được nhìn nhận trong đoạn trích trên mấy phương diện? Đó là những phương diện nào?

Câu 3. Theo tác giả, Phở có những quy luật của nó. Quy luật đó được thể hiện như thế nào?

Câu 4. Vì sao khi nhận xét về tiếng rao hàng phở rong, tác giả cho rằng: *"Những tiếng rao ấy, một phần nào vang hưởng lên cái nhạc điệu sinh hoạt chung của chúng ta đấy"?*

Câu 5. Theo em, tình cảm mà tác giả bộc lộ đối với phở Hà Nội là những tình cảm gì?

Câu 6. Cảm hứng chủ đạo trong Phở là gì?

Câu 7. Em có đồng ý với tác giả về việc thưởng thức Phở trong đoạn văn *"Phở còn tài tình ở cái chỗ là mùa nào ăn cũng thấy có nghĩa thâm thúy... như một tấm áo kép mặc thêm lên người"* không? Vì sao?

Câu 8. Trong những nét đẹp văn hóa Việt Nam mà em được biết, được thấy ấn tượng nhất là điều gì? Vì sao?

II.VIẾT (4,0 điểm)

CÁI KÉN VÀ CON BƯỚM

Một người đàn ông tìm thấy một cái kén của sâu bướm. Con sâu dường như đang cố gắng để chui ra khỏi kén. Người đàn ông ngồi xuống và quan sát cái kén suốt hàng giờ nhưng dường như con sâu bướm phải vật lộn rất vất vả mà chỉ tạo ra được một chiếc lỗ nhỏ xíu. Đột nhiên nó dừng lại và dường như kiệt sức, bế tắc. Người đàn ông quyết định giúp con bướm có thể chui ra ngoài bằng cách dùng kéo cắt lỗ trên chiếc kén rộng thêm một chút nữa. Sau đó, con bướm nhỏ đã có thể thoát ra khỏi kén dễ dàng hơn nhưng cơ thể nó dường như yếu ớt, đôi cánh rúm ró.

Người đàn ông vẫn ở đó, chờ cho đôi cánh bướm có thể dang rộng và con bướm bay lên. Tuy nhiên, điều đó không bao giờ xảy ra. Con bướm sẽ chỉ có thể sống phần đời con lại bằng cách bò với cơ thể khuyết tật và đôi cánh rúm ró. Nó không bao giờ có thể bay, Mặc dù, người đàn ông có lòng tốt, nhưng anh ta không hiểu quy luật của tự nhiên. Cái kén chật hẹp là thử thách để sâu có thể hóa bướm. Chỉ có tự mình nỗ lực thoát khỏi cái kén, chất lỏng trong cơ thể sâu mới chuyển hết sang đôi cánh, giúp nó có thể bay tự do. Cuộc chiến với cuộc sống giúp chúng ta phát triển sức mạnh. Không

đấu tranh, chúng ta không bao giờ trưởng thành và mạnh mẽ hơn. Tự mình giải quyết các vấn đề, không dựa dẫm vào người khác là điều rất quan trọng để bạn có thể vững vàng trong cuộc sống.

(Trích *Quà tặng cuộc sống*)

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 từ) trình bày ý kiến của em về vấn đề gợi ra từ câu chuyện trên.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6,0**
	1	Thuyết minh	0.5
	2	– Phở được nhìn nhận trên 3 phương diện chính. – Đó là các phương diện sau: + Thời gian thích hợp để ăn phở *(Phở ăn bất cứ vào giờ nào cũng đều thấy trôi cả. Sớm, trưa, chiều, tối, khuya, lúc nào cũng ăn được)* + Những quy luật riêng của món phở thể hiện trong tên gọi hiệu phở *(Tên người bán phở thường chỉ dùng một tiếng, lấy ngay cái tên cúng cơm người chủ hoặc tên con mà đặt làm tên gánh, tên hiệu)* + Tiếng rao bán phở thể hiện được hồn cốt của văn hóa dân tộc nhưng hiện đã mai một đi ít nhiều *(bây giờ Hà Nội vẫn có phở, mà tiếng rao lại vắng hẳn đi*	0.5
	3	Theo tác giả, Phở có những quy luật của nó. Quy luật đó được thể hiện: *Như tên các hàng phở, hiệu phở. Tên người bán phở thường chỉ dùng một tiếng, lấy ngay cái tên cúng cơm người chủ hoặc tên con mà đặt làm tên gánh, tên hiệu, ví dụ phở Phúc, phở Lộc, phở Thọ, phở Trưởng ca, phở Tư … Có khi một cái tên tật nguyền trên thân thể người bán phở được cảm tình quần chúng thân mật nhắc lại thành một cái tên hiệu : phở Gù, phở Lắp, phở Sứt …*	0.5
	4	Nhận xét về tiếng rao hàng phở rong, tác giả cho rằng: *"Những tiếng rao ấy, một phần nào vang hưởng lên cái nhạc điệu sinh hoạt chung của chúng ta đấy"* vì: món ăn thể hiện lối sinh hoạt của từng giai đoạn.	1.0
	5	Tình cảm mà tác giả bộc lộ đối với phở Hà Nội là những tình cảm quý mến, thân thuộc với món phở Hà Nội, đó là một món ăn thấm đượm tinh thần dân tộc.	1.0
	6	– Cảm hứng chủ đạo: Tự hào, trân trọng về món Phở, ẩm thực dân tộc như một công trình nghệ thuật – một đỉnh cao văn hóa dân tộc.	1.0
	7	– HS lựa chọn đồng tình hoặc không đồng tình và lý giải thuyết	1.0

		phục. *Gợi ý:* Đồng tình, vì: -Theo tác giả, món Phở ăn mùa nào cũng thấy có ý nghĩa thâm thúy vì: + Mùa nóng, ăn phở, ra mồ hôi, gặp gió sẽ mát hơn. + Mùa lạnh, ăn phở, đôi môi tái nhợt, tươi thắm lại, tức ấm hơn. + Mùa đông: bát phở như tấm áo kép cho người nghèo. Như vậy, ý nghĩa thâm thúy ở đây được hiểu là: Phở đem đến lối sống thuận tự nhiên cho con người, che chở, bảo vệ con người trong đời sống. Thưởng thức phở thực chất là trải nghiệm nghệ thuật sống trong cuộc đời.	
	8	Học sinh có thể tự do kể lại trải nghiệm và những cảm nhận của mình về văn hóa Việt Nam để lựa chọn ra một nét đẹp mà mình ấn tượng nhất. Giải thích nguyên nhân một cách giản dị, trung thực, trong sáng, tránh cường điệu hóa cảm xúc của mình.	0.5
II		**VIẾT**	**4,0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận XH Mở bài giới thiệu được vấn đề cần NL, thân bài triển khai được nội dung cần nghị luận, kết bài khái quát được vấn đề nghị luận.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Khó khăn thử thách là cơ hội, giá đỡ để con người tồn tại trưởng thành và để đạt được thành công. Sự giúp đỡ là đáng quý, nhưng giúp đỡ không đúng nơi đúng lúc sẽ làm phản tác dụng và gây hại cho người được giúp.	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần căn cứ vào vấn đề nghị luận để có thể xác định nội dung, hình thức cho bài văn NLXH. Dưới đây là một vài gợi ý: **– *Tóm tắt câu chuyện:*** Chuyện kể về một người đàn ông tìm thấy cái kén bướm khó khăn chui qua cái lỗ nhỏ. Người đàn ông định giúp chú bướm nhỏ. Ông lấy kéo rạch cho cái lỗ to thêm. Chú bướm dễ dàng thoát ra khỏi cái kén. Nhưng thân mình nó sưng phồng lên, đôi cánh thì nhăn nhúm. Và từ đấy chú bướm đã phải bò loanh quanh suốt quãng đời còn lại với đôi cánh nhăn nhúm và thân hình sưng phồng. Nó chẳng bao giờ có thể bay được. Thông qua sự việc người đàn ông và cái kén bướm, ta rút ra được một quy luật tự nhiên cũng như quy luật xã hội: Khó khăn thử thách là cơ hội, giá đỡ để con người tồn tại trưởng thành và để đạt được thành công. Sự giúp đỡ là đáng quý, nhưng giúp đỡ không đúng nơi đúng lúc sẽ làm phản tác dụng và gây hại cho người được giúp. => Từ câu chuyện đặt ra hai vấn đề:	2,5

		+ Những khó khăn thử thách trong cuộc sống chính là cơ hội cho con người tự rèn luyện, phấn đấu vươn lên để khẳng định bản thân và tự hoàn thiện mình. (ý chính) + Lòng tốt nếu không thể hiện đúng cách, đúng chỗ có thể gây ra những hậu quả, những hệ lụy nghiêm trọng (ý phụ). ***– Bàn luận:*** **** Tại sao những khó khăn thử thách trong cuộc sống là những cơ hội cho con người vươn lên?*** – Khó khăn thử thách buộc con người phải phấn đấu không ngừng; khó khăn thử thách rèn cho con người bản lĩnh,ý chí; khó khăn nhiều khi là động lực khích lệ 1con người hành động… Khi vượt qua thử thách, con người sẽ trưởng thành hơn (dẫn chứng). – Nêu không có khó khăn thử thách, con người sẽ ỷ lại, không có môi trường để rèn luyện, phấn đấu, không có động lực để vươn lên… (dẫn chứng). **** Tại sao lòng tốt không thể hiện đúng cách, đúng chỗ có thể gây ra những hậu quả, những hệ lụy nghiêm trọng?*** – Lòng tốt rất cần trong cuộc sống… – Những lòng tốt phải thể hiện đúng cách, đúng chỗ, đúng lúc, hợp hoàn cảnh thì mới có tác dụng… (dẫn chứng). ***– Bài học nhận thức và hành động:*** – Mối quan hệ giữa khó khăn và sự trợ giúp… – Liên hệ bản thân. c. Kết bài: – Khẳng định ý nghĩa của vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm.	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.5
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0.5
Tổng điểm			**10.0**

ĐỀ 6.

I.Phần đọc (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Ba đi làm về thấy bà già ngồi chình ình giữa nhà, ngay bộ bàn trà, một con mèo xám vắt ngang vai, và mẹ thì quỳ dưới bà ta, ôm bàn chân gầy như cọng củi vào lòng, cắt giữa những cái móng dài tựa phù thủy trung cổ trong tranh vẽ.

Đó là một bà già mặt nhàu nếp gấp, mầu da cũ mốc chừng như sắp thiu ôi, chỉ cặp mắt đôi khi lóe lên một tia nhìn lơ vơ, khó tả. Nó chẳng biểu lộ ý nghĩ nào ngoài việc phát ra tín hiệu còn chút sự sống trong cái xác khô không. Nghe tiếng ba bỏ giày ở cửa, mẹ vẫn không quay người nhìn, nói:

– Chồng con đó má. Ảnh đẹp trai hén!

Bà già không ra vẻ phản đối hay đồng tình, chỉ giương mắt đục ra ngó rồi lại tiếp tục lim dim tận hưởng sự nuông chiều, không một chút mặc cảm. Mẹ kể sáng đi chợ về thì thấy bà già đứng dựa cửa nhà đụt mưa, nhưng nước đã tạt ướt sũng ống quần, thấy tội nên mẹ mời bà vào nhà ngồi cho đỡ lạnh. Một hồi nghe thức ăn trong bếp dậy mùi, bà già kêu, "bây à, má đói".

– Nghe thương đứt ruột.

Ba phát hiện ra mẹ không chỉ cho má ăn, còn tắm táp, kỳ cọ, cho bà mặc quần áo của mình. Bộ đồ rách tã kia mẹ đem giặt, phơi trên sào, đã thôi rỏ nước. Kéo mẹ ra một góc, ba thầm thì, coi chừng dân trộm cắp bất lương. Mẹ cười, "má không làm vậy với mình đâu". Chữ "má" làm ba không thốt nên lời.(1)

Đêm đó mẹ nằm bên ba mà cứ bận tâm tới bà già với con mèo ngoài phòng khách. Không biết má nằm đất có bị đau mình không. Nghĩ má lạ chỗ ngủ không yên, mẹ ôm Bi và Quới ra ngủ chiếu với bà, cả bọn rầm rì quá nửa đêm. Không biết họ nói những gì mà bà già còn hứng chí ca, "sắm được sào dài sông bỗng cạn queo/mưa dầm nắng lửa mình ên chống chèo". Giọng the thé, lẫn trong tiếng mèo phụ họa, nghe rợn. (2)

Má ở lại một đêm rồi biến mất. Bộ đồ mẹ đưa má mặc đỡ cũng được xếp thẳng nếp, đặt trên ghế dựa. Không lấy đi bất cứ thứ gì, bà già còn để lại con mèo tên Chó. Mẹ buồn suốt cả tuần sau đó, cứ thắc thỏm không biết má đi đâu, đang giữa mùa mưa dầm dề. Nghe giọng bao dung như thể nếu bà già ở lại, mẹ sẽ nuôi luôn.(3)

Khoảng thời gian ít ỏi bà già ghé qua, chẳng lưu lại gì ngoài những cọng tóc rơi trong phòng tắm, mà hôm sau khi làm công việc cọ rửa, mẹ đã dọn sạch. Sẽ giống một giấc mơ, nếu không có con mèo xám. Tính khí tự nhiên y hệt bà già, nó mạnh dạn đi lại trong nhà không một chút bỡ ngỡ, cả hành động nhảy vào nôi nằm dưới chân Bi ngủ, như quen thuộc lâu rồi. Tuyệt không thấy con vật ngó ra cửa trông chủ cũ, chừng như bụi mưa ngoài đó, mặt đường ướt nhoét làm nó ớn. (4)

Bỗng dưng ba có cảm giác, bà già vẫn ở lởn vởn đâu đây, qua cách mẹ bồn chồn ngó mây kéo bầy, những lần đưa nhau đi chơi phố đột nhiên mẹ bảo ba dừng xe, gửi Bi lại để chạy theo một người nào đó, rồi trở lại với vẻ mặt thất vọng. Một bữa bắt gặp con Chó (thật ra là mèo) đang thè lưỡi liếm bột ăm dặm trên miệng Bi, ba nổi khùng kêu mẹ liệng con mèo (tên Chó) đi phứt cho rồi. "Đâu được, của má đó, biết đâu má lại về tìm nó", mẹ cười, xoa đầu con vật. Nghe giọng, khó biết mẹ đang nói về bà già lang thang, mà đến cái tên thật của bà ta mẹ cũng còn ngơ ngác.(5)

(Trích *Vực không đáy* in trong tập truyện ngắn *Không ai qua sông* của Nguyễn Ngọc Tư, NXB Trẻ, 2016, tr.5-8)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Câu chuyện được kể từ ngôi kể nào? Qua điểm nhìn của ai? Việc lựa chọn ngôi kể và điểm nhìn như vậy có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm?

Câu 2: Nhận biết và phân tích sự kết hợp giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật trong đoạn (1) của văn bản.

Câu 3: Phân tích ý nghĩa chi tiết diễn tả hành động của nhân vật người mẹ trong câu văn sau: *Ba phát hiện ra mẹ không chỉ cho má ăn, còn tắm táp, kỳ cọ, cho bà mặc quần áo của mình. Bộ đồ rách tã kia mẹ đem giặt, phơi trên sào, đã thôi rỏ nước.*

Câu 4: Phân tích và đánh giá một thông điệp tiêu biểu mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

Câu 5: Bằng trải nghiệm văn học của mình, em hãy so sánh văn bản trên với một văn bản khác cùng đề tài để tìm ra điểm giống và khác nhau giữa hai văn bản.

Câu 6: Tìm và phân tích tác dụng của hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong trường hợp sau:

Lom khom dưới núi, tiều vài chú,
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.
(Trích *Qua Đèo Ngang* – Bà Huyện Thanh Quan)

Phần viết (4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn nghị luận về lòng trắc ẩn của con người trong cuộc sống được gợi ta từ đoạn trích trong truyện ngắn *Vực không đáy* của Nguyễn Ngọc Tư.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Thang điểm
I	**ĐỌC – HIỂU**		**6,0**
	1	– Ngôi kể thứ 3 – Điểm nhìn của đứa con, ba, mẹ, bà già – Tác dụng: Tạo tính khách quan, cái nhìn đa chiều…	0,25 0.5 0.25
	2	– Lời người kể chuyện: *Ba đi làm về ….* – Lời nhân vật má: *Chồng con đó. Ảnh đẹp trai hén.* *Nghe thương đứt ruột.* *Má không làm vậy với mình đâu* – Lời nhân vật bà già: *Bây à, má đói* – Sự kết nối giữa lời người kể chuyện với lời nhân vật tạo nên sự hấp dẫn, sinh động, lôi cuốn, độc đáo, chân thực. Người đọc dễ hình dung cảm xúc, thái độ của nhân vật, linh hoạt…	0,25 0.25 0.25 0.25
	3	– Chi tiết diễn tả hành động: *Mẹ cho má ăn, tắm táp, kì cọ, cho bà mặc quần áo của mình. Đồ rách đem giặt phơi trên sào.* – Phân tích ý nghĩa hành động: Thể hiện tính cách nhân vật, làm rõ chủ đề tư tưởng của tác phẩm giúp ta hình dung người mẹ chăm sóc bà già nhiệt tình, nhẹ nhàng, chu đáo, tử tế, bao dung, tràn đầy sự thương cảm, chân thành. Coi bà già như mẹ của mình…	0.25 0.75
	4	– *Chỉ ra 1 thông điệp: Hãy sống tử tế, nhân văn, thấu cảm, đặt niềm tin vào người khác…* – *Phân tích đánh giá ý nghĩa:Đây là thông điệp có giá trị, ý nghĩa thiết thực. Nâng đỡ tinh thần con người, xoa*	0.5 0.5

		dịu nỗi đau, hành động nghĩa cử nhỏ nhưng có ý nghĩa lớn, tạo ra giá trị sống…	
	5	– So sánh với *Truyện Kiều* hoặc *Đôc Tiểu Thanh kí* của Nguyễn Du… – Điểm giống: Viết về số phận của con người với sự cảm thông, chia sẻ… – Điểm khác: Nguyễn Ngọc Tư viết về sự cưu mang của nhân vật má đối với bà già lang thang. Còn Nguyễn Du viết về sự cảm thương cho số phận của nàng Kiều, nàng Tiểu Thanh…	0.5 0.25 0.25
	6	– Hiện tượng đảo trật tự từ ngữ. – Đưa 2 từ láy *lom khom* và *lác đác* lên trước trạng ngữ và chủ ngữ. – Tác dụng nhằm nhấn mạnh, tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt. Tô đậm hình ảnh con người bé nhỏ giữa không gian bao la và tính chất tiêu điều, thưa thớt trong cảnh sinh hoạt ở chốn Đèo Ngang.	0.25 0.25 0.5
	Tổng điểm phần I		**6,0**
II	**VIẾT**		**4,0**
		Viết bài văn nghị luận về lòng trắc ẩn của con người trong cuộc sống được gợi ra từ truyện ngắn *Vực không đáy* của Nguyễn ngọc Tư.	**4.0**
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức bài văn – Viết đúng hình thức của bài văn có MB. TB. KB – Diễn đạt lưu loát, mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp dùng từ đặt câu,… – Hs có thể trình bày theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: **Lòng trắc ẩn của con người trong cuộc sống.**	0,5
		c. Triển khai vấn đề cần nghị luận Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ **Lòng trắc ẩn của con người trong cuộc sống** Có thể triển khai theo hướng sau: **– Mở bài** +Dẫn dắt và nêu đề: **Lòng trắc ẩn của con người trong cuộc sống được gợi ra trong tác phẩm *Vực không đáy* của Nguyễn ngọc Tư.** + Nêu quan điểm của người viết. **– Thân bài**: Trình bày hệ thống luận điểm, lí lẽ bằng chứng	3.0

		hợp lí, thuyết phục để làm sáng tỏ vấn đề. + Giải thích: Lòng trắc ẩn là gì? Lòng trắc ẩn là khả năng cảm nhận và động viên người khác trong những hoàn cảnh khó khăn, đau buồn. + Phân tích, chứng minh: **Lòng trắc ẩn trong cuộc sống** · Đây là một phẩm chất rất quý giá của con người, giúp cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn. Nếu chúng ta có lòng trắc ẩn, chúng ta sẽ không chỉ giúp đỡ người khác vượt qua những khó khăn trong cuộc sống mà còn thể hiện được tình cảm, sự chia sẻ, sự đồng cảm. Điều này giúp xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa con người, tạo nên một xã hội chung thủy và đoàn kết. · Tuy nhiên, lòng trắc ẩn không phải ai cũng có, có những người chỉ biết đến bản thân mình và thờ ơ trước nỗi đau của người khác. Thậm chí, còn có những người giúp đỡ người khác với mục đích, tư lợi cho bản thân. Những hành động như vậy không chỉ không giúp đỡ người khác mà còn gây ra hậu quả xấu cho bản thân và xã hội. + Dẫn chứng thực tế để chứng minh: cần hợp lí và thuyết phục + Bàn luận mở rộng: · Bình luận về cách tác phẩm đặt ra và giải quyết vấn đề. · Phản hồi các ý kiến trái chiều. · Đánh giá đóng góp của tác phẩm trong việc giải quyết vấn đề xã hội. – **Kết bài** + Khẳng định lại quan điểm của người viết. + Rút ra bài học, đưa ra đề xuất, giải pháp.	
		d. Chính tả, dùng từ, đặt câu và sáng tạo – Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ phá p tiếng Việt . – Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,25
		Tổng điểm phần II	**4,0**
		Tổng điểm toàn bài (I + II)	**10,0**

ĐỀ 7

I.ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CON MUỐN LÀM MỘT CÁI CÂY

Đây là mùa đầu tiên cây ổi trước nhà thăng Bum bất ngờ ra hoa, bói qua. Đo qua là một sự kiện không hề nhỏ trong khu phố nhỏ này. Mấy năm trước cây ôi hầu như không ra trái (...). Mẹ đã mấy lần xúi ba chặt đi vì nghĩ đó là cây ổi điếc (...).

Ở phố, người ta chị trồng được những cái cây be bé, xinh xinh. Khoảnh đất trước nhà tô dân phố đề nghị trồng hoa, ví dụ như là hoa bằng lăng, vừa cho bóng mát, vừa có hoa rất đẹp... Ông nội Bum kể, lúc bà tổ trưởng dân phố nói vậy, ai nây cũng chi nhớ tới cây băng lăng. Và thế là một con phố dọc dài những cây hoa băng lăng rất duyên. Lúc đo mẹ mang bâu, ông đã nghĩ tới một cây ôi. Một cây ối có vẻ lạc lõng nhưng cũng không hê làm mất duyên con đường vì phía trước ông vẫn trồng bằng lăng, phịa trong sân nhà mới là chỗ đứng của cây ổi. Là bởi vì hồi nhỏ ba Bum vô cùng thích ổi, có thể ở suốt ngày chuyền từ cành này qua cành nọ và ngồi hàng ngày trên chạc ba cây hóng gió (...). Hệt mùa hè thì người ba nó giống một con sóc đen trùi trũi hơn hẳn đám bạn. Ông muốn trồng ổi vì muốn có một cây như cái cây sum sê trong vườn nhà khi xưa để cho đứa nhỏ trong bụng mẹ sau khi chào đời có nơi leo trèo như ba nó. Với một đứa con trai nhỏ, chỉ cây ôi thôi cũng đã là thiên đương.

(...) Thăng Bum đã kê cho tụi bạn nghe câu chuyện ây cả trăm lân. Nó tự hào khoe thêm, ngày mới hai, ba tuổi nó đã biết cùng ông bắt sâu cho cây, vì thế cây mới có thể trưởng thành như này.

Dĩ nhiên là vì có tao mới có cây ổi đầy trái này cho tụi mày ăn - Mũi nó hêch lên, mặt kênh kênh nhưng không đứa nào thấy ghét vì hương ổi chín tỏa lan trong sân nhà nó ngọt lịm. Nó lại là thằng bé cực thảo ăn với bạn bè.

Cây ổi của nhà thằng Bum có vẻ đẹp kỳ lạ nhất trái đất vì ông đã cố ý bấm cho cây, tỏa ra nhiều cành cao thấp vũng chãi. Thằng Bum và bè bạn là trẻ con lớn lên ở phố nhưng vẫn có khả năng chuyên từ cành này qua cành khác nhẹ như sóc. Hái và chia nhau những trái chín thơm lừng. Ông nội bắc một chiêc ghê đâu ra sân, rất gần cây ôi, ngồi nghe đài, đánh mắt nhìn theo trông chừng, cười rất hiền lành.

"Con muốn làm một cái cây. Con muốn làm cây ổi trong sân nhà cũ của con. Con muốn luôn bên đám bạn leo trèo mùa ổi chín và thấy ông con ngồi cười hiền lành bên gốc ôi.."

Một ngày kia, thăng Bum viêt như thê trong bài văn cô giáo ra đê: "Em hãy nói về ước mơ của mình". Cô nói, câu văn Bum viêt còn chưa thật chuân nhưng điều ây không quan trọng băng việc nó làm cô cảm động rơi nước mắt. Cô bắt gặp sự cô đơn và tình cám sâu sắc của nó trong ước muốn làm một cái cây.

Cây ôi trong sân nhà cũ, nó đã nhớ bao năm mà chăng có dịp nào đê nói ra. Đó là khi ba mẹ nó chuyển từ Sài Gòn xuống Vũng Tàu, để phù hợp với công việc kinh doanh du lịch của ba. Nhà cũ nơi con phô nhỏ đã bán sau ngày mãn tang ông nội. Tât cả đồ đoàn dọn dẹp ra đi, chỉ có cây ôi ngôi lại trong sân trầm tư, lặng lẽ. Lúc ấy Bum chỉ ước ao răng có thê đê tât cả đô đoàn của nó ở lại mà mang được cây ôi đi theo. Mẹ nói không thê nào đưa một cái cây đi theo khi nó đã ngần ấy năm căm sâu rê vào

lòng đất. Và vì thế, lâu thật lâu rồi nó không có dịp gặp lại cái cây ấy. Có lên lên Sài Gòn, nó xin ba ghé qua thăm lại cây ôi, gặp lại đám bạn hàng ngày vân cùng nhau leo trèo. Ba quá bận bịu nên không kịp đáp ứng mong muốn của nó...

Khi cô giáo điện thoại nói với mẹ về một cái cây, mẹ và ba đã ngay lập tức bàn nhau trồng một cây ổi trong sân nhà. Ba bắt đầu suy nghĩ về việc bấm cành khi cây ổi bén rễ sao cho khi nó lớn lên sẽ có những cành cao cành thấp thật dễ cho lũ trẻ leo trèo. Mẹ nói với Bum về kế hoạch sẽ mời những người bạn thân ngày xưa đến chơi và cùng nhau trèo hái, chia nhau những trái ôi thơm lừng và ngọt lịm. Sài Gòn có quá xa Vùng Tàu đâu, đám bạn của Bum chỉ lên xe cười nói ríu rít vài câu chuyện là đã đên nơi rồi. Phố cũ và phố mới thực ra sẽ chẳng cách xa khi mà vẫn nhớ về nhau.

Thằng Bum cười toe toét mà mắt nó rưng rưng nước. Nó bỗng như nghe tiếng cười khanh khách, tiếng chòng ghẹo nhau của lũ bạn và nụ cười hiền hậu của ông trôi theo hương ôi chín ngọt lành...

(Võ Thu Hương, Góc nhỏ yêu thương, NXB Kim Đồng, 2018)

Thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 4 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Văn bản trên viết về đề tài gì? **(**0,5 điểm)

Câu 2. Liệt kê các chi tiết nhà văn miêu tả về ông nội và Bum. Từ các chi tiết đó, em hãy rút ra nhận xét về đặc điểm của ông nội.(0,5 điểm)

Câu 3. Hình ảnh cây ổi xuất hiện từ đầu đến cuối câu chuyện thể hiện ý nghĩa gì?(1,0 điểm)

Câu 4. Qua câu chuyện này, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì đến người đọc?**(**1,0 điểm)

II.VIẾT (6 điểm)

Câu 1.Từ việc đọc hiểu nội dung đoạn trích, em hãy viết đoạn văn (*khoảng 10 đến 12 dòng*) tranh luận về vấn đề: *Con người cần biết yêu quý và bảo vệ thiên nhiên, đúng hay sai?(2,0 điểm)*

Câu 2 Viết bài văn phân tích truyện ngắn "*Con muốn làm một cái cây*" của nhà văn Võ Thu Hương

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	3,0
	1	Câu chuyện này viết về đề tài tình yêu thương, sự chia sẻ từ những điều nhỏ bé, gần gũi xung quanh chúng ta.	0,5

	2	Các chi tiết nhà văn miêu tả ông nội và Bum là: Bum và các bạn hái và chia nhau những trái chín thơm lừng. Còn ông nội bắc một chiếc ghế ra đầu sân, ngồi đó nghe đài, đưa mắt nhìn theo lũ trẻ và cười rất hiền lành. Qua đó, em thấy ông nội là một người hiền từ, phúc hậu và rất thương trẻ con.	0,5
	3	Hình ảnh cây ổi xuất hiện từ đầu đến cuối như một minh chứng cho tình yêu thương của mọi người trong gia đình dành cho Bum.	1,0
	4	Qua câu chuyện tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp tình yêu thương, sự sẻ chia từ những điều nhỏ bé xung quanh chúng ta, từ những người yêu thương chúng ta trong gia đình.	1,0
II.VIẾT	**Câu 1**	Từ việc đọc hiểu nội dung đoạn trích, em hãy viết đoạn văn (*khoảng 10 đến 12 dòng*) tranh luận về vấn đề:**Con người cần biết yêu quý và bảo vệ thiên nhiên, đúng hay sai?**	2,0
		HS viết dưới hình thức một đoạn văn nghị luận trao đổi, thảo luận về một vấn đề trong đời sống có kết cấu hoàn chỉnh, diễn đạt mạch lạc, trôi chảy; đánh giá cao những bài viết có cách lập luận chặt chẽ, sáng tạo.	0,25
		HS có thể trình bày theo nhiều cách miễn là lập luận chặt chẽ, thể hiện được yêu cầu của đề, phần này giáo viên khi chấm cần linh hoạt. Sau đây là một hướng triển khai: -Nêu vấn đề: Hoc sinh dẫn dắt (*có thể từ ngữ liệu hoặc dẫn dắt chung*) -> giới thiệu vấn đề cần tranh luận:Con người cần biết yêu quý và bảo vệ cây xanh, đúng hay sai? ->Khẳng định quan điểm của bản thân. - Trình bày, lí giải quan điểm của bản thân. + Trả lời câu hỏi: Hiểu thế nào về thiên nhiên? -> Lí giải: Bày tỏ quan điểm của bản thân. Có hai phương án được đưa ra tranh luận: **P/án thứ nhất**: Đồng ý với ý kiến: Con người cần biết yêu quý và bảo vệ thiên nhiên. -> Lí giải: + Thiên nhiên đem lại cho con người môi trường sống trong lành... + Thiên nhiên cung cấp cho con người khí ô xi, giúp làm sạch bầu khí quyển..cung cấp lương thực thực phẩm....	0,25 1,0

		+ Nếu không có thiên nhiên, con người sẽ thiếu đi một môi trường sống trong lành, thiếu đi nguồn dinh dưỡng/lương thực quan trọng... ->Khẳng định ý kiến: Con người cần biết yêu quý và bảo vệ thiên nhiên. -> Có thể trình bày thêm một số những giải pháp cụ thể mà chúng ta có thể thực hiện hàng ngày để bảo vệ thiên nhiên như: Trồng cây, chăm sóc cẩn thận, không phá rừng bừa bãi, không phá hoại môi trường cây xanh xung quanh... **P/án thứ hai**: Không đồng ý với ý kiến: Con người cần biết yêu quý và bảo vệ thiên nhiên. -> Lí giải: (hoc sinh có thể có cách lí giải riêng, miễn là chặt chẽ, hợp lí; nếu có phương án này, giáo viên linh hoạt và cẩn trọng khi đánh giá).	0,25

Câu 2	phân tích truyện ngắn "*Con muốn làm một cái cây*" của nhà văn Võ Thu Hương	**4,0**
a	**Yêu cầu về kỹ năng:***HS phải biết sử dụng kỹ năng làm văn nghị luận văn học để viết bài văn hoàn chỉnh; lập luận chặt chẽ, diễn đạt trong sáng, rõ ràng, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu.*	0,5
b	**Yêu cầu về kiến thức**: *HS có thể trình bày bài viết theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản sau đây:* ***Phân tích:** -Xác định được đề tài ->chủ đề của truyện: Viết về tình yêu thương: Tình yêu thương giữa các thành viên trong gia đình, tình yêu, sự trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên - Bám vào chuỗi sự việc, các nhân vật để phân tích làm rõ giá trị của tác phẩm: ***+ vẻ đẹp của tình yêu thương mà các thành viên trong gia đình dành cho Bum, Bum dành cho ông:*** ++ Tình yêu ông dành cho Bum: trồng cây ổi, chăm sóc cắt tỉa để Bum dễ hơn khi trèo cây, chơi đùa; từ ba tuổi, tuổi thơ của Bum đã gắn bó với cây ổi trước hiên nhà, gắn bó với những kỉ niệm về ông…. ++ Tình yêu bố mẹ dành cho Bum: khi nghe cô giáo gọi điện kể về ước mơ của Bum trong bài tập làm văn, họ đã bàn nhau "*trồng một cây ổi trong sân nhà. Ba bắt đầu suy nghĩ về việc bấm cành khi cây ổi bén rễ sao cho khi nó lớn lên sẽ có những cành cao cành thấp thật dễ cho lũ trẻ leo trèo. Mẹ nói với Bum về kế hoạch sẽ mời những người bạn thân ngày xưa đến*	2,5

	chơi và cùng nhau trèo hái, chia nhau những trái ổi thơm lừng và ngọt lịm…? ->mong muốn con có được thế giới tuổi thơ gắn với thiên nhiên, neo giữ được những kỉ niệm về người thân, bạn bè… ++ Tình yêu Bum dành cho ông: thể hiện qua những lời kể đầy tự hào của Bum về ông, qua những kỉ niệm của 2 ông cháu, qua hồi ức về ông khi cây ổi được dự định trồng lại ở chỗ ở mới khi ông đã mất… ->Có thể chứng minh qua các chi tiết: *Thằng Bum đã kể cho tụi bạn nghe câu chuyện ấy cả trăm lần. Nó tự hào khoe thêm, ngày mới hai, ba tuổi nó đã biết cùng ông bắt sâu cho cây"; "con muốn thấy ông con ngồi cười hiền lành bên gốc ổi…"; Thằng Bum cười toe toét mà mắt nó rưng rưng nước. Nó bỗng như nghe tiếng cười hiền hậu của ông trôi theo hương ổi chín ngọt lành…* **+ *vẻ đẹp của tình yêu Bum và cả nhà dành cho thiên nhiên mát lành*** qua cách họ trồng và chăm sóc cây ổi, trân trọng những kỉ niệm bên cây ổi; ước mơ muốn làm một cái cây của Bum…-> có thể chứng minh qua các chi tiết: *Ông muốn trồng ổi vì muốn có một cây như cái cây sum sê trong vườn nhà khi xưa để cho đứa nhỏ trong bụng mẹ sau khi chào đời có nơi leo trèo như ba nó.Với một đứa con trai nhỏ, chỉ cây ổi thôi cũng đã là thiên đường; Cây ổi của nhà thằng Bum có vẻ đẹp kỳ lạ nhất trái đất vì ông đã cố ý bấm cho cây tỏa ra nhiều cành cao thấp vững chãi. Thằng Bum và bè bạn là trẻ con lớn lên ở phố nhưng vẫn có khả năng chuyền từ cành này qua cành khác nhẹ như sóc. Hái và chia nhau những trái chín thơm lừng. Ông nội bắc một chiếc ghế đẩu ra sân, rất gần cây ổi, ngồi nghe đài, đánh mắt nhìn theo trông chừng, cười rất hiền lành; Tất cả đồ đoàn dọn dẹp ra đi, chỉ có cây ổi ngồi lại trong sân trầm tư, lặng lẽ. Lúc ấy Bum chỉ ước ao rằng có thể để tất cả đồ đoàn của nó ở lại mà mang được cây ổi đi theo; …*	
	*Đánh giá: -Qua truyện ngắn, nhà văn Võ Thu Hương đã gửi gắm tới người đọc những "hạt ngọc" lấp lánh ẩn giấu trong một câu chuyện giản dị mà đầy ý nghĩa: tác phẩm giúp chúng ta hiểu rõ hơn ý nghĩa của tình yêu thương giữa những người thân trong gia đình, tình yêu và sự trân trọng thiên nhiên, trân trọng những ước mơ giản dị, trong sáng của con trẻ… - Truyện còn hấp dẫn trong cách nhà văn kể chuyện với ngôn ngữ trong sáng, cách tạo tình huống truyện gần gũi, cách đặt nhan đề ấn tượng, nhân vật được miêu tả gần gũi, chân thực, trong sáng, đặc biệt là nhân vật cậu bé Bum,… (*học sinh có thể liên hệ thêm một số truyện ngắn có cùng đề tài để làm rõ hơn ý kiến của Nguyễn Minh Châu như: Vừa nhắm mắt vừa mở cửa số -*	0,5

	Nguyễn Ngọc Thuần, Bầy chim chìa vôi - Nguyễn Quang Thiều; Chỉ là em gấu đi lạc - Võ Thu Hương…)	
d	*Đảm bảo chính tả, chuẩn ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt*	0,25
e	*Sáng tạo:Khuyến khích những bài viết sáng tạo*	0,25

ĐỀ 8

I.PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(1) *Những mặt đá phập phồng như giọt máu*
(2) *Đang neo chặt lại giữa biển trời*
Những cánh chim bay mát lành mặt cát
Nhịp bồi hồi cùng nhịp trái tim tôi
Trường Sa dữ dằn sóng gió chẳng xa xôi
Lá phong ba xanh mắt người lính đảo Cát Trường Sa trắng màu vai áo
San hô đỏ màu máu đỏ
Chảy nồng nàn từ dòng máu mẹ cho
(2) *Anh đã mang về từ Trường Sa những tấm ảnh hiện lên từ lốc cát Từ bão xô gió giật*
Từ sương mù đậm đặc Từ khói súng bất ngờ […]
Như người lính kiên nhẫn lặng im
Anh đặt tay lên nút bấm máy ảnh như đặt vào cò súng Trường Sa trồi lên, Trường Sa chìm xuống
Trái tim đã chọn đúng tầm nhìn
Trường Sa đầy một dáng đứng yêu thương
Những tấm ảnh treo ở phố Ngô Quyền Đâu còn là của riêng người nghệ sĩ
Trường Sa đau thương, Trường Sa gian khổ Gần kề vừa trong một cánh tay ôm.
(*Những tấm ảnh Trường Sa,* Nguyễn Thành Phong, nguồn: Kho âm thanh, Đài TNVN)

Thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản? (0,5 điểm)

Câu 2. Những hình ảnh nào về thiên nhiên Trường Sa được tác giả nói tới trong đoạn (1)? (0,5 điểm)

Câu 3. Em hiểu được điều gì về cuộc sống của người lính Trường Sa qua các dòng thơ: *Anh đã mang về từ Trường Sa những tấm ảnh hiện lên từ lốc cát*
Từ bão xô gió giật
Từ sương mù đậm đặc Từ khói súng bất ngờ (1,0 điểm)

Câu 4. Tác giả thể hiện cảm xúc gì đối với quần đảo Trường Sa và những người lính Trường Sa? (1,0 điểm)

Câu 5. Từ nội dung văn bản, em có suy nghĩ gì về trách nhiệm của tuổi trẻ hôm nay đối với đất nước? (1,0 điểm)

PHẦN VIẾT (6,0 điểm) Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích ngắn gọn giá trị tư tưởng của truyện ngắn sau:

Một buổi tối mùa đông, chúng tôi ngồi trước lò sưởi, trong một căn buồng ấm áp. Tự nhiên trong câu chuyện, một người nói đến những cơn giận tự nhiên đến tràn ngập cả tâm hồn ta và có khi gây nên nhiều cái kết quả không hay. Rồi mỗi người đều bày tỏ ý kiến riêng của mình. Anh Thanh, từ nãy đến giờ vẫn lặng yên có vẻ trầm ngâm, cất tiếng nói:

– Sự giận dữ có thể sai khiến ta làm những việc nhỏ nhen không ai ngờ. Tôi biết hơn ai hết, vì chính tôi đã trải qua sự đó. Tôi sẽ kể các anh nghe một câu chuyện mà cái kỷ niệm còn in sâu trong trí nhớ tôi.

Cũng một buổi chiều mùa đông như hôm nay, tôi ở tòa báo ra về, trong lòng chán nản và buồn bực. Có những ngày mà tự nhiên không hiểu tại sao, ta thấy khó chịu, và hay gắt gỏng, không muốn làm việc gì. Tôi đang ở vào một ngày như thế mà chiều trời hôm ấy lại ảm đạm và rét mướt càng khiến cho cảm giác đó rõ rệt hơn. Tôi đi vài bước trên con đường phố vắng người. Một cái xe tay dằng xa đi lại, anh phu xe co ro vì rét, hai tay giấu dưới manh áo tơi tàn. Theo lệ như mọi khi, tôi mặc cả:

– Xe đi không? Bốn xu về gần nhà bò Yên Phụ. – Thầy cho sáu xu.

– Không, bốn xu là đúng giá rồi.

Tôi vừa nói vừa bước đi. Người phu xe đã có tuổi, cứ kéo cái xe theo sau tôi mà lẩm bẩm: "Bốn đồng xu từ đây về nhà bò". Cái tiếng nhà bò anh ta nhắc đi nhắc lại làm cho tôi khó chịu. Tôi biết đó là một cách của các phu xe cứ đi theo sau khách để làm cho người ta bực tức, tôi lại càng ghét và quay lại gắt:

– Có đi hay không thì thôi! Đừng có theo sau người ta mà lải nhải.

Thấy tôi gắt, người phu xe đứng lại, không dám theo nữa. Nhưng để tôi đi một quãng xa, anh ta ới gọi:

– Lại đây đi mà.

Rồi anh ta hạ càng xe xuống, cứ đứng yên chỗ ấy đợi chứ không kéo lại phía tôi. Cái cử chỉ ấy làm tôi sinh ghét thêm, đã toan không đi, nhưng lúc ấy không có cái xe nào khác. Tôi giận dữ bước mạnh lên xe, vừa mắng:

– Anh thật là lắm chuyện, không đi ngay lại còn vẽ. Anh xe cãi lại:

– Từ đây về đấy thầy cho được bốn đồng xu thật rẻ quá! – Thì ai bảo anh đi? Không có tôi đã gọi xe khác.

Người phu xe khẽ thở dài, yên lặng nhấc xe lên. Lúc bấy giờ tôi mới ngả mình ra phía sau, nhưng thấy cái đệm cứng như gỗ đập vào lưng, tôi cúi xuống bên nhìn cái tay xe. Tôi đoán không sai, chính là một cái xe hiệu "con lợn", cái tên hiệu cũng xứng đáng một hạng xe tàng ở ngoại ô mà tôi vẫn phải đi. Anh xe này đã vào đây kéo trộm, vì xe ngoại ô không được phép vào thành phố đón khách, nếu không tuân lệnh thì bị phạt từ ba đến bốn đồng bạc. Sự tồi tàn của cái xe làm tôi càng ghét anh xe nữa.

– Xe khổ thế này mà anh lại còn đòi cao giá. – Xe thế mà thầy chê thì còn thế nào nữa!

Anh xe bướng bỉnh cũng không chịu kém. Tôi nói câu gì là anh ta đối lại liền. Sau cùng, giận quá, tôi dẫm mạnh chân xuống sàn xe, gắt:

– Thôi, câm họng đi, đừng lải nhải nữa.

Sự giận dữ làm cho tôi quên rằng anh xe cũng chỉ có trả lời những câu mắng của tôi mà thôi, và chính tại tôi gắt với anh ta nhiều quá. Nhưng lúc bấy giờ tôi chỉ thấy tức người xe ấy đến cực điểm, vì hắn dám cãi lại tôi mà không sợ.

Xe đi khỏi nhà máy nước thì gặp một người đội xếp tây đi xe đạp lại, theo sau một người đội xếp ta. Tôi nhận thấy anh xe kéo tôi có ý luống cuống và sợ hãi. Có lẽ vì thế mà người cảnh sát để ý, đi giáp vào cái xe kéo để xem dấu hiệu.

– Ê! Đứng lại!

Người kéo xe dừng chân… Anh ta quay lại tôi hớt hải van xin: – Lạy thầy… thầy nói giúp con… thầy làm ơn…

Dưới ánh đèn tôi thấy mặt anh xe tái mét. Những vết răn in sâu xuống trên mặt già nua hốc hác, chân tay người khốn nạn ấy run bật lên và tôi thấy cái rung động chuyển cả vào chiếc thân xe.

Người cảnh sát tây đến, nói bằng tiếng ta hơi sõi: – Mày chết nhé! Mày sẽ bị phạt!

Người phu xe ấp úng nói thì ông ta khoát tay bảo im, rồi quay lại tôi hỏi, lần này bằng tiếng Pháp.

– Người này kéo ông từ trong phố ra hay ông đi khứ hồi?

Tôi liếc mắt nhìn anh kéo xe. Trong bóng tối của vành nón qua ngang mặt, tôi thấy hai mắt anh ta long lanh nhìn tôi, như khẩn cầu van xin yên lặng. Tôi biết lời nói của tôi sẽ làm anh ta bị bắt hay không. Những khi nói chuyện với các phu xe khác, tôi được biết rằng nếu người khách nói là đi khứ hồi từ ngoại ô, thì người xe không việc gì. Nhưng lúc ấy, lời van xin của anh xe kia không làm cho tôi động lòng, mà lại làm cho tôi ghét anh thêm. Tôi trả lời người đội xếp:

– Tôi đi từ phố hàng Bún. – Vậy phiền ông xuống xe.

Rồi anh ta nhìn anh phu xe, cười một cách tinh quái: – Allez! Đi về bót!

Khi anh phu xe run sợ và hai người cảnh sát đã khuất đầu phố, tôi mới quay đi thong thả trên bờ hè. Cơn giận của tôi đã hết rồi. Sự hối hận dần thấm thía vào lòng tôi, tôi thấy một cái chán nản bực tức rung động trong người.

Tôi rung mình nghĩ đến số phận của anh xe khốn nạn. Ba đồng bạc phạt! Anh ta phải vay cai xe để nộp phạt; nhưng ba đồng bạc nợ ấy, bao giờ anh ta trả xong, sau những ngày nhịn đói, bị cai xe hành hạ, đánh đập vì thù hằn?

Tôi càng nghĩ đến bao nhiêu lại càng khinh bỉ tôi bấy nhiêu. Qua ô Yên Phụ, nhìn thấy những thợ thuyền tấp nập làm việc dưới ánh đèn trong những căn nhà lá lụp xụp, tôi rảo bước đi mau, hình như trông thấy tôi họ sẽ biết cái hành vi khốn nạn và nhỏ nhen đáng bỉ của tôi ban nãy.

Những ngày hôm sau thực là những ngày khổ cho tôi. Lòng hối hận không để tôi yên. Hình như có một cái gì nặng nề đè nén trên ngực làm cho tôi khó thở, và lúc nào hình ảnh anh phu xe cũng hiển hiện ra trước mắt.

[…]

(*Một cơn giận,* Thạch Lam, in trong tập *Gió đầu mùa*, Nxb Đời nay, Hà Nội, 1937)

Câu 2. (4,0 điểm) Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến của em về vấn đề: *nên sử dụng thời gian rảnh rỗi như thế nào cho hợp lí?*

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm

I		**ĐỌC HIỂU**	**4,0**
	1	Thể thơ: Tự do.	0,5
	2	Những hình ảnh về thiên nhiên Trường Sa được tác giả nói tới trong đoạn (1) là: *đá, cánh chim, sóng gió, lá phong ba, cát, san hô.*	0,5
	3	Qua các dòng thơ: *Anh đã mang về từ Trường Sa những tấm ảnh hiện lên từ lốc cát Từ bão xô gió giật* *Từ sương mù đậm đặc Từ khói súng bất ngờ* Ta thấy được cuộc sống gian khổ của những người linh Trường Sa: họ thường xuyên phải đối mặt với thiên nhiên khắc nghiệt, dữ dội, đối mặt với kẻ thù.	1,0
	4	Tác giả thể hiện cảm xúc yêu thương tha thiết với quần đảo Trường Sa; thể hiện sự đồng cảm đối với những gian khổ mà người lính Trường Sa phải đối mặt, đồng thời cũng tự hào về họ.	1,0
	5	Suy nghĩ về trách nhiệm của tuổi trẻ hôm nay đối với đất nước: – Tuổi trẻ là chủ nhân tương lai của đất nước, do vậy, cần có trách nhiệm với đất nước. – Tuổi trẻ cần ra sức học tập để mai này cống hiến cho đất nước; biết hy sinh khi Tổ quốc cần; biết quảng bá hình ảnh của đất nước với bạn bè quốc tế.	1,0
II		**VIẾT**	**6,0**
	1	**Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích ngắn gọn giá trị tư tưởng của truyện ngắn "Một cơn giận".**	***2,0***
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Phân tích ngắn gọn giá trị tư tưởng của truyện ngắn "Một cơn giận".	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận	0,5

		Sau đây là một số gợi ý: – Nhân vật Thanh vì một cơn giận vô cớ đã đẩy người phu xe nghèo khổ vào hoàn cảnh bi đát: bị cảnh sát bắt về bóp và bị phạt một số tiền lớn mà anh ta sẽ không thể trả nổi. Điều đó đã khiến Thanh rơi vào tâm trạng day dứt, đau khổ, ân hận mãi về sau này. – Truyện chứa đựng trong nó giá trị tư tưởng sâu sắc: + Mỗi con người chúng ta, trong mọi hành xử của cuộc sống, cần phải biết kiểm soát cảm xúc của mình. Đừng để cảm xúc lấn át lí trí, dẫn đến gây tổn hại cho người khác và cũng khiến cho bản thân không thể sống thanh thản. + Truyện cũng cho ta thấy được tấm lòng nhân đạo của nhà văn Thạch Lam: đồng cảm với những con người cùng khổ như anh phu xe, đồng thời lên án những thói hành xử nhẫn tâm trong cuộc sống. + Từ truyện ngắn trên, ta nhận thức được rằng mình cần biết sống bao dung và rộng lượng hơn.	
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. – Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	0,5
		đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	**Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến của anh/ chị về vấn đề: *nên sử dụng thời gian rảnh rỗi như thế nào cho hợp lí?***	***4,0***
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận xã hội.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Trình bày ý kiến về vấn đề: *nên sử dụng thời gian rảnh rỗi như thế nào cho hợp lí?*	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết – Xác định được các ý chính của bài viết	1,0

		– Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: 1. Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề: – Nên sử dụng thời gian rảnh rỗi như thế nào cho hợp lí? – Đây là một vấn đề rất cần được quan tâm, nhất là trong bối cảnh xã hội ngày nay. 2. Triển khai vấn đề nghị luận: 2.1. Giải thích: – Thời gian rảnh rỗi được hiểu là khoảng thời gian mà chúng ta không dùng để học tập và làm việc. – Sử dụng hợp lí nghĩa là chúng ta cần tận dụng khoảng thời gian này như thế nào để nó đem lại lợi ích cho bản thân cũng như cho người khác. 2.2. Nên sử dụng thời gian rảnh rỗi như thế nào cho hợp lí? – Nên sử dụng thời gian rảnh rỗi để tích lũy, nâng cao kiến thức: đọc sách, học thêm một ngoại ngữ, tập một loại nhạc cụ,…	

		– Nên sử dụng thời gian rảnh rỗi để suy ngẫm về bản thân, từ đó chúng ta sẽ hiểu hơn về chính mình, tìm ra được đam mê của mình, có được định hướng rõ ràng và hợp lí hơn cho tương lai. – Sử dụng thời gian rảnh rỗi để bên cạnh quan tâm, chăm sóc những người mà mình thương yêu, giúp cho các mối quan hệ ngày một thêm bền chặt. – Sử dụng thời gian rảnh rỗi để tham gia các hoạt động vì cộng đồng. – Thời gian rảnh rỗi cũng là thời gian, vì vậy, khi sử dụng nó, chúng ta cũng cần biết phân chia, lên kế hoạch sử dụng một cách khoa học. 2.3. Những việc không nên làm khi rảnh rỗi: – Sa đà vào những thú giải trí không lành mạnh. – Dùng thời gian rảnh rỗi để tụ tập đàn đúm, nói xấu người khác. 3. Rút ra bài học cho bản thân: – Ý thức được tầm quan trọng và sự hữu hạn của thời gian. – Lên kế hoạch để sử dụng thời gian rảnh rỗi một cách hợp lí và hữu ích nhất.	
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. – Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý.	1,5

		– Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	
		đ. Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5

ĐỀ SỐ 9

I.PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

THUẬT HỨNG

(Bài số 5)

Đến trường đào mận [1] *ngạt chăng thông*
Quê cũ ưa làm chủ cúc thông [2]
Sầu nặng Thiếu Lăng[3] *biên đã bạc*
Hứng nhiều Bắc Hải[4] *chén chưa không.*
Mai chăng bẻ, thương cành ngọc[5]
Trúc nhặt vun, tiếc cháu rồng[6].
Bui một tấc lòng ưu ái[7] *cũ*
Đêm ngày cuồn cuộn nước triều đông

(*Thơ văn Nguyễn Trãi,* Tuyển chọn Phan Sĩ Tấn, Trần Thanh Đạm, NXB Giáo dục 1980, tr. 41-42)

Chú thích:

(1) *Đào mận:* nơi quyền quí

(2) *Cúc thông:* cúc thông là những loại cây cỏ thanh cao tượng trưng cho cuộc sống của người ở ẩn.

(3) *Thiếu Lăng:* hiệu của nhà thơ Đỗ Phủ, nhà thơ yêu dân đời Đường.

(4) *Bắc Hải:* hiệu của Khổng Dung, nhà thơ đời Hán muốn dẹp loạn nhưng không thành công, tìm khuây khỏa trong chuyện làm thơ và uống rượu.

(5) *Cành ngọc:* hoa mai nở, nhìn như một cành xâu đầy chuỗi ngọc.

(6) *Cháu rồng:* người xưa gọi măng là long tôn (cháu rồng)

(7) *Ưu ái:* thương dân yêu nước.

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định thể thơ được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2. Dựa vào nội dung bài *Thuật hứng* (số 5), phán đoán hoàn cảnh sáng tác bài thơ.

Câu 3. Nêu hiệu quả của nghệ thuật đối được sử dụng trong hai câu thực.

Câu 4. Hai dòng thơ: *Bui một tấc lòng ưu ái*[7] *cũ/ Đêm ngày cuồn cuộn nước triều đông* gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi?

Câu 5. Theo anh/chị, cách ứng xử *Quê cũ ưa làm chủ cúc thông* có phù hợp với cuộc sống hiện nay không? Vì sao?

II.PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích tâm trạng của nhân vật *tôi* trong đoạn trích sau:

Trong tất cả những kỷ niệm ba tôi để lại, cái làm tôi nhớ nhất và tôi không hiểu tại sao lại nhớ đến thế, là con ngựa kim hoa trắng của ba tôi. Những buổi trưa hè oi ả, mệt nhọc mang ba tôi từ những cánh rừng xa về, nó vui mừng hí lên khi nhận thấy cái mái nhà thân thiết trên đấy đậu mấy con chim bồ câu. Chân nó đập lên những lối đi quen biết, mồm nó ngoạm những cây cỏ ngon lành. Tôi chạy ra đón ba tôi và thường thường người giao cương cho tôi cột nó lại. Dưới cánh những con muỗi bay vo ve, nắng hoa xôn xao, da nó động đậy, mỡ mượt trong một vẻ đẹp đẽ, oai nghiêm riêng. Rồi những buổi trưa không còn có trong đời tôi nữa, tôi theo người nhà dắt nó đi tắm, đánh nó bơi qua sông. Tôi sung sướng cười vang trên mặt nước lòa nắng, cưỡi trên mình con ngựa kim hoa mà tiếng hí quen quen, tôi chắc đã lâu ngày rồi, không còn rền qua cánh đồng ngập cỏ nữa.

Bây giờ đời tôi chỉ còn lại những trời quạnh vắng, những buổi trưa đột nhiên vọng một tiếng gà gáy lạ lùng. Tôi thoáng thấy bóng người cưỡi ngựa về sau hàng rào, đi ngược lại thời gian, run run như chỉ đợi một hơi gió mơ hồ là biến mất.

Mẹ tôi bán dần dần nhà cửa, ruộng vườn để trả nợ, và cả con ngựa trắng cũng bị đổi lấy tám mươi đồng. Hôm mẹ tôi định bán nó đi, tôi thấy lòng buồn vô hạn. Tôi không mấy lúc rời cái buồng nhốt nó ra nữa, lưu luyến như đứa trẻ con bị đuổi khỏi căn nhà cũ, còn tiếc rẻ những chốn ăn nằm, đồ đạc quen thân. Tôi cầm một nắm cỏ đút vào mồm con ngựa trắng, vỗ vào mớ lông bờm trắng toát của nó. Từ ngày ba tôi mất đi, nó gầy gò thiểu não, mắt nó ướt và có ghèn, thỉnh thoảng cất tiếng hí không nhất định, mà tiếng hí mới buồn thảm làm sao!

(Trích *Con ngựa trắng của ba tôi*, Hồ Dzếnh, *Nhà văn và tác phẩm trong nhà trường, Thạch Lam, Hồ Dzếnh,*

NXB Giáo dục, 1999, tr. 139-140)

Câu 2. (4.0 điểm)

Abraham Lincoln từng nói:*"Điều tôi muốn biết trước tiên không phải là bạn đã thất bại ra sao mà là bạn đã chấp nhận nó như thế nào?*

Anh(chị) hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ về vấn đề *chấp nhận thất bại.*

ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4,0**
	1	Thể thơ Nôm Đường luật xen lục ngôn	0,5
	2	Hoàn cảnh sáng tác bài thơ: Là khi Nguyễn Trãi cáo quan về ở ẩn tại quê nhà	0,5
	3	– Nghệ thuật đối được sử dụng trong hai câu thực là: Đối giữa	0,25

		"Sầu nặng" với "Hứng nhiều"; "Thiếu Lăng" với "Bắc Hải"; "biên đã bạc" với "chén chưa không". – Việc sử dụng nghệ thuật đối có tác dụng: + Khắc họa sự đồng điệu trong tâm hồn của những con người có tài có trí lớn. Thiếu Lăng (hiệu của Đỗ Phủ) mang trong mình nỗi sầu khiến mái tóc xanh đã thành bạc. Bắc Hải (hiệu của Khổng Dung) khi chí lớn không thành đã tìm khuây khỏa trong chuyện làm thơ, uống rượu nên chén chưa bao giờ để không. + Bộc lộ sự đồng cảm, thấu hiểu, trân trọng ngợi ca của nhà thơ dành cho Đỗ Phủ, Khổng Dung, những con người có hoài bão lớn. Từ đó, Nguyễn Trãi kín đáo bộc lộ tâm trạng, cảm xúc của chính mình. + Tạo sự cân xứng, nhịp nhàng cho hai câu thơ và làm tăng hiệu quả diễn đạt. *Hướng dẫn chấm: Mỗi ý trả lời được 0,25 điểm*	0,75
	4	– Hai câu thơ của Nguyễn Trãi đã khẳng định: Tấm lòng thương dân yêu nước của Nguyễn Trãi từ xưa đến nay vẫn như vậy. Và đêm ngày vẫn cuồn cuộn dâng lên như nước thủy triều ở biển đông. – Hai câu thơ đã gợi trong em những suy nghĩ sâu sắc: + Nguyễn Trãi có tâm hồn thanh khiết, cao đẹp. Tấm lòng yêu nước thương dân của Nguyễn Trãi trước sau như một, luôn ắp đầy, sôi sục, cuộn chảy như nước thủy triều. + Thế hệ trẻ cần có thái độ ngưỡng mộ, trân trọng, ngợi ca, biết ơn Nguyễn Trãi; cần thức dậy tình yêu quê hương đất nước, tình yêu giống nòi, cộng đồng xã hội. + Thế hệ trẻ cần có hành động cụ thể để góp phần đem lại cuộc sống ấm no hạnh phúc cho nhân dân, dựng xây quê hương đất nước. *Hướng dẫn chấm: Mỗi ý trả lời được 0,25 điểm*	0,25 0,75
	5	– Cách ứng xử *Quê cũ ưa làm chủ cúc thông* nghĩa là: Rời xa nơi quyền quí, trở về quê cũ sống với thiên nhiên, cỏ cây. – HS bày tỏ quan điểm của bản thân: Phù hợp/ Không phù hợp/ Phù hợp một phần với cuộc sống hiện nay. – Lí giải: + Nếu chọn "cách ứng xử đó phù hợp", lí giải theo hướng: Cuộc sống hiện nay ngày càng phát triển, điều kiện kinh tế ngày càng tốt hơn. Thế nhưng cuộc sống giàu sang, quyền quí vốn nhiều cạm bẫy và dễ khiến con người tha hóa, đánh mất đi thiên lương. Vì thế chúng ta nên biết từ bỏ danh lợi, trở về cuộc sống giản dị, hòa mình vào thiên nhiên để di dưỡng tâm hồn. + Nếu chọn "cách ứng xử đó không phù hợp", lí giải theo	0,25 0,25 0,5

		hướng: Khát khao giàu sang, quyền quí là khát vọng chính đáng của mỗi con người. Cuộc sống ngày càng phát triển, con người cũng cần phải để hòa nhập với cuộc sống để phát triển chính bản thân mình. Nếu chọn trở về với cuộc sống thuần nông, nghĩa là tự bản thân mình tách mình ra khỏi xã hội và ngày càng bị tụt hậu. *Hướng dẫn chấm:* *– Lí giải hợp lí, đúng quan điểm đưa ra: 0,5 điểm* *– Lí giải chung chung: 0,25 điểm*	
II		**VIẾT**	**6,0**
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích tâm trạng của nhân vật *tôi* trong đoạn trích.	***2,0***
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn: Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Tâm trạng của nhân vật *tôi*	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: *Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: – Giới thiệu tên tác phẩm, tác giả: Truyện ngắn *Con ngựa trắng của ba tôi,* Hồ Dzếnh và vấn đề nghị luận: tâm trạng của nhân vật *tôi.* – Phân tích tâm trạng của nhân vật *tôi.* Có thể theo một số gợi ý sau: + Nỗi nhớ da diết của nhân vật tôi về con ngựa kim hoa trắng cùng những kỉ niệm khi cha còn sống. ++ Nhân vật tôi hân hoan chạy ra đón ba cùng con ngựa khi người trở về từ những cánh rừng xa. ++ Nhân vật tôi sung sướng, hạnh phúc khi được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của con ngựa và được tắm, được cưỡi trên mình con ngựa. + Nỗi cô đơn, trống vắng, buồn bã của nhân vật tôi khi ba không còn và con ngựa bị bán đi. ++ Nhân vật tôi lưu luyến không muốn rời xa con ngựa – kỉ vật của người cha ++ Nhân vật tôi xót xa, buồn tủi khi nhìn thấy con ngựa gầy gò, thiểu não do thiếu vắng người chủ.	0,5

		… * Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của đoạn văn.	
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. – Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	0,5
		đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ	0.25
	2	Viết một bài văn ngắn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ về vấn đề *chấp nhận thất bại.*	***4,0***
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Chấp nhận thất bại	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: – Xác định được các ý chính của bài viết – Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận. * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề: Chấp nhận thất bại * Triển khai vấn đề nghị luận: **– Giải thích:** + Thất bại là khi con người không đạt được mục tiêu mà bản thân đã đặt ra từ trước. + Chấp nhận thất bại: là thái độ sẵn sàng đón nhận và thừa nhận bản thân đã không đạt được mục tiêu, không hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ đã được đặt ra. Một người đã từng thất bại và có thể thất bại nhiều lần không phải là điều quan trọng nhất mà quan trọng nhất là bạn có sẵn sàng đối mặt và vượt qua thất bại không. Thái độ trước thất bại chính là thước đo phẩm giá con người. – **Lí giải vì sao cần phải chấp nhận thất bại?** + Con đường đi tới thành công bao giờ cũng nhiều thử thách. Thất bại là điều khó tránh khỏi…Khi đứng trước thất bại, thái	1,0

		độ của con người cũng khác nhau: người biết " chấp nhận" thì bình tĩnh đón nhận và chịu đựng những tổn thất do mưu sự không thành. Người không quen " chấp nhận" thì đau đớn, tức giận, đổ lỗi cho hoàn cảnh số phận, bi quan, chán nản, không tiếp tục mục tiêu phấn đấu… + Khi thất bại, con người phải biết " chấp nhận", phải bình tĩnh phân tích nguyên nhân, tự rút kinh nghiệm cho bản thân, tìm mọi cách sửa chữa sai lầm để đi đến thành công. + Câu nói của Lincoln thể hiện thái độ đánh giá cao những người biết " chấp nhận" thất bại. Vì đó là những người được tôi luyện, có bề dày kinh nghiệm, có bản lĩnh, hiểu giá trị của sự thành công. **– Dẫn chứng chứng minh** **– Mở rộng vấn đề, phản đề:** + Chấp nhận thất bại không phải là sự buông xuôi mà là thái độ dũng cảm đối mặt với thất bại để từng bước vượt qua thất bại. + Phê phán những con người hèn nhát không dám đối mặt với thất bại. –**Rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân**: Cần hiểu thất bại là trên đường đời là tất yếu. Vì thế, sau khi vấp ngã, cần biết chấp nhận và tìm ra con đường để đi đến thành công… * Khẳng định lại vấn đề nghị luận	
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Đảm bảo cấu trúc: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. – Triển khai ít nhất được hai luận điểm để làm rõ vấn đề nghị luận. – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: chấp nhận thất bại. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	1,5
		đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			**10,0**

ĐỀ 10

(Gọi con – Bảo Ninh)

(Tóm lược phần đầu: Con cái thành đạt, hiếu thảo nhưng mẹ Tân lúc nào cũng "cứ rầu rầu, lặng lặng và cứ thích thui thủi thế". Sau khi mẹ mất, Tân mang chiếc rương – kỉ vật của mẹ để lại về nhà mình.)

Tất cả những lá thư gói chung trong tờ báo cũ để dưới đáy rương đều là của mẹ gửi cho em trai của Tân. Trên tất cả các phong bì, tên người nhận đều là Nghĩa, tất cả đều được kiên nhẫn gửi tới một số hiệu hòm thư duy nhất, và tất cả đều là những lá thư do bưu điện huyện Lương Sơn kiên nhẫn gửi trả lại. Tất cả còn để nguyên chưa được bóc ra.

[...] Sang Tiệp tròn một năm, Tân được thư của mẹ báo tin Nghĩa vào bộ đội. Nhận giấy gọi vào Bách khoa trước giấy gọi nhập ngũ vậy mà Nghĩa nhất định không nghe theo lời bàn của cha mẹ. [...] Bà cho Tân số hòm thư của Nghĩa và hối thúc anh viết ngay gửi sớm để em nó mừng. Bà kể là đã lên thăm Nghĩa ở trại luyện tân binh trên Bãi Nai – Hòa Bình, thấy nó vất vả, gian khổ, thương lắm. Hồi đó, đọc biết thế, nhưng bây giờ mở xem lá thư mẹ viết cho Nghĩa mới thấy thấu cái tình thương xót của mẹ đối với nó.

"Người ta bảo là ở rừng thì dù nhọc mệt thế nào cũng chớ có ngủ trưa, vì bị ngã nước đấy con ạ. Hại sức lắm, mà mẹ thì ở xa chẳng lo được cho con... Mẹ lại thường hay nghĩ đến cái tính liều của con. Con ơi, có báo động dù chưa tiếng tàu bay vẫn phải tăng xê xuống ngay. Tránh voi chẳng xấu mặt nào. Thương mẹ thương cha con phải tự thương xót lấy mình con nhé..."

Chỗ quà này mẹ gói ra hai mầu để con phân biệt. Gói bọc giấy xanh là kẹo, bánh, thuốc lá thì con mời anh em bè bạn với cấp chỉ huy. Riêng thuốc lá mẹ mong con hút ít. Nghe nói nơi các con đóng binh người dân tộc nấu rượu sắn nhiều lắm, mẹ lo. Uống rượu, hút thuốc hỏng đời con ạ. Còn trong gói đỏ là kim chỉ, đá lửa, pin, cặp ba lá, con phải cất kỹ. Các thức ấy không vặt vãnh đâu, ở Hà Nội đã khó kiếm, trong Khu Bốn với bên Lào lại càng quý báu. Nặng thêm một chút nhưng con gắng mang. Phòng khi ốm đau cảm cúm, nhất là chẳng may mà sốt rét thì đem đổi lấy thịt thà rau quả mà bồi dưỡng cho chóng lại. Mấy bà trong khối phố có con đi bộ đội trước con họ bày kinh nghiệm cho mẹ như thế...".

Tân không hiểu gói quà ấy có đến tay Nghĩa không, bởi rõ ràng tất cả những phong thư anh đang thấy đây mẹ anh đều đã gửi lên Lương Sơn khi mà đơn vị của Nghĩa đã rời đi. Tất cả đều bị gửi ngược về hoàn trả, nhưng mẹ vẫn nhẫn nại viết và nhẫn nại gửi cầu may tới cái hòm thư đã hoang phế đó. Mấy bức đầu mẹ anh viết ngắn như là viết vội để gửi đi gấp. Không viết gì nhiều, những thư ấy chỉ hối Nghĩa mau biên thư về cho cha mẹ hay số hòm thư mới với lại hiện đang ở đâu, sức khoẻ thế nào. Nhưng theo dần năm tháng chiến tranh, thư của mẹ ngày một nhiều trang hơn và ngày một buồn bã hơn. Gửi đi bao nhiêu nhận lại bấy nhiêu, những lá thư của mẹ càng về sau càng như nhật ký, như là để gửi tới chính mình. Chữ mẹ nắn nót, dễ đọc dần mầu mực đã phai, dòng nối dòng đều đều, miên man che giấu niềm vô vọng. Mẹ kể rằng đêm qua mẹ nhìn thấy Nghĩa nhưng chưa kịp gọi thì đã tỉnh, tỉnh dậy thì đã chẳng còn lại gì, chẳng níu giữ được gì nữa cả, trong phòng tối đen, ngoài trời còi báo động hú vang.Khác với mẹ, cha chưa bao giờ thấy Nghĩa trong giấc ngủ, nhưng lại hay thoáng thấy con trai út của mình ngoài phố.

Lược một đoạn: Cha Tân mắc bệnh nặng, trước lúc qua đời vẫn cất tiếng gọi Nghĩa trong niềm nhung nhớ, khắc khoải.

Tất cả những điều ấy chưa từng bao giờ mẹ viết trong thư gửi ra nước ngoài cho Tân và anh chị của anh. Sau này cũng không bao giờ kể ra lời. […] "Khổ thân các con sinh ra gặp thời loạn lạc …", lá thư ấy mẹ viết vào ngày cuối tháng Chạp năm 72. Đất trời bùng cháy, thành phố đổ vỡ, nhưng mẹ không rời Hà Nội. Hơi bom phá toang cửa kính, mẹ vẫn đêm đêm yên lặng ngồi chỗ ngày trước cha vẫn thường ngồi, và vẫn như hồi cha còn sống, mẹ pha một ấm trà để lên khay trên bàn giữa hai cái tách hạt mít.

[…] Mẹ biết chắc con còn sống, nhưng giờ đây con ở phương nào vậy con? Sao con lại có thể im lặng lâu như thế hở con? Không một bức thư, không một tin tức nhắn nhe nào cho mẹ, sao thế hở con, Nghĩa ơi? ".

Nghĩa ơi. Tiếng gọi ấy là lời cuối của lá thư cuối cùng mẹ của Tân viết gửi người con trai út. Không còn lá thư nào viết vào những ngày tháng sau đó nữa. Có lẽ vì sau đó là năm 73, hòa bình. Anh chị em Tân lần lượt đỗ đạt trở về.

Có những người con sáng giá như anh chị em Tân, mẹ là một bà mẹ hạnh phúc hơn bao bà mẹ khác. Nào ngờ mẹ không hề biết thế là hạnh phúc. Gương mặt mẹ suốt bao năm trời đến tận khi nhắm mắt xuôi tay luôn lẳng lặng một vẻ chờ đợi âm thầm, rụt rè và vô vọng. May thay, cũng giống như những bức thư mãi mãi ở yên dưới đáy rương bên đầu giường mẹ, nỗi đau lòng của mẹ không bao giờ thốt nên lời, người ta không biết tới. Nông nỗi thương tâm bất động của một người già có cái đáng quý là không làm ai phải để ý, bởi để ý tới thì không khỏi đau thắt trong lòng và không sao mà có thể bình tâm để yên ổn sống một cách dễ chịu cho nổi.

<u>Đề bài:</u>

1. **ĐỌC – HIỂU (6,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu: (Trắc nghiệm)

Lựa chọn đáp án đúng (Mỗi câu 0.5 điểm)

Câu 1. Xác định ngôi kể trong đoạn trích.

1. Ngôi thứ nhất. B. Ngôi thứ hai.
2. Ngôi thứ ba. D. Ngôi thứ nhất số nhiều.

Câu 2. Đoạn văn: "*Lựa lời hỏi xem có điều gì khiến mẹ không hài lòng…. càng buồn bã hơn*" là lời của ai?

1. Lời của nhân vật Tân.
2. Lời tác giả.
3. Lời người kể chuyện hòa vào lời nhân vật Tân.
4. Lời anh, chị của Tân.

Câu 3. Bối cảnh câu chuyện diễn ra vào thời gian nào?

1. Cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 -1954)
2. Cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 -1975)
3. Sau khi thống nhất đất nước (1975)
4. Cả B và C

Câu 4: Dòng nào nêu **không** đúng thành công nghệ thuật của tác phẩm?

1. Miêu tả tâm lí nhân vật.
2. Xây dựng đối thoại sinh động.
3. Sử dụng điểm nhìn linh hoạt.

4. Ngôn ngữ đa âm, phức điệu, hiện đại.

Câu 5: Mẹ Tân hiện lên là người như thế nào?

1. Thấu hiểu lẽ đời, chịu thương chịu khó.
2. Nhẹ nhàng, tinh tế, nhạy cảm, sâu sắc.
3. Âm thầm, bền bỉ, chăm chỉ, cần cù.
4. Giàu tình yêu thương con, có đức hi sinh cao cả.

Câu 6: Thông điệp của truyện là gì?

1. Chiến tranh đã qua đi nhưng vẫn còn đó bao nỗi đau âm thầm vẫn dai dẳng in hằn lên số phận của người mẹ có con hi sinh
2. Mỗi người hãy trân trọng tình cảm gia đình
3. Giá trị của hòa bình
4. Sức mạnh của tình mẫu tử thiêng liêng

Câu 7: Ý nghĩa chi tiết "cái rương" trong truyện là gì?

1. Nơi chứa đựng những bức thư mẹ gửi cho con trai út
2. Nơi chứa đựng những bí mật của lòng mẹ với nỗi đau âm thầm
3. Thúc đẩy cốt truyện phát triển
4. Cả ba đáp án trên

Trả lời câu hỏi:

Câu 8 (0.5 điểm): Xác định mạch kể của truyện

Câu 9 (1.0 điểm): Giọng điệu chủ đạo của truyện là gì? Giọng điệu ấy đã góp phần thể hiện chủ đề của truyện như thế nào?

Câu 10 (1.0 điểm): Truyện ngắn *Gọi con* gợi cho anh/ chị suy nghĩ, cảm xúc gì về những người thân trong gia đình.

Đề 2: Tự luận

Câu 1: Anh/chị cảm nhận thế nào về ngôn ngữ nghệ thuật trong đoạn văn sau: "*Nhưng dần theo năm tháng chiến tranh…còi báo động hú vang***"**

Câu 2: Ý nghĩa chi tiết "cái rương" trong truyện là gì?

Câu 3: Vì sao con cái thành đạt, hiếu thảo nhưng mẹ Tân lúc nào cũng *"cứ rầu rầu, lặng lặng và cứ thích thui thủi thế"*

Câu 4: Những đặc sắc trong nghệ thuật của truyện ngắn "Gọi con"

Câu 5: Anh/chị hãy chỉ ra giá trị nhân đạo của truyện ngắn "Gọi con"

Câu 6: Từ truyện ngắn *Gọi con*, em cảm nhận như thế nào về giá trị của hòa bình trong cuộc sống ngày hôm nay**.**

1. **LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn (khoảng 500 chữ) phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật tác phẩm ***Gọi con*** của Bảo Ninh.

Hướng dẫn đáp án chi tiết

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7
C	C	D	B	D	A	D

Câu 8. Xác định mạch kể của truyện:

– Tác giả bắt đầu từ thực tại khi Tân nhận chiếc rương – kỉ vật mà sau khi mẹ mất, anh đã "miễn cưỡng chọn lấy" và "tha" từ Hà Nội về tận Sài Gòn.

– Tiếp đó, tác giả kể về cái rương của mẹ, từ những bức thư dưới đáy rương, câu chuyện dẫn dắt người đọc giải mã những bí ẩn về mẹ, về người em được nhắc đến trong những bức thư.

– Trong quá khứ, Tân từng đi du học ở Tiệp lúc mười bảy tuổi. Sang Tiệp tròn một năm, Tân nhận được thư của mẹ, báo tin Nghĩa vào bộ đội.

– Câu chuyện trở lại thực tại với những bức thư của mẹ gửi cho Nghĩa- cậu con trai út. Nỗi đợi chờ khắc khoải của người mẹ dần đi vào cả những giấc chiêm bao.

Tiếp đó, mạch truyện trở lại quá khứ kể về việc cha đau ốm, cha mẹ vẫn ở lại Hà Nội trong những ngày chiến tranh ác liệt. Trước khi chết người cha vẫn thì thầm gọi Nghĩa trong niềm vô vọng. Chỉ khi lật giở những lá thư nơi đáy rương của mẹ, Tân mới vỡ ra cái gốc của "vẻ đợi chờ âm thầm, rụt rè và vô vọng, lẳng lặng trên gương mặt mẹ suốt bao năm trời đến tận khi nhắm mắt xuôi tay". Tân càng hiểu hơn khi "nỗi đau lòng mẹ".

Câu 9. Giọng điệu chủ đạo của truyện là tâm tình, xót xa, thương cảm. Giọng điệu ấy tạo sự xúc động sâu xa trong lòng người đọc và tập trung thể hiện nỗi đau đớn thắt lòng một người mẹ của con hy sinh trong chiến tranh.

Câu 10. Truyện giúp ta thêm thấm thía, trân trọng tình cảm thiêng liêng sâu nặng của những người thân yêu trong gia đình đặc biệt là tình yêu thương của cha mẹ dành cho con gái. Từ đó cố gắng học tập, tu dưỡng để đền đáp công ơn của cha mẹ.

Đề 2: Tự luận

Câu 1: Đoạn văn sử dụng nhiều tính từ "*buồn bã, đều đều, miên man*"… trạng ngữ "*dần theo năm tháng chiến tranh*", giàu nhịp điệu và chất thơ tạo hiệu quả khi đi sâu thể hiện thế giới nội tâm của nhân vật người mẹ, viết thư như để bày tỏ nỗi lòng, tình yêu thương cùng niềm hi vọng mong con trở về. Niềm mong nhớ con cháy lòng đi cả vào trong những giấc mơ của mẹ, nhưng trở lại hiện thực là niềm xa xót, tuyệt vọng "*tỉnh dậy thì đã chẳng níu giữ được gì nữa cả*".

Câu 2: Ý nghĩa chi tiết "cái rương" trong truyện ngắn là:

– Cái rương là kỉ vật mẹ để lại mà Tân mang về. Trong chiếc rương cũ ấy chứa đựng những bức thư mẹ gửi cho con trai út – những bức thư như những dòng nhật kí mẹ viết cho chính mình để giãi bày tâm sự, để vơi đi nỗi nhớ con. Nó cất giấu những bí mật của lòng mẹ với nỗi đau âm thầm, mẹ một mình chịu đựng.

– Đây là chi tiết nghệ thuật đắt giá, góp phần thúc đẩy cốt truyện phát triển.

Câu 3: Con cái thành đạt, hiếu thảo nhưng mẹ Tân lúc nào cũng *"cứ rầu rầu, lặng lặng và cứ thích thui thủi thế" vì:*

Mẹ Tân mang trong lòng nỗi đau không thể nguôi ngoai, đó là Nghĩa- người con trai út đã mãi mãi nằm lại nơi chiến trường. Người mẹ ấy nuốt nước mắt vào trong, lặng thầm chịu đựng tất cả để con cháu không phải phiền lòng. Chỉ đến khi đọc những lá thư giấu kín nơi đáy rương như niềm đau chôn chặt trong lòng mẹ, Tân mới thấu hiểu, xót thương và ân hận.

Câu 4: Những đặc sắc trong nghệ thuật của truyện ngắn "Gọi con":

-Thời gian trần thuật: truyện được kể không theo trình tự thời gian, các sự kiện được lồng ghép một cách uyển chuyển và sáng tạo: đan xen, đồng hiện giữa quá khứ, hiện tại

– Điểm nhìn trần thuật: Truyện được viết theo điểm nhìn chủ quan của tác giả, có những đoạn lời người kể chuyện hòa vào lời nhân vật Tân. Cách trần thuật ngắn gọn, cuốn hút, cách dẫn dắt tình tiết khéo léo làm cho mạch truyện phát triển và vận động liên tục.

– Ngôn ngữ trần thuật: đa dạng, sinh động, lời văn kể chuyện, miêu tả từng trải, tinh tế, giàu chất thơ.

– Giọng điệu trần thuật: tâm tình, xót xa, thương cảm. Giọng điệu ấy tạo sự xúc động sâu xa trong lòng người đọc và tập trung thể hiện nỗi đau đớn thắt lòng một người mẹ của con hy sinh trong chiến tranh.

Câu 5: Giá trị nhân đạo của truyện ngắn "Gọi con":

+ Truyện bày tỏ niềm xúc động, thương cảm sâu sắc đối với những mất mát của con người khi chiến tranh đã qua đi, cho người đọc thấm thía về nỗi buồn chiến tranh

+ Tác phẩm ngợi ca đức hi sinh cao cả, tình yêu thương con sâu nặng của những người cha, người mẹ; ngợi ca tinh thần chiến đấu của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, đã hy sinh thanh xuân để cống hiến cho Tổ quốc, quê hương.

+ Truyện là tiếng nói lên án, tố cáo những tội ác mà chiến tranh gây ra cho con người, để chúng ta tri nhận đầy đủ về giá trị của cuộc sống hòa bình.

Câu 6: Hòa bình có thể được xem là món quà vô giá nhất. Đó là trạng thái bình yên, không có bạo lực hay xung đột quân sự. Nó rất quan trọng đối với con người vì chỉ khi có được hòa bình, con người mới có thể sống trong điều kiện tốt nhất, không phải chịu đau khổ, mất mát và sự chia ly như trong chiến tranh. Hòa bình cho phép con người theo đuổi ước mơ, đam mê của mình. Đây cũng là một liều thuốc nuôi dưỡng những giá trị tâm hồn con người như tình yêu thương, sự chia sẻ, sự vị tha,… bởi như Victor Hugo từng nói: "*Hòa bình là đức hạnh của nhân loại. Chiến tranh là tội ác*". Hòa bình sẽ là nền tảng cho sự phát triển và thịnh vượng của mỗi quốc gia. Hòa bình của đất nước là sinh mệnh của từng cá nhân. Vì vậy, mỗi người hãy nỗ lực giữ gìn và bảo vệ hòa bình như bảo vệ sự sống của chính mình.

VIẾT

1. **Mở bài:** Bảo Ninh là nhà văn có đóng góp quan trọng cho nền văn học Việt Nam thời hậu chiến. Ông được biết đến với tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh,* những truyện ngắn như *Mây trắng còn bay, Gọi con*…. *Gọi con* được in trong tập "*Chuyện xưa kết đi, được chưa*" (2009). Tác phẩm là câu chuyện về người mẹ với đức hi sinh cao cả, dồn tình thương mong nhớ người con đi bộ đội từ đó cho người đọc thấm thía về bi kịch sau chiến tranh và tri nhận đầy đủ, sâu sắc, về giá trị của cuộc sống hòa bình.

2. **Thân bài:**

*** Mô tả và đánh giá cách nhà văn kiến tạo truyện (câu chuyện, cách tổ chức mạch truyện)**

Gọi con có sự phá vỡ trật tự thời gian của các sự kiện trong cuộc đời của nhân vật một mặt tạo sự hấp dẫn, gợi trí tò mò cho người đọc về quá khứ của nhân vật. Mặt khác, cách đảo trật tự các sự việc trong cuộc đời nhân vật còn thể hiện quan điểm trong tư duy tự sự của nhà văn: phân tích, lí giải nguyên nhân người mẹ dù các con thành đạt mà người mẹ không vui, "càng năm càng buồn bã hơn".

Cách lựa chọn trật tự kể: *phù hợp với hành trình nhận thức của Tân về những nỗi đau, mất mát trong lòng người mẹ.*

*** Chỉ ra đặc điểm của người kể chuyện trong truyện ngắn (ngôi kể, điểm nhìn)**

Người kể chuyện toàn tri sử dụng ngôi thứ ba mang đến cái nhìn khách quan.

Điểm nhìn được nhà văn sử dụng linh hoạt, phù hợp với nội dung trần thuật. Câu chuyện được kể theo điểm nhìn của nhân vật Tân – người con thành đạt về người mẹ. Sự đa dạng của điểm nhìn tạo nên sức hấp dẫn cho người đọc và là điểm độc đáo của nghệ thuật tự sự hiện đại. Người kể chuyện toàn tri không chỉ sử dụng điểm nhìn bên ngoài mà còn có thể sử dụng điểm nhìn bên trong để mở ra thế giới nội tâm nhân vật. Người kể chuyện gia tăng việc trần thuật theo ý thức nhân vật.

*** Phân tích vai trò của ngôi kể, điểm nhìn và lời trần thuật trong việc khắc họa nhân vật**

Tân xuất hiện là người kể chuyện cũng là người con hiếu thảo. Truyện ngắn mở ra một cách tự nhiên trong khi ông anh *lựa chiếc tivi* bà chị *chở đi cái tủ lạnh*. Còn Tân chọn rương nơi đầu giường mẹ. Đó là kỷ vật sau khi mẹ mất, Tân mang từ Hà Nội vào Sài Gòn mặc dù nó xoàng xĩnh nhưng Tân vẫn chọn nó. Dù sao đó cũng là vật gắn với Tân suốt mấy năm cấp ba. Khi chiếc rương mở ra, toàn bộ kí ức trong Tân ùa về. Lật giở những bức thư nơi đáy rương của mẹ, Tân mới vỡ lẽ ra "vẻ chờ đợi âm thầm", mới thấu được nỗi thương tâm của mẹ. Người mẹ ấy hết mực yêu thương con, mong mỏi chờ đợi vẫn không bộc lộ ra, sẵn sàng hy sinh vì gia đình. Đó là người trân trọng những kỉ niệm những giá trị xưa cũ. *Bao nhiêu sự khổ sở một thời người ta đã loại hết mà mẹ mình cứ giữ tuyệt điều đó cũng được thể hiện ở chiếc rương cũ của bà chỉ là chiếc rương kê giường.* Xoàng xĩnh nhưng mà cất giấu trong đó là những gì quan trọng nhất. Mẹ lưu giữ lại tất cả từ thư từ giấy má đến sổ học bạ sổ liên lạc, những bằng khen của anh chị em. Bà cũng là người sống giản dị dù con trai con gái đều có nhà lầu biệt thự mong mẹ về ở cùng song bà từ chối chỉ ở lại cái tầng của khu tập thể với đồ đạc toàn những thứ *già ngang một đời người*. Cách bày trí cũng đã mấy chục năm rồi không xê xích, bà cụ đã già nhưng luôn lụi cụi một mình không đòi hỏi điều gì ở con cháu và luôn rầu rầu im lặng điều này khiến cho anh chị em tình không ai hiểu nổi cách mở đầu truyện tạo cho ta sự tò mò thắc mắc là người mẹ đi sâu khám phá nội dung bức thư của mẹ ta thấy được một tình yêu thương con sâu sắc niềm mong nhớ người con trở về tất cả những lá thư gửi trung ương tờ báo cũ là mẹ gửi cho cậu em trai út Nghĩa. Khác với các anh chị của mình, Nghĩa không theo con đường đại học. Dù đỗ đại học Bách Khoa, Nghĩa nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc vào bộ đội tham gia kháng chiến. Mẹ thương xót và lo lắng cho Nghĩa vì không có con đường dễ dàng êm ấm như anh chị. Bà không quản đường xa lên thăm Nghĩa ở trại huấn luyện. Tình thương sâu nặng của mẹ dành cho Nghĩa thấm trong từng con chữ ở mỗi lá thư mẹ gửi cho cậu bà dặn dò từng chuyện nhỏ nhặt nhất. Mẹ Tân đi hỏi mấy bà trong khối phố có con đi bộ đội từ trước những kinh nghiệm cần thiết. Người mẹ ấy kiên trì nhẫn nại viết và nhẫn nại gửi cho Nghĩa khi đơn vị của Nghĩa đã rời đi chỉ mong một lần nhận được thư của con. Theo dần năm tháng, thư của mẹ ngày càng nhiều nhưng đều bị trả lại, những bức thư như những dòng nhật ký viết cho chính mình, bà viết để che đi nỗi vô vọng kéo dài.

Sự chờ đợi, nhớ mong đi cả vào trong những giấc chiêm bao đó là những giấc mơ mẹ nhìn thấy Nghĩa nhưng chưa kịp gọi thì đã tỉnh dậy. Người mẹ ấy vẫn tiếp tục viết thư cho Nghĩa, vẫn không kìm được lòng thốt lên những câu hỏi đầy xót xa: *"Không*

một bức thư, không một tin tức nhắn nhe nào cho mẹ, sao thế hở con, Nghĩa ơi?". *Nghĩa ơi* – hai tiếng nghe thật nhói lòng, tiếng gọi chứa đựng nỗi niềm cất giấu suốt bao năm trời bao kỳ vọng mong nhớ của những đấng sinh thành rất mực yêu thương con.

Theo bức thư mẹ kể, cha chưa bao giờ thấy Nghĩa trong giấc ngủ nhưng lại hay thoảng thấy con trai mình ngoài phố, phải chăng nỗi nhớ cùng sự xúc động nghẹn ngào khiến cha trở nên như vậy.

Nghệ thuật trần thuật đa giọng điệu; đa điểm nhìn; đặc biệt có sự kết hợp, cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết tạo ra các hiện tượng lời nửa trực tiếp, lời độc thoại nội tâm.

*** Đánh giá hiệu quả của nó (Chỉ ra mối liên hệ giữa người kể chuyện trong tác phẩm và nhà văn)**

Nhà văn đã nhập thân vào nhân vật Tân để viết nên những dòng chan chứa yêu thương, xúc động xen lẫn niềm đau đến thắt lòng khi hiểu ra nỗi lòng của người mẹ.

3. **Kết bài: Khẳng định giá trị nghệ thuật của tác phẩm truyện**

Bài viết tham khảo:

Bảo Ninh là nhà văn có đóng góp quan trọng cho nền văn học Việt Nam thời hậu chiến. Ông được biết đến với tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh*, những truyện ngắn như *Mây trắng còn bay, Gọi con…. Gọi con* được in trong tập "*Chuyện xưa kết đi, được chưa*" (2009). Tác phẩm là câu chuyện về người mẹ với đức hi sinh cao cả, dồn tình thương mong nhớ người con đi bộ đội từ đó cho người đọc thấm thía về bi kịch sau chiến tranh và tri nhận đầy đủ, sâu sắc về giá trị của cuộc sống hòa bình.

Gọi con có sự phá vỡ trật tự thời gian của các sự kiện trong cuộc đời của nhân vật một mặt tạo sự hấp dẫn, gợi trí tò mò cho người đọc về quá khứ của nhân vật. Mặt khác, cách đảo trật tự các sự việc trong cuộc đời nhân vật còn thể hiện quan điểm trong tư duy tự sự của nhà văn: phân tích, lí giải nguyên nhân người mẹ dù các con thành đạt mà người mẹ không vui, "càng năm càng buồn bã hơn". Mạch truyện phù hợp với hành trình nhận thức của Tân về những nỗi đau, mất mát trong lòng người mẹ.

Người kể chuyện toàn tri sử dụng ngôi thứ ba mang đến cái nhìn khách quan. Điểm nhìn được nhà văn sử dụng linh hoạt, phù hợp với nội dung trần thuật. Câu chuyện được kể theo điểm nhìn của nhân vật Tân – người con thành đạt- về người mẹ. Sự đa dạng của điểm nhìn tạo nên sức hấp dẫn cho người đọc và là điểm độc đáo của nghệ thuật tự sự hiện đại. Người kể chuyện toàn tri không chỉ sử dụng điểm nhìn bên ngoài mà còn có thể sử dụng điểm nhìn bên trong để mở ra thế giới nội tâm nhân vật. Người kể chuyện gia tăng việc trần thuật theo ý thức nhân vật. Tân xuất hiện là người kể chuyện cũng là người con hiếu thảo. Truyện ngắn mở ra một cách tự nhiên trong khi ông anh *lựa chiếc tivi* bà chị *chở đi cái tủ lạnh*. Còn Tân chọn chiếc rương nơi đầu giường mẹ. Đó là kỷ vật sau khi mẹ mất, Tân mang từ Hà Nội vào Sài Gòn mặc dù nó xoàng xĩnh nhưng Tân vẫn chọn nó.

Dù sao đó cũng là vật gắn với Tân suốt mấy năm cấp ba. Hình ảnh người mẹ hết mực yêu thương con mong mỏi chờ đợi vẫn không bộc lộ ra, sẵn sàng hy sinh vì gia đình. Trước hết ta thấy mẹ của Tân là người trân trọng những kỉ niệm những giá trị xưa cũ. *Bao nhiêu sự khổ một thời người ta đã loại hết mà mẹ mình cứ giữ tuyệt điều đó cũng được thể hiện ở chiếc rương cũ của bà chỉ là chiếc rương kê giường.* Xoàng xĩnh nhưng mà cất giấu trong đó là những gì quan trọng nhất. Mẹ lưu giữ lại tất cả từ

thư từ giấy má đến sổ học bạ sổ liên lạc, những bằng khen của anh chị em. Bà cũng là người sống giản dị dù con trai, con gái đều có nhà lầu biệt thự mong mẹ về ở cùng song bà từ chối chỉ ở lại cái tầng của khu tập thể với đồ đạc toàn những thứ *già ngang một đời người*. Cách bày trí cũng đã mấy chục năm rồi không xê xích, bà cụ đã già nhưng luôn lụi cụi một mình không đòi hỏi điều gì ở con cháu và luôn rầu rầu im lặng điều này khiến cho anh chị em Tân không ai hiểu nổi cách mở đầu truyện tạo cho ta sự tò mò thắc mắc là người mẹ đi sâu khám phá nội dung bức thư của mẹ ta thấy được một tình yêu thương con sâu sắc niềm mong nhớ người con trở về tất cả những lá thư gửi trung ương tờ báo cũ là mẹ gửi

Cho cậu em trai út Nghĩa. Khác với các anh chị của mình nghĩa không theo con đường đại học rủ đỗ đại học Bách Khoa mà nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của tổ quốc vào bộ đội tham gia kháng chiến. Mẹ thương xót và lo lắng cho Nghĩa vì không có con đường dễ dàng êm ấm như anh chị. Bà không quản đường xa lên thăm Nghĩa ở trại huấn luyện. Tình thương sâu nặng của mẹ dành cho Nghĩa thấm trong từng con chữ ở mỗi lá thư mẹ gửi cho cậu bà dặn dò từng chuyện nhỏ nhặt nhất. Mẹ Tân đi hỏi mấy bà trong khối phố có con đi bộ đội từ trước những kinh nghiệm cần thiết. Người mẹ ấy kiên trì nhẫn nại viết và nhẫn nại gửi cho Nghĩa khi đơn vị của Nghĩa đã rời đi chỉ mong một lần nhận được thư của con. Theo dần năm tháng, thư của mẹ ngày càng nhiều nhưng đều bị trả lại, những bức thư như những dòng nhật ký viết cho chính mình, bà viết để che đi nỗi vô vọng kéo dài.

Sự chờ đợi nhớ mong đi cả vào trong những giấc chiêm bao đó là những giấc mơ mẹ nhìn thấy Nghĩa nhưng chưa kịp gọi thì đã tỉnh dậy. Người mẹ ấy vẫn tiếp tục viết thư cho Nghĩa, vẫn không kìm được lòng thốt lên những câu hỏi đầy xót xa: *"Không một bức thư, không một tin tức nhắn nhe nào cho mẹ, sao thế hở con, Nghĩa ơi?*". *Nghĩa ơi* – hai tiếng nghe thật nhói lòng, tiếng gọi chứa đựng nỗi niềm cất giấu suốt bao năm trời bao kỳ vọng mong nhớ của những đấng sinh thành rất mực yêu thương con. Theo bức thư mẹ kể, cha chưa bao giờ thấy Nghĩa trong giấc ngủ nhưng lại hay thoảng thấy con trai mình ngoài phố, phải chăng nỗi nhớ cùng sự xúc động nghẹn ngào khiến cha trở nên như vậy.

Bảo Ninh đã thành công trong sử dụng nghệ thuật trần thuật đa giọng điệu; đa điểm nhìn; đặc biệt có sự kết hợp, cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết tạo ra các hiện tượng lời nửa trực tiếp, lời độc thoại nội tâm. Nhà văn đã nhập thân vào nhân vật Tân để viết nên những dòng chan chứa yêu thương, xúc động xen lẫn niềm đau đến thắt lòng khi hiểu ra nỗi lòng của người mẹ. Giọng điệu trần thuật sâu lắng, xúc động, xót xa thương cảm. Giọng điệu ấy tạo sự xúc động sâu xa trong lòng người đọc và tập trung thể hiện nỗi đau đớn thắt lòng một người mẹ của con hy sinh trong chiến tranh. Nhà văn cũng thành công trong nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật qua dòng tâm trạng của người mẹ khi viết thư cho con, qua suy nghĩ của Tân đọc được những bức thư giấu kín bao năm của mẹ.

Tác phẩm nghệ thuật chân chính không kết thúc ở trang cuối cùng không bao giờ hết khả năng kể chuyện khi câu chuyện về các nhân vật đã kết thúc. ***Gọi con*** để lại trong lòng người đọc nhiều cảm xúc, nhà văn cũng gửi tới chúng ta những thông điệp nhân sinh sâu sắc: khi con người ta sống trong thời bình luôn đề cap cái tôi sẽ quên đi những mất mát gian khổ đã qua; hãy biết trân trọng sự hy sinh của thế hệ trước, biết trân trọng những giá trị bình dị mà thiêng liêng

ĐỀ 11

NGỌN ĐÈN KHÔNG TẮT

Người ta gửi tới nhà Tư Lai một lá thơ. Thơ đề "Kính gởi ông Hai Tương". Cả nhà bối rối không ít. Ông Hai Tương đã ra người thiên cổ lâu rồi, thấy có người nhắc lại chồng, bà cụ Hai Tương nhớ quá ứa nước mắt. Khui lá thơ ra, thì ra là thơ mời nói chuyện khởi nghĩa.

Con Tươi ngồi chắt nước cơm ngoài sau bếp, than trong bụng: "Mấy chuyện đó kể muốn thuộc lòng rồi, bắt kể hoài, bộ mấy ổng hổng chán sao".

Cái khởi nghĩa đó xảy ra đã lâu lắm rồi. Dân xứ này có người nhớ, người không. Cái người không nhớ thì cũng nhớ được hai ngày. Ngày thứ nhất là ngày giỗ chung những người khởi nghĩa bị giặc bắn ngoài chợ. Ngày thứ hai là cái ngày kỷ niệm khởi nghĩa. Xã tưng bừng dựng cờ đỏ chói, chạy xuồng máy rước mấy cụ lão thành lại đằng chỗ ủy ban ngồi uống nước trà, ôn lại chuyện cũ. Những chuyện mà các cụ cất vô trong tim, trong máu, buổi sáng nhớ, buổi chiều nhớ, buổi tối cũng nhớ.

(...) Hồi còn sống, ông nội thương con Tươi nhất. Tươi cũng thương ông nội, quấn quít bên ông. Công việc của nó là nấu cơm, chở nước, quét dọn nhà cửa. Thời gian rảnh ngồi nghe ông nội kể chuyện xưa, nghe bà nội kể chuyện còn xưa hơn nữa. Thằng Sáng suốt ngày chạy nhảy, ăn chực ở nhà hàng xóm, trề môi như đưa đò:

-Ông nội khó thấy mồ.

Tươi không nghĩ ông nội khó, nhưng ông nội hơi lạ lùng. Ông nội dắt Tươi ra biển đứng sục chân trong bùn, nghe nước biển lấp liếm đầu gối, nội chỉ hướng Hòn.

-Bây coi kìa, Hòn đó.

-Dạ, xa quá hen nội.

-Bây ơi – nội đột nhiên nghẹn ngào – tao nhớ Hòn quá.

(...) Má Tươi bảo: "Con Tươi đi theo ông nội riết nó... khùng". Nó không khùng, nhưng nó già trước tuổi, nó già theo những câu chuyện xưa. Ông nội ngộ lắm. Ông nói cho nó biết sở dĩ bùn xứ nó mặn là vì có rất nhiều xương máu của chú, bác, cô, dì đã đổ xuống, trong đó đương nhiên là có máu của Thầy, của mấy anh em khởi nghĩa. Ông nói cho nó biết sống làm sao như cây đước thẳng tuột ưỡn ngực giữa sình lầy và còn nhóc chuyện nữa. Tươi cảm thấy mình phải có nhiệm vụ ghi nhớ những gì mà ông nội nói. Vì ba má nó lo làm ăn không có ở đây để nghe, vì thằng Sáng không muốn nghe. Rồi một bữa khác, ông nội nó ra bãi ngồi tới chạng vạng không chịu vô nhà. Ngồi coi biển đục ngầu, ngồi coi mặt trời lặn. Tươi năn nỉ ông vô nhà để ở ngoài này gió máy, cảm chết. Ông nội nó không chịu vô, vò đầu nó than:

-Tao thương Thầy quá. Nhớ Thầy quá. Tao thèm gặp Thầy, gặp anh

Đâu ngờ cái lần nội nói đó, nội đi gặp Thầy thiệt. Xóm Rạch vắng một người già cỗi cằn ngồi hát Sử hận, mấy ông làm phim, viết sử tiếc đứt ruột ông già sống qua những tháng năm biến động và nhứt là đã trải qua cuộc khởi nghĩa trên Hòn (...)

(Trích *Ngọn đèn không tắt, Tập truyện ngắn – In lần thứ 19*, Nguyễn Ngọc Tư, NXB Trẻ, tr5-9)

I.ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản và Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định ngôi kể.

Câu 2. Chi tiết nào đóng vai trò là điểm mở đầu của câu chuyện?

Câu 3. Qua văn bản, em thấy nhân vật Tươi là người như thế nào?

Câu 4. Chủ đề của truyện ngắn trên là gì?

Câu 5. Qua lời của ông Hai Tương trong quá khứ được gợi lại từ dòng hồi tưởng của nhân vật Tươi: *"sở dĩ bùn xứ nó mặn là vì có rất nhiều xương máu của chú, bác, cô, dì đã đổ xuống, trong đó đương nhiên là có máu của thầy, của mấy anh em khởi nghĩa",* em rút ra bài học gì cho bản thân?

II.VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm). Viết đoạn văn ngắn (khoảng 100 chữ) phân tích thông điệp trong truyện ngắn *Ngọn đèn không tắt* của tác giả Nguyễn Ngọc Tư.

Câu 2. (4,0 điểm). Nhiều người hiện nay vẫn có thói quen đổ lỗi cho người khác từ những việc nhỏ nhất. Viết một bài luận (khoảng 500 chữ) thuyết phục người khác từ bỏ thói quen đổ lỗi.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4,0**
	1	Ngôi kể: ngôi thứ 3 (toàn tri)	0,75
	2	Chi tiết: *"Người ta gửi tới nhà Tư Lai một lá thơ. Thơ đề "Kính gởi ông Hai Tương". Cả nhà bối rối không ít. Ông Hai Tương đã ra người thiên cổ lâu rồi".*	0,75
	3	Qua văn bản, em thấy nhân vật Tươi là: – Đứa cháu rất thương ông, thấu hiểu tình cảm của ông với những người đồng đội cũ. – Biết trân trọng, ghi nhớ công ơn của những con người ngã xuống giữ gìn mảnh đất quê hương.	1,0
	4	Chủ đề: Xoay quanh những dấu ấn còn sót lại của chiến tranh và ca ngợi những người anh hùng đã chiến đấu vì đất nước.	1,0
	5	– Đất nước đã phải hứng chịu nhiều đau thương mất mát do chiến tranh, để có được hòa bình như ngày hôm nay, cha ông ta đã phải đánh đổi rất nhiều kể cả xương máu, vì vậy ta phải biết ơn những người anh hùng đã hi sinh vì đất nước.	0,5
II	**VIẾT**		**6,0**
	1	Viết đoạn văn ngắn (khoảng 100 chữ) phân tích thông điệp trong	**2,0**

		truyện ngắn *Ngọn đèn không tắt* của tác giả Nguyễn Ngọc Tư.	
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân – hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: phân tích thông điệp trong truyện ngắn *Ngọn đèn không tắt* của tác giả Nguyễn Ngọc Tư.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách. Đây là gợi ý: **Mở đoạn:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm, thông điệp trong truyện. **Thân đoạn:** – Phân tích, chứng minh thông điệp trong truyện. – Một vài thông điệp trong tác phẩm: + Sự biết ơn những người có công với đất nước. + Tình cảm yêu thương giữa các thành viên trong gia đình. + Chiến tranh dù đã qua đi nhưng vẫn để lại những kí ức không thể nào quên. + Con người phải sống thật ngay thẳng dù đang ở trong bất cứ hoàn cảnh nào. **Kết đoạn:** Khẳng định giá trị thông điệp đối với truyện/trong việc thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm/tác giả.	0,75
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25

	2	Viết một bài luận (khoảng 500 chữ) thuyết phục người khác từ bỏ thói quen đổ lỗi.	**4,0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Thuyết phục người khác từ bỏ thói quen đổ lỗi.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận	

		HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: **Mở bài:** Nêu thói quen hay quan niệm về việc đỗ lỗi cần thuyết phục người khác từ bỏ/lí do hay mục đích viết bài luận. **Thân bài:** – Giải thích: "Đổ lỗi" là hành vi con người cố tình chối bỏ lỗi lầm của mình, hoặc viện cớ do lí do khách quan, hoặc đổ tội cho người khác. Đây là một hiện tượng đáng buồn thường gặp trong cuộc sống hằng ngày. – Lần lượt đưa ra ít nhất hai luận điểm (lí lẽ, bằng chứng): + Nêu một vài nguyên nhân khiến người ta hay đổ lỗi (không bắt buộc). + Trình bày tác hại của thói quen đỗ lỗi: Đổ lỗi không giúp khắc phục hậu quả gây ra, mà trái lại càng làm việc khắc phục hậu quả thêm trì trệ, khiến hậu quả càng nghiêm trọng; Đổ lỗi khiến chúng ta trở thành kẻ vô trách nhiệm, tự huyễn hoặc bản thân rằng mình không bao giờ sai, từ đó không thể tiến bộ, hoàn thiện mình… + Trình bày lợi ích của việc từ bỏ thói quen đỗ lỗi: Từ bỏ thói quen này giúp chúng ta nhìn nhận đúng bản thân, dám chịu trách nhiệm với những việc làm chưa đúng của mình, chủ động khắc phục hậu quả gây ra (nếu có)… + Thất bại trong cuộc sống, nhiều người đổ lỗi do hoàn cảnh khó khăn, nghèo khó mà quên mất rằng cũng nhiều người nhờ nỗ lực không ngừng mà làm giàu từ hai bàn tay trắng. – Nêu giải pháp từ bỏ thói quen đổ lỗi: Cần biết tự ý thức, có tinh thần trách nhiệm, dũng cảm nhận lỗi, sửa lỗi; Không ngần ngại nói "Xin lỗi" khi mình mắc sai lầm và có cách thức cụ thể, thiết thực để sửa chữa lỗi lầm… **Kết bài:** Khẳng định lại ý nghĩa, lợi ích của việc từ bỏ thói quen đỗ lỗi. Thể hiện niềm tin vào sự cố gắng hay hi vọng vào sự thành công của người thuyết phục	2,75

ĐỀ 12.

ĐỌC HIỂU: (5.0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Như bao bà mẹ khác, mẹ tiễn con gái về nhà chồng cũng sụt sịt lấy tay áo lau nước mắt. Mọi người xúm lại kêu, gả con về chợ, mắc gì mà khóc. Trong lòng những bà dì bà thím ở quê, về chợ nghĩa là ăn sung mặc sướng, đèn đóm sáng trưng, thiếu thứ chi chỉ cần bước ngay ra cửa là có, "mãn năm móng chân không dính miếng sình".

Nhưng chỉ bữa sau đám cưới, cô dâu mới đã phải xoắn tay áo hì hụi tát nước, kê cao những vật dụng trong nhà. Sau trận mưa khuya đường sá biến thành sông, nước tràn vào lòng những căn nhà thấp hệt thung lũng, sau mấy bận người ta cơi cao mặt đường chống ngập. Nước mưa và triều cường cứ dùng dằng mãi trên đường không chịu rút. Cô thấy cái cảnh mình xoắn quần lội lò dò đi giữa rác rưởi và nước cống rảnh đen ngòm, có khác gì ở quê những ngày lụt. Thành phố cuối năm, những bữa tiệc nước không mong đợi cứ theo gió chướng mà về.

Nhưng cô dâu mới không vỡ mộng, cái nơi chốn cô vừa trở thành nông dân chính thức không lạ gì sau năm năm trọ học. Cũng có thể cô đã từng hơi thất vọng, vào những ngày đầu khăn gói đến đây. Thấy chợ cũng như cái xóm quê mình, mưa đầu mùa cũng gặp mấy con cá rô ốm ròm vác cái bụng lặc lè trứng lóc qua sân nhà trọ. Chạng vạng ễnh ương, nhắc nheng kêu sầu trời đất. Có bữa dậy thấy rắn nước nằm khoanh tìm hơi ấm trong giày. Đường sá quãng cuối năm thành sông, lút nửa vành bánh xe đạp. Ở cái nơi là chợ, lâu lâu thấy một ông già lùa đàn bò ngang qua, nhiều khu dân cư mới người tới chưa đông, cỏ dại mọc đầy. Cái anh trọ ở đầu dãy, suốt ngày vác trúm đặt lươn quanh quanh mấy mương cống, mà đủ sống.

/.../

Nhưng cư dân xóm chợ nào đã trải qua những tối dài nhàm chán không cách chi làm đầy, những khi khách xa đòi ngồi ở quán cà phê ngắm mấy dòng sông mà thành phố đã quyết liệt giấu chúng sau những dãy phố ken chật, những lần trẻ con níu áo hỏi ba ơi mình đi đây vậy, lúc ấy, mới thấy thành phố vẫn chưa đủ sáng, thứ ánh sáng không đơn giản chỉ là treo thật nhiều đèn màu chớp nháy.

(Trích "*Bóng của thành phố*" của Nguyễn Ngọc Tư)

***** *Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976 tại xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau trong một gia đình nông dân. Cô học hết cấp Phổ Thông Cơ Sở đã nghỉ học, mong muốn xin làm việc tại một cơ quan văn nghệ báo chí tỉnh Cà Mau, môi trường thuận tiện có thể phát triển nghề cầm bút mà cô đam mê.[1] Các truyện ngắn đầu tay của Nguyễn Ngọc Tư viết về tình bạn ở đồng quê, được ba cô gửi tạp chí Văn nghệ Bán đảo Cà Mau và đã được đăng. Cô đã kết hôn và cũng đã có con.*

Cô được biết đến với tập truyện mang tên Cánh đồng bất tận. Tập truyện nhận giải thưởng của Hội nhà văn Việt Nam năm 2006 và truyện ngắn cùng tên đã được chuyển thể thành phim điện ảnh năm 2010

Câu 1. (0.5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản?

Câu 2. (0.5 điểm) Xác định ngôi kể của văn bản?

Câu 3: (1.0 điểm) Em hiểu như thế nào về câu "*mãn năm móng chân không dính miếng sình*"?

Câu 4: (1.0 điểm) Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ liệt kê được sử dụng trong câu *"mưa đầu mùa cũng gặp mấy con cá rô ốm ròm vác cái bụng lặc lè trứng lóc qua sân nhà trọ. Chạng vạng ễnh ương, nhắc nheng kêu sầu trời đất. Có bữa dậy thấy rắn nước nằm khoanh tìm hơi ấm trong giày"?*

Câu 5: (1.0 điểm) Giải thích nghĩa của từ ngữ được in đậm trong trường hợp sau. "/…/ *Nước mưa và triều cường cứ* ***dùng dằng*** *mãi trên đường không chịu rút /.../*"

Câu 6: (1.0 điểm)

Tác giả cho rằng: "*thành phố vẫn chưa đủ sáng, thứ ánh sáng không đơn giản chỉ là treo thật nhiều đèn màu chớp nháy*". Em có đồng ý với ý kiến của tác giả không? Vì sao? (Trình bày bằng một đoạn văn từ 5 đến 7 dòng).

II.Viết. (5.0 điểm)

Em hãy viết một văn bản nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về nét đặc sắc nội dung và nghệ thuật qua đoạn trích "*Bóng của thành phố*" của Nguyễn Ngọc Tư.

HƯỚNG DẪN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC- HIỂU**	**6.0**
	1	Phương thức biểu đạt: Tự sự, miêu tả, biểu cảm	0.5
	2	Ngôi kể củ văn bản: Ngôi thứ Ba toàn tri.	0.5
	3	– Cuộc sống hạnh phúc, giàu có, được yêu thương viên mãn. – Sống sung sướng, không vất vả, lo toan, nhọc nhằn.	1.0
	4	**Tác dụng của phép tu từ liệt kê:** **–** Diễn tả sự vật, sự việc cụ thể toàn diện, tạo sự thu hút, thuyết phục, cảm xúc, cân đối cho câu văn. -Miêu tả những hình ảnh gần gũi, giản dị, mộc mạc của thành phố gợi thú vị không khác gì với làng quê.	0.5 0.5
	5	– Nghĩa của từ **dùng dằng:** *+ Lưỡng lự không quyết định, thường là trong việc đi hay ở, vì còn muốn kéo dài thêm thời gian.* *+ Chưa muốn chia tay, nửa ở nửa đi.*	0.5 0.5
	6	– Học sinh trình bày đúng cấu trúc của đoạn văn: Lùi vào đầu dòng, viết hoa chữ cái đầu dòng, không xuống dòng, đủ số dòng qui định. – Quan điểm: Đồng ý/ không đồng ý/ Vừa đồng ý vừa không đồng ý. – Lí giải: Học sinh lí giải phù hợp với quan điểm thì chấp nhận.	0.25 0.25 0.5
II		**VIẾT**	**5.0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Phân tích. Đánh giá nội dung và hình thức nghệ thuật	0.5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận	**3.75**

		dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:	
		*. Giới thiệu tác giả, tác phẩm vấn đề nghị luận ***. Phân tích, đánh giá nội dung và hình thức nghệ thuật**: – Nội dung: + Cốt truyện xoay quanh cuộc sống, tâm trạng của cô dâu khi lấy chồng nơi thị thành. + Nhân vật là cô gái trẻ đã từng học tập sinh sống ở thành phố nên cũng không có gì bỡ ngỡ trước sự việc xảy ra và niềm khao khát một "ánh sáng" mới nơi thị thành. – Nghệ thuật. + Cốt truyện đơn giản, xoay quanh tình huống cụ thể. + Ngôi kể thứ Ba toàn tri tạo điều kiện khách quan trong cách nhìn và thể hiện cảm xúc nhân vật. + Nhân vật thể hiện qua hành động để khắc hoạ tâm lí tinh tế. + Sử dụng bút pháp tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm và biện pháp tư từ: liệt kê, so sánh, ẩn dụ,… thể hiện tâm lí, khát vọng của nhân vật. *. Khẳng định vấn đề, nêu ý nghĩa nhận thức và thực tiễn của vấn đề.	0.5 2.75 0.5
		d. Sáng tạo trong lập luận lí lẽ, dẫn chứng.	0.25
		e. Lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	0.25

ĐỀ 13.

ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

Về ! Bạn xoa cái bụng ông Địa độn vải chang bang của mình, nói chờ con chút nữa má ơi. Sau, lúc kể với tôi bạn nói:"thì dặn cho có vậy, chớ bà già tao chờ tao tới suốt đời". Tết đó bạn bốn mươi ba tuổi.

Tôi với bạn không thân, có khi cả tuần mới ngồi chung nhau ở bàn, ở nơi gần như duy nhất là quán cà phê Văn nghệ. Nhưng tôi quen má của bạn, một bà già tuổi trên bảy mươi, đẹp người. Mỗi tháng bà ăn chay bốn ngày. Bà bị say xe, đi Sài Gòn lần nào cũng gọt củ sắn đem theo nhai cho đỡ nhộn nhạo trong ruột. Buổi sáng đi chợ thay vì vô tiệm phở bà chỉ ăn nắm xôi, hay một ổ bánh mì trơn, số tiền còn lại bà chắt mót bỏ ống cho bạn cất nhà. Bà có cái đầu tóc mượn làm từ tóc rụng của mình, chính mình nhặt nhạnh. Đôi lúc đọc mấy mẩu chuyện con con bạn viết, truyện nào cũng có nhân vật má, bà kêu kiếm gì đó viết nhắc tới ba bây, kẻo ổng buồn.

Tôi chưa gặp bà má đó lần nào, những gì tôi biết đều do bạn kể. Ngoài cà phê đá, sữa đậu nành… ngồi với bạn, tôi được thưởng thức thêm món "bà già tao…". Như một ám ảnh. Ngọt ngào. Quán nằm giữa lòng thành phố, nhưng có khi bạn làm tôi thấy bóng người đàn bà ngồi câu cá chốt giấy làm khô gởi ra chợ cho con, bà hái bông so đũa về nấu chua với cá rô đồng. Tôi thấy bà ngồi trong bếp, thêm lửa cho đáy

nồi dày cơm cháy (món này bạn khoái). Những ngày Tết bà hay lảng vảng gần chỗ mấy đứa con chơi bài cào, hóng coi đứa nào thua nhiều, bà lén luồn tiền cho nó.

Và bạn luôn là người thua nhiều nhất. Bà má bận lòng với bạn nhất. Lần nào về trong mớ hành lý của bạn cũng nhồi nhét bao nhiêu là quần áo quăn queo, má lục lọi ra, ôm đi ủi. Qua cửa là bà ngó từ trên xuống dưới, lúc bảo cạo râu bớt đi lúc chê tóc dài quá phủ cả lỗ tai, mà để móng tay chi dài thượt thiệt ngứa con mắt. Bạn hí hửng, bị rầy mà vô cùng hí hửng, má càm ràm bạn coi bằng như má hát ru vậy.

Bạn không bao giờ nói kiểu như tao thương má, nhớ má lắm lắm. Tình cảm của bạn đặt vào những câu chuyện, những ký ức, những kỷ niệm có thể đã củ kỹ rồi hoặc còn tươi rói mới hôm qua, lần về thăm nhà gần nhất. Nơi bạn sống cách nhà sáu mươi cây số, lâu lắc vài ba tháng bạn mới về một lần, nhưng cảm giác bạn chưa bao giờ bỏ má đi đâu quá một ngày. Lá bay ngoài đường rơi bạn mơ màng "bà già tao tầm bốn giờ sáng là xách chổi đi quét lá ngoài sân…". Một người bán quà rong đi ngang qua bạn chép miệng, "bà già tao ưa bánh phồng nếp nướng…". Ngồi trong quán ngó trời mưa, mà mắt bạn ngậm sương như thể trước mặt thấp thoáng dáng một người phụ nữ đang súc rửa mấy cái lu, đắp đất be quanh nền nhà chống ngập, lấy tấm cao su căng che cho mùng con khỏi dột.

Bạn là họa sỹ, kiêm viết văn xuôi, làm thơ kiêm diễn viên và ca vọng cổ nghe cũng mùi. Chữ của bạn luôn có hình ảnh bà mẹ tần tảo với đầu tóc mượn xức dầu dừa, kim tây cài miệng túi áo, chân đi dép Lào, nồng mùi dầu gió. Nhưng khi vẽ, hiện diện trên tranh bạn nhiều nhất là trẻ con. Những đứa trẻ đang giỡn đang chơi, xúm xít với nhau hồn nhiên ngước mặt ngó trời, bình an và nhẹ nhõm. Như thể khung tranh đã che khuất bà mẹ chúng đang ở gần đâu đó, đang bao dung dõi theo, ngó chừng bảo bọc cho, tôi có cảm giác đó. Nhưng cảm giác cũng đầy chủ quan, tôi bị ám ảnh bởi thứ tình cảm kỳ lạ mà bạn dành cho má, đôi khi chỉ vì một lần giọng bạn trở nên thảng thốt, "bà già tao nằm đau ở Sài Gòn…"

Đôi khi, tôi học từ những câu chuyện nhát gừng, vô chừng của bạn cách làm mẹ, làm con. Và cũng có lúc tôi hơi nghi ngờ, không biết chi tiết này câu chuyện kia có thật không. Nhưng điều đó không quan trọng, dù bạn viết truyện ngắn bằng lời, thì ba chữ "bà già tao…" từ cái miệng râu ria rậm rạp của bạn cũng lan ấm áp rung cảm sang tôi.

[…] Đến nỗi, tôi đoán chừng bạn không lấy vợ vì chưa tìm được người phụ nữ nào giống như má bạn. Và bạn còn nghèo má bạn còn mãi xót xa. Bạn còn lông bông văn nghệ văn gừng là má bạn còn căn nhằn rầy la… Dường như bằng cách này bạn giành lấy tình thương của má, khi trót sinh ra dưới một mái nhà đông anh chị em. Má ở đầu nguồn, nên bạn mãi là con cá lìm kìm suốt đời bơi ngược nước ?

Ai đó sẽ nói rằng bạn ích kỷ, chỉ nghĩ tới bản thân mình, nhưng dường như quyền phán xét chỉ thuộc về người mẹ. Biết đâu bà cảm thấy vui, an ủi, khi những đứa con lớn khôn đã lần lượt rời khỏi tầm với của bà, chỉ bạn là mãi loay hoay, lẩn quẩn vướng quanh chân. Ứ hự cái thằng nghề nghiệp lêu bêu, chưa vợ, chưa nhà cửa…

("*Con trai và má"*, Nguyễn Ngọc Tư, *vannghesongcuulong.org.vn)*

<u>*Chú thích:*</u>

– Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976 tại Đầm Dơi, Cà Mau. Là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Giọng văn chị đậm chất Nam bộ, là giọng kể mềm mại mà sâu cay về những cuộc đời éo le, những số phận chìm nổi. Cái chất miền quê sông nước

ngấm vào các tác phẩm, thấm đẫm cái tình của làng, của đất, của những con người chân chất hồn hậu nhưng ít nhiều gặp những bất hạnh.

– Tác phẩm *"Con trai và má" được* Nguyễn Ngọc Tư *sáng tác vào tháng 03 năm 2010, sau đó được đăng tải trên báo điện tử vannghesongcuulong.org.vn*

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản.

Câu 2. Nêu phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.

Câu 3. Xác định ngôi kể của người kể chuyện.

Câu 4. Nêu chủ đề của văn bản.

Câu 5. Nhân vật người mẹ hiện lên như thế nào trong đoạn văn thứ hai *"Tôi với bạn không thân… kẻo ổng buồn"* ?

Câu 6. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: *"Bạn là họa sỹ, kiêm viết văn xuôi, làm thơ kiêm diễn viên và ca vọng cổ nghe cũng mùi."*

Câu 7. Nhận xét về nghệ thuật miêu tả nhân vật người mẹ trong văn bản của tác giả.

Câu 8. Bài học có ý nghĩa nhất với em được rút ra từ văn bản trên là gì?

VIẾT (4.0 điểm) Em hãy viết bài văn nghị luận phân tích và đánh giá nhân vật người mẹ trong văn bản trên.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6,0**
	1	Thể loại của văn bản: Truyện ngắn	0,5
	2	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích**:** Tự sự	0,5
	3	Ngôi kể của người kể chuyện: Ngôi thứ nhất	0,5
	4	Chủ đề của văn bản: Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, cao đẹp.	1,0
	5	– Nhân vật người mẹ: hiền lành, phúc hậu, tiết kiệm vì con cái, yêu thương chồng.	1,0
	6	– Biện pháp tu từ: liệt kê "*họa sỹ, kiêm viết văn xuôi, làm thơ kiêm diễn viên và ca vọng cổ"* – Tác dụng: + Nhấn mạnh, khẳng định sự đa tài của nhân vật. + Làm cho sự diễn đạt trở nên rõ ràng, đầy đủ, sinh động, hấp dẫn.	1,0
	7	**Nghệ thuật miêu tả nhân vật trong đoạn trích:** + Ngôn ngữ trong sáng, giản dị, mộc mạc;	0,75

		+ Giọng điệu nhẹ nhàng, giàu chất trữ tình. + Đặt nhân vật vào tình huống để bộc lộ tính cách.	
	8	HS có thể rút ra một trong những bài học như: + Biết ơn, trân trọng công lao sinh thành, dưỡng dục. + Hiếu thảo, yêu thương, quan tâm, chăm sóc cha mẹ + Tình cảm mẹ con rất thiêng liêng, cần được bày tỏ, gìn giữ.	0,75
II		**VIẾT**	**4,0**
		Phân tích, đánh giá nhân vật người mẹ trong tác phẩm ***"Con trai và má"*** của Nguyễn Ngọc Tư	
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức bài văn Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.	0,5
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Viết bài văn phân tích, đánh giá nhân vật người mẹ trong tác phẩm ***"Con trai và má"*** của Nguyễn Ngọc Tư	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể viết bài theo nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau: – Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, nhân vật người mẹ và vấn đề cần phân tích. – Phân tích nhân vật người mẹ trong tác phẩm: + Ngoại hình, tuổi tác. + Hành động: tất bật, chăm chỉ, lo toan cho con + Tính cách: · Yêu thương con vô bờ bến. · Hi sinh thầm lặng, lo lắng cho con · Sẵn sàng tha thứ cho những lỗi lầm của con. · Trăn trở cho tương lai của con, mong cho con được những điều tốt nhất. + Thông điệp được gửi gắm qua nhân vật: Khẳng định vai trò to lớn của người mẹ trong cuộc sống mỗi người. Truyền tải thông điệp về lòng biết ơn, trân trọng công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ. – Đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật: + Phương thức biểu đạt tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm, đặt nhân vật vào tình huống để bộc lộ tính cách. + Ngôi kể thứ nhất giúp cho câu chuyện trở nên khách quan, lôi cuốn. + Ngôn ngữ trong sáng, gần gũi; giọng điệu nhẹ nhàng, giàu chất trữ tình; mang đậm sắc thái Nam Bộ. – Đánh giá thành công của nhà văn khi xây dựng nhân vật:	2,0

		+ Nhân vật người mẹ trong truyện ngắn "Con trai và má" được xây dựng chân thực, sinh động, mang đậm chất hiện thực. + Là một hình tượng đẹp, tiêu biểu cho tình mẫu tử thiêng liêng, góp phần mang đến cho người đọc những cảm xúc sâu lắng và trân trọng hơn tình cảm gia đình.–	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt	0,5
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			**10,0**

ĐỀ 14.

Đọc văn bản sau:

QUÀ MUỘN

(**Tóm lược:** Ba mẹ ly hôn, nhân vật tôi và em Thu phải mỗi người sống một nơi. Tôi luôn than trách mẹ vì nghĩ mẹ yêu em Thu hơn. Để hiểu được lời mẹ nói, nhân vật tôi phải trải một thời gian dài với quá trình chung sống với người dì ghẻ chỉ hơn có 8 tuổi. Từ chỗ không tìm được điểm chung và sự yêu thương đến chỗ cảm thông chia sẻ cho người dì ghẻ, nhân vật tôi thay đổi cách đối xử khi dì ghẻ đẻ em bé mà "tôi" thấy sao nó giống Thu – cô em gái yếu ớt cùng cha cùng mẹ đến vậy)

Sau bao ngày tháng, giờ đây tôi bỗng nhớ mẹ và em Thu đến cồn cào. Tôi nhớ hồi đó tôi hay giành đồ chơi với Thu và nó chẳng biết làm gì hơn là khóc ư ử….

Tôi chưa bao giờ quan tâm đến em Thu – Ba đã khiến tôi nhận ra điều này! Tôi ẵm bồng bé Bi, ru nó ngủ, may áo búp bê, mua đồ chơi cho nó. Tôi muốn làm thật nhiều cho bé để chuộc lại sự vô tâm đối với em Thu. Nhưng bé Bi là bé Bi, em Thu là em Thu và tôi bật khóc mỗi khi nhớ mẹ. Tôi lục mấy phong thư cũ, tìm địa chỉ của mẹ nhưng vô ích, con dấu ngoài phong bì với hai chữ Nha Trang lạnh lùng chẳng nói được gì hơn. Nha Trang trở thành một địa danh ám ảnh.

Giấy báo tôi thi đậu á khoa Đại Học Y Thành phố Hồ Chí Minh gởi về nhà. Ba mở tiệc mừng ngay ngày hôm sau. Tiếng cụng ly của khách khứa chúc mừng tương lai tôi vọng vào phòng khiến dì run vai lặng khóc. Tôi bồng bé Bi lên, bé nhìn tôi bằng đôi mắt lờ đờ rồi mệt mỏi ngả cổ trên vai tôi.

– Mai mốt Linh đi học…ở đây một mình…dì biết làm sao? – Dì nói nho nhỏ, thống khổ, tuyệt vọng, cô đơn. Dì già sọm như đã bốn mươi.

Tôi cắn nghiêm môi lại. Mẹ cũng đã từng thấy khổ tuyệt vọng và cô đơn như vậy. Mà hồi đó, tôi còn quá nhỏ để biết chia sẻ.

[…]

Thật là bất ngờ, tôi gặp mẹ ngay ngày đầu tiên đến trường Đại học. Trong phút giây, tôi và mẹ đứng lặng nhìn nhau. Mẹ già đi nhiều, tóc lốm đốm bạc. – Sao mẹ…đứng ở đây? Tôi ấp úng hỏi một câu ngu ngơ.

– Mẹ đợi con! – Giọng mẹ khàn khàn.

– Sao mẹ…không viết thư cho con?

– Biết ba con lấy vợ nên mẹ thôi không gởi. Mẹ ngại ba nghĩ rằng mẹ quấy rầy hạnh phúc của ba con.

– Mẹ ngại…ngại…Mẹ không nhớ đến con thì có! – Tôi dằn dỗi, như ngày xưa mỗi lần mẹ mua quà cho em Thu.

– Linh! – Mẹ dịu dàng gọi tên tôi – mẹ luôn hỏi thăm về con. Con có thấy là mẹ đang đứng đây không? Từ khi biết con đậu trường này, ngày nào mẹ cũng đến đây đợi.

Hai mẹ con mà phải đợi chừng đó năm tháng để gặp nhau ở một nơi xa lạ. Tôi gục đầu trên vai mẹ, bật khóc.

– Con về Nha Trang tìm mẹ…mẹ ơi!

– Hồi đó mẹ đưa em về Nha Trang với hy vọng khí hậu biển sẽ tốt hơn cho em con. Rồi nghe nói ở thành phố có nhiều bác sĩ giỏi nên mẹ đưa em về đây.

– Em Thu…sao rồi mẹ? – Tôi hồi hộp hỏi.

– Em con mất rồi! – Nước mắt mẹ rơi trên tóc tôi – Em con không ý thức được nguy hiểm nên đút tay vào ổ điện.

Đột nhiên tôi thấy nhẹ nhõm, nỗi nhẹ nhõm tàn nhẫn, kỳ quặc và đau đớn. Mẹ nghẹn ngào:

– Chết có lúc là giải thoát phải không con?

Nỗi đau trong mắt mẹ khiến cổ tôi cứng lại.

Tôi có thêm một đứa em trai, vì mẹ đã có chồng. Chồng của mẹ là một bác sĩ khoa tâm thần. Thật khó chịu khi biết mẹ có chồng. Việc mẹ có chồng khác hẳn việc ba có vợ! Không thể giải thích được vì sao lại như vậy.

Tôi cố tạo một vẻ mặt vô tư khi gặp cậu bé. Nó có khuôn mặt tròn và sóng mũi thanh tú của mẹ. Rồi khi đối diện với ông bác sĩ, tôi nhận ra đôi mắt nó là bản sao của đôi mắt ông.

Câu chào ngập ngừng trên môi, rồi tôi bật ra "Chào bác".

Ông đáp lại câu chào của tôi bằng một nụ cười.

Ông đưa mẹ và tôi ra mộ em Thu. Ngôi mộ xây theo một kiểu là lạ, ngồ ngộ. Những viên đá hoa đủ màu đắp quanh mộ như những món đồ chơi bày ra bừa bãi. – Với dáng mộ này, bác mong em của cháu có được tuổi thơ ở thế giới bên kia – Ông nói bằng một giọng ấm áp, ân cần.

Tôi hình dung một cuộc sống có ông, mẹ, em Thu và đứa em tôi mới gặp. Thật khó mà hình dung được cuộc sống đó ra sao. Tuy nhiên, tôi hiểu ông rất yêu mẹ tôi. Vì yêu mẹ nên ông đã tặng cho em tôi tuổi thơ, dẫu muộn màng. Cũng như tôi thân thiện với dì vì nhớ mẹ, và nựng nịu vỗ về bé Bi vì tình yêu muộn màng dành cho em Thu.

Tôi chợt hiểu ra một điều cơ bản của cuộc sống. Những ai biết yêu thương sẽ sống đẹp hơn.

(Nguyên Hương, Trích *Những truyện hay viết cho thiếu nhi*, NXB Kim Đồng)

Thực hiện yêu cầu:

Câu 1. Xác định ngôi kể của truyện ngắn *Quà muộn*.

Câu 2. Nhân vật tôi gặp lại mẹ trong hoàn cảnh nào?

Câu 3. Qua sự thay đổi của nhân vật *tôi* sau khi gặp mẹ, anh/chị thấy nhân vật *tôi* là người thế nào?

Câu 4. Nhận xét nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật *tôi* của nhà văn Nguyên Hương.

Câu 5. Em có đồng ý với quan điểm của nhân vật tôi ở cuối truyện *Những ai biết yêu thương sẽ sống đẹp hơn?* Vì sao?

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. ***(2,0 điểm)***

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) cảm nhận bài thơ sau:

LÁ XANH

Người vá trời lấp bể

Kẻ đắp lũy xây thành

Ta chỉ là chiếc lá

Việc của mình là xanh

(*Trái tim người lính (thơ)*, Nguyễn Sĩ Đại,
NXB Thanh niên, 1998)

Chú thích: *Nguyễn Sĩ Đại* là một trong những gương mặt thi ca đương đại tiêu biểu của vùng đất xứ Nghệ, từng tham gia quân đội trong chiến tranh chống Mỹ. Ông có nhiều bài thơ ghi dấu, nhắc nhớ trong lòng người đọc, ông còn được xem là "nhà thơ tâm giao" đặc biệt của người nông dân, dù "người nông dân" Nguyễn Sĩ Đại sống, làm việc lâu năm ở phố thị và từng giữ trọng trách trong đời sống văn nghệ Thủ đô với hai nhiệm kỳ là Phó Chủ tịch Hội Nhà văn Hà Nội khóa 2011 – 2015. "Lá xanh" được Nguyễn Sĩ Đại viết 1997 in trong tập "Trái tim người lính".

Câu 2. ***(5,0 điểm)***

Nhà văn Victor Huygo từng nói: *"Tương lai có rất nhiều tên: Với kẻ yếu, nó là Điều không thể đạt được. Đối với người hay sợ hãi, nó là Điều chưa biết. Với ai dũng cảm, nó là Cơ hội".*

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của em về vấn đề con người cần dũng cảm để làm chủ tương lai.

ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4,0**
	1	– Ngôi kể thứ nhất – tôi.	0,5
	2	– Nhân vật tôi gặp lại mẹ trong hoàn cảnh: + Bố mẹ đã li hôn khá lâu, nhân vật *tôi* ở với bố còn em gái ở với mẹ. + Nhân vật *tôi* luôn trách mẹ vì yêu em hơn yêu mình, từ đó không liên lạc với nhau. + Khi nhân vật tôi đỗ đại học Y, nhập trường, gặp mẹ đứng đợi ở cổng trường.	0,5
	3	– Sự thay đổi của nhân vật tôi sau khi gặp mẹ: + Xóa bỏ được những hiểu lầm về mẹ;	1,0

		+ Yêu thương mẹ, thương em; + Hiểu được và chấp nhận tình cảm của dượng dành cho mẹ. – Qua đó, em thấy nhân vật tôi là người: người nhạy cảm, giàu lòng trắc ẩn, nhân hậu.	
	4	– Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật *tôi*: + Đặt nhân vật vào các tình huống đặc biệt để nhân vật bộc lộ cảm xúc; + Để nhân vật "tôi" tự kể về mình (ngôi kể thứ nhất); + Nội tâm nhân vật được thể hiện qua gôn ngữ giản dị, gần gũi… – Nhận xét: + Cách miêu tả sâu sắc, tinh tế tạo nên sự chân thực, hấp dẫn, giúp nhà văn thâm nhập vào đời sống nội tâm của nhân vật *tôi*. + Suy nghĩ, tâm trạng nhân vật *tôi* hiện lên chân thực, sống động.	1,0
	5	– Hs bày tỏ quan điểm: Đồng ý/ không đồng ý/ vừa đồng ý, vừa không đồng ý. (0,25 điểm) – Lí giải (0,25 điểm) + Nếu đồng ý, có thể lí giải: Những người biết yêu thương sẽ: · ++ Yêu thương người khác: Giúp đỡ người khác vượt qua khó khăn, đau khổ, bất hạnh; cảm hóa những con người "lầm đường lạc lối"; chữa lành những vết thương tâm hồn người khác…Từ đó thấy ý nghĩa tồn tại của mình, nỗ lực để giúp đơc người khác nhiều hơn; · ++ Yêu thương bản thân mình giúp con người sống nhẹ nhàng, thanh thản; biết chăm sóc cho bản thân cũng là biết cách trân quý người khác… + Nếu không đồng tình, có thể lí giải: ++ Để sống đẹp, cần có nhiều yếu tố; ++ Yêu thương là yếu tố cần nhưng chưa đủ. + Nếu vừa đồng ý, vừa không đồng ý thì kết hợp cả hai cách lí giải trên.	1,0
II		**VIẾT**	**6,0**
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) cảm nhận bài thơ: *Người vá trời lấp bể* *Kẻ đắp lũy xây thành* *Ta chỉ là chiếc lá* *Việc của mình là xanh* (*"Lá xanh",* Nguyễn Sĩ Đại, nguồn *thivien.net*)	***2,0***
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn:	0,25

		Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành	
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Phân tích bài thơ "Lá xanh" của Nguyễn Sĩ Đại.	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: *Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: – Giới thiệu khái quát về tác giả, bài thơ "Lá xanh" của Nguyễn Sĩ Đại. – Phân tích bài thơ: + Nội dung: Bài thơ thể hiện quan điểm sống của "ta" (tác giả) ++ Tác giả đặt ra một đối lập giữa *"người", "kẻ"* với *"ta"*: Nếu *"người"* và *"kẻ"* (chỉ những người khác) đều muốn làm những việc lớn lao là *"vá trời lấp bể", "đắp lũy xây thành"* – cách nói khoa trương để chỉ những ước muốn to lớn, thậm chí phi thường của con người… Thì *"ta"* – chỉ đơn giản ý thức một cách khiêm tốn và thực tế *"chỉ là chiếc lá"* bé nhỏ. ++ Trong cách nói của *"ta": "chỉ là chiếc lá"* có sự phân biệt giữa bản thân và người khác: *"chỉ là"* – một sự tự nhận thức về bản thân đúng mức, không ồn ào, không ảo tưởng hay huyễn hoặc về mình. Nhưng dù *"chỉ là chiếc lá"*, bản thân *"ta"* vẫn ý thức được *"việc của mình là xanh"*, như một lẽ tất yếu trong cuộc đời: *chim phải hót* và *lá phải xanh.* à Bài thơ thể hiện quan điểm của tác giả, là ý thức về cái tôi cá nhân, dù chỉ là một cá thể nhỏ bé, không có những mơ ước phi thường, cũng vẫn phải ý thức được ý nghĩa sự sống của mình trong cuộc đời: là cống hiến. + Nghệ thuật: Bài thơ chỉ có 4 câu, mỗi câu 5 chữ, với cách diễn đạt giản dị, tác giả đã làm nổi bật sự lựa chọn lí tưởng sống của mình – cống hiến theo khả năng của mình. * Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của đoạn văn.	0,5
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề cần nghị luận: bài thơ "Lá xanh" của Nguyễn Sĩ Đại. – Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý lẽ và bằng	0,5

		chứng	
		đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ	0.25
	2	Nhà văn Victor Huygo từng nói: *"Tương lai có rất nhiều tên: Với kẻ yếu, nó là Điều không thể đạt được. Đối với người hay sợ hãi, nó là Điều chưa biết. Với ai dũng cảm, nó là Cơ hội"*. Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về vấn đề con người cần dũng cảm để làm chủ tương lai.	***4,0***
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Con người cần dũng cảm để làm chủ tương lai.	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: – Xác định được các ý chính của bài viết – Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận. *** Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.** *** Triển khai vấn đề nghị luận:** **– Giải thích** + *Tương lai*: được xem là một thuật ngữ mô tả đoạn thời gian trái ngược quá khứ. Có thể nói tương lai là ngày mai,mai mốt,…Tương lai thường được hiểu là khoảng thời gian thời gian sau này, chưa xảy ra trong cuộc đời của con người. **+** *Dũng cảm* là không sợ khó khăn, nguy hiểm, thử thách, dám đương đầu với những thức gây cản trở, làm khó dễ bản thân, dám lao vào những điều mà người khác e sợ. – **Bày tỏ suy nghĩ:** Con người cần có lòng dũng cảm để làm chủ tương lai. + Tương lai của con người luôn ẩn giấu những khó khăn, gian khổ, thách thức. Nó đòi hỏi con người phải có nghị lực, sự kiên trì và lòng dũng cảm để tồn tại và làm chủ cuộc sống của mình. + Thái độ sẵn sàng đối diện với gian khó để thực hiện cho được mục đích đề ra sẽ khiến con người luôn có cái nhìn lạc quan, tin tưởng vào chính mình, vào tương lai và sự lựa chọn của bản thân trong mọi lĩnh vực.	1,0

		+ Dũng cảm là nghị lực, là sức mạnh, là ý chí kiên cường để con người có thể vượt lên mọi gian nan thử thách, để có được sức mạnh chế ngự thiên nhiên và chiến thắng chính bản thân mình. Dũng cảm sẽ biến thử thách thành cơ hội để đạt được thành công trong cuộc sống. + Người có lòng dũng cảm luôn khẳng định được năng lực, phẩm chất của mình và chắc chắn sẽ có một tương lai tốt đẹp. *(Thí sinh sử dụng các dẫn chứng minh họa phù hợp)* **– Mở rộng:** + Dũng cảm là phẩm chất quan trọng của con người, nhất là khi con người muốn làm chủ tương lai. Tuy nhiên, trong cuộc sống vẫn còn có những người sống hèn nhát, dựa dẫm. Những con người đó sẽ không thể làm chủ được tương lai. – Tuy nhiên muốn làm chủ được tương lai, con người cần có nhiều yếu tố, nhiều kĩ năng cần thiết nữa. *** Bài học nhận thức, hành động cho bản thân:** **–** Dũng cảm là một phẩm chất cao quý trong nhân cách, đạo đức con người. Đây cũng là thái độ sống tích cực. Hãy bước vào tương lai với lòng dũng cảm. – Cần rèn luyện và nuôi dưỡng lòng dũng cảm từng giờ, từng ngày và ngay trong hiện tại.	
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Đảm bảo cấu trúc: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. – Triển khai ít nhất được hai luận điểm để làm rõ vấn đề nghị luận. – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	1,5
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			**10,0**

ĐỀ 15.

PHẦN I: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

"Bây giờ chưa hết tháng ba nhưng mỗi tối từ chợ về, dì Diệu đã tranh thủ ngồi may đồ cho em bé. Đã biết là con gái nên bộ nào dì cũng dún bèo cổ, bèo tay, bèo lai áo… coi rất dễ thương ngộ mắt. (….) Dì vừa làm vừa tủm tỉm cười một mình, rồi vui quá xá là vui, một mình vui không hết, dì Diệu khoe:

– Tui sắp có con gái rồi nghen.

Một người dòm lom com vô cái eo thon thả của dì rồi cười:

– Nói chơi hoài, có thấy bầu bì gì đâu…

Dì Diệu cười ngặt nghẽo, cười đến khi cái mũi thon thon xinh xẻo của dì ửng đỏ lên:

– Bốn mươi mấy tuổi rồi, bầu bì gì nữa. Tui xin con nuôi. (….)

(**Lược một đoạn**: Vì có một khối u nhỏ trong người, dì Diệu không thể có con. Dù chú Đức, chồng dì chỉ cần hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng dì Diệu luôn canh cánh trong lòng. Chị Lành là người lao động thuê nhà trong khu, là người phụ nữ quá lứa, khỏe mạnh, chất phác và rất hiền lành. Nhà chị nghèo, đang cần tiền gửi về cho gia đình. Chị Lành đắn đo nhiều lẽ, chị sợ những thâm tình ràng buộc, không làm tròn lời hứa với dì Diệu, sợ bà con dị nghị không chồng lại có con. Chị cần tiền mà cũng cần con… Nhưng vì dì Diệu quá tốt nên chị đồng ý thụ tinh nhân tạo).

Dì Diệu bắt đầu chuẩn bị cho một đứa con ra đời. Dì mua mấy tấm hình em bé về dán trong căn nhà chị Lành. (….) Dì biểu chị Lành phải siêng nhìn để sinh con ra nó sẽ xinh đẹp như thế. Chị Lành thắc mắc:

– Giống trong hình làm chi, giống ba giống má nó là được rồi.

Dì Diệu ngẩn người, ờ, dì bắt đầu nghĩ, đứa bé sinh ra sẽ giống ai, giống chú Đức đẹp người, giống dì trong trẻo, trẻ trung hay giống ……

– Nó sẽ giống cả ba người.

Dì chắc chắn như vậy.

Chị Lành thường lén trốn dì Diệu đi gánh nước. Hồi chưa có bầu thì gánh đầy, bây giờ gánh lưng thùng. Chị muốn gởi về cho má nguyên số tiền đó mà không mẻ một đồng nào. Bây giờ, có con, chị thương má nhiều thiệt nhiều. Dì Diệu có hôm dọn hàng về sớm, thấy chị Lành vắt vẻo đôi thùng trên đường mà lòng xót xa:

– Con của chị em mình giờ là cục máu mỏng manh lắm, em làm vậy không được đâu.

Chị Lành rân rấn nước mắt cái câu "con của chị em mình". Dì Diệu dỗ, "em mà khóc hoài, em bé sinh ra mặt sẽ buồn cho mà coi". Rất nhẹ và dịu dàng, lòng hai người đàn bà tự dưng chỉ nghĩ về chỗ đứa con.

(…) Dì Diệu cười, rồi làm như một cơn gió từ đâu xộc tới, tim dì riết lại một nỗi đau. Dì thèm biết bao nhiêu cái cảm giác che chở cho một sinh linh sống trong mình, để được thèm tới cùng, tới chảy nước dãi món ngọt, món chua, để có thể cảm nhận từ trái tim chứ không phải bằng bàn tay đôi bàn chân bé bỏng quẩy đạp bụng mình thon thót. Đó là những thứ cảm giác thiêng liêng không vay mượn, thuê mướn được: cảm giác làm mẹ.(….).

Chỉ còn một tháng hai mươi ngày nữa, đứa bé sẽ ra đời. Dì Diệu tính từng ngày, từng bữa. Chị Lành tính từng ngày từng bữa. Người trông cho mau, người trông đừng bao giờ đến. Dì Diệu cố quên cái vẻ mặt buồn bã, van nài của chị Lành. Chị Lành biết, khi đứa bé ngoe ngoe cất tiếng khóc chào đời, là chị với nó sẽ phải chia lìa.

Hợp đồng đã ghi rõ ràng như vậy. Chị thấy thương mình, thương con và thương dì Diệu. Chị rối rít ăn, rối rít ngủ vì biết rằng mai nầy rồi chẳng còn nhau…

Một sáng, chị Lành biến mất.

Dì Diệu kêu chú Đức về, nước mắt ròng ròng khi thấy bóng chồng qua cửa. Chú đau lòng bảo thôi bỏ đi, dì Diệu cãi, "em bỏ không đành, anh à". Chú cũng thấy rằng bỏ không được. Máu mủ ruột ràng mình mà bỏ sao được. Hai người đi tìm xơ bơ xấc bấc. Không có, không gặp. Dì Diệu về quê, bà mẹ già chị Lành tay run bẩy, vừa đau vừa xót.

– Vậy ra nó không nói gì với cô sao… Tui hay tin nó hư hỏng, tôi từ nó rồi, tui tính bỏ nó luôn, nhưng thiệt tình tui thương nó lắm, phải nó về, tui cũng nuôi.

Dì Diệu lau nước mắt cho mẹ chị Lành, lòng nghĩ, làm sao mình lại để ra nông nỗi nầy. Dì không tiếc tiền của, công sức, dì cũng không tiếc tình thương dồn đắp cho chị Lành, dì chỉ cảm thấy xót xa cho mình "làm người thì ai lại đi giành con với người ta", dì luôn dằn vặt vậy.

Dì Diệu bỏ sạp vải tối ngày chạy xe long rong ngoài đường để may ra tìm được bóng người …

Khi đã không trông chờ gì, một ngày, khi mở cửa, dì Diệu nhìn thấy chị Lành đang ngồi ngoài hàng ba và khóc.

Những người có tình có nghĩa, dễ gì bỏ được nhau.

Dì Diệu cắn cho môi vằn đỏ dấu răng, dì ôm chị Lành vào lòng rất chặt. Dì cảm nhận được từ trái tim bàn chân bé bỏng của đứa bé đang lòi chòi. Nó háo hức nằm giữa hai tấm lòng của hai bà mẹ.

Dì Diệu đi lấy tờ hợp đồng ra và đốt cháy thành một tờ tro mỏng. Đôi khi người ta hay bày chuyện nầy chuyện nọ để làm xao động cuộc đời đang hết sức yên bình, lãng nhách vậy đó…"

(*Làm mẹ* – Nguyễn Ngọc Tư)

Câu 1 (0.5 điểm). Truyện ngắn trên được kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 2 (0.5 điểm). Tìm trong tác phẩm hai chi tiết, hình ảnh thể hiện tình yêu thương mãnh liệt, sâu sắc của dì Diệu đối với con (bé gái chưa chào đời).

Câu 3 (1.0 điểm). Xác định điểm nhìn và cho biết việc lựa chọn điểm nhìn như vậy có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm?

Câu 4 (1.0 điểm). Tóm tắt cốt truyện và nêu chủ đề của truyện ngắn "*Làm mẹ".*

Câu 5 (1.0 điểm). Nêu ý nghĩa phần kết thúc truyện ngắn:

"*Dì Diệu cắn cho môi vằn đỏ dấu răng, dì ôm chị Lành vào lòng rất chặt. Dì cảm nhận được từ trái tim bàn chân bé bỏng của đứa bé đang lòi chòi. Nó háo hức nằm giữa hai tấm lòng của hai bà mẹ.*

Dì Diệu đi lấy tờ hợp đồng ra và đốt cháy thành một tờ tro mỏng."

Câu 6 (2.0 điểm).

Qua truyện ngắn *"Làm mẹ"* của Nguyễn Ngọc Tư, em hãy rút ra một thông điệp có ý nghĩa nhất và lí giải. (Trả lời bằng một đoạn văn ngắn khoảng 6 dòng).

PHẦN II: VIẾT (4.0 điểm)

Từ tác phẩm *"Làm mẹ"* của Nguyễn Ngọc Tư, em hãy viết bài văn nghị luận trình bày những suy nghĩ của mình về tình mẫu tử trong cuộc sống.

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6.0 điểm**
	1	-Truyện ngắn được kể theo ngôi thứ ba	0.5 điểm
	2	–Hai chi tiết, hình ảnh thể hiện tình yêu thương mãnh liệt, sâu sắc của dì Diệu đối với con: + Dì ngồi may đồ cho em bé, biết là con gái nên bộ nào dì cũng dún bèo cổ, bèo tay, bèo lai áo… + Dì mua mấy tấm hình em bé về dán trong căn nhà chị Lành. Dì biểu chị Lành phải siêng nhìn để sinh con ra nó sẽ xinh đẹp như thế. …. (Nếu học sinh chọn 2 chi tiết khác, hợp lý, giám khảo vẫn cho đủ điểm)	0.5 điểm
	3	**–Điểm nhìn:** từ nhân vật dì Diệu **-Tác dụng:** Điểm nhìn này giúp thể hiện sâu sắc, cảm động nỗi lòng, tình cảm và quá trình đấu tranh nội tâm của dì Diệu trong hành trình trở thành một người mẹ. Qua đó, tác phẩm kết nối được sự thấu cảm nơi người đọc.	1.0 điểm
	4	**a/Tóm tắt cốt truyện:** -Dì Diệu, một người phụ nữ không thể có con tự nhiên do một khối u. Dì Diệu và chồng quyết định nhờ chị Lành, một người phụ nữ mạnh mẽ và hiền lành đang gặp khó khăn về tài chính, giúp họ có con thông qua thụ tinh nhân tạo. -Dì Diệu chuẩn bị mọi thứ cho đứa bé sắp chào đời. Mối quan hệ giữa hai người phụ nữ trở nên sâu đậm. -Khi ngày sinh cận kề, chị Lành biến mất khiến vợ chồng dì Diệu tất tả đi tìm kiếm khắp nơi nhưng không gặp. -Cuối cùng, chị Lành quay về. Dì Diệu đốt bỏ hợp đồng, chấp nhận mọi thứ, chứng minh tình thương vượt lên trên mọi ràng buộc pháp lý và mở ra một tương lai tốt đẹp. **b/Chủ đề:** –Tác phẩm thể hiện nỗi khát khao cháy bỏng được làm mẹ của người phụ nữ -Tác phẩm đề cao sự thấu cảm, chia sẻ , kết nối yêu thương giữa người với người để hướng đến những điều tốt đẹp trong cuộc sống.	1.0 điểm
	5	**Ý nghĩa phần kết thúc truyện ngắn "*Làm mẹ*":** -Ý nghĩa sâu sắc về tình mẫu tử. Qua hành động đốt bỏ tờ hợp đồng của dì Diệu, tác giả muốn nhấn mạnh tình cảm thiêng liêng của người mẹ dành cho con. Chính tình mẫu tử cao đẹp này đã	1.0 điểm

		giúp người mẹ có một sức mạnh tinh thần vô biên để vượt qua rào cản của pháp lý . -Sự gắn kết giữa con người với con người để được hạnh phúc: Cái ôm chặt của hai bà mẹ, hai tấm lòng nhưng chỉ có một đứa con, một tình yêu thương, một gia đình và một tương lai hạnh phúc.	
	6	-Rút ra thông điệp có ý nghĩa nhất -Lí giải **Gợi ý:** -Tình yêu thương vô bờ bến của người mẹ dành cho con. -Tình yêu thương, thấu cảm, chia sẻ, gắn kết chân thành … giữa người với người.	2.0 điểm
II		**VIẾT**	
		Từ tác phẩm *"Làm mẹ"* của Nguyễn Ngọc Tư, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận trình bày những suy nghĩ của mình về tình mẫu tử trong cuộc sống.	**4.0 điểm**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận *Mở bài* nêu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề.	***0.25***
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: ***Tình mẫu tử trong cuộc sống.***	***0.25***
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	***3.0***
		a/Mở bài : -Giới thiệu tác giả Nguyễn Ngọc Tư và truyện ngắn *"Làm mẹ"* -Nêu vấn đề xã hội được đặt ra trong tác phẩm: tình mẫu tử trong cuộc sống.	0.25
		b/Thân bài: *Dùng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các luận điểm theo bố cục sau:* – Giải thích (nếu cần) – Luận điểm 1 (Các lí lẽ + Dẫn chứng) – Luận điểm 2 (Các lí lẽ + Dẫn chứng) – Bình luận + Vấn đề xã hội đó đã được tác giả giải quyết như thế nào <u>trong tác phẩm</u>? + Vấn đề xã hội này có ý nghĩa và tác động như thế nào <u>đến nhận thức của cộng đồng</u>? ***GỢI Ý*** **** Giải thích :***	2.75 0.25 2.0

		-Tình mẫu tử : "mẫu" có nghĩa là mẹ, "tử" có nghĩa là con. Đó là tình cảm mẹ con. – Tình mẫu tử là một loại tình cảm đặc biệt cao cả và thiêng liêng. *Tình cảm của mẹ đối với con là tình cảm sâu đậm và bền vững: Mẹ yêu con vô điều kiện, hi sinh cho con vô bờ bến, luôn gắn bó, yêu thương, chăm sóc, che chở, bao dung, bảo vệ con trong bất cứ hoàn cảnh nào….Tình mẫu tử là dòng suối mát, là nguồn sức mạnh tinh thần giúp con vững bước trên đường đời lắm chông gai. *Tình cảm của con đối với mẹ là nguồn hạnh phúc vô biên : con luôn yêu thương, trân trọng, biết ơn, quan tâm, chăm sóc, bảo vệ mẹ bằng tất cả khả năng vốn có. *Tình mẫu tử là một trong những nền tảng cơ bản để xây dựng gia đình hạnh phúc. Tình mẫu tử không chỉ là tình cảm quan trọng trong cuộc sống cá nhân mà còn có ý nghĩa to lớn đối với xã hội (vẻ đẹp tâm hồn, vẻ đẹp đạo lý của người Việt Nam) *Trong văn bản "*Làm Mẹ*" của Nguyễn Ngọc Tư, tình mẫu tử đã gắn kết trái tim của hai người mẹ để hướng về tâm điểm của hạnh phúc là đứa bé. Tác phẩm nhấn mạnh tình mẫu tử không chỉ dựa trên quan hệ máu mủ ruột rà mà còn được xây dựng từ tình yêu, lòng biết ơn và sự hiểu biết sâu sắc giữa con người với con người. Chính tình yêu thương này sẽ giúp vượt qua mọi rào cản vật chất và xã hội để hướng về tương lai tốt đẹp. … **** Kết bài :*** –Khẳng định lại vấn đề -Đánh giá đóng góp của tác phẩm về vấn đề xã hội đó	0.5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt	***0.25***
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	***0.25***
		Tổng điểm	**10 điểm**

ĐỀ 16.

ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản

ĐÊM ĐỢI LŨ

– Ông bà nói trật lất! Lão Sơn cụt lầm bầm, tiếc nuối hàng xà cừ trốc gốc đánh ùm xuống dòng nước ngầu đỏ chảy xiết.

Mấy năm trước, mưa nguồn cả ngày nước mới đổ về khúc sông La ngang nhà lão. Năm ngoái, mưa nửa ngày nước về mấp mé ranh vườn. Còn năm nay, mưa chừng sôi nồi cơm, nước đã cuồn cuộn nuốt hàng xà cừ sát mép sông. Vợ lão Sơn đang thu dọn

đồ đạc, còn đám trẻ đã di tản về nhà ông bà ngoại từ trưa để tránh lũ quét. Màu xanh núi rừng ngày càng hút tầm mắt. Ông bà nói "Ăn của rừng rưng rưng nước mắt". Bọn ăn của rừng giàu có vì không vốn bốn lời, chúng tậu nhà tuốt ở Sài Gòn có bao giờ biết mưa rừng lũ quét. Chỉ có đám dân nghèo bám đất bám rừng mới rưng rưng nước mắt vì thiên nhiên trả thù, vì môi trường sinh thái bị hủy diệt. Ông bà không nói trật lất là gì!

Có tiếng í ới rồi Hoè chui rào sang với bao quần áo trên vai. Lão Sơn đánh trận nửa đời, gửi lại trận mạc một cánh tay hồi mới tập vác súng. Lão từ rừng ra, còn chú lính địa phương quân Hoè từ phố xá lên vùng kinh tế mới lập nghiệp lại chui vào rừng để đốn củi, hầm than. Lão Sơn quý Hoè vì anh dám nói thẳng với đại diện chính quyền địa phương là con anh ta đói, trong khi chờ khoai sắn cho củ, anh chỉ lượm mót chút của rừng. Hoè thách thức lão Sơn cụt chặn bắt những chiếc xe chở gỗ lóng dài ngoằn chạy rầm rập từ rừng ra quốc lộ 1 hằng đêm của bọn đại lâm tặc, chứ bắt tịch thu gánh củi bao than của bọn tiểu lâm tặc như Hoè chỉ thêm mang tiếng… pháp luật không nghiêm minh. Ngày xưa, nếu không có những gốc cây gỗ đường kính hai, ba người ôm phải nối song mây vào dây dù mới căng được chiếc võng thì khối chiến sĩ đã bị bọn tàu gáo quạt tróc đầu.

Lão Sơn cụt đem chuyện những chuyến xe gỗ dài ngoằn hỏi bạn cũ giờ làm lãnh đạo. Bạn cười khẩy. Làm sao giữ nổi rừng trước làn sóng di dân ồ ạt, thôi thì biến rừng thành đồi trà, vườn cà phê, vườn cây ăn trái. Đó cũng là cách giữ độ che phủ cho đất, giữ nguồn cho nước bằng cách thay chiếc áo xanh cho rừng mà còn tạo ra của cải cho xã hội, đem lại cuộc sống sung túc cho bao người. Về những chuyến xe gỗ dài ngoằn rầm rập hằng đêm, người bạn lãnh đạo thề trên tình đồng đội năm tháng đổ máu chiến trường là hoàn toàn hợp pháp. Chỉ thời gian ngắn, lời thề theo người bạn cũ bay vào… trại giam vì giấy phép cho khai thác một thì bọn họ câu kết khai thác gấp mười. Rừng xanh nào mà còn!

Con tắc kè ló đầu khỏi cây cột ống tre thao láo nhìn hai người đàn ông uống trà trên bộ ván trước hiên, lạnh lùng buông hai tiếng "tắc kè" mà Hoè thường nhại "hết rừng". Nước vẫn sôi sùng sục ngang khúc sông ôm quanh đất lão Sơn cụt. Vợ lão đang treo chiếc rổ đựng mẹ con bầy gà mới nở lên cây cột giữa nhà, góp chuyện:

-Tại sao người ta chặt cây gỗ cả người ôm rồi trồng lại cây con bằng chiếc đũa, hả ông cụt?

-Chuyện phá rừng nguyên sinh để trồng rừng non, bà phải hỏi mấy thằng Bảy Rưỡi.

Lão Sơn cụt tưng tửng. Bảy Rưỡi là tên chung mà lão đặt cho bọn phá rừng. Từ anh Ba anh Bảy đến thằng Mỹ thằng Pháp, lão đều gọi chung là Bảy Rưỡi để khỏi mếch lòng vì cha mẹ có đẻ đứa con nào chỉ có nửa người đâu mà đặt là Rưỡi. Hoè xía:

-Thằng Bảy Rưỡi – phó – chủ – tịch mới ra tù hôm

Bọn phá rừng nổi tiếng ở quê lão mà báo chí gọi là "phá rừng vô địch quốc gia" bị kêu án mỗi thằng hai mươi năm tù, mới thụ án sáu, bảy năm đã được đặc xá về với vợ con; có thằng về chỉ còn con vì vợ đã ôm của ăn của rừng đi lấy chồng khác. Trường hợp này coi chừng ông bà nói đúng là "ăn của rừng rưng rưng nước mắt", à ta!

-Vợ chồng thằng Bảy Rưỡi – giám – đốc ra tòa ly dị rồi…

Bà Sơn cụt ghé ngồi bên chồng, uống một tách trà cho thấm giọng mới thông tin sốt dẻo, sau khi cột chặt miệng cái bao nhét đầy những thứ giá trị nhất. Năm nào cũng chạy lũ nên bà có thừa kinh nghiệm chọn cái gì, bỏ cái gì mà không tiếc rẻ nếu lũ có quét cả nhà đổ xuống sông. (…)

(Trích *Những ngày trở gió*, Hồ Việt Khuê, NXB Hội nhà văn, 2018)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định người kể chuyện của văn bản.

Câu 2. Xác định lời người kể chuyện và lời nhân vật trong đoạn văn in đậm. Từ đó, hãy nhận xét về sự kết hợp giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật.

Câu 3. Theo văn bản, vì sao lão Sơn quý Hòe?

Câu 4. Trình bày cách hiểu của em về chi tiết: "*Ăn của rừng rưng rưng nước mắt*".

Câu 5. Chỉ ra hiện tượng mở rộng khả năng kết hợp của từ trong câu văn sau và phân tích tác dụng biểu đạt của cách diễn đạt này: "*Con tắc kè ló đầu khỏi cây cột ống tre thao láo nhìn hai người đàn ông uống trà trên bộ ván trước hiên, lạnh lùng buông hai tiếng "tắc kè" mà Hoè thường nhại "hết rừng"."*

Câu 6. Từ nội dung văn bản, em hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 5 – 7 dòng) phân tích mối quan hệ giữa con người với tự nhiên.

LÀM VĂN (4.0 điểm)

Qua tác phẩm *Đêm đợi lũ* (Hồ Việt Khuê), em hãy viết một bài văn nghị luận bàn về *việc khai thác rừng trái phép ở Việt Nam hiện nay*.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC – HIỂU**	**6.0**
	1	– Người kể chuyện của văn bản: ngôi thứ ba.	0.5
	2	– Lời người kể chuyện: *"Con tắc kè ló đầu khỏi cây cột ống tre thao láo nhìn hai người đàn ông uống trà trên bộ ván trước hiên, lạnh lùng buông hai tiếng "tắc kè" mà Hoè thường nhại "hết rừng". Nước vẫn sôi sùng sục ngang khúc sông ôm quanh đất lão Sơn cụt. Vợ lão đang treo chiếc rổ đựng mẹ con bầy gà mới nở lên cây cột giữa nhà, góp chuyện."* – Lời nhân vật: *+ "Tại sao người ta chặt cây gỗ cả người ôm rồi trồng lại cây con bằng chiếc đũa, hả ông cụt?* *+ Chuyện phá rừng nguyên sinh để trồng rừng non, bà phải hỏi mấy thằng Bảy Rưỡi."* à Nhận xét: Lời người kể chuyện và lời các nhân vật được kết hợp linh hoạt, đan xen, tạo nên giọng điệu trần thuật đa thanh, tự nhiên, sinh động.	1.0
	3	Theo văn bản, lão Sơn quý Hòe vì: *anh dám nói thẳng với đại diện chính quyền địa phương là con anh ta đói, trong khi chờ*	

		khoai sắn cho củ, anh chỉ lượm mót chút của rừng.	1.0
	4	Cách hiểu về chi tiết: "*Ăn của rừng rưng rưng nước mắt"*: + Thảm họa thiên nhiên lũ lụt, sạt lở xảy ra do con người khai thác, tàn phá rừng bừa bãi. + Khai thác rừng bừa bãi gây tổn hại nghiêm trọng đến đời sống con người, trên cả phương diện vật chất lẫn tinh thần.	1.0

	5	– Hiện tượng mở rộng khả năng kết hợp của từ: *"Con tắc kè",* được hình dung như con người nên có cách kết hợp: *"thao láo nhìn"; "lạnh lùng buông hai tiếng"* cách kết hợp từ này phá vỡ quy tắc kết hợp từ thông thường. – Tác dụng: Tạo ra hình ảnh độc đáo, mới lạ, thú vị gây ấn tượng và khơi gợi cảm xúc cho người đọc.	1.0
	6	– HS trình bày theo suy nghĩ của bản thân, diễn dạt trôi chảy. Phân tích mối quan hệ giữa con người với tự nhiên. + Nhân loại chỉ là một phần của thế giới tự nhiên. + Con người và tự nhiên nên sống chan hòa, gắn bó với nhau. + Con người cần bảo vệ, giữ gìn tự nhiên, đặc biệt là rừng. + Việc tàn phá tự nhiên (rừng) sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng (lũ quét) cho chính đời sống của con người	1.5
II		**LÀM VĂN**	**4.0**
		Qua tác phẩm *Đêm đợi lũ* (Hồ Việt Khuê), anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận bàn về *việc khai thác rừng trái phép ở Việt Nam hiện nay*.	**4.0**
		a. Xác định yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận một vấn đề xã hội được gợi ra từ một tác phẩm văn học	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Nghị luận về *việc khai thác rừng trái phép ở Việt Nam hiện nay* được gợi ra từ truyện ngắn *Đêm đợi lũ.*	0.25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết: – Xác định được các ý chính của bài viết. – Sắp xếp các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận:	2.0

		*** Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.**	

		– Giới thiệu tác phẩm *Đêm đợi lũ* và vấn đề xã hội cần bàn luận qua tác phẩm: *việc khai thác rừng trái phép ở Việt Nam hiện nay* – Nêu khái quát quan điểm của người viết về vấn đề đó. *** Triển khai vấn đề nghị luận:** Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau: – Giải thích được vấn đề cần bàn luận: Khai thác rừng trái phép là khai thác các loại rừng thuộc diện không được cơ quan nhà nước cho phép như rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng hoặc khai thác quá khối lượng cho phép. – Thực trạng của nạn phá rừng ở Việt Nam: Diện tích rừng Việt Nam ngày càng bị thu hẹp. Từ một nước có độ che phủ lớn trên thế giới, đến thời điểm này, Việt Nam chỉ còn giữ được một diện tích nhỏ rừng nguyên sinh. – Nguyên nhân của thực trạng đó: · Do đói nghèo, lạc hậu, rừng bị phá để làm nương rẫy. · Do ý thức bảo vệ rừng chưa được nâng cao ở mỗi cá nhân cũng như các tập thể có sự gắn bó và quan hệ trực tiếp với rừng. · Do tình trạng tham nhũng trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng, một bộ phận không nhỏ cán bộ lại đi phá rừng, chiếm đất vì lợi ích cá nhân. · Do khả năng quản lí của Nhà nước còn hạn chế: luật pháp chưa thật chặt chẽ, người có chức năng bảo vệ rừng chưa được trang bị đầy đủ về cả phương tiện, quyền lợi cũng như quyền lực để thực thi tốt nhiệm vụ,… – Hậu quả của việc rừng bị tàn phá là tình trạng biến đổi khí hậu, hiệu ứng nhà kính, nước biển dâng cao, lũ quét, sạt lở… diễn ra ngày càng thường xuyên và nặng nề hơn, ảnh hưởng nghiêm trọng tới cuộc sống, thậm chí tính mạng, tài sản của người dân, tác động tiêu cực đến các hoạt động sản xuất, kinh tế của đất nước… – Giải pháp: Nâng cao ý thức cá nhân, thực hiện trồng cây gây rừng, có hệ thống luật pháp xử lí nghiêm các trường hợp vi phạm, tuyên truyền bảo vệ rừng, khai thác hợp lí, có phương án bảo tồn và phát triển diện tích phủ xanh của	

		rừng,… – Mở rộng, trao đổi ý kiến trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện. **** Tổng kết vấn đề nghị luận:*** – ***Khẳng định vấn đề:*** vấn nạn khai thác rừng trái phép ở Việt Nam hiện nay cần được nhìn nhận thấu đáo, có định hướng giải quyết cụ thể, triệt để và toàn diện. – ***Đóng góp của tác phẩm Đêm đợi lũ đối với vấn đề:*** Tác phẩm cho thấy những hậu quả khi con người khai thác rừng trái	

		phép, là hồi chuông cảnh tỉnh con người trước vấn nạn khai thác tự nhiên vô ý thức, không có quy hoạch và định hướng bảo tồn, phát triển môi trường sinh thái.	
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Trình bày được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. – Trao đổi các ý kiến trái chiều một cách hợp lí.	1.0
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0.25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.25
TỔNG ĐIỂM			**10.0**

ĐỀ 17

PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Nhẹ bước chân và nói khẽ thôi
Cho đồng đội tôi nằm yên dưới cỏ
Trời cũng tự trong xanh và lộng gió
Dẫu ồn ào đừng lay mạnh hàng cây
Nhẹ bước chân và nói khẽ thôi
Thành cổ rộng sao đồng đội tôi nằm chật
Mỗi tấc đất là một cuộc đời có thật
Cho hôm nay tôi đến nghẹn ngào
Bạn nằm lại nơi này, nơi nao?
Phía đông thành, tây thành hay dưới dòng Thạch Hãn
Tám mươi mốt ngày đêm đất trời ken dày bom đạn
Cát trắng rang vàng, nghiêng lệch cả dòng sông

Thắp một nén nhang và khóc ít thôi
Tôi thầm nhủ lòng mình như vậy
Để một phút lắng lòng nghe bạn gọi
Bạn nằm lại nơi nào bạn ơi?
Bạn nằm lại nơi đồng đất quê hương
Nơi chiến tuyến lằn ranh sông Bến Hải
Súng trong tay và đôi mắt rực lửa
Trút hận xuống đầu thù rồi ngã xuống bình yên
Nhẹ bước chân và nói khẽ thôi
Cho đồng đội tôi nằm yên dưới cỏ
Trời Quảng Trị trong xanh và lộng gió
Ru mãi bài ca bất tử đến vô cùng.

(Tháng 7-2002)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

Câu 2. Liệt kê những từ ngữ, hình ảnh gợi vùng đất Quảng Trị?

Câu 3. Anh/Chị hiểu thế nào về ý nghĩa của câu thơ sau:

Mỗi tấc đất là một cuộc đời có thật

Câu 4. Nêu tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu thơ sau:

Bạn nằm lại nơi này, nơi nao?
Phía đông thành, tây thành hay dưới dòng Thạch Hãn
Tám mươi mốt ngày đêm đất trời ken dày bom đạn
Cát trắng rang vàng, nghiêng lệch cả dòng sông

Câu 5. Qua bài thơ trên, anh/chị rút ra bài học sâu sắc nhất đối với bản thân và giải thích lí do.

PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm): Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật truyện ngắn trong văn bản sau:

Bài học quét nhà

*(**Tóm lược đoạn trước**: Hồng đang thẩn thơ chơi một mình ở trong vườn… Hồng chỉ chơi có một mình. Chị Thảo về rồi. (Thảo là con ở trước kia vẫn giữ em Hồng). Hồng thấy thầy u dạo này hay gắt quá. Trước đó không như vậy. Hồng không hiểu vì sao. U hay mắng. Thầy hay đăm chiêu. Có lần thầy chán nản bảo u: "Tình hình nguy lắm rồi, mình ạ. Tôi sợ khó mà được hết năm nay". Rồi thầy u cho chị Thảo về quê và nói Hồng đã gần 5 tuổi, có thể trông được em. Một lần mẹ sai Hồng quét nhà. Hồng lóng ngóng. Mẹ quát mắng và còn định tát Hồng. Hồng càng sợ, càng lóng ngóng thế là nhận một cái tát từ mẹ. Hồng nước mắt giàn giụa nhìn thầy cầu cứu mà không được. Hồng thẩn thơ, buồn bã trong một góc vườn.)*

* * *

Tối hôm ấy, sau khi đã uể oải ăn xong bữa cơm nguội rắc vừng, Hồng uống nước rồi lẳng lặng vào giường ngủ. Một lát sau, người bố vào, nằm bên con, quạt cho con. Một bàn tay y vuốt ve những sợi tóc mềm như tơ. Con bé nhắm nghiền đôi mắt, không dẫy dọn. Nhưng nó chưa ngủ hẳn… Bỗng nó nghe thấy mẹ khẽ bảo:

– Hôm nay, tôi tức quá, tát cái Hồng một cái, rồi thương đứt ruột. Suốt hôm, nghĩ đến lúc nào, tôi lại khóc. Không biết tôi điên hay sao ấy.

Thầy Hồng bảo:

– Đấy là mình lo lắng quá. Tôi cũng vậy: lắm lúc tôi biết mình mắng nó bất công mà cứ mắng; tại ruột mình lúc nào cũng nóng như lửa đốt; hơi một tí là mình cáu.

– Ấy tôi cũng thế…

– Nhưng chúng mình phải coi chừng! Tôi thấy nó ít lâu nay chậm chạp và ngơ ngẩn lắm, không được nhanh nhẹn, ngộ nghĩnh như trước. Đừng mắng lắm, nó mụ người đi đấy. Mà mình bắt nó làm vừa chứ! Nó còn non tuổi lắm: Đến tháng chín này mới đầy năm tuổi. Đã làm, làm sao được?

– Thì ai chả biết! Hồng nó thì làm gì được? Có mà còn phải hầu nó chán.

– Thế sao mình cứ bắt làm? Mà nó làm không được thì lại đánh?

– Thì đã bảo: điên mà lại! Con bé thật có nết. Chỉ vì mình túng cho nên nó khổ… Mẹ nó! Ấy thế mà ngủ ù ì như lợn rồi đấy!…

Thật ra thì Hồng có ngủ đâu. Nó nghe thấy tất. Tự nhiên nó thấy nước mắt giàn giụa chảy ra đầy má. Nó không dám chùi, sợ thầy nó biết. Nhưng bỗng thầy nó quay vào, ôm lấy nó, áp môi vào má nó, ngạc nhiên một thoáng rồi bùi ngùi bảo:

– Tội nghiệp con tôi! Đang khóc mê đây này…

(Bài học quét nhà, Tuyển tập Nam Cao, NXB Văn học, trang 483,484)

Câu 2. (4,0 điểm): Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý nghĩa của lối sống biết trân trọng những giá trị truyền thống tốt đẹp của thế hệ trẻ ngày nay.

HƯỚNG DẪN CHẤM –

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4,0**
	1	Nhân vật trữ tình trong bài thơ: *Tôi*	0,5
	2	Liệt kê một số từ ngữ, hình ảnh gợi vùng đất Quảng Trị: *Thành Cổ, dòng Thạch Hãn, tám mươi mốt ngày đêm, sông Bến Hải, trời Quảng Trị.*	0,5
	3	– Câu thơ với cấu trúc *Mỗi … là một* cùng với từ khẳng định *có thật* đã nhấn mạnh sự khốc liệt của chiến tranh. Nơi đây, để bảo vệ từng tấc đất đã có biết bao chiến sĩ đã ngã xuống. Đồng thời nhấn mạnh niềm xót xa của nhân vật trữ tình trước sự hi sinh của đồng đội, trước sự mất mát quá lớn của dân tộc.	1,0
	4	* Chỉ ra và nêu được biểu hiện của 1 biện pháp tu từ: Câu hỏi tu từ/Phóng đại… * Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ đã nêu ở trên: – Câu hỏi tu từ: Tạo giọng điệu da diết cho những câu thơ; nhấn mạnh hiện thực khốc liệt của chiến tranh, biết bao chiến sĩ đã ngã xuống nơi đây, hoà bình lập lại rồi mà đồng đội chưa thể xác định được chỗ các anh nằm nghỉ; câu hỏi tu từ tô đậm nỗi xót xa, trăn trở, đau đáu của nhân vật trữ tình… – Biện pháp phóng đại: Tạo giọng điệu xót xa cho những câu thơ; gợi những ngày tháng ác liệt – tám mươi mốt ngày đêm – giặc Mĩ rải bom dày đặc trên đất trời Thành Cổ, làm thay đổi cả thiên nhiên – những điều tưởng như bất biến, cát như được rang vàng, dòng sông như nghiêng lệch hẳn đi; nhân vật trữ tình thể hiện tâm trạng đau đớn trước những đau thương, mất mát mà cả thiên nhiên và con người phải gánh chịu, thể hiện niềm căm phẫn trước tội ác của giặc Mĩ.	1,0
	5	– Nêu được bài học – Giải thích lí do	1,0
II		**VIẾT**	**6,0**
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ)	***2,0***

		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Đặc điểm của nhân vật truyện ngắn trong văn bản ***Bài học quét nhà***	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận – Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: nhân vật truyện ngắn là những con người đời thường; nhân vật thường được đặt vào tình huống cụ thể: sau việc quét nhà, Hồng đi ngủ, Hồng vô tình nghe được câu chuyện của thầy u về việc quét nhà trước đó; nhân vật bộc lộ tính cách qua những thay đổi về tâm lí, ứng xử trong quá trình phát triển của câu chuyện: sau khi nghe câu chuyện của thầy u, Hồng hiểu những thay đổi của thầy u là do cuộc sống quá khó khăn, thầy u rất yêu thương Hồng, Hồng ân hận, Hồng thương thầy u… tất cả cho thấy Hồng dù còn nhỏ nhưng có tâm hồn nhạy cảm, hiểu chuyện và giàu tình cảm…; góp phần thể hiện chủ đề của văn bản: hoàn cảnh khó khăn dễ làm con người tha hoá, rơi vào bi kịch, cho dù thế nào thì chúng ta luôn cần phải trân trọng, nâng niu trẻ thơ… – Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	0,5
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: Đặc điểm của nhân vật truyện ngắn trong văn bản ***Bài học quét nhà*** – Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. – Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý lẽ và dẫn chứng.	0,5
		đ. Diễn đạt *Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn*	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25

	2	Hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh chị với chủ đề: ý nghĩa của lối sống biết trân trọng những giá trị truyền thống tốt đẹp của thế hệ trẻ ngày nay.	***4,0***
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: : ý nghĩa của lối sống biết trân trọng những giá trị truyền thống tốt đẹp của thế hệ trẻ ngày nay.	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết – Xác định được các ý chính của bài viết – Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: – Giải thích: Trân trọng những giá trị truyền thống tốt đẹp là trân trọng những giá trị vật chất, tinh thần tốt đẹp mà người đi trước sáng tạo ra và để lại cho những thế hệ sau. – Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo gợi ý sau: + Lối sống biết trân trọng những giá trị truyền thống tốt đẹp của thế hệ trẻ thể hiện đạo lí tốt đẹp của dân tộc ta, đạo lí "uống nước nhớ nguồn". + Lối sống biết trân trọng những giá trị truyền thống tốt đẹp của thế hệ trẻ tạo niềm tự hào cho thế hệ đi trước về những thành quả mà họ sáng tạo ra; tạo niềm tin ở họ rằng thế hệ sau sẽ nối tiếp sự nghiệp của mình. + Lối sống biết trân trọng những giá trị truyền thống tốt đẹp là yếu tố quan trọng góp phần hình thành nhân cách của mỗi con người. + Lối sống biết trân trọng những giá trị truyền thống tốt đẹp giúp thế hệ trẻ ý thức sâu sắc trách nhiệm của bản thân đối với cuộc đời, từ đó có thêm động lực để vượt qua khó khăn thử thách vươn tới thành công, tạo ra những giá trị tốt đẹp, tạo ra ý nghĩa cuộc sống, giá trị của bản thân… là tiền đề cho sự phát triển bền vững của đất nước. + Trong xã hội hiện nay có những bạn trẻ thờ ơ, quay lưng lại với công lao của cha ông, không trân trọng những điều tốt đẹp cha ông để lại, sống ỷ lại, thậm chí buông thả… làm cản trở sự phát triển của xã hội, thật đáng phê phán. + Trân trọng những giá trị truyền thống tốt đẹp không có nghĩa là chỉ ôm khư khư những giá trị đó, không nhìn thấy	1,0

		những khả năng phát triển khác… * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân	
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. – Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý lẽ và dẫn chứng. ***Lưu ý:*** *Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.*	1,5
		e. Diễn đạt *Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.*	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			

ĐỀ 18

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản:

Cha tôi thế hệ 5X, chớm già. Sinh năm Canh Dần, theo tuổi bà mụ, tính đến nay cha vừa tròn năm mươi chín tuổi. Hơn nửa thế kỷ có mặt trên đời thì bốn mươi năm cha mặc áo nhà binh, cầm súng và xa nhà. Cha tôi lấy vợ muộn và lại muộn đường con cái bởi đi chinh chiến hết miền Nam rồi sang Campuchia đến năm 1989 mới về nước, sau ở lì Tây Nguyên thỉnh thoảng mới về nhà…..

[…]

Cha trở về, cha mang theo nguyên hình vị đại tá tại ngũ. Sáng mới năm giờ, cha đã gọi tôi dậy lên sân thượng tập thể dục. Cha hô một hai, một hai, con cũng hô một hai… một hai… đến mức sáng bảnh bà hàng phố ngó đầu sang bảo: "Nhà mày đang huấn luyện tân binh à?". Mẹ tôi không giận cứ cười ngặt nghẽo.

Cha tôi đọc báo nghe đài, xem ti vi. Ông càng lo cho tôi, đứa con trai độc nhất. Nó mà dây vào nghiện hút thì không những đời nó tàn mà cả nhà khổ, ông sẽ mất con. Lúc nào, cha tôi cũng cảm thấy bất ổn. Đi ra đường thì sợ tai nạn giao thông, về nhà thì chỉ sợ con hư hỏng, sợ vợ làm ăn đổ bể… Suốt cả đời, cha tôi quen rèn luyện người khác, quen chăm lo người khác nên nó ngấm vào máu, thành thuộc tính cố hữu rồi.

Tối, cha bắt cả nhà đi ngủ sớm. Riêng điểm này thì tôi khó chịu lắm, cứ mặt nặng mày nhẹ với cha. Bấy lâu nay quen sống tự do, tôi học hành ẩm ớ rồi lướt web, chơi

game, hoặc chat với mấy đứa "chíp con" cùng lớp đến một, hai giờ sáng. Một tuần, mẹ tôi sáu ngày đến vũ trường nhảy nhót, hoặc đi uống cà phê đến khuya mới về. Chị Mai mải xem phim Hàn Quốc liên miên. Cái thứ phim toàn khóc lóc, thất tình, ung thư, hoặc bệnh máu trắng rồi ân hận, sám hối… có gì đáng đồng tiền bát gạo mà lấy mất thời gian của chị tôi đến thế? Cha về. Cha thiết quân luật. Đừng hòng ai thức khuya quá mười một giờ đêm. Cha bảo: "Cứ như đơn vị bố thì chín giờ rưỡi là kèn báo ngủ đã tèn teng… tèn teng… Anh nào có muốn đọc nốt bài báo cũng không được vì trực ban… tắt điện". Chị Mai tôi than thở: "Cứ thế này thì tao đến phải lấy chồng mất thôi, chạy trốn vào nhà bà mẹ chồng có khi còn tự do hơn".

Tuy có ca thán về cha, nhưng chị Mai thương cha vô cùng. Cái dạo chị mới năm sáu tuổi, cha về phép. Một cái khung xe đạp, một con búp bê tóc vàng, vài mảnh vải cho vợ con; vậy mà cả nhà vẫn đầm ấm, hạnh phúc, vui vẻ. Cha rất quý con gái. Ngày ấy, gia đình tôi chưa chuyển lên Hà Nội ở. Chiều chiều, cha tôi dẫn con gái đi dọc triền đê nhìn đồng quê sông nước. Hình ảnh cha vận sắc phục nhà binh, đeo quân hàm đỏ chói, bàn tay to dầy thô dắt đứa con gái nhỏ bé lích chích đi tha thẩn, nhàn hạ, thanh bình trên triền đê đầy hoa cỏ may cứ đi theo chị tôi suốt tuổi thơ đến bây giờ. Nhưng, ám ảnh, sợ hãi nhất là khi cha khoác ba lô trả phép. Ngày ấy, bên chiến trường Campuchia đánh bọn Pôn Pốt vẫn đang ác liệt. Cha phải đi, bên ấy có nhiều việc đang chờ. Con gái và cha vừa ấm hơi, quen nhau thì cha đã ra đi. Cha không muốn mẹ đưa ra tận ga tàu, cha sợ những giọt nước mắt sụt sùi. Mẹ và chị tôi tiễn chân cha ra đầu làng. Cha âu yếm nhìn vợ, rồi ôm hôn con gái, cha bảo mẹ tôi: "Em và con về đi". Cha thả con gái xuống và quay lưng rảo bước, những bước chân dài đạp trên đá mạt rào rạo, vội vã, thỉnh thoảng quay lại vẫy vẫy tay. Bỗng chị tôi khóc thét lên và cùn cụt chạy theo cha. Cha tôi quay lại ôm choàng lấy con gái. Nước mắt chị tôi nhoen nhoét vào gương mặt dãi dầu từng trải của cha. Mẹ tôi bảo: "Hay anh ở lại, mai hãy đi". Cha tôi bảo: "Em đừng buồn. Anh mà ở lại thì anh không đi được nữa. Thôi nào con, cho bố đi nào". Cha chuyền tay trao con gái cho vợ rồi quay gót. Lần này, bước chân ông quả quyết, thật nhanh, không ngoái đầu nhìn lại. Mẹ và chị tôi thầm thũi khóc nhìn bóng cha tôi cứ xa dần, mờ dần.

Hầu như tôi không có kỷ niệm ấu thơ với cha. Cha nhẹ nhàng với con gái bao nhiêu thì nghiêm khắc với con trai bấy nhiêu. Hễ lần nào tôi đi học luyện thi về là cha hỏi han từng li từng tí: "Hôm nay con học môn gì? Con có tiếp thu được không?..". Tất nhiên, tôi khó chịu ra mặt, trả lời qua loa đôi chút. Lúc cha chưa về, mẹ chẳng bao giờ xét nét tôi như thế.[…]

(Trích *Cha Tôi* – Sương Nguyệt Minh, theo https://isach.info/story.php)

Câu 1 (0,5 điểm). Đoạn trích trên sử dụng ngôi kể nào?

Câu 2 (0,5 điểm). Trước khi cha về, cuộc sống gia đình nhân vật "tôi" buổi tối diễn ra như thế nào?

Câu 3 (1,0 điểm). Qua chi tiết "*Cha tôi bảo: "Em đừng buồn. Anh mà ở lại thì anh không đi được nữa. Thôi nào con, cho bố đi nào"*, em hiểu gì thêm về người cha trong câu chuyện? Từ đó, thấy được vẻ đẹp nào của người lính Quân đội Nhân dân Việt Nam?

Câu 4 (1,0 điểm). Theo em, vì sao *"Cha nhẹ nhàng với con gái bao nhiêu thì nghiêm khắc với con trai bấy nhiêu."*?

Câu 5 (1,0 điểm). Qua lời kể của nhân vật "tôi" về cách giáo dục của người cha – một người quân nhân, với những đứa con; emcó đồng tình với cách giáo dục đó trong cuộc hành trình phát triển và trưởng thành của mỗi người hay không?

PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp của Nguyễn Trãi qua đoạn trích sau:

Tự bén hơi xuân tốt lại thêm,
Đầy buồng lạ, màu thâu đêm.
Tình thư một bức phong còn kín,
Gió nơi đâu, gượng mở xem.
(Cây chuối, *Nguyễn Trãi toàn tập,* NXB Văn học, 1976)

Câu 2 (4,0 điểm). Giản dị là một đức tính quý mỗi người cần có, đặc biệt đối với những người trẻ đang được sống trong một cuộc sống đầy đủ, toàn diện và phát triển nhanh chóng. Vì thế đã có lần Nguyễn Ngọc Tư "*người ta ngây ngất trước sự hào nhoáng, mê mẩn trước sự bóng bẩy, nhưng chỉ rơi nước mắt trước sự giản dị tự đáy lòng*"?

Viết bài văn nghị luận khoảng 600 chữ, bày tỏ ý kiến của em về lối sống giản dị trong giới trẻ ngày nay

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4.0**
	1	– Ngôi kể của người kể chuyện: Ngôi thứ nhất	0.5
	2	– Trước khi cha về cuộc sống của gia đình "tôi" mỗi tối là: *+ Tôi học hành ấm ớ rồi lướt web, chơi game, hoặc chat với mấy đứa "chíp con" cùng lớp đến một, hai giờ sáng.* *+ Một tuần, mẹ tôi sáu ngày đến vũ trường nhảy nhót, hoặc đi uống cà phê đến khuya mới về.* *+ Chị Mai mải xem phim Hàn Quốc liên miên. Cái thứ phim toàn khóc lóc, thất tình, ung thư, hoặc bệnh máu trắng rồi ân hận, sám hối… có gì đáng đồng tiền bát gạo mà lấy mất thời gian của chị tôi đến thế*	0.5
	3	Qua chi tiết "*Cha tôi bảo: "Em đừng buồn. Anh mà ở lại thì anh không đi được nữa. Thôi nào con, cho bố đi nào"* ta thấy người cha trong câu chuyện trên dù là một người chồng thương yêu vợ, một người cha yêu thương con cái; dù mong muốn sống hạnh phúc cuộc sống gia đình, muốn chiều chiều cùng con gái đi trên con đê ven sông,…. nhưng vì trách nhiệm với Tổ quốc, người cha đã dứt khoát bỏ lại tình cảm riêng ở phía sau (qua những câu văn ngắn, liên tục,…) Từ vẻ đẹp của người cha là đại diện cho vẻ đẹp của những người lính Quân đội Nhân dân Việt Nam vì trách nhiệm,	1.0

		nghĩa vụ lớn lao với Tổ quốc tạm gác lại hạnh phúc nhỏ ở trong tim. Tuy vậy, họ vẫn dành tình cảm cho những người thân yêu của mình dù bằng một cách thật đặc biệt nhưng cũng thật thiêng liêng và đáng trân trọng.	
	4	Học sinh lý giải hợp lý: – Vì người cha muốn con trai lớn lên có thể bảo vệ được chính mình và những người xung quanh – Vì người cha muốn người con tiếp nối sự nghiệp dang dở của mình	1.0
	5	Học sinh trình bày quan điểm của bản thân – Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình (0,25 điểm) – Lý giải về quan điểm bản thân (0,5 điểm) – Bài học bản thân, bài học liên hệ (0,25 điểm)	1.0
II		**VIẾT**	**6,0**
	1	**Viết đoạn văn nghị luận (Khoảng 200 chữ) làm rõ vẻ đẹp Nguyễn Trãi qua đoạn trích *Ba tiêu (Cây chuối)* của Nguyễn Trãi**	**2.0**
		***a. Xác định được về hình thức, dung lượng của đoạn văn* (khoảng 200 chữ). Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng- phân- hợp; song hành hoặc móc xích.**	**0.25**
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: vẻ đẹp của Nguyễn Trãi qua bài thơ *Ba tiêu*	**0.25**
		c.Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề cần nghị luận. + Cách lựa chọn loại cây dân dã, gần với cuộc sống bùn đất quê mùa: cây chuối. + Mở đầu bài thơ, cảm nhận về một cây chuối biểu tượng. + Đến câu thứ hai, tác giả miêu tả đặc điểm của cây chuối. + Nhưng sức nặng của bài thơ là ở vào hai câu cuối cùng: + Câu kết bài thơ kết lại bằng 6 chữ: "Gió nơi đâu gượng mở xem", dùng thủ pháp nhân hóa thể hiện liên tưởng nghệ thuật rất nghệ	**0.5**
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Lựa chọn được thao tác lập luận, phương thức biểu đạt hợp lý để triển khai vấn đề. – Trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng hợp lý.	**0.5**

		e. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	**0.25**
		g. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	**0.25**
	2	Giản dị là một đức tính quý mỗi người cần có, đặc biệt đối với những người trẻ đang được sống trong một cuộc sống đầy đủ, toàn diện và phát triển nhanh chóng. Vì thế đã có lần Nguyễn Ngọc Tư "người ta ngây ngất trước sự hào nhoáng, mê mẩn trước sự bóng bẩy, nhưng chỉ rơi nước mắt trước sự giản dị tự đáy lòng"? Viết bài văn nghị luận khoảng 600 chữ, bày tỏ ý kiến của anh/chị về lối sống giản dị rong giới trẻ ngày nay	**4.0**
		a. Đảm bảo đúng kiểu bài văn nghị luận xã hội	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: về lối sống giản dị	0.5
		c. *Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề cần nghị luận.* – Xác định được ý chính của bài viết. – Xác định các ý theo bố cục 3 phần của bài văn nghị luận: *** Giới thiệu được vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề nghị luận.** *** Triển khai vấn đề cần nghị luận:** **– Giải thích:**" Sự giản dị: vẻ đẹp giản đơn, mộc mạc, bình dị, thường không thu hút sự chú ý của con người – đó có thể là vẻ đẹp thuộc về phần sâu kín bên trong, là những giá trị tinh thần, những điều tử tế, lòng tốt bình thường xuất phát từ sự chân thành, thật tâm… chỉ có thể dùng trái tim để cảm nhận. => Đôi khi trong cuộc sống trong dòng chảy trôi của thời gian chúng ta chỉ mải mê chạy theo những điều đẹp đẽ, lấp lánh hào nhoáng bóng bẩy bên ngoài mà quên rằng chính những điều bình thường giản dị xuất phát từ trái tim, từ tấm lòng mới là điều làm nên chân giá trị, ý nghĩa đích thực của đời sống này. Và con người chỉ cảm động tận đáy lòng trước những điều bình thường giản dị ấy. **– Bày tỏ quan điểm của người viết:** – Cuộc sống luôn phát triển đi lên theo chiều hướng hiện đại hơn, văn minh hơn, tiện nghi vật chất hơn – hình ảnh xã hội mà ở đó hiện diện thế giới vật chất hào nhoáng, đẹp đẽ, sang trọng, xa hoa… luôn có sức hấp dẫn khiến con người khát khao thèm muốn. Sự hào nhoáng, bóng bẩy trở thành thước đo giá trị cho cuộc đời giàu sang, tiện nghi mà con người mơ ước. Cái hào nhoáng, bóng bẩy còn thường	1.0-

		đi liền với danh vọng, như một thứ trang sức làm đẹp nâng cao giá trị con người. – Đối lập với hào nhoáng, bóng bẩy là cái bình thường, đời thường, dung dị, những điều này đã trở nên quá quen thuộc đến quen nhàm với cuộc sống con người nên con người có xu hướng bị thu hút bởi những thứ mới mẻ, đối lập, khác biệt là sự bóng bẩy, hào nhoáng kia. – Nếu cái hào ngoáng bóng bẩy bên ngoài đi liền với thực tài, thực tâm, thực lực thì rất đáng được tôn vinh ngưỡng mộ. Nhưng đôi khi, càng hào nhoáng bên ngoài càng rỗng tuếch ở bên trong. Nếu con người mải mê chạy theo cái bóng bẩy bên ngoài có thể sẽ đánh mất chính mình, không tìm được chân giá trị cuộc sống. – Sự giản dị là trạng thái chân thực của cuộc sống, gắn với những điều bình thường của tuổi thơ, trong gia đình, giữa những mối dây gắn kết thiêng liêng bền bỉ: tình yêu thương, sự chân thành không màu mè tô vẽ… Sự giản dị có thể không gây chú ý nhưng đủ khả năng làm ta xúc động, vì nó chạm đến phần sâu thẳm nhất của tâm hồn và bản chất đời sống này. – Sự giản dị đời thường cho phép con người dừng chân, sống chậm lại, cảm cảm nhận cuộc sống trong tất cả những vẻ đẹp thân thuộc đến cũ kỹ nhưng tràn ngập tình yêu. Trước những điều giản dị, con người được thả lỏng bản thân, được là mình, chân thành, sâu sắc và nhẹ nhõm, được thanh lọc tâm hồn, trở về với những trong trẻo, nguyên sơ, thuần khiết nhất. * Chứng minh: chọn dẫn chứng phù hợp, tiêu biểu.chính, đâu là thói hư tật xấu, là tệ nạn xã hội không nên sa đà vào nó. **– Mở rộng, bày tỏ quan điểm trái chiều, hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện hơn.** *** Khẳng định lại quan điểm cá nhân và rút ra bài học cho bản thân.** – Theo đuổi những điều hào nhoáng, bóng bẩy bên ngoài không phải điều sai trái, bởi đó là những dán nhãn khẳng định vinh quang, thành công chúng ta có được sau nhiều nỗ lực cố gắng. Cho nên, con người có quyền tận hưởng/ theo đuổi nó. Xong cần xây dựng cho mình hình ảnh bên ngoài đẹp đẽ song hành với giá trị thực bên trong tương xứng. Xét cho cùng, vật chất không quyết định giá trị sống, và ý nghĩa uộc sống. – Cần nhận ra và biết trân trọng những điều đơn sơ, dung dị, nhỏ bé xung quanh mình: sự chân thành, tình yêu thương không màu mè tô vẽ, lối hành xử thật thà không	

		trang sức… chỉ những điều mới đem đến niềm hạnh phúc thực sự và cuộc sống trọn vẹn ý nghĩa. – Vẻ hào nhoáng gắn với giá trị nhất thời, còn cái giản dị, chân thành là giá trị bền vững/ mọi thời,	
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Học sinh lựa chọn được 2 luận điểm để bày tỏ được quan điểm của cá nhân. – Lựa chọn được thao tác lập luận, phương thức biểu đạt hợp lý để triển khai vấn đề. – Trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng hợp lý. ***Lưu ý:*** Học sinh có thể bày tỏ quan điểm của cá nhân nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1.5
		e. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết bài văn	0.25
		***g Sáng tạo*:** Bài viết có suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0.5
Tổng điểm			**10.0**

ĐỀ 19

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(Lược một đoạn: Ông Cựu đưa thầy lang về chữa bệnh, bà Cựu có cái nhìn đầy dè bỉu, coi thường, bà nhất định không uống thuốc của lang. Cái tên Lang Rận là do bà Cựu và cô Đính đặt)

Anh chàng có cái mặt trông dơ dáng thật. Mặt gì mà nặng chình chĩnh như mặt người phù, da như da con tằm bủng, lại lấm tấm đầy những tàn nhang. Cái trán ngắn ngủn, ngắn ngùn, lại gồ lên. Đôi mắt thì híp lại như mắt lợn sề. Môi rất nở cong lên, bịt gần hai cái lỗ mũi con con, khiến anh ta thở khò khè. Nhưng cũng chưa tệ bằng cái lúc anh cười. Bởi vì lúc anh cười thì cái trán chau chau, đôi mắt đã híp lại híp thêm, hai mí gần như dính tịt lại với nhau, môi càng lớn thêm lên, mà tiếng cười, toàn bằng hơi thở, thoát ra khìn khịt. Trời đất ơi! Cái mặt ấy, dẫu cho mỗi ngày rửa ba lượt xà phòng, bà cựu trông thấy vẫn còn buồn mửa. Huống chi anh chàng lại bẩn gớm, bẩn ghê. Có lẽ mỗi buổi sáng ra cầu ao, anh ta chỉ nhúng mấy ngón tay, rửa độc một tí đầu mũi mà thôi. Mặt anh mốc meo lên. Còn quần áo thì gố ghỉnh, thì đầy dỉ, đứng cách ba thước còn ngửi thấy mùi chua, mà rách rưới, mà mất cúc, mà sứt chỉ, mà lôi thôi lếch thếch. Không hiểu anh ta chỉ có một bộ quần áo hay sao mà từ ngày đến nhà bà đến giờ vẫn chưa thay. Hèn chi mà rận lắm hơn giòi. Chúng bò lổm ngổm ở trên cổ, ở hai vai, ở dưới lưng. Chúng bò lổm ngổm xuống cả cái giường mà anh nằm. Anh ngồi chỗ nào,

lúc đứng lên, thế nào cũng có vài chú rận kềnh nằm ngửa, múa máy những cái chân nhỏ li ti, như một người bụng to ngã chổng kềnh, không biết làm thế nào để đứng lên.

(Lược một đoạn: Lang Rận có tính hay chèo bẻo, thích ngồi nghe phụ nữ nói chuyện, thỉnh thoảng chêm vào vài câuthường thuyên bị cô Đính và bà Cựu dè bỉu, đay nghiến)

Mụ Lợi là người ở nhà bà. Không một người đàn bà nào có thể xấu hơn. Mụ béo trục, béo tròn, mặt mũi như tổ ong bầu, mắt trắng, môi thâm mà đen như thằng quỷ. Ở quanh đấy, người ta vẫn lấy tên mụ ra mà dọa trẻ. Hơi trẻ nhà nào khóc, người ta lại bảo: "Nín đi! Nín đi! Mụ Lợi kia kìa!… ". Thế mà mụ Lợi hiền lành lắm. Phải, hiền lành mà tốt nhịn, bảo sao nghe vậy, thì thế mới ở nhà bà cựu được. Nhưng hồi mới đến, mụ cũng phải cái tật nói leo. Bà cựu mắng như băm, như bổ vào mặt cho, không còn biết mấy mươi lần. Bây giờ thì mụ chừa rồi. Ai cười, ai nói, mặc! Suốt ngày, mụ chỉ im như thóc.

Nhưng nói, trao đổi những ý nghĩ, những nỗi lòng, có lẽ là cái tật chung của loài người. Không được nói thì khổ lắm. Từ ngày có ông lang Rận, những lúc không có ai, mụ Lợi thường lân la nói chuyện với ông.

(Lược một đoạn: Khi biết Lang Rận và mụ Lợi thường xuyên nói chuyện với nhau bị bà Cựu và cô Đính đem nó làm trò cười)

Nhưng cũng lắm lúc mụ lại cứ muốn mãi mãi thế này, một mình làm, một mình ăn, chẳng chồng con gì nữa: đời bạc lắm…

Nhưng có người không bạc, thầy lang ta nghĩ thế. Và thầy nghĩ đến những người vợ thầy: rất bạc. Tại sao những người đàn ông tốt lại cứ hay gặp phải những người đàn bà bạc, còn những người đàn bà không bạc thì lại gặp phải những người đàn ông bạc? Thầy lang Rận bùi ngùi thương thân mình và thương cho người đàn bà phận hẩm. Họ than thở với nhau và phàn nàn cho nhau…

(Lược một đoạn: Bà Cựu và cô Đính thấy Lang Rận vào phòng mụ Lợi liền khoá cửa ngoài, đợi sáng mai ông Cựu về sẽ đi bắt gian và định làm bẽ mặt hai người)

Mụ ngơ ngác nhìn quanh. Và khi trông thấy tình nhân, mụ rú lên. Mụ vật vã người, khóc rống như một con chó chưa quen xích. Tội nghiệp cho con người quá ù lì! Sau khi cãi nhau rồi, mụ lăn ra ngủ thật say. Mụ có ngờ đâu trong lúc ấy thì tình nhân ngồi nghĩ ngợi xa gần. Y thẹn. Y buồn. Y giận đời. Y giận trời. Y giận thân. Y tím ruột, tím gan. Y nghĩ đến cái nhục sáng hôm sau…

Ấy thế rồi y đã bật diêm lên, tìm một cái gì có thể làm một cái dây..

(Nam Cao, trích *Lang Rận* – NXB Hội nhà văn 1993)

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1: Nhân vật chính trong truyện là ai?

1. Bà Cựu Cô Đính
2. Mụ Lợi Lang Rận

Câu 2: Đề tài của tác phẩm là gì?

1. Người nông dân nghèo Tư sản thành thị
2. Người trí thức nghèo Nông dân và trí thức

Câu 3: Ngôi kể trong tác phẩm là ngôi thứ mấy?

1. Ngôi thứ nhất Ngôi thứ 3

2. Ngôi thứ hai Không có ngôi kể
3. **Câu 4.** Đoạn trích trên chủ yếu được kể từ điểm nhìn của nhân vật nào?
1. Điểm nhìn của nhân vật Lang Rận
2. Điểm nhìn của nhân vật bà Cửu
3. Điểm nhìn của người kể chuyện
4. Điểm nhìn của nhân vật mụ Lợi

Câu 5: Cảm hứng chủ đạo của tác phẩm là gì?
1. Người nông dân bị coi thường, bị lăng nhục, bị xúc pham
2. Người nông dân tham lam bị xa lánh
3. Người nông dân nghèo tha hoá
4. Người nông dân sống cuộc đời như quỷ dữ

Câu 6: Điểm nhìn chủ yếu trong đoạn trích là gì?
1. Điểm nhìn bên trong Điểm nhìn tâm lý
2. Điểm nhìn bên ngoài Không có điểm nhìn

Câu 7: Nam Cao miêu tả rận trên người Lang Rận như thế nào?
1. Chúng bò lổm ngổm ở trên cổ, ở hai vai, ở dưới lưng. Chúng bò lổm ngổm xuống cả cái giường mà anh nằm. Anh ngồi chỗ nào, lúc đứng lên, thế nào cũng có vài chú rận kềnh nằm ngửa, múa máy những cái chân nhỏ li ti, như một người bụng to ngã chổng kềnh, không biết làm thế nào để đứng lên.
2. Chúng bò lổm ngổm ở trên cổ, ở hai vai, ở dưới lưng. Chúng bò lổm ngổm xuống cả cái giường mà anh nằm
3. Anh ngồi chỗ nào, lúc đứng lên, thế nào cũng có vài chú rận kềnh nằm ngửa, múa máy những cái chân nhỏ li ti, như một người bụng to ngã chổng kềnh, không biết làm thế nào để đứng lên.
4. Rận nhiều vô số kể, đi đâu cũng thấy rận rơi xuống xung quanh

Trả lời câu hỏi:

Câu 8 (0.5điểm): Tác giả di chuyển điểm nhìn trần thuật như thế nào trong đoạn văn sau: *Mụ có ngờ đâu trong lúc ấy thì tình nhân ngồi nghĩ ngợi xa gần. Y thẹn. Y buồn. Y giận đời. Y giận trời. Y giận thân. Y tím ruột, tím gan. Y nghĩ đến cái nhục sáng hôm sau…*

Câu 9 (1.0 điểm): Nhân vật mụ Lợi có vai trò như thế nào trong tác phẩm?

Câu 10 (1.0 điểm):Em có đồng ý với suy nghĩ của nhân vật Lang Rận sau đây không?

"Nhưng có người không bạc, thầy lang ta nghĩ thế."

LÀM VĂN (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn (khoảng 500 chữ) hãy viết bài văn nghị phân tích giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật trong truyện ngắn *Lang Rận* của nhà văn Nam Cao.

Đề 2:

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1: Nhân vật mụ Lợi được miêu tả như thế nào?

Câu 2: Vì sao Lang Rận phải chết?

Câu 3: Tác giả dùng những điểm nhìn trần thuật nào để khắc hoạ cuộc đời Lang Rận? Điều đó có tác dụng như thế nào?

Câu 4: Phân tích điểm nhìn trần thuật và ngôn ngữ trong đoạn văn sau:

Mụ có ngờ đâu trong lúc ấy thì tình nhân ngồi nghĩ ngợi xa gần. Y thẹn. Y buồn. Y giận đời. Y giận trời. Y giận thân. Y tím ruột, tím gan. Y nghĩ đến cái nhục sáng hôm sau…

Câu 5: Nhận xét về nghệ thuật miêu tả và tác dụng của chúng trong truyện ngắn Lang Rận của Nam Cao

Câu 6: Truyện ngắn Lang Rận đã thể hiện giá trị văn hoá nhân sinh nào? Chúng đã tác động như thế nào tới cảm xúc và suy nghĩ của em?

LÀM VĂN (4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn (khoảng 500 chữ) hãy viết bài văn nghị luận bàn về giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật trong truyện ngắn *Lang Rận* của nhà văn Nam Cao.

Em hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một số nét đặc sắc về nghệ thuật tự sự của Nam Cao thể hiện qua đoạn trích

HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐỀ 1

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6,0**
	1	D	0,5
	2	A	0,5
	3	C	0,5
	4	C	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	A	0,5
	8	– Di chuyển điểm nhìn từ bên ngoài vào bên trong (Cảm xúc ở khuôn mặt vào trong cái giận của cơ quan trong cơ thể nhân vật) – Điểm nhìn thu hẹp dần (trời – đời – thân)	0,5
	9	– Mụ Lợi là "chất xúc tác" để Lang Rận hoà nhập vào cuộc sống xung quanh – Là nhân vật mang đến cho Lang Rận hi vọng về tình yêu thương	1,0
	10	HS trả lời đồng ý. Lý giải phù hợp và thuyết phục. Sau đây là gợi ý: – Ý nghĩa: + Cuộc đời này không phải ai cũng bạc bẽo	1,0

		+ Sẽ có những người biết yêu thương, cảm thông và đùm bọc	

ĐỀ 2

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6,0**
	1	Không một người đàn bà nào có thể xấu hơn. Mụ béo trục, béo tròn, mặt mũi như tổ ong bầu, mắt trắng, môi thâm mà đen như thằng quỷ. Ở quanh đấy, người ta vẫn lấy tên mụ ra mà dọa trẻ. Hơi trẻ nhà nào khóc, người ta lại bảo: "Nín đi! Nín đi! Mụ Lợi kia kìa!… ".	1,0
	2	Lang Rận chết vì tủi nhục, vì để giữ gìn nhân cách của mình, chết để giải thoát khỏi sự xã hội đầy những lăng mạ và xúc phạm.	1,0
	3	– Điểm nhìn bên ngoài: ngoại hình, thói quen – Điểm nhìn bên trong: Suy nghĩ của Lang Rận về cuộc đời và sự đồng cảm với nhân vật mụ Lợi – Tác dụng: Khắc hoạ được cuộc đời cực khổ, sống một cuộc đời bị chà đạp, nói không được, cười cũng không xong, làm gì cũng bị người đời mắng mỏ, khinh bỉ	1,0
	4	-Điểm nhìn: Từ bên ngoài di chuyển vào bên trong -Ngôn ngữ: Dùng từ *Y* – mang sắc thái lạnh lùng, khách quan	1,0
	5	– Miêu tả nhân vật một cách chân thực nhất, có phần lạnh lùng (miêu tả diện mạo của Lang Rận và mụ Lợi như một sự vụng về của tạo hoá: – Tác dụng: Miêu tả cái xấu tột cùng về ngoại hình để tôn lên cái đẹp về nhân cách	1,0
	6	HS có thể trả lời theo nhiều hướng, lý giải cụ thể và thuyết phụ Sau đây là gợi ý: – Giá trị văn hoá nhân sinh: + Tình thương và lòng nhân ái trong cuộc sống + Trong bất cứ hoàn cảnh nào con người cũng phải giữ gìn nhân phẩm của mình… – Lí giải: +Nếu xã hội có tình thương và lòng nhân ái, Lang Rận sẽ không chết + Lang Rận chết để giữ gìn nhân phẩm của mình	1,0

ĐỀ 20.

Phần I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu

[...]Ông Quải như chả chú ý tới những nghi ngờ của vợ về một ông khách mới quen lại quá tò mò. Ông vẫn tiếp tục kể cho tôi nghe những năm tháng đầu tiên ông trở về nhà sống với một người bố đã già đã yếu và hai đứa con còn nhỏ dại.

Về được hai năm thì bố chết, đưa bố ra đồng xong về nhà vét voi không được vài ống gạo. Trời mưa trong nhà như ngoài sân mới vay tiền mua trăm ngói, mà mua cũng khó khăn lắm, trèo lên cào mùn gianh rồi úp tạm ngói lên chống dột. Năm sau thì cưới vợ là bà nhà tôi bây giờ. Nhà đã khó nay lại đẻ thêm con đỏ nên càng khó. Bằng tuổi tôi người ta thì bồng cháu, mình tóc đã muối tiêu còn bồng con nhỏ là rất nghịch cảnh. Cũng may bà nhà tôi tháo vát, lại rất thương chồng và con chồng, khó đến mấy cũng chỉ cười. [...]

Mươi năm trở lại đây nhà ông không phải lo đến miếng ăn nữa. Nhưng ông vẫn chỉ ăn cơm với dưa với mắm, đụng đũa vào cá rán, cá nấu, thịt gà, trứng vịt là nôn ói liền. Cái "không bằng người" ấy chả quy lỗi cho ai được, chỉ tại cái trò chơi khăm của ông giời đó thôi. Nhưng nhìn quanh thì vẫn không bằng người, người ta làm được nhà gác thì ông mới chuẩn bị làm lại cái nhà đang ở, người ta đi xe máy thì bố con ông mới có cái xe đạp Trung Quốc. Vẫn là thua người, tính toán trí lực hơn người mà thua mưu cả đứa trẻ nên càng tức. Ông kể: Mấy năm nọ cả xã này đổ xô đi buôn long nhãn, nhiều người xây được nhà gác là nhờ cái đận ấy đấy. Tôi cũng buôn. Long nhãn của nhà được vài tạ, mua vào gần hai tấn nữa. Lúc mua có 100, 105 ngàn một ký. Giá lên 110, 115 ngàn vẫn không bán vì đám buôn đồ chừng phải lên đến 120, 125. Nào ngờ nó lại tụt dần xuống, tụt xuống rồi lại lên, cái trò cung cầu của cơ chế thị trường nó ưỡn ẹo đồng bóng lắm, gan thì được, nhát thì thua. Thi gan thì nhất tôi rồi. Đánh nhau mười năm với Mỹ không gan có mà chết sớm. Cái sống chết ở chiến trường có thể gan tới cùng, với lại chỉ có một mình mình đối mặt với cái chết, đòm một phát, coi như xong, chả bận bịu tới ai cả. Đằng này là cái no cái đói; sau lưng mình còn một bầy thê tử họ lại không muốn bị đói mãi nên chỉ dám gan đến cái mức nào đó thôi, rồi đành thở dài chịu thua vậy. Mua hơn 100 ngàn, bán có 65, 62 ngàn, lỗ non nửa. Đã bảo giời tính mà, ông giời không cùng phe với mình làm sao không thua.

Sau lần thua lỗ ấy, lỗ non chục triệu chứ đâu có ít, tôi lại khăn gói ra Quảng Ninh gánh than, được thêm đồng nào hay đồng ấy. Ông tính, một buổi gánh ba chuyến than, gánh từ 70 cân trở lên, chạy một đoạn đường ba bốn cây số, một ngày trừ ăn uống rồi cũng giắt lưng được ba chục ngàn, ấy là đã phải trả tiền bãi mất năm ngàn. Một năm gánh than, ăn đường ngủ chợ, về đến nhà đến vợ con cũng không nhận ra nhưng trả xong nợ. Coi như mất hai năm không thêm đồng nào, mọi sự chi tiêu đều trông vào hạt thóc. Mất toi hai năm mà tuổi đã trên năm mươi rồi, thế là lại gắt, chỉ dám gắt với vợ với con, tức ông giời chưa chịu buông tha mình, hờn dỗi với giời mà gắt.[...]

(Trích "*Giận ông giời*", Nguyễn Khải, https://nhandan.vn/gian-ong-gioi-truyen-ngan-cua-nguyen-khai-post408195.html).

Câu 1. Nhân vật chính trong truyện là ai?

Câu 2. Theo đoạn trích, ông Quải đã làm những công việc gì để mưu sinh?

Câu 3. Cuộc đời của ông Quải khi trở về nhà sau chiến tranh như thế nào?

Câu 4. Tấm lòng của nhà văn được gửi gắm trong truyện là gì?

Câu 5. Từ nhân vật ông Quải, anh/chị suy nghĩ gì về người lính thời hậu chiến?

Phần II. VIẾT

Câu 1.

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 100 đến 150 chữ) trình bày suy nghĩ của em về nhân vật ông Quải qua câu nói "*Cái sống chết ở chiến trường có thể gan tới cùng, với lại chỉ có một mình mình đối mặt với cái chết, đòm một phát, coi như xong, chả bận bịu tới ai cả. Đằng này là cái no cái đói; sau lưng mình còn một bầy thê tử họ lại không muốn bị đói mãi nên chỉ dám gan đến cái mức nào đó thôi, rồi đành thở dài chịu thua vậy".*

Câu 2.

Nữ bác sĩ, liệt sĩ Đặng Thuỳ Trâm có câu: *"Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố"*. Hãy viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của anh/chị về câu nói trên.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		**ĐỌC HIỂU**	**4,0**
	1	Nhân vật chính trong truyện là Ông Quải	0,5
	2	Theo đoạn trích, ông Quải đã làm những công việc để mưu sinh: Buôn long nhãn (0,25đ), gánh than(0,25đ)	0,5
	3	Cuộc đời của ông Quải khi trở về nhà sau chiến tranh: – Gia cảnh nghèo túng, đói khổ. – Bươn chải đủ nghề, vật lộn với cuộc sống mưu sinh. – Gặp nhiều chuyện không may mắn *(HS Trả lời 2 ý cho 1,0; TL 1 ý cho 0,5)*	1,0
	4	Tấm lòng của nhà văn gửi gắm trong truyện: – Xót xa, trăn trở về nỗi đau và cuộc sống của người lính thời hậu chiến. – Trân trọng, biết ơn sự hi sinh to lớn của những người lính trong cuộc chiến bảo vệ Tổ quốc. – Ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của người lính cụ Hồ trong cả thời chiến và thời bình. – Mong muốn những giải pháp giúp đỡ để cuộc sống của họ tốt đẹp hơn *(Mỗi ý 0,25)*	1,0
	5	Từ nhân vật ông Quải, nhà văn phản ánh số phận người lính thời hậu chiến: – Những người lính bước ra từ chiến tranh, họ trở về cuộc sống thời bình khi nền kinh tế thị trường được mở ra. Họ cố gắng hòa nhập và thay đổi với thời cuộc, nhưng cuộc sống	1,0

		còn quá nhiều khó khăn, họ phải loay hoay, chật vật để mưu sinh. – Nhưng dù trong bất cứ hoàn cảnh nào dù trong thời bình hay thời chiến, họ đều kiên trì vươn lên, không chịu khuất phục và khao khát một cuộc sống tươi đẹp hơn.	
II		**LÀM VĂN**	**6,0**
	Câu 1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 100 chữ) trình bày suy nghĩ của em về câu nói của ông Quải "*Cái sống chết ở chiến trường có thể gan tới cùng, với lại chỉ có một mình mình đối mặt với cái chết, đòm một phát, coi như xong, chả bận bịu tới ai cả. Đằng này là cái no cái đói; sau lưng mình còn một bầy thê tử họ lại không muốn bị đói mãi nên chỉ dám gan đến cái mức nào đó thôi, rồi đành thở dài chịu thua vậy*".	**2,0**
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận văn học	**0,25**
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Câu nói của ông Quải chất chứa nhiều suy tư của một người lính bước ra từ chiến tranh	**0,25**
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các ý: Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng hợp lí. Sau đây là một số gợi ý: – Ông Quải từng là người lính anh dũng ở chiến trường, không sợ mưa bom, bão đạn, sẵn sàng hi sinh thân mình cho nền độc lập, tự do của Tổ quốc – Ông Quải là người có trách nhiệm, giàu tình yêu thương với gia đình, mong muốn có cuộc sống tốt đẹp hơn. Sau chiến tranh, ông trở về với cuộc sống đời thường, với gánh nặng áo cơm. Đằng sau ông còn mấy miệng ăn, cho nên, ông không thể "gan lì" với thực tế, ông phải nghĩ đến vợ, đến con. Nhưng trên hết, đó là khao khát muốn đổi đời, hướng đến một cuộc sống tốt đẹp hơn. – Qua những lời tâm sự của ông Quải với nhà văn, chúng ta nhận ra hình tượng người lính sau chiến tranh, với cái nhìn mới, họ hiện ra sinh động hơn, chân thật hơn và có chiều sâu tâm lí. Người lính trước đây được khắc họa là những người làm chủ hoàn cảnh, khắc phục mọi trở ngại để đạt được mục tiêu, lý tưởng, còn người lính sau chiến tranh chịu sự chi phối nghiệt ngã của hoàn cảnh, tác động đến số phận và tính cách của họ. Đó cũng chính là cái nhìn nhân văn của tác giả đối với nhân vật của mình….	**1,0**

		d. Chính tả, ngữ pháp *– Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.*	**0,25**
		e.Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	**0,25**
	Câu 2.	Nữ bác sĩ, liệt sĩ Đặng Thuỳ Trâm có câu: *"Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố"*. Hãy viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của anh/chị về câu nói trên.	**4,0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận *Mở bài* nêu được vấn đề*; Thân bài* triển khai được vấn đề*; Kết bài* khái quát được vấn đề.	0,5
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Bàn luận về câu nói của Nữ bác sĩ, liệt sĩ Đặng Thuỳ Trâm: *"Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố"*	0,5
		c. Triển khai vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm. Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	2,5
		**** Giải thích:*** – "Giông tố" là hình ảnh ẩn dụ cho những khó khăn, thử thách dữ dội có thể xảy ra trong cuộc sống của con người. – " Không được cúi đầu" là không chấp nhận gục ngã, thất bại. => Câu nói của Đặng Thùy Trâm đã khẳng định: cuộc đời dẫu nhiều khó khăn, nghịch cảnh nhưng không vì vậy mà chúng ta chùn bước, đầu hàng, chấp nhận thất bại trước chúng. ****Bàn luận:*** – Vì sao đời người phải trải qua nghịch cảnh, khó khăn? + Không ai muốn đối diện với những khó khăn, thách thức thế nhưng nó vẫn xảy ra trong cuộc sống như một quy luật tất yếu. Cuộc sống không phải là hành lang thẳng tắp mà rất nhiều ngã rẽ bất ngờ mà con người không thể lường hết được. Trên hành trình cuộc sống, con người có lúc phải đối mặt với khó khăn, thử thách, vấp vã, mất mát, đau khổ. + Chỉ có vượt qua khó khăn thử thách, con người mới tụ lập, trưởng thành, hoàn thiện bản thân. – Vì sao con người cần mạnh mẽ vượt lên những nghịch cảnh, khó khăn trong cuộc sống, không được *cúi đầu* trước *giông tố*?	

		+ Chỉ khi đối mặt và quyết tâm vượt qua khó khăn thử thách, bằng chính nghị lực và bản lĩnh của mình, chúng ta mới khẳng định bản thân, tiến tới thành công, chinh phục ước mơ hoài bão. Những gian nan ngày hôm nay sẽ làm cho thành quả ngày mai của chúng ta thêm ý nghĩa, giá trị hơn. + Nếu chúng ta không mạnh mẽ đối mặt và vượt qua giông tố, nản chí khi gặp khó khăn, ta sẽ rơi vào bế tắc và tuyệt vọng, bị khó khăn nhấn chìm, không bao giờ có thể chạm tay tới cánh cửa của thành công. – Làm thế nào để vượt qua khó khăn, thử thách? + Tích lũy kiến thức, kĩ năng, vốn sống, kinh nghiệm + Khắc phục những hạn chế của bả thân, sẵn sàng đối mặt + Tạo dựng các mối quan hệ tốt đẹp có thể giúp đỡ, hợp tác… *HS đưa dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề.*	
		– Mở rộng, phản đề: Trong cuộc sống, nhiều người không có ý chí, hễ gặp thất bại hay khó khăn là nản lòng, oán trách số phận. Một số người không tự mình vượt qua khó khăn mà trông chờ, phụ thuộc vào người khác… Hãy nhớ: chỉ có tự mình đối mặt và đi xuyên qua khó khăn thì mới chiến thắng được khó khăn đó. **** Rút ra bài học cho bản thân:*** – Cần nhận thức đúng vai trò, ý nghĩa của khó khăn, thử thách trong cuộc sống. – Hãy mạnh mẽ đối mặt với khó khăn, đứng dậy sau vấp ngã.	
		d. Chính tả, ngữ pháp *– Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.*	0,25
		e.Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
Tổng điểm			**10,0**

ĐỀ 21

Phần I. Đọc (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

MỘT LY SỮA

Có một cậu bé nghèo bán hàng rong ở các khu phố để kiếm tiền đi học. Hôm đó, cậu đang rất đói bụng nhưng lục túi chỉ còn mấy đồng tiền ít ỏi. Thế là cậu quyết định đến một căn nhà gần đó xin bữa ăn. Vừa gõ cửa xong, cậu chợt thấy hốt hoảng khi có

một cô bé dễ thương ra mở cửa. Thế là thay vì xin ăn, cậu xin một ly nước để uống. Cô bé nghĩ rằng cậu đang rất đói nên đem ra một ly sữa lớn.

Cậu uống từ từ, rồi hỏi:"Tôi nợ bạn bao nhiêu tiền?"

Cô bé mỉm cười đáp:"Bạn không nợ tôi bao nhiêu cả. Mẹ dạy chúng tôi rằng, không bao giờ nhận tiền khi làm một điều tốt"

Nghe vậy, cậu đáp:"Vậy thì tôi cảm ơn bạn nhiều lắm".

Khi Howard Kelly(1) rời khỏi căn nhà, cậu không chỉ cảm thấy cơn đói biến mất, người khỏe khoắn hơn mà còn thấy tràn đầy niềm tin vào con người và cuộc sống này.

Rất nhiều năm sau, cô bé tốt bụng năm đó bị ốm nặng. Các bác sĩ trong vùng không điều trị được, cô gái được chuyển lên bệnh viện trung tâm thành phố để các chuyên gia tìm cách điều trị căn bệnh hiểm nghèo này.

Howard Kelly lúc này đã là tiến sỹ, anh được mời để hội chuẩn về căn bệnh này. Khi nghe tên nơi ở của bệnh nhân, một tia sáng lạ lóe lên trong mắt anh. Anh đứng bật dậy và đi đến phòng nơi cô gái đang nằm. Anh nhận ra ngay đó chính là cô gái đã đưa anh ly sữa lúc nhỏ. Anh liền quay trở lại phòng chuyên gia và quyết tâm hết sức để cứu được cô gái. Anh đã quan tâm đặc biệt đến cô gái trong những ngày ở bệnh viện. Sau thời gian dài đấu tranh với căn bệnh hiểm nghèo này, cô gái đã khỏi bệnh. Anh cầm tờ hóa đơn thanh toán viện phí, viết gì đó bên lề và nhờ y tá chuyển lên phòng cho cô gái.

Khi cầm tờ hóa đơn thanh toán viện phí, cô gái không dám nhìn vì cô nghĩ chắc đến cuối đời cô cũng khó mà thành toán hết số tiền này. Cuối cùng, cô cũng lấy hết can đảm mở tờ hóa đơn ra, và bỗng một dòng chữ đập vào mắt cô "Đã thanh toán đủ bằng một ly sữa. Ký tên – Tiến sĩ Howard Kelly".

Cô gái vô cùng bất ngờ, những giọt nước mắt hạnh phúc tuôn trào trên đôi mắt cô.

(Theo ***Hạt giống tâm hồn)***

Chú thích: *(1)Tiến sĩ Howard Kelly: nhà vật lý lỗi lạc, đã sáng lập khoa Ung thư, trường Đại học John Hopkins năm 1895*

(Nguồn *Sống đẹp* – Internet)

Trả lời câu hỏi:

Câu 1 (0.5 đ). Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2 (0.5 đ). Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

Câu 3 (0.5 đ). Xác định điểm nhìn trong câu truyện trên?

Câu 4 (0.5 đ). Howard Kelly đã viết gì bên lề tờ hóa đơn thanh toán viện phí?

Câu 5 (1.0 đ). Anh/Chị hiểu thế nào về lời nói của cô bé: *"Mẹ dạy rằng chúng tôi không bao giờ nhận tiền khi làm một điều tốt"*?

Câu 6 (1.0 đ). Vì sao cậu bé Howard Kelly trong văn bản trên lại "*thấy niềm tin vào con người, vào cuộc sống rất mạnh mẽ."*?

Câu 7 (1.5 đ). "*Hôm đó, cậu đang rất đói bụng nhưng lục túi chỉ còn mấy đồng tiền ít ỏi. Thế là cậu quyết định đến một căn nhà gần đó xin bữa ăn. Vừa gõ cửa xong, cậu chợt thấy hốt hoảng khi có một cô bé dễ thương ra mở cửa".* Anh/chị sẽ xử lý như thế nào nếu mình là cậu bé trong tình huống trên? Vì sao?

Câu 8 (0.5 đ). Thông điệp ý nghĩa từ câu chuyện trên?

Phần II. VIẾT (4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn nghị luận về đặc sắc của truyện ngắn ***Một ly sữa*** ở phần Đọc.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	**ĐỌC**		**6,0**
	1	Tự sự.	0.5
	2	Ngôi thứ ba.	0.5
	3	Toàn tri.	0.5
	4	*"Đã thanh toán đủ bằng một ly sữa. Ký tên – Tiến sĩ Howard Kelly"*	0.5
	5	– Giúp đỡ hoặc cho đi phải xuất phát từ tấm lòng chân thành/ cho đi mà không cần nhận lại. – Cuộc sống cần phải có tình yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau.	0.5 0.5
	6	– Cậu bé đã nhận được tình yêu thương, sự quan tâm rất đỗi chân thành, tự nhiên từ một cô gái nhỏ mà cậu gặp khi định xin đồ ăn. – Cuộc sống còn nhiều điều tốt đẹp.	1.0
	7	Học sinh tự đưa ra hướng xử lý của mình, có sự lí giải thuyết phục. – HS đưa ra hướng xử lý của mình. – Lí giải hợp lí, thuyết phục.	0.5 1.0
	8	HS có thể đưa ra những thông điệp có ý nghĩa như: – Khi cho đi bằng tình yêu thương chân thành, ta sẽ nhận lại được sự chân thành, tình yêu thương gấp bội. – Cuộc sống cần phải có tình yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. – Trân trọng, biết ơn mọi sự giúp đỡ.	0.5
II	**VIẾT**		**4,0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận	0,25
		b. Xác định đúng đối tượng nghị luận	0,25
		c. Triển khai bài văn Hs có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các ý sau: **1. Mở bài** Giới thiệu tác giả, tác phẩm. **2. Thân bài** – Tóm tắt nội dung chính của truyện.	3.0

		– Phân tích, đánh giá về chủ đề của truyện: + Câu chuyện là bài học ấm áp về tình người, cuộc sống sẽ trở nên tốt đẹp hơn nếu như chúng ta biết trao đi những điều ý nghĩa. Một ly sữa tuy giá trị kinh tế không lớn, thế nhưng một ly sữa ấy được trao cho người cần nó sẽ là động lực to lớn, sự an ủi lớn lao đối với người đó, giúp họ có niềm tin để sống tiếp. + Hãy cứ cho đi hay giúp đỡ mọi người một cách vô tư khi có thể rồi bạn sẽ nhận lại được nhiều niềm vui và hạnh phúc. – Phân tích, đánh giá những nét đặc sắc về nghệ thuật: + Điểm nhìn của người kể chuyện ngôi thứ ba toàn tri, trần thuật chủ yếu theo điểm nhìn bên ngoài có đan xen điểm nhìn bên trong. Hình thức trần thuật này làm cho cách dẫn chuyện trở nên tự nhiên, linh hoạt, chân thực, khách quan tạo khoảng trống để tạo những bất ngờ cho người đọc. + Giọng kể vừa tỉnh táo khách quan của người kể chuyện ngôi thứ ba, không đi sâu phân tích tâm lí nhân vật chỉ kể sự việc còn lại để người đọc tự phán đoán và cảm nhận tạo nên khả năng đồng sáng tạo của người đọc và làm nên dấu ấn đặc điểm truyện ngắn hiện đại. + Cốt truyện đơn giản, được kể theo trình tự thời gian mạch lạc, dễ hiểu. Nhưng không kém phần hấp dẫn, bất ngờ bởi tình huống truyện độc đáo: Cuộc gặp gỡ giữa hai con người có thiên lương trong sáng trong những hoàn cảnh khó khăn… **3. Kết bài** Câu chuyện nhẹ nhàng, đơn giản nhưng vô cùng ý nghĩa: ca ngợi tấm lòng thương yêu, sẵn sàng giúp đỡ chia sẻ với người gặp khó khăn một cách tế nhị, khéo léo, chân thành cũng như lòng biết ơn sâu sắc đối với người đã giúp đỡ mình.		
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25	
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,25	
Tổng điểm			**10.0**	

ĐỀ 22.

I.PHẦN ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Một đêm mưa phùn ẩm ướt và tối tăm về cuối tháng chạp, hai anh em chúng tôi đi nghỉ sớm. Nằm trên giường, trùm chăn lên tận cằm, chúng tôi cùng nhau nói chuyện phiếm để đợi giấc ngủ.

[…] Ngọn đèn hoa kỳ vặn nhỏ để ở dưới đất chiếu lên trần và tường nhà những bóng tối kỳ dị, hơi lung lay. Còn chiếc màn đỏ rộng treo ở giữa nhà thì tối sẫm lại, rủ những nếp vải mỏng manh và tha thướt. Bên kia chiếc màn ấy, là giường của bà tôi và chị tôi nằm.

Vào hồi nửa đêm, chúng tôi sực thức dậy, gió thổi ào ào trong các lá cây và đập mạnh các tầu lá chuối; từng luồng chớp loáng qua cửa sổ. Một lát thì mưa rào rào đổ xuống mái nhà.

Anh tôi bảo:

– Có lẽ là một trận bão to.

– Bão thì càng thích.

Mà thích thật. Tưởng tượng không có cái khoan khoái êm ấm nào bằng cái thú đắp chăn nằm ngủ mà nghe mưa gió ở ngoài. Đêm lúc bấy giờ lạnh hơn, lại càng làm cho mình thấy cái ấm trong chăn là dễ chịu. Tiếng mưa reo và gió thổi như một thứ âm nhạc vui vui, ru ngủ người ta dần dần.

Hai anh em chúng tôi vừa cuộn kín trong chăn cho ấm vừa nói chuyện. Chúng tôi nghĩ đến, rồi thương hại những người lữ khách vào giờ này hẳy còn đi trên con đường vắng, ướt như chuột lột và run như cầy sấy, đi vội vàng để tìm một chỗ trú chân. Chúng tôi lại ái ngại cho những nhà nghèo bên hàng xóm, giờ này vợ chồng con cái đều phải dậy để chống cái nhà lá mà mỗi cơn gió mạnh làm lung lay và để đem các chậu thau hứng những chỗ giột nước.

Khi người ta được yên ấm trong một căn phòng nhà gạch chắc chắn, không sợ mưa gió về phần mình, thì người ta dễ có lòng thương đối với những người xấu số hơn.

Chúng tôi đương ở vào cái tâm tính tốt đẹp ấy, thì bỗng nhiên anh tôi sẽ thích tay vào tôi bảo im rồi nói khẽ:

-Có nghe thấy gì không?

Tôi lắng tai: qua tiếng gió, tiếng mưa ở ngoài, tôi nghe có tiếng chiêm chiếp như tiếng chim kêu. Tôi bảo anh tôi:

-Tiếng chiêm chiếp như tiếng chim kêu phải không?

-Phải rồi. Tôi nghe thấy từ lúc nãy.

Hai chúng tôi lại chăm chú nghe: tiếng chiêm chiếp khe khẽ và yếu ớt hình như ở chiếc cửa sổ phía đầu cái màn đỏ đưa lại.

[…] Chúng tôi tưởng tượng ngay ra một con chim ướt át, sù lông ra vì rét, đến chỗ cửa sổ đòi vào vì nó thấy ánh sáng trong phòng ấm áp chiếu ra. Câu chuyện con chim gáy một hôm tránh bão tuyết, đến gõ cửa nhà vợ chồng người cày ruộng, được hai vợ chồng này nâng niu và rắc bánh cho ăn, câu chuyện ấy mà hồi nhỏ chúng tôi đã đọc trong quyển "bài tập đọc" bây giờ lại thoáng qua trong trí nhớ, làm chúng tôi đem lòng thương con chim kia vô hạn, và muốn cứu vớt nó.

Tôi bảo anh tôi:

-Hay là chúng ta mang nó vào trong này cho nó ấm.

-Mang thế nào được?

-Sao lại không được! Ta cứ việc mở cửa rồi dụ nó vào có khó gì. Chứ nếu để nó ở ngoài ấy thì nó chết mất.

-Ừ, phải đấy.

(**Lược phần kết**: *Tuy hai anh em bàn nhau sẽ cứu con chim nhưng lại ngại vì trời mưa rét. Cuối cùng hai đứa trẻ nằm ngủ một mạch đến sáng. Sáng hôm sau, tỉnh dậy nghe chị Hai nói rằng tiếng kêu chiêm chiếp đêm qua không phải tiếng chim mà là tiếng cây tre ở đầu nhà bị gió lay. Chị định nói để cho hai đứa biết nhưng vướng thuốc nhuộm răng trong mồm, nên không nói ra thành lời mà cứ ú ớ như người nói mê. Cả hai anh em bật cười vì sự nhầm lẫn của mình.*)

(Trích *Tiếng chim kêu* – Tuyển tập Thạch Lam, NXB Văn học, 2013, tr.63-66)

Chú thích

– Truyện ngắn *Tiếng chim kêu* được sáng tác năm 1937, in trong tập truyện "*Gió lạnh đầu mùa"*.

– Thạch Lam (1910 – 1942) là nhà văn thuộc nhóm Tự lực văn đoàn. Ông có quan niệm văn chương lành mạnh, tiến bộ và có biệt tài về truyện ngắn. Truyện của Thạch Lam như một bài thơ trữ tình, giọng điệu điềm đạm nhưng chứa đựng tình cảm yêu mến, chân thành và sự nhạy cảm trước những biến đổi của cảnh vật và lòng người.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện.

Câu 2. Liệt kê những hiện tượng thiên nhiên tiêu cực được nhắc đến trong đoạn văn in đậm.

Câu 3. "*Hai anh em chúng tôi vừa cuộn kín trong chăn cho ấm vừa nói chuyện. Chúng tôi nghĩ đến, rồi thương hại những người lữ khách vào giờ này hãy còn đi trên con đường vắng, ướt như chuột lột và run như cầy sấy, đi vội vàng để tìm một chỗ trú chân. Chúng tôi lại ái ngại cho những nhà nghèo bên hàng xóm, giờ này vợ chồng con cái đều phải dậy để chống cái nhà lá mà mỗi cơn gió mạnh làm lung lay và để đem các chậu thau hứng những chỗ giột nước".* Nhận xét ngắn gọn vẻ đẹp tâm hồn của hai anh em trong đoạn văn trên.

Câu 4. Nêu chủ đề của văn bản.

Câu 5. Em có đồng tình với quan điểm "*Khi người ta được yên ấm trong một căn phòng nhà gạch chắc chắn, không sợ mưa gió về phần mình, thì người ta dễ có lòng thương đối với những người xấu số hơn"?* Vì sao?

Câu 6. Từ nội dung trong đoạn trích, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 5-7 dòng) trình bày suy nghĩ của mình về lối sống ích kỷ của một bộ phận giới trẻ ngày nay.

PHẦN VIẾT (4.0 điểm)

Từ văn bản *"**Tiếng chim kêu**"* của Thạch Lam ở phần đọc hiểu, em hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 đến 800 chữ) bàn về ý nghĩa của sự đồng cảm trong cuộc sống.

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6.0**
	1	Xác định ngôi kể trong văn bản: ngôi thứ nhất.	1,25
	2	Liệt kê những hiện tượng thiên nhiên tiêu cực được nhắc đến	1,25

		trong đoạn văn in đậm: *– Gió thổi ào ào trong các lá cây và đập mạnh các tầu lá chuối.* *– Từng luồng chớp loáng qua cửa sổ. Một lát thì mưa rào rào đổ xuống mái nhà.* *– Một trận bão to.*	
	3	Qua đoạn trích trên, anh/chị có nhận xét ngắn gọn vẻ đẹp tâm hồn của hai anh em: – Nhân hậu, giàu tình yêu thương/ Có lòng trắc ẩn. – Biết cảm thông và xót xa cho những hoàn cảnh kém may mắn. => Đó là tình cảm chân thành, đáng quý.	1.0
	4	Nêu chủ đề của văn bản: – Nói lên suy nghĩ, tình cảm tốt đẹp của hai anh em đối với chú chim tội nghiệp và những người có hoàn cảnh khó khăn. Qua đó, tác giả muốn đề cao phẩm chất tốt đẹp của con người.	1.0
	5	– HS được tự do bày tỏ quan điểm, miễn là có sự lí giải phù hợp. Gợi ý: + Đồng tình: Vì khi người ta đủ đầy thì mới nghĩ và lo cho người khác. + Không đồng tình: Vì có những trường hợp không có gì nhưng vẫn giành tình yêu thương cho người khác. + Vừa Đồng tình vừa không đồng tình: Kết hợp cả 2 ý trên. Lí giải hợp lí, thuyết phục	1.0
	6	Từ nội dung trong đoạn trích, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 5-7 dòng) trình bày suy nghĩ của mình về lối sống ích kỷ của một bộ phận trẻ ngày nay. Gợi ý: – Hs phải đảm bảo hình thức của một đoạn văn. – Hs nêu được: Còn một bộ phận giới trẻ ngày nay vì có cuộc sống đủ đầy, ít vun đắp tình cảm, chỉ quan tâm, suy nghĩ đến bản thân; Vì lợi của mình mà không quan tâm đến những mọi người, mọi vật xung quanh; Người ích kỷ thường nghĩ rằng mình là trung tâm, chỉ biết vun vén cho bản thân mình, luôn muốn dành những thứ tốt đẹp nhất cho mình.	0.5
II		**VIẾT** Từ văn bản *"**Tiếng chim kêu**"* của Thạch Lam ở phần đọc hiểu, anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 đến 800 chữ) bàn về ý nghĩa của sự đồng cảm trong cuộc sống.	**4.0**
		a.Yêu cầu về kỹ năng: Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận về vấn đề XH được đặt	0,25

		ra trong TP văn học. Bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng, văn viết có cảm xúc, diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. **b. Yêu cầu về kiến thức** **Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:** Từ văn bản *"Tiếng chim kêu"* của nhà văn Thạch Lam, bàn về ý nghĩa của sự đồng cảm trong cuộc sống.	
		MB: – Giới thiệu vấn đề. – Giới thiệu truyện *"Tiếng chim kêu"*- Thạch Lam. Từ đó nêu ra vấn đề cần nghị luận.	0. 5
		TB: – **Tóm tắt:** văn bản kể về câu chuyện của hai anh em ngủ trong không gian ấm áp, bình yên của căn nhà chắc chắn. Đối lập với khung cảnh ấy là không gian mưa gió bên ngoài. Trong cái ấm áp của căn nhà, hai anh em tưởng tượng và động lòng thương những người lữ khách ngoài trời mưa gió, ái ngại cho những nhà nghèo bên hàng xóm bị mưa gió phải che gió, hứng giột; thương chú chim bị ướt át vì mưa rét, tìm cách tránh rét với nỗi băn khoăn, xót xa. Từ đó, đoạn trích làm nổi bật tính cách hồn nhiên, trẻ thơ nhưng đầy lòng nhân hậu, đồng cảm với con người và con vật xung quanh của hai anh em. – **Truyện đặt ra vấn đề:** về ý nghĩa của sự đồng cảm trong cuộc sống. **a. Giải thích khái niệm:** – Đồng cảm: là biết rung cảm trước những vui buồn của người khác, đặt mình vào vị trí của người khác để thấu hiểu họ. **b. Biểu hiện:** **–** Hiểu và cảm thông chân thành với hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh của người khác. – Đồng cảm có thể biểu hiện qua hành động, cử chỉ, có thể chỉ là ánh mắt cảm thông, một nụ cười khích lệ, một cái siết tay thật nhẹ, một cái ôm và một lời nói… **c. Ý nghĩa của sự đồng cảm** HS kết hợp lí lẽ và dẫn chứng để phân tích làm sáng tỏ ý nghĩa của sự đồng cảm trong đời sống, tham khảo một số gợi ý sau: – Đồng cảm giúp những người có hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh có thêm sức mạnh, nghị lực, niềm tin, làm giảm đi những đau khổ trong cuộc sống của họ. – Nó có vai trò quan trọng góp phần hoàn thiện nhân cách con người, xây dựng một xã hội văn minh, nhân ái, làm cho mối quan hệ giữa người với người trở nên tốt đẹp hơn, thân thiện hơn, mọi người gần gũi, gắn bó hơn… – Sự đồng cảm với cảnh ngộ của người khác sẽ giúp san sẻ	0,5 2,0

		những khó khăn, thiệt thòi về cả tinh thần, vật chất với những người xung quanh. – Đồng cảm, sẻ chia trong các mối quan hệ là chất keo dính bền chặt, lâu dài. – Có đồng cảm, sẻ chia với nhau thì mới thấu hiểu cho nhau, tin tưởng và sẵn sàng đồng hành. **-Dẫn chứng:** HS lựa chọn và phân tích dẫn chứng về sự đồng cảm một cách tiêu biểu, thuyết phục. (Giúp bạn có hoàn cảnh khó khăn trong lớp, trong cuộc sống…) **d. Phản đề**: Phê phán người ích kỉ, luôn đố kị, chỉ nghĩ đến bản thân mình, họ vô cảm trước nỗi khổ đau, mất mát của người khác. Đó là một lối sống cần phê phán, lên án. KB: Mượn cái kết của tác phẩm để kết thúc về vấn đề đã triển khai; Rút ra bài học cho bản thân. **Bài học:** – Phải biết yêu thương, quan tâm chia sẻ với những người gặp khó khăn hơn mình. – Biết vun đắp tình cảm mỗi ngày để hoàn thiện bản thân. ……..	0,25
		KB: -Khẳng định lại vấn đề	
		Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
		Diễn đạt sáng tạo	0.25
Tổng điểm			**10.0**

ĐỀ 23

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu từ 1 đến 5:

CỎ LAU

Nguyễn Minh Châu

(1) *Trời lại mưa rồi, quê tôi là vậy, hai mùa mưa nắng rõ ràng. Mùa nắng thì dù cho đốt núi cũng đừng mong có mưa, mùa mưa thì không cần lập đàn cầu thì cũng như trút nước. Lại nói đến làng tôi gọi là làng Lau, bởi vì cách làng không xa là một ngọn đồi nhỏ, trên đó không có cây cối gì cả mà chỉ toàn lau là lau. Nếu không phải trong sách sử nói Đinh Tiên Hoàng ở Hoa Lư thì biết đâu lại có người nhầm làng tôi là quê hương của ông mất.*

Ngoài sân mưa vẫn trút xuống xối xả làm tắm ướt con đường đất thịt, mưa như một tấm vải trắng ngăn cách tầm mắt của mọi người. Tôi nghĩ rằng trời mưa thế này dân làng cũng chẳng đi ra ngoài đâu, ai lại dại dột ra ngoài khi thời tiết thế này. À, mà không, có một người vẫn ở ngoài đó, là thằng Cỏ – bạn tôi. Nó khi trước vốn được

nhặt ở trên đồi cỏ Lau nên ông nội (nuôi) của nó đặt tên là Cỏ. Nó lớn lên cũng bình thường như bao đứa trẻ khác nhưng lại hay trầm mặc, ít nói. Đến khi ông nội nó mất thì nó càng sống khép kín hơn. Mười hai năm học nó chỉ có một mình tôi là bạn… à, còn một người nữa, người con gái nó yêu tha thiết.

Mưa rơi thưa lại rồi tạnh hẳn đi, nhưng bầu trời vẫn chỉ là một màu xám xịt, cuối con đường đất đỏ trước nhà tôi bỗng có một thân ảnh thê lương mà cô độc bước đi. Là thằng Cỏ, cả người nó ướt sũng, mái tóc hơi dài ướt nhẹp phủ xuống che đi một con mắt trái âm u. Nhìn nó trong khung cảnh này thật là lãng tử. Tôi chắc rằng nếu có ông họa sĩ nào ở đây chắc chắn sẽ lấy bút ra mà vẽ nó và mời nó về làm người mẫu mất. Nhìn nó rảo bước về nhà tôi gọi nó:

– Lát tao qua nhà mày đó, tắm rửa sạch sẽ, trải thảm đón anh mày. Nó ngẩng đầu lên nhìn tôi chợt nở ra nụ cười nhẹ đáp.

– Biết rồi, chổi nhà tao nhiều lắm, không sợ gãy hết đâu. Nói rồi nó lại lầm lũi bước về nhà. Tôi cũng quay vào nhà lấy đôi dép rồi chạy theo nó. Nhà của thằng Cỏ là căn nhà mà ông nội nó để lại, nhà gạch, nhưng đã cũ rồi, được xây từ thế kỷ trước. Ông nội nó khi trước vừa làm trưởng ấp cho quân Ngụy, vừa làm du kích, hai con trai của ông đều đi thoát li rồi hi sinh ở chiến trường K, vợ ông cũng mất sớm và ông sống một mình như thế cho đến khi nhặt được thằng Cỏ. Trong nhà mọi thứ đều rất đơn sơ, mọi thứ đều đã cũ, chỉ có những bằng khen, huy chương treo trên tường là lúc nào cũng sáng bóng.

– Sao mày cứ dầm mưa như thế, thế nào mày cũng chết sớm cho mà xem.

Nhìn đứa bạn ướt sũng cả người tôi hơi trách móc nó, nói vậy thôi chứ tôi biết vì sao nó dầm mưa, quả nhiên nó chỉ nhẹ nhàng nói.

– Mưa là lạnh, nhưng lòng tao ấm, mưa buồn nhưng có thể xoa dịu lòng tao, mày biết mà cứ hỏi tào lao.

***(2)** "Li…la…li…la…".*

Một ngày không mưa hiếm thấy tôi và nó liền dạo lên quả đồi lau, nó mang theo cây đàn guitar, ngồi trên đám cỏ, trên miệng còn ngậm một cọng cỏ lau non. Nó nói cỏ lau non thơm mùi sữa lắm. Thằng Cỏ là một nghệ sĩ, ít nhất trong mắt tôi nó là như vậy, nhưng nó chỉ đánh những bản nhạc hàn lâm buồn mà nghe ngai ngái sao đấy, nhiều khi nghe tôi còn muốn đấm vỡ mặt của nó. Ngứa tai nhưng không hiểu sao tôi lại thích nhìn nó đánh đàn, khi tiếng đàn cất lên có vẻ như lòng nó cũng nhẹ nhàng hơn.

Chơi xong một hai bài gì đấy thằng Cỏ nằm lăn ra, miệng ngậm cọng cỏ non, hai chân bắt chéo vào nhau, nó hít hà vài hơi nói.

– Sau này tao muốn làm giáo viên, về quê dạy học, tao thấy muốn thay đổi cuộc đời thì phải có tri thức, phải có hiểu biết mày ạ, làng mình còn thiếu tri thức nhiều quá, đa số tụi nhỏ đều nghỉ học đi làm ở cấp hai cả rồi. Sau này tao sẽ về đây, ngửi hương thơm đất trời, gây sự nghiệp trồng người. Ha ha.

Cả hai chúng tôi đều có ước mơ làm giáo viên, nhưng tôi khác nó, Tôi muốn sau này được vào thành phố dạy học, ở đó có đầy đủ tiện nghi, có thể kiếm nhiều tiền qua dạy thêm, dạy kèm, chứ ở cái vùng đất khỉ ho cò gáy này biết bao giờ mới đổi đời được. Chắc chỉ có tâm hồn nghệ sĩ như nó mới nói đất thơm thôi.

***(3)** Tôi ngồi trên bãi cỏ lau sau mùa mưa, trên miệng ngậm một cọng cỏ non hút vào cái chất dịch đắng chát của nó, nhưng tôi lại cảm thấy nó ngọt ngào và*

thơm mùi sữa. Thằng Cỏ nói đúng, nó thơm và ngọt thật, đó là mùi vị của quê hương. Phía dưới chân đồi là làng của tôi, qua mấy năm đã từ từ thay đổi, có lẽ chỉ có cái ngọn đồi lau này là không có gì đổi khác thôi, vẫn những ngọn cỏ lau đọng nước, mùi đất hoa thơm lừng sau trận mưa.

– Thầy ơi!

Bỗng có tiếng gọi, thì ra là mấy đứa học trò đi dạo trên đồi lau. Hôm nay tụi nó họp lớp thì phải, đâu đó trong gió thoảng qua tiếng đàn "li…la…li…la". Tôi cười cười rồi đứng dậy đi về phía chúng nó, sau lưng tôi là một đám đất cao, bên trên lơ thơ mọc vài ngọn cỏ lau cao đến đầu gối người, một viên đá rõ ràng viết: "Nguyễn Văn Cỏ (1983 – 2005)".

(https://dehoctot.edu.vn/truyen-ngan-co-lau-nguyen-minh-chau)

*[1] Nguyễn Minh Châu là nhà văn lớn, là cây bút tiên phong của văn học Việt Nam thời kì đổi mới. Hành trình sáng tác của ông chia làm hai giai đoạn: Trước thập kỉ tám mươi, ông là ngòi bút sử thi có thiên hướng trữ tình lãng mạn. Giai đoạn sau, ông chuyển sang cảm hứng thế sự với những vấn đề nghiêng hẳn về đạo đức, số phận con người và triết lí nhân sinh. Phong cách truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu là tự sự triết lí. Truyện ngắn **Cỏ lau** tiêu biểu cho hướng tiếp cận cuộc sống con người từ góc độ thế sự của nhà văn ở giai đoạn sáng tác thứ hai.

Thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 5 (Trình bày ngắn gọn):

Câu 1 (0.5 điểm): Xác định sự kiện chính của mỗi phần trong văn bản **Cỏ lau**.

Câu 2 (0.5 điểm): Tìm 03 chi tiết miêu tả về tính cách của nhân vật Cỏ.

Câu 3 (1.0 điểm): Xác định bối cảnh diễn ra câu chuyện trong đoạn **(1)**. Bối cảnh đó có ý nghĩa và tác dụng ra sao trong việc thể hiện cuộc đời, số phận của nhân vật Cỏ?

Câu 4 (1.0 điểm): Nhận xét tình cảm của người kể chuyện xưng "tôi" dành cho nhân vật Cỏ trong truyện.

Câu 5 (1.0 điểm): Cách kết thúc truyện gợi ra cho em thông điệp gì?

II.VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về những điều cần làm để bản thân tìm thấy hạnh phúc trong cuộc đời.

Câu 2 (4 điểm): Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích truyện ngắn **Cỏ lau** của Nguyễn Minh Châu

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4.0**
	1	Các sự kiện chính + Phần một: Kể về hoàn cảnh đáng thương của nhân vật Cỏ. + Phần hai: Kể về tâm hồn nghệ sĩ và ước mơ của nhân vật Cỏ và tôi trên đồi cỏ lau. + Phần ba: Thời điểm hiện tại khi nhân vật tôi đã trở thành thầy giáo và ở lại quê hương như tâm nguyện của người bạn thân nhất – Cỏ.	0.5

	2	Học sinh có thể lựa chọn kể 03 chi tiết trong các chi tiết miêu tả tính cách của nhân vật Cỏ: + Nó lớn lên cũng bình thường như bao đứa trẻ khác nhưng lại hay trầm mặc, ít nói. + Đến khi ông nội nó mất thì nó càng sống khép kín hơn. + Mười hai năm học nó chỉ có một mình tôi là bạn… à, còn một người nữa, người con gái nó yêu tha thiết. + Nói rồi nó lại lầm lũi bước về nhà. + Mưa là lạnh, nhưng lòng tao ấm, mưa buồn nhưng có thể xoa dịu lòng tao, mày biết mà cứ hỏi tào lao. + Nó không hận mưa, ngược lại còn thích mưa, thích dầm mưa. + Cỏ là một nghệ sĩ, ít nhất trong mắt tôi nó là như vậy, nhưng nó chỉ đánh những bản nhạc hàn lâm buồn mà nghe ngai ngái…	0.5
	3	– Câu chuyện trong đoạn (1) diễn ra trong bối cảnh mưa lạnh. – Ý nghĩa, tác dụng của bối cảnh trong việc thể hiện cuộc đời, số phận của nhân vật Cỏ. + Là tín hiệu về một cuộc đời sóng gió, chịu nhiều mất mát và ngang trái của nhân vật Cỏ. + Góp phần gợi tả lên hình ảnh thê lương, cô độc nhưng cũng rất lãng tử của Cỏ. +Mưa còn có sức mạnh xoa dịu, gột rửa, ôm ấp những nỗi buồn mà nhân vật Cỏ cất giấu trong tâm hồn mình.	1.0
	4	Tình cảm của người kể chuyện xưng tôi dành cho Cỏ: – Đồng cảm, thấu hiểu với những nỗi đau mà nhân vật Cỏ phải đối mặt. – Luôn luôn quan tâm, lo lắng cho người bạn của mình. – Thực hiện tâm nguyện, ước mơ duy nhất mà người bạn quá cố để lại. – Là người cuối cùng ở cạnh, đồng hành và thương nhớ Cỏ kể cả khi mà Cỏ đã ra đi mãi mãi.	1.0
	5	– Học sinh có thể nhận ra một số thông điệp như sau từ kết thúc truyện: + Thông điệp về số phận con người: Không ai có thể đoán trước được số phận của con người. + Thông điệp về tình bạn: Một người bạn tốt là người bạn mãi mãi bên cạnh ta, thấu hiểu và luôn nhớ về ta. + Thông điệp về cách sống: Luôn luôn trân trọng những khoảnh khắc còn được ở bên những người mà ta yêu quý.	1.0
II		**VIẾT**	**6.0**
	1	Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về những điều cần làm để bản thân tìm thấy hạnh phúc trong cuộc đời.	***2.0***
		a. Đảm bảo được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn	0.25

		Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Những điều cần làm để bản thân tìm thấy hạnh phúc trong cuộc đời.	0.25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận * Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: – Hạnh phúc là trạng thái cảm xúc của con người khi được thỏa mãn nhu cầu về vật chất hoặc tinh thần. – Để tìm thấy hạnh phúc mỗi người cần nỗ lực và có ý thức, hành động cụ thể, thiết thực: nhận thức được hạnh phúc không ở đâu xa mà có ngay trong những điều bình dị, nhỏ bé nên cần trân trọng nâng niu những giá trị của hiện tại, những mối quan hệ với mọi người xung quanh; học cách suy nghĩ lạc quan; đặt mục tiêu cho bản thân; nỗ lực sống là chính mình; đón nhận và giải quyết mọi thử thách của cuộc sống một cách chủ động, tích cực…. – Dẫn chứng: HS chọn 1-2 dẫn chứng tiêu biểu để chứng minh. * Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	0.5
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. – Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	0.5
		đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0.25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích truyện ngắn **Cỏ lau** của Nguyễn Minh Châu	***4.0***
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận	0.5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm – Sau đây là một hướng gợi ý: MB: Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm (nhan đề, tác giả); nêu ý kiến khái quát về tác phẩm:	2.5

		TB: * Nêu nội dung chính của tác phẩm: Tác phẩm kể về số phận và cuộc đời của nhân vật Cỏ vốn được ông nội nhặt nuôi ở một đồi cỏ lau và được đặt tên giống với loài cây này. Tính tình cậu ta từ nhỏ đã trầm mặc ít nói, lớn lên khi ông nội mất càng sống khép kín hơn. Cỏ là một nhân vật đáng thương, mặc dù trải qua những đau khổ, mất mát nhưng vẫn lạc quan, yêu đời, có một tâm hồn nghệ sĩ, ước mơ cao đẹp và yêu quê hương tha thiết, khát khao cống hiến cho quê hương. Suốt cuộc đời Cỏ chỉ có người bạn thân duy nhất luôn kề cạnh và cảm thông, đó là người kể chuyện xưng "tôi". Kết thúc truyện là khung cảnh hiện tại, khi nhân vật tôi đã thay Cỏ thực hiện ước mơ của mình và không thôi nhớ về những kỉ niệm đẹp của thời đã qua. Còn Cỏ thì mãi mãi là một cậu thanh niên trẻ nằm bên đồi cỏ lau. * Nêu chủ đề của tác phẩm: Chủ đề của truyện ngắn Cỏ lau là ca ngợi niềm tin, thái độ sống tích cực, tâm hồn trong sáng của nhân vật Cỏ mặc dù cho cuộc đời có cô đơn, bất hạnh và vây quanh bởi những niềm đau; là ca ngợi tình bạn cao cả, giữa Cỏ và nhân vật "tôi", từ đó đặt ra vấn đề về số phận con người, về tình bạn vĩnh cửu và niềm tin của chúng ta trong cuộc sống đời thường. * Phân tích những nét đặc sắc hình thức nghệ thuật (cốt truyện, ngôi kể, nhân vật, ngôn ngữ, hình ảnh…) và tác dụng của nó trong việc thể hiện nội dung tác phẩm. Có thể chọn một vài yếu tố hình thức nghệ thuật đặc sắc nhất trong truyện để phân tích: – Cốt truyện: Cốt truyện được triển khai qua ba sự kiện chính, các sự kiện được sắp xếp lần lượt theo thời gian và gắn với cuộc đời của nhân vật Cỏ. Đặc biệt kết thúc truyện bất ngờ, để lại nhiều xúc cảm cho người đọc, qua đó ẩn chứa những suy ngẫm thấm thía về cuộc sống và số phận con người. – Ngôi kể và tác dụng của ngôi kể trong việc thể hiện tâm lí nhân vật: + Câu chuyện trong tác phẩm được kể ở ngôi thứ nhất, qua lời của nhân vật tôi – một người bạn luôn đồng hành, ở bên và chia sẻ niềm vui cũng như nỗi buồn cùng nhân vật Cỏ. + Lời kể trong truyện vì thế có giọng điệu khi thì xót xa cho cảnh ngộ của Cỏ, khi thì là lời của một người bạn thủ thỉ, tâm tình, đồng cảm, động viên với bạn của mình. Lời kể ấy cứ nhẹ nhàng thấm vào lòng người đọc như chất sữa trong cọng cỏ non xuất hiện trong kỉ niệm của hai nhân vật. – Hình ảnh biểu tượng mang nhiều lớp nghĩa: *Cỏ lau – biểu tượng gắn liền với hoàn cảnh sống của nhân vật Cỏ: + Hình ảnh cỏ lau xuất hiện đậm đặc trong các trang truyện của Nguyễn Minh Châu và cũng là đặc trưng của vùng quê hương mà nhà văn đã từng gắn bó.	

		+ Đồi cỏ lau là hình ảnh mở đầu câu chuyện dẫn dắt vào hoàn cảnh đáng thương của cậu bé được nhặt về trên đồi lau và được đặt tên là Cỏ. * Cỏ lau – biểu tượng về niềm tin, sức sống của nhân vật Cỏ. Mặc dù trải qua những khổ đau, mất mát nhưng Cỏ vẫn tìm cách xoa dịu trong những cơn mưa để sưởi ấm, vượt qua; để sống và mộng tưởng: "*Mưa là lạnh, nhưng lòng tao ấm, mưa buồn nhưng có thể xoa dịu lòng tao, mày biết mà cứ hỏi tào lao.*" * Cỏ lau – biểu tượng chắp cánh cho tâm hồn nghệ sĩ, ước mơ, tình yêu quê hương của Cỏ. Vào khung cảnh thơ mộng, thơm mát của ngọn đồi cỏ lau; Cỏ cùng nhân vật "tôi" cất lên bản nhạc buồn ngai ngái như nỗi lòng của Cỏ. Qua đấy Cỏ thấy nhẹ lòng hơn và suy tưởng đến ước mơ sau này của bản thân gắn bó với hương thơm đồi cỏ, với quê hương: + *"Thằng Cỏ là một nghệ sĩ, ít nhất trong mắt tôi nó là như vậy, nhưng nó chỉ đánh những bản nhạc hàn lâm buồn mà nghe ngai ngái sao đấy, nhiều khi nghe tôi còn muốn đấm vỡ mặt của nó. Ngứa tai nhưng không hiểu sao tôi lại thích nhìn nó đánh đàn, khi tiếng đàn cất lên có vẻ như lòng nó cũng nhẹ nhàng hơn."* => Tâm hồn nghệ sĩ của Cỏ. + *"Sau này tao muốn làm giáo viên, về quê dạy học, tao thấy muốn thay đổi cuộc đời thì phải có tri thức, phải có hiểu biết mày ạ, làng mình còn thiếu tri thức nhiều quá, đa số tụi nhỏ đều nghỉ học đi làm ở cấp hai cả rồi."* => Ước mơ hết sức cao cả của Cỏ khi muốn được gắn bó và cống hiến xây dựng quê hương. +*"Chắc chỉ có tâm hồn nghệ sĩ như nó mới nói đất thơm thôi."* => Tình yêu quê hương sâu đậm mới có thể yêu quý, ngửi thấy hương thơm từ đất trời quê hương. * Cỏ lau – biểu tượng vĩnh cửu, mở ra hình ảnh của một thế giới tâm tinh huyền ảo. + Không gian cỏ lau cuối truyện kéo nhân vật "tôi" về những kỉ niệm thuở xưa với người bạn Cỏ: *"Tôi ngồi trên bãi cỏ lau sau mùa mưa… Thằng Cỏ nói đúng, nó thơm và ngọt thật, đó là mùi vị của quê hương."* + Không gian đó còn mang chiều sâu thẳm, mênh mông của cõi tâm linh, của thế giới tâm hồn đang vang vọng lại tiếng đàn năm xưa phát ra từ tâm hồn đầy vẻ linh thiêng, huyền nhiệm, hư không. Nơi ấy là nơi mà Cỏ được tìm thấy khi sinh ra và cũng là nơi Cỏ an nghỉ khi không còn trên cõi đời này nữa: *"đâu đó trong gió thoảng qua tiếng đàn "li…la…li…la" … sau lưng tôi là một đám đất cao, bên trên lơ thơ mọc vài ngọn cỏ lau cao đến đầu gối người, một viên đá rõ ràng viết: "Nguyễn Văn Cỏ (1983 – 2005)".* KB: Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm	

		– Biết trân trọng những điều bình dị trong cuộc sống để gạn lọc hạnh phúc cho tâm hồn, từ đấy vượt lên số phận, nghịch cảnh. – Không ai đoán trước được số phận của mình nên hãy trân trọng từng phút giây được sống, được ước mơ và phấn đấu thực hiện ước mơ chính đáng của bản thân. – Xây dựng một tình bạn đẹp để cùng nhau chia sẻ, giúp đỡ và giành cho nhau những yêu thương chân thành.	
		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.25
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0.5
Tổng điểm			10.0

————————- Hết ————————-

ĐỀ 24

I.ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Tóm lược: Tần một chiến sĩ trên đường làm nhiệm vụ, con tau vận tải mà anh phụ trách gặp phục kích. Tần rơi xuống biển cả. Biển cả nuốt chửng Tần một cách thật thản nhiên. Anh thoáng nghĩ: thế là hết, chào các đồng chí. Nhưng vừa chìm xuống nước độ hai sải tay, anh lại nổi bồng lên, giống như một chuyển động tất yếu, thật là giản dị và hết sức khó hiểu! Không! Đời anh chưa hết. Chết vậy mà khó đấy!

Theo sóng, Tần như cái xác dật dờ trên biển cả.

Ngày thứ mấy rồi, những nỗ lực của anh chỉ có thể dồn vào việc nhìn mặt trời, ngắm con sóng để tìm phương hướng và đưa mình trưởi theo chiều sóng đổ. Nhưng buồn thay, chỉ những nỗ lực ấy thôi, chúng cũng đã hút cạn dần nguồn sinh lực ở anh rồi. Bây giờ thì nước mặn đã ngấm qua da thịt anh, xâm nhập vào lục phủ ngũ tạng anh, người anh đang nhão ra, có cảm giác nó sũng nước. Có cảm giác anh sắp hòa tan với biển. Không còn là một thực thể nữa, anh rơi vào trạng thái nửa mơ nửa thức. Bảng lảng xa gần trong anh những ý nghĩ kỳ quặc, những hình ảnh nhòe nhẹt, thực thực hư hư…

Và sau cùng thì có lúc anh nhận ra, có một gương mặt con gái vẫn thi thoảng lại chập chờn hiện về trong óc anh. Cô gái tóc tết đuôi sam, mặc áo xanh, da nâu hồng, rắn rỏi. Cô vẫy tay khi con tàu anh nhổ neo. Còn thuyền trưởng của anh là một ông già xuất thân ngư dân, một con người lý thú. Ông nói: Các chú phải đi biển cả đời mới hiểu biển được. Tất cả các dòng nước của các con sông lớn đều hợp lưu về đây mà không làm nó đầy. Tất cả các dòng nước từ nó chảy ra mà không làm nó vơi. Rồi ông thêm: Thần tình chưa? Đó là lời của Trang Tử!

[…]

Phiêu du trên vòm trời bát ngát nên có thể nhìn thấy một sớm mai trên bờ biển nọ, dạt vào cùng vỏ sò, vỏ ốc, mai mực là hình xác anh. Mai mực, vỏ ốc, vỏ sò, cụm bèo thì quen quá rồi. Lạ chăng là hình xác anh. Và vì vậy, những người dân ở bờ biển nọ đã kéo đến và họ đưa anh vào một mái lều trên bờ cát, cạnh những con thuyền đang úp mặt để đốt hà. Anh đã chết rồi. Lấy gì ăn mà chẳng chết. Nhưng, người này là ai

vậy? Người này là ai đây? Đó là một câu hỏi muôn thuở không thể trả lời ngay và rất có thể là chẳng bao giờ trả lời được. Vì có dấu chứng gì làm căn cứ để trả lời. Con tàu đi vào trong kia rất có thể sẽ gặp trắc trở, không tới đích hoặc có tới đích thì mọi người rồi cũng tản mát vào mớ công việc bận rộn, cấp bách khác. Người này là ai đây? Những vết chai sần trên bàn tay thủy thủ của anh ngâm trong nước đã nhão nát rồi còn đâu nữa. Anh và tên biệt kích người nhái, kẻ bán mình cho bọn xâm lược, thì cũng một cái mặt bợt bạt giữa đám râu tóc rậm cứng vì nước biển thôi!

Nhưng mà thôi, cuộc sống là vậy đấy, có gì mà phải than van. Tần mở mắt lần này, cùng với sự tan biến của ảo ảnh là cơn đói ngấu nghiến bào xé ruột gan. Đói quá, đói như sau một buổi làm việc căng thẳng trên boong tàu. Cơn đói đến đồng thời với sự cơn thức tỉnh của xúc giác. Ngứa ran lên, anh nhận ra khắp chân tay, mình mẩy như được bao bọc bằng một lớp vải rất dày nặng. Anh đưa tay sờ soạng. Trời! Thì ra từ cổ anh trở ra đến hai vai đã bám đầy một lớp rong rêu xanh lè. Ôi! Rêu rong biển cả đã bám vào anh, như bám vào một đồ cổ chìm dưới đáy biển. Anh thấy buồn buồn ở cổ. Một con cua gại gại cái mũi chân sắc nhọn lên da thịt anh. Anh cố nhô người lên trên ngọn sóng. Trên người anh là cả một công ty hải sản: ốc, cua, sò, tôm, hến. Chúng đến kết bạn với anh.

Bảy ngày sau, Tần theo sóng biển dạt vào đất liền. Da mặt bóc đi một lớp. Khắp người, da tróc những mảng lớn. Mắt thụt sâu. Tóc soăn rít. Lớp rong rêu kết một mảng trước ngực vẫn còn bám riết anh như những người bạn đồng hành tự nguyện dâng đời mình cho sự sống của anh.

Đất nước mình với diện tích 329.600 km2, chiếm phần phía đông bán đảo Trung Ấn trải dài trên những 3.260 km dọc theo bờ biển. Đất nước mình là đất nước của biển. Chà! Bài học đầu tiên! Ưu thế đặc hữu ấy, giờ thể hiện ở ngay số phận anh.

(Nguồn: Rơi xuống biển cả – Truyện ngắn của MA VĂN KHÁNG (nhandan.vn)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. (0.75 điểm) Phương thức biểu đạt chính.

Câu 2. (0.75 điểm) Xác định ngôi kể và điểm nhìn trong câu chuyện.

Câu 3. (1.0 điểm) Xác định lời người kể chuyện và lời nhân vật trong đoạn văn sau:

"Phiêu du trên vòm trời bát ngát nên có thể nhìn thấy một sớm mai trên bờ biển nọ, dạt vào cùng vỏ sò, vỏ ốc, mai mực là hình xác anh. Mai mực, vỏ ốc, vỏ sò, cụm bèo thì quen quá rồi. Lạ chăng là hình xác anh. Và vì vậy, những người dân ở bờ biển nọ đã kéo đến và họ đưa anh vào một mái lều trên bờ cát, cạnh những con thuyền đang úp mặt để đốt hà. Anh đã chết rồi. Lấy gì ăn mà chẳng chết. Nhưng, người này là ai vậy? Người này là ai đây? Đó là một câu hỏi muôn thuở không thể trả lời ngay và rất có thể là chẳng bao giờ trả lời được."

Câu 4. (0.75 điểm) Nội dung và chủ đề *"Rơi xuống biển cả"*

Câu 5. (0.75 điểm) Nhận xét về nhân vật Tần trong câu chuyện.

Câu 6. (1.0 điểm) Chi tiết làm bạn ấn tượng trong đoạn trích trên? Vì sao?

VIẾT (5,0 điểm)

Từ chuyện "***Rơi xuống biển cả***" bạn hãy viết bài nghị luận trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của nghịch cảnh trong cuộc sống.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Nội dung	Điểm
1	Phương thức biểu đạt chính: *Tự sự*	**0.75**
2	Xác định ngôi kể và điểm nhìn trong câu chuyện.	**0.75**
3	Lời người kể chuyện và lời nhân vật – Lời người kể: *Phiêu du trên vòm trời bát ngát .... mặt để đốt hà; Đó là một câu hỏi muôn thuở không thể trả lời ngay và rất có thể là chẳng bao giờ trả lời được* – Lời nhân vật: + Lời gián tiếp của nhân vật Tần: *Anh đã chết rồi. Lấy gì ăn mà chẳng chết* + các ngư dân: *Nhưng, người này là ai vậy? Người này là ai đây?*	**1.0**
4	Nội dung và chủ đề *"Rơi xuống biển cả"* Câu chuyện xoay quanh anh Tần chiến sĩ hải quân trên đường thực hiện nhiệm vụ, tàu anh rơi vào phục kích của giặc Tần rơi xuống biển cả. Bằng sức mạnh ý chị nghị lực phi thường, sau nhiều ngày chóng chọi với sóng to gió lớn anh dạt vào bờ và được trở về cùng đồng đội.	**0.75**
5	Nhận xét về nhân vật Tần trong câu chuyện. – *Là người chiến sĩ dũng cảm, kiên cường có lòng căm thù giặc sâu sắc* – *Là người có ý chí mạnh mẽ, nghị lực phi thường…*	**0.75**
6	Chi tiết làm bạn ấn tượng trong đoạn trích trên? Vì sao? Hs lựa chọn chi tiết ấn tượng và lí giải phù hợp	**1.0**
VIẾT	*a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* Có đủ phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	*0,25*
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Từ chuyện "Rơi xuống biển cả" suy nghĩ về ý nghĩa của nghịch cảnh trong cuộc sống.	*0,5*
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp tốt các lí lẽ, dẫn chứng; đánh giá khái quát vấn đề nghị luận Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo các ý sau:	**3,5**
	– Khái quát nội dung câu chuyện Tần chiến sĩ hải quân trên đường thực hiện nhiệm vụ, tàu anh rơi vào phục kích của giặc Tần rơi xuống biển cả. Bằng sức mạnh ý chị nghị lực phi thường, sau nhiều ngày chóng chọi với sóng to gió lớn anh dạt vào bờ và được trở về cùng đồng đội. – Từ hoàn cảnh tuyệt vọng khi đối mặt với tình huống rơi xuống	

Câu	Nội dung	Điểm
	biển cả. *Nhưng vừa chìm xuống nước độ hai sải tay, anh lại nổi bồng lên, giống như một chuyển động tất yếu, thật là giản dị và hết sức khó hiểu! Không! Đời anh chưa hết. Chết vậy mà khó đấy!* –Tần đấu tranh với chính mình và với biển cả, để có thể lênh đênh suốt bảy ngày chìm nổi *"Ngày thứ mấy rồi, những nỗ lực của anh chỉ có thể dồn vào việc nhìn mặt trời, ngắm con sóng để tìm phương hướng và đưa mình truồi theo chiều sóng đổ."* – Có những lúc, Tần như bỏ cuộc vì kiệt sức dường như con người phải chịu khất phục trước nghịch cảnh *"nước mặn đã ngấm qua da thịt anh, xâm nhập vào lục phủ ngũ tạng anh, người anh đang nhão ra, có cảm giác nó sũng nước. Có cảm giác anh sắp hòa tan với biển. Không còn là một thực thể nữa, anh rơi vào trạng thái nửa mơ nửa thức. Bảng lảng xa gần trong anh những ý nghĩ kỳ quặc, những hình ảnh nhòe nhẹt, thực thực hư hư…"* – Với bản năng sinh tồn đấu tranh với nghịch cảnh. Tần đã vượt qua ranh giới của tử để có thể vào bờ	
	*** Giải thích** Nghịch cảnh là các tình huống éo le, khó khăn và thách thức trong cuộc sống mà con người phải đối mặt. Đây giống như một phép thử cho lòng kiên trì, dũng cảm, và sự bản lĩnh của mỗi cá nhân.	
	**** Bàn luận, lí giải* về vai trò, ý nghĩa của nghịch cảnh**	
	– Thông qua cách ứng xử và đối diện với nghịch cảnh, con người sẽ thấy được tình cảm, cảm xúc của bản thân; đồng thời thấu hiểu thêm về năng lực và trí tuệ của chính mình. – Nghịch cảnh là một quy luật tất yếu trong cuộc sống con người. – Con người cần phải kiên cường trước mọi nghịch cảnh. – Không ngừng làm đầy khoảng trống tâm hồn, tình cảm và rèn luyện, nâng cao trí tuệ và lòng kiên cường. **Mở rộng, phản đề** – Tuy nhiên không chỉ trong nghịch cảnh, con người mới nhận thức được nhiều điều mà ngay trong hoàn cảnh bình thường của cuộc sống thường ngày, chỉ cần con người luôn có ý thức học hỏi, trau dồi kiến thức, cầu tiến, tỉnh táo trong nhận thức… thì con người hoàn toàn có thể rút ra kinh nghiệm cho bản thân và rèn giũa năng lực trí tuệ lẫn bản lĩnh của mình. – Phê phán quan niệm và hành động sai lầm: chạy trốn hay đầu hàng nghịch cảnh, thiếu tỉnh táo, sáng suốt khi gặp cảnh éo le, ngang trái, dễ thất bại trong công việc, thậm chí bị kẻ thù lợi dụng. ***Chứng minh:*** *Hs lựa chọn dẫn chứng phù hợp, thuyết phục*	
	d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ mới mẻ, sâu sắc về	*0,5*

Câu	Nội dung	Điểm
	vấn đề cần nghị luận.	
	e. Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	*0,25*

ĐỀ 25

I.ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu dưới:

CỔ TÍCH ẤM SỨT VÒI

(Trần Đức Tiến)

Trong quán nước bên đường, có một cái ấm pha trà đã cũ. Vòi ấm bị sứt một miếng nhỏ. Chủ quán mấy lần định thay, nhưng vì chưa có tiền nên cứ để dùng tạm. Vả lại trông thế nhưng ấm còn tốt chán. Bản thân chiếc ấm như cũng hiểu được hoàn cảnh của ông chủ. Nó tự nhủ: mình đã bị khuyết tật thì phải cố làm việc cho tốt. Thế là ấm luôn chú ý giữ cho mình sạch sẽ. Nó hãm trà bằng nước sôi thật khéo, bao giờ trà cũng vừa chín và tỏa hương thơm phức. Khi rót trà ra chén qua cái vòi bị sứt, nó cẩn thận không để nước rớt ra ngoài.

Cái ấm có phần hơi xấu xí ấy cứ tận tình phục vụ khách hết ngày này qua ngày khác. Lâu dần thành quen, ai vào quán cũng chỉ muốn dùng trà trong cái ấm sứt vòi. Mùa đông, có người pha trà xong, còn khum khum hai lòng bàn tay ôm lấy chiếc ấm thật lâu.

Một hôm, bỗng có một vị khách từ nơi xa đến. Nhìn thấy chiếc ấm hơi khác thường, ông ta nhấc lên, chăm chú ngắm nghía hồi lâu. Đoạn, cất tiếng nói với chủ quán:

– Ấm quý! Nếu ông bằng lòng để lại cho tôi, tôi sẽ trả cho ông thật hậu.

– Dào ôi! Bác khéo đùa! – Ông chủ nhìn khách nở nụ cười thật thà – Chẳng qua chỉ là cái ấm sứ bình thường, do vô ý tôi đánh mẻ một miếng ở vòi. Quán nghèo nên mới phải để dùng tạm…

– Ông bảo ấm bình thường à? Ba trăm năm mà bình thường à?

– Bác vừa nói gì cơ?

– Tôi bảo cái ấm này đã ra đời cách đây ba thế kỉ. Nếu tính tuổi thì tôi với ông còn phải gọi ấm là cụ tổ của cụ tổ đấy! Tóm lại là đồ cổ, quý hiếm cực kì.

Nghe giọng nói quả quyết của ông khách, cái ấm suýt rùng mình. Thiếu bản lĩnh một chút thì nó đã để cho nước sôi trào ra miệng. Nhưng nó kịp trấn tĩnh. Không ai tự biết mình bằng mình, ấm nghĩ thầm. Nó biết nó ra đời ở một cái lò gốm sứ ven sông, chỉ mới cách đây hơn chục năm. Cái ông khách tưởng như sành đồ cổ kia, hóa ra nhìn gà hóa cuốc.

– Thế nào? Ông để lại cho tôi chiếc ấm này chứ?

Chủ quán ngần ngừ, nhìn chiếc ấm như muốn hỏi: "Người ta tha thiết như thế, ngươi tính sao"?

Chiếc ấm im lặng. Nó không nói được, tất nhiên rồi. Đất có nung thành sứ thì cũng chả cất nên lời. Nhưng ấm biết suy nghĩ. Và ông chủ hiểu được những suy nghĩ của nó. Chính vì thế mà ông ngẩng lên nói với khách:

– Nó không đồng ý, bác ạ. Nó biết sứ mệnh cao quý của nó là biến những cái búp trà thành thứ nước uống tuyệt vời, như tất cả những cái ấm lão luyện khác. Bao nhiêu năm nay, nó đã tận tụy phục vụ khách hàng của tôi. Đến nỗi sứt mẻ cả mình mẩy mà vẫn không nề hà… Khách ở quán tôi ai cũng chuộng nó. Tôi không thể vì tiền mà phụ họ được.

Vậy là cái ấm sứt vòi vẫn được ở lại trong cái quán nước nghèo, làm cái công việc sở trường của nó là pha trà. Đôi khi nó nghĩ: May mà ông chủ quán không tham! Nếu không thì vị khách gà mờ kia đã mất oan cả đống tiền. Còn nó, dù được trưng bày trong tủ kính, hay quăng quật mua đi bán lại, sao cũng đến lúc thân phận bị lộ tẩy. Tưởng ba trăm năm, hóa ra có mười năm… Lúc ấy thì xấu hổ chết đi được!

Có hôm nào ghé quán nước nhìn thấy chiếc ấm ấy, bạn hãy tưởng tượng thêm những câu chuyện thú vị về nó nhé. Tôi cam đoan chiếc ấm sứt vòi nào cũng chứa trong mình khối chuyện lí thú, có khi cả chuyện cổ tích nữa ấy chứ!

(In trong tập *Xóm Bờ Giậu*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2021)

Câu 1 (0,5 điểm): Xác định ngôi kể trong tác phẩm trên?

Câu 2 (0,5 điểm): Câu văn in đậm trong ngữ liệu dưới đây thuộc hình thức ngôn ngữ nào của truyện kể: "*Còn nó, dù được trưng bày trong tủ kính, hay quăng quật mua đi bán lại, sao cũng đến lúc thân phận bị lộ tẩy. Tưởng ba trăm năm, hóa ra có mười năm… **Lúc ấy thì xấu hổ chết đi được**!"*?

Câu 3 (0,5 điểm): Tình huống của truyện là gì?

Câu 4 (1,0 điểm): Có thể lược bỏ chi tiết: *"Không ai tự biết mình bằng mình, ấm nghĩ thầm. Nó biết nó ra đời ở một cái lò gốm sứ ven sông, chỉ mới cách đây hơn chục năm"* trong tác phẩm không? Vì sao?

Câu 5 (1,0 điểm): Nêu tác dụng của sự luân phiên điểm nhìn trong truyện kể trên?

Câu 6 (1,0 điểm): Theo anh/chị, hình ảnh *chiếc ấm sứt vòi* trong tác phẩm là biểu tượng của kiểu người nào trong xã hội?

Câu 7 (1,0 điểm): Thông điệp nào được gửi gắm trong phần kết truyện:"*Chiếc ấm sứt vòi nào cũng chứa trong mình khối chuyện lí thú, có khi cả câu chuyện cổ tích nữa ấy chứ"*? Đó có phải là triết lí nhân sinh duy nhất mà người viết gửi gắm trong văn bản không? Vì sao?

Câu 8 (0,5 điểm): Từ nội dung văn bản, theo anh/chị, việc "*tự biết mình*" có ý nghĩa như thế nào?

II.VIẾT (4,0 điểm)

Trong ca khúc "*Đi theo bóng mặt trời",* rapper Đen Vâu đã cất lời ca:

"Lấy đam mê làm ánh mặt trời, để tâm hồn này không mất phương hướng
Ta đi theo bóng mặt trời, từ hạ tới hay đông về qua
Khi những đam mê, còn nồng cháy, thì con đường đó sẽ không hề xa"

Từ ý hiểu lời bài hát và sự trải nghiệm của bản thân, em hãy viết bài văn nghịluận với chủ đề: *nuôi dưỡng đam mê trên hành trình đi theo bóng mặt trời.*

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm

I		**ĐỌC HIỂU**	**6,0**
	1	Ngôi kể: ngôi kể thứ ba	0,5
	2	Câu văn in đậm: ***Lúc ấy thì xấu hổ chết đi được!*** thuộc hình thức ngôn ngữ lời nửa trực tiếp.	0,5
	3	Tình huống của truyện: chiếc ấm sứt vòi ra đời được 10 năm, được ông khách lạ có ý hỏi mua và khẳng định nó có tuổi đời 300 năm.	0,5
	4	Không thể lược bỏ chi tiết: *"Không ai tự biết mình bằng mình, ấm nghĩ thầm. Nó biết nó ra đời ở một cái lò gốm sứ ven sông, chỉ mới cách đây hơn chục năm"*. (0,25) Vì: + chi tiết thể hiện giá trị thực của chiếc ấm – điều mà độc giả tò mò trong quá trình đọc tác phẩm, khác với nhận xét của nhân vật khách. *(0,25)* + ngoài ra chi tiết có ý nghĩa lớn trong việc thể hiện phẩm cách nhân vật: sự tự hiểu mình của *chiếc ấm sứt vòi (0,5)* *** Lưu ý**: chấp nhận cách diễn đạt khác nhưng đúng bản chất vẫn cho điểm tối đa.	1,0
	5	-Một số điểm nhìn được sử dụng trong văn bản như: + điểm nhìn của người kể chuyện, điểm nhìn của nhân vật (chiếc ấm, người khách, ông chủ), điểm nhìn bên trong, điểm nhìn bên ngoài (0,25) (nêu được 2 điểm nhìn: cho 0,25) -Tác dụng của sự luân phiên điểm nhìn: + dưới nhiều điểm nhìn, câu chuyện, nhân vật và thông điệp được bộc lộ cởi mở, đa chiều, toàn diện, nhiều "sắc màu", tạo sự đa thanh cho truyện kể. (0,75) **Lưu ý:** chấp nhận những cách diễn đạt khác nhau nhưng đúng bản chất vẫn cho điểm.	1,0
	6	Hình tượng *chiếc ấm sứt vòi* trong câu chuyện là biểu tượng cho kiểu người: + có vẻ ngoài khiếm khuyết (0,25) nhưng mang nhiều phẩm chất tốt đẹp như: luôn ý thức rõ hạn chế của bản thân (0,25) gắng sức làm việc thật tốt để bù lại những thiếu sót của mình (0,25); sống tình nghĩa (0,25) *** Lưu ý**: Chấp nhận cách diễn đạt khác nhưng đúng bản chất vẫn cho điểm tối đa.	1,0
	7	– Thông điệp được gửi gắm trong phần kết truyện:**"***Chiếc ấm sứt vòi nào cũng chứa trong mình khối chuyện lí thú…"* là: luôn có những điều tốt đẹp, bất ngờ ẩn sâu bên trong những người có vẻ bề ngoài khiếm khuyết. (0,25) – Đó không phải là thông điệp duy nhất mà tác giả gửi gắm	1,0

		trong văn bản. (0,25) – Bởi ẩn sau bề mặt ngôn từ vẫn còn những thông điệp mà người đọc có thể nhận ra như: + không nên vội vã, hồ đồ khi nhận xét, đánh giá sự vật, con người (như cách nhìn của nhân vật ông khách trong truyện). (0,25) + chúng ta nên dành sự tôn trọng, nâng niu, thấu hiểu, đem cái tình mà đối đãi với cuộc sống xung quanh (như tình cảm, thái độ mà ông chủ dành cho chiếc ấm và ngược lại). (0.25) …. **Lưu ý**: Chấp nhận cách diễn đạt khác, ý khác nhưng đúng bản chất, thuyết phục.	
	8	**ý nghĩa của việc "tự biết mình" – nhận thức đúng đắn về bản thân.** Tham khảo những gợi ý sau: + nhìn rõ chính mình giúp con người hạn chế điểm yếu, phát huy điểm mạnh, tự hoàn thiện mình về trí tuệ, tâm hồn, phẩm cách. + tự biết mình giúp con người làm chủ bản thân, làm chủ cuộc sống; biết lựa chọn những gì phù hợp, cần thiết với bản thân. + từ hiểu mình đến hiểu người để hình thành một lối sống tích cực… *** Lưu ý:** – Chấp nhận cách diễn đạt khác nhưng thuyết phục vẫn cho điểm tối đa.	0.5
II		**VIẾT**	**4,0**
		a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn nghị luận: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. *Xác định đúng vấn đề nghị luận*: nuôi dưỡng đam mê	0,25
		c. *Triển khai vấn đề nghị luận* thành các luận điểm, luận cứ, vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý: –**Giải thích: (0,25)** + đam mê: là sự yêu thích, niềm khát khao để theo đuổi, chinh phục một điều gì đó mang tính gắn bó lâu dài. + đi theo bóng mặt trời: đi theo ánh sáng của những điều tốt đẹp, thiện lương. Cũng có thể hiểu là đích đến của thành công. **+** ý hiểu lời bài hát: khi giữ được ngọn lửa đam mê, hành trình đi đến thành công sẽ không còn xa. –**Ý nghĩa của việc nuôi dưỡng đam mê:** (có vai trò quan trọng trong sự <u>thành công, thành nhân và hạnh phúc</u> của mỗi người) **(1,0)**	0,25 2,75

		+ khi có niềm đam mê, chúng ta có sự nhiệt tình, cháy hết mình, sáng tạo trong công việc, học tập=> phát huy tốt nhất năng lực của mình để vươn đến thành công. + niềm đam mê còn giúp con người vượt qua những giới hạn của bản thân để làm nên những điều lớn lao, kì diệu. + việc tìm ra và theo đuổi niềm đam mê còn khiến cuộc đời trở nên thú vị và có ý nghĩa… –**Làm thế nào để nuôi dưỡng đam mê: (1,0)** + lắng nghe mong muốn, sở thích của mình, khai thác thế mạnh bản thân. + kiên trì, nhẫn nại, dành thời gian để nuôi dưỡng những "hạt giống" đam mê. + chia sẻ với những người cùng đam mê để có thêm bạn đồng hành… -Chúng ta cần nhận thức đúng đắn rằng: đam mê chân chính phải mang lại giá trị tích cực cho bản thân, xã hội chứ không phải những ham muốn sai lầm, mù quáng, ích kỉ. (**0,5)** **Lưu ý:** trong quá trình triển khai ý, học sinh cần có những **dẫn chứng** bằng sự trải nghiệm bản thân và dẫn chứng đời sống xã hội.	
		d. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: có cách suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ; cách thể hiện độc đáo về vấn đề nghị luận.	0,25

ĐỀ 26

I.ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

TÌNH NGƯỜI (Nguyễn Văn Học)

Thiện gấp lại sổ, tắt điện phòng, anh rời cơ quan lúc trời đã nhá nhem tối […]. Đến một con phố, vì mưa anh đi chậm. Anh mê man nghĩ về kế hoạch sắp tới. Thiện chợt dừng lại. Dưới gốc cây ven đường, có một người mặc chiếc áo len cũ, đang nửa nằm nửa ngồi rên rỉ. Là ai nhỉ? Lòng hào hiệp thôi thúc Thiện tiến lại gần xem là ai. Đó là một bà già nhăn nhó với cơn đau, toàn thân run bần bật. Thiện hỏi:

– Bà ơi, bà làm sao thế?

– Tôi bị ngã, đau quá. Gẫy tay rồi!

Thiện đỡ bà ngồi thẳng dậy và hỏi han tình hình. Bà già nói mình từ xa đến đây tìm thằng con lêu lổng, nó bỏ đi cả tháng không được. Mấy ngày qua bà lang thang tìm con. Phố xá rờn rợn đông. Đi đến cái dốc phố, vừa đói vừa mệt, mà những chiếc xe máy cứ lao vù vù, khiến bà sợ, trượt chân ngã gẫy tay. Lúc ngã trời nhá nhem tối, chẳng có ai để ý đến một người như bà. Nước mắt bà ứa ra. Đôi bàn tay nhăn nheo buốt giá. Anh thưa: "Để cháu đưa bà vào viện".

Trong ít phút ngồi xe, bà lão đã kịp thổ lộ chuyện chồng mất sớm, chẳng đủ sức dạy dỗ hai cậu con trai. Con lớn cũng là kẻ vào tù ra tội, chẳng đỡ đần được mẹ và em. Con thứ lêu lổng. Ngày nhỏ bà còn bảo được. Giờ bà già rồi. Đôi chân biếng nhác của thằng con chạy nhanh hơn những lời dạy dỗ của bà. Lắm lúc bà thấy bất lực. Thế mới biết, người đàn ông có tầm quan trọng thế nào với mỗi tổ ấm…

Đến viện, Thiện đưa bà vào làm thủ tục, đưa đến phòng cấp cứu, đi chụp xương, xét nghiệm, lên phòng bó bột, rồi trở lại phòng điều trị. Nhìn đồng hồ đã hơn 10 giờ đêm. Bụng đói, người mệt. Ngoài cửa gió vẫn rít gào. Anh nghĩ việc của mình thế là xong. Vợ con anh ở nhà chắc đang mong lắm. Thiện chạy xuống căng tin bệnh viện mua một hộp cháo trao cho bà. Căn phòng còn những người thăm nuôi bệnh nhân xúm lại giúp. Rồi anh thưa:

– Bà hãy nghỉ ở đây, nếu mai rảnh cháu sẽ trở lại.

Lúc này, bà lão đã nói một câu làm anh đứng sững:

– Này, chú, chú đâm xe vào tôi, giờ lại bỏ đi ư? Chú phải ở đây chăm tôi chứ!

Thiện như rụng rời cả chân tay. Toàn thân muốn sụp xuống. Cái lạnh và sự bất ngờ khiến anh đứng không vững. Anh nhìn bà lão. Bà lão cũng nhìn anh trân trân. Nhiều con mắt đổ dồn về phía anh. Vài bác sĩ ở đó giữ anh lại, như thể họ sợ kẻ gây ra tai nạn cho bà già sẽ chạy mất. Bà lão tiếp:

– Các bác ạ, chú này đâm xe máy vào tôi đấy. Chú ấy phải ở lại đây!

Trời đất, tại sao thế này? Sao bà nói tôi đâm vào bà. Chính tôi là người đã cứu giúp bà, thế mà bà lợi dụng để ăn vạ. Tình ngay lý gian, anh không giải thích được, có giải thích cũng không ai nghe. Mấy bác sĩ đòi giữ lại giấy tờ của anh để anh khỏi chạy.

– Tôi ở đây là được chứ gì. Tôi cũng đã đóng tiền viện phí. Mọi người phải hiểu tôi chỉ là người đi đường, thấy bà lão gặp nạn thì giúp. Ai ngờ… – Thiện nói. […]

Thiện thờ thẫn trở về, lòng dớn dác buồn bã vì lòng tốt của mình bị người khác hiểu lầm và lợi dụng […]. Thiện sang nhà một ông bạn ở gần nhà, cốt để nói chuyện vui cho khuây khỏa. Nhưng chẳng may miệng anh lại thốt ra chuyện về bà lão nọ. Ai ngờ ông bạn lại lên lớp: "Trời, ông thương người thì thiệt đến thân. Thời đại này, những kẻ ăn vạ như thế nhiều lắm. Tốt nhất là thấy tai nạn, cứ đi qua càng nhanh càng tốt. Mình không giúp, đã có người khác. Tội gì!" […].

Dù bạn nói thế nào Thiện cũng tin mình đã làm đúng. Trong cuộc đời, thể nào cũng có những góc khuất của số phận, và có những ô vuông của cuộc sống dành cho tình người. Cuộc đời này phải có những người hy sinh lợi ích cá nhân để cho cái chung chứ.

Hai hôm sau, Thiện trở lại bệnh viện, bà lão đã đỡ đau nhiều, giờ có thể về và đợi ngày tháo băng. Anh không tỏ thái độ gì tức giận hay trách móc bà già đã lấy oán báo ơn. Anh vẫn từ tốn thưa gửi và cư xử lễ phép, nhẹ nhàng […].

Chi phí toàn bộ hết hơn hai triệu, Thiện vui vẻ chấp nhận. Anh đưa bà lão ra bến xe, còn mua cho bà một chục chiếc bánh mỳ về làm quà. Bà lão rưng rưng xúc động nhìn anh […]. Mắt bà lão rơm rớm nước, nhìn thẳng vào đôi mắt Thiện, tỏ đầy sự biết ơn và xúc động, nói:

– Chú à. Bà xin lỗi chú. Vì nhìn dáng người và nhìn thấy chú đeo hình cây thập tự trên cổ, bà biết cái lòng của chú tốt. Nếu lúc đó không làm vậy, bà biết trông cậy vào

ai. Một mình bà ở cái chốn này, sẽ khó tìm được người giúp. Thôi, bà xin và cảm tạ tấm lòng chú.

Một lần nữa, bà lão khiến Thiện bất ngờ. Nhưng lần này là sự vỡ òa của cảm xúc tin yêu. Thì ra bà lão đã bấu víu vào lòng tốt của một người mà bà nghĩ tấm lòng anh ta rộng lượng. Tâm trạng Thiện được giải phóng khỏi những nghi ngờ. Bà làm vậy là bất đắc dĩ. Trong lúc không biết trông vào ai nơi đất khách quê người bà đã nói dối. Thiện mỉm cười. Bà già vớt vát thêm:

– Chú tha lỗi cho già này nhé. Chính chú đã cho bà thấy ở đời còn nhiều người tốt.

Thiện chào bà, bà bước lên xe. Anh quay về cơ quan, nhủ lòng sẽ giữ kín chuyện, bởi nếu nói với vợ, sẽ lại bị phê phán vì thương người mà thiệt thân.

(Dẫn theo http://www.kinhtedothi.vn, 01/12/2018)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định ngôi kể của truyện.

Câu 2. (0,5 điểm) Tìm những chi tiết trong truyện cho thấy lòng tốt của nhân vật Thiện.

Câu 3. (0,5 điểm) Chỉ ra đặc điểm của lời kể trong truyện?

Câu 4. (1,0 điểm) Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: "*Đến viện, Thiện đưa bà vào làm thủ tục, đưa đến phòng cấp cứu, đi chụp xương, xét nghiệm, lên phòng bó bột, rồi trở lại phòng điều trị"?*

Câu 5. (1,0 điểm) Theo em, nhân vật bà lão trong truyện đáng thương hay đáng trách?

Câu 6. (1,0 điểm) Trong truyện, tâm trạng của nhân vật Thiện đã được khắc họa như thế nào?

Câu 7. (1,0 điểm) Em có đồng tình với quan điểm được nêu trong truyện: *"Cuộc đời này phải có những người hy sinh lợi ích cá nhân để cho cái chung chứ"*?

Câu 8. (0,5 điểm) Nhận xét về tình huống truyện được xây dựng trong truyện?

VIẾT (4,0 điểm)

Từ những việc mà nhân vật bà lão trong truyện " Tình người" đã làm, em hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) bàn về văn hóa xin lỗi và cảm ơn của con người trong xã hội hiện nay.

HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		**ĐỌC HIỂU**	**6.0**
	1	Truyện kể theo ngôi thứ 3	*0.5*
	2	Những chi tiết cho thấy lòng tốt của nhân vật Thiện: – Hỏi han, đưa bà lão bị tai nạn vào viện – Đưa bà lão đi thăm khám bệnh, mua đồ ăn, trả tiền viện phí – Vẫn nhiệt tình giúp đỡ bà lão ngay cả khi bị bà lão đổ oan	*0.5*
	3	Đặc điểm của lời kể trong truyện: Gồm có – Lời người kể chuyện	*0.5*

		– Lời nhân vật	
	4	– Liệt kê hàng loạt những việc mà Thiện đã giúp đỡ bà lão qua đường. – Tác dụng: + Làm cho câu văn thêm sinh động, hấp dẫn hơn, tăng sức gợi hình, gợi cảm cho diễn đạt. + Nhấn mạnh lòng tốt của Thiện.	*1.0*
	5	Thí sinh đưa ra được quan điểm của bản thân, song phải có lý giải thuyết phục về sự lựa chọn của mình. Gợi ý: – Đáng trách: Lập luận theo hướng bà lão đã được Thiện giúp đỡ nhưng lại đổ oan cho anh. – Đáng thương: Lập luận theo hướng bà lão khốn khổ vì không bấu vúi được vào ai khi bản thân gặp nạn nên buộc phải lợi dụng lòng tốt của Thiện. – Vừa đáng trách vừa đáng thương: Kết hợp cả 2 hướng lập luận trên.	*1.0*
	6	Trong truyện, tâm trạng của nhân vật Thiện chủ yếu được khắc họa qua những nét chính sau: – Xót xa, thương cảm với bà lão bất hạnh gặp phải tai nạn nên nhiệt tình giúp đỡ. – Thẫn thờ, buồn bã khi lòng tốt của mình bị người khác hiểu nhầm và lợi dụng. – Sau cùng vẫn là thương cảm cho bà lão bất hạnh, cảm xúc tin yêu vỡ òa khi anh hiểu ra nỗi lòng của bà lão.	*1.0*
	7	Thí sinh có thể đồng tình hoặc không đồng tình nhưng phải lí giải thuyết phục, chặt chẽ. – Đồng tình: Lập luận theo hướng người hi sinh lợi ích cá nhân vì cái chung sẽ nhận được nhiều giá trị tốt đẹp. – Không đồng tình: Lập luận theo hướng người hi sinh lợi ích cá nhân vì cái chung sẽ nhận về mình nhiều thua thiệt. – Vừa đồng tình vừa không đồng tình: Kết hợp cả 2 hướng lập luận trên.	*1.0*
	8	– Tình huống truyện: Thiện giúp đỡ bà lão bị tai nạn trên đường nhưng anh lại bị bà lão lợi dụng, mọi người xung quanh hiểu lầm. – Tình huống truyện đơn giản nhưng hàm chứa nhiều ý nghĩa sâu sắc, giúp nhân vật bộc lộ tính cách một cách tự nhiên nhất.	*0.5*
II		**VIẾT**	**4.0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề	*0.5*

		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Từ những việc mà nhân vật bà lão trong truyện " Tình người" đã làm, bàn về văn hóa cảm ơn và xin lỗi của con người trong xã hội hiện nay.	*0.25*
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau: – Tóm tắt những việc mà nhân vật bà lão trong truyện " Tình người" đã làm. Từ đó rút ra bài học: Con người cần biết xin lỗi và cảm ơn khi phạm phải sai lầm cũng như khi nhận được sự giúp đỡ của người khác. – Bàn về văn hóa cảm ơn và xin lỗi của con người trong xã hội hiện nay. + "Xin lỗi" là lời bày tỏ thái độ ân hận, hối lỗi trước những sai lầm mình đã gây ra. "Cảm ơn" là lời bày tỏ thái độ biết ơn, cảm kích trước sự giúp đỡ của một ai đó. + Bản thân người xin lỗi, cảm ơn sẽ thấy lòng mình trở nên thanh thản, nhẹ nhõm. Về phía người nhận lời xin lỗi, cảm ơn, họ cũng cảm thấy ấm lòng, bao dung, độ lượng hơn. Quan trọng hơn, nói "cảm ơn" và "xin lỗi" đồng nghĩa với việc bạn đã ý thức rất rõ về bản thân mình, biết tôn trọng người khác và tôn trọng chính mình, dám dũng cảm nhận ra lỗi lầm của mình, biết quý trọng sự giúp đỡ của người khác. Đó là biểu hiện của một lối sống có văn hóa và giàu ý thức tự trọng. Xin lỗi và cảm ơn là chất keo kết dính mọi người lại với nhau, là sợi dây vô hình gắn kết những mối quan hệ trong xã hội. + Phê phán những người không biết hoặc không dám thừa nhận lỗi lầm của mình, những người vô cảm, lãnh đạm trước sự giúp đỡ của người khác. – Tóm lại, nói lời "cảm ơn" và "xin lỗi" là một nét đẹp trong văn hóa ứng xử của con người, là một hành động cần thiết trong những mối quan hệ giao tiếp hằng ngày.	*2.5*
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	*0.25*
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	*0.5*
TỔNG			**10.0**

ĐỀ 27

I.ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Thằng con tôi 11 tuổi, học lớp sáu. Qua mùa thi chuyển cấp, nhân một buổi chiều cho con đi chơi mát, nó kể… Đang hỏi nó về chuyện thi cử, nó chợt hỏi lại tôi:

– Ba! Có bao giờ thấy có một bài luận văn nào điểm không không ba? Con số không cô cho bự bằng quả trứng gà. Không phải cho bên lề, mà một vòng tròn giữa trang giấy. Thiệt đó ba. Chuyện ngay trong lớp của con, chứ không phải con nghe kể đâu.

Tôi chưa kịp hỏi, nó tiếp:

– Còn thua ba nữa đó, ba. Ít nhứt ba cũng được nửa điểm. Còn thằng bạn của con, con số không bự như quả trứng.

Thằng con tôi ngửa mặt cười, có lẽ nó thấy thú vị vì thời học trò của ba nó ít nhứt cũng hơn được một đứa.

Số là cách đây vài năm, có một nhà xuất bản gởi đến các nhà văn, nhà thơ quen biết trong cả nước một câu hỏi, tôi còn nhớ đại ý, nhà văn, nhà thơ thời thơ ấu học văn như thế nào, nhà xuất bản in thành sách "Nhà văn học văn". Đọc qua, nghe các nhà văn, nhà thơ kể, tất nhiên là mỗi người có mỗi cuộc đời, mỗi người mỗi giọng văn, nhìn chung thì người nào, lúc còn đi học, cũng có khiếu văn, giỏi văn. Nếu không thì lấy gì làm cơ sở để sau này trở thành nhà văn? Rất lô-gích và rất là tự nhiên vậy. Duy chỉ có bài của tôi hơi khác, có gì như ngược lại. Tôi kể, hồi tôi học ở trường trung học Nguyễn Văn Tố (1948 – 1950), tôi là một học sinh trung bình, về môn Văn không đến nỗi liệt vào loại kém, nhưng không có gì tỏ ra là người có khiếu văn chương. Và có một lần, bài luận văn của tôi chỉ được có một điểm trên hai mươi (1/20). Đó là kỷ niệm không quên trong đời học sinh của tôi, môn Văn.

Khi con tôi đọc bài văn đó, con tôi hỏi:

– Sao bây giờ ba là nhà văn? Và bạn bè cũng hỏi như vậy. Tôi cũng đã tự lý giải về mình, và lời giải cũng đã in vào sách rồi, xin không nhắc lại.

Tôi hỏi con tôi:

– Luận văn cô cho khó lắm hay sao mà bạn con bị không điểm.

– Luận văn cô cho "Trò hãy tả buổi làm việc ban đêm của bố".

– Con được mấy điểm?

– Con được sáu điểm.

– Con tả ba như thế nào?

– Thì ba làm việc làm sao thì con tả vậy.

– Mấy đứa khác, bạn của con?

Thằng con tôi như chợt nhớ, nó liến thoắng:

– A! Có một thằng ba nó không hề làm việc ban đêm mà nó cũng được sáu điểm đó ba.

– Đêm ba nó làm gì?

– Nó nói, đêm ba nó toàn đi nhậu.

– Nó tả ba nó đi nhậu à?

– Dạ không phải. Ba nó làm việc ban ngày nhưng khi nó tả thì nó tả ba nó làm việc ban đêm, ba hiểu chưa?

– Còn thằng bạn bị không điểm, nó tả như thế nào?

– Nó không tả không viết gì hết, nó nộp giấy trắng cho cô.

– Sao vậy?

– Hôm trả lại bài cho lớp, cô gọi nó lên, cô giận lắm, ba. Cô hét: "Sao trò không làm bài". Nó cúi đầu làm thinh. Cô lại hét to hơn: "Hả?". Nó cũng làm thinh. Tụi con ngồi dưới, đứa nào cũng run.

– Nó là học trò loại " cá biệt" à?

– Không phải đâu ba, học trò tiên tiến đó ba.

– Sao nữa? Nó trả lời cô giáo như thế nào?

Nó cứ làm thinh. Tức quá, cô mới quất cây thước xuống bàn cái chát: "Sao trò không làm bài?" Tới lúc đó nó mới nói: "Thưa cô, con không có ba". Nghe nó nói, hai con mắt của cô con mở tròn như hai cái tô. Cô đứng sững như trời trồng vậy ba!

Tôi bỗng nhập vai là cô giáo. Tôi thấy mình ngã quỵ xuống trước đứa học trò không có ba.

Sau đó cô và cả lớp mới được biết, em mồ côi cha khi vừa mới lọt lòng mẹ. Ba em hy sinh trên chiến trường biên giới. Từ ấy, má em ở vậy, tần tảo nuôi con…

Có người hỏi em: "Sao mày không tả ba của đứa khác". Em không đáp, cúi đầu, hai giọt nước mắt chảy dài xuống đôi má.

Chuyện của đứa học trò bị bài văn không điểm đã để lại trong tôi một nỗi đau. Em bị không điểm, nhưng với tôi, người viết văn là một bài học, bài học trung thực. Sáng tạo không đồng nghĩa với bịa đặt.

Giữa những dòng chữ bịa đặt và trang giấy trắng, tôi xin để trang giấy trắng trung thực trên bàn viết.

(*Bài học tuổi thơ* – Truyện ngắn Nguyễn Quang Sáng, NXB Văn học, 1990**)**

Câu 1. Xác định ngôi kể và điểm nhìn trong truyện. Hãy chỉ ra căn cứ để xác định ngôi kể trong văn bản *Bài học tuổi thơ.*

Câu 2. Trong truyện ngắn, lí do "*không có ba*" của cậu bé học trò bị bài văn không điểm là gì? Tại sao chuyện cậu bé học trò bị bài văn không điểm lại để lại trong nhân vật "tôi" nỗi đau?

Câu 3. Theo em, nhà văn Nguyễn Quang Sáng muốn gửi gắm ý nghĩa gì qua phần kết của câu chuyện?

Câu 4. Văn bản "*Bài học tuổi thơ "* có tác động như thế nào đến cách nhìn của anh/chị về những nỗi đau khi chiến tranh đã qua đi ? (Trình bày bằng cách gạch ý hoặc viết đoạn văn ngắn từ 6 đến 8 dòng).

VIẾT (4,0 điểm)

Từ truyện ngắn *Bài học tuổi thơ* của Nguyễn Quang Sáng**,** em hãy viết một bài văn nghị luận khoảng 500 chữ trình bày suy nghĩ về **ý nghĩa của lối sống trung thực.**

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**PHẦN ĐỌC**	**6,0**
	1	– Ngôi kể: Ngôi thứ nhất – Điểm nhìn: Học sinh có thể trả lời + Điểm nhìn ngôi thứ nhất hạn tri + Điểm nhìn: nhân vật tôi – Căn cứ xác định ngôi kể: Nhân vật dùng đại từ nhân xưng	 0.5 0.5 0.5

		"tôi" hoặc xưng hô ở ngôi thứ nhất khi trần thuật.	
	2	**–** Lí do "*không có ba*" của cậu bé học trò bị bài văn không điểm là : *Ba em hy sinh trên chiến trường biên giới. Từ ấy, má em ở vậy, tần tảo nuôi con…* **– Chuyện** cậu bé học trò bị bài văn không điểm lại để lại trong nhân vật "tôi" nỗi đau. Bởi vì: + Nỗi đau vì một học trò được kém một cách không đáng có. + Nỗi đau vì cuộc đời thiếu sự sẻ chia, thông cảm, thấu hiểu với nhau.	0.5 1,0
	3	Nhà văn Nguyễn Quang Sáng muốn gửi gắm ý nghĩa gì qua phần kết của câu chuyện: – Bài học về tính trung thực và sự lựa chọn cách sống trung thực trong cuộc sống. – Bài học về sự thấu hiểu, đồng cảm.	0.75 0.75
	4	– Đảm bảo hình thức đoạn văn từ 6 – 8 dòng – Trình bày được thông điệp rút ra từ văn bản – Lập luận thuyết phục, diễn đạt trong sáng, mạch lạc **Thông điệp gợi ý:** – Chiến tranh đã đi qua nhưng những nỗi đau vẫn hiện hữu: nỗi buồn, nỗi tủi hờn vì không còn người thân; nhiều thế hệ sinh ra trong thời bình nhưng vẫn mang những "vết thương" do chiến tranh để lại. – Tri ân người đã hi sinh vì đất nước và sống xứng đáng với người đã hi sinh…	0.25 1.0 0.25
II		**PHẦN VIẾT**	**4,0**
		a.Đảm bảo yêu cầu về hình thức bài văn Bài văn phải đảm bảo đủ 3 phần: Mở bài – Giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân bài – bàn luận về vấn đề; Kết bài – khẳng định lại vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Bàn luận về chủ đề: **ý nghĩa của lối sống trung thực.**	0,25
		c. Triển khai vấn đề cần nghị luận **I. MỞ BÀI** – Dẫn dắt vấn đề – Nêu tác giả Nguyễn Quang Sáng và tác phẩm "Bài học tuổi thơ" – Nêu nội dung được gợi ra từ văn bản: **ý nghĩa của lối sống trung thực.** **II. THÂN BÀI** **1.Giải thích khái niệm:** Giải thích ngắn gọn lối sống trung thực là gì? Lối sống ấy có ý	0.25 0.25 0.25

		nghĩa như thế nào? **2. Bàn luận vấn đề** **Trình bày được hệ thống luận điểm thể hiện quan điểm của người viết.** + Học sinh trình bày **ít nhất 02 luận điểm**; các luận điểm tạo thành một hệ thống, triển khai các phương diện của vấn đề. + Học sinh triển khai **luận điểm chặt chẽ**, có lí lẽ phù hợp, thuyết phục. Lí lẽ bàn **được nhiều khía cạnh** của vấn đề. Nêu được bằng chứng đầy đủ, phù hợp, xác đáng để làm sáng tỏ lí lẽ: *+ Học sinh có **nêu được** bằng chứng cụ thể, xác thực, tiêu biểu với lí lẽ;* *+ Học sinh có **phân tích** bằng chứng để làm sáng tỏ lí lẽ;* **3. Bình luận về ý nghĩa của vấn đề xã hội được gợi ra từ tác phẩm** *+ Học sinh bình luận về ý nghĩa của vấn đề xã hội được gợi ra từ tác phẩm* **III. KẾT BÀI:** Khẳng định vấn đề Đánh giá đóng góp của tác phẩm về vấn đề nghị luận	1.5 0.25 0.25 0.25
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,25
Tổng điểm			**10.0**

ĐỀ 28

I.ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới

NGƯỜI CỦA NGÀY XƯA

[...] Bà không được đẹp, ăn mặc xuềnh xoàng, tên gọi cũng không sang, tên là Mặm, cụ tuần Mặm. Nhưng đã ngồi trò chuyện giữa đám đông bà luôn luôn được mọi người chú ý vì cách ăn nói tự nhiên và nhũn nhặn, lại rất hay pha trò. Bà không hề cười nhưng người nghe thì cười nghiêng ngả, phun cả nước cốt trầu vào áo nhau. Sau này tôi được nghe mẹ tôi kể, bà Mặm còn một người chị ruột tên là Mắm, mẹ mất sớm, ở với bố là canh điền, chuyên đi làm thuê cho các nhà giàu ven sông Nhuệ. Những tháng nông nhàn, cả ba bố con lại đi riu tép, chăn vịt, đan rổ rá và làm miến dong là nghề của làng. Năm mười sáu tuổi cô Mặm theo cô ruột là người nấu cơm cho một ông án để giúp việc vặt trong dinh. Ông án năm ấy còn trẻ, chưa tới bốn mươi, cũng có ý gạ gẫm cô bé, ngoài hầu thuốc hầu trà còn muốn hầu thêm cả việc chăn gối. Nhưng cô cự tuyệt và lời nói của cô không rõ là hư hay thực nhưng giới mệnh phụ đều

biết cả: "Chúng con tuy nghèo nhưng là con nhà thi lễ chứ không phải phường mèo mả gà đồng, xin cụ lớn xá lỗi cho". Một năm sau ông án cưới cô làm thiếp, có trầu cau đưa về trình làng hẳn hoi. Năm mười tám tuổi cô sinh người con trai đầu, cũng là người con duy nhất, là bố của anh em Nhân và Nghĩa thì bà chánh thất bị bệnh thương hàn mất. Cô Mặm thành vợ chánh mặc dầu còn hai bà thứ thất. Các con của mấy bà đều gọi bà kế thất là dì, về sau gọi là mẹ vì cái đại gia đình ấy từ ngày ông tuần nghỉ hưu đều trông cậy vào một tay bà chèo chống. Bà Mặm lấy chồng được năm năm mới đưa chồng về làng nhận họ, người chồng lúc này đã là tuần phủ của chính tỉnh nhà. Bà bảo xe hơi đỗ ngoài đường cái cùng chồng đi bộ về làng, thẻ ngà của chồng phải nhét phía trong vạt áo sa, là rể làng chứ không phải quan trên về kinh lý. Lại gặp lúc các cụ kỳ mục đang họp bàn việc làng ở đình, bà đưa chồng ra chào. Các cụ mời ngồi, bà ngăn lại, bảo: "Ông nhà tôi chỉ là rể làng thôi, rể làng chưa khao vọng gì thì không có chỗ ngồi ở đình, là tục lệ từ xưa, xin các cụ chớ bỏ". Vợ chồng bà thắp hương rồi cúng một món tiền lớn để làng xây lại hai dãy nhà Tả Mạc và Hữu Mạc. Cách cư xử của bà không làm ai ngạc nhiên cả vì nhà bà tuy nghèo nhưng gia giáo rất nghiêm, con cái đi đâu, làm gì đều phải thưa trình. […]

Bà Mặm tuy là vợ chánh một ông tuần phủ nhưng không mấy khi bà ở dinh cụ tuần để hưởng cái vinh dự được thuộc hạ bẩm báo, kính trình cụ lớn. Bà thường ở quê chồng là đất trồng thuốc lào, mua ruộng, học nghề trồng tỉa vò ủ thuốc lào, lại biết canh cải thêm tí chút nên thuốc lào của cụ tuần Mặm nổi tiếng êm ngon một thời, các lái về mua phải chở bằng thuyền, tiền lãi bán thuốc đủ chi dùng cho việc quan của chồng và ăn tiêu của một đại gia đình hết sức đông đảo. […]. Đầu năm 55[(1)], Nhân mới đưa được vợ con về quê để trình với bà nội và mẹ, ra mộ thắp hương cho bố đã bị Pháp giết trong trận càn. Cô cháu dâu tâm sự với bà nội chồng: "Chúng cháu lấy nhau trong kháng chiến, bây giờ hòa bình rồi, các cô gái ở thành phố cô nào cũng đẹp, chả biết anh ấy còn thương yêu mẹ con cháu như xưa không?" Bà lão cười chảy cả nước mắt, nắm tay cháu dâu mà bảo: "Đàn ông nhà này như cái ngọn, đàn bà nhà này như cái gốc. Có bao giờ ngọn bỏ được gốc mà con lo". Trong mấy năm phát động giảm tô và cải cách ruộng đất, ai cũng nghĩ bà cụ tuổi đã cao lại phải lo nghĩ buồn phiền nhiều sẽ khó thọ. Nhưng bà lão vẫn vui, vẫn thích nói đùa, vì bà cụ có lý lẽ riêng, có sự từng trải riêng. Cụ bảo: "Tôi nghiệm ra cứ dăm ba chục năm hay năm bảy chục năm lại có một lần thay đổi thời thế để chia lại của cải và danh vị trong thiên hạ, để có dịp ơn đền oán trả cho thuận với cái lẽ chuyển vận bù trừ của trời đất. Tôi ngày nhỏ ở với bố chỉ có cái váy đụp, bây giờ về già sống với con cháu lại được mặc cái quần lành tức là phúc đức nhiều rồi". Năm cụ Mặm 79 tuổi trước ngày mất chừng vài tháng, nhân có giỗ ông tuần, con cháu về đông đủ, bà cụ nhờ vợ Nhân nhai giập miếng trầu rồi nhón lấy miếng trầu đã nhừ nhuyễn, thật tươi thật đỏ cho vào mồm ngậm, căn dặn con cháu:

– Cái họ nội nhà này giống thì tốt nhưng phúc đức đã cạn kiệt. Mấy chục đời đều có người làm quan, oán nhiều ơn ít, lấy đâu ra phúc. Được cái các nàng dâu đều là con nhà thanh bạch, phúc đức rất dầy nên giống tốt mới đơm hoa kết quả cho tới tận bây giờ. Các anh chị nuôi dạy con cháu rồi cưới vợ gả chồng cho chúng nó, nhớ lấy cái đức làm đầu, tài sắc phú quý tính sau. Ở đời chỉ có cái đức là trường tồn, càng có nhiều càng tốt, không sợ thừa. Kỳ dư những thứ khác đều phù du cả, có đấy mất đấy, phúc đấy họa đấy, không tính trước được đâu.

*[**Lược:** Nhân vật "tôi" ra Hà Nội chơi, Nghĩa cho người đánh xe chở đi thăm thú vài nơi. Sau đó, trở về, Nghĩa mời "tôi" uống bia tại một khách sạn quen thuộc, sang trọng trên đường Lý Nam Đế nhưng "tôi" băn khoăn về những sự đổi khác của Hà Nội bây giờ].*

Tôi bảo Nghĩa:

– Cái Hà Nội bây giờ không còn là của mình nữa. Nó là của các anh. Nó sẵn sàng phục vụ cho mọi tham vọng của các anh.

Nghĩa đưa mắt nhìn tôi nhưng vẫn ngồi lặng lẽ uống bia nhắm hạt điều. Cái thằng đến tiết kiệm nói.

Tôi lại hỏi:

– Hình như anh đang giàu lên, đang rất giàu phải không? Đã được triệu đô chưa?

[...] Nghĩa nói, có nhiều cơ hội đã nhìn thấy cả đống tiền trước mắt, vì tôi cũng có cái tài nhìn ra nơi ẩn trốn của đồng tiền, nhìn trước được nhiều người, chỉ giơ tay một cái là nó thuộc về mình, rất ngoạn mục, rất an toàn mà không dám, chỉ vì cái cách kiếm tiền ấy không được đạo đức cho lắm mà tôi lại chưa thể bước qua cái đường vạch của bà nội. Cụ là cô gái nghèo, thuộc lớp đáy của xã hội, bỗng chốc thành phu nhân, danh vọng và tiền bạc đều dư thừa mà không lóa mắt, không đua đòi, không chịu để mất cái phẩm giá riêng, nghĩ lại thật đáng sợ. Tôi là một thằng đàn ông không thể nói là nghèo, lại có học, lại cũng từng trải mà chịu quỳ gối trước sức mạnh kim tiền như một thằng Mít thằng Xoài(2) thì cũng hèn quá, cũng nhục quá, có phải không? Vả lại cách sống đàng hoàng của kẻ có tài đâu phải thua thiệt, cũng ra tiền đấy, ít thôi nhưng là tiền sạch, tiền bền, đồng tiền không mang họa cho người giữ nó. Rồi Nghĩa khuyên tôi nên viết về bà nội hắn, chỉ là người đàn bà tầm thường thôi nhưng cái cách ứng xử một đời không thay đổi của bà lão lại chẳng tầm thường một chút nào: biết thích ứng nhanh để hòa nhập nhưng không chịu để mất những niềm tin riêng, cái cốt cách riêng của mình.

(Trích *Hà Nội trong mắt tôi*, Nguyễn Khải, NXB Trẻ, 2003, tr. 56 – 67)

Chú thích:

(1) Năm 55: tức 1955

(2) Thằng Mít thằng Xoài: ý nói những người không có học, kém hiểu biết.

Câu 1. Xác định ngôi kể của truyện.

Câu 2. Lí do bà Mặm yêu cầu xe hơi đỗ ngoài đường cái, thẻ ngà của chồng phải nhét trong vạt áo khi đưa chồng về làng nhận họ dù chồng đã làm quan tuần phủ tỉnh là gì?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu sau: *Bà lão cười chảy cả nước mắt, nắm tay cháu dâu mà bảo: "Đàn ông nhà này như cái ngọn, đàn bà nhà này như cái gốc. Có bao giờ ngọn bỏ được gốc mà con lo".*

Câu 4. Trong đoạn trích, nhân vật bà cụ Mặm được xây dựng với những đặc điểm nào?

Câu 5. Từ câu chuyện của bà cụ Mặm, theo em, các thành viên cần phải làm gì để giữ gìn được lối sống nền nếp trong gia đình?

II.PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. Viết đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày cảm nhận về chi tiết sau trong văn bản Đọc hiểu:

"*Nghĩa nói, có nhiều cơ hội đã nhìn thấy cả đống tiền trước mắt, vì tôi cũng có cái tài nhìn ra nơi ẩn trốn của đồng tiền, nhìn trước được nhiều người, chỉ giơ tay một cái là nó thuộc về mình, rất ngoạn mục, rất an toàn mà không dám, chỉ vì cái cách kiếm tiền ấy không được đạo đức cho lắm mà tôi lại chưa thể bước qua cái đường vạch của bà nội. Cụ là cô gái nghèo, thuộc lớp đáy của xã hội, bỗng chốc thành phu nhân, danh vọng và tiền bạc đều dư thừa mà không lóa mắt, không đua đòi, không chịu để mất cái phẩm giá riêng, nghĩ lại thật đáng sợ.*

Câu 2. Viết bài nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của ***sự chủ động*** trong cuộc sống của mỗi người.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4.0**
	1	– Ngôi kể của truyện: ngôi thứ nhất.	0.5
	2	– Lí do bà Mặm yêu cầu xe hơi đỗ ngoài đường cái, thẻ ngà của chồng phải nhét trong vạt áo khi đưa chồng về làng nhận họ dù chồng đã làm quan tuần phủ tỉnh là vì ông chồng là "rể làng chứ không phải quan trên về kinh lý".	0.5
	3	– Biện pháp tu từ so sánh: đàn ông trong nhà với ngọn cây, đàn bà trong nhà với gốc cây. – Tác dụng: + Làm cho lối diễn đạt thêm sinh động. + Giúp cho câu nói của bà Mặm trở nên gần gũi, bình dị, dễ hiểu: khẳng định vai trò của người phụ nữ trong gia đình là vô cùng quan trọng. + Cho thấy bà Mặm là một người rất sâu sắc và giỏi lo toan việc nhà, là điểm tựa cho các con, cháu.	1.0
	4	Đặc điểm của nhân vật bà cụ Mặm trong đoạn trích: – Sinh ra trong một gia đình nghèo nhưng được dạy bảo rất nghiêm. – Là một người luôn giữ lễ nghĩa đúng mực trong cách đối nhân xử thế. – Là người gánh vác các trọng trách và giữ gìn nền nếp, phúc đức gia đình. – Là một người sâu sắc, hiểu thế sự, là tấm gương để con cháu noi theo.	1.0
	5	– Từ câu chuyện của bà cụ Mặm, theo em, để giữ gìn được lối sống nền nếp trong gia đình, các thành viên cần phải làm những việc như: + Ông bà, bố mẹ phải quan tâm và làm gương cho con cháu. + Bố mẹ cần uốn nắn, dạy dỗ các con từ lúc bé.	1.0

		+ Con cháu cần nghe lời dạy bảo của ông bà, bố mẹ và cố gắng phấn đấu rèn luyện, noi gương tốt trong gia đình. + Vợ chồng phải biết yêu thương, bảo ban nhau.	
II		**VIẾT**	**6.0**
	1	**Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ), trình bày cảm nhận của em về chi tiết trong văn bản thuộc phần Đọc hiểu.**	***2.0***
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận Mở đoạn nêu được vấn đề, thân đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn khái quát được vấn đề.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: cảm nhận về chi tiết đã cho.	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các ý * HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần phân tích, đánh giá về chi tiếtt, lập luận chặt chẽ, thuyết phục, sử dụng dẫn chứng hợp lý. * Sau đây là một số gợi ý: – Dẫn dắt, giới thiệu tác giả tác phẩm, chi tiết. – Nội dung chi tiết: Chi tiết nằm ở phần cuối của truyện nói về việc nhân vật Nghĩa chia sẻ với nhân vật "tôi" về việc có thể dễ dàng kiếm được nhiều tiền vì nhưng lại không dám làm vì nó "không được đạo đức cho lắm" và "chưa thể bước qua cái đường vạch của bà nội" – một người có danh vọng và tiền bạc nhưng không đánh mất phẩm giá riêng. – Ý nghĩa: Chi tiết cho thấy: + Nghĩa là một người có khả năng linh hoạt trong công việc và là một người sống có đạo đức. Đạo đức ấy là Nghĩa đã noi theo gương của bà nội. + Thông qua lời của Nghĩa, ta không chỉ thấy niềm kính phục của Nghĩa dành cho bà nội mà còn hiểu thêm được vẻ đẹp của nhân vật cụ Mặm: một con người đức cao vọng trọng, luôn sống nghị lực, đạo đức và giáo dục con cháu lối sống đạo đức. + Chi tiết thể hiện sự khéo léo của tác giả khi vừa là gián tiếp vừa là khách quan để xây dựng hình tượng nhân vật cụ Mặm – hiện thân của những vẻ đẹp đáng quý. – Chi tiết ấy để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc.	1.0
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. ***Lưu ý:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.*	0.25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ; văn viết có cảm xúc.	0.25

	2	**Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ), trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của *sự chủ động* trong cuộc sống của mỗi người.**	***4.0***
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức bài văn	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Ý nghĩa của sự chủ động trong cuộc sống mỗi người.	0.25
		c. Triển khai vấn đề cần nghị luận: Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách. Có thể theo hướng sau: *** Mở bài:** Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề cần bàn luận (ý nghĩa của sự chủ động). *** Thân bài:** – Giải thích: sự chủ động là tinh thần hăng hái, tích cực, sẵn sàng trong lĩnh vực thuộc phạm vi của mình mà không phải đợi sự sai khiến hay tác động, chi phối của người khác. – Biểu hiện: chủ động nhắc các bạn làm nhiệm vụ học tập khi giáo viên phân công bài nhóm, đi học về sẵn sàng nấu cơm nếu như bố mẹ chưa về… – Ý nghĩa: + Tạo cho ta một tinh thần, một tâm thế thoải mái trong công việc và cuộc sống, giúp hiệu quả làm việc sẽ tốt hơn. + Giúp ta có thể có được sự tín nhiệm và học hỏi được nhiều hơn từ những người xung quanh là cơ sở để tự phát triển, hoàn thiện bản thân. + Giúp ta rèn luyện được bản lĩnh, khả năng xử lí tình huống để ứng phó trước những khó khăn. + Nếu không có sự chủ động, ta dễ bị loay hoay và gặp bế tắc trong mọi thứ. Nó khiến ta dễ bị bỏ lại so với sự tiến bộ và phát triển chung của mọi người. + … – Chứng minh: đưa ra các dẫn chứng tiêu biểu phù hợp…. – Bình luận: Sự chủ động không đồng nghĩa với việc điều gì cũng làm một cách vô tổ chức, vô kỉ luật hoặc gây ảnh hưởng, khó chịu cho người khác. – Phê phán những người thiếu chủ động, thiếu tích cực mà chỉ biết trông chờ, ỉ lại, dựa dẫm vào người khác hoặc chờ mong một phép nhiệm màu vô căn cứ nào đó. – Rút ra bài học cho bản thân và mọi người. *** Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa của sự chủ động.	3,0
		d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ,	0,25

		đặt câu.	
		TỔNG ĐIỂM:	**10.0**

ĐỀ 29

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Chẳng ai biết lai lịch của bà, chỉ biết tên bà là Diễm. Diễm là đẹp, là diễm lệ. Ngoài vẻ đẹp, còn mang vẻ sang. Có ai gọi một củ khoai là diễm lệ đâu. Hẳn bố mẹ xưa đặt tên cho con cũng thầm ao ước sao cho con vừa đẹp lại vừa khỏi lầm than. Nhưng trông bà cả một sự nhạo báng cái mong ước đó.

Dáng người bà Diễm bé loắt choắt, bộ mặt nhăn nheo, gầy sạm chỉ còn hai con mắt. Bà vừa đi vừa lắc lư cái lưng còng. Chiếc đòn gánh không bao giờ rời khỏi đôi vai còm cõi của bà. Nó bám chặt lấy bà như một thứ nghiệp chướng. Chiếc đòn gánh của bà cũng thật đặc biệt. Nó nhẵn bóng. Ngay cả những vết sẹo cũng đã nhẵn bóng và cũng khó đoán tuổi như chủ nhân của nó vậy. Nó đã tồn tại cùng bà không biết tự bao giờ. Nó được đẽo gọt từ một thân tre cong hằn dấu vết của những cơn gió táp và ra đời chỉ để đón đợi đôi vai còm cõi của bà Diễm mà thôi. Nó và chủ nhân của nó hợp thành một chỉnh thể của sự bất hạnh, hợp thành biểu tượng của một thân cây vừa mới ra đời đã bị gió mưa vùi dập. Cuối hai đầu đòn gánh là đôi thùng đầy nước lắc lư theo những bước chân không đều của bà Diễm và để lại những vệt nước rỏ ròng ròng như suối nước mắt cạnh đường đi. Những lúc đôi vai được rảnh rang, đôi môi bà lại lẩm nhẩm những câu không đầu không cuối. Bà đi và nói như người lẩn thẩn, nhưng những cử chỉ của bà vẫn chính xác một cách kỳ lạ. Đến máy nước bao giờ bà cũng đi sát mép đường bên phải và lặng lẽ đợi đến lượt mình, không xin xỏ, không tranh giành.

Những nhà có máu mặt trong khu này thuê bà gánh nước. Họ chẳng ưa gì bà. Họ săm soi xem thùng nước bà gánh về có trong không. Có đáng đồng tiền của họ bỏ ra không. Có người nghi ngờ, bắt bà tháo cả bể nước đầy ra gánh lại, lấy cớ là bà đã lấy nước bẩn vào bể của họ. Cũng có những người trả tiền sòng phẳng, hậu hĩ là khác nhưng họ đưa tiền cho bà rồi vội quay đi như chỉ sợ dềnh dàng bà nhỡ mồm bắt chuyện thì mất cả thì giờ và mất cả thể diện nữa. Con người ta thường hay chối bỏ quá khứ, nếu quá khứ đó là không vẻ vang. Người đời nay coi nó là bệnh "sĩ". Nếu như những năm sáu mươi của thế kỷ này người ta cố chứng minh rằng gốc gác của mình là bần cố nông thì trong những năm tám mươi người ta lại cố khoe rằng nhà mình giàu có ra sao, bịa cả những chuyện đài các rởm không biết ngượng mồm. Thôi thì cũng chẳng trách họ, âu cũng là do cách nhìn người của thời đại mà ra. Những bộ mặt đần độn trát bụi son phấn vênh váo, đầy kiêu hãnh giả tạo. Và trong cơn mơ đài các sang giàu của họ, bà Diễm chỉ là một kẻ làm thuê, một người gánh nước cho nhà họ. Một thời, chúng ta đã ghê tởm những từ "con ở", "đầy tớ", "gái điếm"... Nhưng giờ đây, những từ đó đã và đang lặng lẽ trở về nhắc nhở người ta rằng, chúng có mặt trên đời này.

Vậy là bà Diễm hệt như con gà trụi lông giữa đàn công sặc sỡ. Nhưng bà gắn bó với họ, đúng hơn là với bể nước nhà họ, vì chỉ có họ mới đủ sức thuê bà gánh nước. Còn đa số "người nhà nước" trong khu này chẳng ai đủ tiền để mà thuê, dù muốn

giúp bà. Cơm ăn chẳng đủ, lấy đâu ra tiền mà thuê gánh nước. Đành phải xếp hàng dài dằng dặc, hoặc thức đến hai ba giờ sáng để lấy mấy thùng nước.

Với đôi thùng gánh nước, cứ thế, bà Diễm đi trong đời như kẻ mộng du và rồi có lẽ với cung cách mộng du ấy bà sẽ lặng lẽ đi xuống mồ, như một hạt bụi tan biến vào không gian chẳng để lại một mảy may dấu vết.

(Trích *Người gánh nước thuê,* Võ Thị Hảo*, 20 truyện ngắn chọn lọc,* NXB Lao động, 2009, tr 291 – 293)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5:

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện trong đoạn trích.

Câu 2. Tìm những chi tiết miêu tả ngoại hình của nhân vật bà Diễm.

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp so sánh trong câu văn sau: **"***Cuối hai đầu đòn gánh là đôi thùng đầy nước lắc lư theo những bước chân không đều của bà Diễm và để lại những vệt nước rỏ ròng ròng như suối nước mắt cạnh đường đi."*

Câu 4. Nhận xét thái độ, tình cảm của nhà văn được thể hiện qua đoạn trích trên.

Câu 5. *"Con người ta thường hay chối bỏ quá khứ, nếu quá khứ đó là không vẻ vang. Người đời nay coi nó là bệnh "sĩ". Nếu như những năm sáu mươi của thế kỷ này người ta cố chứng minh rằng gốc gác của mình là bần cố nông thì trong những năm tám mươi người ta lại cố khoe rằng nhà mình giàu có ra sao, bịa cả những chuyện đài các rởm không biết ngượng mồm. Thôi thì cũng chẳng trách họ, âu cũng là do cách nhìn người của thời đại mà ra. Những bộ mặt đần độn trát bự son phấn vênh váo, đầy kiêu hãnh giả tạo".*

Từ lối sống của những người nhà giàu thuê bà Diễm gánh nước được nhà văn nói tới trong những câu văn trên, anh/chị có suy nghĩ gì về hậu quả của căn bệnh "sĩ" trong đời sống hiện nay?

PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) để làm nổi bật những nét đặc sắc về nghệ thuật trong đoạn thơ sau:

Xưa xóm nghèo mái rạ chen nhau
Gồ ghề lối hẹp
Hun hút bờ tre gió rét
Mưa dầm lầy lội bùn trơn
Bà lưng còng chống gậy bước run
Còm cõi vai gầy gánh nặng
Sương trắng mùa đông ngõ vắng
Quét hoài không hết lá khô…

(Trích *Những con đường,* Lưu Quang Vũ,*Thơ tình*, NXB Văn học, 2002)

Câu 2. (4.0 điểm)

Em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) với chủ đề: *Tôn trọng sự khác biệt.*

ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4,0**
	1	Ngôi kể thứ ba.	0,5

	2	Những chi tiết miêu tả ngoại hình của nhân vật bà Diễm: *Dáng người bà Diễm bé loắt choắt; bộ mặt nhăn nheo, gầy sạm chỉ còn hai con mắt; cái lưng còng; đôi vai còm cõi; đôi môi bà lẩm nhẩm những câu không đầu không cuối.*	0,5
	3	– Biện pháp sánh trong câu văn: *"những vệt nước rỏ ròng ròng" (* từ đôi thùng đầy nước) – *như – "suối nước mắt cạnh đường đi"* – Tác dụng: + Nhấn mạnh hình ảnh những vệt nước từ đôi thùng trên hai đầu đòn gánh của bà Diễm; càng nhấn mạnh hơn sự gắn bó "nghiệp chướng" giữa cuộc đời bất hạnh nhiều nỗi buồn, nước mắt của bà Diễm và chiếc đòn gánh. + Bộc lộ tấm lòng đồng cảm, xót xa của nhà văn với cuộc đời nhân vật. + Làm cho cách diễn đạt gây ấn tượng mạnh mẽ với người đọc, giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm.	1,0
	4	Thái độ, tình cảm của nhà văn được thể hiện qua đoạn trích: – Cảm thông, thương xót cho những kiếp người bé nhỏ, bất hạnh trong xã hội. – Ngầm phê phán những mặt trái trong đời sống văn hóa khi xã hội từng bước chuyển dịch theo nền kinh tế thị trường những năm tám mươi: những lối sống giả tạo, khoe mẽ, chạy theo cơn mơ đài các sang giàu mà chà đạp lên giá trị của tình người.	1,0
	5	– Lối sống của những người nhà giàu thuê bà Diễm gánh nước được nhà văn nói tới trong những câu văn trên: Họ chuộng hình thức bên ngoài, sống giả tạo, khoe mẽ, chạy theo vật chất giàu sang phù phiếm (0,5 điểm) – Suy nghĩ về hậu quả của căn bệnh "sĩ" trong đời sống hiện nay (0,5 điểm): + Căn bệnh "sĩ" có sự không đồng nhất giữa hình thức thể hiện bên ngoài và bản chất bên trong khiến mỗi cá nhân, tổ chức không hiểu rõ về thực lực của mình, tự mãn về thành tích, không có xu hướng vận động phát triển, làm cho chất lượng thực bị bỏ bê, xuống dốc. + Căn bệnh 'sĩ" nếu lan rộng sẽ làm xuống cấp hệ thống giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, khiến cho người ta mải chạy theo cái giả dối hào nhoáng bên ngoài mà chà đạp lên những gì là chân thật.	1,0
II		**VIẾT**	**6,0**
	1	**Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) để làm nổi bật những nét đặc sắc về nghệ thuật trong đoạn thơ trích**	***2,0***

		trong "Những con đường" (Lưu Quang Vũ).	
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn: Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Những nét đặc sắc về nghệ thuật trong đoạn thơ.	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: *Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: – Giới thiệu vấn đề nghị luận: Những nét đặc sắc về nghệ thuật trong đoạn thơ trích trong "Những con đường" (Lưu Quang Vũ). – Những đặc sắc về nghệ thuật của đoạn thơ: + Chủ thể trữ tình trong đoạn thơ: Chủ thể ẩn + Thể thơ tự do giúp khắc họa rõ nét, tinh tế tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình dành cho quê hương. + Từ ngữ giản dị, mộc mạc, chân chất mà gợi cảm với một loạt các từ láy tượng hình (*gồ ghề, hun hút, lầy lội, còm cõi*). + Hình ảnh thơ chân thực, sống động, thấm đẫm hồn quê (*mái rạ, lối hẹp, bờ tre, mưa dầm bùn trơn, bà lưng còng vai gầy gánh nặng, sương trắng mùa đông*). Các hình ảnh thơ gợi lên trong lòng người đọc một chốn quê nhà bình yên bao đời, gắn với những kiếp người mòn mỏi, tảo tần, lam lũ, với nhịp sống không đổi thay theo năm tháng. + Phép đảo ngữ trong các câu thơ nhấn mạnh những hình ảnh quê nhà trong tâm trí nhân vật trữ tình luôn thường trực, đầy ám ảnh: *Gồ ghề lối hẹp/ Hun hút bờ tre gió rét/ …Còm cõi vai gầy gánh nặng* + Giọng điệu trữ tình nhẹ nhàng, lắng sâu, chiêm nghiệm. – Đánh giá chung: + Những nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn thơ đã góp phần khắc họa khung cảnh làng quê yên bình vơi nhịp sống không đổi thay bao đời; thể hiện tình yêu và nỗi niềm của nhân vật trữ tình dành cho quê nhà. + Đoạn thơ phần nào thể hiện tài năng của ngòi bút Lưu Quang Vũ. * Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của đoạn văn.	0,5
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:	0,5

		– Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. – Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	
		đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ	0,25
	2	**Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) với chủ đề: *Tôn trọng sự khác biệt.***	***4,0***
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Tôn trọng sự khác biệt.	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: – Xác định được các ý chính của bài viết – Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận. * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: – Giải thích: + *Tôn trọng* là thái độ đánh giá cao, không vi phạm hay xúc phạm đối phương. + *Sự khác biệt* không chỉ là về ngôn ngữ, màu da, tôn giáo mà còn là sự khác nhau trong tính cách, nhận thức, ước mơ, cá tính ở mỗi con người; rộng hơn là sự khác biệt trong phong tục, tập quán, văn hóa của mỗi vùng miền, quốc gia, dân tộc. – Bàn luận: Vì sao cần phải tôn trọng sự khác biệt? + Mỗi người là một cá thể riêng biệt, có suy nghĩ, cách đánh giá, có cá tính riêng. Mỗi vùng miền, mỗi quốc gia, dân tộc có nét đặc sắc riêng về văn hóa. Sự khác biệt có thể làm cho cuộc sống phong phú, ý nghĩa hơn. Tôn trọng sự khác biệt là văn hóa ứng xử cần có của mỗi người, đặc biệt trong xã hội hiện đại ngày nay. + Tôn trọng sự khác biệt giúp con người hòa nhập với cuộc sống, gắn kết những mối quan hệ tốt đẹp. + Tôn trọng sự khác biệt giúp chúng ta có cái nhìn khách	1,0

		quan hơn về cuộc sống, học được cách lắng nghe, đồng cảm, từ đó hoàn thiện bản thân mình hơn. Người biết tôn trọng người khác sẽ được mọi người yêu quý và tôn trọng. + Tôn trọng sự khác biệt sẽ góp phần tạo ra một môi trường sống lành mạnh, tích cực, văn minh, thúc đẩy sự phát triển của mỗi cá nhân, xã hội. + Mở rộng vấn đề: Phê phán thái độ kì thị, phân biệt đối xử, thái độ và hành vi không đúng trước những sự khác biệt. Mặt khác cần thấy rằng sự khác biệt cần hướng đến phát huy giá trị của bản thân và đóng góp cho cộng đồng, thể hiện cá tính của bản thân chứ không phải sự lập dị, sống khác người. * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân: Mỗi người cần tôn trọng sự khác biệt của người khác; nỗ lực phấn đấu vươn lên để ghi dấu ấn của bản thân, cống hiến cho cộng đồng.	
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Đảm bảo cấu trúc: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. – Triển khai ít nhất được hai luận điểm để làm rõ vấn đề nghị luận. – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	1,5
		đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			**10,0**

ĐỀ 30

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

(Bối cảnh đoạn trích: Tường đi bộ đội hơn sáu năm không có tin tức gì. Hòa bình, anh may mắn còn sống trở về làng với gương mặt "đã chết" khó mà nhận ra. Tường về đến cây đa đầu làng Trọng Nhân thì trời đã mãn chiều. Anh tạt vào quán nước dưới gốc đa và hỏi thăm về tình hình gia đình mình sau bao năm xa cách).

Anh bỏ mũ cối xuống chõng tre hàng nước và tháo kính râm ra khỏi mắt. Cô bé ngước nhìn lên và giật mình. Tường thấy hai mắt cô bé mở to kinh ngạc. Bát nước chè xanh trên tay cô bé sóng sánh, tướt trên nắp hộp kẹo bột.

– Chú mời nước ạ!

Cô bé chớp chớp mắt. Cô đặt bát nước trước mặt Tường rồi rót thêm.

– Bà ơi có khách. Bà ra trông hộ cháu.

Cô gái đứng dậy cầm quyển sách vào trong rất nhanh. Tường chạnh lòng, tủi thân. Anh đưa tay sờ lên mặt: thô, ráp, xù xì. Đó là cảm giác của tay anh nhận được trên khuôn mặt đã chết.

– Chú bộ đội quê ở đâu ta? – Bà già còng lưng chậm rãi từ trong đi ra. Tường nhận ra bà Còm. Bà già nhiều và yếu, lưng còng hơn ngày anh ở nhà.

– Dạ! Cháu quê tận Nghệ An. Bà ở luôn đây à?

– Ấy! Trước bà ở trong làng, sáng đem ra bán, tối lại dọn về. Từ ngày thằng Cu Theo có giấy báo tử, bà yếu nhiều không dọn đi, dọn về được, nghỉ luôn ở đây. Đứa cháu lúc nãy đấy, tối ra học rồi ngủ chung với bà.

Lòng Tường chợt se lại. Thế là thằng Cu Theo cái thằng cùng đơm lờ để đó với anh thuở nhỏ đã hy sinh. Anh còn may hơn nó là ra khỏi chiến tranh, mang được tấm thân thương tật về nhà.

– Giời sắp tối rồi. Nếu còn xa cứ nghỉ lại quán của bà, sáng mai đi tiếp. Khổ thân các chú bộ đội vất vả.

– Cảm ơn bà! Cháu là bạn anh Tường làng Trọng Nhân đây bà ạ!

– Giời đất ơi! Quý hóa quá! Bom đạn đã ngừng năm sáu năm rồi. Làng này chết sáu, bảy chục. Đứa nào còn sống về cả rồi. Chỉ còn mỗi thằng Tường chẳng biết sống chết ra sao chưa thấy về mà cũng không có giấy báo tử. Chuyến này chú về là ông bà Tân mừng lắm.

– Dạo ni ông bà Tân có khỏe không bà. O Thương vợ anh Tường bây giờ ra răng ạ…? Anh hỏi liên tục.

– Ôi dào ơi! Già cả rồi! ì oặt luôn. Chú này, cái đám cô Thương ấy mà. Có khối đám đến dập dìu đấy. Ông bà Tân chỉ ưng gả con dâu cho anh giáo Mười thôi.

Lòng Tường thắt lại. Anh hoang mang. Tim anh đập loạn xạ. Phải về thôi! Về ngay nhà. Thương ơi! Tất cả hãy dừng lại. Anh đang về với em đây.

Tối chạng vạng.

Tường bước vội trên con đường lát gạch về làng Trọng Nhân. Hơn sáu năm đi xa, chắc bây giờ mẹ anh già lắm. Có già như bà Còm không. Anh đổi khác, mẹ anh có nhận ra không. Còn bố anh có còn đi làm thợ thùng đào, thùng đấu nữa không. Cái nghề ấy khổ lắm bố ơi. Và Thương nữa! Tường nhớ lại cây đa hai trăm tuổi đã nhiều lần chứng kiến tình yêu của anh. Ôi! Những giọt trăng lọt qua kẽ lá rơi xuống tóc, vai Thương. Mùi hương bưởi thoảng bay ra từ suối tóc mây. […]

Tường giật mình. Mải nghĩ, anh đã đi qua ngõ nhà mình mấy bước.[…]

Tường đứng trước ngõ. Nhà mình đây rồi. Tường reo to trong lòng. Ôi! Bao năm anh lặn lội khắp các nẻo chiến trường. Bao năm Tường sống trong nhớ nhung, khát khao, chờ đợi. Hình ảnh mẹ, vợ và cha lúc nào cũng đau đáu, khắc khoải trong tim. Giờ thì anh đã về đây. Về nơi đã sinh ra anh, nơi anh lớn lên và ra trận.

[…] Lòng anh rạo rực. Những bước chân rất nhẹ, lâng lâng. Gặp mẹ như thế nào nhỉ. Anh sẽ chạy nhanh đến ôm chầm lấy mẹ. Không! Anh sẽ hiu hiu nhắm mắt, hai tay

đưa về trước khi dò dẫm trong sân. Cũng không! Nhìn thấy, mẹ sẽ ngã mất. […] Còn bố nữa. Anh sẽ đứng nghiêm: "Thưa bác lực điền. Con đang đeo hai huân chương chiến công trở về. Tửu lượng của bác dạo này thế nào ạ?". Bố anh cười rạng rỡ: "Cha anh chứ! Mẹ và vợ anh hết nước mắt". Còn Thương nữa! Anh sẽ đeo ba lô đứng chờ bên cửa buồng. […] "Không! Trái tim của anh nhưng còn gương mặt…"

– Chị Thương! Có tắm thì ào đi còn ăn cơm. Bà ấy không về đâu.

Tường bừng tỉnh. Đúng là tiếng bố rồi.

– Thầy cứ uống rượu trước đi. U cũng bảo con vài hôm u mới về.

Tiếng nói của Thương vẫn như xưa, dịu dàng và đằm thắm.

– Bố rất quý cái nết anh giáo Mười. Anh giáo với con ở đây bố mẹ yên tâm lúc tuổi già. Anh giáo cũng giản dị, đã đi lính rồi nên dễ thông cảm.

Tai Tường ù đi. Chiến tranh. Xa cách. Mất mát. Chia ly và chiến thắng. Anh rùng mình nhớ lại: ánh mắt trố ra kinh ngạc của cô gái, lời bà Còm, tiếng kêu kinh ngạc của thằng bé, cái mặt ông ác, tiếng nói của cha. Lòng anh quặn lại. Ngôi nhà bỗng trở nên xa lạ…

Tường quay đầu, khoác ba lô đi ra đường. Tường vấp ngã. Anh luống cuống ngồi dậy. Nước mắt tự nhiên ứa ra. Anh cứ đi, bước thấp, bước cao, hẫng hụt…

(Trích Đêm làng Trọng Nhân, Sương Nguyệt Minh, NXB Quân đội nhân dân, 1998

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 :

Câu 1 (0.5điểm): Xác định ngôi kể trong đoạn trích?

Câu 2 (0.5 điểm): Nêu hoàn cảnh của nhân vật Tường khi trở về làng Trọng Nhân?

Câu 3 (1.0 điểm): Theo em , vì sao khi đã về đến cổng nhà mình, nhân vật Tường lại không vào nhà mà lại quay đầu bỏ đi?

Câu 4 (1.0 điểm): Em có nhận xét gì về số phận và tính cách của nhân vật Tường qua đoạn trích trên ?

Câu 5 (1.0 điểm): Từ số phận của người lính sau chiến tranh trong đoạn trích, em rút ra thông điệp ý nghĩa nào?

II.PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Em hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích ,đánh giá nhân vật Tường trong đoạn trích phần đọc hiểu?

Câu 2 (4.0 điểm)

Em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ về lối sống hết mình của tuổi trẻ.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4,0**
	1	Xác định ngôi kể trong văn bản: Ngôi thứ ba	0,5
	2	Hoàn cảnh của nhân vật Tường khi trở về làng Trọng Nhân:	0,5

		– Bản thân mang thương tích với gương mặt biến dạng khiến mọi người không thể nhận ra. – Bố mẹ và vợ anh không còn dám hi vọng anh sống sót trở về, đang có ý định se duyên cho vợ anh với một người khác.	
	3	Khi đã về đến cổng nhà mình, nhân vật Tường lại không vào nhà mà lại quay đầu bỏ đi vì: – Anh tự ti, mặc cảm với gương mặt "đã chết", "*thô, ráp, xù xì",* bị biến dạng đến không thể nhận ra của mình. – Anh không muốn sự xuất hiện của mình làm đảo lộn cuộc sống đang yên bình của gia đình, làm ảnh hưởng đến hạnh phúc của người vợ anh yêu thương.	1,0
	4	Nhận xét về số phận và tính cách của nhân vật Tường qua đoạn trích: – Số phận: chịu nhiều mất mát, bất hạnh bởi chiến tranh. – Tính cách: + Là người giàu tình yêu thương: luôn nhớ thương những người thân yêu, luôn cháy bỏng khát khao được trở về đoàn tụ với gia đình. + Là người vị tha: anh nén tình cảm của mình lại, muốn bỏ đi để giữ gìn sự bình yên và hạnh phúc của những người thân yêu.	1,0
	5	– Số phận của những người lính sau chiến tranh: Những người lính tuy giữ được tính mạng nhưng phải chịu đựng những mất mát về thể xác mà còn phải chịu những nỗi đau về tinh thần dai dẳng. – Thông điệp: HS có thể trả lời theo hướng sau: + Trân trọng, biết ơn sự hi sinh của những người lính vì độc lập, tự do của dân tộc. + Đồng cảm với những nỗi đau mà những người lính phải chịu đựng. + Trân trọng giá trị của hòa bình.	1,0
II		**VIẾT**	**6,0**
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích đánh giá nhân vật Tường trong đoạn trích phần đọc hiểu?	***2,0***
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn: Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Phân tích đánh giá nhân vật Tường trong đoạn trích phần đọc hiểu	0,25

		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: **– Giới thiệu vấn đề nghị luận:** Phân tích đánh giá nhân vật Tường **– Phân tích đánh giá nhân vật Tường:** **+ Số phận**: chịu nhiều mất mát, bất hạnh bởi chiến tranh. Tuy giữ được mạng sống trở về làng nhưng mang theo thương tích không thể xóa đi trên gương mặt: *"đi bộ đội hơn sáu năm không có tin tức gì, may mắn còn sống trở về làng với gương mặt "đã chết" khó mà nhận ra"* **+ Tính cách:** + Là người giàu tình yêu thương: luôn nhớ thương những người thân yêu, luôn cháy bỏng khát khao được trở về đoàn tụ với gia đình: *"Lòng Tường thắt lại. Anh hoang mang. Tim anh đập loạn xạ. Phải về thôi! Về ngay nhà. Thương ơi! Tất cả hãy dừng lại. Anh đang về với em đây. Nhà mình đây rồi. Tường reo to trong lòng. Ôi! Bao năm anh lặn lội khắp các nẻo chiến trường. Bao năm Tường sống trong nhớ nhung, khát khao, chờ đợi. Hình ảnh mẹ, vợ và cha lúc nào cũng đau đáu, khắc khoải trong tim. Lòng anh rạo rực. Những bước chân rất nhẹ, lâng lâng. Gặp mẹ như thế nào nhỉ. Anh sẽ chạy nhanh đến ôm chầm lấy mẹ"* + Là người vị tha: Do mặc cảm về hình hài của bản thân nên anh nén tình cảm của mình lại, muốn bỏ đi để giữ gìn sự bình yên và hạnh phúc của những người thân yêu: "*Tường quay đầu, khoác ba lô đi ra đường".* **-Đánh giá nghệ thuật** : xây dựng nhân vật qua hành động, lời nói, cử chỉ, miêu tả tâm lí nhân vật, đặt nhân vật vào tình huống để bộc lộ tính cách phẩm chất **-Thông điệp:** + Trân trọng, biết ơn sự hi sinh của những người lính vì độc lập, tự do của dân tộc. + Đồng cảm với những nỗi đau mà những người lính phải chịu đựng. + Trân trọng giá trị của hòa bình.	1,0
		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ	0,25
	2	**Em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến về lối sống hết mình trong tuổi trẻ.**	***4,0***
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	**0,25**

		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Suy nghĩ về lối sống hết mình trong tuổi trẻ.	**0,5**
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: *** Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.** *** Triển khai vấn đề nghị luận:** –**Giải thích**: Sống hết mình trong tuổi trẻ là sống một cách đầy nhiệt huyết, sống một cách lãnh liệt, rạng rỡ huy hoàng, ưa dấn thân, trải nghiệm trong những năm tháng thanh xuân của mỗi người. Sống hết mình là sống một cách có ý nghĩa nhất, tận hưởng và tận hiến đối với cuộc sống. Sống hết mình đồng nghĩa với việc cố gắng hết mình trong mọi khoảnh khắc. –**Phân tích-Chứng minh:** *Tại sao cần sống hết mình trong tuổi trẻ?* + Mỗi người chỉ sống có một lần, cho nên cần sống thật say mê, thật hết mình, để làm cho bản thân hạnh phúc và cống hiến hết sức cho xã hội. Có như vậy ta mới không uổng phí kiếp người. + Cuộc sống luôn có muôn vàn khó khăn, chông gai, thử thách, sống hết mình sẽ giúp ta đương đầu, có thêm niềm tin, sức mạnh để vượt qua, vươn lên, hướng tới những gì tươi sáng nhất. + Sống hết mình, đầy nhiệt huyết sẽ giúp khơi dậy những khả năng vốn ngủ say trong ta, phát huy hết sức mạnh nội tại, tiềm ẩn, giúp ta trở thành một con người ưu tú. + Sống hết mình sẽ giúp truyền cảm hứng cho những người khác, khiến họ cũng trở nên yêu cuộc đời hơn. + Nếu mỗi người đều biết cách tỏa sáng, sống và cống hiến hết mình thì xã hội sẽ phát triển, tiến bộ nhanh chóng. *–HS đưa ra dẫn chứng chứng minh: dẫn chứng tiêu biểu, có sức lan tỏa đến mọi người.* **– Bàn luận mở rộng vấn đề:** + Bên cạnh những người đã cháy hết mình trong tuổi trẻ thì có không ít bạn trẻ để thanh xuân của mình trôi qua vô vị, luôn sợ sai, không dám sống thật với những mong ước của bản thân, để rồi sau này phải thốt lên hai chữ "giá như". + Sống hết mình trong tuổi trẻ là theo đuổi những giá trị chân chính, đem lại lợi ích cho bản thân ta và cộng đồng; đối lập với lối sống hưởng thụ hay ăn chơi sa đọa của một bộ phận giới trẻ ngày nay. **-Bài học nhận thức và hành động:** + Việc chọn cho bản thân mình một cách sống phù hợp trong những năm tháng tuổi trẻ thực sự rất cần thiết. Lối sống hết mình, nhiệt huyết sẽ giúp cho chúng ta có những hướng đi đúng đắn để sống một cách trọn vẹn nhất, khiến cuộc sống của ta có ý nghĩa	**2,5** 0,5 0,25 1,0 0,5

		hơn mỗi ngày. + Cần đặt mục tiêu, hoài bão cho bản thân thật sớm để nỗ lực theo đuổi từng ngày. + Mỗi chúng ta hãy luôn coi mỗi ngày là một cơ hội để khám phá cuộc sống và cuộc sống là cả một hành trình không phải đích đến. Để từ đó ta sẽ có tâm thế đón nhận những thất bại, khó khăn bất cứ lúc nào mà không dễ dàng gục ngã hay từ bỏ. + Cần rèn luyện cho bản thân sự bình tĩnh, lòng kiên nhận, sự dũng cảm để dám dấn thân, dám đương đầu với mọi thử thách trong tuổi trẻ để tuổi trẻ trôi qua không hề nhạt nhẽo, vô vị. + Luôn xây dựng và duy trì những mối quan hệ với bạn bè, người thân để có thể chia sẻ và nhận sự hỗ trợ của họ bất cứ lúc nào khi ta cần. **Lưu ý:** HS có thể trình bày suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật	0,25
		– Đảm bảo cấu trúc: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. – Triển khai ít nhất được hai luận điểm để làm rõ vấn đề nghị luận. – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. -Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	**0,25**
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	**0,5**
Tổng điểm			**10,0**

ĐỀ 31.

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau:

"...Sắp đặt đời mình đâu chỉ tự mình thôi
Gặp cầu phải qua gặp sông phải lội
Vẫn còn nhiều nẻo đường trên mặt đất này chưa có lối
Mà cái đích mỏng manh lại tấp tểnh tận đâu rồi
Mẹ dặn con ra đường nhìn thẳng
Nhưng đừng quên ngoái lại phía sau
Nhìn thẳng để tới nhanh
Ngoái lại đằng sau để không về muộn
Gắng nhớ những gì cần nhớ
Và chớ phung phí thời gian vào những cái phải quên

Nghĩ suy nên cứng cáp
Nói năng lại phải mềm
Quá khứ không toàn là kỷ niệm
Quá khứ có lúc còn buốt óc
Quá khứ lộ thiên
Có đá có vàng
Có cả những báu vật rồi ngày mai ai may thì sẽ thấy
Có cả những màu mây chưa từng đến với trời
Có cả đống bão giông đang tích điện đợi ngày dâng hồng thuỷ
Và có cả gương mặt của chính mình sẽ mọc lại với mùa sau
Nếu ai quên quá khứ của mình
Một mai thôi
Như dòng sông tắt nước."

(Trích "***Bóng đa làng"***, tập thơ "*Trầm tích*", Hoàng Trần Cương, NXB Hội Nhà văn, 1996)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra những điều mẹ dặn được nêu trong bài thơ.

Câu 3. Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong các câu thơ:

Nếu ai quên quá khứ của mình
Một mai thôi
Như dòng sông tắt nước."

Câu 4. Em hiểu như thế nào về cách ứng xử của con người trong cuộc sống được thể hiện qua hai câu thơ:

Nghĩ suy nên cứng cáp
Nói năng lại phải mềm

Câu 5. Em có đồng tình với quan điểm của tác giả trong câu thơ "*Sắp đặt đời mình đâu chỉ tự mình thôi"* không? Vì sao?

VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm): Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích đặc sắc trong nghệ thuật trần thuật (lời kể chuyện, điểm nhìn, ngôi kể) của trích đoạn sau:

Một bận, đến hai ngày liền tôi không thấy anh thợ của tôi làm việc. Cái quán cắt tóc bỏ vắng hai ngày liền. Sáng ngày thứ ba vẫn thế. Và lại thấy một người đàn bà ra dọn dẹp, chứ không phải bà cụ già lòa như mọi ngày. Tôi chạy sang. Chiếc ghế cắt tóc không còn nữa. Chỉ còn chiếc gương và mấy cái chai lọ. Người đàn bà hỏi tôi:

– Bác đến cắt tóc?

– Vâng.

– Nhà em mấy hôm nay đang dọn cái chỗ làm mới ở phố ngoài kia. Ngày mai xong. Xin mời bác đến.

Vợ anh có vẻ trạc tuổi gần ba mươi. Một khuôn mặt đàn bà hiền lành. Chị vừa nói vừa bóc tấm tranh của tôi ra. Tôi gợi chuyện.

– Bức tranh đẹp đấy chứ, chị nhỉ?

Người đàn bà hơi đỏ mặt, cuốn tấm tranh lại một cách cẩn thận. Lâu sau mới đáp:

– Anh nhà tôi bảo: Anh bộ đội trong tờ tranh này chính là người ta vẽ anh ấy. Hồi anh ấy còn ở bộ đội trong B. Cho nên mới mua về treo.

– Anh ấy nói với chị thế?

– Vâng.

– Hôm trước tôi đến cắt tóc ở đây có thấy một bà cụ…

– Là mẹ anh nhà tôi. Thế ra bác là khách quen?

– Vâng. Bà cụ bị tật lâu chưa?

– Thưa đã lâu. Đã chín năm nay.

– Vì sao?

– Bà cụ lòa đi cũng vì anh nhà tôi. Ngày đó bỗng nhiên có tin ra nhà tôi hy sinh. Bà cụ đâm ốm. Anh ấy là con một. Bà cụ nhớ anh ấy, nửa đêm cũng trở dậy đi lang thang. Cứ khóc hoài…

– Bà cụ lòa từ năm nào, chị biết không?

– Từ 69.

– Từ tháng mấy?

– Tôi cũng không nhớ thật rõ, có lẽ khoảng giữa năm.

Tôi ra đến Hà Nội vào đầu tháng ba năm ấy. Nếu tôi là một người tử tế ra thì không khéo bà cụ không bị lòa, không những thế mà tôi còn có thể làm cho bà cụ khỏe ra! Chính tôi đã làm cho bà mẹ anh trở thành mù lòa?

[…] Tôi quyết định phải trở lại cái quán kia. Tôi quyết định phải chường cái mặt mình ra, chứ không được lẩn tránh. Tôi không cho phép tôi chạy trốn. Bà cụ lại ngước mắt lên nhìn tôi như lần trước khuôn mặt đờ đẫn và hoan hỉ:

– Thưa ông đến cắt tóc?

– Vâng ạ!

Anh thợ cắt tóc nghe mẹ lên tiếng mới quay người lại. Tôi vừa kịp nhận ra được từ nơi cặp mắt vẫn còn trẻ của anh chiếu thẳng về phía tôi một cái nhìn ban đầu soi mói, ngạc nhiên, rồi hơi nghiêm mặt lại. Nhưng những diễn biến phản ứng trên cái mặt người thợ chỉ diễn ra nhanh như một cái chớp mắt. Ngay sau đó anh lại trở lại cái vẻ mặt và cử chỉ từ tốn, điềm đạm, ân cần của một người thợ cắt tóc đứng đắn và yêu nghề.

Da mặt tôi tự nhiên dày cộm lên.

– Mời bác ngồi!

Tôi cố trấn tĩnh để khỏi run lập cập, bước tới ngồi vào cái ghế gỗ như một cái ghế tra điện.

– Bác vẫn cắt như cũ?

– Vâng.

…

Gần nửa năm, tôi đã để vào bức tranh sơn mài tất cả công sức và sự suy nghĩ, và trong suốt thời gian ấy, một đôi lần tôi cũng gợi lại chuyện cũ nhưng người thợ vẫn một mực cố tỏ ra chưa hề bao giờ quen biết tôi. Trở về làm một anh thợ cắt tóc cũng như lúc ở bộ đội, anh vẫn lẳng lặng sống như vậy để cho người chung quanh tự phán xét lấy những công việc đã làm. Lời đề nghị rụt rè của anh: Xin mọi người hãy tạm ngừng một phút cái nhịp sống bận bịu, chen lấn, để tự suy nghĩ về chính mình.

(Trích truyện ngắn *Bức tranh*, Nguyễn Minh Châu, tập *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành,* 1983)

Chú thích: Nguyễn Minh Châu (20 tháng 10 năm 1930 – 23 tháng 1 năm 1989), tên thật là **Nguyễn Thí**, là một nhà văn có ảnh hưởng quan trọng đối với văn học Việt Nam trong giai đoạn chiến tranh Việt Nam và thời kỳ đầu của Đổi mới. Ông là một trong những cây bút văn xuôi tiêu biểu của nền văn học Việt Nam 1954 – 1975.

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của em về sự cần thiết phải biết trân trọng quá khứ.

ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4,0**
	1	Thể thơ tự do.	0,5
	2	Những điều mẹ dặn được nêu trong bài thơ: – *Ra đường nhìn thẳng* để tới nhanh*, ngoái lại phía sau* để không về muộn; – *Nhớ những gì cần nhớ; chớ phung phí thời gian vào những cái phải quên;* – *Nghĩ suy nên cứng cáp; Nói năng lại phải mềm.* – Không được quên quá khứ.	0,5
	3	Hiệu quả của phép tu từ – So sánh những người lãng quên quá khứ với "dòng sông tắt nước". (0,25 điểm) – Hiệu quả: + Làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho lời thơ; (0,25 điểm) + Nhấn mạnh/ làm nổi bật kết cục tất yếu với những ai thờ ơ, lãng quên quá khứ, nguồn cội chính là đã hủy hoại đi ý nghĩa tồn tại của đời mình, hủy diệt chính mình; (0,25 điểm) + Là lời cảnh báo, nhắc nhở để mỗi người trân quý quá khứ, cội nguồn. (0,25 điểm)	1,0
	4	– Cách ứng xử của con người trong cuộc sống được thể hiện trong hai câu thơ: *Nghĩ suy nên cứng cáp/ Nói năng lại phải mềm"* + Suy nghĩ cứng cáp và có lập trường vững vàng cho bản thân. + Lời nói lại không được cứng rắn mà phải lựa lời, mềm dẻo. – Đây mới chính là cách ứng xử linh hoạt trong giao tiếp và xử lý các mối quan hệ.	1,0
	5	Anh/Chị có đồng tình với quan điểm của tác giả trong câu thơ "*Sắp đặt đời mình đâu chỉ tự mình thôi"* không? Vì sao? *** Học sinh nêu quan điểm**: đồng tình/ không đồng tình/ ý kiến khác	1,0

		*** Lý giải thuyết phục**, dưới đây là một hướng – **Nếu đồng tình:** + Kiến tạo nên cuộc đời của mỗi người là sự chi phối, ảnh hưởng từ vô vàn yếu tố: gia đình, môi trường, xã hội, thời đại, quá khứ – hiện tại – tương lai, may mắn, thất bại,… + Tự mình – tự lập, tự chủ,… là điều vô cùng cần thiết song vẫn là yếu tố chủ quan, nhiều khi không thể vượt qua/ chiến thắng nhưng trở lực lớn trong cuộc đời, không đủ tiềm lực để tạo nên phiên bản đời mình tốt nhất. + Có thêm nhiều trợ giúp, sự sắp đặt đời mình sẽ nhanh hơn, đi xa hơn và hiệu quả hơn… **– Nếu không đồng tình**: Trả lời theo hướng phản biện lại vấn đề + Có nhiều yếu tố khách quan ảnh hưởng, tác động đến sự sắp đặt cuộc đời mỗi cá nhân. Nhưng yếu tố mang tính quyết định lại đặc biệt thuộc về bản thân con người, yếu tố tự mình. + Bản thân mình hiểu rõ năng lực, sở trường, sở đoản; nếu có va vấp thất bại, tự mình đứng lên mới có thể kiến tạo lại những giá trị tốt nhất cho cuộc đời mình. – **Ý kiến khác**: có thể kết hợp lý lẽ của hai quan điểm đã nêu.	
II		**VIẾT**	**6,0**
	1	Viết 01 đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích đặc sắc trong nghệ thuật trần thuật (lời kể chuyện, điểm nhìn, ngôi kể) của trích đoạn truyện ngắn *Bức tranh* (Nguyễn Minh Châu).	***2,0***
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn: Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Đặc sắc trong nghệ thuật trần thuật (lời kể chuyện, điểm nhìn, ngôi kể) của trích đoạn truyện ngắn *Bức tranh* (Nguyễn Minh Châu).	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: * Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: – Giới thiệu vấn đề nghị luận: Nguyễn Minh Châu đã thành công trong việc sử dụng nghệ thuật trần thuật của đoạn trích	0,5

		truyện "Bức tranh". – Phân tích điểm nhìn nghệ thuật trong đoạn trích. Có thể như sau: + Ngôi kể: Ngội thứ nhất – xưng "tôi". + Lời kể chuyện và lời nhân vật trong truyện có điều đặc biệt: Người kể chuyện cũng chính là nhân vật tôi. Bên cạnh những đoạn đối thoại giữa nhân vật tôi với anh thợ cắt tóc và vợ anh thợ cắt tóc còn là những đoạn tưởng tượng ra lời đối thoại có phần trách móc của anh thợ cắt tóc với chính mình à Cho thấy được sự dằn vặt trong tâm trí người nghệ sĩ khi biết có thể bản thân chính là nguyên nhân khiến mẹ anh thợ cắt tóc bị mù. + Điểm nhìn từ nhân vật tôi và điểm nhìn xây dựng từ bên trong. Nhân vật tôi là người trực tiếp tham gia câu chuyện, có ảnh hưởng tới các nhân vật khác, vì vậy việc đẩy điểm nhìn từ phía nhân tôi sẽ giúp cho câu chuyện trở nên chân thật và theo mạch cảm xúc của nhân tôi. Đồng thời, xây dựng điểm nhìn từ bên trong cho thấy được những cảm xúc day dứt, dằn vặt, dày vò khôn xiết của nhân vật tôi, những đoạn chiêm nghiệm về triết lí cuộc đời hay những cuộc đối thoại giữa mình và anh thợ cắt tóc khiến cho nhân vật tôi cảm thấy hoang mang, e ngại và lo sợ. – Nghệ thuật trần thuật đã góp phần làm nổi bật tư tưởng chủ đề của tác phẩm: Đề cao sự chính trực, đạo đức của con người. Nghệ thuật phải sinh ra trong đạo đức và duy trì đạo đức để làm nghệ thuật. * Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của đoạn văn.	
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: Đặc sắc trong nghệ thuật trần thuật (lời kể chuyện, điểm nhìn, ngôi kể) của trích đoạn truyện ngắn *Bức tranh* (Nguyễn Minh Châu). – Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	0,5
		đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của	***4,0***

		anh/chị về sự cần thiết phải biết trân trọng quá khứ.	
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Sự cần thiết phải biết trân trọng quá khứ.	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: – Xác định được các ý chính của bài viết – Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận. * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: **– Giải thích:** Quá khứ là một thuật ngữ thường dùng để chỉ tất cả các sự kiện xảy ra trước một mốc thời gian cho trước. Khái niệm về quá khứ bắt nguồn từ việc con người nhận thức tính tuyến tính của thời gian, quá khứ được xem xét thông qua trí nhớ và hồi tưởng. Sau khi phát minh ra ngôn ngữ, con người đã bắt đầu việc lưu trữ quá khứ. **– Bàn luận:** + Trân trọng quá khứ cần thiết với mọi người bởi đó là một phần tất yếu của hành trình sự sống, là một phần đời của mỗi người; + Trân trọng quá khứ để mỗi người biết hướng về tổ tiên, trân quý cội nguồn; kế thừa và phát huy thành quả của người đi trước; rút kinh nghiệm/ bài học từ sai lầm, thất bại hay những thành công trong quá khứ; để biết yêu hiện tại vì hiện tại sẽ trở thành quá khứ trong tương lai gần; để biết vun đắp xây tương lai tươi đẹp hơn. + Mỗi cá nhân biết coi trọng quá khứ góp phần lan tỏa đạo lý sống đẹp, xây dựng xã hội nhân ái, văn minh. **– Lấy dẫn chứng làm nổi bật vấn đề.** **– Mở rộng** + Nâng niu, trân trọng quá khứ là một lối sống đẹp, thể hiện đạo lí "uống nước nhớ nguồn", "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây". Thế mà hiện nay vẫn còn nhiều người quay lưng lại với quá khứ, phủ nhận, phỉ báng quá khứ. Đó là những hành động đáng bị lên án và sẽ phải trả giá vì "Nếu anh bắn vào quá khứ bằng súng lục thì tương lai sẽ bắn vào anh bằng đại bác" + Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng ôm lấy quá khứ, ăn mày quá khứ mãi như vậy. Hãy quên đi những gì không tốt đẹp của quá khứ sống cho hôm nay của hiện tại và nghĩ về	1,0

		tương lai nhiều hơn với những suy nghĩ tích cực và tràn đầy năng lượng nhiệt huyết của ngày tháng tuổi trẻ. **– Bài học nhận thức và hành động:** Biết nâng niu, gìn giữ quá khứ, cuộc sống sẽ mỉm cười với ta hơn. Ngược lại, chà đạp, vấy bẩn quá khứ để sống sẽ dẫn đến những bài học để đời. * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân.	
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Triển khai ít nhất được hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. ***Lưu ý:*** *HS có thể trình bày suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.*	1,5
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			**10,0**

ĐỀ 32.

I. ĐỌC HIỂU: (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CHA CHỞ CON ĐI HỌC

Suốt thời con học mẫu giáo, chỉ có một lần ba không phải là người đến sớm nhất. Phố đang mưa, ba chạy nhanh quá, không tránh kịp chiếc xe tải bất ngờ quẹo cua, đành thắng gấp. Chiếc Cub lết đi mấy chục mét, ba ngã nằm dưới gầm xe tải. May mà thoát chết! Lồm cồm bật dậy, chạy đến trường, hối hả ẵm con, hối hả xin lỗi. Con làm thinh, nhìn mãi mặt ba, lâu lắm, chợt nói: "Ba ơi, sao trán ba có máu?".

Năm con vào tiểu học, đường đến trường xa hơn. Ba vẫn chở con trên chiếc Cub cũ mèm. Buổi sáng, hễ chia tay nhau ngoài cổng trường là con nhắc: "Ba ơi! Ba cứ đứng đây nghen, ba! Khi nào con vô lớp rồi ba hãy về nghen, ba!". "Ừ! Ba sẽ đứng đây! Đừng lo!".

Con đi qua sân, đến tận hành lang phòng học vẫn quay ra, dáo dác ngó, xem ba có còn đứng đó hay không. Ba đứng nhìn cái lưng nhỏ xíu của con lẫn trong đám học trò, giơ tay thật cao cho con thấy, đợi đến khi con vào lớp mới chạy vội cho kịp giờ dạy.

(...)Năm con vào cấp II, trường xa thêm chút nữa. Chiếc Cub cà tàng giờ uống xăng như uống nước, tuần nào cũng phải đem đến tiệm sửa hai, ba lần, nên ba và con phải thức sớm, dẫn xe ra hẻm, đạp cho nó nổ máy, phun khói đen mù mịt một lúc mới chịu chạy êm. Ba không còn đón con sớm nhất nữa mà có khi trễ, rất trễ vì thỉnh thoảng xe xì vỏ, nghẹt xăng…

Một lần, mưa rất to, phố xá chìm trong nước. Xe ướt bugi, chết máy. Ba xuống xe, dặn: "Con cứ mặc áo mưa, ngồi trên xe để ba dẫn qua chỗ ngập!". Ba lội bì bõm trong nước, đẩy xe len trong dòng người cũng đang vật vã với cảnh nước ngập đến đùi. Bỗng thấy chiếc xe nhẹ hơn, quay lại, thấy con đã cởi áo mưa, nhảy xuống từ lúc nào, cắn răng đẩy tiếp. Ba và con về đến nhà ướt mem, vậy mà vẫn nhìn nhau cười.

Năm con vào cấp III, trường xa lắm, mỗi ngày hai lượt đi, về hơn hai mươi cây số. Chiếc Cub đã bán cho đồng nát. Ba mua chiếc Dream mới, không còn sợ cảnh chết máy dọc đường. Con ngồi phía sau, nói đủ chuyện trên đời: chuyện nhà, chuyện trường, chuyện thầy cô, bè bạn… Có khi xe đã đến cổng trường mà chuyện còn chưa dứt. Trong tiếng mưa, tiếng còi chói tai, tiếng máy xe gầm rú, tiếng cãi vã, hò hét xô bồ giữa đám khói bụi, giữa những ngã tư, ngã năm ùn ứ người và xe giờ cao điểm, ba vẫn nghe rất rõ tiếng con liến thoắng, vì tiếng nói đó ở ngay sau lưng ba.

Ngày con thi đại học, ba chở con đến trường rất sớm rồi chờ ngoài cổng, chen chúc trong nhóm cha mẹ cũng ngồi chờ con, hết đứng lại ngồi. Gặp vài học sinh nộp bài ra sớm, cả nhóm nhao nhao bu lại hỏi: "Ra tác phẩm gì, con?", "Đề khó không, con?"...Ba chạy mua một ly nước mía, đợi con ra khỏi cổng trường là vội vã đưa: "Uống đi con! Cho khỏe rồi về! Làm bài được không, con?".Con cầm ly nước mía, ngó ba, chớp mắt mấy cái như bối rối: "Chắc không tệ ba à!".

"Đâu, đưa đề ba coi!". Con cười, lấy đề đưa cho ba. Ba cắm cúi đọc, toàn số và hình, công thức và đồ thị, chẳng biết ất giáp gì. Nhưng thôi, cứ lướt qua cho yên tâm.

Con đi học xa, vậy mà thỉnh thoảng, trong giấc ngủ, ba vẫn hay choàng tỉnh, hoảng hốt vì hình như đã thức dậy trễ giờ đưa con đi học. Biết rằng ở thành phố, chiếc xe là phương tiện tối hậu, nếu không con phải thức sớm, đi bộ cả quãng đường ba cây số từ ký túc xá đến lớp mới kịp giờ, nhưng cứ dụ dự mãi vì lo tình hình giao thông phức tạp, lỡ có bề nào. Cuối cùng, đành bấm bụng đem chiếc Dream lên Sài Gòn cho con đỡ chân…

Con ra trường rồi ở lại Sài Gòn làm việc. Ba đi thăm con, đang chờ ngoài cổng bến xe Miền Tây thì nghe con gọi. Con chạy chiếc Dream ba cho, trờ tới, với tay xách túi đồ, nói: "Lên xe đi ba! Con chở ba về". Ba ngồi sau lưng con, đi qua chằng chịt phố xá, xe chen xe, người chen người, hoa cả mắt.

Con luôn miệng giải thích: "Ở đây người ta chạy nhanh lắm, không giống ở quê mình!", "Chỗ này có quán ăn miền Tây nè ba!", "Mình vừa qua Đầm Sen đó ba"... Ba làm thinh nghe con nói, tiếng nói không còn vang lên từ phía sau mà từ phía trước. Hết nghe rồi lại nhìn! Ba nhìn tấm lưng dài và rộng của chàng trai trẻ, rưng rưng nhớ cái lưng nhỏ xíu của con ngày mới vào tiểu học.

Rồi ba nhìn con đường trước mặt, dài thăm thẳm, lóa nắng, ngập khói bụi, ken đặc xe cộ, nửa ngao ngán, nửa thắc thỏm, tưởng tượng những sáng, những chiều, những tuần… con từ nhà đến chỗ làm rồi từ chỗ làm về nhà trên chiếc Dream đã rệu rã.

– Ráng làm có tiền đổi xe mới đi, con! Chiếc này tệ lắm rồi!

– Còn chạy tốt mà ba! Con ráng o bế nó, để dành chở cháu nội ba đi học!

Ba cười cười, mắng con: "Thằng cha mày!"

(Nguyễn Kim Châu,https://www.truyenngan.com.vn/truyen-ngan/truyen-ngan-gia-dinh/47177-ba-cho-con-di-hoc.html)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 ***(1.0 điểm):*** Trong câu chuyện, lời kể chuyện là lời của ai? Ngôi kể thứ mấy?

Câu 2 ***(0.5 điểm):*** Câu chuyện được tác giả kể theo trật tự thời gian nào?

Câu 3 ***(0.75 điểm):*** Những chi tiết nào thể hiện rõ nhất tình cảm của người Ba dành cho con trai mình từ khi con còn bé đến trước khi con lên Sài Gòn học đại học?

Câu 4 ***(0.75 điểm):*** Sau khi hỏi thăm con lúc con vừa ra khỏi trường thi đại học, người Ba lại cầm lấy đề thi của con đọc dù không biết ất giáp gì. Theo anh/chị hành động đó thể hiện những tâm trạng gì của người Ba?

Câu 5 ***(1.0 điểm):*** Qua câu chuyện trên anh/chị đánh giá nhân vật người Ba như thế nào? Căn cứ vào đâu để anh/chị nhận xét như thế?

Câu 6 ***(0.5 điểm):*** Theo em, chủ đề của câu chuyện là gì? Từ đó cho thấy tác giả quan niệm như thế nào về mối quan hệ cha con?

Câu 7 ***(1.0 điểm):*** Từ câu chuyện trên, em rút ra được những bài học gì cho bản thân?

Câu 8 ***(0.5 điểm):*** Theo em, câu chuyện trên tác động như thế nào đến giới trẻ ngày nay?

II.VIẾT (4.0 điểm)

Trong những năm gần đây, "Ngày của Cha" (một ngày tôn vinh người Cha có nguồn gốc phương Tây) đang dần được giới trẻ Việt Nam hưởng ứng ngày càng rộng rãi. Để chuẩn bị cho "Ngày của Cha" năm nay, ngày Chủ nhật, 16/6/2024, Câu lạc bộ SỐNG YÊU THƯƠNG của trường ta tổ chức tuyển thành viên cho sự kiện lan tỏa yêu thương này. Em hãy viết một bài văn giới thiệu về bản thân để ứng tuyển làm thành viên của Ban tổ chức sự kiện trên**.**

Đáp án và Hướng dẫn chấm

Phần	**Câu**	**Nội dung**	**Điểm**
I	**ĐỌC HIỂU**		**6.0**
	1	– Lời kể của người Ba – Ngôi kể thứ nhất	1.0
	2	Câu chuyện được tác giả kể theo trật tự *lớn lên, trưởng thành của con: Mẫu giáo – Tiểu học – Cấp II – Cấp III – Đại học – Đi làm*	0.5
	3	Những chi tiết thể hiện rõ nhất tình cảm của Ba dành cho con	0.75

		trai mình từ khi con còn bé đến trước khi con lên Sài Gòn học đại học: – Hồi Mẫu giáo: luôn là người đón con sớm nhất, có lần vội đón con đến nỗi bị tai nạn xe xuýt chết. – Tiểu học: Luôn đứng cổng trường, vẫy tay cho con thấy cho đến khi con vào lớp học mới thôi. – Cấp II: một lần trời mưa ngập phố, ba bảo con mặc áo mưa, ngồi trên xe để ba đẩy đi. – Cấp III: lắng nghe tất cả những câu chuyện con kể vang lên sau lưng ba, chầu chực ngoài cổng trường thi đại học của con	
	4	Hành động đó thể hiện những tâm trạng gì của người ba? – Đọc để yên tâm rằng mình đã nhìn thấy đề thi của con – Thể hiện sự âu lo của ba sợ con mình không làm bài tốt, sợ con không đỗ đại học sẽ ảnh hưởng đến tương lai của con.	0.75
	5	– Nhân vật người Ba là một người cha giàu lòng thương con, luôn lo nghĩ cho con. – Căn cứ: + Luôn dõi theo từng bước đường đời của con: nhớ như in từng hình ảnh, kỉ niệm gắn với từng mốc đường đời của con. + Ba luôn quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho con: lo con phải chờ ba nếu ba rước trễ, đứng nơi cổng trường cho con an lòng, lo con phải lội qua đường ngập nước, sợ con thi rớt đại học, sợ con mỏi chân, muộn giờ nên vượt qua nỗi lo xe cộ, đưa con chiếc xe Dream đi học …	1.0
	6	– Chủ đề: Sự yêu thương, chăm sóc của người cha đối với con (thuộc đề tài Gia đình). – Quan niệm của tác giả: Cha luôn yêu thương, lo nghĩ, dõi theo và lưu giữ những dấu yêu trong từng chặng đường đời của con cho dù con đã khôn lớn bao nhiêu đi nữa.	0.5
	7	Những bài học cho bản thân: Học sinh có thể trình bày theo quan điểm cá nhân miễn hợp lý, thuyết phục. Sau đây là gợi ý: – Nhận thức: Cùng với Mẹ, Cha luôn là người yêu thương, lo nghĩ, hy sinh cho chúng ta suốt cả cuộc đời. – Hành động: Hãy làm tròn đạo hiếu của người con: yêu thương, quan tâm chăm sóc Cha khi còn có thể	1.0
	8	Tác động của câu chuyện đến giới trẻ ngày nay: Học sinh có thể trình bày theo quan điểm cá nhân miễn hợp lý, thuyết phục. sau đây là gợi ý: – Bồi đắp thêm tình yêu thương, gắn bó gia đình hơn trong thực trạng ngày càng xa cách thế hệ của mối qua hệ tình thân này. – Giới trẻ tự nhìn lại chính mình, tự kiểm điểm, tự điều chỉnh thái độ, lời nói, hành vi để sống sao cho xứng với tình yêu	0.5

		thương của ba, của mẹ.	
Lưu ý: Ở phần Đọc hiểu, Học sinh có thể diễn đạt theo cách riêng nhưng hợp lý, thuyết phục vẫn cho điểm tối đa ở mỗi câu.			
II	**VIẾT**		**4.0**
	a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức bài văn Học sinh trình bày bài văn theo bố cục kiểu bài văn viết luận về bản thân được phân thành 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.		0.25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Viết luận về bản thân để ứng tuyển làm thành viên Ban tổ chức sự kiện NGÀY CỦA CHA.		0.5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được các lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. Có thể theo các gợi ý sau: – Giới thiệu khái quát những đặc điểm tiêu biểu, nổi bật của bản thân – Nêu được mục đích của bài luận: mong muốn được góp sức mình lan tỏa yêu thương nhân NGÀY CỦA CHA năm nay. – Phân tích được các đặc điểm của bản thân và đưa ra những bằng chứng tin cậy chứng tỏ sự phù hợp của mình với các tiêu chí tuyển dụng của Câu lạc bộ: + Hoàn cảnh gia đình: Nêu những tình cảm của Cha dành cho bản thân. + Trình bày tình cảm của mình đối với Cha và những việc làm bản thân đã làm thể hiện sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc Cha. + Đề xuất các hoạt động tôn vinh người Cha nhân NGÀY CỦA CHA sắp được tổ chức của Câu lạc bộ. – Khẳng định lại đặc điểm ấn tượng, tiêu biểu của bản thân; thể hiện niềm tin rằng bản thân sẽ có những đóng góp tích cực cho sự kiện khi đã là thành viên Ban tổ chức. ***Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.***		2.5
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.\		0.25
Tổng điểm			**10.0**

ĐỀ 33.

I.ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Để có được tri thức thật sự, mỗi ngày trôi qua con cần mở rộng lòng mình để hướng đến sự phong phú của cuộc sống – hướng đến cảm xúc riêng, đến sự chuyển động của bầu trời và ngôn ngữ của các loài chim, đến những thiếu thốn và no đủ của mọi người ở bất kỳ thời gian và địa điểm nào, đến bàn tay tài hoa của những người

thợ cơ khí, sự cần mẫn của nhân viên đánh máy tính hay sự thơ ngây của những đứa trẻ. Không có giới hạn cho việc trau dồi tri thức qua những gì xuất hiện trước mắt ta.

Tuy nhiên, việc tiếp cận tri thức cũng phát sinh nhiều ý kiến ngược chiều.

Nhiều người cho rằng cách tiếp nhận và trau dồi trí thức tốt nhất là cứ bước mông lung về phía trước, nơi những bí ẩn của cuộc sống sẽ tự tạo ra những bài học cho bản thân mỗi người.

Trong khi những người khác lại tin rằng chúng ta sẽ tiếp thu tri thức vững chắc nhất nếu được truyền đạt đầy đủ những kiến thức về một chủ đề nào đó, sau đó mới bắt đầu việc thực hành và sử dụng những kiến thức đã được cung cấp này vào thực tế.

Chúng ta có thể vận dụng đồng thời cả hai cách kể trên trong cuộc sống, không nên nghiêng hẳn về một phương pháp nào. Nhà hiền triết người Trung Quốc – Khổng Tử, đã nói với các môn đồ của mình: "Học mà không nghĩ chẳng khác gì mù lòa, nhưng suy nghĩ mà không có kiến thức thì thật nguy hiểm".

(Kent Nerburn, Thục Nhi dịch, *Phút dành cho con*, NXB Tổng hợp TP HCM, 2020, Tr. 41 – 42)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. Chỉ ra những ý kiến ngược chiều trong việc tiếp nhận tri thức được tác giả đề cập ở đoạn trích.

Câu 3. Nêu tác dụng của phép liệt kê được sử dụng trong đoạn văn in đậm.

Câu 4. Anh/Chị hiểu như thế nào về câu nói của Khổng Tử: *Học mà không nghĩ chẳng khác gì mù lòa, nhưng suy nghĩ mà không có kiến thức thì thật nguy hiểm*?

Câu 5. Từ nội dung đoạn trích, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) bàn về hậu quả của việc *học mà không nghĩ*.

VIẾT (4.0 điểm)

Trong truyện ngắn *Người đầm*, nhà văn Thạch Lam viết:

(Lược một đoạn: Phần đầu kể lại việc nhân vật tôi đi xem phim ở rạp chớp bóng Pathé. Ở đó anh vô cùng tò mò, sửng sốt khi gặp một người phụ nữ Pháp không ngồi ở dãy ghế hạng nhất như phần đông người Pháp thường làm).

Người đàn bà Pháp hình như cũng nhận thấy thế, nên bà ta cố thu hình cho nhỏ bé lại, và luôn luôn cúi mặt xuống tờ chương trình để trên lòng […].

Tôi ngắm nhìn bà ta với một cảm tình chân thật mà tôi không ngăn cấm được. Bà ăn mặc rất giản dị, toàn một màu đen. Có lẽ bà để tang. Tang cha mẹ, người thân thích hay chồng? Không biết tại sao, tôi chắc chồng bà đã mất, để lại cho bà cô gái bé kia. Mỗi khi cô bé quay lại phía bên này, tôi lại nhận thấy hai người – hai mẹ con – giống nhau quá; cũng cái khuôn mặt trái soan, cũng mớ tóc vàng, và nhất là đôi con mắt to, đưa chậm chạp, lúc nào cũng như nhìn ra ngoài xa […].

Khi đèn bật sáng trong giờ nghỉ, bà dắt con đứng dậy, lách khe ghế đi ra. Đến trước mặt tôi, bà nhìn tôi một cách dịu dàng, và rất lễ phép: – Xin lỗi ông.

Giọng nói của bà ngọt ngào, không có chút gì kiêu ngạo. Tôi ít khi được nghe một người đầm nói với mình lễ phép như thế. Tôi chợt nghĩ đến cái lễ độ nhã nhặn của người Pháp, của những người Pháp thật, những người chưa bị cái hoàn cảnh bên này làm xấu đi. Tôi nghĩ đến cái lòng nhân từ rộng rãi, cái tình cảm dồi dào của người đàn bà Pháp, lúc nào cũng sẵn sàng tha thứ và cúi mình trên những đau khổ của người ngoài. Và tôi thấy cái ý muốn được thân thiện hiểu biết những người đàn bà ấy.

Tôi theo ra ngoài rạp, thấy hai mẹ con bà đứng ở đầu hè, nhìn mặt nước hồ Hoàn Kiếm phẳng lặng như tấm gương. Trong đám người đi xem không ai để ý đến bà ta cả.

Một đứa bé bán kẹo, lấm lét nhìn quanh để trông cảnh sát, chạy đến gần bà, giơ hộp kẹo trước mặt cô bé. Tôi nghe thấy tiếng cô bé đòi mua, rồi bà ta chọn mấy cái kẹo trong hộp đưa cho con. Vừa mở ví lấy tiền bà vừa hỏi thằng bé bán kẹo: – Bao nhiêu?

Đứa bé giơ ba ngón tay ra hiệu, miệng cười sung sướng: – Ba xu, bà đầm!

Nghe câu trả lời của đứa bé, tôi thấy bà ta mỉm cười, lấy tay xoa đầu nó và hỏi bằng tiếng Pháp: – Mày không lạnh ư, con?

Đứa bé nhe răng cười, lắc đầu vì không hiểu gì, rồi vội chạy vào chỗ tối bởi nó đã thấy bóng thầy cảnh sát ở đằng xa. Bà ta hơi ngạc nhiên nhìn theo, và nét mặt trở nên buồn như cũ.

(*Tuyển tập Thạch Lam*, NXB Văn học, 1988, tr. 96 -98)

Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) phân vẻ đẹp của nhân vật người phụ nữ Pháp trong đoạn trích trên.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6,0**
	1	Phương thức biểu đạt chính: Phương thức Nghị luận/ Nghị luận	0,75
	2	Những ý kiến ngược chiều trong việc tiếp nhận tri thức: *– Nhiều người cho rằng cách tiếp nhận và trau dồi trí thức tốt nhất là cứ bước mông lung về phía trước, nơi những bí ẩn của cuộc sống sẽ tự tạo ra những bài học cho bản thân mỗi người.* *– Trong khi những người khác lại tin rằng chúng ta sẽ tiếp thu tri thức vững chắc nhất nếu được truyền đạt đầy đủ những kiến thức về một chủ đề nào đó, sau đó mới bắt đầu việc thực hành và sử dụng những kiến thức đã được cung cấp này vào thực tế.*	0,75
	3	Tác dụng của phép liệt kê: – Liệt kê biểu hiện *sự phong phú của cuộc sống* mà con người cần hướng đến trong quá trình tiếp nhận tri thức: *cảm xúc riêng, sự*	1,0

		chuyển động của bầu trời, ngôn ngữ của các loài chim, những thiếu thốn và no đủ của mọi người, bàn tay tài hoa của những người thợ cơ khí, sự cần mẫn của nhân viên đánh máy tính, sự thơ ngây của những đứa trẻ. – Tác giả nhấn mạnh quan điểm tiếp nhận tri thức không có giới hạn; muốn có tri thức cần mở rộng tầm nhìn, mở rộng đối tượng tiếp nhận. – Góp phần làm cho đoạn văn giàu nhạc điệu, gợi hình, gợi cảm, tăng sức thuyết phục,	
	4	Nội dung của câu nói: – Thể hiện quan điểm về việc học của Khổng Tử: *Học mà không suy nghĩ* sẽ không hiểu được ý nghĩa sâu xa, không biết áp dụng đúng đắn kiến thức vào thực tiễn; *suy nghĩ mà không học* thì thiếu cơ sở vững chắc, dễ đi sai hướng, xa rời hiện thực. Vì vậy, cần kết hợp cả *học* và *suy nghĩ*. – Bộc lộ tầm nhìn vĩ mô, sâu sắc của tác giả.	1,0
	5	**Viết một đoạn văn bàn về hậu quả của việc học mà không nghĩ.**	2,5
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn	
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: hậu quả của việc học mà không nghĩ.	
		c. Triển khai vấn đề nghị luận: Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai nhưng phải lí giải được vấn đề, có thể theo hướng sau: – Học mà không nghĩ sẽ không hiểu được gốc rễ sâu xa của kiến thức; học máy móc, tin sách vở một cách mù quáng; khó áp dụng kiến thức vào thực tế nhất là khi điều kiện xã hội thay đổi; không phát huy được giá trị của học vấn trong quá trình phát triển xã hội, …	0,25 0,25 1,5 0,25 0,25
		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có dẫn chứng, cách diễn đạt mới mẻ.	
II		**VIẾT**	4.0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài	0,25

		khái quát được vấn đề	
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: phân tích, đánh giá được nhân vật trong văn bản	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới: * Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận. * Tóm tắt; khái quát giá trị của truyện * Phân tích vẻ đẹp nhân vật người phụ nữ Pháp: – Hoàn cảnh, lai lịch: xuất thân là người Pháp; xuất hiện lẻ loi, đơn độc trong ánh mắt tò mò, sửng sốt của người bản xứ. – Vẻ đẹp: + Dịu dàng, lịch sự, khiêm tốn: *không ngồi ở dãy ghế hạng nhất như phần đông người Pháp, ăn mặc giản dị, giọng nói của bà ngọt ngào, không chút kiêu ngạo, "xin phép ông"...* + Thân thiện, giàu lòng trắc ẩn: *mỉm cười, lấy tay xoa đầu*, hỏi han quan tâm đứa bé bán kẹo rong; ngạc nhiên, buồn khi thấy đứa bé bỏ chạy trước sự xuất hiện của cảnh sát… – Nghệ thuật: Nhân vật người phụ nữ Pháp hiện lên chân thực, sinh động qua tình huống truyện nhẹ nhàng; ngôi kể thứ nhất giàu cảm xúc; ngôn ngữ, hình ảnh giản dị, đậm chất thơ…	0.25 0.25 1.5 0.5
		* Đánh giá khái quát: Qua nhân vật người phụ nữ Pháp, Thạch Lam thể hiện cái nhìn bao dung, độ lượng và niềm tin vào vẻ đẹp lương thiện, tốt đẹp vốn có ở con người; cần phải có sự sâu sắc, thấu hiểu khi nhìn con người và cuộc sống	0.5
		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.25
I+II			**10**

ĐỀ 34

[...]

– Sao ba[1] hay đánh mắng em vậy anh?- Thằng Tèo ngồi nhấp nhổm trên lưng anh, ngây thơ hỏi.

– Chắc tại ba say rượu.

– Tại sao ba say rượu?

– Thì tại ba…uống rượu.

– Tại sao ba uống rượu?

Đối với Tí, đó là câu hỏi quá khó. Ở tuổi của Tí, làm sao nó biết được người lớn có vô số lý do để tìm đến hơi men, trong đó có lý do mượn rượu giải sầu. Tí không biết. Nhưng nó biết một câu tục ngữ nó vẫn nghe người lớn nói. Thế là nó vui vẻ giải thích cho em nó:

– Người ta thường nói "Thương cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi" đó em.

– Vậy ba đánh em là vì ba thương em hả anh?

– Chứ gì nữa.

– Nhưng ba đánh đau quá anh à. – Tèo sờ tay xuống mông xuýt xoa – Em muốn ba thương em in ít thôi. Như vậy ba sẽ nhẹ tay hơn.

Nghe em nói mà thằng Tí rơm rớm nước mắt. Nó lớn hơn thằng Tèo bốn tuổi nên nó cũng khôn hơn. Ngay cả nó, nó cũng đâu có muốn ba nó thương nó theo kiểu ba nó thương thằng Tèo. Nó chỉ nói để em nó vui. Tự nhiên, nó thấy ân hận. Nó có cảm giác như nó đang dối gạt em mình. Tí không dám đưa tay gạt nước mắt, sợ thằng Tèo biết nó khóc. Nó xốc thằng bé trên lưng, lếch thếch đi. Tí cứ đi, đi mãi. Nó cũng chẳng biết đi đâu, chỉ khi nào mỏi chân thì thả thằng em xuống.

Suốt tuổi ấu thơ của mình, những chuyện mắng mỏ hay đòn roi mà thằng Tèo phải chịu một cách bất công cứ lặp đi lặp lại. Nhưng Tèo không cảm thấy khổ tâm lắm. Nó nghĩ đó là cách ba nó thương nó dù đối với nó, kiểu thương của ông thật kỳ cục và thật lòng thì nó thích ba nó thương nó theo kiểu mẹ nó thương nó hơn.[…]

Tí ngồi nhìn em, đầu nghĩ lung. Thỉnh thoảng nó phẩy tay đuổi mấy con ruồi đậu trên chóp mũi của thằng bé.

Tèo vẫn ngủ say trong nắng hè oi ả. Nó nằm mơ thấy ba nó bớt thương nó hơn. Ba nó không còn đánh nó nữa. Nếu hôm nào say xỉn, ba nó lỡ tay đánh nó thì cũng chỉ giả vờ giơ cây roi lên thật cao nhưng khi quất roi xuống mông nó, ba nó quất nhẹ hều. Y như gãi ngứa.

[…]

Thằng Tí thấy thằng Tèo vừa ngủ vừa cười, bụng không biết thằng này mơ thấy gì mà vui vẻ thế. Thắc mắc xong, nó lại ngạc nhiên: Ờ, chẳng khi nào nó thấy thằng Tèo tỏ ra buồn bã. Nó vẫn sống hồn nhiên như cây cỏ, xem chuyện nó bị ba ghẻ lạnh, đánh mắng là chuyện tự nhiên, không gì phải sầu não.

Nghĩ tới nghĩ lui một hồi, Tí sung sướng phát hiện ra chân lý: Chắc tại thằng Tèo là đứa có tâm hồn trong sáng, mơ mộng. Trong mắt một đứa như vậy, cuộc sống bao giờ cũng đẹp.

(Trích *Làm bạn với bầu trời*- Nguyễn Nhật Ánh, Nhà xuất bản Trẻ, 2019)

Nguyễn Nhật Ánh là một trong những nhà văn nổi tiếng được nhiều người yêu mến. Những tác phẩm của ông thường rất nhẹ nhàng, dung dị và đời thường. Nhưng ẩn sau đó là triết lý nhân sinh vô cùng ý nghĩa. Mỗi một tác phẩm đọng lại trong lòng độc giả rất nhiều dư vị cảm xúc.

Làm bạn với bầu trời là một trong những tác phẩm thành công của Nguyễn Nhật Ánh. Câu chuyện xoay quanh Tèo – một cậu bé phải chịu đựng nhiều thương tổn và bất hạnh trong cuộc sống. Mà nguyên nhân đều xuất phát từ sự ích kỷ và sai lầm của người lớn. Mẹ Tèo sinh em ra nhưng không có khả năng nuôi nên đã gửi con lại cho chị dâu là dì Hảo, rồi đi biệt xứ. Dượng Quế – chồng dì Hảo, đi làm ăn xa nhà. Đến khi quay trở về lại nghi ngờ xuất thân của Tèo, nghĩ em là con riêng của vợ. Bởi vậy, tuổi thơ của Tèo lớn lên trong sự nghi kỵ và ghẻ lạnh của dượng Quế. Nhưng may mắn cho Tèo, thằng Tí lại rất thương em mình. Đoạn trích dưới đây nói về việc Tí cõng Tèo chạy trốn khi Tèo bị dượng Quế đánh đòn…

I.PHẦN ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc kĩ ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Câu 1 (1.0 điểm) Xác định lời của người kể chuyện và lời của nhân vật trong câu:

– Nhưng ba đánh đau quá anh à. – Tèo sờ tay xuống mông xuýt xoa – Em muốn ba thương em in ít thôi. Như vậy ba sẽ nhẹ tay hơn."

Câu 2 (1.0 điểm) Cho biết phản ứng của Tèo khi phải chịu những chuyện mắng mỏ hay những trận đòn roi bất công từ ba.

Câu 3 (1.0 điểm) Nêu nhận xét về tính cách của Tí qua chi tiết sau:

Nghe em nói mà thằng Tí rơm rớm nước mắt. Nó lớn hơn thằng Tèo bốn tuổi nên nó cũng khôn hơn. Ngay cả nó, nó cũng đâu có muốn ba nó thương nó theo kiểu ba nó thương thằng Tèo. Nó chỉ nói để em nó vui. Tự nhiên, nó thấy ân hận. Nó có cảm giác như nó đang dối gạt em mình. Tí không dám đưa tay gạt nước mắt, sợ thằng Tèo biết nó khóc. Nó xốc thằng bé trên lưng, lếch thếch đi. Tí cứ đi, đi mãi. Nó cũng chẳng biết đi đâu, chỉ khi nào mỏi chân thì thả thằng em xuống.

Câu 4. (1.0 điểm) Anh/ chị hiểu như thế nào về ý nghĩa của lối so sánh: "*Nó vẫn sống hồn nhiên như cây cỏ, xem chuyện nó bị ba ghẻ lạnh, đánh mắng là chuyện tự nhiên, không gì phải sầu não"* ?

Câu 5. (1.0 điểm) Nêu tư tưởng của tác phẩm được thể hiện qua đoạn trích trên.

Câu 6. (1.0 điểm) Từ nhân vật Tèo trong đoạn trích trên hãy rút ra bài học có ý nghĩa nhất đối với anh/chị.

PHẦN VIẾT (4.0 điểm)

Hãy viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá về nội dung và một số nét đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích trong truyện dài *Làm bạn với bầu trời* – Nguyễn Nhật Ánh (Ngữ liệu phần **Đọc- hiểu**).

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	**Đọc hiểu**		**6.0**
	1	**Xác định lời của người kể và lời nhân vật:** – Lời của người kể chuyện: *Tèo sờ tay xuống mông xuýt xoa* – Lời của nhân vật: *+ Nhưng ba đánh đau quá anh à* *+ Em muốn ba thương em in ít thôi. Như vậy ba sẽ nhẹ tay hơn."*	**1.0**

	2	**Phản ứng của Tèo:** – không cảm thấy khổ tâm lắm/ không gì phải sầu não – cho rằng đó là chuyện tự nhiên – nghĩ đó là cách ba nó thương nó.	**1.0**
	3	**Nhận xét tính cách của Tí qua chi tiết:** – giàu tình cảm/ dễ xúc động. – biết quan tâm, an ủi người khác – hết lòng yêu thương và bảo vệ em.	**1.0**
	4	**Ý nghĩa của việc so sánh:** – thể hiện tâm hồn ngây thơ, trong sáng. – thể hiện thái độ sống vô tư/lạc quan, bình thản đón nhận những điều sắp tới trong cuộc sống dù là bất hạnh, đau khổ	**1.0**
	5	**Tư tưởng:** – Trân trọng tình cảm trong sáng, cao đẹp (tình yêu thương chân thành, vô tư, thuần khiết của những đứa trẻ thơ là tình cảm đẹp nhất). – Ngợi ca thái độ sống tích cực – lạc quan, yêu đời trước những bất hạnh, đau khổ trong cuộc đời.	**1.0**
	6	**Từ nhân vật Tèo trong đoạn trích rút ra được bài học có ý nghĩa nhất:** *** Gợi ý bài học:** – Thái độ sống lạc quan – Học cách chấp nhận những điều khó khăn/ không như ý muốn. – Học cách bao dung/ tha thứ	**1.0**
II	**PHẦN VIẾT**		**4.0**
	Viết bài văn nghị luận phân tích đánh giá nội dung và một số nét đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích trong truyện dài *Làm bạn với bầu trời*– Nguyễn Nhật Ánh		
	a	*Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* phân tích giá nội dung và một số nét đặc sắc nghệ thuật của một tác phẩm truyện	**0.25**

	b	*Xác định* đúng kiểu bài phân tích phân tích giá nội dung và một số nét đặc sắc nghệ thuật của một tác phẩm truyện	**0.5**
	c	*Triển khai vấn đề* Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề nghị luận; sắp xếp luận điểm hợp lí; lập luận thuyết phục, kết hợp lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, hợp lí; diễn đạt rõ ràng; liên kết chặt chẽ.	**2.5**
		Dẫn dắt và nêu vấn đề nghị luận. – Giới thiệu tác giả, tác phẩm: Nguyễn Nhật Ánh với truyện dài *Làm bạn với bầu trời*, khái quát chung về tác phẩm. – Xác định đúng vấn đề nghị luận: đoạn trích đưa ra ở ngữ liệu Đọc- hiểu đã thể hiện những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật	**0.5**
		– Nêu và phân tích, đánh giá giá trị về nội dung của đoạn trích. HS có thể phân tích, đánh giá những giá trị về nội dung ở những khía cạnh: chủ đề, tư tưởng, thông điệp,…. – Phân tích đặc sắc về nghệ thuật: + sử dụng điểm nhìn của những đứa trẻ, câu chuyện hiện lên vừa sinh động, chân thực, vừa độc đáo, thú vị trong cái nhìn của ngây thơ, hồn nhiên của trẻ con. + lời kể chuyện tự nhiên, mộc mạc gần gũi mang hơi thở đời thường. + cách xây dựng nhân vật sinh động, chân thực: qua lời nói, hành động, nội tâm.	**0.75** **0.75**
		– Khẳng định lại giá trị của đoạn trích về nội dung và nghệ thuật – Suy nghĩ của bản thân/ bài học rút ra	**0.5**
	d	*Chính tả, ngữ pháp* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0.25**
	e	*Sáng tạo* – Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận – Lời văn có cảm xúc, hình ảnh, giàu sức thuyết phục.	**0.5**
Tổng điểm			**10.00**

HƯỚNG DẪN DÀN Ý

1. Mở bài

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.

+ Nguyễn Nhật Ánh là một trong những nhà văn nổi tiếng được nhiều người yêu mến. Những tác phẩm của ông thường rất nhẹ nhàng, dung dị và rất đỗi đời thường.Thế nhưng ẩn sau đó là triết lý nhân sinh vô cùng ý nghĩa. Mỗi một tác phẩm đọng lại trong lòng bạn đọc rất nhiều dư vị cảm xúc.

+ " Làm bạn với bầu trời" của ông là câu chuyện chất chứa nhiều cảm xúc, không hẳn là dành cho trẻ em mà là cho những ai từng trải qua một tuổi thơ với bao ký ức đáng nhớ. Và đoạn trích phần đầu câu chuyện là một trong những ký ức đáng nhớ về một tuổi thơ trong veo dẫu hoàn cảnh sống có ngặt nghèo của nhân vật Tèo.

2. Phân tích

a. Phân tích nội dung chủ đề của tác phẩm

Đoạn trích " Làm bạn với bầu trời" của Nguyễn Nhật Ánh thể hiện cảm động những ước mơ trong trẻo và tình yêu thương của Tèo.

- Tèo là cậu bé phải chịu đựng nhiều nỗi bi thương, bất hạnh: Tèo có một cuộc sống không đủ đầy, không màu hồng như bao người bạn khác, những bất hạnh đã ập xuống đầu thằng nhỏ liên tục: Ngay từ nhỏ, cậu đã không ở với mẹ và không biết mặt cha ruột của mình. Không may bị tai nạn té suối, Tèo mất khả năng đi lại và phải sống trong sự dày vò cả về thể xác lẫn tinh thần. Cuộc sống không hề "bằng phẳng" với cậu.
- Thế nhưng, những biến cố đó không thể dập tắt đi tinh thần lạc quan và tâm hồn tràn đầy yêu thương của Tèo. Cậu vốn là "một thằng nhóc mặt mày sáng sủa, không có vẻ gì là đứa trẻ nhà quê dù từ bé tới giờ nó chỉ sống ở nông thôn". Cậu biết rất rõ tình cảnh của mình " không ngồi lên được". Song bù lại Tèo lại có khiếu hài hước và tinh thần lạc quan dù thế giới của cậu giờ chỉ còn thu vào đôi mắt.
- Tèo biết tìm niềm vui qua đôi mắt của mình. Cậu dùng tình yêu thương để nhìn đời, nhìn người, trong tâm hồn thơ ngây, non nớt của đứa trẻ lên 8 luôn tràn ngập sắc màu của tình yêu thương để rồi chính tinh thần lạc quan, sự hóm hỉnh, thông minh, sáng dạ đã giúp cậu từng bước đi qua " bóng tối" của cuộc đời.
- Tèo đã tự làm cho cuộc sống của bản thân trở nên thi vị và có ý nghĩa hơn. Cậu lấy bầu trời làm bạn, sách đọc làm thầy. Cuộc sống mỗi ngày trôi qua của Tèo vẫn vô cùng vui vẻ, thích thú. Cách Tèo nhìn cuộc sống thật ngọt ngào và vị tha pha lẫn chút ngây thơ của tuổi thơ: "Cậu nhỏ luôn tươi tắn nụ cười trên môi, ước mơ luôn trong mắt, nồng hậu, dịu dàng, cậu truyền tình yêu và lòng tin vào cuộc sống, hồn nhiên coi thường mọi bất hạnh".

=>Tèo đã dùng trái tim ấm áp của mình để sưởi ấm cho cuộc sống, yêu thương bản thân và yêu thương mọi người xung quanh. Tèo có thể đau đớn về mặt thể xác nhưng tâm hồn của cậu thì không! Cậu luôn nhìn thế giới xung quanh với con mắt yêu đời và bình thản, thậm chí còn cảm nhận sâu sắc cuộc sống xung quanh mình với ánh nhìn của một đứa trẻ "già trước tuổi". Tèo từng bước vượt qua những nỗi đau về thể xác bởi cậu luôn nhìn cuộc đời bằng một lăng kính lấp lánh sắc màu.

- Tèo luôn nhìn thấy sự may mắn trong hoàn cảnh kém may mắn của chính mình. Cậu bé luôn tươi tắn nụ cười trên môi và xem việc làm bạn với bầu trời cao xanh và khoáng đạt là một niềm vui lớn lao. Với cậu thì "Trên trời có mây đủ hình, có những cánh chim bay, thỉnh thoảng có những cánh bướm đủ màu lượn quanh cửa sổ. Những hạt mưa như có ai chấm lên người từng chấm lạnh. Như là ai đó dùng chiếc cọ nhúng vào mưa quét lên người chọc ghẹo...Thiên nhiên và con người hiền hòa đẹp dịu dàng mê mải, trong một không gian chỉ toàn những tươi vui và thương yêu ấm áp."

- Bằng con mắt quan sát tinh tế, Tèo nhận ra bầu trời vô cùng trong xanh và tươi đẹp, trong tâm hồn trong veo của cậu, bầu trời ấm áp và khoáng đạt biết bao, rực rỡ ánh sáng và sắc màu. Ngắm nhìn bầu trời Tèo dường như quên đi những bất hạnh của mình trên mặt đất, cậu như được chắp thêm đôi cánh để bay lên – đôi cánh của trí tưởng tượng, niềm lạc quan và những ước mơ tuổi thơ.

=> Đoạn trích truyện đã có những khoảnh khắc khiến ta thổn thức khôn nguôi mặc dù vậy đồng thời nó lại được xoa dịu bởi những thước hình đẹp mắt và giản dị. Chúng hòa quyện với một giai điệu nhịp nhàng và dễ dàng dẫn dắt trái tim, tâm trí người đọc vào thế giới xinh đẹp của Tèo và những người bạn. Tèo là một phần của giá trị nhân văn trong văn chương mà Nguyễn Nhật Ánh luôn hướng đến. Ông muốn "mô tả cái tốt thật đẹp để người ta yêu thích nó" và viết về những điều tốt đẹp để người đọc có thể đón nhận với đầy đủ cảm xúc tích cực, trọn vẹn nhất. Những dòng chữ nhẹ tênh, như thoảng trong gió cái chênh chao khiến ta nghe lòng mình như có một giai điệu du dương chảy qua trong vắt, tưới mát lên trái tim cằn cỗi đã héo mòn đi vì sự lãnh đạm của cuộc sống hằng ngày. Phải chăng khi nhìn nhận cuộc đời một cách bao dung và rộng mở hơn thì tâm hồn ta cũng an nhiên đến bội phần!

b. Phân tích những đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm

- Lối viết nhẹ nhàng, bình dị, ngôn từ trong sáng, dễ hiểu, đậm chất trẻ thơ, nhiều hình ảnh đẹp, trong sáng…đã đem đến cho độc giả những rung cảm mãnh liệt nhất. Bởi lẽ, đâu đó trong chúng ta vẫn luôn tồn tại một khát khao cháy bỏng được thỏa thích sống trong thế giới của mình – hạnh phúc, an nhiên…

- Nét khác biệt trong tác phẩm là ngôi xưng của nhân vật. Nguyễn Nhật Ánh dùng một cái tôi thứ ba khác để kể về cậu bé Tèo, đây là cách để Tèo có thể được quan sát, được nhìn nhận và thể hiện mình ở nhiều góc độ, đa dạng và phong phú hơn.

c. Kết bài

- Khẳng định lại giá trị của tác phẩm, nêu cảm xúc của cá nhân hoặc bức thông điệp mà tác giả muốn gửi tới mọi người.

ĐỀ 35

KẾT THÚC CHUYẾN BAY

Con mèo mun tên Zorba, to đùng, mập ú đang sưởi nắng ở ban công, rên gừ gừ, yên ổn tận hưởng cảm giác sung sướng được nằm ườn ra đấy, phơi bụng khoan khoái trong ánh mặt trời ấm áp, bốn bàn chân nó thu lại và cái đuôi duỗi dài. Đúng vào khoảnh khắc nó đang lật mình lại để phơi lưng ra dưới nắng, nó chợt nghe thấy tiếng vù vù từ một vật thể bay mà nó không thể xác định được, một cái gì đó đang lao tới với tốc độ kinh khiếp. Báo động! Nó nhảy dựng lên, bốn chân lấy đà, sẵn sàng nhảy sang một bên để né cô chim hải âu đang rơi thẳng xuống ban công. Đó là một nàng chim hết sức dơ bẩn. Toàn thân cô bám đầy thứ chất nhầy đen sì, hôi rình.(1)

Zorba nhích tới khi cô hải âu lẩy bẩy cố đứng lên, kéo lê theo đôi cánh: "đáp cánh cũng không được duyên dáng lắm nhỉ", nó bảo.." Tôi xin lỗi. Tôi không làm sao khác được" cô chim áy náy nói. "Tôi bị đắm trong váng dầu. Tử thần nơi biển cả. Tôi sắp chết rồi!". Cô hải âu rên lên ai oán…Vượt qua cảm giác ghê tởm, con mèo liếm lên đầu cô hải âu. Thứ chất màu đen bám lên cô có vị khủng khiếp, y như mùi chuột thối. Khi đầu lưỡi nó lướt trên cổ cô chim, con mèo có thể nhận thấy hơi thở cô chim đang càng lúc càng yếu ớt… "Tôi sắp sinh một quả trứng. Với tất cả sức lực còn lại tôi sẽ sinh một quả trứng. Bạn mèo tốt của tôi, ai cũng có thể thấy anh là một con vật rất tử tế, có tấm lòng nhân ái cao đẹp. Bởi vậy, tôi muốn anh hứa với tôi ba điều. Anh hứa với tôi được không?" Zorba nghĩ cô chim khốn khổ này đang bị mê sảng rồi, và vì cô đang rơi vào tình trạng đáng thương tới mức ấy, nó không còn lựa chọn nào khác ngoài cách tỏ ra rộng lượng: "tôi hứa là tôi sẽ làm những gì cô muốn". " Tôi không còn thời gian nữa rồi. Hãy hứa với tôi anh sẽ không ăn quả trứng. Hứa với tôi anh sẽ chăm lo cho quả trứng đến khi con chim non ra đời. Và hãy hứa với tôi, anh sẽ dạy nó bay"(2)

Cô chim hải âu nhìn lên bầu trời, tạ ơn những làn gió tốt lành đã nâng cánh cô trong suốt cuộc đời và cô trút hơi thở cuối cùng, một quả trứng trắng lốm đốm xanh lăn ra từ cơ thể đẫm dầu của cô. (3)

(Trích *Chuyện con mèo dạy hải âu bay*– Luis Sepulveda (Phương Huyền dịch, NXB Hội nhà văn, 2018, tr.31-tr.35)

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

Câu 1: (0.75đ) Điểm nhìn trong đoạn 1 của văn bản là điểm nhìn của nhân vật nào?

Câu 2: (0.75đ) Liệt kê những sự kiện chính trong văn bản

Câu 3: (1.0đ) Chỉ ra và nhận xét về đặc điểm, tính cách của nhân vật mèo Zorba

Câu 4: (1.0đ) Phân tích chủ đề của văn bản.

Câu 5: (1.5 đ) Anh/chị có đồng ý với ý kiến nhận xét về chú mèo Zorba là một chú mèo "rất tử tế và có tấm lòng nhân ái cao đẹp" không? Vì sao?

PHẦN II. VIẾT (5.0 điểm

Câu 1. Hiện nay dù là trong các giờ học nhiều bạn học sinh vẫn đang có thói quen là việc riêng, Em hãy viết một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ thói quen: làm việc riêng trong giờ học.

HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		**ĐỌC HIỂU**	**5.0**
	1	Điểm nhìn trong đoạn 1 của văn bản là điểm nhìn của nhân vật mèo Zorba	0.75
	2	Liệt kê những sự kiện chính trong văn bản: – Chú mèo Zorba đang nằm phơi nắng thì nhìn thấy một cô hải âu rơi thẳng xuống ban công. Cô hải âu bị đắm trong váng dầu và sắp chết. -Cô hải âu nhờ chú mèo Zorba ba việc: Không ăn quả trứng. Chăm lo cho quả trứng đến khi chim non chào đời.Dạy cho hải âu con bay. -Chú mèo nhận lời và chim hải âu sinh được một quả trứng trước khi chết.	0.75
	3	Chỉ ra và nhận xét về đặc điểm, tính cách của nhân vật mèo Zorba Đặc điểm ngoại hình: Chú mèo tên Zorba, to đùng, mập ú đang sưởi nắng ở ban công, rên gừ gừ, yên ổn tận hưởng cảm giác sung sướng được nằm ườn ra đấy, phơi bụng khoan khoái trong ánh mặt trời ấm áp, bốn bàn chân nó thu lại và cái đuôi duỗi dài. Hành động: *Chú đang lật mình lại để phơi lưng ra dưới nắng, chợt nghe thấy tiếng vù vù từ một vật thể bay mà nó không thể xác định được, một cái gì đó đang lao tới với tốc độ kinh khiếp. Nó nhảy dựng lên, bốn chân lấy đà, sẵn sàng nhảy sang một bên để né cô chim hải âu đang rơi thẳng xuống ban công. *Vượt qua cảm giác ghê tởm, con mèo liếm lên đầu cô hải âu. Thứ chất màu đen bám lên cô có vị khủng khiếp, y như mùi chuột thối. Khi đầu lưỡi nó lướt trên cổ cô chim, con mèo có thể nhận thấy hơi thở cô chim đang càng lúc càng yếu ớt. *Hứa với cô chim hải âu về ba điều. Nhận xét: đây là chú mèo rất tốt bụng, rất tử tế, có tấm lòng nhân ái cao đẹp.	1.0

	4	Chủ đề của văn bản: Câu chuyện kể về cuộc gặp gỡ giữa chú mèo Zorba và cô chim hải âu. Chú mèo đã đồng ý giúp ba việc cho chim hải âu. Thông qua câu chuyện, người đọc nhận thấy được tác hại của việc ô nhiễm từ những váng dầu trên biển đã gây nên cái chết cho loài chim hải âu		1.0
	5	Đồng ý hoặc không đồng ý với ý kiến nhận xét về chú mèo Zorba là một chú mèo "rất tử tế và có tấm lòng nhân ái cao đẹp" Gợi ý cho câu trả lời đồng ý bởi vì: Vượt qua cảm giác ghê tởm, con mèo liếm lên đầu cô hải âu. Hứa với cô chim hải âu về ba điều. è Sẵn sàng hỗ trợ giúp đỡ người khác khi được nhờ vả.		1.5
		LÀM VĂN		**5.0**
II		1) Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận : ***mở bài*** giới thiệu được vấn đề, ***thân bài*** triển khai được vấn đề, ***kết bài*** khái quát được vấn đề.		0.25
		2) Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: **:**viết một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ thói quen: làm việc riêng trong giờ học.		0.25
		3) Triển khai vấn đề nghị luận: vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.	***A. Giới thiệu vấn đề cần nghị luận*** **–** Nêu rõ thói quen cần thuyết phục người khác từ bỏ: làm việc riêng trong giờ học. -Nêu lý do hoặc mục đích viết bài luận này	0.5
			B. Nghị luận vấn đề – **Giải thích**, nêu khái niệm của thói quen làm việc riêng trong giờ học: trong giờ học, học sinh có thói quen làm các công việc riêng khác: nói chuyện với nhau, xem phim, chơi game, nghe nhạc, làm bài – học bài môn học khác… – Trình bày **tác hại** của thói quen làm việc riêng trong giờ học: không tập trung vào việc học, không chú ý nghe giáo viên giảng bài, dẫn tới kết quả học tập thấp kém..bị hỏng kiến thức, nghiện game , gây mất trật tự.. _ Trình bày **ích lợ**i khi từ bỏ thói quen làm việc riêng trong giờ học: tiếp thu bài học tốt hơn, kết quả học tập được cải thiện..hạn chế bị giáo viên la rầy nhắc nhở..	3.0

			– Một số **giải pháp** từ bỏ thói quen làm việc riêng trong giờ học: chú ý nghe giảng bài, không chơi game, xem phim..tích cực xây dựng bài, đóng góp tích cực bài học, không học bài – làm bài môn học khác..tiết nào học môn nấy..	
			C. Kết thúc vấn đề – Khẳng định lại ích lợi, ý nghĩa của việc từ bỏ thói quen làm việc riêng trong giờ học. – Thể hiện niềm tin vào sự cố gắng, sự khích lệ, hi vọng, sự thành công của người được thuyết phục .	0.5
		4) Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.		0.25
		5) Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.		0.25
ĐIỂM TOÀN BÀI: 10,00 điểm				

ĐỀ 36

BỐ TÔI

Tôi đi học dưới đồng bằng. Còn bố tôi, từ một vùng núi cao xa xôi, luôn dõi theo tôi.

Cuối mỗi tuần, bao giờ ông cũng mặc chiếc áo phẳng phiu nhất, đi chân đất xuống núi, rẽ vào bưu điện để nhận lá thư tôi gửi. Lặng lẽ vụng về, ông mở lá thư, xem từng con chữ, chạm tay vào nó, ép nó vào khuôn mặt đầy râu. Rồi cũng lặng lẽ như lúc mở ra, ông gấp nó lại, nhét vào bao thư, mỉm cười rồi đi về núi.

Về đến nhà, ông nói với mẹ tôi:"Con vừa gửi thư về.". Mẹ tôi hỏi:"Thư đâu?". Ông trao thư cho bà. Bà cẩn thận mở nó ra, khen:"Con mình viết chữ đẹp quá! Chữ thật tròn, những cái móc rất bén. Chỉ tiếc là không biết nó viết gì. Sao ông không nhờ ai đó ở bưu điện đọc giùm?". Như mọi lần, bố tôi luôn bảo: "Chuyện bố con tôi chẳng lẽ để cho người ta đọc vanh vách lên? Nó là con tôi, nó viết gì tôi biết cả.". Rồi ông lấy lại lá thư, xếp vào trong tủ cùng những lá thư trước, những lá thư được bóc ra nhìn ngắm, chạm vào mặt rồi cất đi, không thiếu một lá, ngay cả những lá thư đầu tiên nét chữ còn non nớt. [...]

Hôm nay là ngày đầu tiên tôi bước chân vào trường đại học - ngày khai trường đầu tiên không có bố. Bố tôi đã mất. Nhưng tôi biết chắc chắn rằng bố sẽ đi cùng tôi trên những con đường mà tôi sẽ đi, suốt cả cuộc đời.

(Theo *Nguyễn Ngọc Thuần* in trong "Tuyển tập truyện ngắn hay viết cho thiếu nhi" - Nxb Giáo dục Việt Nam.)

Chú thích: Nguyễn Ngọc Thuần (1972) quê ở Tân Thiện - Hàm Tân, Bình Thuận, là một nhà văn trẻ đầy triển vọng ở thể loại văn xuôi đương đại, là thành viên của Hội nhà văn Việt Nam.

I.ĐỌC HIỂU

Câu 1(0.5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2 (0.5 điểm): Tìm một cụm chủ - vị có vai trò mở rộng câu trong câu: *Nhưng tôi biết bố sẽ đi cùng tôi trên những con đường mà tôi sẽ đi, suốt cả hành trình cuộc đời.*

Câu 3 (0.1 điểm): Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: *Ông xem từng con chữ, lấy tay chạm vào nó, rồi ép vào khuôn mặt đầy râu của ông.*

Câu 4 (0.1 điểm): Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua văn bản trên?

Câu 5 (2.0 điểm): Từ nội dung văn bản ở phần đọc hiểu trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 100 chữ), nêu cảm nhận của em về hình ảnh người bố và tình cảm của nhân vật tôi đối với bố.

Trả lời

1. Phương thức biểu đạt chính : Tự sự

2. Cụm chủ - vị có vai trò mở rộng câu trong câu: Nhưng tôi biết bố sẽ đi cùng tôi trên những con đường mà tôi sẽ đi, suốt cả hành trình cuộc đời. là: bố sẽ đi cùng tôi trên những con đường mà tôi sẽ đi

→→ Mở rộng vị ngữ

3. Ông xem từng con chữ, lấy tay chạm vào nó, rồi ép vào khuôn mặt đầy râu của ông.

Biện pháp tu từ: Liệt kê(xem từng con chữ, lấy tay chạm vào nó, rồi ép vào khuôn mặt đầy râu của ông)

⇒⇒ Tác dụng: nhấn mạnh hành động yêu thương, nâng niu của người bố đối với lá thư của con.

4. Tác giả muốn nói rằng tình yêu thương cha con là vô bờ bến. Bố tuy không thể ở bên cạnh, nhưng vẫn luôn dõi theo và ủng hộ con. Tình cảm của con dành cho bố cũng vậy, dù bố đã mất, nhưng con vẫn luôn nhớ về bố và yêu bố.

5. Hình ảnh người bố trong văn bản là một người cha yêu thương con vô bờ bến. Dù sống ở vùng núi cao hiểm trở, ông vẫn luôn dõi theo và ủng hộ con. Mỗi khi con gửi thư về, ông lại cẩn thận mở ra, xem từng con chữ, lấy tay chạm vào nó, rồi ép vào khuôn mặt đầy râu của ôngthể hiện tình yêu thương, trân trọng của ông đối với con. Tình cảm của nhân vật tôi đối với bố cũng rất sâu sắc. Dù xa cách về mặt địa lý, nhưng con vẫn luôn nhớ về bố, luôn yêu thương

và kính trọng bố. Con hiểu rằng, dù bố không còn nữa, nhưng tình yêu thương của bố sẽ luôn ở bên con, giúp con vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống. Qua văn bản, ta càng thấy rõ hơn tình cảm cha con thiêng liêng, cao quý. Cha mẹ là người đã sinh thành, nuôi dưỡng và giáo dục ta nên người. Chúng ta cần biết yêu thương, kính trọng và báo hiếu cha mẹ.

PHẦN II: VIẾT (*5,0 điểm*).

Viết bài văn phân tích truyện ngắn "Bố tôi" của nhà văn Nguyễn Ngọc Thuần

----------Hết----------

I		**VIẾT**	**4,0**
I		*a.Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một bài phân tích tác phẩm văn học*	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề	0,25
		c. Lần lượt trình bày bài văn phân tích một TP truyện **Mở bài:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nêu ý kiến chung của người viết. **Thân bài:** *** Thân bài: Tập trung nêu nội dung, chủ đề và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện ngắn.** **Khái quát về tác phẩm:** **+ Xuất xứ của truyện:** Truyện Bố tôi in trong Tuyển tập truyện ngắn hay viết cho thiếu nhi - Nxb Giáo dục Việt Nam. **+ Thể loại của truyện: truyện ngắn hiện đại.** **Nêu nội dung, chủ đề:** Truyện kể về người bố của nhân vật "tôi". Ông ở vùng đồi núi hiểm trở, người con học ở dưới đồng bằng xa nhà. Ông dành cho con những tình yêu thương sâu sắc và luôn dõi theo con từng ngày. Mỗi khi nhận được thư của con gửi về, ông cảm thấy vô cùng hạnh phúc và luôn trân trọng những bức thư ấy vì theo ông nghĩ con viết thư về được là vẫn mạnh khỏe. Ngày con bước chân vào giảng đường đại học cũng là lúc người bố ra đi mãi mãi, đó là ngày khai trường đầu tiên mà nhân vật "tôi" không có bố đi cùng. Nhưng nhân vật "tôi" tin rằng bố sẽ theo mình suốt hành trình cuộc đời phía trước. Truyện ca ngợi tình yêu thương sâu nặng của người bố dành cho gia đình, con cái và tấm lòng biết ơn sâu nặng của người con dành cho người bố kính yêu. Đồng thời, truyện cũng gửi gắm lời nhắc nhở những người con phải biết thương yêu, kính trọng và biết ơn và sống hiếu thảo với bố mẹ của mình	0,25 2,5 0,25

		Làm rõ nội dung, chủ đề: Chủ đề của truyện được mở ra bằng tình huống rất gần gũi, đời thường nhưng lại xúc động bởi sự xa cách của hai bố con trong niềm thương nhớ khôn nguôi: "Tôi đi học dưới đồng bằng. Còn bố tôi, từ núi đồi hiểm trở, ông luôn dõi theo tôi". Cách vào đề ngắn gọn mà hấp dẫn, lôi cuốn người đọc dõi theo hành trình của hai bố con trong cuộc đời + Chủ đề của truyện thể hiện ở hình ảnh người bố hiện ra thật giản dị, đời thường nhưng gây ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc + Một người bố luôn quan tâm, dõi theo con + Chủ đề của truyện còn thể hiện ở nhân vật người bố tinh tế, thấu hiểu được những tâm tư, tình cảm, suy nghĩ của con mình + Một khía cạnh khác thể hiện chủ đề của truyện là tình yêu thương, sự kính trọng và biết ơn sâu sắc của người con dành cho bố + Chủ đề của truyện còn gửi gắm những bài học được gợi lên từ câu chuyện: Tình cảm cha con là thiêng liêng và quý giá vì đây là tình cảm làm cơ sở cội nguồn cho tình yêu quê hương, đất nước.Chúng ta cần yêu thương, trân trọng, kính yêu bố mẹ của mình *** Phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện** Kết hợp khéo léo các phương thức kể, tả, biểu cảm khiến câu chuyện hấp dẫn, lôi cuốn. + Cốt truyện ngắn gọn, tình huống truyện đơn giản, nhân vật người bi được đặt trong những tình huống rất đời thường để bộc lộ tính cách phẩm chất. + Mạch truyện đi theo trình tự thời gian, có đan xen cả hồi tưởng và đọng kết bằng những suy ngẫm sâu sắc trong hiện tại của nhân vật "tôi" khiến câu chuyện vừa xúc động vừa có chiều sâu. + Nghệ thuật xây dựng nhân vật: nhân vật được xây dựng chủ yếu thể hiện qua ngoại hình, hành động, lời nói; ngôn ngữ của nhân vật. + Ngôn ngữ kể chuyện mộc mạc, bình dị, lôi cuốn. => Truyện Bố tôi chỉ là tình huống và những sự việc hết sức đời thường nhưng đã đem đến cho người đọc sự xúc động về tình phụ tử thiêng liêng, cao quý. Đọc xong truyện, ai cũng cảm thấy như mình còn có lẽ với bố mình về một điều gì đó và tự thầm hứa	

		với bản thân phải biết thương yêu, trân trọng và sống hiếu thảo với bố mình. Và em cũng vậy **Kết bài:** - Khẳng định lại giá trị của truyện, - Bài học được rút ra với bản thân hoặc lời nhắn gửi, bức thông điệp m tác giả muốn gửi gắm.	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về nội dung phân tích	0,25

ĐỀ 37

ĂN TRỘM TÁO

Ba con Xin là ông Xung hành nghề hốt thuốc Bắc. Nhà ông có dãy tủ gỗ mít đen bóng ốp sát tường, ngăn kéo san sát. Mỗi lần đến nhà con Xin, chạy nhảy ngoài sân chán tôi lại vào nhà xem ông hốt thuốc.

Trước tiên ông nghiêm nghị bắt mạch người bệnh với ba ngón tay, sau đó hỏi han đủ thứ, rồi ông vạch mí mắt người bệnh ra xem, bắt người bệnh thè cả lưỡi ra nữa. Những lúc đó trông ông rất oai, như một ông vua, bảo làm gì là khách làm theo răm rắp.

Nhưng tôi vào nhà không phải để xem ông khám bệnh. Tôi hồi hộp đợi tiết mục tiếp theo. Đó là lúc ông hốt thuốc.

Ông mở ngăn kéo này, hốt một nắm vỏ quýt, mở ngăn kéo kia hốt một nắm cam thảo. Có vô số ngăn như vậy, mỗi ngăn chứa một loại thảo dược khác nhau.

Sau khi hốt đủ các vị thuốc cần thiết, cuối cùng bao giờ ông cũng bắc ghế trèo lên thò tay vào ngăn trên cùng, bốc vài quả táo Tàu cho vào thang thuốc.

Quả táo Tàu to bằng ngón tay cái, khô quắt queo và đen thùi lùi nhưng cắn vào nghe sừng sực và ngọt lịm, con nít đứa nào cũng mê tơi.

Lần nào cũng vậy, thấy tôi đứng thập thò sau quầy ngăn giương cặp mắt thèm thuồng ra nhìn ông, thế nào ông Xung cũng lấy thêm một quả táo chìa ra trước mặt tôi, vui vẻ:

- Bác cho con nè.

Trăm lần như một, hễ tôi có mặt lúc ba con Xin hốt thuốc bao giờ tôi cũng có phần. Nhưng không phải lúc nào ông Xung cũng có khách. Những lúc đó, thèm táo quá, tôi nhìn dáo dác không thấy ai liền đánh liều bắc ghế trèo lên các ngăn tủ. Ngăn đựng táo quá cao, tôi phải chồng một lúc ba cái ghế mới với tới.

Ba lần ăn vụng táo đều trót lọt.

Tới lần thứ tư, tôi kiễng chân mạnh quá, chồng ghế lộn nhào hất tôi lăn kềnh dưới nền nhà, ê ẩm cả người.

Hôm sau gặp con Xin trên lớp, mặt tôi cứ lấm la lấm lét. Tôi chờ nó chửi tôi là đồ ăn vụng. Ghét tôi, nó quăng ba chữ "đồ trộm cắp" lên đầu tôi, tôi chỉ có khóc.

Nhưng tôi rình nó suốt cả buổi sáng, chẳng thấy nó có thái độ gì khác lạ. Con Xin vẫn nói cười tỉnh bơ, cứ như thể nhà nó chưa từng có trộm đột nhập. Chắc là ông Xung không biết tôi đã vào nhà trộm táo. Nhìn thấy mấy chiếc nghế đổ chổng kềnh, chắc ông nghĩ do bọn chó mèo gây ra. Tôi thở phào nhẹ nhõm và vài ngày sau tôi lại lơn tơn mò sang nhà nó.

Chơi u, chơi cướp cờ với tụi bạn chán, đến trò trốn tìm tôi nhìn quanh không thấy đứa nào để ý lại chui tọt vào nhà.

Phòng khám của ông Xung vắng hoe, ba chiếc ghế con xếp thành một hàng ngay ngắn trong góc.

Tôi liếc lên dãy ngăn kéo im lìm, phân vân không biết có nên bắc ghế leo lên một lần nữa không.

Đang lưỡng lự, ánh mắt tôi chợt chạm phải một ngăn kéo đưới thấp và lập tức mắc kẹt luôn ở đó.

Đó là ngăn kéo duy nhất có dán nhãn bên ngoài, độc một chữ "TÁO".

Trong một phút, không khí chung quanh tôi như đông cứng lại, mọi âm thanh xôn xao vọng vào từ ngoài sân đột ngột tắt ngấm trong tai tôi.

Tất cả những gì tôi nghe thấy trong lúc đó là tiếng trái tim tôi đang nện thình thịch trong lồng ngực, không, không phải lồng ngực, nó đang đập binh binh ở chỗ nào khác, thấp hơn, có thê trái tim tôi vừa rơi xuống một chỗ nào đó gần dạ dày.

Tay chân tôi tê liệt có đến một lúc. Đến khi cử động được, điều duy nhất tôi có thể làm là vùng chạy ra khỏi nhà con Xin. Chạy tuốt ra đường. Xa thật xa. Tôi cảm thấy xấu hổ, cứ như thể tôi vừa bị bắt quả tang thò tay vào ngăn kéo, mặc dù tôi biết ba con Xin không trách cứ gì tôi. Thậm chí ông cố tình đổi ngăn kéo đựng táo xuống phía đưới và ghi rõ chữ "TÁO" bên ngoài đề tôi có thể dễ dàng lấy trộm.

Ông "vẽ đường cho hươu chạy" chẳng qua ông sợ tôi té ngã khi phải bắc ghế trèo lên cao.

Nhưng kể từ hôm đó tôi không bao giờ nghĩ đến chuyện lây trộm táo của ông nữa, chẳng hiểu tại sao!

(Nguyễn Nhật Ánh, Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh, NXB Trẻ, 2010)

I. ĐỌC HIỂU 1 (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Xác định ngôi kể được sử dụng trong văn bản trên.

A. Ngôi kể thứ nhất B. Ngôi kể thứ hai

C. Ngôi kể thứ ba D. Ngôi kể thứ nhất và thứ ba

Câu 2. Nhân vật chính trong truyện "Ăn trộm táo" là ai?

A. Nhân vật "Xin" B. Nhân vật "tôi, Xin, Xung"

C. Nhân vật "ông Xung" D. Nhân vật "tôi"

Câu 3. Từ " ba" trong câu "***ba*** *lần ăn vụng táo đều trót lọt"*là từ đồng âm đúng hay sai?

A. Đúng B. Sai

Câu 4. Chủ đề của văn bản trên là gì ?

A. Giáo dục trẻ em lòng nhân hậu.

B. Giáo dục trẻ em tính lương thiện.

C. Giáo dục trẻ em khi trẻ phạm lỗi lầm.

D. Giáo dục trẻ em niềm tin cuộc sống.

Câu 5. Hành động ăn trộm táo của nhân vật "tôi" vì lí do gì?

A. Được xem hốt thuốc. B. Được xem ông khám bệnh

C. Được ăn táo mỗi ngày. D. Được học cách chữa bệnh.

Câu 6. Câu: "Nhưng kể từ hôm đó tôi không bao giờ nghĩ đến chuyện lấy trộm táo của ông nữa, chẳng hiểu tại sao!" thể hiện tâm trạng gì của nhân vật "tôi"?

A. Ngại ngùng. B. Lo sợ. C. E ngại. D. Xấu hổ.

Câu 7.Hãy nối các đáp án ở cột (A) phù hợp với các đáp án ở cột (B)

(A)	**(B)**
1. "vẽ đường cho hươu chạy"	a.Tục ngữ
	b.Thành ngữ
	c.Ca dao

Câu 8. Công dụng của dấu ngoặc kép trong cụm từ "đồ trộm cắp".

A. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp của nhân vật.

B. Đánh dấu lời dẫn gián tiếp của nhân vật.

C. Đánh dấu các từ ngữ có hàm ý mỉa mai.

D. Đánh dấu các từ ngữ được dùng với ý nghĩa đặc biệt.

Câu 9. Em rút ra được bài học gì từ văn bản trên?

Câu 10. Từ hành động hối hận của nhân vật "tôi" ở cuối văn bản, em sẽ hành động như thế nào trong cuộc sống của mình.

Phần	**Câu**	**Nội dung**	**Điểm**
I		**ĐỌC HIỂU**	**6,0**
	1	A	0,5
	2	D	0,5
	3	B	0,5
	4	C	0,5
	5	A	0,5
	6	D	0,5
	7	1+ b	0,5
	8	A	0,5
	9	Nêu được bài học của bản thân :(không nên tham lam, không trộm cắp...)	1,0
	10	Nêu được một số hành động của bản thân như: biết quí trọng sức lao động của bản thân và của người khác.	1,0

ĐỌC HIỂU 2.

Câu 1. Truyện có những nhân vật nào? Nhân vật nào là nhân vật chính?

Câu 2. Tìm trong đoạn sau những chi tiết miêu tả ý nghĩ, cảm nhận của nhân vật "tôi":

Trong một phút, không khí chung quanh tôi như đồng cứng lại, mọi âm thanh xôn xao vọng vào từ ngoài sân đột ngột tắt ngấm trong tai tôi.

Tất cả những gì tôi nghe thấy trong lúc đó là tiếng trái tim tôi đang nện thình thịch trong lồng ngực, không, không phải lồng ngực, nó đang đập binh binh ở chỗ nào khác, thập hơn, có thể trái tim tôi vừa rơi xuống một chỗ nào đó gần dạ dày.

Tay chân tôi tê liệt có đến một lúc. Đến khi cử động được, điều duy nhất tôi có thể làm là vùng chạy ra khỏi nhà con Xin. Chạy tuốt ra đường. Xa thật xa. Tôi cảm thấy xấu hổ, cứ như thể tôi vừa bị bắt quả tang thò tay vào ngăn kéo, mặc dù tôi biết ba con Xin không trách cứ gì tôi. Thậm chí ông cố tình đổi ngăn kéo đựng táo xuống phía dưới và ghi rõ chữ "TÁO" bên ngoài để tôi có thể dễ dàng lấy trộm.

Câu 3. Những chi tiết đó góp phần thể hiện nét tính cách gì của nhân vật?

Câu 4. Hành động viết chữ "TÁO" lên ô thuốc và để xuống vị trí thấp hơn chỗ cũ thể hiện phẩm chất gì của ông Xung?

Câu 5. VB viết về đề tài gì? Nêu chủ đề của truyện.

***Gợi ý:**

Câu 1. Truyện có những nhân vật như: "tôi", Xin, ông Xung. Nhân vật chính là nhân vật "tôi", vì các sự việc trong truyện đều xoay quanh nhân vật "tôi

Câu 2. Một số chi tiết miêu tả ý nghĩ và hành động của nhân vật "tôi":

- Miêu tả ý nghĩ:

+ "Tiếng trái tim tôi đang nện thình thịch trong lồng ngực"

+ "Tay chân tôi tê liệt có đến một lúc"

+ "Cảm thấy xấu hổ"

- Miêu tả hành động:

+ "Vùng chạy ra khỏi nhà con Xin. Chạy tuốt ra đường"

+ "Bị bắt quả tang thò tay vào ngăn kéo"

Câu 3. Những chi tiết này cho thấy nhân vật "tôi" có nét tính cách của trẻ con: ngây thơ, hồn nhiên.

Câu 4. Những chi tiết đó thể hiện tính cách:

- Lòng nhân hậu, thương người của ông Xung.

- Sự thấu hiểu tâm lí nhân vật "tôi" của ông Xung nên có cách giáo dục nhân vật "tôi" nhận ra lỗi lầm một cách tế nhị.

- Niềm tin của ông Xung vào bản chất lương thiện của nhân vật "tôi".

Câu 5. Đề tài của VB: cách giáo dục trẻ em khi trẻ phạm lỗi lầm. Chủ đề của VB này là cách giáo dục trẻ em tế nhị của người lớn khi trẻ phạm lỗi lầm, góp phần khơi dậy lòng hướng thiện của đứa trẻ

II.VIẾT

Câu 1. Từ nội dung được gợi ra ở câu chuyện trên, em hãy viết một bài văn bàn về một bài học mà em tâm đắc.

Thí sinh có thể có những điều (*bài học*) tâm đắc khác nhau về Câu chuyện "Ăn trôm táo", và lựa chọn điều tâm đắc nhất để trình bày.Có thể là một trong những *bài học*: về giá trị của sự hiểu lầm trong cuộc sống (*chút hiểu lầm được hóa giải khiến cuộc sống đẹp hơn, sâu hơn*); về sự quan tâm, sẻ chia, thấu hiểu; về lòng vị tha; biết nhận lỗi…

**** Xác định vấn đề nghị luận:*** Đây là dạng đề mở, HS có thể có nhiều cách giải mã khác nhau, sau đây là một hướng:

- Tóm tắt ngắn gọn câu chuyện.-> Chốt vấn đề: Sự khoan dung nếu đặt đúng lúc đúng chỗ thì nó có tác dụng to lớn hơn sự trừng phạt, nó tác động rất mạnh đến nhận thức của con người.

**** Bàn bạc, làm sáng tỏ vấn đề:***

- Khoan dung là gì? Khoan dung là sự rộng lượng, sẵn sàng tha thứ cho lỗi lầm của người khác. Đây là thái độ sống đẹp, một phẩm chất đáng quý của con người.
- Biểu hiện của lòng khoan dung: Sống vị tha, nhân ái, sẵn sàng tha thứ cho lỗi lầm của người khác, …
- Vai trò của lòng khoan dung?

+ Trong cuộc sống, ai cũng có lúc phạm phải sai lầm, nên việc bao dung, tha thứ là điều cần thiết đối với con người. Khi nhận được sự tha thứ, người mắc lỗi sẽ có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, giúp họ tự tin và có động lực hoàn thiện bản thân*(dẫn chứng)*.

+ Khoan dung, tha thứ cho những sai lầm của người khác sẽ khiến cho mối quan hệ giữa con người với con người trở nên tốt đẹp hơn…

**** Mở rộng:***

- Đối lập với khoan dung là đố kỵ, ghen tỵ, ích kỷ, định kiến. Nếu không biết khoan dung mà ích kỷ, hẹp hòi, con người sẽ luôn sống trong sự hận thù, bực bội, vì thế mối quan hệ giữa người với người cũng sẽ trở nên áp lực, căng thẳng.
- Cần phân biệt sự khoan dung với dung túng, bao che cho những việc làm sai trái. Khoan dung không có nghĩa là thấy sai mà vẫn làm ngơ, không nhắc nhở, điều chỉnh - đó là thái độ sống vô trách nhiệm.

*** Bài học nhận thức và hành động:**

- Nhận thức được tầm quan trọng của lòng khoan dung để biết cách rèn luyện.
- Khoan dung với người cũng là khoan dung với chính mình, những người luôn để thù hận, đố kỵ trong lòng sẽ không thể thanh thản, vui vẻ.
- Cần phê phán những người sống ích kỷ, hẹp hòi,…

ĐỀ 38

GIẤY CHỨNG NHẬN NGƯỜI

Trên đoàn tàu, cô soát vé hết sức xinh đẹp cứ nhìn chằm chằm vào người đàn ông lớn tuổi áng chừng đi làm thuê, hạch sách:

-Vé tàu!

Người đàn ông lớn tuổi lục khắp người từ trên xuống dưới một thôi một hồi, cuối cùng tìm thấy vé, nhưng cứ cầm trong tay không muốn chìa ra.

Cô soát vé liếc nhìn vào tay anh, cười trách móc:

– Đây là vé trẻ em.

Người đàn ông đứng tuổi đỏ bằng mặt, nhỏ nhẹ đáp:

-Vé trẻ em chẳng phải ngang giá vé người tàn tật hay sao?

Giá vé trẻ em và người tàn tật đều bằng một nửa vé, đương nhiên cô soát vé biết. Cô nhìn kỹ người đàn ông một lúc rồi hỏi:

-Anh là người tàn tật?

-Vâng, tôi là người tàn tật.

-Vậy anh cho tôi xem giấy chứng nhận tàn tật.

Người đàn ông tỏ ra căng thẳng. Anh đáp:

-Tôi… không có giấy tờ. Khi mua vé cô bán vé bảo tôi đưa giấy chứng nhận tàn tật, không biết làm thế nào, tôi đã mua vé trẻ em

Cô soát vé cười gằn:

-Không có giấy chứng nhận tàn tật, làm sao chứng minh được anh là người tàn tật?

Người đàn ông đứng tuổi im lặng, khe khẽ tháo giầy, rồi vén ống quần lên – Tôi chỉ còn một nửa bàn chân.

Cô soát vé liếc nhìn, bảo:

– Tôi cần xem chừng từ, tức là quyển sổ có in mấy chữ "Giấy chứng nhận tàn tật", có đóng con dấu bằng thép của Hội người tàn tật!

Người đàn ông đứng tuổi có khuôn mặt quả dưa đắng, giải thích:

– Tôi không có hộ khẩu của địa phương, người ta không cấp sổ tàn tật cho tôi. Hơn nữa, tôi làm việc trên công trường của tư nhân. Sau khi xảy ra sự cố ông chủ bỏ chạy, tôi cũng không có tiền đến bệnh viện giám định…

Trưởng tàu nghe tin, đến hỏi tình hình.

Người đàn ông đứng tuổi một lần nữa trình bày với trưởng tàu, mình là người tàn tật, đã mua một chiếc vé có giá trị bằng vé của người tàn tật …

Trưởng tàu cũng hỏi:

– Giấy chứng nhận tàn tật của anh đâu?

Người đàn ông đứng tuổi trả lời anh không có giấy chứng nhận tàn tật, sau đó anh cho Trưởng tàu xem nửa bàn chân của mình.

Trưởng tàu ngay đến nhìn cũng không thèm nhìn, cứ nhất quyết nói:

– Chúng tôi chỉ xem giấy chứng nhận, không xem người. Có giấy chứng nhận tàn tật chính là người tàn tật, có giấy chứng nhận tàn tật mới được hưởng chế độ ưu đãi vé người tàn tật. Anh mau mau mua vé bổ sung.

Người đứng tuổi bỗng thẫn thờ. Anh lục khắp lượt các túi trên người và hành lý, chỉ có bốn đồng, hoàn toàn không đủ mua vé bổ sung. Anh nhăn nhó và nói với trưởng tàu như khóc:

– Sau khi bàn chân tôi bị máy cán đứt một nửa, không bao giờ còn đi làm được nữa. Không có tiền, ngay đến về quê cũng không về nổi. Nửa vé này cũng do bà con đồng hương góp mỗi người một ít để mua giùm, xin ông mở lượng hải hà, giơ cao đánh khẽ, nương bàn tay cao quý, tha cho tôi.

Trưởng tàu nói kiên quyết:

– Không được.

Thừa dịp, cô soát vé nói với Trưởng tàu:

– Bắt anh ta lên đầu tàu xúc than, coi như làm lao động nghĩa vụ.

Nghĩ một lát, trưởng tàu đồng ý:

– Cũng được.

Một đồng chí lão thành ngồi đối diện với người đàn ông đứng tuổi tỏ ra chướng tai gai mắt, đứng phắt lên nhìn chằm chằm vào mắt vị trưởng tàu, hỏi:

– Anh có phải đàn ông không?

Vị trưởng tàu không hiểu, hỏi lại:

– Chuyện này có liên quan gì đến tôi có là đàn ông hay không?

– Anh hãy trả lời tôi, anh có phải đàn ông hay không?

– Đương nhiên tôi là đàn ông!

– Anh dùng cái gì để chứng minh anh là đàn ông? Anh đưa giấy chứng nhận đàn ông của mình cho mọi người xem xem?

Mọi người chung quanh cười rộ lên.

Thừ người ra một lát, vị trưởng tàu nói:

– Một người đàn ông to lớn như tôi đang đứng đây, lẽ nào lại là đàn ông giả?

Đồng chí lão thành lắc lắc đầu, nói:

– Tôi cũng giống anh chị, chỉ xem chứng từ, không xem người, có giấy chứng nhận đàn ông sẽ là đàn ông, không có giấy chứng nhận đàn ông không phải đàn ông.

Vị trưởng tàu tịt ngóp, ngay một lúc không biết ứng phó ra sao.

Cô soát vé đứng ra giải vây cho Trưởng tàu. Cô nói với đồng chí lão thành:

– Tôi không phải đàn ông, có chuyện gì ông cứ nói với tôi.

Đồng chí lão thành chỉ vào mặt chị ta, nói thẳng thừng:

– Cô hoàn toàn không phải người!

– Cô soát vé bỗng nổi cơn tam bành, nói the thé:

– Ông ăn nói sạch sẽ một chút. Tôi không là người thì là gì?

Đồng chí lão thành vẫn bình tĩnh, cười ranh mãnh, ông nói:

Cô là người ư? Cô đưa giấy chứng nhận "người" của cô ra xem nào…

Mọi hành khách chung quanh lại cười ầm lên một lần nữa.

Chỉ có một người không cười. Đó là người đàn ông trung niên bị cụt chân. Anh cứ nhìn chân chân vào mọi thứ trước mặt. Không biết tự bao giờ, mắt anh đẫm lệ, không rõ anh tủi thân, xúc động, hay thù hận.

Câu 1. Câu chuyện trên đây có ý nghĩa như thế nào trong việc xác lập lẽ sống cho bản thân?

Hãy viết bài văn nghị luận để trả lời cho câu hỏi đó

Câu 2 . Em hãy vận dụng hiểu biết về thể loại truyện ngắn để viết bài văn nghị luận với chủ đề " sức hấp dẫn của truyện ngắn Giấy chứng nhận người"

Hướng dẫn

âu	**Yêu cầu kiến thức và kỹ năng cần đạt**	**Điểm**
	Nghị luận xã hội	**8,0**
	*** Yêu cầu về kỹ năng**: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận. Hệ thống luận điểm, luận cứ rõ ràng, được sắp xếp logic. Lập luận chặt chẽ, lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục. Kết cấu bài văn hoàn chỉnh. Diễn đạt thanh thoát.	**2,0**
	*** Yêu cầu về kiến thức:** Học sinh có thể có thể có những nhận thức và kiến giải riêng miễn là đủ sức thuyết phục. Dưới đây là một số gợi ý mang tính định hướng.	**6,0**
	1. Giới thuyết chung **–** *Giấy chứng nhận người* của tác giả Úc Thanh là tác phẩm chứa đựng nhiều thông điệp nhân sinh sâu sắc. Trong câu chuyện đó, hành động vô trách nhiệm của ông chủ công trường nơi người đàn ông tàn tật làm thuê, thái độ và cách ứng xử máy móc, vô cảm của cô nhân viên soát vé cùng	

	người trưởng tàu, sự thờ ơ của đám đông hành khách, tất cả đều là biểu hiện cho sự xuống cấp về đạo đức lối sống của con người trong xã hội hiện đại. – Trong bức tranh đời sống ấy, vẫn còn đó vị hành khách lão thành với cách ứng xử đầy tính nhân văn. Khi tất cả mọi người đều thờ ơ, vô cảm thì ông lão đã dũng cảm đứng lên đấu tranh chống lại hành động hoạch sách của người trưởng tàu và cô nhân viên soát vé để bảo vệ người đàn ông tàn tật. Đó là cách ứng xử thể hiện thái độ thấu hiểu, sẻ chia và thấm đượm tình người. =>*Khái quát:*Như vậy, truyện ngắn *Giấy chứng nhận người* dù rất hạn hẹp về dung lượng câu chữ nhưng hàm chứa giá trị nhân sinh sâu sắc, gợi mở cho người đọc về một lẽ sống nhân văn, tích cực: Nói không với sự vô cảm, với cách ứng xử máy móc, quan liêu; lấy tình người làm trọng để quan tâm, yêu thương và chia sẻ với mọi người, đặc biệt là với những mảnh đời yếu thế.	1,0
	2. Bàn luận ***2.1. Một mặt, câu chuyện trên đây khiến chúng ta phải suy nghĩ về sự cần thiết phải đấu tranh chống lại thói quan liêu,máy móc, vô cảm*** **** Hậu quả của thói quan liêu, máy móc:*** – Thói quan liêu, máy móc dẫn đến việc không nắm bắt đúng bản chất của sự việc, từ đó dễ hành động sai lầm;tạo ra khoảng cách giữa người với người, khiến con người mất đi sự trân trọng, ủng hộ từ những người xung quanh. – Thói quen, cách ứng xử dựa trên mệnh lệnh, giấy tờ biến con người thành những cỗ máy lạnh lùng, vô cảm; mở đường cho sự lạm dụng quyền lực, thói độc tài. – Chúng ta bài trừ thói quan liêu, máy móc, nêu cao cách ứng xử linh hoạt nhưng phải tôn trọng luật pháp và chuẩn mực đạo đức xã hội, đảm bảo sự hài hòa giữa lý và tình, lý thuyết và thực tiễn.Cách ứng xử linh hoạt không đồng nghĩa với thói tráo trở, luồn lách, bất chấp công lý, lẽ phải, sự thật để đạt được mục đích cá nhân. **** Tác hại của sự vô cảm trong đời sống:*** – Cùng với thói quan liêu, máy móc thì sự vô cảm cũng là nguyên nhân khiến tâm hồn trở nên chai lì, tàn lụi, không cảm nhận được niềm vui, nỗi buồn, hạnh phúc, khổ đau, ý nghĩa của cuộc sống. – Sự vô cảm cũng là biểu hiện của thái độ thiếu trách nhiệm trước cuộc đời, trước những bất công, ngang trái, những vấn đề nhức nhối của thời đại, nhân loại; tạo cơ hội cho cái ác, cái xấu lộng hành. – Thói vô cảm sẽ dẫn đến tự cô lập bản thân, tách mình ra khỏi xã hội, đánh mất tính cộng đồng, tinh thần đoàn kết,…. *=>Có thể nói, chính thói quan liêu, máy móc, vô cảm là những nguyên cớ khiến con người mất đi nhân tính – yếu tố quan trọng nhất để "chứng nhận" con người.* ***2.2. Mặt khác, câu chuyện cũng có ý nghĩa đề cao tình người, sự thấu hiểu, chia sẻ và tinh thần đấu tranh bảo vệ những mảnh đời khốn***	1,0 1,0 1,0

	khổ – Lẽ sống biết yêu thương, thấu cảm là biểu hiện của nhân tính, là tờ "giấy chứng nhận người" quan trọng nhất để phân biệt con người với muôn loài. – Sự yêu thương, chia sẻ, thấu cảm thắp lên niềm tin, hi vọng và nghị lực sống ở con người, nhất là những mảnh đời bất hạnh. – Lẽ sống ấy cũng gắn kết người với người, khiến cho quan hệ giữa người với người trở nên bền chặt. – Hơn hết, lẽ sống nhân văn ấy phù hợp đạo lí làm người, trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển của đời sống con người và xã hội. – Cần lưu ý rằng, chúng ta nên lấy tình yêu thương con người làm lẽ sống nhưng không để người khác lợi dụng tình cảm ấy để làm việc sai trái; cần đặt tình cảm ấy đúng người, đúng chỗ. *=> Lẽ sống coi trọng tình người, ứng xử thấu tình đạt lí, quan tâm, thấu hiểu và dũng cảm đấu tranh bảo vệ lẽ phải chính là cách để con người giữ lại nhân tính – bằng chứng vô hình để xác nhận danh phẩm "con người".*	
	3. Bài học nhận thức và hướng hành động của bản thân Khẳng định câu chuyện được kể trong *Giấy chứng nhận người* có ý nghĩa hết sức thiết thực đối với bản thân trong việc xác lập lẽ sống: – Nhận thức rõ hậu quả của cách ứng xử máy móc, quan liêu, vô cảm trong quan hệ với những người xung quanh. – Xem xét vấn đề một cách toàn diện; giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, thấu tình đạt lý. – Dũng cảm đấu tranh chống lại sự ích kỷ, tầm thường, hời hợt, vô cảm trong chính bản thân. – Luôn có niềm tin vào những điều tốt đẹp trong đời sống xã hội; – Gần gũi, quan tâm, mở rộng lòng mình, bao dung, vị tha, biết đặt mình vào vị trí của người khác…	2,0
	Nghị luận văn học	**12,0**
	*** Yêu cầu về kỹ năng**: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận. Vận dụng sáng tạo và linh hoạt các kỹ năng làm văn để viết bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh. Hệ thống luận điểm rõ ràng, được sắp xếp một cách logic. Lập luận chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục; diễn đạt trong sáng, rõ ràng.	**2,0**
	*** Yêu cầu về kiến thức**: Bài làm phải vận dụng hiểu biết về thể loại truyện ngắn để phân tích, làm rõ vấn đề: Sức hấp dẫn của truyện ngắn *Giấy chứng nhận người*. Mọi sự kiến giải trong bài làm phải có cơ sở từ lí luận, từ cấu trúc văn bản tác phẩm; tránh thoát li văn bản và suy luận thiếu căn cứ, tránh diễn nôm nội dung văn bản. Dưới đây là một số gợi ý cơ bản mang tính định hướng:	**10,0**
	1. Giới thuyết chung	

	– *Sức hấp dẫn:* khả năng thu hút, lôi cuốn sự say mê thích thú của người đọc bởi giá trị nội dung sâu sắc và hình thức nghệ thuật độc đáo. – *Truyện ngắn:* Một thể loại văn học thuộc phương thức tự sự;được viết bằng văn xuôi, có dung lượng ngắn; phản ánh hiện thực đời sống theo lối chấm phá điểm nhãn nhưng lại có sức mạnh khái quát rộng lớn. – Sức hấp dẫn của một tác phẩm truyện ngắn trước hết được tạo ra bởi chiều sâu nội dung tư tưởng. Sức hấp dẫn của một tác phẩm truyện ngắn đồng thời được tạo ra bởi nghệ thuật tổ chức các thành tố trong cấu trúc tác phẩm như cốt truyện, nhân vật, không gian thời gian nghệ thuật, cách thức tổ chức trần thuật,… Các thành tố ấy vừa phải kết hợp hài hòa với nhau để tạo thành một chỉnh thể nghệ thuật, vừa phải tương ứng với việc bộc lộ tư tưởng nghệ thuật của tác giả. – *Giấy chứng nhận người* của tác giả Úc Thanh thuộc kiểu "truyện cực ngắn", nhưng có sức mạnh khái quát đời sống rộng lớn. Mỗi thành tố trong cấu trúc tự sự của tác phẩm đều được sắp xếp, tổ chức một cách đầy tính thẩm mĩ; tất cả các thành tố đều có giá trị thể hiện tư tưởng nghệ thuật của tác giả. Có thể nói, đây là một tác phẩm giàu tính thẩm mĩ cả về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật, một "kết cấu vẫy gọi" đối với người đọc.	1,0
	2. Sức hấp dẫn của truyện ngắn *Giấy chứng nhận người* ***2.1. Nghệ thuật tự sự độc đáo*** ** Nhan đề……* – Gợi hiện thực trái ngang phi lí. – Gợi tình huống chủ đạo trong truyện. – Gợi cách ứng xử quan liêu, cứng nhắc, thiếu tình yêu thương và sự cảm thông giữa người với người. – Gợi ấn tượng, thu hút sự tò mò của người đọc. =>Cách dụng chữ độc đáo của tác giả đã tạo ra một nhan đề có khả năng gợi trường liên tưởng rộng lớn và mang tính khái quát cao ** Cốt truyện* Cốt truyện trong truyện ngắn này thuộc kiểu *cốt truyện đơn tuyến*. Kiểu cốt truyện này không có gì mới lạ, nhưng điểm đáng chú ý trong truyện ngắn này là ở *nghệ thuật tổ chức cốt truyện:* – *Cấu trúc cốt truyện theo trật tự tuyến tính gồm 5 bước hết sức chặt chẽ*: Mở đầu -> Thắt nút -> Phát triển -> Đỉnh điểm -> Kết thúc. Diễn biến cốt truyện theo chiều tuyến tính, nhưng tất cả mọi diễn biến lại đồng tâm, cùng hướng về mục đích phản ánh xung đột bao trùm tác phẩm. – Để thúc đẩy diễn tiến cốt truyện theo ý đồ nghệ thuật của mình, tác giả đã xây dựng liên tiếp các *tình huống đầy bất ngờ, ngoài sự đoán định của người đọc*. Tình huống thứ nhất, người đàn ông tàn tật bị cô nhân viên soát vé và người trưởng tàu đẩy vào thế bất lực, tuyệt vọng vì không thể có giấy chứng nhận người. Tình huống thứ hai, vị khách lão thành bất ngờ đứng dậy đấu tranh bảo vệ người đàn ông tàn tật, và đặt người trưởng tàu vào thế phải lặng câm vì không thể có giấy chứng nhận đàn ông. Tình huống thứ ba, cô nhân viên soát vé ra mặt giải vây cho người trưởng tàu,	0,5 2,0

	nhưng bị vị khách lão thành đưa vào thế dở khóc dở cười vì cô ta không thể có giấy chứng nhận người. Cả ba tình huống đều thuộc kiểu tình huống xung đột, và được sắp xếp theo trật tự tăng dần kịch tính. Cả ba tình huống đều xoay quanh cái gọi là "giấy chứng nhận", lúc thì giấy chứng nhận tàn tật, lúc lại giấy chứng nhận đàn ông, và đỉnh điểm là giấy chứng nhận người. Cách tổ chức tình huống truyện đặc sắc như thế khiến câu chuyện được kể càng lúc càng kịch tính, và chính điều này cũng góp phần phản ánh chân thực xung đột trong đời sống xã hội. – Trong truyện xuất hiện một số *chi tiết nghệ thuật có sức nặng ngàn cân*. Đặc biệt phải kể đến các chi tiết kết thúc các tình huống truyện – ngắn gọn nhưng đó lại là điểm rơi tư tưởng của tác giả. – Câu chuyện *kết thúc* khi ông trưởng tàu và cô nhân viên soát vé đuối lí, tất cả hành khách đều cười, chỉ một mình người đàn ông tàn tật im lặng và rơi lệ. Sự im lặng và những giọt nước mắt ấy nói lên điều gì? Trạng thái tủi thân, xúc động, hay thù hận?… Đó là khoảng trống mà tác giả dành cho người đọc liên tưởng. Sức gợi của cái kết vì thế được mở rộng khôn cùng. =>Như vậy, nghệ thuật tổ chức cốt truyện đặc sắc là một trong những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn của tác phẩm. Trong truyện ngắn này, cốt truyện không chỉ là một yếu tố thuộc về kỹ thuật tự sự mà chính cốt truyện ấy có chức năng tạo nghĩa cho tác phẩm. * *Thế giới nhân vật……* – Một truyện ngắn, thuộc kiểu mini, nhưng có sự xuất hiện của khá nhiều nhân vật. Có người trưởng tàu, có nhân viên soát vé, có người trí thức, có đám đông hành khách vô cảm; có người của công quyền, có hạ dân dưới đáy xã hội. Có thể nói đủ mọi thành phần xã hội xuất hiện trong thế giới nhân vật. Đó là ý đồ nghệ thuật để tăng sức mạnh phản ánh. Đó cũng là minh chứng cho sự du nhập của bút pháp tiểu thuyết trong truyện ngắn này. – Tất cả các nhân vật đều không có tên riêng, mà chỉ gắn với một lớp người trong xã hội. Điều đó làm tăng tính khái quát cho câu chuyện được kể. – Quan hệ giữa người với người trong thế giới nhân vật ấy cũng là điều đáng quan tâm. Ông chủ của người đàn ông tàn tật bóc lột sức lao động mà không trả tiền cho anh; người trưởng tàu là đại diện cho công quyền nhưng lại quan liêu, cứng nhắc. Cô nhân viên soát vé có ngoại hình xinh đẹp nhưng lạnh lùng vô cảm. Đám đông hành khách chẳng ai lên tiếng trước sự việc trái ngang. Trong bức tranh ấy còn sót lại duy nhất một ngọn lửa của lương tri, của tình người. Đó là vị khách lão thành – người đã dũng cảm đứng lên bảo vệ và giúp đỡ người tàn tật. Thái độ tác giả? Đặt niềm tin vào con người trong một thế giới mà người với người vô cảm. – Khi câu chuyện kết thúc, người trưởng tàu và cô soát vé đuối lí, trở thành trò cười cho đám đông. Còn người tàn tật đã được bảo vệ. Đó cũng là khát vọng của nhà văn hướng về những người yếu thế. * *Không gian nghệ thuật* ……	2,0 0,5

	– Toàn bộ câu chuyện được đặt trong không gian một chuyến tàu – không gian biểu trưng cho xã hội. Nói cách khác, đó là không gian thu nhỏ của xã hội. – Trong không gian đó có người trưởng tàu, cô nhân viên soát vé, có vị khách lão thành, có người hành khách trung niên tàn tật, có cả đám đông khách đi tàu. Vậy là, thêm một dấu hiệu cho thấy nhà văn muốn đưa tất cả bức tranh của hiện thực đời sống dồn nén vào trong không gian chuyến tàu. Sức mạnh phản ánh đời sống của truyện vì thế mạnh mẽ hơn. ** Thời gian nghệ thuật* – Câu chuyện được kể gắn với khoảnh khắc thời gian ngắn ngủi của chuyến tàu, đúng hơn là khoảnh khắc đầu tiên của một chuyến tàu. Một nhát cắt thôi mà đủ để phản ánh cả dòng đời đang hiện hữu. – Ở đây, thời gian trần thuật và thời gian được trần thuật cơ bản trùng khít vào nhau; những gì xảy ra trước khi các nhân vật bước lên chuyến tàu đã được lược bỏ, chỉ còn lại vài chi tiết giới thiệu ngắn gọn về việc người đàn ông tàn tật đi làm thuê cho một công trường, bị tai nạn, người chủ bỏ trốn khiến ông không thể có tiền mua vé về quê, đành nhờ sự giúp đỡ của đồng hương để mua vé dành cho trẻ em. => Để thời gian trần thuật trùng khít với thời gian được trần thuật là cách để tác giả tập trung phản ánh hiện thực đang diễn ra trong đời sống xã hội. ** Người kể, cách kể và giọng điệu kể chuyện* – Toàn bộ câu chuyện được kể bởi người kể chuyện ở ngôi thứ ba theo điểm nhìn khách quan bên ngoài. Điểm đặc sắc của cách kể trong truyện ngắn này là người kể chỉ giữ vai trò dẫn chuyện, còn phần lớn dung lượng của truyện dành cho đối thoại giữa các nhân vật. Cách kể đó khiến câu chuyện được kể giàu tính khách quan và chân thực hơn. – Lối kể chuyện này cộng hưởng với giọng điệu lạnh lùng, pha chút trào phúng đã góp phần giúp tác giả phản ánh chân thực bức tranh đời sống đang diễn ra. ***2.2. Tư tưởng nghệ thuật sâu sắc*** Như đã đề cập trên đây, *Giấy chứng nhận người* "cực ngắn" về dung lượng câu chữ nhưng lại có chiều sâu khôn cùng về tư tưởng. Qua thế giới nghệ thuật của tác phẩm, người đọc có thể cảm nhận được lớp lớp những điều nhà văn muốn nói. Đó là thái độ bất bình trước hiện thực trái ngang của đời sống; là lời tuyên chiến với lối sống quan liêu, máy móc, vô cảm của người đời; đó là thân phận khổ đau của người lao động; là lòng thương yêu, cảm thông và tinh thần đấu tranh bảo vệ những mảnh đời yếu thế dưới đáy xã hội; Tác phẩm cũng là lời cảnh tỉnh đối với con người về sự đánh mất nhân tính. Có thể nói, *Giấy chứng nhận người* hàm chứa trong đó đa chủ đề, gợi mở nhiều suy tư trăn trở về thế thái nhân tình và cách ứng xử giữa người với người trong cuộc sống.	0,5 0,5 2,0
	3. Đánh giá nâng cao – Sự kết hợp giữa nghệ thuật tự sự độc đáo và tư tưởng nhân sinh sâu	1,0

	sắc là cơ sở để truyện ngắn này trở thành một "kết cấu vẫy gọi". – Sức hấp dẫn của truyện ngắn này không chỉ thể hiện riêng lẻ qua cấu trúc của các thành tố, mà còn thể hiện ở mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành tố trong cấu trúc tự sự của tác phẩm. Có thể nói, mọi thành tố nghệ thuật trong truyện ngắn này đều giữ vai trò hết sức quan trọng trong chỉnh thể tác phẩm. -Để có được những tác phẩm như thế đòi hỏi người nghệ sĩ phải đủ nhiệt tâm với đời, với nghề viết và đặc biệt là phải mang trong mình tư chất, bản lĩnh sáng tạo của người nghệ sĩ. – Với người đọc, những tác phẩm đặc sắc, giàu sức hấp dẫn như truyện ngắn *Giấy chứng nhận người* không chỉ có giá trị nâng cao nhận thức, bồi dưỡng tâm hồn, gợi mở lẽ sống, mà còn có giá trị nâng cao năng lực thẩm mĩ. – Sức hấp dẫn của một tác phẩm văn chương không hoàn toàn phụ thuộc vào nhà văn, không hiển lộ trên bề mặt ngôn từ, mà tùy thuộc vào cảm quan của mỗi người đọc.	
	Điểm toàn bài	**10,0**

ĐỀ 39

I.ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Trên sân ga của tuyến đường sắt Nikôlai có hai người bạn cũ gặp nhau: một người béo, một người gầy. Anh béo vừa ăn ở nhà ga xong, môi láng nhẫy bơ như quả đào chín. Người anh ta toát ra mùi rượu nho loại nặng, mùi nước hoa cam. Còn anh gầy thì mới xuống tàu, hai tay lỉnh kỉnh nào vali, nào hộp, nào túi. Người anh ta toát ra mùi thịt ướp, mùi bã cà phê. Sau lưng anh ta là một người đàn bà gầy gò, cằm dài – đó là vợ anh ta, và một cậu học sinh cao lêu nghêu mắt nhíu lại – đó là con trai anh ta.

– Porphiri đấy à? – anh béo kêu lên, khi vừa nhác thấy anh gầy. – Đúng là cậu ư? Ôi, ông bạn thân mến của tôi! Bao nhiêu đông qua hè lại chúng mình không gặp nhau rồi!

– Trời! – anh gầy sửng sốt. – Misa! Bạn từ thuở nhỏ của tôi! Cậu ở đâu ra thế?

Hai người bạn ôm nhau hôn đến ba lần, mắt rưng rưng chăm chăm nhìn nhau. Cả hai đều kinh ngạc một cách đầy thú vị.

– Cậu ạ, – anh gầy bắt đầu nói sau khi hôn xong – Mình quả không ngờ! Đột ngột quá! Nào, cậu nhìn thẳng vào mình xem nào! Ô, trông cậu vẫn đẹp trai như xưa, vẫn lịch thiệp, sang trọng như xưa! Chà, hay thật! À, mà cậu bây giờ thế nào rồi? Giàu không? Lấy vợ chưa? Mình thì có vợ rồi, cậu thấy đấy… Đây, vợ mình đây, Luida, nguyên họ là Vanxenbắc, theo đạo Luyte… Còn đây là con trai mình, Naphanain, học sinh lớp ba. Này con, bác đây là bạn hồi nhỏ của bố đấy! Cùng học phổ thông với nhau đây.

Naphanain ngập ngừng một lát rồi bỏ chiếc mũ mềm xuống.

– Cùng học phổ thông với bố đấy con ạ! – anh gầy nói tiếp – À này, cậu còn nhớ cậu bị chúng nó trêu chọc thế nào không? Chúng nó gọi cậu là Gêrôxtrát vì cậu lấy thuốc lá châm cháy một cuốn sách mượn của thư viện, còn mình thì chúng nó gọi là

Ephian vì mình hay mách. Hô… hô… Dạo ấy bọn mình trẻ con thật! Đừng sợ con, Naphanain! Con lại gần bác chút nữa nào… Còn đây là vợ mình; nguyên họ là Vanxenbắc… theo đạo Luyte…

Naphanain suy nghĩ một lát rồi nép vào sau lưng bố.

– Này anh bạn, bây giờ sống ra sao? – anh béo hỏi, nhìn bạn mình với vẻ đầy hoan hỉ. – Làm ở đâu? Thành đạt rồi chứ?

– Ừ, mình cũng có đi làm, anh bạn ạ! Hai năm nay mình là viên chức bậc tám, cũng được mề đay "Xtanixláp". Lương lậu chẳng đáng là bao… nhưng mà thôi, thây kệ nó! Vợ mình dạy nhạc, mình thì làm thêm tẩu thuốc bằng gỗ. Tẩu đẹp lắm cậu ạ! Mình bán một rúp một cái đấy. Nếu ai mua cả chục hay nhiều hơn thì, cậu biết đấy, có bớt chút ít. Cũng cố sống qua loa thế nào xong thôi. Cậu biết không, trước mình làm ở cục, bây giờ thì mình được chuyển về đây, thăng lên bậc bảy cũng trong ngành đó thôi… Mình sẽ làm ở đây. Còn cậu sao rồi? Chắc là cỡ viên chức bậc năm rồi chứ? Phải không?

– Không đâu, anh bạn ạ, cao hơn thế nữa đấy, – anh béo nói. – Mình là viên chức bậc ba rồi… có hai mề đay của Nhà nước.

Anh gầy bỗng dưng tái mét mặt, ngây ra như phỗng đá, nhưng lát sau thì anh ta toét miệng cười mặt mày nhăn nhúm; dường như mắt anh ta sáng hẳn lên. Toàn thân anh ta rúm ró, so vai rụt cổ khúm núm… Cả mấy thứ vali, hộp, túi của anh ta như cũng co rúm lại, nhăn nhó… Chiếc cằm dài của bà vợ như dài thêm ra; thằng Naphanain thì rụt chân vào và gài hết cúc áo lại…

– Dạ, bẩm quan trên, tôi… tôi rất lấy làm hân hạnh ạ. Bạn… nghĩa là bạn… từ thuở nhỏ, thế rồi bỗng nhiên làm chức to thế. Hì hì hì.

– Thôi, cậu đừng nói thế đi! – anh béo cau mặt. – Sao cậu lại giở giọng thế? Mình với cậu là bạn từ thuở nhỏ – việc gì cậu lại giở giọng quan cách thế.

– Dạ bẩm quan… Quan lớn dạy gì kia ạ… – anh gầy cười hì hì, người càng rúm ró hơn. – Quan lớn chiếu cố cho thế này là đội ơn mưa móc cho kẻ bần dân đấy ạ… Dạ bẩm quan trên, thưa đây là con trai tôi Naphanain… và vợ là Luida, theo đạo Luyte đấy ạ…

Anh béo định quở trách điều gì thêm, nhưng gương mặt anh gầy toát ra vẻ kính cẩn, lâng lâng hoan hỉ đến mức anh béo cảm thấy buồn nôn. Anh béo ngoảnh mặt đi và đưa tay từ biệt anh gầy. Anh gầy nắm ba ngón tay anh béo, cúi gập mình xuống chào và cười lên như một chú tẫu: "Hì

hì hì". Bà vợ mỉm cười. Naphanain kéo chân lại và buông thõng chiếc mũ xuống. Cả ba người đều sững sờ một cách đầy thú vị.

(*Anh béo và anh gầy,* An-tôn Sê-khốp, in trong *Tuyển truyện ngắn An-tôn Sê-khốp,* NXB Văn học, Hà Nội, 2001, Tr.101-102)

Thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Văn bản trên chủ yếu được kể lại từ điểm nhìn của ai? (0,5 điểm)

Câu 2. Chi tiết nào khiến cho "anh gầy" thay đổi thái độ đối với "anh béo"? (0,5 điểm)

Câu 3. Phân tích những đặc điểm nổi bật của nhân vật "anh gầy" trong văn bản? (1,0 điểm)

Câu 4. Xác định chủ đề của văn bản? (1,0 điểm)

Câu 5. Từ văn bản trên, em có suy nghĩ gì về thói xu nịnh trong cuộc sống? (1,0 điểm)

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích ngắn gọn chủ đề của bài thơ sau:

Ngông nghênh tuổi trẻ
vô tình đục rạn chân chim mắt mẹ.
Ngông nghênh tuổi trẻ vô tình vít còng lưng cha.
Hồn nhiên bước vào ngôi nhà hôn nhân
Cuộc sống lứa đôi đại ngàn nhiệt đới
Ta bơ vơ đứa trẻ rừng chiều lạc lối
Như thiêu thân lao vào ánh sáng công danh Bảy dại… Ba khôn
Một giận… Mười buồn
Đi giữa cõi nhân gian ta như quả non xanh ủ đất đèn chín ép.
Chuyến tàu đời vừa qua ga Lục Thập29 Ngoái lại, ước chi
Đó là BẢN NHÁP.

(*Bản nháp*, Vân Anh, in trong *Dưới vòm sữa mẹ*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2016)

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của em về câu nói: *Hãy sống như lửa cháy.*

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4,0**
	1	Văn bản trên chủ yếu được kể lại từ điểm nhìn của người kể chuyện.	0,5
	2	Chi tiết khiến cho "anh gầy" thay đổi thái độ đối với "anh béo" là khi "anh gầy" nghe "anh béo" nói về công việc của mình (*Mình là viên chức bậc ba rồi… có hai mề đay của Nhà nước*).	0,5
	3	Phân tích những đặc điểm nổi bật của nhân vật "anh gầy": – Ngày lúc xuất hiện, tác giả đã miêu tả "anh gầy" với các chi tiết: *hai tay lỉnh kỉnh nào vali, nào hộp, nào túi. Người anh ta toát ra mùi thịt ướp, mùi bã cà phê.* Tất cả các chi tiết ấy làm toát lên một cuộc sống nghèo khổ. – "Anh gầy" là người nói nhiều: lúc "anh béo" chưa hỏi gì thì anh đã kể hết về gia cảnh, về công việc của mình. Anh cũng là người bép xép: chính anh khai ra hồi đi học anh là kẻ hay mách. – "Anh gầy" là người có bản tính hèn kém, ưa nịnh bợ: khi nghe bạn	1,0

		mình là viên chức bậc ba, có hai mề đay nhà nước, anh tái mét mặt, thái độ khúm núm, thay đổi cách xưng hô.	
	4	Chủ đề của văn bản: Từ tình huống tái ngộ bất ngờ giữa "anh béo" và "anh gầy", tác giả phê phán những kẻ mang trong mình "tâm lí nô lệ", hèn nhát, run sợ trước quyền lực, có thói quen bợ đỡ, xu nịnh kẻ bề trên.	1,0

	5	Suy nghĩ về thói xu nịnh trong cuộc sống: – Xu nịnh là hành vi luồn cúi, bợ đỡ, nịnh nọt để lấy lòng kẻ bề trên, nhằm trục lợi cho mình. – Xu nịnh làm cho con người ta trở nên hèn kém, đánh mất lòng tự trọng. – Xu nịnh về bản chất là thói giả dối, nó khiến cho người được xu nịnh ảo tưởng về bản thân. – Thói xu nịnh cũng làm cho sự thực bị che giấu, khiến xã hội chậm phát triển.	1,0
II		**VIẾT**	**6,0**
	1	**Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích chủ đề của bài thơ "Bản nháp".**	***2,0***
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Phân tích chủ đề của bài thơ "Bản nháp".	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận Sau đây là một số gợi ý: + Bài thơ là lời giãi bày về sự dại khờ của con người trong những chặng đường của cuộc đời: – Lúc còn tuổi trẻ, vì khờ dại, ta là gánh nặng cho cha mẹ. Sự ngây thơ dại dột, bồng bột của tuổi trẻ làm cho cha mẹ thêm già đi. – Khi lớn lên, ta hồn nhiên bước vào cuộc sống hôn nhân mà không có sự chọn lựa kĩ càng, khiến ta không tìm được tiếng nói chung, *bơ vơ như đứa trẻ rừng chiều lạc lối.* – Rồi ta mù quáng lao vào công danh, sự nghiệp, có khi đánh mất cả chính mình.	0,5

		– Nhìn lại những chặng được đã qua, ta thấy ta giờ đã 60 mà vẫn chưa trưởng thành, vẫn là một thứ quả *ủ đất đèn chín ép.* – Sự hối tiếc đó khiến ta ước gì quá khứ chỉ là bản nháp, để ta có thể "xé nháp" mà làm lại từ đầu. + Từ đó, bài thơ gửi gắm thông điệp: mỗi con người hãy nên sống một cách cẩn trọng, sâu sắc, có ý nghĩa trong mỗi giai đoạn của cuộc đời, để sau này nhìn lại sẽ không phải hối tiếc.	
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. – Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	0,5
		đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	**Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về câu nói: *Hãy sống như lửa cháy.***	***4,0***
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận xã hội.	0,25

		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Suy nghĩ về câu nói: *Hãy sống như lửa cháy.*	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết – Xác định được các ý chính của bài viết – Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: 1. Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề: – Có nhiều câu danh ngôn hay khuyên ta hãy sống tích cực. *Hãy sống như lửa cháy* là một trong những câu danh ngôn đó. – Đây là một câu danh ngôn có nhiều ý nghĩa. 2. Triển khai vấn đề nghị luận:	1,0

		2.1. Giải thích: – Lửa là hình ảnh của ánh sáng, cho sức nóng. – Sống như lửa cháy là sống một cách đầy nhiệt huyết, sống một cách lãnh liệt, rạng rỡ huy hoàng. => Khuyên con người hãy sống hết mình, sống một cuộc sống đầy ý nghĩa. 2.2. Bàn luận về tính đúng đắn của ý kiến: Ý kiến trên là đúng đắn, bởi lẽ: – Con người ta chỉ sống có một lần, cho nên cần sống thật say mê, thật hết mình, để làm cho bản thân hạnh phúc và cống hiến hết sức cho xã hội. Có như vậy ta mới không uổng kiếp làm người. – Sống nhiệt huyết, hết mình sẽ giúp khơi dậy những khả năng vốn ngủ say trong ta, giúp ta trở thành một con người ưu tú. – Sống nhiệt huyết, hết mình sẽ giúp truyền cảm hứng cho những người khác, khiến họ cũng trở nên yêu cuộc đời hơn. – Nếu mỗi người đều biết cách tỏa sáng, sống hết mình thì xã hội sẽ phát triển, tiến bộ nhanh chóng. 2.3. Phê phán những biểu hiện sai lệch: – Cần phê phán những con người sống lay lắt, sống chỉ để cho qua ngày đoạn tháng. – Cần phê phán những con người sống liều lĩnh, bất chấp. 3. Rút ra bài học cho bản thân: – Cần hình thành cho mình một lối sống nhiệt huyết, luôn khát khao vươn lên, khát khao cống hiến. – Cần tránh xa lối sống bị động, sống leo lét, sống không mục đích.	
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. – Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	1,5
		đ. Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5

ĐỀ 40

CÂY SA MỘC CHẾT ĐỨNG – Tống Ngọc Hân

[...] Vào lúc Diu tưởng mình đã kiệt sức thì chân cô chạm vào một quầng lá khô đỏ sậm lưu cữu từ bao nhiêu mùa trải rộng trước mắt. Diu ngẩng mặt. Một tán lá đỏ rực che kín cả góc trời. Gốc cây to cả chục vòng tay ôm. Dưới tán cây, những cây khoai dại mọc từng vạt xanh um và những cái dây leo óng ánh mảnh mai bám quanh cọng lá. Diu mừng ứa nước mắt. Thuốc quý đây rồi. Diu mê mải gom lá thuốc đầy cái túi vải mang theo và chuẩn bị xuống núi. Trời sắp tối. Nhưng kìa...một con suối nhỏ, nước trong vắt, róc rách hiện ra trước mắt Diu, như níu kéo. Nhìn cái thân thể nhớp nhúa, lấm lem sau gần hai ngày chui rúc trong rừng, lại nhìn khung cảnh vắng lặng xung quanh, Diu bẽn lẽn cởi bỏ váy áo, cởi bỏ xà cạp và lội xuống suối. Cô lấy tay té nước lên người một cách sảng khoái...

Đã đeo túi thuốc lên vai, nhưng như người bị bỏ bùa, Diu không quay lại mà liều lĩnh tiến về phía gốc cây cổ thụ màu trắng và khẽ chạm tay vào những vết nứt lớn trên vỏ cây. Diu chưa từng thấy loài cây nào đẹp, to và vững trãi đến vậy. Triệu triệu chiếc lá đỏ lăn tăn kết với nhau thành một cái ô khổng lồ, to gấp trăm gấp nghìn lần cái bầu trời mướp đắng sân nhà cô. Những tia nắng cuối ngày lọt qua tán lá dầy rơi xuống mắt Diu đỏ lựng như những giọt máu. Mắt Diu hoa lên như không nhìn thấy gì nữa. Cô nhắm mắt lại, ngồi xuống. Không thể nào cưỡng được nỗi thèm muốn ngả lưng lên đệm lá nữa rồi. Thảm lá khô êm như đệm lau và cơn gió như được chén no đã thôi gầm gào, chỉ còn khẽ chờn vờn, mơn man, mát dịu. Diu chìm vào sự vỗ về kì diệu mà lần đầu tiên cô được tận hưởng.

[...] Cô băng mình qua biển lửa rừng rực với hi vọng dòng suối sẽ cứu được mình. Diu cũng không thể tin là tại sao mình sống sót. Có lẽ, khi ấy, Diu chết luôn đi, còn hơn là sống. Sống với một khuôn mặt và thân hình nhì nhằng, dúm dó những sẹo. Sống mà người yêu bỏ mình đi lấy người khác. Thì sống có khác gì chết. Nhưng mà Diu lại không thể chết được. Vì bố mẹ cô đã phải bán cả trâu, cả ruộng và vay mượn khắp nơi để lấy tiền chữa chạy và cứu sống cô. Trước đây, cô rất hận Châu. Nhưng thời gian qua đi, cô lại nghĩ khác. Châu không có tội tình gì mà phải sống trọn đời trọn kiếp bên một người vợ xấu xí như cô. Với khuôn mặt bị ngọn lửa trút giận lên đến tang thương, cô không còn là Diu xinh đẹp rực rỡ như bông chuối rừng. Với đôi bàn tay biến dạng, cô không còn là Diu khéo léo với những chiếc thắt lưng hay ống tay áo thêu tơ xanh mềm như mảng cỏ xuân. Diu không còn là nỗi niềm khao khát của bao nhiêu đứa trai Huổi Tào nữa. [...]

[...] Hình như, Diu còn nghe thấy cả tiếng thở của con thú đang rình mồi. Nếu là con thú đói, nó đã lăn xả vào cô mà banh mà xé. Diu giơ hai bàn tay ra phía trước khua khoắng với bản năng tự vệ. Rồi tay Diu chạm vào vật gì đó giống như là bàn tay người. Diu vội vàng ngoi khỏi đám lá khô và vùng dậy chạy thì bị bóng đen vô hình đè xuống. Diu cố giãy giụa để thoát ra nhưng cô càng giãy lại càng bị trói chặt bởi hai cánh tay chắc khỏe. Diu dồn hết sức vào đôi chân và đạp mạnh. Bóng đen ngã xuống thảm lá khô rào rạo. Diu vùng chạy được vài bước thì lại bị bóng đen đuổi kịp ôm lấy từ phía sau. Những ngón tay của bóng đen mù mờ giống như những sợi dây rừng cứ xiết chặt Diu lại. Diu như con nai bị trói chặt, nằm quằn quại trên lá khô chờ chết. Cả mười ngón tay ma quái rờ rẫm, sục sạo không bỏ sót vết sẹo nào trên cơ thể khiến Diu căng cứng sợ hãi. [...] Diu chợt quên đi những đớn đau, cay đắng suốt mười năm. Quên đi ánh mắt đe dọa mà một người đàn bà vẫn ném vào cô những lúc hai người

tình cờ đi qua nhau. Cô có cảm giác mình giống như cành củi khô bị ném vào biển lửa tình rừng rực. Cô quàng tay lên lưng người đàn ông, ghì mạnh xuống…

[…] Mùi giật lấy con dao từ tay Châu mà dằn dọc. "Không đi đâu cả, không phát gì nữa. Sao nó không chết luôn trong rừng đi. Còn về làm gì? Tôi chỉ muốn răn độc cắn chết nó. Rắn không cắn chết nó thì tôi cũng giết chết nó có ngày". Châu đứng dậy, nhìn con dao trong tay Mùi, bặm môi. Trong đầu Châu là đoạn kí ức hãi hùng bất chợt chạy về. Đó là trận cháy rừng thảm khốc. Khi Châu và mọi người băng qua cánh rừng nghi ngút khói lửa đến được nương thảo quả nhà Diu thì không thấy Diu và bóng dáng căn lều đâu cả. Mọi người chạy bổ đi các ngả. Chính Châu nhìn thấy Diu gục đầu trên một phiến đá dưới lòng suối. Toàn thân bầm dập, mặt cháy nham nhở đen và hai mắt nhắm nghiền. Châu tưởng Diu đã chết…

Sau bốn tháng cầu cứu khắp các thầy lang trong vùng, Diu trở về Huổi Tào. Châu là người đầu tiên đến thăm Diu. Trước mặt Châu là một hình hài lạ hoắc với những vết sẹo chạy ngang dọc trên khuôn mặt kéo hai con mắt lại gần nhau trông rất sợ, là đôi bàn tay không còn đủ mười ngón. Đó không phải là Diu xinh đẹp. Đó càng không phải là người con gái mười tám tuổi Châu yêu tha thiết, say đắm. Châu thất thểu bỏ về. Cố gắng đoạn tuyệt với những giọt nước mắt đau đớn loang ra từ hai khóe mắt kì dị. Món tiền cưới mà nhà Diu nhận của nhà Châu phải năm năm sau nhà Diu mới trả hết vì có bao nhiêu trâu bò, thóc lúa, họ bán hết đi để cứu lấy cái mạng Diu rồi…Nhưng còn những thứ Châu nợ Diu mà nhà Diu không bao giờ đòi lại được.

(Lược một đoạn:Sán không ưa Diu, nhân lúc Diu có thai, Sán ép bố mẹ chồng đuổi Diu bị đuổi ra khỏi nhà. Diu đã phải vào rừng để giữ lấy đứa con. Sau khi đi lấy thuốc theo sự mách bảo của Diu, Sán có thai. Sán kể cho Diu nghe chuyện mình đi lên lấy thuốc bị bọn thổ phỉ hãm hiếp)

Diu nghe em dâu kể mà lòng đau buốt. Nước mắt cô đọng trên những ghềnh sẹo như những giọt sương nằm trong lòng chiếc lá khô quăn queo không thoát ra được, ứ đầy nhức nhối. Thằng Sùng tỉnh giấc nhìn quanh ngỡ ngàng. Nó rời khỏi lòng người đàn bà đã làm mẹ nó khóc và len lén leo lên đùi Diu. Nó đưa cả hai bàn nhỏ xíu lên mặt Diu mà vét nước mắt trên những lõm sẹo. […]

Mùi buột miệng than thở. "Lạ thật, em dâu nó cũng đẻ được con trai". Mọi khi Châu vẫn im lặng. Lần này, Châu bỗng nhiên nổi cáu, liệng cái búa đang bổ củi ra vườn. "Mày chỉ muốn người ta không có con thôi. Bụng mày xấu quá". Rồi Châu quay ngoắt người đi xuống đường. Mùi chạy theo, tới đầu cổng thì vịn vào cây sa mộc mà dừng lại. Nước mắt Mùi ứa ra. Những lời nói như dòng nước lạnh mà Châu vừa xối lên đầu Mùi khiến Mùi choáng váng. Hồi con gái, Mùi từng định ăn lá ngón khi thấy Châu yêu và đòi cưới Diu. Mùi từng rất đau lòng khi thấy bản trên bản dưới bàn tán, ca tụng vẻ đẹp và nết na của Diu, trong khi Mùi cũng xinh đẹp không kém. Châu đã chọn Diu chứ không phải Mùi cho đến tận ngày rừng cấm bị gã đốt than làm cháy một vùng rất rộng. Bao nhiêu cây cổ thụ không có chân chạy, chết đứng. Bao nhiêu con chim có cánh bay, bao nhiêu con thú có bốn chân chạy nhanh như gió, chết nằm. Tất cả đều chết. Mà Diu lại không chết mới lạ. Sống thì sống, nhưng Mùi không muốn Diu có được hạnh phúc. Thậm chí Mùi còn cầu mong đứa con của Diu bị con thú gì đó ngoài rừng chạy vào cắn chết, hoặc tha đi nữa cơ. Mùi muốn Diu đau hơn cả khi bị lửa hành hạ, đau đến mức phải ăn lá ngón mà chết đi. Nhẽ ra, Mùi chỉ đẻ hai đứa con cho đỡ khổ, nhưng vì muốn Diu tức tối đến phát điên, nên Mùi đẻ đứa thứ ba đấy. Mùi

từng bắt Châu thề độc rằng. Nếu mà Châu dan díu qua lại với Diu thì cái cây sa mộc này chết đứng. Mỗi bình minh thức dậy, Mùi bước ra sân, nhìn cái cây sa mộc trước, rồi mới nhìn mặt chồng con sau. Dạo này Châu ăn nói, khóc cười rất lạ. Triền miên say. Say rồi hát vu vơ những câu hát của bọn trai chưa vợ đang bập bùng yêu đương.

(Lược 1 đoạn: Có người xuất hiện trước Sùng, con trai Diu, nhận làm bố, khi đi tiêm thằng bé nhìn thấy người đàn ông là bố nên không khóc nữa).

[...] Mùi chĩa mũi dao lên ngọn cây sa mộc, quát lớn "tùa chi tùa?". Hai đứa mếu máo gật đầu. Thế ra mắt Mùi nhìn không nhầm. Cây sa mộc đang chết. Chết từ ngọn mà xuống. Mùi nhăm nhăm con dao trong tay, nước mắt đầm đìa. Cô ngước nhìn tán lá sa mộc lần cuối cùng rồi vung dao chém tới tấp vào gốc cây. Cây sa mộc từ từ nghiêng về phía mặt trời đang lặn rồi ngã sóng soài xuống đất. Từ trên tán lá úa vàng héo hon của nó, những giọt sương đêm cuối cùng run rẩy tuột xuống.

(Tống Ngọc Hân sáng tác năm 2016, In tạp chí VNQĐ, Tập Kiều Mạch Trắng)

***Vài nét về tác giả:** Tống Ngọc Hân tên thật là Tống Thị Ngọc Hân, sinh 02 tháng 9 năm 1976 tại xã Đông Lĩnh, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Chị từng theo học tại khoa Văn Trường Cao đẳng Sư phạm Vĩnh Phú nay là Đại học Hùng Vương. Hơn hai mươi năm sống gắn bó với vùng núi Sa Pa, tỉnh Lào Cai, những tác phẩm của Tống Ngọc Hân mang những chất liệu, hơi thở cuộc sống của con người miền sơn cước. Sáng tác của Tống Ngọc Hân chủ yếu là thơ, truyện ngắn và tiểu thuyết.*

Câu 1. Xác định đề tài của truyện ngắn "Cây sa mộc chết đứng" của Tống Ngọc Hân. (0,5 điểm)

Câu 2. Sau vụ cháy rừng, ai là người tìm thấy Diu đầu tiên? (0,5 điểm).

Câu 3. Tại sao Mùi hận Diu đến vậy? Anh/chị có nhận xét gì về nỗi hận này?(1,0 điểm)

Câu 4. Chi tiết "cây sa mộc chết đứng" xuất hiện ở cuối tác phẩm có ý nghĩa như thế nào?

Câu 5. Em có đồng tình với hành động Châu bỏ Diu trong lúc cô gặp hoạn nạn để cưới Mùi hay không? Vì sao?

II.VIẾT (6,0 ĐIỂM)

Câu 1. (2,0 điểm):

Trong "Truyện Kiều", Đại thi hào Nguyễn Du đã có vần thơ đúc kết đớn đau về thân phận người phụ nữ "*Đau đớn thay phận đàn bà/ Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung*". Từ lời thơ của Nguyễn Du, em hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày những suy nghĩ về số phận của những người phụ nữ trong truyện "Cây sa mộc chết đứng" của Tống Ngọc Hân.

Câu 2. (4,0 điểm):

Hãy viết bài văn nghị luận xã hội bàn về mối quan hệ giữa nhận thức và khát vọng.

Gợi ý trả lời

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. Đề tài: tình yêu/hạnh phúc gia đình/ thân phận người phụ nữ vùng cao.

Câu 2. Sau vụ cháy rừng, người thấy Diu đầu tiên là Châu.

Câu 3.

– Mùi hận Diu vì:

+ Diu và Châu (chồng của Mùi) đã từng yêu nhau; mặc dù Mùi cũng đẹp, nhưng Châu lại để ý và say đắm trước vẻ đẹp và đức hạnh của Diu.

+ Trong thẳm sâu trái tim của Châu vẫn còn tình yêu dành cho Diu (say rượu về vẫn nhầm theo lời bài hát, cười…)

+ Tất cả đo sự đố kị, tính sở hữu rất lớn của Mùi

=> Chính về thế, dẫn đến hận thù trong lòng Mùi.

– Nhận xét về nỗi hận này:

+ Nỗi hận rất mãnh liệt, như một ngọn lửa từ âm ỉ đến cháy dữ dội trong lòng Mùi (ngày nào cũng nguyền rủa, ngắm nhìn cây sa mộc).

+ Nỗi hận này thể hiện sự nhỏ nhen, ích kỉ, tính đố kị.

+ Nỗi hận khiến Mùi không được sống thanh thản, mặc dù so với Diu, Mùi đã có tất cả (có được Châu, người yêu cũ của Diu, có các con, có được mái ấm, có thân thể lành lặn) nhưng Mùi lại chưa bao giờ có được sự thanh thản, niềm hạnh phúc thực sự.

+ Nỗi hận khiến Mùi trở nên xấu xa hơn.

=> Chính nỗi hận này, khiến thân phận của những người phụ nữ vùng cao trở nên éo le hơn.

Câu 4. – Chi tiết này ứng với lời nguyền của Mùi (có thể lời nguyền ngẫu nhiên trùng với hình ảnh cây sa mộc chết đứng; cũng có thể lời nguyền đó thành hiện thực).

– Chi tiết hé mở về nhiều điều:

+ Cha của con Diu là ai?

+ Tình yêu của Châu dành cho Diu vẫn âm thầm mà mãnh liệt.

+ Càng khắc thêm lòng hận thù của Mùi, càng làm cho Mùi đau hơn, khổ hơn.

+ Câu chuyện trở nên hấp dẫn mang màu sắc huyền thoại.

=> Đây là một chi tiết nghệ thuật đặc sắc. Quả thật, chi tiết là hạt bụi vàng của tác phẩm. Chi tiết nhỏ những đã góp phần làm nên nhà văn lớn.

Câu 5.

– Nếu đồng tình với hành động của Châu bỏ rơi Diu để cưới Mùi trong lúc cô gặp hoạn nạn, có thể hiểu rằng mỗi người có quyền tự quyết định về cuộc sống và hạnh phúc của mình. Châu có thể đã chọn theo đuổi mối quan hệ mới với Mùi vì nó mang lại cho anh ta hạnh phúc và sự an ổn tinh thần mà anh ta không cảm thấy trong mối quan hệ với Diu. Đôi khi, trong cuộc sống, mọi người phải đưa ra những quyết định khó khăn và phải tự lo lắng cho bản thân trước tiên. Mặc dù hành động này có thể gây ra đau lòng và tổn thương cho Diu, nhưng nó cũng phản ánh quyền tự do và quyền lựa chọn của Châu.

– Nếu không đồng tình với hành động của Châu bỏ rơi Diu trong lúc cô gặp hoạn nạn để cưới Mùi, có thể hiểu đó là một hành động thiếu lòng nhân ái và trách nhiệm. Châu có thể được cho là không đảm bảo vai trò của một người đàn ông, không chịu trách nhiệm bảo vệ và chăm sóc người phụ nữ mà mình từng hứa hẹn. Hành động này có thể được coi là bất công và ích kỷ, không đáng tin cậy và thiếu lòng trung thành. Đồng thời, nó cũng có thể tạo ra những hậu quả tiêu cực không chỉ cho Diu mà còn cho các thành viên khác trong cộng đồng.

II.VIẾT (6,0 ĐIỂM)

Câu 1. (2,0 điểm):

– Nội dung:

+ Giải thích lời thơ của Nguyễn Du: *Đau đớn thay phận đàn bà/Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung* => Cuộc đời, số phận của đàn bà chịu rất nhiều đau đớn, bất hạnh, thiệt thòi => Đó là tình cảnh chung trong xã hội xưa.

+ Số phận của những người phụ nữ trong truyện "Cây sa mộc chết đứng" cũng vậy; cuộc đời họ thật đau đớn, bạc mệnh, mỗi người có một nỗi đau chung nhưng góp phần tạo nên số phận chung cho thân phận những người phụ nữ vùng cao.

*** Diu:** bị hủy hoại nhan sắc, mất người yêu, mang tiếng chửa hoang, bị hắt hủi phải nên rừng sống cuộc đời khép kín đơn côi.

*** Mùi:** mang thân phận nỗi đau của một người phụ nữ không biết đẻ (sinh con một bề), nỗi đau của một kẻ yếu luôn ghen tuông, đố kị nên lòng không bao giờ được thanh thảnh, nguôi ngoai. Hơn nữa, hình ảnh cây sa mộc chết đứng càng khắc sâu nỗi đau trong lòng Mùi, nỗi đau của một người vợ chỉ giữ được thân xác nhưng không thể chiếm trái ti của người mình yêu.

* Sán: Hết hạn mà không sinh được con, bị nguy cơ đuổi về nhà => lỗi không sinh được là do chồng nhưng đổ hết trách nhiệm, nguyên nhân lên đầu vợ. Đến khi muốn có con, thì thân xác bị chà đạp, làm nhục một cách hoen ố, đớn đau. Sán mang trong mình nỗi đau mà không dám ngỏ cùng ai, nỗi đau ấy sẽ còn lở loét theo năm tháng.

– Nghệ thuật: Ngôi kể thứ ba, giọng văn buồn thương chua chát; xây dựng câu chuyện với nhiều chi tiết hấp dẫn, có sức ám ảnh lớn; xây dựng nhân vật phụ nữ mỗi người một tính cách, một số phận khác nhau, nhưng họ đều gặp nhau tại một điểm: bất hạnh => Nỗi nhói đau cho thân phận của người phụ nữ vùng cao.

Câu 2. (4,0 điểm):

*** Mở bài:**

– Dẫn dắt:

– Nhận thức và khát vọng bao giờ cũng có mối quan hệ mật thiết với nhau.

*** Thân bài: 1. Giải thích khái niệm:**

– Nhận thức là hành động hay quá trình tiếp thu kiến thức và những am hiểu thông qua suy nghĩ, kinh nghiệm và giác quan, bao gồm các quy trình như là tri thức, sự chú ý, trí nhớ, sự đánh giá, sự ước lượng, sự lý luận, tính toán, việc giải quyết vấn đề, việc đưa ra quyết định, sự lĩnh hội và việc sử dụng ngôn ngữ.

– Khát vọng là ước mơ, hy vọng hoặc hoài bão để đạt được mục tiêu cuộc sống. Chúng có thể được coi là mục tiêu cuộc sống bao quát có thể giúp mang lại cảm giác về mục đích và phương hướng.

2. Biểu hiện và phân tích vai trò của nhận thức và khát vọng:

– Biểu hiện vô cùng phong phú đa dạng; ở mỗi một giai đoạn, lứa tuổi và quốc gia con người lại có những khát vọng và nhận thức khác nhau.

– Tuổi trẻ có nhiều ước mơ, nhiều hoài bão, khát vọng: có bạn thì vọng lớn lao, ước mơ cháy bỏng có thể làm những điều kinh bang tế thế; có bạn lại có những mục tiêu rất bình dị, khiêm nhường; có bạn có những mục tiêu thiết thực; có bạn lại có những mong muốn viển vông và hão huyền.

– Mỗi một mục tiêu, ước mơ sẽ bị chi phối bởi nhiều yếu tố như tình cảm, tác động của mọi người xung quanh đặc biệt là chi phối bởi nhận thức của con người.

+ Chính vì thế, các bạn trẻ, có điều kiện sung sướng, được bao bọc, được ăn bánh vẽ thường thiếu ý chí, động lực, thiếu mục tiêu để phấn đấu;

+ Ngược lại những bạn ý thức được về điều kiện, hoàn cảnh; nhận thức được sự xuất hiện của đời người chỉ có một lần, tuổi trẻ rất ngắn ngủi nên đã biết đặt ra những mục tiêu hoài bão lớn lao để chinh phục.

+ Nhận thức càng chín chắn thì mục tiêu càng rõ ràng, cụ thể thiết thực.

+ Nhận thức sai lầm, thiển cẩn thì có thể khiến con người đi chệch hướng cả cuộc đời.

+ Nhưng bên cạnh đó, khát vọng cũng là động lực, là ngọn hải đăng để nhận thức của con người ngày càng hoàn thiện đầy đủ hơn.

=> Nhận thức và khát vọng có mối quan hệ biện chứng không thể tách rời. Nếu tuổi trẻ không có nhận thức đúng đắn thì khát vọng có lớn đến đâu cũng khó có thể trở thành hiện thực. Nhận thức có đúng đắn, sáng suốt mà khát vọng không đủ lớn thì cũng sẽ không bao giờ đạt được những thành tích cao, những thành công rực rỡ.

3. Chứng minh:

Lấy dẫn chứng các bạn trẻ đã có sự nhận thức đúng đắn và khát vọng lớn lao đã làm được nhiều điều tốt đẹp trong cuộc sống.

4. Bàn luận:

– Phản đề: Phê phán những kẻ không có ước mơ, khát vọng; những kẻ nhận thức ngây thơ, non nớt.

– Liên hệ: Lứa tuổi và thời đại để đưa ra các giải pháp giúp con người nhận thức chín chắn hơn để đạt được ước mơ trong cuộc sống.

*** Kết bài:**

– Nhận thức là cơ sở, là nền móng để biến ước mơ thành hiện thực.

– Khát vọng là đôi cánh để cho nhận thức được nâng tâm.

=> Hãy luôn nhớ: Nhận thức sẽ đả thông tư tưởng, tư tưởng đúng đắn sẽ làm được mọi việc bởi "tư tưởng không thông thì bình tông không vác được".

ĐỀ 41

KHẮC DẤU MẠN THUYỀN (Bảo Ninh)

Đời tôi, đi đây đó đã nhiều, nhưng lại rất hiếm dịp được thấy Hà Nội. Chỉ một lần thuở bé, rồi một lần hồi chiến tranh, và mấy năm sau này thêm đôi lần nữa. Thành thử, ở Hà Nội, ngoài hồ Hoàn Kiếm với cầu Long Biên, tôi chỉ đại khái biết một ngôi nhà là nhà ga Hàng Cỏ và một con đường là đường xe điện. Nhưng, mặc dù như vậy, mỗi khi nhắm mắt lại nhìn sâu vào những nẻo đường của ký ức, bao giờ tôi cũng thấy hiện lên, tuy rất đỗi mơ hồ, bóng dáng của Hà Nội phố xá. Cái thành phố sâu thẳm, xa lạ, chẳng chút thân thuộc ấy, từ lâu lắm rồi đã lẳng lặng ăn vào đời tôi như là một trong những miền đất thân yêu nhất, dẫu rằng đấy là một tình thân yêu tưởng như không đâu, một duyên nợ hầu như vô cớ. Không hẳn là một nỗi niềm mà chỉ là bâng quơ một cảm giác, không thành một câu chuyện mà chỉ như là một nốt sầu còn vương lại của thời trai trẻ chiến tranh, một thời tuổi trẻ đã hoàn toàn mai một nhưng dư âm vọng suốt đời. Như tiếng mưa rơi. Như tiếng gió lùa. Như tiếng lá rụng. Mà không bao giờ quên.

Từ bấy tới nay, thời gian mất đi đã hai chục năm tròn. Hà Nội thuở đó với Hà Nội bây giờ có lẽ đã như là một trời một vực.

Ngày ấy, từ mặt trận Quảng Trị, tôi lái xe đưa chỉ huy sư đoàn ra họp Bộ tư lệnh đang đóng ở rìa thủ đô. Khi chúng tôi ra tới nơi, thành phố đang ngất trời bom đạn. Đây thực sự là cuộc đụng đầu sống mái, một trận quyết chiến vì lẽ mất còn. Giữa huống cảnh chung nước sôi lửa bỏng như thế, chẳng dám màng gì một chuyến về quê, tôi chỉ xin được rảo vào phố để rải non chục lá thư của anh em đồng đội người Hà Nội đã gửi gắm. Tôi muốn trao thư tận tay các gia đình, để có thể nhận được ngay hồi âm mang ngược vào đơn vị cho lính ta sướng. Lựa ngày Nô-en, cấp trên thuận cho tranh thủ. Hạn đến 0 giờ phải trở về trình diện.

Tôi vào thành phố, dưới mưa chiều. Mưa phùn mùa đông buồn bã. Mái nhà, lòng đường, vòm cây một mầu thẫm ướt. Xe cộ phóng rất nhanh, người đi bộ gấp bước.

Mặc dù không biết phố nào vào với phố nào, lại ôm trong mình những chín lá thư, nhưng thoạt đầu tôi nghĩ không việc gì phải lo. Chỉ cần hỏi tới một địa chỉ, rồi từ đấy lần lượt nhờ người ở địa chỉ trước đưa mình đến địa chỉ sau. Không dè, rốt cuộc, cả chín lá thư tôi đều phải lùa vào phòng qua khe cửa. Ngày hôm ấy, dường như cả Hà Nội đã khoá trái cửa, bỏ nhà đấy mà đi.

Xong được lá thư chót, trời đã tối sầm. Phố dài vắng ngắt ngâm mình trong mưa, tù mù những vùng đèn đường. Tôi hỏi được về Vọng. Một anh dân phòng diện ủng, vận áo tơi bạt, tận tình dẫn tôi đi một đoạn khá xa đường. Đến ngã ba nọ, trước khi chia tay, anh chỉ xuống cặp ray đường tầu điện chạy sát vỉa hè và bảo tôi cứ bám theo đó mà đi là đến.

Sụp mũ cối xuống, dựng cổ áo lên, tôi lần sâu vào trong màn mưa phùn mờ mỏng dưới trời đêm lạnh buốt. Hai vệt ray loáng ướt, chẳng khác nào một lối mòn độc đạo xuyên qua rừng rậm nhà cửa tối đen. Thành phố chiến tranh như bên bờ vực, hun hút hoang vắng. Tôi cắm cúi bước, thui thủi, tê dại. Thăm thẳm nối nhau những chặng đường khuya không ánh sáng đèn, không một bóng bộ hành, không bóng một hàng quán. Hơi thở lạnh ngắt của đêm mưa ngấm vào tận cái dạ dày tôi trống rỗng. Các khớp xương cóng nhức cứng đơ như đang rời cả ra và rơi rụng. Cơn sốt âm ỉ từ chiến trường dâng lên dọc sống lưng, tôi sởn gai ốc, và không ngớt rùng mình. Đầu óc chậm chạp chung chiêng, đầu gối những muốn khuỵu xuống. Đi chưa được mấy đường, tôi đã bắt đầu đếm bước. Màn đêm ướt át như đông lại. Không nhìn thấy gì trước mắt, suýt nữa thì tôi đã xô người tới va mặt vào một cái đầu tầu điện đen ngòm đậu chết cứng giữa lòng đường.

Chuệnh choạng, tôi rẽ lên vỉa hè, rồi lảo đảo tấp vào dưới mái hiên một ngôi nhà. Răng va lập cập trong miệng, tôi tựa lưng vào cánh cửa đóng chặt, rồi từ từ trượt người xuống, ngồi phệt lên cái bậc tam cấp ướt đẫm hơi mưa và lạnh như một cây nước đá. Rét mướt buốt tim, tôi rên hừ hừ và rồi cũng không rên nổi nữa. Cũng không sao ghìm lại được cơn run, cứ run bắn lên, run cầm cập. Thân nhiệt của mình lúc này có lẽ chỉ còn bằng với người đang ngắc ngoải, cái đầu đã tê cóng của tôi lờ đờ nghĩ,

không khéo mà khốn đến nơi rồi, không khéo mà là một cơn ác tính. Những người bị sốt rét ác tính nằm chết trên võng giữa rừng sâu, còn mình thì chết ngồi, chắc thế, và sẽ hoá thành tảng đá co ro trước cửa nhà người ta.

Trên đầu tôi, mái tôn rách nát run bần bật. Dưới vẫn mưa gió. Gió phả mưa vào tận thềm. Đã ướt lại ướt thêm một lượt nữa, tôi thở hắt, mặt mày xây xẩm. Biết là cần phải dốc toàn lực bình sinh mà đứng dậy và bước đi, song hết rồi, nghị lực đã tê bại. Sinh lực xuống nhanh như mực nước trong một cái bình bị đập vỡ đáy, sự sống trong tôi xoay tròn một vòng và từ từ, lặng lẽ lật nghiêng. Đúng khi đó, sau lưng tôi, cửa kẹt mở. Tôi nghe thấy nhưng mà không ý thức được tiếng động ấy. Cơn choáng ngất gần như là một nỗi yếu mềm, một sự buông lơi, như thể một tiếng thở phào, nhẹ nhàng ru tôi ra khỏi tôi...

(Trích *Khắc dấu mạn thuyền*, Bảo Ninh, Nguồn *https://kilopad.com/Tieu-thuyet-truyen-ngan-c197/doc-sach-truc-tuyen-khac-dau-man-thuyen-b9317*)

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Xác định ngôi kể của truyện.

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba

D. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 2. Tác giả chọn điểm nhìn nào?

A. Từ nhân vật tôi

B. Từ anh dân phòng

C. Từ cô gái Hà Nội

D. Từ một người giấu mình

Câu 3. Nhân vật *tôi* là ai?

A. Một người chiến sĩ

B. Một người Hà Nội

C. Một người dẫn đường

D. Một người lao công

Câu 4.Trong đoạn trích, bức tranh Hà Nội được miêu tả vào thời gian nào?

A. Một chiều thu

B. Một chiều đông

C. Một chiều xuân

D. Một chiều hè

Câu 5. Vì sao người lính bị ốm và thiếp đi trên hè phố?

A. Tuy đi đây đi đó nhiều, nhưng anh lính rất hiếm khi tới Hà Nội.

B. Anh muốn trao tận tay thư cho gia đình đồng đội của mình

C. Nhận nhiệm vụ lái xe đưa chỉ huy sư đoàn ra họp ở thủ đô.

D. Anh đội mưa, chịu cái rét lạnh buốt của mùa đông để đưa thư.

Câu 6. Câu văn nào sau đây sử dụng biện pháp tu từ chêm xen?

A. *Trên đầu tôi, mái tôn rách nát run bần bật. Dưới vẫn mưa gió. Gió phả mưa vào tận thềm*

B. *Thành phố chiến tranh như bên bờ vực, hun hút hoang vắng. Tôi cắm cúi bước, thui thủi, tê dại*

C. *Chuệnh choạng, tôi rẽ lên vỉa hè, rồi lảo đảo tấp vào dưới mái hiên một ngôi nhà.*

D. *Hai vệt ray loáng ướt, chẳng khác nào một lối mòn độc đạo xuyên qua rừng rậm nhà cửa tối đen*

Câu 7.Dòng nào nêu ***đúng***cảm nhận về khung cảnh Hà Nội trong câu văn sau: *"Thành phố, dưới mưa chiều. Mưa phùn mùa đông buồn bã. Mái nhà, lòng đường, vòm cây một mầu thẫm ướt. Xe cộ phóng rất nhanh, người đi bộ gấp bước."?*

A. Khung cảnh tĩnh lặng, đượm buồn, người đi vội vã

B. Khung cảnh đẹp, lãng mạn, phố xá tấp nập.

C. Bức tranh Hà Nội vào buổi chiều nên thơ, lãng mạn

D.Khung cảnh gợi sự buồn, cô đơn, con người vội vã, gấp gáp.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Trong đoạn trích trên, Bảo Ninh đã xây dựng tình huống truyện như thế nào?

Câu 9. Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của người lính lái xe trong đoạn trích trên?

Câu 10. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa sự hi sinh thầm lặng trong cuộc sống.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận phân tích và đánh giá nội dung đoạn trích ở phần đọc hiểu (trích *Khắc dấu mạn thuyền*, Bảo Ninh).

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6,0**
	1	A	0.5
	2	A	0.5
	3	A	0.5
	4	B	0.5
	5	C	0.5
	6	A	0.5
	7	D	0.5
	8	Tình huống truyện: Người lính nhận nhiệm vụ đi đưa thư, trên đường đi thì trời mưa phùn, đêm lạnh buốt, anh lính bị ốm và rồi thiếp đi trên hè phố.	0.5

	9	Anh là người lính nhiệt tình, biết hy sinh lợi ích cá nhân vì đồng đội: + Có cơ hội về Hà Nội nhưng anh không về thăm quê, chỉ xin được "rảo vào phố để rải non chục lá thư của anh em đồng đội người Hà Nội đã gửi gắm". + Dù không biết đường đi Hà Nội, cầm trên tay chín lá thư, nhưng nhờ sự nhiệt tình, anh không lo nghĩ nhiều, ung dung, vui vẻ bước đi. + Anh đội mưa, chịu cái rét lạnh buốt của mùa đông để đưa thư. Cuối cùng anh bị sốt, ngất ngay trên đường đi.	1,0
	10	HS bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của sự độ lượng bằng đoạn văn 5 – 7 câu: - Sự hi sinh thầm lặng trong cuộc sống: những hành động, những con người dũng cảm, sẵn sàng giúp đỡ người khác từ những hành động nhỏ nhất với tình yêu thương chân thành và cũng là những con người luôn có ý thức vươn lên xây dựng một xã hội tốt đẹp. - Ý nghĩa của sự hy sinh thầm lặng + Người được chăm sóc sẽ cảm thấy được an ủi, đùm bọc, quan tâm, chia sẻ với mình cũng thật ấm lòng, là động lực giúp họ vượt qua khó khăn, nghịch cảnh. – Người chấp nhận hy sinh cũng cảm thấy hạnh phúc vì sự cho đi đã làm cho người khác hạnh phúc và tốt đẹp hơn	1,0
II		**VIẾT**	**4,0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận. **Viết bài văn nghị luận phân tích và đánh giá nội dung đoạn trích ở phần đọc hiểu (trích *Khắc dấu mạn thuyền*, Bảo Ninh).**	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HV có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một hướng gợi ý: – Đảm bảo hình thức, cấu trúc của bài văn nghị luận. – Xác định đúng vấn đề: Phân tích và đánh giá nội dung và nghệ thuật của đoạn trích. **1. Mở bài** Giới thiệu khái quát đoạn trích đọc hiểu.	2.5

		2. Thân bài Lần lượt trình bày các luận điểm. Sử dụng lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ luận điểm: *** Tóm tắt đoạn trích.** Truyện kể về nhân vật tôi , anh đã đi đây đi đó rất nhiều, nhưng lại rất hiếm dịp thấy Hà Nội. Có một chuyến đi khiến anh nhớ mãi kí ức về Hà Nội . Ngày ấy, từ mặt trận Quảng Trị, anh đưa cán bộ ra thủ đô công tác, tiện anh vào thành phố chuyển mấy bức thư đồng đội anh gửi về cho tay gia đình. Tuy không biết đường đi, lang thang dưới mưa chiều, anh chuyển xong được lá thư chót, trời đã tối sầm. Cái lạnh buốt của mùa đông với cơn mưa phùn bất chợt khiến cơn sốt của anh trở lại, anh ngất đi. *** Phân tích, đánh giá nội dung đoạn trích** **** Bức tranh Hà Nội*** - Thời gian: Một chiều đông. - Không gian: Trời Hà Nội mưa phùn, đường xá vắng lặng + "Thành phố, dưới mưa chiều. Mưa phùn mùa đông buồn bã. Mái nhà, lòng đường, vòm cây một mầu thẫm ướt. Xe cộ phóng rất nhanh, người đi bộ gấp bước." + "Hà Nội im ắng, vắng lặng đến vậy, dường như cả Hà Nội đã khóa trái cửa, bỏ nhà đấy mà đi." => Khung cảnh gợi sự buồn, cơ đơn, con người vội vã, gấp gáp **** Hình ảnh người lính*** - Hoàn cảnh: + Là người lính ở mặt trận Quảng Trị, nhận nhiệm vụ lái xe đưa chỉ huy sư đoàn ra họp Bộ tư lệnh đang đóng ở rìa thủ đô. + Tuy đi đây đi đó nhiều, nhưng anh lính rất hiếm khi tới Hà Nội. + Nhận nhiệm vụ đi đưa thư, trên đường đi thì trời mưa phùn, đêm lạnh buốt => Anh lính bị ốm và rồi thiếp đi trên hè phố. - Anh là người lính nhiệt tình, biết hy sinh lợi ích cá nhân vì đồng đội + Có cơ hội về Hà Nội nhưng anh không về thăm quê, chỉ xin được "rảo vào phố để rải non chục lá thư của anh em đồng đội người Hà Nội đã gửi gắm".	

		+ Anh muốn trao tận tay thư cho gia đình đồng đội của mình " Tôi muốn trao thư tận tay các gia đình để có thể nhận được ngay thư hồi âm mang ngược vào đơn vị cho linh ta sướng". + Dù không biết đường đi Hà Nội, cầm trên tay chín lá thư, nhưng nhờ sự nhiệt tình, anh không lo nghĩ nhiều, ung dung, vui vẻ bước đi. + Anh đội mưa, chịu cái rét lạnh buốt của mùa đông để đưa thư. Cuối cùng anh bị sốt, ngất ngay trên đường đi. *** Nhận xét , đánh giá về nghệ thuật của đoạn trích** - Điểm nhìn trần thuật mang tính chân thực, gần gũi. - Đặt nhân vật vào tình huống truyện éo le bộc lộ rõ cá tính và phẩm chất của nhân vậy đồng thời thể hiện sự khéo léo của tác giả. - Lối quan sát tinh tế, nhạy cảm về bức tranh, con người Hà Nội. - Truyện giàu chất thơ. ***Nêu cảm nghĩ về thông điệp mà tác giả gửi gắm qua nhân vật trong cuộc sống hôm nay:** Trong cuộc sống, chúng ta cần vượt lên trên những suy nghĩ ích kỉ, tầm thường để hướng tới sự, nhiệt tình thậm chí là hi sinh thầm lặng. Chính thái độ nhiệt tình, hi sinh thàm lặng của chúng ta sẽ khiến cho những người người mắc sai lầm tự thấy xấu hổ và quay đầu sửa chữa. **3. Kết bài** Đánh giá chung về đoạn trích và nêu cảm nghĩ của bản thân. *- Diễn đạt rõ ràng, dùng từ đặt câu đúng nghĩa, đúng ngữ pháp, đúng chính tả.* *– Có những sáng tạo về ý tưởng hoặc có sự độc đáo về diễn đạt.*	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
Tổng điểm			**10.0**

ĐỀ 42

BẾN THỜI GIAN (Tạ Duy Anh)

Bà Hảo bị mù cả hai mắt từ khi tôi chưa ra đời. Tôi và cháu nội bà - cái Hoa- cùng sinh một năm. Bà Hảo đón cái Hoa về nuôi mà không chịu ra thị trấn ở với bố mẹ nó. Thế là cái Hoa trở thành bạn thân thuở bé của tôi. Chúng tôi quấn quýt với nhau như hai anh em ruột. Hàng ngày tôi đều sang với cái Hoa và hai đứa thường bí mật bày ra đủ trò tinh quái. Bà Hảo ngồi ở bờ hiên và bà luôn luôn tìm được việc gì đó vừa làm vừa canh chừng chúng tôi. Bà biết khi nào chúng tôi đang ở gần bờ ao, gióng lên một câu thật nghiêm:

- Cả hai đứa quay vào! Cấm chỉ ra bờ ao.

Tôi và cái Hoa chỉ còn biết lấm lét nhìn nhau phục tài bà. Có lần chúng tôi vờ im lặng đến cạnh bà. Đang yên trí là bà Hảo không biế thì tiếng bà thản nhiên cất lên:

- Giận gì nhau mà im như thóc thế?

Chúng tôi phá lê cười. Bà Hảo mắng yêu:

- A, gớm cái quân này, định trêu bà phỏng. Chúng mày có độn thổ bà vẫn biết moi lên như moi khoai ấy.

Chúng tôi bèn mỗi đứa một bên áp vào ngực bà:

- Làm sao bà trông thấy chúng cháu?

- Lớn lên khắc biết – bà Hảo chớp chớp cặp mắt – người ta chẳng ai chỉtoàn gặp rủi đâu.

Chúng tôi chỉ cảm nhận từ lời nói của bà một điều gì đó mơ hồ mà thiêng liêng. Điều chắc chắn là bà Hảo không thể nhìn thấy chúng tôi nếu bà không yêu chúng tôi như những báu vật.

Lớn lên, đứa trước, đứa sau cả tôi và cái Hoa cùng ra thị trấn, cách làng đúng một ngày xe ngựa.

Thời gian đầu chưa quen môi trường mới, cả hai đứa thường xin bố mẹ về làng thăm bà. Khi bác xà ích vui tính và tốt bụng ghìm con ngựa để tôi và cái Hoa nhảy xuống, đã thấy bà Hảo chống gậy chờ sẵn ở đó. Chúng tôi, mỗi đứa một bên dìu bà về nhà. Bà Hảo bào bà đã nghe thấy tiếng lọc cọc, lọc cọc của chiếc xe gõ từ trong giấc mơ của bà những đêm trước. Sau này tôi mới biết, chiều nào bà cũng đợi chúng tôi tại nơi chiếc xe ngựa dừng trả khách ở điểm cuối cùng.

Những chuyến thăm bà Hảo của chúng tôi thưa dần. Cả tôi và cái Hoa đều có lũ bạn và con đường về làng, vẫn chỉ có một ngày xe ngựa, trở nên xa mù mịt. Thảng hoặc có giỗ, tết...chỉ mình cái Hoa theo bố mẹ về. Nhưng nó lại đi ngay. Nó bảo bà Hảo rất nhớ tôi và mong tôi học hành cẩn thận. Ban đầu tôi đón nhận điều đó với một chút ân hận vì không về thăm bà. Nhưng rồi tôi quên dần nhiều thứ trong đó có cái làng hẻo lánh của mình, nơi bà Hảo vẫn ngày đêm nghe tiếng lọc cọc của xe ngựa...

(Lược một đoạn: Sau đó nhân vật tôi cùng Hoa đỗ đại học và ra thành phố. Tôi dần lãng quên làng nhỏ tuổi thơ. Nhưng rồi một ngày, sau những vấp ngã trên đường đời, tôi đã tìm về làng nhỏ năm xưa. Tôi đi trên chiếc xe ngựa thân quen năm nào của bác xà ích và bao kỉ niệm chợt ùa về)

Tôi lại dỏng tai đón nhận thứ âm thanh giống như dao động tắt dần của quả lắc đồng hồ. Lát sau thì bà Hảo hiện ra ở lối rẽ. Bà dò đường một cách chật vật, toàn bộ tinh lực hướng về bến xe ngựa. Không cầm được, tôi lao như tên bắn về phía bà:

- Bà! Tôi nghẹn ngào- cháu bị người ta phản bội rồi...

Bà Hảo lần lần từ đầu đến vai tôi như thể xem bà có đang mơ không rồi cười một cách mãn nguyện:

- Bố mày, lớn thế còn khóc như con nít ấy. Dễ thường suôn sẻ cả có khi nó chả thèm biết bà sống hay chết.

- Làm sao bà biết điều đó? – Tôi hỏi bà bằng nỗi sợ hãi.

- Lớn lên khắc biết – bà Hảo vẫn trả lời tôi như từng trả lời hồi tôi còn bé.

Tôi có cảm giác bà Hảo cũng thuộc số người quyết sống chỉ để làm việc không thể bỏ dở. Bởi vì ngay sau đó bà bảo tôi:

- Từ ngày mai bà có thể chết mà không luyến tiếc điều gì.

Tôi đứng chết lặng, cảm thấy vang lên trong lồng ngực tiếng gõ da diết và tàn nhẫn của thời gian. Trước mắt tôi giờ đây là những bến thời gian trắng xóa mà tôi sẽ phải một mình vượt qua.

(Trích *Bến thời gian*, Tạ Duy Anh, *Truyện ngắn chọn lọc – Tạ Duy Anh*, NXB Hội nhà văn)

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 8:

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

A. Biểu cảm B. Nghị luận

C. Tự sự D. Miêu tả

Câu 2. Chỉ ra ngôi kể được dùng trong văn bản trên?

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ ba

C. Ngôi thứ hai

D. Vừa ngôi thứ nhất, vừa ngôi thứ ba

Câu 3. Mỗi chiều, bà Hảo thường đứng ở nơi nào để đợi Hoa và nhân vật tôi?

A. Nơi chiếc xe ngựa bắt đầu đón khách ở điểm đầu tiên

B. Nơi đầu làng

C. Nơi chiếc xe ngựa dừng trả khách ở điểm cuối cùng.

D. Nơi bờ hiên đầy kỉ niệm

Câu 4. Sự việc ***không*** xuất hiện trong văn bản?

A. Bà Hảo bị mù cả hai mắt từ khi tôi chưa ra đời.

B. Bà Hảo đón cái Hoa về nuôi mà không chịu ra thị trấn ở với bố mẹ nó

C. Lát sau thì bà Hảo hiện ra ở lối rẽ. Bà dò đường một cách chật vật.

D. Tôi về cùng cái Hoa, bà Hảo vui vẻ ra đón hai đứa ngoài cổng làng.

Câu 5. Cảm hứng chủ đạo của văn bản là gì?

A. Tự hào, yêu thương

B. Nhớ thương, day dứt

C. Đau xót, hối hận

D. Day dứt, tiếc nuối

Câu 6.Từ ngữ nào thể hiện tâm trạng của nhân vật tôi khi gặp lại bà Hảo sau bao năm xa cách?

A. Khóc nấc, ôm lấy bà Hảo

B. Không cầm được, nghẹn ngào

C. Đau xót, hối hận

D. Day dứt, tiếc nuối

Câu 7. Câu văn nào sau đây sử dụng biện pháp chêm xen?

A. Tôi và cháu nội bà - cái Hoa - cùng sinh một năm

B. Lớn lên, đứa trước, đứa sau cả tôi và cái Hoa cùng ra thị trấn

C. Thời gian đầu chưa quen môi trường mới, cả hai đứa thường xin bố mẹ về làng thăm bà

D. Từ ngày mai bà có thể chết mà không luyến tiếc điều gì.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Em hiểu như thế nào về câu nói của nhân vật bà Hảo: "*Từ ngày mai bà có thể chết mà không luyến tiếc điều gì*"?

Câu 9. Thông điệp có ý nghĩa nhất với em qua văn bản.

Câu 10. Từ cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật tôi trước thời gian, anh/chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về tầm quan trọng của việc sử dụng thời gian hợp lý với mỗi người trong cuộc sống (trình bày 5-7 dòng)

PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và nhân vật trong đoạn trích phần đọc hiểu.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6,0**
	1	C	0.5
	2	A	0.5
	3	C	0.5
	4	D	0.5
	5	D	0.5
	6	B	0.5
	7	A	0.5
	8	- Lòng mãn nguyện vì đã đợi chờ được và chứng kiến sự trưởng	0.5

		thành của nhân vật tôi. - Niềm hạnh phúc, vui mừng vì được gặp lại nhân vật tôi sau bao ngày xa cách.	
	9	Thông điệp: - Cần biết quý trọng thời gian. - Quý trọng tình cảm - Sử dụng thời gian hợp lí - Trân trọng giá trị cuộc sống……	1,0
	10	- Cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật tôi trước thời gian: bàng hoàng nhận ra sự chảy trôi tàn nhẫn của thời gian; lo lắng, băn khoăn về việc sẽ phải đối diện một mình với cuộc đời mênh mông phía trước - Tầm quan trọng của việc sử dụng thời gian hợp lý: nâng cao năng suất, hiệu quả công việc; tiết kiệm được tiền bạc, công sức; cuộc sống có ích hơn...	1,0
II		**VIẾT**	**4,0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận **Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và nhân vật trong đoạn trích phần đọc hiểu.**	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HV có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một hướng gợi ý: – Đảm bảo hình thức, cấu trúc của bài văn nghị luận. – Xác định đúng vấn đề: phân tích, đánh giá chủ đề và nhân vật trong đoạn trích phần đọc hiểu. **1. Mở bài** Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận **2. Thân bài** Lần lượt trình bày các luận điểm. Sử dụng lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ luận điểm: ***a. Khái quát chủ đề*** - Ngợi ca tình người, đó như một điểm tựa nâng đỡ mỗi người, đặc biệt khi rơi vào hoàn cảnh khó khăn. - Cảm thức ám ảnh, tiếc nuối trước sự chảy trôi vô tận của thời gian.	2.5

		b. Phân tích các nhân vật và mối liên hệ giữa các nhân vật * Nhân vật tôi: - Lai lịch: một đứa trẻ ở vùng quê xa xôi, sau rời lên thị trấn và dần trưởng thành, hiện là sinh viên ở một thành phố lớn -Tâm trạng, nhận thức: + Lúc đầu khi rời làng vẫn vui vẻ, háo hức trở về làng thăm bà Hảo. + Về sau dần lãng quên nơi làng quê cũ cùng người bà thân yêu dù có chút ân hận . + Sau những vấp ngã gặp phải trên đường đời, nhân vật tôi trở về ngôi làng nhỏ năm xưa với mong muốn có một hành trình tìm lại chính mình. Bao nhiêu xúc động, nghẹn ngào xen lẫn nuối tiếc chợt ùa về khi anh gặp lại bà Hảo. + Nhận thức được qui luật nghiệt ngã của thời gian và đời người * Nhân vật bà Hảo: - Lai lịch: bà nội của Hoa- người bạn thân của nhân vật tôi - Ngoại hình: đôi mắt không còn nhìn thấy, dáng vẻ chậm chạp theo thời gian - Phẩm chất: nhân hậu với lòng quan tâm, yêu mến không chỉ dành cho Hoa mà còn cả với nhân vật tôi, thấu trải lẽ đời - Hai nhân vật có mối liên hệ mật thiết, góp phần làm sáng tỏ chủ đề truyện. ***c. Phân tích vai trò của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề và sự chi phối của chủ đề đối với đặc điểm nhân vật*** - Lời thoại của các nhân vật mang đậm dấu ấn sự chi phối của chủ đề: từ lời nghẹn ngào, thảng thốt của nhân vật tôi cho đến những lời chân thành mà sâu sắc của nhân vật bà hảo. - Trạng thái chết lặng cùng cảm xúc trăn trở của nhân vật tôi trước vòng xoáy của thời gian và cuộc đời là chi tiết đắt giá, làm nổi bật chủ đề của tác phẩm **3. Kết bài** - Bằng cách kể chuyện chân thật; lời kể tự nhiên, giàu cảm xúc; ngôn ngữ bình dị, tác phẩm đã đem đến cho người đọc câu chuyện cảm động về những tình cảm ấm áp trong cuộc sống - Bài học với cuộc sống:rộng lòng yêu thương, bao dung độ lượng, biết quí trọng thời gian...	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo,	0,5

		văn phong trôi chảy.	
Tổng điểm			**10.0**

ĐỀ 43

BỨC TƯỢNG

S. Antov

Có một người đàn ông miệt mài đào đất. Cái hố ông đào cứ sâu dần, một dòng nước chảy ra và dưới đó, cuối cùng đã lộ ra một lớp đất sét màu xanh.

– Đây chính là thứ mình cần – người đàn ông reo lên, hăng hái xúc đầy những xô đất sét.

Có lẽ ông ta đã đào tới cả ngàn xô đất cho tới khi bên cạnh cái hố mọc lên một đống đất sét cao ngút. Khi ấy người đàn ông mới yên tâm chui lên từ cái hố, lúc này đã là một cái giếng khá sâu. Sau đó người đàn ông bắt đầu dùng đống đất sét để hì hục nặn tượng chính mình.

Sau ba ngày lao động cật lực, bức tượng đã hoàn thành. Người đàn ông chăm chú nhìn nó và mỉm cười mãn nguyện:

– Rồi mai đây, nhiều thế hệ sẽ ngắm bức tượng này và nhớ đến ta. Giờ thì ta có thể yên tâm chết được rồi.

Năm tháng qua đi. Vào một buổi trưa hè nóng bức, sau khi múc một xô nước mát lạnh lên uống cho dịu cơn khát, một đám khách qua đường quay sang nhìn đống đất sét lùm lùm bên cạnh và nói với nhau:

– Ai đã đào cái giếng này quả là một con người tuyệt vời.

(*Bức tượng,* S. Antov – Trích từ *100 truyện cực ngắn thế giới,* Hà Việt Anh dịch, Nxb Hội Nhà Văn, 2001, Tr.75)

I.ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản trên và Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể loại của đoạn trích trên?

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì ?

Câu 3. Nhân vật chính trong câu chuyện trên là ai?

Câu 4. Người đàn ông trong câu chuyện đã miệt mài đào đất nhằm mục đích gì ?

Câu 5. Qua câu chuyện trên, người kể đã gián tiếp bộc lộ thái độ gì?

Câu 6. Hãy đặt nhan đề cho câu chuyện trên?

Câu 7. Chi tiết bức tượng qua năm tháng chỉ còn là "*một đống đất sét lùm lùm"* có ý nghĩa gì?

Câu 8. Anh/chị học được thông điệp gì có ý nghĩa từ câu chuyện?

II.VIẾT (4.0 điểm):

Từ ngữ liệu phần đọc hiểu, anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận bàn về **ý** nghĩa của việc sống biết cho đi**.**

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	**Câu**	**Nội dung**	**Điểm**

I		**ĐỌC HIỂU**	**6,0**
	1	Thể loại: truyện ngắn	0,5
	2	Phương thức biểu đạt: Tự sự	0,5
	3	Nhân vật chính: người đàn ông	0,5
	4	Mục đích: đào đất để lấy đất sét nặn tượng chính mình.	1,0
	5	Thái độ: ca ngợi những con người lao động quên mình vì người khác	1,0
	6	Nhan đề: Cho đi và để lại	1,0
	7	Ý nghĩa: việc làm có ích của người đàn ông không phải là nặn bức tượng mà là để lại cái giếng nước. Nhấn mạnh việc làm thiện nguyện và đóng góp cho người khác là điều quan trọng hơn việc tự thỏa mãn và được nhớ đến.	1,0
	8	– Bày tỏ quan điểm cá nhân, đưa ra được thông điệp có ý nghĩa nhất trong đoạn trích. Đưa ra được lý do bài tỏ quan điểm cá nhân thuyết phục, phù hợp. – Thông điệp: Những việc làm có ích có giá trị cho xã hội sẽ được mọi người nhớ đến. + Nỗ lực, nhiệt tình trong công việc, luôn sống hết mình vì mọi người.	0,5
II		**VIẾT**	**4,0**
		Từ ngữ liệu phần đọc hiểu, anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc cho đi trong xã hội.	**4,0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Tinh thần đấu tranh chống lại cái xấu và cái ác trong xã hội. *Hướng dẫn chấm:* *– Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.* *– Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.*	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ về **ý nghĩa của sự cho đi**. Kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	

		* *Giải thích được* **cho đi** *là gì?* – "Cho": nghĩa là cho đi, trao đi tình cảm, sẵn sàng giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn trong cuộc sống. -> "Sống biết c*ho đi"* nghĩa là sống biết nghĩ cho người khác, trao đi yêu thương, giúp đỡ những người khó khăn. Trao đi những những giá trị đẹp để tìm thấy sự bình yên trong tâm hồn. – * *Phân tích* **biểu hiện và ý nghĩa của sống biết cho đi trong văn bản:** – **Biểu hiện**: + Người đàn ông đã miệt mài đào đất, đào tới cả ngàn xô đất và đắp tượng chính mình nhưng thực chất vô tình đã tạo ra một giếng nước sâu. + Sau này, bức tượng chỉ còn là 1 lùm đất nhưng giếng nước thì còn mãi. – **Ý nghĩa**: + Việc làm của người đàn ông đã để lại cho đời sau những dòng nước mát lành. Họ mãi nhớ và viết ơn ông. * **Phân tích sự cho đi trong cuộc sống**: – **Biểu hiện**: + Rất nhiều người sống biết cho đi, họ tận tụy cả đời luôn sống cống hiến, luôn đam mê với công việc, biết nghĩ cho người khác vì người khác. Luôn sống với phương châm "mình vì mọi người" mà k đòi hỏi mọi người vì mình và đã đẻ lại cho đời sau nhiều giá trị tốt đẹp. + Trong xã hội hiện nay cũng có nhiều bạn trẻ hăng say trong công việc, luôn tận tâm tận lực trách nhiệm cao, hết lòng vì nhiệm vụ chung, luôn sống vì tập thể, vì cộng đồng họ đã cống hiến cho đi mà k đòi hỏi nhận lại. + Họ đã để lại những hiệu ứng xã hội rất lớn và lan tỏa nhiều giá trị tích cực – **Ý nghĩa**: cho đi: + Cho đi chính là cội nguồn của hạnh phúc, là chia sẻ yêu thương, giúp đỡ người khác, là những lời động viên, an ủi, sự quan tâm vỗ về. Sợi dây kết nối tình cảm thắp lên ngọn lửa yêu thương. Đem hạnh phúc cho người khác cũng chính là tự tạo hp cho mình. + Cho đi là hạnh phúc, không chỉ cho đi vật chất tiền bạc mà còn cho đi tình cảm, lòng nhân cái, yêu thương cuộc sống sẽ trở lên tốt đẹp hơn. Sống ý nghĩa, vui vẻ, hạnh phúc, đem lại cuộc sống an yên lưu giữ những giá trị quý giá còn mãi trong cuộc sống. Dẫn chứng: Sự cho đi của em Nguyễn Hải An mới 7 tuổi mắc bệnh ung thư đã hiến tặng giác mạc – đôi mắt	3,0

		của mình để những đứa trẻ còn sống khác có được đôi mắt sáng. Thứ mà Hải An đã cho và để lại không chỉ là đôi mắt sáng ngời mà còn là ánh sáng của niềm tin cuộc sống. – **Phản biện:** + Những kẻ tàn nhẫn sống trên mồ hôi nước mắt người khác. + Phê phán 1 số thanh niên hiện nay chỉ biết nhận từ cha mẹ người thân để rồi sống ích kỉ, tham lam vô cảm không biết chia sẻ, sống lạnh lùng vô cảm k có trái tim :. – **Bài học**: + Cuộc sống mỗi người sẽ trở nên tầm thường nếu chỉ biết nhận mà k biết cho đi + Là một học sinh, chúng ta luôn nỗ lực học tập, hãy mở rộng lòng mình, yêu thương nhiều hơn chia sẻ nhiều hơn, học cách cho đi để cái nắm tay giữa con người với con người càng trở nên ấm áp,…	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có liên hệ bản thân; có cách diễn đạt mới mẻ	0,25
Tổng điểm			**10,0**

Phân tích bài viết tham khảo

Truyện ngắn "Bức tượng" của S. Antov là một tác phẩm nghệ thuật đặc sắc, mang đến cho người đọc những suy ngẫm về cuộc sống và ý nghĩa của công việc và sự tồn tại. Con người cần suy nghĩ và hành động vì lợi ích của người khác chứ không chỉ cho lợi ích của bản thân mình.

Chủ đề chính của truyện là phê phán suy nghĩ và việc làm ích kỉ của người đàn ông. Người đàn ông trong truyện đã miệt mài đào đất để tìm kiếm một loại đất sét đặc biệt để tạo ra bức tượng của mình. Người đàn ông đào đất để lấy đất sét nặn tượng chính mình, nhưng rốt cuộc, việc làm có ích của ông ta không phải là nặn bức tượng, mà là để lại cái giếng nước.

Nghệ thuật tạo tình huống trong truyện được xây dựng một cách tinh tế và khéo léo. Từ việc người đàn ông đào hố sâu, rồi tìm thấy đất sét màu xanh, cho đến việc xúc đất và tạo thành đống đất sét cao ngút, tất cả đều tạo ra một tình huống hấp dẫn và gợi lên sự tò mò của người đọc. Trái với sự kì vọng của người đàn ông cũng như sự đồn đoán của mọi người, cái kết đầy bất ngờ. Công nặn tượng thành vô nghĩa và việc tưởng như vô nghĩa lại trở thành có nghĩa.

Nhân vật trong truyện được xây dựng như một chi tiết để tạo tính cười cho câu chuyện. Ban đầu, tương như đây là một người đàn ông chăm chỉ nhưng vẫn chỉ là một người ích kỉ. Cuối cùng, sự ích kỉ lại vô hình trở nên có nghĩa.

Từ câu chuyện này, chúng ta có thể rút ra nhiều bài học về sự cống hiến và ý nghĩa của công việc. Chi tiết bức tượng qua năm tháng chỉ còn là "một đống đất sét lùm lùm" có ý nghĩa: khi chúng ta sống ích kỉ, thì mọi việc làm của chúng ta sẽ trở nên vô nghĩa, sẽ bị lãng quên.

ĐỀ 44
CẬU BÉ LÀM XIẾC

Thứ hai, ngày 20

Cả thành phố tưng bừng rộn rịp, hội hóa trang sắp kết thúc. Ở khắp các quảng trường đã được dựng lên những lều của người làm xiếc ở và những rạp xiếc. Ngay trước cánh cửa sổ nhà tôi cũng có một rạp mới bằng vải, do một gánh xiếc nhỏ người Venezia diễn. Họ có năm con ngựa. Rạp ở giữa quảng trường và trong một góc là ba chiếc xe lớn để những người làm xiếc ngủ và hóa trang, ba ngôi nhà nhỏ có bánh, có cửa sổ, mỗi ngôi có ống khói bé tí tỏa khói suốt ngày. Từ cửa sổ này sang cửa sổ kia người ta căng dây phơi tã lót trẻ con. Có một người đàn bà vừa nuôi con bú vừa nấu ăn cho cả gánh xiếc, lại vừa múa trên dây. Họ thật tội nghiệp. Thiên hạ gọi họ là saltare in bancon như một lời chửi rủa, nhưng họ kiếm ăn một cách lương thiện, để mua vui cho người khác, mà họ thì phải khó nhọc đến thế nào, có Chúa mới biết rõ được! Suốt ngày, họ chạy từ rạp xiếc đến các xe, trời rét thế mà mình chỉ phong phanh có manh áo sợi đan màu hồng. Họ ăn vội ăn vàng, đứng mà ăn một miếng bốc bằng tay giữa hai buổi diễn. Không bao giờ những người bất hạnh ấy được ai dọn bàn ăn cho mà ngồi vào đàng hoàng. Và đôi khi rạp đã đông nghịt khách xem rồi, trời lại nổi gió, xé rách trần màn, tắt hết đèn đóm, thế là đi đời buổi diễn.

Trong gánh xiếc có hai đứa bé làm việc.

Bố nhận ra đứa bé thứ nhất, trong khi cậu ta đi ngang qua quảng trường; đó là con trai ông chủ gánh xiếc, mà năm ngoái chúng tôi thấy làm trò trên lưng ngựa, trong một rạp xiếc ở quảng trường Vittorio Emmanuele. Từ dạo ấy cậu ta lớn lên nhiều, chắc nay cũng đã tám tuổi; thật là một đứa bé đẹp, mặt tròn trặn, da nâu nâu, tóc đen xoăn tít tỏa ra quanh chiếc mũ nhọn như những đợt sóng.

[...].

Một buổi tối, chúng tôi đi xem xiếc, trời rét và gần như chẳng có ai đến xem, thế mà cậu bé tội nghiệp phải dốc hết sức ra làm trò để cho một nhúm người xem kia phải hồi hộp. Cậu nhào lộn trên không, buộc mình vào đuôi ngựa phi, đi hai tay, chân chổng lên trời, hát, cười, và khuôn mặt xinh xắn làm cho ai ai cũng mến.

Bố cậu mặc áo đỏ, quần trắng, đi bốt kị mã cao, tay cầm roi ngựa, nhìn cậu vẻ buồn buồn!

Bố tôi động lòng thương hại những con người tội nghiệp ấy. Hôm sau, họa sĩ Delis đến thăm, bố đem chuyện ấy ra nói với ông ta.

"Những kẻ đáng thương ấy làm việc đến chết được, - bố nói, - thế mà có kiếm được bao lăm đâu. Nhất là đứa bé khá quá sức. Ta có thể giúp gì cho họ được không nhỉ?"

Họa sĩ có một ý hay, ông nói:

"Anh là nhà báo, anh viết ngay một bài cho hay đăng lên tờ Gazette. Anh nói đến đức tốt và tài ba của cậu bé, còn tôi thì vẽ chân dung của cậu. Mọi người đọc báo Gazetta, và ít nhất là ta cũng lôi cuốn khách đến xem được một lần".

Nói là làm ngay. Bố viết một bài báo rất dí dỏm, kể lại những điều chúng tôi trông thấy qua cửa sổ nhà mình, làm cho người đọc cứ muốn nhìn, muốn vuốt ve nhà nghệ sĩ tí hon. Họa sĩ thì phác họa một bức chân dung nhỏ, giống như hệt và duyên dáng làm sao, chiều thứ bảy thì in lên báo. Thế là đến buổi diễn hôm chủ nhật, người xem đổ xô nhau đến rạp xiếc. Người ta đã báo tin là buổi diễn thu tiền ủng hộ cậu bé làm xiếc.

[...].

Buổi biểu diễn bắt đầu. Cậu bé làm xiếc diễn, tài nghệ tuyệt vời, trên lưng ngựa trên đu bay, trên dây. Mỗi tiết mục đều được vỗ tay nhiệt liệt kéo dài ra mãi.

Lại còn các trò khác của những người đi trên dây, những người tung hứng, áo quần lấp lánh những mảnh vảy bạc. Tuy nhiên, cứ hễ thiếu mặt cậu bé là có thể nói rằng khán giả đã buồn rồi.

Có một lúc tôi thấy thầy giáo thể dục đứng ở chỗ ra vào, nói nhỏ vào tai ông chủ xiếc. Ông này liền đảo mắt, nhìn khán giả như tìm một người nào. Mắt ông bỗng dừng lại phía chúng tôi. Bố trông thấy, hiểu rằng thầy giáo vừa cho ông ta biết tác giả của bài báo là ai; và để tránh không cho ông ta cảm ơn, bố đi ra dặn tôi:

- Con ngồi lại xem cho hết, Enrico à, bố đợi con ngoài cổng.

Cậu bé làm xiếc trao đổi mấy câu với bố, rồi lại diễn một mục nữa. Đứng trên lưng ngựa đang phi, cậu thay quần áo bốn bận, lần lượt hiện ra như khách hành hương, như người thủy thủ, như kẻ quân nhân, rồi như tay mãi võ. Mỗi lần lướt qua cạnh tôi, cậu đưa mắt nhìn tôi.

Tiết mục chấm dứt, cậu xuống ngựa, đi vòng quanh sân, tay cầm mũ. Tất cả mọi người đều đua nhau ném cho cậu nào xu, nào kẹo. Tôi cầm hai xu để đưa cho cậu; nhưng khi đến gần tôi thì đáng lẽ đưa mũ ra, cậu lại rụt mũ về và bước

qua rất nhanh. Tôi lấy làm tủi thân về hành động ấy. Tại sao cậu lại tỏ ra thiếu lễ độ với tôi như vậy?

Hết buổi diễn, ông chủ cảm ơn khán giả, và mọi người đứng dậy ra về. Tôi đi lẫn vào đám đông, và gần ra đến cổng thì thấy ai nắm lấy tay mình. Tôi quay lại và thấy cậu bé làm xiếc, khuôn mặt hiền lành và rất tươi cười, hai tay nắm đầy kẹo! Bây giờ tôi mới hiểu.

" Anh vui lòng nhận cho thằng bé làm xiếc mấy chiếc kẹo này chứ?" - cậu ta nói.

Tôi bằng lòng và cầm lấy ba bốn chiếc.

- Vậy nhận thêm cho em chiếc hôn này nữa. - cậu lại nói.

- Hôn tôi hai cái đi. - tôi đáp lại và chìa má ra.

Cậu đưa tay quệt trái lớp phấn trên mặt, vòng tay ôm lấy cổ tôi và hôn tôi hai cái đánh chụt trên hai má, rồi nói:

- Này, một cái gửi về cho bố anh.

(Trích *Những tấm lòng cao cả* của tác giảEdmodo De Amicis, theo Hoàng Thiếu Sơn dịch, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2020, tr. 179 – 184)

I. ĐỌC HIỂU(4,0 điểm)

Đọc văn bản và Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5điểm).Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 2 (1,5 điểm). Theo dõi đoạn một của văn bản, em cho biết tác giả đã miêu tả cuộc sống của gánh xiếc thông qua những chi tiết, hình ảnh nào? Những chi tiết, hình ảnh đó giúp em hình dung về cuộc sống của họ thế nào?

Câu 3 (1,0 điểm). Phân tích hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ trong đoạn văn sau:"*Đứng trên lưng ngựa đang phi, cậu thay quần áo bốn bận, lần lượt hiện ra như khách hành hương, như người thủy thủ, như kẻ quân nhân, rồi như tay mãi võ. Mỗi lần lướt qua cạnh tôi, cậu đưa mắt nhìn tôi."*

Câu 4 (1,0 điểm). Theo em, người bố của Enrico có thể có những cách nào khác để giúp đỡ gánh xiếc? Nhưng người bố lại chọn cách viết bài đăng lên tờ Gazetta.
Cách giúp đỡ đó chứng tỏ nhân vật này là một người thế nào?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Từ nội dung văn bản phần đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của sự tế nhị khi giúp đỡ người khác.

Câu 2 (4,0 điểm). Viết một bài văn phân tích nhân vật cậu bé làm xiếc trong văn bản trên.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm

I	**ĐỌC HIỂU**		**8,0**
	1	-Phương thức biểu đạt chính: tự sự	0,5
		-Ngôi kể: Ngôi thứ nhất.	0,5
	2	- Tác giả đã miêu tả cuộc sống của gánh xiếc thông qua những chi tiết, hình ảnh: + Nơi họ sống và sinh hoạt:*Ở khắp các quảng trường đã được dựng lên những lều của người làm xiếc ở;* rạp ở giữa quảng trường, *trong một góc là ba chiếc xe lớn để những người làm xiếc ngủ và hóa trang, ba ngôi nhà nhỏ có bánh, có cửa sổ, mỗi ngôi có ống khói bé tí tỏa khói suốt ngày. Từ cửa sổ này sang cửa sổ kia người ta căng dây phơi tã lót trẻ con. Suốt ngày, họ chạy từ rạp xiếc đến các xe.* + Cách ăn mặc: *trời rét, mặc phong phanh có manh áo sợi đan màu hồng.* + Cách sinh hoạt: *ăn vội ăn vàng,đứng mà ăn một miếng bốc bằng tay giữa hai buổi diễn. Không bao giờ những người bất hạnh ấy được ai dọn bàn ăn cho mà ngồi vào đàng hoàng…*	0,5 0,5 0,5
		-> Chứng tỏ: cuộc sống tạm bợ, nghèo khổ, lam lũ, khó khăn, nay đây mai đó.	
	3	- Biện pháp tu từ: + So sánh: cậu bé với *khách hành hương, người thủy thủ, kẻ quân nhân, tay mãi võ* + Liệt kê:*như khách hành hương, như người thủy thủ, như kẻ quân nhân, như tay mãi võ.*	1,0
		- Tác dụng: + Nhấn mạnh nhân vật trung tâm là cậu bé làm xiếc. + Giúp bạn đọc hình dung rõ hơn, đầy đủ hơn về diện mạo đa dạng của cậu bé làm xiếc khi đứng trên lưng ngựa sau mỗi lần thay quần áo trong buổi biểu diễn. + Thể hiện cái nhìn yêu mến, sự chăm chú và thích thú của nhânvật tôi khi xem cậu bé biểu diễn. + Lời văn thêm sinh động, giàu sức gợi hình, biểu cảm.	2,0
	4	- Người bố có những cách khác để giúp đỡ gánh xiếc:cho tiền, kêu gọi mọi người ủng hộ.	1,0
		- Người bố: biết trân trọng, cảm phục… đối với gánh xiếc; biết cách để giúp đỡ người khác (giúp họ kiếm tiền một cách chính đáng, tự hào…).	1,0
II	**VIẾT**		

	1	**Từ nội dung văn bản phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của sự tế nhị khi giúp đỡ người khác.**	**4,0**
		a. Kĩ năng - Viết đúng hình thức một đoạn văn nghị luận xã hội, trình bày khoa học, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	
		b. Về nội dung cần đảm bảo các ý cơ bản sau:	
		- Giải thích: Tế nhị là sự khéo léo sử dụng những cử chỉ ngôn ngữ trong giao tiếp ứng xử, thể hiện là con người có hiểu biết, có văn hóa.	0,5
		- Ý nghĩa của sự tế nhị khi giúp đỡ người khác: + Sự tế nhị thể hiện sự tôn trọng; giúp cho người nhận được sự giúp đỡ không bị tổn thương, tự ái. + Sự tế nhị khi giúp đỡ người khác sẽ gắn kết con người lại với nhau, tạo cảm giác gần gũi, thân mật, giúp cho mọi người trở nên thoải mái, cởi mở hơn trong lời nói và hành động. + Sự tế nhị khi giúp đỡ người khác làm cho hành động cho đi có ý nghĩa hơn, lan tỏa những thông điệp có ý nghĩa đến cộng đồng, làm cho xã hội ngày càng văn minh, tiến bộ… *(HS lấy dẫn chứng, phân tích)*	2,5
		- Phê phán, mở rộng: + Phê phán những người thiếu tế nhị khi giúp đỡ người khác. + Phê phán những người thờ ơ, vô cảm trước khó khăn, bất hạnh của người khác, những người giúp đỡ người khác để tư lợi…	0,5
		- Bài học nhận thức và hành động: + Luôn cẩn trọng trong từng lời nói, hành động khi làm công việc thiện nguyện. + Luôn ghi nhớ: Của cho không bằng cách cho; tránh làm "tổn thương" những người có hoàn cảnh khó khăn...	0,5
	2	**Viết một bài văn phân tích nhân vật cậu bé làm xiếc trong văn bản trên.**	**8,0**
		a. Về hình thức - Viết đúng hình thức một bài văn nghị luận văn học (phân tích nhân vật), trình bày khoa học, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi	

		chính tả, dùng từ, đặt câu.	
		b. Về nội dung cần đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau:	
		*Giới thiệunhân vật cậu bé làm xiếc trong câu chuyện trích từ*Những tấm lòng cao cả* của tác giảEdmodo De Amicis	0,5
		* Phân tích nhân vật cậu bé làm xiếc. HS chỉ ra và phân tích được đặc điểm của nhân vật cậu bé làm xiếc dựa trên các chi tiết, sự việc trong tác phẩm (hoàn cảnh, ngoại hình, hành động, lời nói, suy nghĩ…) ***Một số gợi ý:*** - Hoàn cảnh: khó khăn, tội nghiệp (8 tuổi, làm xiếc, cuộc sống tạm bợ, nay đây mai đó…) - Ngoại hình: đẹp (*mặt tròn trặn, da nâu nâu, tóc đen xoăn tít tỏa ra quanh chiếc mũ nhọn như những đợt sóng…*) -Có tài nghệ, hết mình vì công việc… (những chi tiết khi biểu diễn) - Có lòng biết ơn, có lòng tự trọng, khéo léo, tế nhị… (những chi tiết ở cuối truyện)	1,0 1,0 1,5 1,5
		- Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn: + Nghệ thuật kể chuyện theo ngôi thứ nhất + Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện: buổi biểu diễn ở rạp xiếc +Nghệ thuật khắc họa nhân vật qua các chi tiết miêu tả: ngoại hình, lời nói, hành động, suy nghĩ… + Sáng tạo được chi tiết tiêu biểu: chiếc kẹo, chiếc hôn……	2,0
		* *Đánh giá nhân vật:* Khẳng định lại ý kiến của người viết về nhân vật.Nêu cảm nghĩ về ý nghĩa của nhân vật.	0,5

ĐỀ 45

CHIẾC LÔNG CHIM MÀU ĐỎ

– Nguyễn Quang Thiều –

(Lược một đoạn: Có bầy chim tránh rét, có một năm con chim chúa kiệt sức chết trên vườn vải, người dân chôn cất chim chúa và lấy ngày 13 tháng giêng hằng năm là ngày hội làng. Từ đó, cứ vào tháng giêng đàn chim di cư về nghỉ tại làng của Ngần đúng một đêm, hôm sau chúng về vùng đất ngập nước cách làng của Ngần khoảng 50km. Nếu ai nhặt được chiếc lông chim màu đỏ thì sẽ gặp phước lành "Người già nhặt được thì sẽ không bệnh tật và sống đến tận trăm tuổi. Trẻ con nhặt được thì ngoan ngoãn, thông minh. Con trai nhặt được thì khỏe mạnh, tài trí, làm ăn phát đạt. Và con gái nhặt được thì ngày một đẹp, một thảo hiền và sẽ lấy được người mình mong ước. Nhưng mỗi lần chim về, trong hàng ngàn chiếc lông chim rụng, chỉ có một chiếc màu đỏ". Bom Mĩ dội, bầy chim bị chết rất nhiều nên chúng không còn trú lại một đêm ở vườn vải nữa. Ngần là cô gái kém nhan sắc, mỗi lần hội làng, cô lại thơ

thẩn dọc bãi vải tìm lông chim màu đỏ, cô tìm mải miết bao năm cũng không được. Ngần vô tình gặp Thư để nghiên cứu về bầy chim. Thư luôn tin rằng bầy chim sẽ về đông hơn, nhiều hơn. Đúng như dự đoán bầy chim về rất đông đúng ngày 13 tháng giêng, hôm sau Ngần ra bãi vải nhưng không nhặt được chiếc lông chim nào, cô vô cùng buồn bã, thất vọng. Thư đem lòng yêu mến Ngần, Ngần chỉ biết khóc, hoảng sợ và đau khổ).

Ngần không thể nói cho Thư biết vì sao cô khóc. Cô ngước mắt nhìn Thư. Cô nhìn thấy đôi mắt Thư đang nhìn cô đắm đuối và ấm áp vô cùng. Lúc đó, Ngần muốn gào lên với Thư rằng: "Tại sao anh có thể nhìn gương mặt xấu xí của em đắm đuối như thế kia được". Nhưng Ngần không gào lên được. Cô chỉ biết khóc. Thư kéo đầu Ngần vùi vào ngực mình và vuốt ve mái tóc cô. Và Ngần cảm nhận rõ mái tóc mình khô giòn và khét đắng. Đến khi Thư vuốt ve bàn tay mình, Ngần đã vùng khỏi vòng tay Thư và nghẹn ngào:

– Tại sao em lại không nhặt được chiếc lông chim màu đỏ?

Câu hỏi của Ngần vừa tủi thân, vừa oán hận. Thư nhìn Ngần và nhận ra tất cả. Anh thì thào:

– Em sẽ nhặt được, chắc chắn là nhặt được.

Nửa tháng sau ngày Thư đi, Ngần nhận được thư anh. Thư say sưa kể cho Ngần nghe về những bầy chim di cư trở về trong những ngày xuân ấm áp. Ngần thấy hạnh phúc và nhớ Thư vô hạn. Đêm ấy, cô đọc thư của anh bao nhiêu lần cũng không thấy chán. Nhưng khi lấy chiếc gương ra soi thì cô lại gục đầu mệt mỏi. Cô luôn luôn cảm thấy da cô khô và sạn, tóc cô cứng và khét, mắt cô hơi xếch, đôi môi lại có những vết rộp. Sao anh ấy lại yêu mình? – Cô thầm hỏi. Hay anh ấy chỉ yêu bầy chim thôi? Ngần nhận được thư của Thư, nhưng cô không viết lại cho anh.

[...]

Sau bao nhiêu năm, ngày 13 tháng giêng năm nay làng Ngần lại tổ chức đón bầy chim. Khoảng hai giờ chiều, người làng đã tụ tập kín mặt đê. Một chiếc bàn phủ gấm điều bày bánh trái, hoa quả và một chiếc lư đồng. Trầm được đốt lên tỏa hương thơm ngát. Ngần cũng có mặt trên đê. Nhưng cô đứng ở phía cuối đoàn người, khăn len che kín mặt. Với mặc cảm về sắc đẹp của mình, cô luôn luôn né tránh đám đông. Cô đứng đợi bầy chim trở về mà lòng buồn bã.

Khoảng ba giờ chiều thì bầy chim trở về. Chúng xuất hiện phía xa như một đám mây. Đám mây mỗi lúc một lớn. Những người đứng trên mặt đê nghe thấy tiếng đập cánh của bầy chim như tiếng mưa rào đang đổ xuống. Bầy chim có lẽ đến vài ba ngàn con ngòm ngợp đập cánh, tiếng kêu của chúng vang lên như tiếng sáo trúc rộn ràng. Bầy chim lượn một vòng quanh làng Ngần rồi từ từ đậu xuống bãi vải. Mọi người đứng trên mặt đê reo hò.

Ngần đứng im lặng, không chớp mắt nhìn bầy chim.

– Tôi đã nhìn thấy con chim chúa.

Nghe tiếng người nói sau lưng, Ngần quay lại và nhận ra người đàn ông cùng viện với Thư.

– Bác nhìn thấy thật à? – Ngần hỏi – Sao bác biết?

– Con chim bay ở giữa đàn. – Người đàn ông nhìn về bãi vải nói. Nó có đôi cánh dài, rộng gấp đôi những con khác. Nó bay nhanh nhưng đập cánh rất ít. Chỉ có con chim chúa mới có chiếc lông màu đỏ.

Câu nói của người đàn ông bỗng làm cho Ngần dâng lên một cảm xúc lạ lùng. Cô mở chiếc khăn ra. Gió xuân ấm áp phả lên mặt cô. Và từ đó cho tới khi đi ngủ, Ngần náo nức lạ thường. Ngày mai cô sẽ dậy thật sớm để đi tìm chiếc lông chim màu đỏ.

Ngần đã khóc nấc lên trong buổi sớm mùa xuân. Khi bước ra sân, cô thấy những chiếc lông chim rụng ngay ở sân nhà cô. Sáng sớm hôm nay, bầy chim từ bãi vải đã bay cắt qua làng cô để trở về vùng đất ngập nước. Và giữa những chiếc lông chim màu trắng là một chiếc lông chim màu đỏ như lửa. Ngần nhặt chiếc lông chim lên. Cô để chiếc lông chim trong lòng bàn tay. Chiếc lông chim khe khẽ rung lên bởi hơi thở của Ngần. Cô vội mang chiếc lông chim màu đỏ vào nhà mở chiếc khăn tay và đặt nó lên đó ngắm nhìn, lòng ngập tràn hạnh phúc.

Suốt ngày hôm đó, Ngần cười nói khác thường. Đến khuya, khi tin chắc mọi người đã ngủ say, Ngần rón rén trở dậy. Cô vặn to đèn, run rẩy lấy ra chiếc gương rồi lại ấp chiếc gương vào ngực, người run bắn. Cuối cùng cô đưa chiếc gương lên ngang mặt mãi lâu sau mới lấy hết can đảm và từ từ mở mắt ra. Cô nhìn vào gương. Thật kỳ lạ, cô thấy mình không hề xấu xí như ngày xưa, nước da không phải khô và sạm, mà rám nắng, khỏe mạnh, đôi môi không hề có rộp mà mọng ướt. Cô từ từ đưa tay lên mái tóc. Mái tóc cô dày và mềm mại.

Cô soi gương, rồi bỏ gương đi. Rồi cô lại soi, lại bỏ, mỗi lúc lòng tin về nhan sắc của mình càng mạnh mẽ.

Ngày hôm sau, cô đi chơi khắp làng. Bạn gái cô kéo cô lại và thì thầm: "Yêu rồi phải không?", "Yêu ai mà yêu" – cô cãi. Bạn gái cô nói: Đừng có giấu tao, mày đẹp ra như thế này... Đúng là! "Gái phải hơi trai như thài lài...". Cô đỏ mặt sung sướng. Cô không muốn nói về chiếc lông chim màu đỏ. Cô không tin chuyện thần tiên. Nhưng cô không lý giải được vì sao lại thế. Chỉ có điều không ai cho cô là xấu. Chỉ có cô nghĩ mình xấu xí và tự ti về nhan sắc của mình.

Điều ấy chỉ mình Thư biết. Và anh yêu cô lạ lùng. Anh phải kéo cô ra khỏi sự mặc cảm ghê gớm đó. Chỉ làm như thế, anh mới có được cô. Và anh đã bỏ mọi công sức lang thang đến nhiều vùng để tìm được chiếc lông chim màu đỏ. Anh đã nhờ một đồng nghiệp về làng Ngần trong mùa chim di cư trở về và bí mật thả chiếc lông chim màu đỏ xuống trước cửa nhà cô.

Mấy ngày sau, người đàn ông cũng ra đi. Ngần viết lá thư đầu tiên cho Thư và nhờ người đàn ông ấy chuyển giúp. Lá thư chỉ vẻn vẹn mấy dòng: "Em yêu anh. Ngày nào em cũng mong anh trở về. Hãy về với em! Ngần".

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong truyện.

Câu 2. (0,5 điểm) Tìm những từ ngữ, hình ảnh miêu tả bầy chim.

Câu 3. (1,0 điểm) Tại sao khi Thư tỏ tình với Ngần, viết thư cho Ngần, cô chỉ biết khóc, hoang mang và đau khổ? (1,0 điểm)

Câu 4. (1,0 điểm) Nêu những suy nghĩ, nhận xét của anh/chị về sự thay đổi của Ngần khi nhặt được chiếc lông chim màu đỏ?

Câu 5. (1,0 điểm) Anh/chị hãy nhận xét tình cảm, tấm lòng của Thư dành cho Ngần.

**II. VIẾT (6,0 điểm) **

Câu 1 (2,0 điểm). Viết đoạn văn (khoảng 12 câu) trình bày những cảm nhận, suy nghĩ của em về hình ảnh "chiếc lông chim màu đỏ" trong truyện ngắn "Chiếc lông chim màu đỏ" của Nguyễn Quang Thiều.

Câu 2 (4,0 điểm).

Niềm tin có sức mạnh biến cái không thể thành cái có thể.

Anh/chị viết bài văn nghị luận xã hội bàn về mối quan hệ giữa niềm tin và sự thành công.

Gợi ý trả lời

PHẦN I. ĐỌC HIỂU

Câu 1.

– Phương thức biểu đạt chính là tự sự.

Câu 2.

– Những từ ngữ, hình ảnh miêu tả bầy chim:

Đám mây mỗi lúc một lớn. Những người đứng trên mặt đê nghe thấy tiếng đập cánh của bầy chim như tiếng mưa rào đang đổ xuống. Bầy chim có lẽ đến vài ba ngàn con ngờm ngợp đập cánh, tiếng kêu của chúng vang lên như tiếng sáo trúc rộn ràng.

Câu 3. (1,0 điểm)

Tại sao khi Thư tỏ tình với Ngần, viết thư cho Ngần mà cô chỉ biết khóc, hoang mang và đau khổ?

*** Gợi ý:** Sở dĩ Ngần chỉ biết khóc và cảm thấy hoang mang, đau khổ khi được Thư tỏ tình vì:

+ Ngần là cô gái có dung mạo xấu xí (theo đánh giá của nhiều người và của chính bà nội) => điều này làm cho cô tự ti, mặc cảm và cô cảm thấy không xứng đáng với Thư (đẹp trai, tốt bụng). Có lẽ, xuất phát từ chính định kiến (tướng số của bà, từ quan niệm hôn nhân "môn đăng hậu đối", từ việc đánh giá hợp hay không hợp thông qua diện mạo).

+ Ngần rất yêu Thư, nhưng lại không dám vượt qua sự mặc cảm, định kiến để đến với Thư.

=> Như vậy, Ngần bị rơi vào những mâu thuẫn giữa hoàn cảnh thân phận với tình yêu; mâu thuẫn giữa khát vọng – với định kiến. Hơn nữa, trước tình yêu, tấm lòng cao đẹp của Thư khiến cô không biết phải làm sao. Chính vì thế, Ngần chỉ biết khóc, biết đau khổ.

*** Tham khảo trả lời:** Khi Thư tỏ tình và viết thư cho Ngần, cô chỉ biết khóc, hoang mang và đau khổ bởi cô đã lâu lắm rồi không được ai yêu và quan tâm đến bản thân mình như vậy. Trong quá khứ, Ngần luôn cảm thấy mình xấu xí và không đáng để ai đó yêu thương. Do đó, sự tỏ tình và quan tâm từ Thư đã làm cho Ngần cảm thấy mình không xứng đáng với tình cảm đó, và điều này khiến cô hoang mang và không biết phải làm gì. Sự đau khổ của Ngần cũng có thể xuất phát từ việc cô không tin vào bản thân và không tin rằng có thể được yêu thương một cách chân thành.

Câu 4.

*** Gợi ý:**

– Sự thay đổi của Ngần: Tự tin hơn, yêu đời hơn và đã nhận ra được vẻ đẹp của bản thân mình. Sự tự tin này đến tự việc Ngần nhặt được chiếc lông chim màu đỏ =>

Chiếc lông chim màu đỏ như một phép nhiệm màu làm thay đổi tâm trạng, tâm lí của nhân vật Ngần. Từ đó, Ngần đã tự tin để chấp nhận tình yêu của Thư dành cho mình.

– Nhận xét, suy nghĩ về sự thay đổi: Đây là sự thay đổi tích cực, đột ngột và bất ngờ. Sự thay đổi này sự một phép thần kì, làm cho câu chuyện đẹp như truyện cổ tích.

=> Qua sự thay đổi của Ngần, ta mới thấy được hết sức mạnh của sự tự tin và cũng thấy được sự hủy hoại ghê gớm của tự ti.

=> Sự thay đổi này đã tạo nên sức hấp dẫn cho câu chuyện, khiến cho câu chuyện giàu ý nghĩa nhân văn.

=> Sự thay đổi này như gieo niềm tin vào trong lòng mỗi người về phép màu nhiệm trong thế giới này vẫn còn tồn tại.

*** Tham khảo trả lời:** Sau khi nhặt được chiếc lông chim màu đỏ, Ngần trải qua một sự thay đổi to lớn về tư tưởng và tâm hồn. Cô đã cảm nhận được giá trị của chính mình và không còn tự ti về nhan sắc như trước. Sự tự tin và hạnh phúc đã thay thế cho nỗi lo lắng và buồn bã trong tâm hồn cô. Điều quan trọng nhất, Ngần đã hiểu rằng tình yêu không phải chỉ dựa vào vẻ bề ngoài mà còn dựa vào lòng chân thành và tình cảm chân thành của mỗi người.

Câu 5.

*** Gợi ý:**

– Nhận xét tình cảm, tấm lòng: Nếu như Ngần mười 17 tuổi không ai theo đuổi, không ai ngó ngàng, vì thế có luôn mơ về chiếc lông chim màu đỏ để làm thay đổi diện mạo, cuộc đời của cô. Ngay cả bà nội của Ngần còn nghĩ rằng với diện mạo như thế khó có thể tìm được tình yêu. Thế mà, Thư vẫn yêu Ngần.

– Đó là tình cảm chân thành, mãnh liệt dành cho thư (viết thư nhiều lần, bức thư nào cũng xin được cưới, lặn lội khắp nơi để tìm chiếc lông chim màu đỏ). Tình cảm thật cao đẹp, thiêng liêng, xúc động biết bao nhiêu.

=> Tình cảm của Thư dành cho Ngần làm cho câu chuyện thêm thi vị; giúp người đọc tin rằng trên đời vẫn còn tình yêu chân chính, còn những phép nhiệm màu của chính tình yêu tạo ra.

*** Tham khảo:**

Tình cảm và tấm lòng mà Thư dành cho Ngần là một tình yêu chân thành và sâu sắc. Thư đã dành nhiều công sức và tình cảm để quan tâm và chăm sóc cho Ngần, thể hiện qua việc viết thư và đến thăm cô trong mùa chim di cư. Anh ta không chỉ chú trọng đến vẻ bề ngoài của Ngần, mà còn đặc biệt quan tâm và yêu thương về tâm hồn và trái tim của cô. Thư đã đánh thức trong Ngần niềm tin vào chính bản thân mình và giúp cô nhận ra giá trị và sức hấp dẫn của mình. Tình yêu của Thư không chỉ là sự ngưỡng mộ nhan sắc bên ngoài của Ngần mà còn là sự đồng cảm và chân thành đối với tâm hồn và con người của cô.

PHẦN II. VIẾT

Câu 1

Gợi ý:

*** Yêu cầu về hình thức:** Đoạn văn.

*** Yêu cầu về nội dung:**

– Hình ảnh: Chiếc lông chim màu đỏ là chi tiết nghệ thuật đặc sắc xuất hiện nhiều lần trong tác phẩm, đây cũng là hình ảnh được lấy đặt nhan đề cho tác phẩm.

– Hình ảnh gắn liền với một truyền thuyết, huyền thoại đã trở thành niềm tự hào của dân làng về con chim chúa có chiếc lông màu đỏ.

– Hình ảnh gắn liền với phép nhiệm màu trở thành niềm ước ao của nhiều người:

– Với Ngần một cô gái kém về nhan sắc, luôn tự ti thì chiếc lông chim là điều cô hằng theo đuổi, là ước mơ, niềm hi vọng của cô.

– Với Thư, chiếc lông chim là điều anh mong muốn, kiếm tìm để chữa lành vết thương tinh thần của người mình yêu về sự mặc cảm, tự ti. Thư hiểu rằng chỉ có lông chim màu đỏ mới có thể xóa nhòa khoảng cách, tường rào ngăn cách giữa anh và Ngần.

– Chiếc lông chim Ngần đã có được giúp cô tự tin, hạnh phúc để đến với tình yêu, với tấm lòng của Thư dành cho mình.

ĐỀ 46

CON CHÓ XẤU XÍ- KIM LÂN

(Lược dẫn: Vợ của nhân vật xưng "tôi" mua một con chó, nhưng nó rất xấu xí nên chẳng ai dám đến gần. Mấy người quen của nhân vật "tôi" định bụng sẽ giết thịt nó để làm một chầu nhậu, nhưng rồi giặc đến, mọi người đều phải bỏ làng chạy giặc. Vì vướng víu nên gia đình, nhân vật "tôi" đành phải bỏ con chó lại nhà cụ bếp Móm và nhờ cụ nuôi hộ. Trước khi ra đi, vợ của nhân vật "tôi" đã xích con chó vào gốc cây để nó khỏi chạy theo).

"Ắng!... Ắng! Ắng!..." Tiếng con chó lồng lộn, cuống quít đằng sau bước chân tôi. Nó như gọi tôi, nó như kêu cứu, như than khóc, oán trách…

Ra khỏi ngõ tôi thoảng nghe tiếng chị vợ cảnói với chồng:

– Vợ chồng nhà ấy họ đi đấy à? Này, họ bỏ lại con chó cậu ạ.

Và tiếng anh chồng dấm dẳn:

– Đến người cũng chả chắc giữ được nữa là con chó!…

Tôi xóc lại cái quai ba lô, bước theo hút cái bóng nhà tôi đang đi xăm xắm xuống đồi.

[…]

Tiếng con chó từ trong nhà cụ bếp Móm đưa ra vẫn nghe rõ mồn một "Ắng!... Ắng! Ắng!...". Tiếng con chó da diết, nhọn hoắt xói vào ruột gan tôi. "Thôi để chuyến này về tao nuôi. Tao sẽ nuôi mày, tao không bỏ mày đâu…".

Tôi nhủ thầm với tôi một lần nữa như vậy.

(Lược một đoạn: sau khi giặc rút, gia đình nhân vật "tôi" về lại làng, nhưng nhân vật "tôi" đã quên bẵng con chó).

Một hôm tôi chợt thấy cặp kính trắng lấp loáng của Đặng "cồn" từ đầu ngõ đi vào, bấy giờ tôi mới giật mình, sực nhớ đến con chó. Tôi quay lại hỏi nhà tôi:

– À, mình này! Con chó nhà ta đâu nhỉ? Mình chưa vào trong cụ bếp dắt nó về à?

Nhà tôi đứng ngẩn ra một lúc. Có lẽ nhà tôi cũng không ngờ rằng tôi đã về bằng ấy ngày giời rồi vẫn không nói chuyện con chó ấy với tôi.

– Nó chết rồi!... – Nhà tôi nói khe khẽ.

– Chết rồi? Làm sao mà chết được?…

Tôi trố mắt lên hỏi lại. Nhà tôi cúi mặt xuống, thở dài:

– Nó chết thương lắm cơ mình ạ. Không phải nó chết trong cụ bếp Móm đâu. Nó về nhà ta nó chết đấy.

Nhà tôi ngừng lại, cắn môi chớp chớp hai mắt nhìn ra ngoài sân. Lát sau, nhà tôi đứng dậy mời Đặng vào trong nhà, rót nước mời anh rồi mới tiếp tục câu chuyện.

Chao ôi! Con chó xấu xí ấy của tôi! Con chó từ lúc mua, đến lúc chết không được một lần vuốt ve! Nó đã chết một cách thảm thương và trung hậu quá. Từ hôm vợ chồng tôi gửi lại nó cho ông cụ bếp Móm, con chó không chịu ăn uống gì. Nó chỉ kêu. Nó kêu suốt ngày, suốt đêm. Một đêm, ông cụ bếp không thấy con chó kêu nữa, thì ra nó đã xổng xích đi đâu mất rồi.

Hôm nghe tin giặc rút, ở trong khe đồn Khau Vắt dọn về, nhà tôi tạt vào nhà cụ bếp Móm định đem con chó về nhân thể, nhưng vào đến nơi thì nó không còn đấy nữa. Lúc ấy nhà tôi cũng yên trí là con chó mất rồi. Chắc chắn nó sẽ lạc vào một trại ấp nào đấy và người ta làm thịt nó.

Nhưng khi nhà tôi về đến nhà, bà con xóm giềng vừa chạy sang láo nháo thăm hỏi thì, ở ngoài vườn sau, có mấy tiếng chó hú lên thảm thương và ghê rợn.

Từ sau bụi dứa rậm rạp, con chó khốn khổ ấy lảo đảo đi ra. Người nó run lên bần bật. Nó gầy quá, chỉ còn một dúm xương da xộc xệch, rụng hết lông. Nó đói quá, đi không vững nữa. Nó đi ngã dụi bên này, dụi bên kia. Rồi nó không còn đủ sức mà đi nữa. Nó nằm bệt trên đất, rúm người lại, lết lết về phía nhà tôi. Lúc ấy cả người nó chỉ còn có cái đuôi là còn ngó ngoáy được để mừng chủ và cái lưỡi liếm liếm vào tay chủ. Khốn nạn con chó! Được gặp chủ nó mừng quá. Từ trong hai con mắt đờ đẫn của nó mấy giọt nước chảy ra. Lát sau thì nó không liếm được nữa, cái đuôi ngoáy yếu dần, yếu dần rồi im hẳn. Nó chết.

Tôi tối sầm mặt lại, vừa thương xót con chó, vừa thấy xấu hổ. Quả thật tôi chỉ là một thằng tồi. Một thằng ích kỷ. Tôi chỉ nghĩ đến mình và vợ con mình. Đến như con chó mình nuôi, mình đối xử với nó có được như cái tình nghĩa của nó đối xử với mình đâu?

[...]

(Trích *Con chó xấu xí,* Kim Lân, in trong *Tuyển tập Kim Lân,* Nxb Văn học)

I.TRẮC NGHIỆM

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Truyện ngắn trên sử dụng người kể chuyện ở ngôi thứ mấy? (0,5 điểm)

A. Ngôi thứ ba
B. Ngôi thứ hai
C. Ngôi thứ nhất
D. Ngôi thứ nhất và thứ ba

Câu 2. Đoạn trích trên chủ yếu được kể từ điểm nhìn của nhân vật nào?

A. Nhân vật người vợ
B. Nhân vật xưng "tôi"
C. Nhân vật Đặng
D. Nhân vật cụ bếp Móm

Câu 3. Phát biểu nào sau đây nói đúng về đặc điểm của lời kể trong truyện? (0,5 điểm)

A. Chỉ có lời nhân vật
B. Chỉ có lời người kể chuyện
C. Bao gồm cả lời người kể chuyện và lời nhân vật
D. Bao gồm cả lời người kể chuyện, lời nhân vật và lời tác giả

Câu 4. Chi tiết nào sau đây khiến nhân vật tôi cảm thấy "vừa thương xót con chó, vừa thấy xấu hổ" ? (0,5 điểm)

A. Phải gửi lại con chó ở nhà cụ bếp Móm
B. Tiếng kêu của con chó khi gia đình nhân vật "tôi" bỏ nó ra đi
C. Con chó lết về nhà chủ rồi chết
D. Con chó lết về, mừng và xúc động khi gặp lại chủ rồi chết

Câu 5. Hình tượng "con chó xấu xí" là biểu tượng cho: (0,5 điểm)

A. Những con người có ngoại hình xấu xí
B. Những con người có tính cách yếu đuối
C. Những con người bị hắt hủi nhưng sống nghĩa tình
D. Những con người thấp cổ bé họng nhưng đã can đảm đứng lên

Câu 6. Phát biểu nào sau đây nói lên nội dung tóm tắt của truyện? (0,5 điểm)

A. Gia đình nhân vật "tôi" mua một con chó xấu xí, đối xử với nó một cách hờ hững và khi chạy giặc đã bỏ lại nó. Nhưng con chó vẫn trung thành với chủ, tìm về nhà gặp chủ rồi mới chết. Hành động đó đã khiến nhân vật "tôi" vừa thương xót con chó vừa hối hận vì cách hành xử của mình.

B. Gia đình nhân vật "tôi" mua một con chó xấu xí, đối xử với nó một cách hờ hững và khi chạy giặc đã bỏ lại nó.

C. Gia đình nhân vật "tôi" mua một con chó xấu xí, đối xử với nó một cách hờ hững và khi chạy giặc đã bỏ lại nó. Nhưng con chó vẫn trung thành với chủ, tìm về nhà gặp chủ rồi mới chết.

D. Gia đình nhân vật "tôi" mua một con chó xấu xí, đối xử với nó một cách hờ hững và khi chạy giặc đã bỏ lại nó. Nhân vật "tôi" đã rất thương xót con chó và hối hận vì cách hành xử của mình.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây nói lên chủ đề của truyện: (0,5 điểm)

A. Phê phán lối sống vô tình vô nghĩa.
B. Ca ngợi lối sống tình nghĩa, trước sau như một
C. Lên án chiến tranh đã gây ra sự loạn li
D. Cả A và B

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Bạn rút ra được bài học gì cho bản thân sau khi đọc truyện ngắn trên? (0,5 điểm)

Câu 9. Bạn có nhận xét gì về người vợ của nhân vật "tôi" trong câu chuyện? (1,0 điểm)

Câu 10. Từ truyện ngắn trên, bạn suy nghĩ gì về tác hại của thói vô cảm trong cuộc sống. (Viết khoảng 5 – 7 dòng) (1,0 điểm)

II.VIẾT

Em hãy viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện ngắn đã cho ở phần Đọc hiểu.

Gợi ý trả lời:

Câu 1. C Ngôi thứ nhất

Câu 2. B Nhân vật xưng "tôi"

Câu 3.C Bao gồm cả lời người kể chuyện và lời nhân vật

Câu 4. D Con chó lết về, mừng và xúc động khi gặp lại chủ rồi chết

Câu 5. C Những con người bị hắt hủi nhưng sống nghĩa tình

Câu 6. A Gia đình nhân vật "tôi" mua một con chó xấu xí, đối xử với nó một cách hờ hững và khi chạy giặc đã bỏ lại nó. Nhưng con chó vẫn trung thành với chủ, tìm về nhà gặp chủ rồi mới chết. Hành động đó đã khiến nhân vật "tôi" vừa thương xót con chó vừa hối hận vì cách hành xử của mình.

Câu 7. D Cả A và B

Câu 8. Học sinh được tự do rút ra bài học, miễn là tích cực và liên quan đến nội dung câu chuyện. Tham khảo:

– Cần sống có lòng yêu thương

– Cần sống tình nghĩa, trước sau như một

– Không nên phân biệt đối xử

Câu 9. Nhận xét về người vợ của nhân vật "tôi": là một người phụ nữ có tấm lòng nhân hậu, giàu tình cảm. Điều đó được thể hiện qua lời nói và cảm xúc của bà trước cái chết của con chó xấu xí.

Câu 10.

Suy nghĩ về tác hại của thói vô cảm trong cuộc sống:

– Vô cảm khiến tâm hồn con người trở nên chai sạn, không biết yêu thương người khác

– Vô cảm khiến con người không tạo lập và duy trì được các mối quan hệ tốt đẹp

– Vô cảm khiến con người không nhận được sự giúp đỡ khi gặp khó khăn.

v.v…đánh giá con chó xấu xí ; phân tích đánh giá truyện ngắn con chó xấu xí

II. VIẾT

Gợi ý

MỞ BÀI

– Giới thiệu truyện kể: "Con chó xấu xí" là một trong những truyện ngắn đặc sắc của nhà văn Kim Lân.

– Nêu nội dung khái quát cần phân tích, đánh giá: Trong bài viết này, chúng ta sẽ cùng đi vào phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện ngắn nói trên.

THÂN BÀI

1.Tóm tắt truyện:

Gia đình nhân vật "tôi" mua một con chó xấu xí, đối xử với nó một cách hờ hững và khi chạy giặc đã bỏ lại nó. Nhưng con chó vẫn trung thành với chủ, tìm về nhà gặp chủ rồi mới chết. Hành động đó đã khiến nhân vật "tôi" vừa thương xót con chó vừa hối hận vì cách hành xử của mình.

2. Xác định và phân tích, đánh giá chủ đề:

a. Xác định chủ đề:

Thông qua câu chuyện về một con chó xấu xí, tác giả ngầm phê phán thói vô cảm của người đời đối với những số phận bất hạnh; đồng thời nhắc nhở con người cần sống tình nghĩa, trước sau như một.

b. Phân tích, đánh giá chủ đề:

– Hình ảnh con chó xấu xí là biểu tượng cho những con người có số phận bất hạnh, kém may mắn trong cuộc sống. Suốt cả cuộc đời, họ phải sống trong sự ghẻ lạnh, hờ hững của người đời, như con chó xấu xí, từ khi mua về cho đến khi chết, "không được một lần vuốt ve".

– Tuy vậy, ở những con người đó lại ẩn chứa một tâm hồn cao đẹp, trung hậu: đó là biết sống tình nghĩa, dù cả đối với những người đã đối xử tệ bạc với mình. Con chó xấu xí đã *như kêu cứu, như than khóc, oán trách* khi gia đình nhân vật tôi bỏ nó ở lại; nó đã bỏ ăn khi xa chủ; rồi phá xích để trở về nhà chủ; đặc biệt cảm động là cái sự kiện khi gặp lại chủ, dù chỉ còn chút hơi tàn, nó vẫn bày tỏ sự mừng vui, để rồi sau đó chết vì kiệt sức.

– Truyện cũng gián tiếp thể hiện tiếng nói phê phán cái lối sống ích kỉ, vô tình vô nghĩa của con người. Nhân vật "tôi" đã bỏ nó ở lại vì vướng víu; khi trở về thì quên bẵng không nhớ gì đến nó, dù trước đó đã thầm hứa với mình là sẽ nuôi nó khi được trở lại nhà.

– Truyện cũng cho thấy, khi con người sống vô tình vô nghĩa, người ta sẽ chuốc lấy những sự cắn rứt, dằn vặt của lương tâm.

3. Phân tích, đánh giá những nét đặc sắc về nghệ thuật:

a. Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

a.1. Nhân vật "tôi":

– Nhân vật "tôi" được miêu tả trước hết là một con người vô tình. Sự vô tình của nhân vật này thể hiện ở thái độ đối xử với con chó xấu xí: khi người vợ mua về, nhân vật tôi xa lánh, hờ hững; khi những người quen ngỏ ý giết thịt con chó, nhân vật tôi đã đồng ý; khi bỏ đi, dù đã tự hứa với lòng mình là lúc trở về sẽ chăm sóc con chó, nhưng rồi lại quên mất lời hứa của mình.

– Tuy nhiên, từ trong sâu thẳm, nhân vật tôi vẫn còn là một con người có lương tâm. Anh đã day dứt khi phải bỏ con chó ở lại; và đặc biệt nhất, anh đã vô cùng hối hận và xấu hổ khi nghe người vợ kể về cái chết của con chó. Anh đã tự biết nhìn nhận lại cách sống của chính mình: *Quả thật tôi chỉ là một thằng tồi. Một thằng ích kỷ. Tôi chỉ nghĩ đến mình và vợ con mình. Đến như con chó mình nuôi, mình đối xử với nó có được như cái tình nghĩa của nó đối xử với mình đâu?*

a.2. Nhân vật người vợ:

Người vợ của nhân vật tôi là một người phụ nữ chất phác và có tấm lòng nhân hậu. Tấm lòng nhân hậu ấy được thể hiện rõ nhất qua lời nói, qua thái độ xúc động của chị khi kể về cái chết của con chó: *Nó chết thương lắm cơ mình ạ;* chị *cắn môi chớp chớp hai mắt nhìn ra sân*, đó là sự kìm nén nỗi thương cảm của mình đối với con chó.

a.3. Nhân vật "con chó xấu xí": -> đây là một "nhân vật" đặc biệt, mang tính biểu tượng.

– Con chó xấu xí là biểu tượng cho những con người có số phận kém may mắn, luôn bị người đời hờ hững, xa lánh, hắt hủi, đối xử tàn nhẫn.

– Con chó xấu xí cũng là biểu tượng cho lối sống tình nghĩa cao đẹp ở đời: dù bị hắt hủi, nhưng nó vẫn luôn trung thành, tình nghĩa trước sau như một.

b. Nghệ thuật tự sự:

– Xây dựng cốt truyện: cốt truyện được xây dựng dựa trên sự kiện chính là cuộc đời và cái chết của con chó xấu xí, một cốt truyện tương đối đơn giản nhưng lại có chiều sâu, đa nghĩa và có sức ám ảnh lớn, gây xúc động mạnh cho người đọc.

– Nghệ thuật xây dựng tình huống: Một trong những nét đặc sắc của nghệ thuật tự sự trong truyện ngắn này chính là nghệ thuật xây dựng tình huống độc đáo. Thông qua tình huống đó, tư tưởng của truyện được thể hiện một cách sâu sắc.

Tình huống chủ đạo của truyện chính là việc con chó xấu xí, dù bị bỏ lại nhưng vẫn lết về nhà chủ, cố gắng vẫy đuôi tỏ sự vui mừng khi gặp lại chủ rồi mới chết. Tình huống đó đã làm toát lên tất cả tư tưởng chủ đạo của câu chuyện: sự vô tình của con người, sự trung thành tình nghĩa của con chó, từ đó con người soi lại chính mình, để nhận ra sự ích kỉ, sự vô tinh của chính mình.

c. Lời kể:

– Lời kể từ điểm nhìn ngôi thứ nhất, tức là người trực tiếp tham gia vào câu chuyện, khiến câu chuyện có độ chân thực, tin cậy, đồng thời giúp cho nhân vật bộc lộ được cảm xúc, tâm trạng của mình một cách trực tiếp, gây ấn tượng mạnh cho người đọc.

– Lời kể còn có sự kết hợp giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật, sự kết hợp giữa các phương thức tự sự, biểu cảm và nghị luận, khiến cho câu chuyện trở nên sinh động, hấp dẫn, giúp khắc họa rõ nét tính cách nhân vật, qua đó gửi gắm nhiều thông điệp sâu sắc.

KẾT BÀI

– Khẳng định khái quát những nét đặc sắc về chủ đề và nghệ thuật của truyện: Câu chuyện đã cho ở phần Đọc hiểu là câu chuyện không chỉ đặc sắc về mặt nghệ thuật mà còn sâu sắc về mặt chủ đề, chứa đựng nhiều bài học cuộc sống vô cùng giá trị.

– Nêu ý nghĩa của truyện kể đối với bản thân và người đọc: Câu chuyện đã giúp ta hiểu được rằng: trong cuộc sống, cần phải có lòng trắc ẩn, tình yêu thương, nhất là đối với những số phận bất hạnh; và dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, hãy sống trọn tình, trọn nghĩa.

ĐỀ 47

ĐẤT QUÊN (Nguyễn Huy Thiệp)

Lò Văn Pành là ông già nổi tiếng ở bản Hua Tát. Hơn tám mươi tuổi, hàm răng của ông vẫn còn đều tăm tắp như răng chàng trai mười bảy tuổi. Cối đá giã gạo, ông dùng một tay cử lên như bỡn. ông làm bằng ba người khác. Uống rượu cũng vậy, sức ông có thể chấp nổi muôn người. Tráng đinh trong bản Hua Tát nhìn ông kiêng nể. Ông Pành có ba vợ, tám đứa con và khoảng ba chục đứa cháu. Họ sống hòa thuận và khá sung túc. Gia đình cũng giống như những lò than, các cục than có sức tỏa ấm cho nhau nhưng rồi sau đó lại thiêu đốt nhau. Gia đình nào mà chẳng thế?

Sẽ không có chuyện gì xảy ra nếu như ông Pành chỉ sống quanh quẩn ở trong thung lũng Hua Tát. Nhưng đùng một cái, ông bỗng nảy sinh ý định đi về Mường Lưm mua trâu. Thực ra nếu chỉ mua trâu chẳng phải vất vả nhiều đến thế, chỉ cần sang bản Chi, bản Mạt, ông Pành có thể mua được những con trâu cày hạng nhất. Nhưng Mường Lưm là nơi thời trẻ ông Pành ở đó. Ký ức xa xưa sống dậy trong ông.

Mường Lưm là vùng đất xa xôi hẻo lánh tận cuối Châu Yên. Tiếng Thái Mường Lưm nghĩa là đất quên. ở đây có những khu rừng nguyên sinh từ thời thượng cổ, cây cối bạt ngàn, chim thú nhiều vô kể.

Hôm ấy, ông Pành cưỡi ngựa đến gần Mường Lươm thì trời đã tối. Một cơn mưa đá dữ dội ập đến. Ông Pành nhìn quanh xem có chỗ nào trú được nhưng chỉ mênh mông rặt đồi cỏ gianh lá sắc như dao. Đá ở trên cao ào ào trút xuống. Con ngựa sợ hãi không chịu đi nữa, miệng nó hý vang, móng cào xuống đất.

Ông Pành nhảy vội xuống ngựa, miệng chửi rủa, ông chưa bao giờ thấy trận mưa nào dữ dội đến thế. Gió to quá, những giọt mưa đá quất vào người ông đau điếng. Đêm dần ập xuống, sấm sét rền vang làm đất rung chuyển, con ngựa dứt đứt dây cương chạy vụt xuống đồi. ông Pành định đuổi theo thì bỗng nhiên thấy có bóng đen nhỏ chạy về phía minh. Ông định thần lại. Đấy là cô gái đi làm nương về, gặp mưa bất thần, nàng sợ hãi vừa chạy vừa ngã, luôn miệng kêu trời. Gặp ông Pành, nàng kiệt sức ngã quỵ vào tay ông.

Mưa như trút, những cục đá văng như đạn ghém. Ông Pành đứng lom khom che chở cho cô gái, cô gái úp mặt vào hai bàn tay, toàn thân run rẩy. Cô tựa vào bộ ngực trần vạm vỡ của ông tin cậy. ông Pành an ủi:

– Đừng sợ…đừng sợ…Cơn giận của Then sẽ qua đi thôi…

Họ đứng như thế giữa đồi cỏ gianh, xung quanh mưa đá sấm rền. Ông Pành ngợp trong diệu huyền. Cả cuộc đời từng trải của ông, ông chưa bao giờ có cảm giác ấy. Ông biết đây chính là điều ông vẫn hằng khao khát mong tìm. Hơn cả tình yêu, hơn cả những người phụ nữ mà ông đã gặp, cảm giác này như là hạnh phúc.

Khi trời mưa tạnh thì trên cao bắt đầu le lói một thứ ánh hồng mờ ảo. Cô gái ngượng ngập rút tay ra khỏi bàn tay ông Pành. Ông chưa bao giờ thấy ai lại đẹp như vậy. Nàng vùng chạy. Ông luống cuống đuổi theo, vấp ngã nhưng rồi cuối cùng ông nắm được tay nàng.

– Em tên là gì? – Ông hỏi. – Ngày mai ta đến cầu hôn… Em có bằng lòng ta không? Cô gái bối rối, mãi sau nàng mới ấp úng:

– Em là Muôn… Ở bản Mường Lươm…

Nàng đẩy ông ra rồi chạy xuống đồi, đôi bắp chân trắng nõn nà. ông Pành ngồi thụp xuống đất, mồ hôi vã ra, bủn rủn. Một niềm sung sướng tràn ngập lòng ông. Ông nằm vật ra giữa đám cỏ gianh ướt sũng, mặc cho những con kiến đen to tướng bò lung tung trên tấm ngực trần. Ông thiếp đi cho đến lúc con ngựa tinh khôn tìm thấy ông, lấy cái miệng nóng hổi nhay nhay vào cái tai to, có những chùm lông đen loăn xoăn của ông để lôi dậy.

Trưa hôm sau, ông Pành dắt ngựa vào bản tìm đến nhà Muôn. ông quỳ xuống, chồng cả đống bạc hoa xòe dự định mua trâu cho ông bố Muôn. Biết lời cầu xin của khách, bố Muôn cười vang, ông gọi vợ con và dân bản đến. Mọi người cười cợt bàn tán. Ông Pành vẫn cứ trơ trơ giữa lời nhạo báng sắc tựa dao chích. Muôn nấp sau khe cửa nhìn ra. Nàng thấy hay hay và thấy câu chuyện còn có vẻ buồn cười nữa. Quả thật, nàng đã quên khuấy đi cơn mưa đá đêm qua, những giọt nước mắt và cuộc gặp gỡ trên đồi.

Một mực khăng khăng, ông Pành nhắc đi nhắc lại những lời cầu hôn. Thực quá đáng, mọi người không thể còn cười được nữa. Cuối cùng, bố Muôn đành phải đặt ra điều kiện:

– Thôi được, ông muốn làm rể tôi thì ông ở đây làm sao hạ được cây gỗ lim to nhất ở đỉnh Phu Lương mang về. Cây gỗ ấy sau này sẽ là căn nhà của ông và con Muôn đấy…

Mọi người lại cười phá lên. Không ai ở đây không biết cây gỗ lim ấy, vòng gốc của cây gỗ lim tám người đứng ôm không xuể. Nó mọc trên đỉnh núi đá vôi cao đến nỗi đứng ở trên ấy nhìn xuống thì bản Mường Lươm chỉ bé như mái nhà sàn.

– Được! Xin ông hãy giữ lấy lời! – ông Pành trả lời như dao chém đá.

Người ta đồn rằng hôm sau ông Pành leo lên đỉnh núi, bập được nhát rìu đầu tiên vào gốc cây lim thì ông kiệt sức. Ông chết vì bị vỡ tim.

Đám tang ông Pành, Muôn không đi đưa. Hôm ấy nàng bận đi chợ Yên Châu xem đám chọi gà. Chiều về nàng cũng gặp mưa, nhưng mà lần này trời không mưa đá.

(*Đất quên*, Nguyễn Huy Thiệp, *Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp*, NXB Văn hoá Sài Gòn, 2007, tr.22-25)

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản

A. Truyện ngắn

B. Tiểu thuyết

C. Văn bản thông tin

D. Truyện thơ

Câu 2. Phương thức biểu đạt của văn bản là gì?

A. Tự sự, miêu tả, nghị luận

B. Tự sự, biểu cảm, thuyết minh

C. Tự sự, miêu tả, biểu cảm

D. Tự sự, biểu cảm, phân tích

Câu 3. Nhân vật chính trong chuyện là ai?

A. Cô Muôn

B. Ông Pành

C. Bố Muôn

D. Tác giả

Câu 4.Chi tiết nào ***không*** xuất hiện trong văn bản?

A. Ông Pành có ba vợ, tám đứa con và khoảng ba chục đứa cháu

B. Ông Pành đứng lom khom che chở cho cô gái

C. Ông Pành bận đi chợ Yên Châu xem đám chọi gà

D. Ông Pành nhắc đi nhắc lại những lời cầu hôn

Câu 5. Vì sao ông Pành lại nảy sinh ý định về Mường Lươm mua trâu?

A. Vì trâu ở đây khoẻ và to, lại rẻ

B. Vì trâu ở đây nổi tiếng là những con trâu cày hang nhất

C. Vì ở đây ông được gặp lại người xưa

D. Vì ở đây có những kí ức tươi đẹp của ông

Câu 6.Từ *"Then"* trong câu "*Cơn giận của Then sẽ qua đi thôi*" để chỉ ai?

A. Muôn

B. Bố Muôn

C. Ông Pành

D.Trời

Câu 7. Câu văn nào sau đây sử dụng phép tu từ chêm xen?

A. *Đám tang ông Pành, Muôn không đi đưa. Hôm ấy nàng bận đi chợ Yên Châu xem đám chọi gà. Chiều về nàng cũng gặp mưa, nhưng mà lần này trời không mưa đá*

B. *Mọi người lại cười phá lên. Không ai ở đây không biết cây gỗ lim ấy, vòng gốc của cây gỗ lim tám người đứng ôm không xuể.*

C.*Trưa hôm sau, ông Pành dắt ngựa vào bản tìm đến nhà Muôn. Ông quỳ xuống, chồng cả đống bạc hoa xòe dự định mua trâu cho ông bố Muôn.*

D. *Người ta đồn rằng hôm sau ông Pành leo lên đỉnh núi, bập được nhát rìu đầu tiên vào gốc cây lim thì ông kiệt sức. Ông chết vì bị vỡ tim.*

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Cảm giác nào khiến ông Pành nhận ra đây chính là điều ông vẫn hằng khao khát mong tìm?

Câu 9. Thông điệp có ý nghĩa nhất với anh/chi qua văn bản?

Câu 10. Từ câu chuyện của ông Pành, anh/chị có cho rằng *luôn tìm kiếm những thứ xa với để được hạnh phúc* đồng nghĩa với việc luôn phấn đấu, ước mơ để có được hạnh phúc không? Vì sao?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận phân tích và đánh giá tác phẩm *"Đất quên"* của Nguyễn Huy Thiệp

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6,0**
	1	A	0.5
	2	C	0.5
	3	B	0.5
	4	C	0.5
	5	D	0.5
	6	D	0.5

	7	A	0.5
	8	Cảm giác khiến ông Pành nhận ra đây chính là điều ông vẫn hằng khao khát mong tìm: Đó là cái cảm giác được gặp Muôn, ông Pành có một cảm giác cả tình yêu, hơn cả những người phụ nữ mà ông đã gặp, cảm giác ấy chính là hạnh phúc.	0.5
	9	Thông điệp của văn bản: Gợi ý - Hãy luôn theo đuổi niềm hạnh phúc? Hay biết an phận đây? - Ước mơ, khát vọng chính đáng sẽ nâng đỡ con người - Luôn phấn đấu để có hạnh phúc….	1,0
	10	HS bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của sự độ lượng bằng đoạn văn 5 – 7 câu: *Luôn tìm kiếm những thứ xa vời để được hạnh phúc* không đồng nghĩa với việc luôn phấn đấu, ước mơ để có được hạnh phúc. Bởi vì việc *tìm kiếm những thứ xa vời* khác với việc luôn phấn đấu, ước mơ để có được hạnh phúc. Ước mơ, khát vọng chính đáng sẽ nâng đỡ, cho con người thêm sức mạnh, niềm hy vọng và động lực để thành công và mang tới cảm giác vui sướng, tự hào, mãn nguyện.	1,0
II		**VIẾT**	**4,0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận. **Viết bài văn nghị luận phân tích và đánh giá nội dung đoạn trích ở phần đọc hiểu (trích *Khắc dấu mạn thuyền*, Bảo Ninh).**	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HV có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một hướng gợi ý: – Đảm bảo hình thức, cấu trúc của bài văn nghị luận. – Xác định đúng vấn đề: Phân tích và đánh giá nội dung và nghệ thuật của đoạn trích. **1. Mở bài** Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhân vật và vấn đề phân tích Trong cuộc đời, mỗi chúng ta đều sẽ gặp rất nhiều người, có người dừng chân lại và cũng có người lướt qua chỉ trong một khoảnh khắc. Và mỗi cuộc gặp gỡ như vậy đều là do thượng đế	2,5

		sắp xếp, ngài buộc ta phải gặp họ, ngài làm ta tò mò, băn khoăn và suy nghĩ xem vì sao ta lại gặp họ. Có người mang đến niềm vui thì sẽ có người mang đến nỗi buồn, sự dâng trào cảm xúc sinh ra hoocmon kích thích trí não khiến ta nghĩ về họ nhiều hơn. Nhưng cuộc đời sẽ không có nhiều lần ta cảm nhận được cảm xúc thăng hoa nhất - sự hạnh phúc. Tuy nhiên, không phải hạnh phúc nào cũng kéo dài. Truyện ngắn thứ sáu "Đất quên" trong mười truyện *"Những ngọn gió Hua Tát"* của tác giả Nguyễn Huy Thiệp đã khiến bạn đọc phải đặt ra câu hỏi rằng: **Liệu có phải hạnh phúc chỉ là một khoảnh khắc hay nó là cả một quá trình xuyên suốt trong cuộc đời?** **2. Thân bài** Lần lượt trình bày các luận điểm. Sử dụng lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ luận điểm: **a. Tóm tắt nội dung chính của truyện** Câu chuyện kể về ông Lò Văn Pành, ông đã hơn tám mươi tuổi, ông sống ở bản Hua Tát cùng ba bà vợ, tám đứa con và khoảng ba chục đứa cháu. Ông Pành sống quanh quẩn trong thung lũng bản Hua Tát. Nhưng cuộc sống của ông đã thay đổi khi ông quyết định về Mường Lươm mua trâu – vùng đất nơi còn trẻ ông có rất nhiều kí ức tươi đẹp. Vào chiều tối mưa đá định mệnh của cuộc đời, ông đã gặp được nàng Muôn. Ông có cảm giác hạnh phúc, một cảm giác ông chưa từng được trải qua. Sau đó ông đã tới nhà nàng Muôn để cầu hôn, nhưng những gì ông nhận lại là thái độ cười cợt nhạo báng, họ bàn tán về ông và bố Muôn đã đưa ra một thử thách khó như lên núi đao, xuống biển lửa - hạ cây gỗ lim to nhất ở đỉnh Phu Lương mang về. Chính ông cũng biết đây là thử thách khó khăn nhưng ông vì nàng Muôn. Ông leo lên đỉnh núi vung một nhát rìu vào gốc cây rồi kiệt sức vỡ tim chết. **b. Phân tích, đánh giá nội dung tác phẩm** - Cốt truyện được xây dựng đơn giản với hai nhân vật ông Pành và nàng Muôn. Trong đó ông Pành là người được nhắc đến và dõi theo nhiều nhất, từ khi ông sống ở bản Hua Tát đến Mường Lươm rồi đến lúc ông chết đi. Không gian trong truyện được nhắc đến ở bản Hua Tát, ở Mường Lươm xa xôi tận cuối Châu Yên, ở giữa đồi cỏ gianh nơi ông Pành và nàng Muôn gặp nhau. Bản Hua Tát là nơi ông Pành sống nhưng lại không được người cầm bút khắc hoạ, miêu tả nhiều, tác giả đưa ta đến với không gian	

		tại Mường Lươm khiến ta băn khoăn rằng liệu có phải chỉ có thời trẻ, thời niên thiếu mới là khoảng thời gian khiến ta hạnh phúc? Hay cũng chỉ có nơi có kỉ niệm mới khiến cảm xúc ta được dâng trào? Ông Pành vì có thời trai trẻ gắn liền với Mường Lươm nên dĩ nhiên sẽ vô cùng quen thuộc và biết ở trên đỉnh núi có cây gỗ lim. Nhưng ông lại không hề chùn bước trước khó khăn. Phải chăng vì bản năng của con người là chinh phục thử thách hay vì khát vọng hạnh phúc mà ông mới tìm được sau 80 năm cuộc đời? Dù có nhiều không gian nhưng Nguyễn Huy Thiệp chỉ nhắc đến khoảng thời gian duy nhất là trận mưa đá, ngày ông Pành cảm nhận được niềm hạnh phúc. Lát cắt thời gian trong chiều mưa ấy dù ngắn ngủi, mong như tờ giấy nhưng đã khiến ông Pành được trải qua cảm giác chưa từng có. Chính lát cắt thời gian này, **ông vua không ngai của "làng truyện ngắn"** đã khiến độc giả thật sự phải suy tư, phải ngẫm nghĩ về thông điệp ông muốn nói đến thông qua các chi tiết và đặt ra câu hỏi rằng hạnh phúc có thật sự chỉ là một khoảnh khắc? - Tình huống truyện đầy hấp dẫn, bất ngờ và cũng vô cùng éo le. Tác giả đã đưa ta từ bản Hua Tát đến Mường Lươm, từ nơi yên bề gia thất đến tuổi trẻ mang trên mình đầy hoài bão và ước mơ. Khi ta bị cuốn vào đêm mưa đá đầy cảm xúc của ông Pành, để rồi nhiều người cũng đã nghĩ rằng câu chuyện sẽ có một cái kết đẹp, rằng niềm hạnh phúc của ông Pành sẽ đến với ông một cách khó tin ở độ tuổi ấy, rằng nàng Muôn sẽ giống như một món quà mà thượng đế ban cho ông. Nhưng tôi đã ngỡ ngàng trước thái độ của bố nàng Muôn cũng như của dân bản. Họ cười cợt và bàn tán về ông Pành. Ngay cả chính nàng Muôn, người ông cứ ngỡ là định mệnh cũng nấp sau khe cửa và cảm thấy câu chuyện này thật buồn cười. Nàng Muôn cười vì lẽ với cô thiếu nữ còn tuổi xuân xanh thì cuộc gặp gỡ ấy chỉ là thoáng qua, chỉ là một khoảnh khắc trong đời. Nhưng với ông Pành, đây là hạnh phúc, là cảm giác ông mất cả đời để đợi, để được trải qua, để cảm nhận. Có lẽ thượng đế đã quá tàn nhẫn khi để xảy ra một cuộc gặp gỡ éo le đến vậy. Giá như ông Pành gặp người như nàng Muôn từ thời còn trẻ thì có lẽ hai người đã không lướt qua nhau như thế. - Ông Pành trừ tuổi tác là của một ông già đúng nghĩa thì tất cả đều giống một chàng trai còn trẻ. Ông mang trong mình sự dũng mãnh như hổ, ấm áp như ánh mặt trời, ông không quan tâm đến	

		cái nhìn của người khác và rất ngoan cố. Điển hình là khi ông đến cầu hôn nàng Muôn. Nếu như không có chi tiết ông ngợp trong diệu huyền, bủn rủn vì cảm xúc ta sẽ không thể biết được ông cũng có một tâm hồn của một chàng thanh niên. Ông muốn yêu và khao khát được hạnh phúc, đây là một nhu cầu vô cùng bình thường. Tuy nhiên, với một người hơn 80 có nên bắt đầu cuộc hành trình kiếm tìm hạnh phúc hay không? Nàng Muôn lướt qua đời ông là thực hay chỉ là ảo ảnh về hạnh phúc? Đối với một người như ông Pành, ba vợ, tám con, ba mươi người cháu, gia đình khá giả, sung túc; sức khỏe vô biên đã là đủ đầy, viên mãn chưa? Nếu mọi người được như ông có an phận với cơ ngơi, cuộc đời, với lộc trời ban cho hay không? Giá như ông an phận, đâu đến nỗi phải vỡ tim mà chết? Cái chết của ông Pành là nghiệt ngã là tái tê hay là một niềm hạnh phúc của một con người được chết vì khát vọng kiếm tìm chinh phục hạnh phúc? Quả thực, cuộc đời và cái chết của ông Pành đáng để suy nghĩ!? *** Phân tích, đánh giá những nét đặc sắc về nghệ thuật nghệ thuật của tác phẩm** - Truyện được kể dưới ngôi kể thứ ba, với điểm nhìn trần thuật của ông Pành. Giọng điệu văn chương của Nguyễn Huy Thiệp trong truyện có phần lãng mạn nhưng lại pha chút chễ giễu. Ông chế giễu sự mau quên của nàng Muôn, chễ giễu cuộc đời sao quá bất công với ông Pành khi ông chỉ muốn có được hạnh phúc nhưng sao khó khăn mà cơ hội lại mong manh đến vậy. Thông qua truyện ngắn này tác giả đã bày tỏ sự đồng cảm với ông Pành và gửi gắm đến chúng ta thông điệp: **Hãy luôn theo đuổi niềm hạnh phúc? Hay biết an phận đây?** - Kết thúc truyện Đất quên cứ bâng khuâng trong lòng người về một vùng nhớ chẳng thể nào quên. Muôn không đưa đám ông Pành, nàng đi chợ Yên Châu xem chọi gà, chiều về nàng gặp mưa nhưng không có mưa đá. Cái kết cứ dửng dưng, cứ lạnh lùng mà khiến ta bâng khuâng quá vậy. Phải chẳng Mường Lum chính là mảnh đất quên thực sự? Nguyễn Huy Thiệp gieo chữ, gieo tình huống thật tài tình khiến ta cứ thấy man mác buồn cho một kiếp người. Đoạn kết nhẹ nhàng, lăn tăn sóng như một mặt hồ yên tĩnh, như một dòng chảy nhẹ nhàng mà sao lại cuộn xoáy bao cảm xúc trong lòng người đến vậy. **3. Kết bài** Ra đời trong tập truyện ngắn cùng chín truyện khác nhưng *"Đất*	

		quên" vẫn luôn nổi bật và được rất nhiều độc giả chú ý đến. Ngắn gọn, đơn giản nhưng lại có thể khiến ta như trải qua cả cuộc đời cùng với nhân vật. Cho đến kết truyện tôi cho rằng ai cũng đã có câu trả lời cho riêng mình, rằng hạnh phúc là một khoảnh khắc hay là một quá trình. Với bản thân tôi, hạnh phúc chính là hạnh phúc, dù là khoảnh khắc hay quá trình không quan trọng, quan trọng là ta đã được trải qua nó, được đắm chìm và tận hưởng nó. Tôi tin rằng dù cho mười năm hay hàng trăm năm nữa thi phẩm này vẫn sẽ là một niềm tự hào của Nguyễn Huy Thiệp và ghi sâu vào trong lòng người đọc. Mỗi chúng ta đều sẽ được hạnh phúc, bạn hãy đọc và cảm nhận *"Đất quên"*, bạn cũng sẽ được hạnh phúc.	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
Tổng điểm			**10.0**

ĐỀ 48

GA TÀU TUỔI THƠ

(**Lược đoạn đầu:** *Tôi rất sợ những buổi chiều thu im ắng, bàng bạc trôi qua cuộc đời mình. Nó gợi nhớ cho tôi về những tháng năm tuổi thơ chiều nào cũng ra ngõ ngóng những chuyến tàu ngược chở nặng niềm mong mỏi […] Khi ấy mẹ tôi bị bệnh nặng, bố gói ghém tất cả gia tài và tình yêu đưa mẹ lên chuyến tàu xuôi xuống Hà Nội chữa bệnh, nhà chỉ còn ba anh em chăm nhau*)

Ở ngõ nhà tôi có một cây bạch đàn to, mỗi hôm ra ngóng bố mẹ tôi lại lấy mảnh trai cứa lên thân cây một vạch. Cho đến buổi chiều hôm ấy anh tôi đếm trên thân cây thấy vừa tròn mười lăm vạch. Chiều ấy khi trời đã tối hẳn, anh tôi đã dắt thằng út em vào nhà, tôi vẫn còn đứng nán lại nhìn một lần nữa phía con đường mòn. Tôi bỗng hét lên sung sướng vì đã nhìn thấy bóng dáng thân quen của bố mẹ đang đi về phía chúng tôi. Buổi chiều muộn ấy là một buổi chiều tràn ngập niềm vui, thằng út em sà vào vòng tay, dụi dụi vào ngực mẹ như nó vẫn còn nhớ mùi hương của sữa. Anh cả vừa hát, vừa nhảy chân sáo đi đằng sau. Bố công kênh tôi trên đôi vai đã gầy sọp đi vì vất vả. Tối ấy cả nhà trải chiếu ra giữa sân ngập tràn ánh trăng, mẹ lại hát ru em ngủ, bố kể nốt câu chuyện cổ tích ''Cây khế'' còn dang dở 15 ngày trước…

Rồi khi em út tôi bị ung nhọt mọc đầy người, bố mẹ lại một lần nữa gồng gánh niềm tin xuôi tàu về Hà Nội. Nhà chỉ còn hai anh em chăm nhau nhưng vẫn không quên chiều chiều lại ra ngõ ngóng. Mấy đứa trẻ con trong xóm chơi bắn bi với tôi bị

thua nên ghét tôi lắm, cứ chiều thấy anh em tôi ra ngõ là chúng lại xúm vào trêu rất ác: ''Đồ mồ côi! Anh em nhà mồ côi bị bố mẹ bỏ rơi. Ê ồ! Ê ồ!'' Tôi vừa gào khóc vừa nhặt đất đá ném lũ trẻ. Anh cả cõng tôi trên lưng đi về phía con đường mòn, chúng tôi cứ đi từ khi mặt trời bắt đầu xuống núi đến khi tôi mỏi mắt cũng không nhìn rõ hướng đi. Lúc ấy tôi khóc khản cả cổ còn anh trai thì luôn miệng dỗ dành:

– Em gái ngoan nào, để anh cõng em đi tìm bố mẹ đi tìm em út nhé. Rồi mai anh đi hái quả đùm đũm chín mọng đỏ cho ăn nhé.

Đấy là lần đầu tiên chúng tôi nhìn thấy ga tàu, hai đứa trẻ con cõng nhau đứng lọt thỏm giữa sân ga im ắng, khách xuống tàu đã về hết tự lúc nào. Anh tôi đứng lặng rất lâu, tôi thấy có vài giọt nước ấm rơi xuống đôi bàn tay đang bá vào cổ anh. Tôi biết là anh đang khóc, nhưng sau đó anh lại xốc tôi lên và cõng quay trở lại con đường mòn khi nãy.

Tôi không thể nhớ nổi có biết bao buổi chiều đã đi qua cuộc đời chúng tôi buồn bàng bạc như thế. Bởi em tôi bệnh rất nặng, phải mấy năm sau em mới thật sự khỏi bệnh. Trong lúc bố mẹ tôi gồng gánh trên đôi vai mình những gian nan, vất vả chạy chữa khắp nơi để cứu lấy sinh mạng em tôi, thì anh trai đã phải lớn lên trước tuổi để che chở, bao bọc thứ niềm tin nhỏ bé trong tôi. Từ tình yêu thương đó tôi lớn lên từng ngày một, tôi hiểu ra rằng những chuyến đi của bố mẹ có ý nghĩa lớn lao như thế nào, tôi cũng hiểu rằng anh cả là một người anh thật tuyệt vời. Lúc bố mẹ vắng nhà anh đã đứng vững, đã làm cái ''nóc nhà'' để che chở vỗ về và cả tha thứ cho bầy em bé nhỏ của mình.

Cho đến mãi sau này tôi cũng không bao giờ quên những buổi chiều anh trai tôi dắt tôi ra ngõ ngóng người thân trở về. Cây bạch đàn ở ngõ đã bao lần thay vỏ, những vết khắc năm xưa đã không còn nữa nhưng vết khắc tuổi thơ thì vẫn luôn hằn trong tâm trí chúng tôi. Để sau này khi dòng xoáy cuộc đời có cuốn chúng tôi về đâu đi nữa thì những buổi chiều ngang qua cuộc đời sẽ giúp tôi tìm về nguồn cội để biết yêu thương và được yêu thương thật nhiều trong vòng tay ấm áp của gia đình.

(Vũ Thị Huyền Trang, *Ga tàu tuổi thơ*, báo *Tài hoa trẻ,* số 750 ngày 15.02.2012)

Thực hiện các yêu cầu :

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện.

Câu 2. Xác định không gian và thời gian của câu chuyện.

Câu 3. Theo anh/chị, hành động *''lấy mảnh trai cứa lên thân cây''* thể hiện tâm trạng gì của nhân vật *tôi*?

Câu 4. Nêu chủ đề của truyện ngắn.

Câu 5. Từ tình cảm của người anh dành cho em gái, anh/chị rút ra thông điệp gì có ý nghĩa nhất cho bản thân? Hãy lí giải

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của em về nhân vật người anh trong văn bản trên.

Câu 2. (4,0 điểm)

Lạm dụng mạng xã hội đang là một thói quen phổ biến trong giới trẻ hiện nay.

Em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục họ từ bỏ thói quen này.

————————-Hết————————

Gợi ý t

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4,0**
	1	Người kể chuyện trong truyện ngắn thuộc ngôi thứ nhất	0,5
	2	Không gian và thời gian của câu chuyện: – Không gian: ngõ nhỏ, đường mòn, sân ga – Thời gian: những buổi chiều	0,5
	3	Tâm trạng của nhân vật tôi: – Cô đơn, trống vắng – Nhớ thương và trông ngóng và khao khát gặp cha mẹ	1,0
	4	Chủ đề của truyện ngắn: – Cảm thông, thấu hiểu với nỗi cô đơn, vất vả của những đứa trẻ khi cha mẹ vắng nhà – Ngợi ca tình yêu thương, đoàn kết trong tình anh em của những đứa trẻ	1,0
	5	– Thông điệp: 0,5 điểm + Hãy yêu thương những người thân trong gia đình + Cần trân trọng tình cảm gia đình … – Lí giải: 0,5 điểm HS có thể lí giải theo nhiều cách, tuy nhiên cần hợp lí và thuyết phục	1,0
II	1	**VIẾT ga tàu tuổi thơ ; đọc hiểu ga tàu tuổi thơ**	**6,0**
		Viết đoạn văn nghị luận (200 chữ) trình bày cảm nhận của	**2,0**

	anh/ chị về nhân vật người anh trong văn bản ở phần Đọc hiểu	
	a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Cảm nhận nhân vật người anh trong đoạn trích văn bản *"Ga tàu tuổi thơ"*	0,25
	c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận – Học sinh xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý: + Người anh trai là nhân vật chính thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, người thân đau ốm phải đi chữa bệnh, dù còn nhỏ, người anh trai đã thay cha mẹ chăm sóc em gái mình + Người anh trai trưởng thành trước tuổi, yêu thương, động viên, là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho cô em gái nhỏ;… – Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	0,5
	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: Cảm nhân nhân vật người anh trai – Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng	0,5
	đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn	0,25

		đạt mới mẻ.	
		Lạm dụng mạng xã hội đang là một thói quen phổ biến trong giới trẻ hiện nay. Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục họ từ bỏ thói quen này.	**4,0**
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25 0,5
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Thuyết phục giới trẻ từ bỏ thói quen lạm dụng mạng xã hội	1,0
	2	*c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết* – Xác định được các ý của bài viết – Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: *Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề. *Triển khai vấn đề nghị luận – Giải thích vấn đề nghị luận – Thể hiện quan điểm của người viết về vấn đề cần nghị luận **Có thể theo một số gợi ý sau**: – Mạng xã hội là hệ thống cung cấp cho con người ở khắp mọi nơi các dịch vụ chia sẻ thông tin, trò chuyện trực tuyến, chia sẻ âm thanh, hình ảnh… – Biểu hiện của tình trạng lạm dụng mạng xã hội: + Người trẻ dùng mạng xã hội một cách thường xuyên, liên tục cả ngày và đêm + Ít quan tâm đến những vấn đề xung quanh trong cuộc sống thực – Lí do cần phải từ bỏ thói quen lạm dụng mạng xã hội: + Tác hại đối với sức khỏe: . Não bộ không được nghỉ ngơi . Thiếu ngủ, mất ngủ, sức khỏe suy kiệt, tâm trí mất tỉnh táo + Tác hại đối với học tập và công việc: . Mất tập trung gây ảnh hưởng xấu đến kết quả học tập	

		. Lơ là mục tiêu, hạn chế khả năng sáng tạo, công việc kém hiệu quả + Tác hại đối với nhận thức và giao tiếp xã hội: . Dễ có những suy nghĩ tiêu cực . Dễ gây mâu thuẫn trên không gian mạng lẫn ngoài đời sống . Mất đi sự kết nối với mọi người xung quanh … – Lợi ích của việc từ bỏ thói quen lạm dụng mạng xã hội: + Đảm bảo sức khỏe + Học tập, công tác đạt hiệu quả cao + Tập trung vào cuộc sống thực, nâng cao chất lượng cuộc sống … – Giải pháp khắc phục thói quen lạm dụng mạng xã hội: + Giới hạn thời gian sử dụng mạng xã hội + Đối với những công việc không cần mạng xã hội cần tránh để điện thoại bên mình + Gắn kết bản thân với cuộc sống thực … * Khẳng định lại vấn đề:	1,5 0,25
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Chỉ bắt buộc triển khai hai luận điểm: Lí do cần phải từ bỏ thói quen lạm dụng mạng xã hội và giải pháp khắc phục thói quen ấy – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. ***Lưu ý:*** *Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.*	0,5
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, dùng từ tiếng Việt, liên kết văn bản.	
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận;	

		có cách diễn đạt mới mẻ.	
Tổng điểm			**10,0**

ĐỀ 49
GIÓ XANH

– Phạm Duy Nghĩa –

1. Nhà tôi ở trong thung lũng. Nhiều năm trước, khi tôi còn là một cô gái nhỏ, vùng tôi ở được chứng kiến một sự lạ thường.

Hôm ấy là một ngày hè. Vào lúc hoàng hôn, có tiếng ù ù vọng lại từ phía chân trời. Không ai rõ là tiếng gì, trời vẫn trong xanh, lơ thơ vài cụm mây bông. Khi âm thanh lạ ấy tràn qua đồng cỏ ven hồ về đến dãy đồi dẫn vào xóm tôi, mọi người nhận ra tiếng gió và những tiếng kêu thét nổi lên. Ai nấy đều kinh hãi.

Gió gì mà lại có màu, một màu xanh lam đẹp không thể tưởng tượng nổi. Trong chốc lát nó nhuộm biếc mấy trái đồi khô cằn rồi ào ạt phết màu lên những rặng cây mái nhà. Đi tới đâu gió hiện rõ hình thù tới đấy, vừa đổ màu một cách hoang phí khắp núi đồi thung lũng vừa phát ra những tiếng ngân rất mỏng như khi ta búng vào một chiếc lọ pha lê.

Lúc đó tôi đang đứng ở hiên nhà. Chùm chuông gió reo lên lanh lảnh và cánh cửa sổ cũ kỹ bằng gỗ dẻ mở ra đóng lại liên hồi. Nhìn thấy gió cuồn cuộn thốc vào, tôi hoảng hốt đánh rơi cái gầu múc nước. Gió trườn qua tôi mỏng tang, xanh biếc. Thoảng trong gió một mùi thơm rất nhẹ, sâu kín như mùi của loài hoa dại trên núi chín năm mới nở một lần.

Đêm ấy dân các xóm đổ cả ra đường. Cảnh đẹp đến mức không ai ngủ nổi. Suốt đêm, gió thổi một màu xanh huyền ảo vào vườn tược, chuồng trại, biến mọi thứ nhếch nhác xập xệ thành chốn thần tiên. Trăng lên, to tròn và trắng bệch mắc trên ngọn cây dạ huyền, màu nguyệt bạch của trăng càng làm ma mị hơn màu xanh của gió. Cho đến sáng, một hương thơm kỳ lạ vẫn quấn quyện trong khắp các khu vườn, khe lũng, lẫn trong hương thôn dã của đất cùng trăm thứ mùi ngan ngát của muôn hoa.

2. Một cuộc họp bất thường bàn về gió lạ được triệu tập tại ủy ban xã ngay trong ngày hôm sau. Những người từng trải và có học trong vùng được mời đến. Tuy phấp phỏng lo sợ một tai họa ghê gớm nào đó sẽ tới, ai cũng thừa nhận gió đẹp đến mê hoặc lại có mùi thơm, một thứ hương lạ không giống hương của bất cứ loài cỏ cây nào mọc trong thung lũng.

– Có thể nó đến từ một nơi rất xa trên trái đất, đi qua một thảo nguyên nhiều hoa lạ và mang theo đến đây cả những mùi hoa này – Ông giáo già, được kính trọng vì là người duy nhất trong vùng sở hữu một chiếc phong cầm cũ rích, cùng tủ sách mối mọt ố vàng, phỏng đoán.

Giả thiết này được nhiều người chấp nhận. Ông giáo mỉm cười mãn nguyện:

– Tôi cho rằng đây là một thứ gió cổ còn sót lại ở Âu châu thế kỷ mười bảy. Nó thổi suốt từ đó đến nay và giờ mới tới Việt Nam. Trên đường đi nó bị vướng quẩn ở đâu đó, có thể là dãy Hi Mã Lạp Sơn, nên đổi hướng và đến chậm thế này.

Ý tưởng vĩ đại của ông giáo đã vượt ngưỡng mong đợi của mọi người. Lão này đọc nhiều nên ngộ chữ – ai đó nói vậy. Chả có cái thứ gió nào thổi suốt từ thế kỷ mười bảy đến giờ. Ông giáo chưng hửng, xẹp xuống như một con gián đất.

Cuộc họp kéo dài đến lúc gian nhà quánh đặc vì khói thuốc lào. Đứng nấp sau cánh cửa nghe trộm, lũ trẻ trai gái chúng tôi cũng bồn chồn. Ai cũng tỏ ra mình khôn ngoan hơn người khác, nhưng điều bí ẩn nhất – vì sao gió có màu xanh – thì từ thông minh đến ngu đần, không cái đầu nào giải mã nổi.

Chủ tịch xã ra chiều tư lự. Mặt nhàu nhĩ như quả trám khô, ông yêu cầu mọi người phải bình tĩnh, chờ thêm ít ngày nữa xem diễn biến của gió thế nào.

Trong khi ấy, ở bên ngoài, gió vẫn thổi, không ngừng xanh và không ngừng phảng phất thơm.

Buổi sớm, gió mềm như một hơi thở nhẹ, màu xanh lơ.

Về trưa gió đặc hơn, màu xanh dương. Ngồi trong nhà, tưởng chỉ cần quờ tay ra ngoài là vơ được một nắm gió xanh óng ánh. Ở những chỗ nhiều nắng nhất, có thể thấy rõ từng tảng gió trong veo, lướt thướt trôi như sóng biển. Mặt trời lên cao, gió ngả sang màu xanh biếc.

Khi hoàng hôn buông xuống, gió chuyển màu xanh lam. Đây là thời gian lộng lẫy nhất của gió.

Lác đác có những người từ tỉnh thành tìm về thung lũng của chúng tôi để chiêm ngưỡng gió lạ. Họ ở trong những cái lều cắm tạm bợ bên hồ, ăn cơm nắm và uống bia Tàu, tới lúc chiều tàn thì nhổ lều chất lên xe máy Simson, ra đi một cách vội vã.

Một cán bộ khoa học cũng đến vùng tôi để nghiên cứu gió. Người ấy mang theo một cái máy lạ, gọi là máy phân tích quang phổ, trèo lên ngọn đồi cao và ở lì trên đó. Nghe nói người ấy đã nhét được gió vào một cái bình thí nghiệm và xắt ra thành từng miếng để soi. Sau hai ngày, ông ta biến mất một cách bí hiểm.

Chủ tịch xã càng thêm tư lự. Ông cử người đi sang những vùng bên kia hồ nước mênh mông để hỏi xem gió lạ đến từ phương nào. Những con thuyền lẻ loi ra đi rồi trở về. Họ nói rằng: ở những vùng lân cận không hề xuất hiện loại gió này. Có gia đình đánh cá thấy nó hun hút thổi qua mặt hồ, nhưng xuất phát từ đâu, không ai biết.

3. Gió xanh thổi trong vùng đồi lũng của chúng tôi suốt mùa hè năm ấy.

Sau những ngày lo âu sợ hãi, mọi người dần tin đây là thứ gió vô hại, hiền lành. Trong vùng không ai chết cả. Gia súc vẫn nhởn nhơ gặm cỏ trong thung lũng, cá quẫy trên hồ, hoa mạc thi long lanh trắng khắp đồi và búp cọ vẫn vươn dài như kiếm nhọn giữa rừng xanh. Chỉ có một điều huyền bí, ai cũng cảm thấy mà không ai lý giải nổi, là trong gió có một cái gì đó khiến người ta xốn xang, náo nức lạ thường.

Giữa cái thời điện đóm truyền hình chẳng có, đêm nào cũng chỉ là phép cộng nhàm tẻ của trăng nhạt và tiếng chó cắn suông, cuộc sống ở vùng tôi đột nhiên biến thành ngày hội. Từ sáng đến chiều, gió xanh chan chứa khắp đồng bãi núi đồi, đẹp đến trêu ngươi, và khi ánh tà rụt rè buông, dân các xóm hối hả lùa bò lùa dê về chuồng, thồ củi thồ măng về kho, nhà nào cũng muốn ăn bữa tối đạm bạc cho nhanh để rảnh rang đón một bữa tiệc hấp dẫn hơn: bữa tiệc mắt. Đêm xuống, gió cuồn cuộn tràn qua các ô cửa khiến râu tóc mọi người trong nhà xanh lét như yêu quái trong những chuyện hoang đường, bọn trẻ nhìn ngộ nghĩnh như được vớt ra từ lọ dung dịch xanh methylen và với đám thanh niên đang thích làm đỏm chúng tôi, màu gió xanh đã làm lung linh cả những khuôn mặt ngày thường xấu xí nhất.

Và không biết từ khi nào, mọi công dân trong vùng đã đồng loạt mắc một căn bệnh mà không ai nghĩ là nguy hiểm: bệnh yêu đời.

Mùa hè năm ấy cả vùng gần như không ngủ. Trai gái dắt nhau ra hồ chơi đến sáng, người lớn rì rầm nói chuyện trong các ngõ xóm, khu vườn. Tiếng đàn guitar bập bùng suốt đêm bên hồ, tiếng sáo réo rắt đến khuya trên đồi và tiếng đàn bầu nỉ non đến sáng trên sân nhà. Xóm nào cũng phơi phới, tưng bừng không khí carnaval. Ông giáo già xóm tôi mê mải làm thơ, chủ đề chính là ca ngợi gió xanh, thơ được nhét vào những cái chai đậy kín thả xuống hồ, nhờ sóng mang đến những miền xa thông điệp về "đệ nhất kỳ quan đất nước". Bị ông giáo lôi kéo, chị chủ nhiệm hợp tác cũng chí thú làm thơ, rồi anh đốt gạch, cậu hớt tôm riu, rồi cả vùng, người kiên trì khai thác thể tự do, người ráo riết tấn công vào lục bát. Ai cũng phát hiện ra miếng ăn là chuyện vớ vẩn tầm thường, đời sống tâm hồn mới là quan trọng. Mẹ tôi bảo: "Đói thế nào tao cũng chịu được. Non nước mình đã bao giờ đẹp thế này chăng?" Bố tôi nói: "Nhìn thấy gió xanh là sướng mắt rồi. Những ngày tao sống đây là ngày đẹp nhất".

Chẳng ai ngờ được chỉ sau thời gian ngắn, gió lạ đã mang đến vùng tôi một cuộc cách mạng về tâm hồn. Trong khi bệnh yêu đời chưa hề có dấu hiệu thuyên giảm thì một căn bệnh khác lại âm thầm xuất hiện: bệnh trong sáng.

Người dân vùng tôi ngày đó sống rất hoang dã. Nứt ra giữa trập trùng đồi núi, thung lũng là cái chảo chứa đựng mọi tính xấu của con người. Tiếng chửi nhiều hơn tiếng chim, và đánh lộn đôi khi được coi như trò tiêu khiển. Đêm đêm, cáo từ đồi hoang mò mẫm về xóm bắt gà cũng là lúc người rình rập bên chuồng gà, chờ chủ nhà ngủ say để bắt trộm. Cáo với người cùng thi đua, tuy trong lĩnh vực này thì người khôn hơn cáo.

Từ ngày gió lạ về, mọi thói tật trong vùng tự dưng biến mất. Hàng loạt hiện tượng đáng kinh ngạc về tính trung thực đã xảy ra. […]

Không chỉ sám hối và trung thực, một bầu không khí đùm bọc và tin cậy lẫn nhau trùm lên khắp xóm làng. Tôi còn nhớ, trong suốt mùa hè tuyệt đẹp ấy, người đàn ông nào có việc phải đi vắng lâu ngày hoặc phiêu bạt xa xứ làm ăn, họ gửi vợ mình cho ông bạn hàng xóm trông nom là chuyện thường. Bạn cứ yên tâm mà đi, vợ bạn ở nhà đã có tôi lo, đêm hôm mưa bão có gì tôi sang giúp. Hết tháng bạn về vẫn thấy vợ bạn nguyên xi, không hề sứt mẻ. Chuyện ấy ở vùng tôi hoàn toàn là sự thật, dù không được ghi lại trong cuốn sử nào.

Còn bao điều kỳ lạ nữa, đến mức trên huyện phải cử một đoàn cán bộ về tìm hiểu vì sao dân ở xã này tốt lên một cách đáng ngờ. Đoàn cán bộ ngây ngất ngắm gió xanh lồng lộng thổi, ghi kết luận vào biên bản: "Cảnh ở đây quá đẹp, khiến con người ta không nỡ sống hèn".

(Trích "Gió xanh" của Phạm Duy Nghĩa)

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 ĐIỂM)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính và ngôi kể được sử dụng trong truyện. (0,5 điểm)

Câu 2. Gió xanh kết hợp với yếu tố nào khiến cho nó trở nên "ma mị" hơn? (0,5 điểm)

Câu 3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong các câu văn sau: "Gió trườn qua tôi mỏng tang, xanh biếc. Thoảng trong gió một mùi thơm

rất nhẹ, sâu kín như mùi của loài hoa dại trên núi chín năm mới nở một lần." (1,0 điểm)

Câu 4. Nhận xét về cách miêu tả "gió xanh" của tác giả? Theo anh/chị gió xanh tượng trưng cho điều gì? (1,0 điểm)

Câu 5. Em hiểu như thế nào về câu văn: *"Cảnh ở đây đẹp quá, khiến con người ta không nỡ sống hèn".* (1,0 điểm)

PHẦN II. VIẾT (6,0 ĐIỂM)

Câu 1 (2,0 điểm). Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về nghệ thuật kể chuyện trong đoạn trích "Gió xanh" của Phạm Duy Nghĩa.

Câu 2 (4,0 điểm). Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận xã hội bàn về mối quan hệ giữa "thời cơ" và "thách thức" trong cuộc sống hiện nay.

Gợi ý trả lời:

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 ĐIỂM)

Câu 1.

– Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

– Ngôi kể: thứ nhất, người kể chuyện xưng "tôi".

Câu 2.

Trăng lên, to tròn và trắng bệch mắc trên ngọn cây dạ huyền, màu nguyệt bạch của trăng càng làm ma mị hơn màu xanh của gió.

Câu 3.

– Trong đoạn văn, tác giả đã sử dụng biện pháp tư từ: **nhân hóa** "gió trườn", **ẩn dụ** chuyển đổi cảm giác "gió – mỏng tang, xanh biếc", **so sánh** "mùi thơm nhẹ, sâu kín – mùi hoa dại trên núi…".

– Tác dụng:

+ Khiến cho đoạn văn tăng sức gợi hình, gợi cảm, giúp người đọc hình dung ra màu sắc, hương thơm của gió một cách cụ thể, sinh động, hấp dẫn.

+ Nhấn mạnh vẻ đẹp mê hoặc, sức quyến rũ đặc biệt của gió xanh.

+ Qua đó, ta thấy khả năng tưởng tượng độc đáo, cách dùng từ rất giàu sức biểu hình, biểu cảm của nhà văn.

Câu 4.

– Gió xanh hiện lên trong đoạn trích thật đặc biệt, nó không chỉ có màu sắc, hình khối và còn có hương thơm. Gió khi thì mang màu xanh lam, lúc thì xanh biếc; có khi gió cuồn cuộn thổi, lúc lại mỏng tang, xanh biếc quyến rũ trườn qua người nhân vật tôi kèm theo mùi hương thơm nhẹ sâu kín.

– Cách miêu tả thật đặc sắc của với ngôn từ rất giàu chất thơ, giàu cảm xúc, giàu sức gợi; với việc kết hợp phép so sánh, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, nhân hóa cùng với phương thức biểu đạt miêu tả, biểu cảm và tự sự => gió xanh hiện lên thật mê hoặc, quyến rũ; gió xanh như mang trong mình một phép màu nhiệm đặc biệt, gió đi đến đâu mang cái đẹp, cái sang, cái lãng mạn đến đó. Gió đã làm cho cuộc sống sang hơn, khiến con người yêu đời hơn, trong sáng hơn. "Gió xanh" tượng trưng cho sự kỳ bí, sức mạnh và sự thay đổi bất ngờ trong cuộc sống, đồng thời cũng mang theo một sự thanh bình và mạnh mẽ.

=> Qua cách miêu tả, ta mới thấy trí tưởng tượng phong phú của nhà văn, cùng vốn từ rất phong phú => góp phần tạo nên một thứ vân chữ rất riêng cho thiên truyện.

Câu 5.

– Khẳng định cảnh đẹp ở nơi đó là do gió xanh mang lại, chính cái đẹp giúp con người ta yêu đời hơn, sống sang hơn, đẹp hơn cho xứng với cái đẹp.

=> Câu khẳng định như đề cao vai trò của cái đẹp trong việc cảm hóa con hơn, khiến con người không nỡ sống hèn.

– Đặt trong ngữ cảnh "gió xanh" là tượng trưng cho những điều phù phiếm, hư ảo, không có thực => hay nói cách khác là tượng trưng cho cái ảo => thì câu nói trên như một lời mỉa mai, châm biếm => Con người ta không dám, không nỡ "sống hèn" – sống thật với bản chất của họ trong một không gian ảo, mặc dù cuộc sống của con người chưa đủ sang. Nếu hiểu theo cách này, thì câu nói đang ngầm khẳng định về lối sống giả dối, chạy theo nhưng điều phù phiếm, hư ảo đánh bóng bản thân, không dám sống thật với chính mình.

=> Câu văn đã tạo nên cách nhìn đa nghĩa và tạo nên chiều sâu cho tác phẩm.

PHẦN II. VIẾT (6,0 ĐIỂM)

Câu 1 (2,0 điểm). Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về nghệ thuật kể chuyện trong đoạn trích "Gió xanh" của Phạm Duy Nghĩa.

Gợi ý:

+ Nghệ thuật kể chuyện trong văn học là một phương pháp biểu đạt sáng tạo giúp truyền tải thông điệp và kết nối con người bằng việc sử dụng từ ngữ và kĩ năng phân tích tình huống để tạo ra một câu chuyện hấp dẫn và có tính thuyết phục. Với kĩ thuật kể chuyện sâu sắc, các nhà văn không chỉ khơi dậy sự tưởng tượng và kích thích tinh thần sáng tạo của người đọc mà còn góp phần thắt chặt mối liên kết và sự thông cảm giữa mọi người.

+ Biểu hiện của nghệ thuật kể chuyện thông qua: cấu trúc truyện, cách xây dựng nhân vật, cách sử dụng ngôn từ, vai trò của người kể chuyện.

+ Trong đoạn trích, tác giả đã xây dựng một cấu trúc truyện khá đơn giản: một cơn gió xanh xuất hiện bất ngờ, đột ngột không rõ nguồn gốc đã tràn qua một làng quê nhỏ bé. Chính gió xanh đã làm thay đổi đời sống, cách nghĩ của mọi người dân từ già, đến trẻ.

+ Gió xanh là thời cơ làm thay đổi cuộc đời để họ không nỡ sống hèn, nhưng gió xanh cũng là thách thức để lại căn bệnh trong sáng và bệnh yêu đời.

+ Cách xây dựng nhân vật quần chúng, những người chịu tác động của gió xanh, đại diện cho đám đông => khiến cho câu chuyện có sức phổ quát, bao trùm nhiều đối tượng.

+ Cách kết hợp nhuần nhuyễn nghệ thuật miêu so sánh, ẩn dụ, nhân hóa cùng phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả, biểu cảm. Ngôn từ rất giàu hình ảnh, giàu chất thơ.

+ Sử dụng ngôi kể thứ nhất, người kể chuyện xưng "tôi" khiến cho câu chuyện trở nên đáng tin cậy hơn, người kể chuyện có thể điều tiết được nhịp kể, đan xen giữa kể và nhận xét, bình luận.

=> Nói tóm lại, với các yếu tố tạo nên nghệ thuật kể chuyện đã làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, thú vị; tác giả đã đưa người đọc vào một thế giới rất ảo, rất đặc biệt => thế giới của niềm vui, của mộng mơ, ảo vọng => Từ đó, người đọc cũng

nhận ra cái lo lắng, cái chua xót của "bệnh trong sáng" và "bệnh yêu đời" quá mức ở làng quê đó. Chính nghệ thuật kể chuyện rất độc đáo và có duyên, "Gió xanh" đã làm xôn xao văn đàn khi nó thổi qua.

Câu 2 (4,0 điểm). Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận xã hội bàn về mối quan hệ giữa "thời cơ" và "thách thức" trong cuộc sống hiện nay.

Gợi ý:

1.Mở bài:

– Dẫn dắt:

– Nêu vấn đề nghị luận.

2.Thân bài:

*** Giải thích vấn đề:**

– Thách thức là những khó khăn, cản trở từ bên ngoài tạo ra.

– Cơ hội là những điều kiện thuận lợi do khách quan, từ bên ngoài đem đến.

*** Bàn luận về mối quan hệ giữa cơ hội và thách thức :**

– Một việc, một yếu tố là cơ hội hay là thách thức còn tùy thuộc vào nhận thức của mỗi con người.

– Cơ hội và thách thức không phải "nhất thành bất biến" mà luôn vận động, chuyển hoá và thách thức đối với cái này có thể là cơ hội cho cái khác phát triển.

– Tận dụng được cơ hội sẽ tạo ra thế và lực để vượt qua và đẩy lùi thách thức, ngược lại, không tận dụng được cơ hội, thách thức sẽ lấn át, cơ hội sẽ mất đi, thách thức sẽ chuyển thành những khó khăn khó khắc

phục.

*** Chứng minh:** HS lấy dẫn chứng

*** Bài học:**

– Phải xác định cơ hội để nắm bắt thời cơ, chớp lấy thời cơ khi nó đến gần.

– Cần xác định thách thức để có kế hoạch đối phó, tháo gỡ, vượt qua.

3.Kết bài: Khẳng định trong cuộc sống luôn tồn tại những cơ hội và thách thức, điều quan trọng là mỗi người cần có bản lĩnh để vượt qua thách thức, biết nắm bắt cơ hội để đạt thành công.

ĐỀ 50

HOA ĐÀO NỞ TRÊN VAI

[...] Vậy là Lụm trở thành con cháu nhà này cũng đã được hơn ba tháng. Ông vẫn nhớ như in buổi sáng hôm ấy. Lúc trở về từ nơi tránh lũ ông thất thần nhìn nhà cửa tan hoang. Lúc đang bới trong đống đổ nát tìm nồi niêu, xoong chảo ông giật mình nhìn thấy trên bụi tre bị bão quật nằm rạp xuống bám đầy bùn đất sau cơn lũ có hình hài một con người. Nói đúng hơn đó là một đứa trẻ, quần áo nhuốm màu bùn, tay cố ôm lấy thân cây. Xứ này đâu lạ gì cảnh sau mỗi trận bão lũ lại thấy đồ đạc nhà mình trôi đi, đồ đạc nhà người ta trôi đến. Khi thì xoong nồi, khi thì cây cối, gà, vịt, khi thì quần áo, búp bê, cặp sách. Nói chung đủ cả, lẫn lộn trong bùn đất chẳng còn dùng được. Nhưng chưa bao giờ ông nghĩ thứ trôi đến sau cơn lũ lại là một thằng bé sáu tuổi, người ngợm đặc như một khối bùn.

Sau lũ, nguồn nước cũng ô nhiễm nặng. Những gáo nước đục ngầu không thể gột rửa hết bùn đất trên cơ thể đứa bé tội nghiệp. Ngay cả sau này cũng vậy, dù ông Vại và vợ chồng đứa con trai có yêu thương ra sao cũng không thể nào xóa đi ký ức đau

buồn trong nó. Ông từng dắt thằng nhỏ ngược dòng cơn lũ tìm về nhà. Nhưng về đến nơi chỉ thấy cảnh tượng tan hoang. Người ta nói người thân thằng nhỏ đã trôi theo cơn lũ, không về. Kể từ đó thằng nhỏ trở thành con cháu trong nhà. Người làng nói chắc ông trời thương vợ chồng chị Thảo lấy nhau chục năm vẫn chưa có con nên cơn lũ đã đưa thằng nhỏ dừng lại nơi này. Từ khi có nó nhà cửa tự nhiên cứ ấm dần lên. Dù sau lũ, dựng tạm cái lều, ba con người co cụm lại bên mâm cơm đạm bạc và giấc ngủ tứ bề gió thổi. Chồng Thảo đi xuất khẩu lao động đã được gần hai năm. Ở xa, quặn lòng thương quê nhà mưa lũ. Nên Vĩnh nói số tiền anh tiết kiệm được sẽ gửi về xây một căn nhà tử tế, nền cao, móng chắc để những mùa bão sau bớt đi phần thấp thỏm, âu lo. "Hơn nữa, không thể để cho thằng nhỏ sống tạm bợ thế được. Sẽ chỉ càng khiến nó nghĩ về mất mát". Thế là một ngôi nhà nhỏ được xây lên. Thỉnh thoảng ông Vại ới thằng nhỏ xách hộ cái xô, giữ giùm cái thang, trông giùm mấy mẻ cá đang phơi ngoài sân sợ con mèo ăn mất. Sợ nó ngồi không hay nghĩ ngợi vẩn vơ, lúc giải lao ông thường đạp xe đèo nó đi chơi làng trên xóm dưới. Mấy đứa nhỏ hàng xóm chạy sang kéo thằng Lụm chạy mất tiêu sau rặng cúc tần. Trời tối nhá nhem thằng Lụm trở về với bộ dạng lấm lem, miệng cười hở hàm răng sún chưa thay hết. Thảo vờ mắng nó vài câu chứ bụng dạ thì mừng vui quá chừng. Ít ra cũng thấy Lụm bắt đầu cười trở lại. Nửa đêm cũng ít dần những cơn ác mộng khiến thằng nhỏ bật dậy mếu máo gọi "mẹ ơi". Nó cũng thôi bám chặt vào cột nhà mỗi khi thấy ngoài trời nổi gió.

[..] Cảnh tát cá đồng mới đông vui làm sao. Bà con ai cũng ghé chọn vài con cá to mua về để ăn Tết. Cá đồng ăn cỏ, nước sạch chảy lưu thông nên thơm thịt ai cũng thích. Lụm bận bịu với chiếc giỏ đựng đầy tôm tép của mình. Cô Thảo nói Lụm bán được bao nhiêu tiền đều được giữ lại để đi chợ Tết. Thằng nhỏ sướng rơn lội cả ngày dưới đồng, bùn bết từ đỉnh đầu xuống chân, chỉ hàm răng trắng thỉnh thoảng thích chí cười khanh khách. Tối về cô Thảo đun sẵn nồi nước lá, lôi Lụm ra kì cọ. Tay Thảo dừng lại bên chiếc bớt đỏ trên vai thằng nhỏ, khẽ cười bảo:

- Con nhìn xem, hoa đào ngoài vườn chưa kịp nở mà hoa đào trên vai con đã nở hoa rồi.

- Hồi trước mẹ con hay nói ai có chiếc bớt đỏ như hoa sau này nhất định sẽ hạnh phúc. Có thật vậy không cô?

- Đúng thế. Cô cũng tin sau này Lụm nhất định sẽ trở thành một chàng trai tươi vui, hạnh phúc. Bởi con mang cả mùa xuân đang nở thắm trên vai.

Lụm nhắm mắt, ngửa cổ cảm nhận sự ấm áp của từng gáo nước lá dội xuống người mình và những cánh hoa đào chầm chậm nở trên vai...

(Vũ Thị Huyền Trang)

***Chú thích:** Tác giả: Vũ Thị Huyền Trang sinh năm 1987, tốt nghiệp Khóa 9 Khoa Viết văn và Báo chí, Đại học Văn hóa Hà Nội. Hội viên Hội VHNT tỉnh Phú Thọ.Vũ Thị Huyền Trang là *tác giả của 14 đầu sách văn học đã xuất bản,* sở hữu một bộ sưu tập khá lớn các giải thưởng lớn nhỏ trong các cuộc thi sáng tác văn xuôi, truyện ngắn. Các sáng tác chủ yếu viết về đề tài gia đình và người phụ nữ. Ở chị luôn có sự yêu thương day dứt cho những số phận, những bi kịch của con người nhất là người phụ nữ và trẻ em.

Truyện "*Hoa đào nở trên vai"*: là câu chuyện cảm động, giàu giá trị nhân văn, để lại trong tâm hồn bạn đọc những ấn tượng tốt đẹp về tình cảm của con người sau mùa lũ. Đọc truyện, chắc hẳn trong trái tim ta cảm thấy vô cùng ấm áp bởi tình cảm của bố

con ông Vại dành cho Lụm - cậu bé bị trôi dạt theo dòng nước lũ may mắn được ông Vại cứu sống và cưu mang.

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi (từ câu 1 đến câu 8) (2,0 điểm)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích?

A. Miêu tả B. Nghị luận C. Tự sự D. Thuyết minh

Câu 2. Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất C. Ngôi thứ hai

B. Ngôi thứ ba D. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 3. Truyện được kể theo trình tự nào?

A. Trình tự thời gian C. Trình tự tương phản, đối lập

B. Trình tự không gian D. Trình tự không gian kết hợp thời gian

Câu 4. Ông Vại nhặt được Lụm trong hoàn cảnh nào?

A. Ông đi bắt cá và thấy Lụm bên bờ suối

B. Ông đi rừng và thấy Lụm ở bìa rừng

C. Ông vừa trở về sau cơn lũ và thấy Lụm lẫn trong đống đổ nát

D. Ông đi ra đồng và thấy lụm bên bờ ruộng

Câu 5. Câu *"Có thật vậy không cô?"* trong đoạn trích dùng để làm gì?

A. Dùng để hỏi C. Dùng để bộc lộc cảm xúc

B. Dùng để cầu khiến D. Dùng để bày tỏ quan điểm

Câu 6. Câu "*Nhưng chưa bao giờ ông nghĩ thứ trôi đến sau cơn lũ lại là một thằng bé sáu tuổi, người ngợm đặc như một khối bùn"* sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. Nhân hoá C. Hoán dụ

B. Điệp ngữ D. So sánh

Câu 7. Ông Vại và cô Thảo đối xử với Lụm như thế nào?

A. Xa lánh, ghét bỏ

B. Ân cần, chu đáo, yêu thương như con cháu trong nhà

C. Hắt hủi, lạnh nhạt

D. Thờ ơ, vô cảm

Câu 8. Từ khi có Lụm về ở cùng, không khí gia đình ông Lụm như thế nào?

A. Ấm cúng hẳn lên C. Càng trở nên lục đục

B. Buồn bã hơn D. Bí bách, khó chịu

Trả lời câu hỏi (4,0 điểm)

Câu 9. Thông điệp sâu sắc nhất mà văn bản gửi tới bạn đọc là gì? **(1,5 điểm)**

Câu 10. Viết đoạn văn (khoảng từ 8 – 10 câu) trình bày suy nghĩ của em về *vai trò của tình yêu thương* trong cuộc sống? **(2,5 điểm)**

PHẦN II: LÀM VĂN (4,0 điểm)

Phân tích đoạn trích truyện *"Hoa đào nở trên vai"* của tác giả Vũ Thị Huyền Trang (Đoạn trích ở phần đọc – hiểu)?.....**HẾT**.....…

<u>Đề số 2:</u>

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

HOA ĐÀO NỞ TRÊN VAI

[...] Vậy là Lụm trở thành con cháu nhà này cũng đã được hơn ba tháng. Ông vẫn nhớ như in buổi sáng hôm ấy. Lúc trở về từ nơi tránh lũ ông thất thần nhìn nhà cửa tan hoang. Lúc đang bới trong đống đổ nát tìm nồi niêu, xoong chảo ông giật mình nhìn thấy trên bụi tre bị bão quật nằm rạp xuống bám đầy bùn đất sau cơn lũ có hình hài một con người. Nói đúng hơn đó là một đứa trẻ, quần áo nhuốm màu bùn, tay cố ôm lấy thân cây. Xứ này đâu lạ gì cảnh sau mỗi trận bão lũ lại thấy đồ đạc nhà mình trôi đi, đồ đạc nhà người ta trôi đến. Khi thì xoong nồi, khi thì cây cối, gà, vịt, khi thì quần áo, búp bê, cặp sách. Nói chung đủ cả, lẫn lộn trong bùn đất chẳng còn dùng được. Nhưng chưa bao giờ ông nghĩ thứ trôi đến sau cơn lũ lại là một thằng bé sáu tuổi, người ngợm đặc như một khối bùn.

Sau lũ, nguồn nước cũng ô nhiễm nặng. Những gáo nước đục ngầu không thể gột rửa hết bùn đất trên cơ thể đứa bé tội nghiệp. Ngay cả sau này cũng vậy, dù ông Vại và vợ chồng đứa con trai có yêu thương ra sao cũng không thể nào xóa đi ký ức đau buồn trong nó. Ông từng dắt thằng nhỏ ngược dòng cơn lũ tìm về nhà. Nhưng về đến nơi chỉ thấy cảnh tượng tan hoang. Người ta nói người thân thằng nhỏ đã trôi theo cơn lũ, không về. Kể từ đó thằng nhỏ trở thành con cháu trong nhà. Người làng nói chắc ông trời thương vợ chồng chị Thảo lấy nhau chục năm vẫn chưa có con nên cơn lũ đã đưa thằng nhỏ dừng lại nơi này. Từ khi có nó nhà cửa tự nhiên cứ ấm dần lên. Dù sau lũ, dựng tạm cái lều, ba con người co cụm lại bên mâm cơm đạm bạc và giấc ngủ tứ bề gió thổi. Chồng Thảo đi xuất khẩu lao động đã được gần hai năm. Ở xa, quặn lòng thương quê nhà mưa lũ. Nên Vĩnh nói số tiền anh tiết kiệm được sẽ gửi về xây một căn nhà tử tế, nền cao, móng chắc để những mùa bão sau bớt đi phần thấp thỏm, âu lo. "Hơn nữa, không thể để cho thằng nhỏ sống tạm bợ thế được. Sẽ chỉ càng khiến nó nghĩ về mất mát". Thế là một ngôi nhà nhỏ được xây lên. Thỉnh thoảng ông Vại ới thằng nhỏ xách hộ cái xô, giữ giùm cái thang, trông giùm mấy mẻ cá đang phơi ngoài sân sợ con mèo ăn mất. Sợ nó ngồi không hay nghĩ ngợi vẩn vơ, lúc giải lao ông thường đạp xe đèo nó đi chơi làng trên xóm dưới. Mấy đứa nhỏ hàng xóm chạy sang kéo thằng Lụm chạy mất tiêu sau rặng cúc tần. Trời tối nhá nhem thằng Lụm trở về với bộ dạng lấm lem, miệng cười hở hàm răng sún chưa thay hết. Thảo vờ mắng nó vài câu chứ bụng dạ thì mừng vui quá chừng. Ít ra cũng thấy Lụm bắt đầu cười trở lại. Nửa đêm cũng ít dần những cơn ác mộng khiến thằng nhỏ bật dậy mếu máo gọi "mẹ ơi". Nó cũng thôi bám chặt vào cột nhà mỗi khi thấy ngoài trời nổi gió.

[..] Cảnh tát cá đồng mới đông vui làm sao. Bà con ai cũng ghé chọn vài con cá to mua về để ăn Tết. Cá đồng ăn cỏ, nước sạch chảy lưu thông nên thơm thịt ai cũng thích. Lụm bận bịu với chiếc giỏ đựng đầy tôm tép của mình. Cô Thảo nói Lụm bán được bao nhiêu tiền đều được giữ lại để đi chợ Tết. Thằng nhỏ sướng rơn lội cả ngày dưới đồng, bùn bết từ đỉnh đầu xuống chân, chỉ hàm răng trắng thỉnh thoảng thích chí cười khanh khách. Tối về cô Thảo đun sẵn nồi nước lá, lôi Lụm ra kì cọ. Tay Thảo dừng lại bên chiếc bớt đỏ trên vai thằng nhỏ, khẽ cười bảo:

- Con nhìn xem, hoa đào ngoài vườn chưa kịp nở mà hoa đào trên vai con đã nở hoa rồi.

- Hồi trước mẹ con hay nói ai có chiếc bớt đỏ như hoa sau này nhất định sẽ hạnh phúc. Có thật vậy không cô?

- Đúng thế. Cô cũng tin sau này Lụm nhất định sẽ trở thành một chàng trai tươi vui, hạnh phúc. Bởi con mang cả mùa xuân đang nở thắm trên vai.

Lụm nhắm mắt, ngửa cổ cảm nhận sự ấm áp của từng gáo nước lá dội xuống người mình và những cánh hoa đào chầm chậm nở trên vai...

(Vũ Thị Huyền Trang)

1. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi (từ câu 1 đến câu 8) (2,0 điểm)

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản trên?

A. Truyện lịch sử
C. Truyện ngắn
B. Truyện ngụ ngôn
D. Truyện đồng thoại

Câu 2. Xác định cốt truyện của văn bản trên?

A. Cốt truyện đa tuyến
C. Cốt truyện nhẹ nhàng, sâu sắc
B. Cốt truyện đơn tuyến
D. Cốt truyện giàu kịch tính

Câu 3. Truyện được kể theo trình tự nào?

A. Trình tự thời gian
C. Trình tự tương phản, đối lập
B. Trình tự không gian
D. Trình tự không gian kết hợp thời gian

Câu 4. Ông Vại nhặt được Lụm trong hoàn cảnh nào?

A. Ông đi bắt cá và thấy Lụm bên bờ suối
B. Ông đi rừng và thấy Lụm ở bìa rừng
C. Ông vừa trở về sau cơn lũ và thấy Lụm lẫn trong đống đổ nát
D. Ông đi ra đồng và thấy lụm bên bờ ruộng

Câu 5. Câu *"Có thật vậy không cô?"* trong đoạn trích dùng để làm gì?

A. Dùng để hỏi
C. Dùng để bộc lộc cảm xúc
B. Dùng để cầu khiến
D. Dùng để bày tỏ quan điểm

Câu 6. Câu *"Con nhìn xem, hoa đào ngoài vườn chưa kịp nở mà hoa đào trên vai con đã nở hoa rồi. "* sử dụng các biện pháp tu từ nào?

A. Nhân hoá và so sánh
C. Hoán dụ và so sánh
B. Điệp ngữ và ẩn dụ
D. liệt kê và nhân hoá

Câu 7. Ông Vại và cô Thảo đối xử với Lụm như thế nào?

A. Xa lánh, ghét bỏ
B. Ân cần, chu đáo, yêu thương như con cháu trong nhà
C. Hắt hủi, lạnh nhạt
D. Thờ ơ, vô cảm

Câu 8. Từ khi có Lụm về ở cùng, không khí gia đình ông Lụm như thế nào?

A. Ấm cúng hẳn lên
C. Càng trở nên lục đục
B. Buồn bã hơn
D. Bí bách, khó chịu

Câu 9. Thông điệp sâu sắc nhất mà văn bản gửi tới bạn đọc là gì? **(1,5 điểm)**

Câu 10. Viết đoạn văn (khoảng từ 8 – 10 câu) trình bày suy nghĩ của em về *vai trò của sự sẻ chia* trong cuộc sống? **(2,5 điểm)**

PHẦN II: LÀM VĂN (4,0 điểm)

Phân tích đoạn trích truyện *"Hoa đào nở trên vai"* của tác giả Vũ Thị Huyền Trang (Đoạn trích ở phần đọc – hiểu)?

D.HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐỀ 01

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
Đọc hiểu	***1***	C. Tự sự	0.25
	2	B. Ngôi thứ ba	0.25
	3	A. Trình tự thời gian	0.25
	4	C. Ông vừa trở về sau cơn lũ và thấy Lụm lẫn trong đống đổ nát	0.25
	5	A. Dùng để hỏi	0.25
	6	D. So sánh	0.25
	7	B.Ân cần, chu đáo, yêu thương như con cháu trong nhà	0.25
	8	B. Ấm cúng hẳn lên	
	9	Thông điệp sâu sắc nhất mà văn bản gửi tới bạn đọc: - "Hoa đào nở trên vai" của Vũ Thị Huyền Trang gửi đến bạn đọc thông điệp sâu sắc về tình yêu thương, sự ấm áp trong cách ứng xử giữa con người với con người trong những cảnh huống ngặt nghèo của cuộc sống. Đó là đạo lý "Thương người như thể thương thân" xuyên suốt chảy trong huyết quản bao đời nay của nhân dân ta.	*1,5*
	10	*Đoạn văn từ 8 – 10 câu trình bày suy nghĩ của em về vai trò của tình yêu thương trong cuộc sống.* **1. Yêu cầu hình thức**: Viết đúng hình thức đoạn văn, đủ số câu quy định, không sai lỗi chính tả và diễn đạt. **2. Yêu cầu nội dung:** - Giải thích: Tình yêu thương là đồng cảm và sẻ chia xuất phát từ trái tim, tấm lòng, tình cảm. Đó là lòng nhân ái, vị tha, đức hi sinh, sẵn sàng cho đi một cách tự nguyện. - Bàn luận: Tình yêu thương trong cuộc sống có vai trò là: + Tình yêu thương xoa dịu những nỗi đau, làm vơi đi bớt khó khăn, nhọc nhằn trong đời sống của mỗi con người + Tình yêu thương có sức mạnh cảm hoá, khiến cho con người ngày càng trở nên hướng thiện, tốt đẹp hơn. + Tình yêu thương con người giúp gắn kết người với người. Là nền tảng là cơ sở để xây dựng xã hội nhân văn tiến bộ (HS lấy dẫn chứng phù hợp). - Mở rộng phê phán: Phê phán lối sống thờ ơ, vô cảm, thiếu tình thương, không biết quan tâm, chia sẻ, đồng cảm và giúp đỡ người khác… - Bài học nhận thức và hành động. + Nhận thức được ý nghĩa của tình yêu thương + Biết mở rộng tấm lòng, lan toả những điều tốt đẹp tới mọi người xung quanh	2,5 0,25 0.25 1,0 0,5 0,5

Phần Viết		**a.Yêu cầu về hình thức:** - Bài viết có bố cục rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, văn phong trong sáng, có cảm xúc, đảm bảo đúng thể loại phân tích tác phẩm văn học. **b. Yêu cầu nội dung:** HS có nhiều cách cảm nhận, phân tích tuy nhiên phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Sau đây là một số gợi ý: **- Lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong đoạn trích.** **LĐ 1: Tóm tắt ngắn gọn tác phẩm** **LĐ 2: Nêu chủ đề của tác phẩm** *"Hoa đào nở trên vai"* của Vũ Thị Huyền Trang là câu chuyện cảm động, ấm áp, nhiều yêu thương, giàu giá trị nhân văn để lại trong tâm hồn người đọc những ấn tượng tốt đẹp về tình cảm ấm nồng của con người sau mùa lũ. **LĐ 3: Nghệ thuật** ***- Nghệ thuật xây dựng nhân vật.*** *** Nhân vật cậu bé Lụm** - Câu chuyện "Hoa đào nở trên vai" của Vũ Thị Huyền Trang còn giúp cho người đọc cảm thấu hơn hoàn cảnh bất hạnh của cậu bé Lụm và thương yêu em nhiều hơn. + Em mất cả cha và mẹ sau cơn lũ càn quét nên trong ánh mắt em luôn chứa chất nỗi đau buồn: + Dù còn nhỏ nhưng Lụm là đứa bé nhạy cảm, thông minh, có đời sống nội tâm vô cùng phong phú. Lụm cảm thấu được tình yêu thương mà ông Vại và cô Thảo dành cho em => Hoàn cảnh mất cha mẹ sau bão lũ không phải chỉ có mình Lụm chịu đựng, đó là nỗi đau của nhiều đứa trẻ khi đối mặt với lũ quét trên quê hương mình nhưng em rất may mắn được sống trong tình yêu thương của gia đình ông Vại. *** Tình cảm ông Vại dành cho Lụm - Đứa trẻ tội nghiệp:** + Ông Vại nhìn thấy Lụm khi đang bới trong đống đổ nát tìm nồi niêu, xoong. Nhìn đứa trẻ đáng thương, ông Vại mủi lòng, đưa nó về nhà. + Ông Vại đã yêu thương Lụm bằng tình yêu của một người ông đối với cháu. Bởi ông thấu hiểu hơn ai hết cảnh một đứa bé bị mất cả cha và mẹ trong bão lũ thì luôn có cảm giác đau đớn, cô đơn đến dường nào + Ông Vại dành nhiều thời gian ở bên Lụm, yêu thương, an ủi, động viên nó để nó nguôi ngoai nỗi nhớ cha mẹ, người thân. => Ông Vại là người ông giàu lòng trắc ẩn, giàu tình yêu thương, biết cảm thông, sẻ chia với những mảnh đời bất hạnh. Ông nhân hậu, đáng kính, đáng trọng biết bao. *** Tình cảm vợ chồng chị Thảo dành cho Lụm**	0.5 3.0 0,5 0,5 2,0 0,5 0.5

		+ Thương Lụm như con đẻ: - Đi làm xa nhưng muốn xây nhà cho Lụm ở cho Lụm khỏi sợ mỗi bão về - Luôn hỏi han, quan tâm đến Lụm +Thảo thương Lụm theo cách riêng của mình: - Đun nước cho Lụm đi chơi về tắm - Có những lời mắng yêu với Lụm - Động viên Lụm, quan tâm đến Lụm *"Cô cũng tin sau này Lụm nhất định sẽ trở thành một chàng trai tươi vui, hạnh phúc. Bởi con mang cả mùa xuân đang nở thắm trên vai".* => Câu chuyện ánh lên tình người nồng hậu với một cậu bé mồ côi. ***-Những đặc sắc nghệ thuật khác:*** - Câu chuyện tạo dựng được tình huống độc đáo: Tình huống ông Vại "nhặt" được Lụm sau cơn lũ - Lối kể chuyện giản dị, chân chất, mộc mạc, ngôn ngữ trong sáng, hình ảnh rất đời thường - Bên cạnh đó, cách đặt nhan đề của tác giả rất thú vị, gợi nhiều ý nghĩa sâu xa: "Hoa đào nở trên vai". Hoa đào – chiếc bớt đỏ như hoa trên vai của Lụm sẽ đem lại nhiều may mắn, hạnh phúc. Mùa xuân tươi đẹp, tương lai tươi sáng chắc chắn sẽ đến với Lụm, bởi em có được một gia đình mới sau lũ giàu tình yêu thương. **- Khẳng định lại vấn đề và bày tỏ suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa đoạn trích.**	0.5 0.5
		c- Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. - *Sáng tạo*: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo.	0 .5

ĐỀ 02

P hần	**âu**	**Nội dung**	**Điểm**
Đ ọc h iểu	1	C. Truyện ngắn	0.25
	2	B. Cốt truyện đơn tuyến	0.25
	3	A. Trình tự thời gian	0.25
	4	C. Ông vừa trở về sau cơn lũ và thấy Lụm lẫn trong đống đổ nát	0.25
	5	A. Dùng để hỏi	0.25
	6	B. Điệp ngữ và ẩn dụ	0.25
	7	B. Ân cần, chu đáo, yêu thương như con cháu trong nhà	0.25
	8	B. Ấm cúng hẳn lên	
	9	Thông điệp sâu sắc nhất mà văn bản gửi tới bạn đọc: - "Hoa đào nở trên vai" của Vũ Thị Huyền Trang gửi đến bạn	*1,5*

		đọc thông điệp sâu sắc về tình yêu thương, sự ấm áp trong cách ứng xử giữa con người với con người trong những cảnh huống ngặt nghèo của cuộc sống. Đó là đạo lý "Thương người như thể thương thân" xuyên suốt chảy trong huyết quản bao đời nay của nhân dân ta.	
	0	*Đoạn văn từ 8 – 10 câu trình bày suy nghĩ của em về vai trò của tình yêu thương trong cuộc sống.* **1. Yêu cầu hình thức**: Viết đúng hình thức đoạn văn, đủ số câu quy định, không sai lỗi chính tả và diễn đạt. **2. Yêu cầu nội dung:** **+ Giải thích:** sẻ chia là những cử chỉ, hành động xuất phát từ sự đồng cảm, và yêu thương, được thể hiện khi ta biết quan tâm,lo lắng và giúp đỡ những người xung quanh **+ Bàn luận:** *Ý nghĩa của sẻ chia* - Khi ta biết sẻ chia, chắc chắn cuộc sống sẽ giảm đi những nỗi đau buồn; bớt đi những mảnh đời bất hạnh để con người không còn cảm thấy cô đơn, lạnh lẽo. - Khi biết cho đi, biết giúp đỡ và an ủi những người khó khăn, chắc chắn chúng ta sẽ cảm thấy hạnh phúc và vui vẻ. - Sẻ chia cũng làm cho xã hội trở nên tốt đẹp, nhân văn hơn….. (*Nêu dẫn chứng ngắn gọn minh họa vấn đề)* - Mở rộng phê phán: Phê phán những người sống không biết sẻ chia vô cảm thờ ơ với những số phận không may mắn… + Bài học nhận thức và hành động: - Hiểu được ý nghĩa của sẻ chia, biết cho đi trong cuộc sống là rất cần thiết. - Là học sinh cũng cần biết sẻ chia bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi.	2,5 0,25 0.25 1,0 0,5 0,5
P hần V iết		**a.Yêu cầu về hình thức:** - Bài viết có bố cục rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, văn phong trong sáng, có cảm xúc, đảm bảo đúng thể loại phân tích tác phẩm văn học. **b. Yêu cầu nội dung:** HS có nhiều cách cảm nhận, phân tích tuy nhiên phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Sau đây là một số gợi ý: **- Lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong đoạn trích.** **LĐ 1: Tóm tắt ngắn gọn tác phẩm** **LĐ 2: Nêu chủ đề của tác phẩm***"Hoa đào nở trên vai"* của Vũ Thị Huyền Trang là câu chuyện cảm động, ấm áp, nhiều yêu thương, giàu giá trị nhân văn để lại trong tâm hồn người đọc những ấn tượng tốt đẹp về tình cảm ấm nồng của con người sau mùa lũ.	0.5 3.0 0,5 0,5

		LĐ 3: Nghệ thuật ***- Nghệ thuật xây dựng nhân vật.*** *** Nhân vật cậu bé Lụm** - Câu chuyện "Hoa đào nở trên vai" của Vũ Thị Huyền Trang còn giúp cho người đọc cảm thấu hơn hoàn cảnh bất hạnh của cậu bé Lụm và thương yêu em nhiều hơn. + Em mất cả cha và mẹ sau cơn lũ càn quét nên trong ánh mắt em luôn chứa chất nỗi đau buồn: + Dù còn nhỏ nhưng Lụm là đứa bé nhạy cảm, thông minh, có đời sống nội tâm vô cùng phong phú. Lụm cảm thấu được tình yêu thương mà ông Vại và cô Thảo dành cho em => Hoàn cảnh mất cha mẹ sau bão lũ không phải chỉ có mình Lụm chịu đựng, đó là nỗi đau của nhiều đứa trẻ khi đối mặt với lũ quét trên quê hương mình nhưng em rất may mắn được sống trong tình yêu thương của gia đình ông Vại. *** Tình cảm ông Vại dành cho Lụm - Đứa trẻ tội nghiệp:** + Ông Vại nhìn thấy Lụm khi đang bới trong đống đổ nát tìm nồi niêu, xoong. Nhìn đứa trẻ đáng thương, ông Vại mủi lòng, đưa nó về nhà. + Ông Vại đã yêu thương Lụm bằng tình yêu của một người ông đối với cháu. Bởi ông thấu hiểu hơn ai hết cảnh một đứa bé bị mất cả cha và mẹ trong bão lũ thì luôn có cảm giác đau đớn, cô đơn đến dường nào + Ông Vại dành nhiều thời gian ở bên Lụm, yêu thương, an ủi, động viên nó để nó nguôi ngoai nỗi nhớ cha mẹ, người thân. => Ông Vại là người ông giàu lòng trắc ẩn, giàu tình yêu thương, biết cảm thông, sẻ chia với những mảnh đời bất hạnh. Ông nhân hậu, đáng kính, đáng trọng biết bao. *** Tình cảm vợ chồng chị Thảo dành cho Lụm** + Thương Lụm như con đẻ: - Đi làm xa nhưng muốn xây nhà cho Lụm ở cho Lụm khỏi sợ mỗi bão về - Luôn hỏi han, quan tâm đến Lụm +Thảo thương Lụm theo cách riêng của mình: - Đun nước cho Lụm đi chơi về tắm - Có những lời mắng yêu với Lụm - Động viên Lụm, quan tâm đến Lụm *"Cô cũng tin sau này Lụm nhất định sẽ trở thành một chàng trai tươi vui, hạnh phúc. Bởi con mang cả mùa xuân đang nở thắm trên vai".* => Câu chuyện ánh lên tình người nồng hậu với một cậu bé mồ côi. ***-Những đặc sắc nghệ thuật khác:*** - Câu chuyện tạo dựng được tình huống độc đáo: Tình huống ông Vại "nhặt" được Lụm sau cơn lũ	0.5

		- Lối kể chuyện giản dị, chân chất, mộc mạc, ngôn ngữ trong sáng, hình ảnh rất đời thường - Bên cạnh đó, cách đặt nhan đề của tác giả rất thú vị, gợi nhiều ý nghĩa sâu xa: "Hoa đào nở trên vai". Hoa đào – chiếc bớt đỏ như hoa trên vai của Lụm sẽ đem lại nhiều may mắn, hạnh phúc. Mùa xuân tươi đẹp, tương lai tươi sáng chắc chắn sẽ đến với Lụm, bởi em có được một gia đình mới sau lũ giàu tình yêu thương. **- Khẳng định lại vấn đề và bày tỏ suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa đoạn trích.**	
		c- Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. *- Sáng tạo*: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo.	0.5

ĐỀ 51

MÂY TRẮNG CÒN BAY (Bảo Ninh)

Máy bay cất cánh trong mưa. Tiếng càng bánh xe gấp lại có vẻ mạnh hơn bình thường dội độ rung vào thân máy bay. Tôi tiếc là đã không nghe lời vợ. Đáng lý nên trả vé, đừng theo chuyến này. Ngày xấu, giờ xấu, thời tiết xấu.

Máy bay hẫng một cái như hụt bước. Tay vận complet ngồi bên cạnh tôi mặt nhợt đi, mắt nhắm nghiền, cặp môi run run. Tôi bấu chặt các ngón tay vào thành ghế. Con người tôi bé tí hin treo trên vực sâu đang càng lúc càng sâu thẳm.

- Mây ngay ngoài, các bác kìa! - bà cụ ngồi ở ghế trong cùng, kề cửa sổ, thốt kêu lên.

Chiếc TU đã lấy được độ cao cần thiết, bắt đầu bay bằng. Hàng chữ điện "Cài thắt lưng an toàn" đã được tắt đi. Nhưng ngoài cửa sổ vẫn cuồn cuộn mây.

- Mây cận quá, bác nhỉ, với tay ra là với được - Bà cụ nói - Y thể cây lá ngoài vườn.

Tay vận complet nhấc mi mắt lên. Môi y mím chặt, vẻ căng thẳng đổi thành quàu quạu.

- Vậy mà sao nhiều người họ kháo là tàu bay trỗi cao được hơn mây bác nhỉ?

Tay nọ làm thinh.

- Chả biết đâu trời đâu đất thế này biết lối nào mà về bến, thưa các bác?

Không được trả lời, bà cụ chẳng dám hỏi han gì thêm. Bà ngồi im, ôm chặt trong lòng một chiếc làn mây. Hình vóc bé nhỏ, teo tóp của bà như chìm lấp vào thân ghế. Khi cô tiếp viên đẩy xe đưa bữa điểm tâm đến, bà không muốn nhận khay đồ ăn. Bà bảo cơm nước lạ kiểu chẳng đũa bát gì chẳng quen, mấy lại đã ăn no bụng hồi

sớm, mấy lại cũng thực tình là già chẳng có lắm tiền. Cô gái ân cần giải thích để bà cụ yên tâm rằng giá của suất ăn này đã được tính gộp trong tiền vé.

- Thảo nào hai lượt tàu bay những triệu bạc - bà cụ nói - Vậy mà lúc biếu già tấm vé các chú không quân cùng đơn vị với con trai già ngày nọ bảo là tốn có trăm ngàn. Các chú ấy cho già thì có, chứ còn tính ở quê đừng nói triệu với trăm ngàn, ngàn với trăm cũng khó.

Bà cụ hạ chiếc bàn gấp xuống xong không bày bữa ăn lên đấy. Tất cả các thứ hộp thứ gói trên khay bà dồn hết vào chiếc làn mây. Bà chẳng ăn chút gì. Lúc người ta mang đồ uống đến, bà cũng chỉ xin một cốc nước lọc. Bà hỏi cô tiếp viên:

- Đã sắp đến sông Bến Hải chưa con?

- Dạ thưa - Cô gái nhìn đồng hồ đeo tay - Còn chừng dăm phút nữa ạ. Nhưng thưa cụ vì chúng ta bay trên biển nên không ngang qua sông mà sẽ chỉ ngang qua vùng trời vĩ tuyến 17.

- Lát qua đấy con bật dùm già cái cửa tròn này con nhé, cho thoáng.

- Ấy chết, mở thế nào được ạ. Cô gái bật cười.

Ngoài cửa sổ nắng loé lên, cánh máy bay lấp lánh, nhưng chỉ trong chốc lát. Trên rất cao này, trời vẫn còn mây. Người tôi nôn nao như ngồi trên đu quay. Chưa chuyến nào thấy mệt như chuyến này. Có lẽ vì cơn bão đang hoành hành ở miền trung nên không trung đầy rẫy ổ gà. Máy bay chòng chành, dồi lắc, bên thân và dưới sàn khe khẽ phát ra những tiếng răng rắc như sắp rạn.

Tay vận complet xoè diêm châm thuốc. Là dân nghiện nhưng lúc này tôi thấy gai với khói. Lẽ ra y nên xuống phía dưới mà thả khí chứ chẳng nên phớt lờ hàng chữ "không hút thuốc" sáng nay trước mũi y như vậy, tôi sẽ uể oải thầm nghĩ, đậy tờ báo lên mặt và nhắm mắt lại.

Giấc ngủ thiu thiu chầm chậm trườn tới.

- Làm cái gì vậy? Hả! Cái bà già này!

Tôi giật bắn mình. Tôi bị giằng khỏi giấc ngủ không phải vì tiếng quát, tay ngồi cạnh tôi không quát to tiếng, chỉ nạt, nạt khẽ thôi, đủ nghe. Nhưng âm hưởng của nỗi hoảng hốt và sự cục cằn trong giọng y như tát vào mặt người ta. Thận trọng, tôi liếc nhìn. Khói thuốc và cặp vai to đùng của y che khuất cả bà cụ già, cả ô cửa sổ.

- Này, cô kia, cô nhân viên! - Y sang trọng đứng dậy mắng - Tới mà nhìn! Đây là hàng không hay là cái xô bếp? Là phi cơ hay là cái miếu thờ thế này, hả?

- Van bác... - Bà cụ sợ sệt - Bác ơi, van bác... Chẳng là, bác ạ, bữa nay giỗ thằng cả nhà tôi. Non ba chục năm rồi, bác ơi, tôi mới lên được đến miền cháu khuất.

Tay nọ gần như bước xéo lên đùi tôi, xấn ra lối đi. Bộ mặt hồng hào bừng bừng giận dữ và khinh miệt.

Bà cụ ngồi, lặng phắt, lưng còng xuống, hai bàn tay chắp lại, gầy guộc. Trên chiếc bàn gấp bày đĩa hoa cúng, nải chuối xanh, mấy cái phẩm oản và ba cây nhang

cắm trong chiếc cốc thuỷ tinh đựng gạo. Một bức ảnh ép trong tấm kính cỡ bàn tay để dựng vào thành cốc.

Cô tiếp viên vội đi tới. Cô đứng sững bên cạnh tôi. Không hề kêu lên, không thốt một lời, cô lặng nhìn.

Máy bay vươn mình nâng độ cao vượt qua trần mây. Sàn khoang dốc lên. Cái bàn thờ nhỏ bé bỏng của bà cụ già hơi nghiêng đi. Tôi xoài người sang giữ lấy cái khung ảnh. Tấm ảnh được cắt ra từ một tờ báo, đã cũ xưa, nhưng người phi công trong ảnh còn rất trẻ.

Khói nhang nhả nhè nhẹ, bốc lên dìu dịu, mờ mỏng trong bầu không khí lành lạnh của khoang máy bay. Những cây nhang trên trời thắm toả hương thơm ngát. Ngoài cửa sổ đại dương khí quyển ngời sáng.

(*Mây trắng còn bay*, Bảo Ninh, Nguồn *https://kilopad.com/Tieu-thuyet-truyen-ngan-c197/doc-sach-truc-tuyen-may-trang-con-bay-b8820*)

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Văn bản được viết theo thể loại nào?

A. Truyện ngắn

B. Tiểu thuyết

C. Nghị luận

D. Thơ tự do

Câu 2. Xác định ngôi kể ?

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ ba

C. Ngôi thứ hai

D. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ 3

Câu 3. Văn bản viết về đề tài gì?

A. Cuộc sống con người trong thời chiến

B. Cuộc sống con người thời hậu chiến

C. Nỗi buồn thời hậu chiến

D. Ảnh hưởng của chiến tranh đến con người

Câu 4. Bà cụ yêu cầu cô tiếp viên điều gì khi đi qua vĩ tuyến 17?

A. Thắp hương giúp cụ

B. Thắt dây an toàn

C. Xem giờ đồng hồ

D. Mở cửa sổ máy bay

Câu 5. Dòng nào nói ***đúng*** về chủ đề của tác phẩm?

A. Những ảnh hưởng của chiến tranh đến số phận, cuộc sống con người thời hậu chiến.

B. Chiến tranh đã đem lại nhiều nỗi đau cho con người, lớn nhất là sự mất mát về người

C. Nỗi đau của những người mẹ có con ra chiến trận, thời gian không thể nào chữa lành.

D. Chiến tranh qua đi để lại cho con người quá nhiều vết thương mà không thể nào chữa lành được.

Câu 6. Bà cụ hỏi cô tiếp viên *"Đã sắp đến sông Bến Hải chưa con",* đã hé lộ mục đích đi máy bay của cụ là gì?

A. Đến thăm con trai

B. Để xuống máy bay

C. Để cất hành lí

D. Chuẩn bị đồ ăn

Câu 7. Câu văn nào sau đây sử dụng biện pháp tu từ chêm xen?

A. *Thảo nào hai lượt tàu bay những triệu bạc - bà cụ nói - Vậy mà lúc biếu già tấm vé các chú không quân cùng đơn vị với con trai già ngày nọ bảo là tốn có trăm ngàn.*

B. *Bà cụ ngồi, lặng phắt, lưng còng xuống, hai bàn tay chắp lại, gầy guộc. Trên chiếc bàn gấp bày đĩa hoa cúng, nải chuối xanh, mấy cái phẩm oản và ba cây nhang cắm trong chiếc cốc thuỷ tinh đựng gạo*

C. *Máy bay vươn mình nâng độ cao vượt qua trần mây. Sàn khoang dốc lên. Cái bàn thờ nhỏ bé bỏng của bà cụ già hơi nghiêng đi*

D. *Tôi giật bắn mình. Tôi bị giằng khỏi giấc ngủ không phải vì tiếng quát, tay ngồi cạnh tôi không quát to tiếng, chỉ nạt, nạt khẽ thôi, đủ nghe*

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Ý nghĩa của hình ảnh biểu tượng*: "Tấm ảnh được cắt ra từ một tờ báo, đã cũ xưa, nhưng người phi công trong ảnh còn rất trẻ."*?

Câu 9. Ý nghĩa nhan đề *"Mây trắng còn bay"?*

Câu 10. Bài học có ý nghĩa nhất với anh/chị qua văn bản?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận phân tính, đánh giá nhân vật bà cụ trong tác phẩm "Mây trắng còn bay" của Bảo Ninh.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6,0**
	1	A	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5

	6	A	0,5
	7	A	0,5
	8	Biểu tượng của tình mẫu tử cao đẹp và cũng là sự hy sinh của những bà mẹ Việt Nam anh hùng- hi sinh con mình vì Tổ quốc.	0,5
	9	.- "Mây trắng còn bay" cái tên lãng mạn như một bài thơ nhưng cái kết lại vỡ òa bi tráng. - Mây trắng thì lúc nào chẳng ở trên bầu trời nhưng chữ "còn" lại mang cho con người ta một suy nghĩ khác. Có thể: + Mây trắng giống như tấm màng che giấu những kí ức đau buồn của bầu trời những năm chiến tranh. + Mây trắng trong tác phẩm như hình ảnh con trai của bà cụ.	1,0
	10	Hs có thể chỉ ra nhiều bài học hoặc diễn đạt tương đương đều cho điểm tối đa. Bài học(gợi ý) Chiến tranh đi qua để lại nhiều mất mát đau thương mà không thể nào hàn gắn được. Chúng ta cần biết trân trọng quá khứ, ghi nhớ công ơn của những người đã hi sinh vì tổ quốc	1,0
II		**VIẾT**	**4,0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Mối quan hệ giữa nhan đề và khía cạnh nội dung của truyện *Mây trắng còn bay*	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:	2,0
		<u>a.Là một bà lão " quê mùa" được khắc họa</u> * Gián tiếp: - Vẻ ngạc nhiên, của bà cụ khi lần đầu đi máy bay đối lập với tâm trạng của những hành khách khác - Khi chuyến bay gặp thời tiết xấu - Bình thản, ngạc nhiên ngắm nhìn mây => Do bà cụ chưa đi máy bay bao giờ nên cụ không biết thời tiết xấu ảnh hưởng đến sự an toàn của chuyển bay để mà lo sợ - Khi nhìn thấy những đám mây: + Lời nói	

		"thốt kêu lên" một cách ngạc nhiên *"Mây ngay ngoài, các bác kìa!"* *"Vậy mà sao nhiều người họ kháo là tàu bay trỗi cao được hơn mây bác nhỉ?"* *"Chả biết đâu trời đâu đất thế này biết lối nào mà về bến, thưa các bác?"* + Cách so sánh giản dị, thân thuộc với những người dân quê *"Mây cận quá, bác nhỉ, với tay ra là với được - Y thể cây lá ngoài vườn."* + Qua cái nhìn của nhân vật "tôi": bà cụ lạc lõng giữa cuộc sống hiện đại: "*Bà ngồi im, ôm chặt trong lòng một chiếc làn mây. Hình vóc bé nhỏ, teo tóp của bà như chìm lấp vào thân ghế".* - Trực tiếp: qua cuộc đối thoại với tiếp viên hàng không: + Khi cô tiếp viên đẩy xe đưa bữa điểm tâm đến. *bà không muốn nhận khay đồ ăn. Bà bảo cơm nước lạ kiểu chẳng đũa bát gì chẳng quen, mấy lại đã ăn no bụng hồi sớm, mấy lại cũng thực tình là già chẳng có lắm tiền.* + Đề nghị cô tiếp viên mở cửa sổ máy bay: *Lát qua đấy con bật dùm già cái cửa tròn này con nhé, cho thoáng* b. <u>Bà cụ- người mang trong mình vết thương chiến tranh</u> - Cuộc đối thoại với cô tiếp viên hàng không. Bà hỏi bao giờ đến sông Bến Hải Việc bà cụ hỏi cô tiếp viên *Đã sắp đến sông Bến Hải chưa con?* Hé lộ mục đích đi máy bay của cụ: đến thăm con. - Hành động của bà cụ: + Lập một cái bàn thờ nhỏ trên máy bay. +Dáng người cụ: *Bà cụ ngồi, lặng phắt, lưng còng xuống, hai bàn tay chắp lại, gầy guộc*. + Khi bị những hành khách phàn nàn, bà cụ: *Van bác... - Bà cụ sợ sệt - Bác ơi, van bác... Chẳng là, bác ạ, bữa nay giỗ thằng cả nhà tôi. Non ba chục năm rồi, bác ơi, tôi mới lên được đến miền cháu khuất.* Sự đau đớn của người mẹ mất con chiến tranh qua đi để lại cho con người quá nhiều vết thương mà dù cho thời gian qua đi cũng không thể nào chữa lành được. - Hình ảnh biểu tượng: "Tấm ảnh được cắt ra từ một tờ báo, đã cũ xưa, nhưng người phi công trong ảnh còn rất trẻ."	

		+ “ Tấm ảnh được cắt ra từ một tờ báo”: Con trai cụ- những phi công hy sinh vì tổ quốc được mọi người ngợi ca, ghi tạc công lao. + “Người phi công còn rất trẻ”: biểu tượng cho một thế hệ trẻ, họ hiến dâng tuổi thanh xuân- phần đời đẹp nhất của mình cho Tổ quốc. Họ là những người hùng, những con người vĩ đại của một thời chiến tranh. + Tờ báo“ đã xưa cũ”: sự hy sinh ấy liệu bây giờ có ai còn nhớ. Bức ảnh là hình ảnh duy nhất của người con mà bà mẹ có được. + Đó là biểu tượng của tình mẫu tử cao đẹp và cũng là sự hy sinh của những bà mẹ Việt Nam anh hùng- hy sinh con mình vì Tổ quốc + Hiện thực nghiệt ngã: chiến tranh qua đi, hòa bình trở lại nhưng những vết thương mà nó để lại vẫn sẽ mãi ám ảnh con người + Hiện thực: con người sống trong thời bình, chủ nghĩa cá nhân lên ngôi, họ quên đi những mất mát, hy sinh, quên đi chiến tranh gian khổ mà chỉ nghĩ cho cái lợi của bản thân * Đánh giá về nhân vật: Một người mẹ vĩ đại, mang trong mình nỗi đau mất con. Một người mẹ điển hình cho những người mẹ VN anh hùng	
		- Đánh giá chung: + Nhan đề phù hợp, khó thay thế; góp phần làm nên giá trị, sức dẫn của truyện. + Tài năng nghệ thuật và lòng nhân đạo của tác giả.	0,5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5

ĐỀ 52
ÔNG NGOẠI

(Nguyễn Ngọc Tư, *Nhà xuất bản trẻ* 2001.)

*"**Lược phần đầu**: Người nhà Dung đi nước ngoài, Dung sang ở với ông ngoại. Ban đầu Dung không hòa nhập được với cuộc sống mới, than thở với mẹ và người mẹ khuyên cố gắng chăm ông thay mẹ…*

Dung anh ách lái xe về nhà ngoại, cậu đi để lại chiếc Chaly màu xanh, Dung dùng đi học. Hồi sáng này, ông ngoại dắt xe ra đến cửa Dung hỏi:

– Ngoại định đi đâu

– Ông lên quận một chút.

Dung ngăn:

– Thôi, ngoại già rồi, không nên lái xe, có đi, con chở ông đi.

Ông tỏ vẻ giận, quầy quả vào nhà. Ôi, người già sao mà khổ đến vậy.

Thế nghĩa là có hai thế giới ở trong ngôi nhà. Thế giới của ông là mấy ông bạn già, là mấy chồng nhựt báo, là cái radio đâu hồi còn đánh nhau, là trầm tư suy ngẫm, là mảnh sân hoa trái. Thế giới của Dung là tiếng nhạc gào thét xập sinh, là sắc màu xanh đỏ, là quả đất như nằm gọn trong bàn tay. Sáng nó dậy thật sớm để nấu cơm, sau đó đi học, chiều lại học, buổi tối nó vù xe đến bạn chơi hoặc về nhà nghe mấy đứa em cãi nhau ỏm tỏi. Hai thế giới vừa giành giựt vừa hoà tan nhau.

Mặc dầu Dung đang ở trong thế giới của ông, mà không biết mình đang chìm dần vào đấy…

Có những sự thay đổi Dung không thể ngờ được. Bây giờ mỗi đêm Dung trở mình nghe ông ngoại ho khúc khắc. Nghe cây mai nhỏ nứt mình, nảy chồi Dung nghiện hương trầm tối tối ông thắp lên bàn thờ bà ngoại. Lắm khi lũ em Dung sang, chúng nó phá phách quậy tung cả lên, Dung mắng, chúng nó trề môi "Chị hai khó như một bà già", Dung giật mình. Có lẽ quen với cái tĩnh lặng trong sân mà mỗi chiều Dung giúp ông tưới cây, cái khoảng không xanh lạc lõng trong khói bụi, đâu đó, trên tàng me già, dăm chú chim hót líu lo Dung quen dáng ông ngoại với mái tóc bạc, với đôi mắt hõm, cái cằm vuông, quen mỗi tháng một lần cọc cạch lên phường lương hưu. Có một điều Dung ngày càng nhận ra tiếng ho của ông ngày càng khô và rời rạc như lời kêu cứu. Chủ nhật Dung cắm cúi lau chùi bên dàn karaoke phủ bụi, ông đứng lên nheo mắt:

– Sao con không hát, con hát rất hay mà.- Dung thoáng ngỡ ngàng, nó hỏi:

– Ngoại có thích nghe không?

Rồi mở máy. Hôm ấy Dung rất vui, lần đầu tiên nó hát cho riêng ông nghe và quan trọng nhất là ông đã ngồi lại đấy, gật gù.

…

Hết mùa me dốt, ông cháu Dung nhặt là mai đón Tết. Cậu gửi thư và quà về. Ông ôm chầm lấy thư bảo Dung.

– Con đọc ngoại nghe.

Dung đọc một lèo, lúc ngước lên đã thấy mắt ông đỏ rưng. Ông đến bàn thờ bà, đốt nén hương, mùi trầm ngào ngạt, Dung hỏi:

– Ngoại thương cậu như vậy, sao không theo cậu?

Ông trìu mến:

– Ngoại muốn mỗi năm cùng con đón giao thừa và nghe con hát".

(Ông ngoại, Nguyễn Ngọc Tư*, Nhà xuất bản trẻ* 2001.)

***Chú thích:** *Nguyễn Ngọc Tư: sinh năm 1976, quê ở Cà Mau, là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Nguyễn Ngọc Tư thường viết về những điều bình dị, gần*

gũi xung quanh cuộc sống của mình. Giọng văn chị đậm chất Nam Bộ, là giọng kể mềm mại mà thâm trầm, sâu cay về những cuộc đời éo le, những số phận chìm nổi. Cái chất miền quê sông nước ngấm vào các tác phẩm, thấm đẫm cái tình của làng, của đất, của những con người chân chất hồn hậu nhưng ít nhiều gặp những bất hạnh. Truyện ngắn "Ông ngoại" với một cốt truyện đơn giản nhưng chủ đề, đề tài có giá trị nhân văn cao, khiến người đọc phải suy ngẫm về nhiều điều có giá trị của cuộc sống.

I. PHẦN ĐỌC HIỂU 1(4.0 điểm)

Đọc văn bản sau: Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện trong văn bản trên?

Câu 2. Người kể chuyện chủ yếu đặt điểm nhìn ở đâu khi miêu tả sự thay đổi trong cảm xúc và nhận thức của Dung?

Câu 3. Xác định chủ đề của văn bản**.**

Câu 4. Dung là một cô bé như thế nào qua các chi tiết: *quen với cái tĩnh lặng trong sân mà mỗi chiều Dung giúp ông tưới cây, quen dáng ông ngoại với mái tóc bạc, với đôi mắt hõm, cái cằm vuông, quen mỗi tháng một lần cọc cạch lên phường lương hưu. Có một điều Dung ngày càng nhận ra tiếng ho của ông ngày càng khô và rời rạc như lời kêu cứu.*

Câu 5. Trong đoạn trích có một câu văn gợi suy ngẫm*:" Thế nghĩa là có hai thế giới ở trong ngôi nhà*". Trình bày một cách mà anh /chị cho là quan trọng nhất để gắn kết gia đình và rút ngắn*" khoảng cách thế hệ* " và lí giải vì sao?

I. PHẦN ĐỌC HIỂU 2

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (0,5đ). Xác định ngôi kể được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2(0,5đ). Người kể chuyện chủ yếu đặt điểm nhìn ở nhân vật nào?

Câu 3(1,0đ). Nêu chủ đề của truyện thông qua đoạn trích.

Câu 4(1,0đ). Chi tiết*: "Thế giới của Dung là tiếng nhạc gào thét xập xình, là sắc màu xanh đỏ, là quả đất như nằm gọn trong bàn tay. Sáng nó dậy thật sớm để nấu cơm, sau đó đi học, chiều lại học, buổi tối nó vù xe đến bạn chơi hoặc về nhà nghe mấy đứa em cãi nhau ỏm tỏi"* Và chi tiết *"Có những sự thay đổi Dung không thể ngờ được. Bây giờ mỗi đêm Dung trở mình nghe ông ngoại ho khúc khắc. Nghe cây mai nhỏ nứt mình, nảy chồi. Dung nghiện hương trầm tối tối ông thắp lên bàn thờ bà ngoại."* cho thấy Dung là một cô bé như thế nào?

Câu 5(0,5đ). Câu chuyện trong đoạn trích mang lại thông điệp gì?

Câu 6(0,5đ). Anh/Chị hãy trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc rút ngắn *"khoảng cách thế hệ trong gia đình*" được suy ngẫm từ câu văn ở phần đọc hiểu *"Hai thế giới vừa giành giựt vừa hoà tan nhau"?*

PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Từ nội dung đoạn trích gợi ra ở phần đọc – hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) bày tỏ suy nghĩ về *giá trị của tình yêu thương con người* trong cuộc sống.

Câu 2 (4,0 điểm) Viết bài văn nghị luận (khoảng 500-600 chữ) trình bày cảm nhận của anh/chị về nhân vật Dung và chủ đề của truyện qua đoạn trích trong tác phẩm*"Ông ngoại"* của Nguyễn Ngọc Tư có ở phần đọc- hiểu.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4,0**
	1	Ngôi kể được sử dụng trong đoạn trích: ngôi thứ ba	0,5
	2	Người kể chuyện đặt điểm nhìn chủ yếu ở nhân vật Dung	0,5
	3	Chủ đề: Qua câu chuyện giữa Dung và ông ngoại, tác phẩm hướng tới đề cao những giá trị nhân văn truyền thống: giá trị của tình cảm gia đình, tinh thần trách nhiệm, lối sống biết sẻ chia, hi sinh.	1,0
	4	Chi tiết: "*Thế giới của Dung là tiếng nhạc gào thét xập xình, là sắc màu xanh đỏ, là quả đất như nằm gọn trong bàn tay. Sáng nó dậy thật sớm để nấu cơm, sau đó đi học, chiều lại học, buổi tối nó vù xe đến bạn chơi hoặc về nhà nghe mấy đứa em cãi nhau ỏm tỏi*" Và chi tiết "*Có những sự thay đổi Dung không thể ngờ được. Bây giờ mỗi đêm Dung trở mình nghe ông ngoại ho khúc khắc. Nghe cây mai nhỏ nứt mình, nảy chồi. Dung nghiện hương trầm tối tối ông thắp lên bàn thờ bà ngoại."* cho thấy Dung là một cô bé + Trẻ tuổi, năng động, tâm hồn trong sáng, sống vui vẻ, chân thành… + Nhạy cảm, tinh tế cảm nhận được những biến đổi tinh vi của sự vật. + Trong quá trình chung sống với ngoại, Dung dần trưởng thành hơn; biết thấu hiểu, thương ông hơn.	1,0
	5	– HS có thể chia sẻ một vài thông điệp ý nghĩa theo cảm nhận cá nhân. Sau đây là một vài gợi ý: – Biết yêu thương, trân trọng người thân trong gia đình. – Biết hi sinh, chia sẻ, quan tâm, gắn kết các thành viên trong gia đình – Sống cần phải tôn trọng sự khác biệt của mỗi người	0,5
	6	Đoạn trích có một câu văn gợi suy ngẫm: "*Hai thế giới vừa giành giựt vừa hoà tan nhau*". Câu văn gợi ý nghĩa việc rút ngắn "*khoảng cách thế hệ trong gia đình*": + Giúp mỗi người trong gia đình sẽ chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt về quan điểm sống, khoảng cách nhận thức… giữa thế hệ này và thế hệ khác của các thành viên. + Giúp tình cảm gia đình sẽ bền chặt hơn, các thành	0,5

		viên sẽ yêu thương và quan tâm chia sẻ với nhau nhiều hơn; cuộc sống gia đình sẽ vui vẻ, hạnh phúc hơn.	
I **I**		**LÀM VĂN**	**6,0**
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về **giá trị của tình yêu thương con người trong cuộc sống.**	***2,0***
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân- hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận **Giá trị của tình yêu thương con người trong cuộc sống.**	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận Học sinh có thể vận dụng các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải nêu và lí giải được lựa chọn của bản thân. Có thể trình bày theo các hướng sau: – Tình yêu thương được hiểu là sự đồng cảm, thấu hiểu, chia sẻ, gắn bó, hòa hợp…giữa con người với nhau. – Giá trị của tình yêu thương con người trong cuộc sống: + Giúp con người đến gần nhau hơn, dễ dàng xây dựng mối quan hệ gần gũi tốt đẹp với mọi người xung quanh + Người biết chia sẻ yêu thương sẽ cảm nhận được niềm vui và giá trị của bản thân mình; người được đón nhận tình yêu thương sẽ có thêm niềm tin vào cuộc sống. + Là thước đo phẩm chất, giúp hoàn thiện nhân cách con người + Giúp chúng ta tạo ra một ‘ngọn lửa’ yêu thương lớn mạnh, lan tỏa khắp nơi. – Bài học nhận thức và hành động: Tình yêu thương tưởng chừng như đơn giản, nhỏ bé nhưng đối với người đón nhận thì nó lại là một điều vô giá. Mỗi chúng ta hãy nỗ lực sống yêu thương	0,75
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. ***Lưu ý:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.*	0,25
		e. Sáng tạo	

		Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ..	0,5
	2	**Viết bài văn nghị luận (khoảng 500-600 chữ) trình bày cảm nhận của anh/chị về nhân vật Dung và chủ đề của truyện qua đoạn trích trong tác phẩm "Ông ngoại" của Nguyễn Ngọc Tư có ở phần đọc- hiểu.**	***4,0***
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về nhân vật Dung và chủ đề truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư qua đoạn trích "Ông ngoại"	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
		* Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Ngọc Tư, truyện ngắn "*Ông ngoại* và nhân vật Dung. ***Hướng dẫn chấm****: Phần giới thiệu tác giả: 0,25 điểm; giới thiệu tác phẩm, đoạn trích: 0,25 điểm.*	0,5
		*Khai triển các ý: nhân vật Dung và chủ đề của tác phẩm qua đoạn trích "Ông ngoại" trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư. – Tóm lược câu chuyện theo nhân vật Dung -Nhân vật Dung qua đoạn trích + Trẻ tuổi, năng động, mạnh dạn thể hiện bản thân, sống chân thành… + Nhạy cảm, tinh tế, biết quan tâm đến người thân, cảm nhận được sự biến đổi tin vi của sự vật xung quanh… + Trong quá trình chung sống với ngoại, Dung dần trưởng thành hơn; biết thấu hiểu, lo lắng, quan tâm, yêu thương ông hơn. Dung cũng dần sống hòa hợp với ông, rút ngắn khoảng cách giữa hai thế hệ. -Nghệ thuật xây dựng nhân vật: + Đặt nhân vật trong tình huống truyện đơn giản, thời gian ngắn, không gian nhỏ hẹp, xoay quanh cuộc sống đời thường, mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình. + Người kể chuyện nương theo điểm nhìn của nhân vật Dung, qua ngôn ngữ đối thoại và độc thoại nội tâm để khắc họa chân dung một người trẻ với tính cách, tâm lí, hành vi,… đúng với lứa tuổi mới lớn; giúp khắc họa sự biến đổi	2,0

		từng ngày trong cảm xúc và nhận thức cho thấy quá trình trưởng thành của nhân vật Dung. + Ngôn ngữ đời thường, đậm chất Tây Nam Bộ và có giá trị biểu cảm cao; giọng điệu tự nhiên, nhẹ nhàng nhưng thấm thía. – Chủ đề tác phẩm: Qua nhân vật Dung và hành trình bắt tay hòa giải, gắn kết giữa hai thế hệ trong gia đình; tác phẩm hướng tới đề cao những giá trị nhân văn tốt đẹp như tình cảm gia đình, tinh thần trách nhiệm, lối sống biết sẻ chia, hi sinh.	
		* Đánh giá: Nhân vật Dung đã góp phần thể hiện thành công giá trị nhân văn của tác phẩm khi hướng tới đề cập đến sự nối kết thế hệ; tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Nguyễn Ngọc Tư.	0,25
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			**10,0**

ĐỀ 53
MIỀN THƯƠNG THĂM THẲM

Khách đến ngồi nhâm nhi ly café trên tầng hai nhà hàng mới mọc ở làng Chùa vẫn thường tò mò mỗi khi nhìn ra xa qua ruộng lúa nho nhỏ là con đường đất nhô cao như sống lưng con bò mùa hạn hán ngay trước mặt. Ở đó, họ luôn nhìn thấy một người đàn bà trạc ngoài 40, ngồi bệt bên vệ cỏ, như ngóng đợi điều gì. Đã từ nhiều năm trước, đó là chỗ của mụ. Người ta nhìn thấy mụ ngồi bên gốc cây xoan khi nó còn ngả lòa xòa những cành non vào mặt mụ, giờ nó đã là chỗ tựa lưng vững chãi cho mụ rồi.

Con đường đê, thực ra chỉ là một lằn đất làm ranh giới giữa một bên là chiếc ao làng, còn một bên nhìn ra cánh đồng mênh mông lúa, giờ chỉ còn bước chân đều đặn của mụ lai vãng. Từ ngày thôn mở con đường mới ngang qua xóm Hạ, không ai còn muốn đi qua con đường heo hút ấy nữa.

Mụ cứ ngồi đó mỗi ngày từ bắt đầu chiều cho đến nhá nhem, có người đi lôi gọi mụ mới chịu về. Thời gian đầu không thấy mụ ở nhà thì hàng xóm tá hỏa đi tìm khắp nơi, sợ mụ nghĩ quẩn. Rồi họ tìm thấy mụ đang ngồi im như tượng gỗ bên cái cây xoan gầy ngẳng ấy. Mụ cứ ngồi thế mà đăm chiêu, như không chớp mắt, đôi khi, người ta còn nghe thấy mụ nhẩm hát bài gì tha thiết lắm. Gọi thế nào mụ cũng không về trừ khi trời tối không nhìn thấy gì nữa. Thành quen, giờ chẳng ai tìm vì không thấy mụ ở nhà thì đích thị là ở đó rồi. Ba sào ruộng ngay trước mặt là của hợp tác xã phân cho từ cả

chục năm trước, giờ dân làng chia nhau ra cấy rồi góp gạo nuôi mụ, chả ai dám tơ hào lấy một hạt. Mụ ngồi đó mỗi chiều như bù nhìn canh ruộng và tưởng tượng ra những điều mà mụ thích, những ý nghĩ có thể níu kéo mụ ngồi suốt ngày này qua tháng khác mà không chán.

" Mẹ ơi, con đi học về rồi! Cho con xuống cấy mấy!" Tiếng cười giòn tan, tiếng í ới, Tiếng chiếc quần vải đen dày kêu xoạt xoạt khiến đôi tay thoăn thoắt chia mạ tách khóm của mụ phải ngừng lại. Mụ ngẩng lên nhìn về phía ấy. Nó đã xắn cao chiếc quần lùng thùng đến bẹn từ lúc nào. Thằng bé nhất quyết đòi xuống nghịch bùn, bắt ốc, hớt con tép riu ...Nó thích thú lắm . Đôi mắt nó sáng lên, cái cười nịnh nọt, tinh nghịch. Mụ không nỡ quát, cũng chẳng kịp quát. Ngẩng lên, nó đã tụt cái cặp trên vai treo lên cái chạc cây xoan nhỏ rồi. Cái áo trắng rộng thùng thình mặc lại của anh con nhà bác cả, nó cởi phăng ra để trốc cái cặp. Giá tụt nốt được cái quần…, nó làm cu cậu lóng ngóng, cái ống xắn cao lắm rồi mà cứ chực tượt xuống làm chân nó ríu lại. Đó là cái quần mụ mua cho nó mặc ngày tựu trường đầu tiên vào lớp vỡ lòng. Mụ tính mua rộng chút để nó lớn là vừa – mà nó như ngày càng còi đi vậy.

Thằng bé mon men bò rồi trượt dần từ cái bờ đê gầy guộc xuống tới chân ruộng. Nó nhổm dậy xuýt xoa cái mông rồi thò chân xuống. Dưới làn nước hâm hấp nóng là lớp bùn mát lạnh nhồn nhột gan bàn chân. Nó thích ra mặt. " Con ra chỗ mẹ mấy!" " Cho con cấy mấy!" Con biết cấy mà, dễ mà" ...Nó cứ líu lo như thế. Cái chân nhỏ xíu của nó quần khắp một khoảng ruộng, cái lưng trần nhỏ xíu cũng cúi xuống, ngóng lên, khi thì vùi mạ xuống, lúc thì hất nước lên tung tóe, lúc lại khom khom lừa bắt chú cá cờ bơi lạc… Có nó, mụ thấy như hết cả mệt nhọc. Thỉnh thoảng, mỏi lưng, mụ lại ưỡn người lên chống tay ngang hông ngẩng lên ngắm nhìn thằng bé đùa nghịch.

Có lúc mụ cũng vừa hát vừa làm trò họa theo mấy câu giật cục: "Trời nắng, trời nắng, thỏ đi tắm nắng!" Thằng bé thích lắm, cười ngặt nghẽo, trơ ra cái lợi đang nhú hai chiếc răng cửa. Cái cười đáng yêu của nó sao giống bố nó thế! Cái lão đàn ông chân chất, hiền lành, quanh năm đi bỏ ống lươn, lội hết mé sông làng Chùa đến bờ ruộng làng Hạ mà về đến ao làng bị rắn cắn chết, để mụ đứt gánh giữa đường. Mụ cũng cười mà nước mắt nhẹp nhèm. Thằng bé còn không nhớ nổi mặt bố! Mụ yêu thương nó quá!

Liên miên nối theo những hàng mạ thẳng tắp trải đều khắp mặt ruộng, mụ mới giật mình bởi không nghe thấy tiếng thằng nhỏ í ới. Nó lại chơi trò ú tim đây mà. Mụ gọi "Cò ơi!", mụ gắt lên " cò ơi", rồi mụ hốt hoảng gào "Cò ơi!" ! Chỉ nghe tiếng xạc xào của lá cây đan vào nhau bên bờ đê sâm sẩm tối. Mụ ào qua cả ruộng mạ vừa cấy, mụ lội xuồm xuồm như muốn chồm lên cho nhanh để bấu lấy cái bờ đê, để nhìn nhanh sang bên cái ao làng tù đọng ấy. Mụ thốc tới như điên như dại. Mụ lao xuống mặt nước loang loáng những vệt sáng của ngày tàn sắp bị bóng đêm nuốt trọn. Mụ quào cánh tay ôm chặt lấy thằng nhỏ. Nó còn ấm mà. "Mẹ đây con, mẹ đến đây rồi, con không sợ nữa!" Mụ cứ lẩm bẩm mãi như tưởng rằng ngần ấy câu nói của mụ đã dỗ dành cho đứa con ngủ ngon trong bầu ngực ướt sũng của mụ. Mụ truyền hơi ấm sang cho nó, hay nó đang truyền sang cho mụ?

Mụ ẵm con về trong tiếng gào khóc của những người hàng xóm. Mụ cứ tin nó vẫn ngủ ngon trong cái hòm xinh xắn dân làng đóng vội cho nó. Người ta mang thằng bé đi. Mụ ở nhà hát: "Trời nắng, trời nắng, thỏ đi tắm nắng". Mụ cười giòn tan, rồi mụ

nhìn ảnh chồng mà trò chuyện thằng bé yêu mẹ thế này, nhớ bố thế kia, rồi mụ lại đi tìm nó, đi gọi nó về ăn cơm…

Cây xoan triền đê đã vừa người ôm, rễ của nó ăn xiên sang cả mé đê có chiếc ao làng oan nghiệt ấy. Mụ vẫn ngồi hát cho con nghe, đợi chờ nó… Điều kì lạ là người ta nhìn thấy mụ không tiều tụy héo hon bao giờ. Cả trong ánh mắt chờ đợi cũng vẫn ánh lên niềm hi vọng rằng con mụ sẽ trở về. Bóng dáng mụ ngồi đợi con dần dà đã trở thành một phần của cái làng Chùa nhỏ bé. Người ta vẫn thấy cái hạnh phúc trên khuôn mặt mụ, trong những câu hát giật cục mà hóm hỉnh như đang đùa vui với đứa trẻ nào. Họ thấy mụ cười, họ thấy mụ chờ đợi và hi vọng.

Dường như, trong mụ là cả một thế giới riêng tuyệt đẹp, đầy đủ và hạnh phúc. Có lúc nào , khi vướng chuyện đời cơ cực ai đó chẳng lại muốn được trốn vào cái thế giới tâm hồn như thế giới riêng của mụ? Mụ tồn tại như một thực thể độc lập bất chấp mọi đổi thay của thời cuộc. Ruộng lúa người ta đã chia năm xẻ bảy, quán café sang trọng trước mặt mọc lên cũng chẳng ngăn cản mụ sống niềm tin và tình yêu thương thăm thẳm. Những vị khách đơn độc từ đâu đến, họ ngồi hàng giờ nhâm nhi ly café và nhìn ra phía đối diện nơi mụ ngồi mà băn khoăn: "Mụ ngồi đó để làm gì?"

(Khánh Phượng Vũ – Tạp chí Văn học nghệ thuật Ninh Bình – 2021 – Tr. 46)

---

* ***Khánh Phượng Vũ*** tên thật là Vũ Nguyệt Khánh Phượng, sinh năm 1982 tại Tam Điệp, Ninh Bình. Chị là thạc sĩ Lí luận văn học, hội viên Hội văn học nghệ thuật tỉnh Ninh Bình.\

Thực hiện các yêu cầu :

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện.

Câu 2. Xác định không gian và thời gian của câu chuyện.

Câu 3. Nêu ý nghĩa nhan đề của tác phẩm.

Câu 4. Hình ảnh cây xoan được khắc hoạ ở đầu và cuối tác phẩm có ý nghĩa gì?

Câu 5. Hình ảnh nhân vật người mẹ ngồi đợi con mỗi buổi chiều gợi cho anh/chị suy nghĩ gì?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận về số phận và vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật mụ trong tác phẩm.

Câu 2. (4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) về "hội chứng teen cuồng thần tượng" hiện nay.,Hội chứng cuồng thần tượng

Gợi ý trả lời

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4,**
		Người kể chuyện trong truyện ngắn thuộc ngôi thứ ba/Tác giả.	0,5

		2	Không gian và thời gian của câu chuyện: – Không gian: làng quê bình yên, gần gũi. – Thời gian: những buổi chiều	0,5
		3	Ý nghĩa nhan đề: – Miền thương thăm thẳm: thể hiện không gian ngập tràn tình yêu thương và thẳm sâu trong tâm hồn con người. – Nhan đề gợi ra tình cảm dạt dào, tha thiết và bền lâu vĩnh cửu của người mẹ dành cho đứa con tội nghiệp.	1,0
		4	Hình ảnh cây xoan được khắc hoạ ở đầu và cuối tác phẩm + Ở đầu tác phẩm, cây xoan nhỏ bé, yếu ớt, gắn liền với tuổi thơ của đứa trẻ, gắn liền với những phút giây đầm ấm hạnh phúc bên con của người phụ nữ khốn khổ. + Ở cuối tác phẩm, cây xoan cao lớn, là chỗ dựa vững chắc cho người đàn bà ngồi đợi con, hình ảnh của sự trường tồn, vĩnh cửu, biểu tượng cho tình yêu thương mãi đong đầy của người mẹ.	1,0
		5	Hình ảnh nhân vật người mẹ ngồi đợi con mỗi buổi chiều gợi suy nghĩ cho độc giả: – Nỗi khổ đau hoá điên dại của người mẹ yêu thương con mãnh liệt. – Sự bền bỉ, kiên cường trong chờ đợi và hi vọng của người phụ nữ. – Ngợi ca tình mẫu tử thiêng liêng, đẹp đẽ của con người.	1,0
I			**VIẾT miền thương thăm thẳm ; miền thương thăm thẳm khánh phượng vũ ; đọc hiểu miền thương thăm thẳm ; đọc hiểu miền thương thăm thẳm khánh phượng vũ**	**6,0**
			Viết đoạn văn nghị luận (200 chữ) trình bày cảm nhận của anh/ chị về số phận và vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật mụ trong tác phẩm.	**2,0**
	I	1	*a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn* Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0,25
			b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận trình bày cảm nhận về số phận và vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật mụ trong tác phẩm.	0,25
			c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận – Học sinh xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị	0,5

		luận. Sau đây là một số gợi ý: + Người phụ nữ có số phận bất hạnh: chồng mất sớm, một mình nuôi con; đứa con duy nhất cũng qua đời. + Phẩm chất: yêu thương con tha thiết, luôn kiên trì bền bỉ trong nỗi đợi chờ vô vọng; … + Nghệ thuật miêu tả tâm lí tỉ mỉ, chân thực góp phần tô đậm số phận bất hạnh và phẩm chất tốt đẹp của chị.	
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: Cảm nhân nhân vật người anh trai – Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng	0,5
		đ. Diễn đạt miền thương thăm thẳm ; miền thương thăm thẳm khánh phượng vũ ; đọc hiểu miền thương thăm thẳm ; đọc hiểu miền thương thăm thẳm khánh phượng vũ Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
		e. Sáng tạo: miền thương thăm thẳm ; miền thương thăm thẳm khánh phượng vũ ; đọc hiểu miền thương thăm thẳm ; đọc hiểu miền thương thăm thẳm khánh phượng vũ Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
		Lạm dụng mạng xã hội đang là một thói quen phổ biến trong giới trẻ hiện nay. Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) về "hội chứng teen cuồng thần tượng" hiện nay.	**4,0**
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25 0,5
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận suy nghĩ về "hội chứng teen cuồng thần tượng" hiện nay	
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết – Xác định được các ý của bài viết – Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: *Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề.	1,0

		*Triển khai vấn đề nghị luận – Giải thích vấn đề nghị luận – Thể hiện quan điểm của người viết về vấn đề cần nghị luận **Có thể theo một số gợi ý sau**: **1. Giải thích** **– Thần tượng** là nhân vật mang một tài năng, phẩm chất đặc biệt nào đó khiến con người yêu mến, say mê và có xu hướng noi theo. – "Hội chứng teen cuồng thần tượng": là biểu hiện một bộ phận giới trẻ có ngưỡng mộ, say mê một cách thái quá, cực đoan, không kiểm soát được cảm xúc với các thần tượng, gây ra hình ảnh xấu cho bản thân, làm lệch lạc lối sống và nhân cách… **2. Thực trạng của vấn đề:** – Thần tượng của giới trẻ hiện nay thường là những ngôi sao giải trí được đào tạo bài bản, có tài năng nghệ thuật và có cả những phẩm chất đáng quý. Họ cũng phải học tập, họ cũng phải rèn luyện, thậm chí chịu vô vàn áp lực từ mọi phía. Và trong rất nhiều trường hợp, những phẩm chất đáng quý, những nét đẹp tâm hồn đó của họ lại chính là động lực, là tấm gương cho những người hâm mộ, thần tượng họ. – Những thể hiện: + bắt chước phong cách (trang phục, kiểu tóc, quan điểm sống; cách phát ngôn; cử chỉ hành vi và nhái giọng/phong cách); + Tôn thờ thần tượng (treo tranh ảnh; mua các vật có liên quan; tìm đọc thông tin trên mạng; kết nối với các fans khác; tìm các vật dụng cá nhân: chai nước uống dở, xăm tên lên người…) + Tìm hiểu say mê kiến thức, tri thức về thần tượng đó (các sản phẩm nghệ thuật; tham gia các buổi biểu diễn; không bỏ lỡ các chương trình trên truyền thông, nhớ giai điệu, nhớ lời các bài hát…). + Những cảm xúc cực đoan nảy sinh: Gào thét, khóc lóc, hồ hào, ngất xỉu khi thấy thần tượng. Tự hành hạ bản thân mình vì thần tượng: khắc tay mình, cắt tay mình lấy máu để ghi tên thần tượng. Tự tử khi thần tượng qua đời, hoặc bị ngăn cấm đến với thần tượng. Sẵn sàng bỏ thời gian, công sức để đợi thần tượng ở bất kỳ đâu trong bất kỳ hoàn cảnh thời tiết nào… *VD: Tâm sự của một fan nữ nhóm nhạc Big Bang: "Tôi cũng từng đánh nhau với một nhóm 6 bạn trai, vì các bạn nói xấu Big Bang-thần tượng của tôi. Khi đó, tôi cầm kiếm để tuyên chiến với mấy bạn trai. Cuối cùng nhóm này bỏ chạy."* **3. Hậu quả** – Làm xấu hình ảnh bản thân trước mọi người, thậm chí trở nên kì quặc và bị xa lánh. Không biết kiểm soát cảm xúc của bản thân có thể mất đi tiền bạc, công việc, những mối quan hệ mà ta từng rất trân trọng hay thậm chí chính là tính mạng của bản thân và những	1,5

		người xung quanh. – Một người không biết kiểm soát được cảm xúc, dễ bốc đồng cũng rất khó có thể kiên trì, thành công trong một việc nào đó. – Gây tổn thương cho người khác. – Cuồng thần tượng có thể chỉ biểu hiện trong bối cảnh cá nhân nhưng cũng có thể xuất hiện cả trong bối cảnh tập thể. Không ít các trường hợp một số cá nhân đã vô tình hay cố ý kích động các cá nhân cuồng thần tượng và kết quả là những hành vi của họ đã trở thành những cuộc nổi loạn, gây mất trật tự an ninh làm thiệt hại về tài sản và tính mạng. **4. Nguyên nhân** **– Nguyên nhân *khách quan:*** + Do cha mẹ quá nuông chiều, ít dành thời gian tìm hiểu, quan tâm đến con. + Do môi trường sống: Ở thành phố, các em có điều kiện, được giao lưu với văn hóa bên ngoài nhiều hơn, tham gia nhiều hoạt động, internet phát triển, có cơ hội tìm hiểu, theo đuổi đam mê thần tượng. Còn ở nông thôn, các em phải giúp đỡ gia đình nên ít có thời gian, điều kiện để nảy sinh hiện tượng lệch lạc thần tượng. + Do sức ép học tập từ phía gia đình, nhà trường lên học sinh rất lớn. Nhiều em thấy học là vì cha mẹ ép chứ không phải cho chính mình nên không hứng thú. Trong khi đó, thế giới giải trí lại có nhiều hấp dẫn, trẻ mong muốn được như thần tượng, theo đuổi sở thích cá nhân, thoải mái vui chơi, ăn mặc đẹp… + Ngoài xã hội lại ít có những hình tượng mẫu mực trong các lĩnh vực để giới trẻ ngưỡng mộ, trong khi nhiều phương tiện truyền thông tập trung tung hô những ca sĩ, diễn viên nổi tiếng nên càng khiến giới trẻ bị lệch lạc. ***– Nguyên nhân chủ quan:*** Do đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi: muốn thể hiện bản thân và muốn tạo sự khác biệt, cần tìm những tâm hồn đồng cảm với mình. Luôn hứng thú với thứ gì đó mạnh mẽ khi không tìm được những điều trong cuộc sống của mình như gia đình, trường học, bạn bè, họ có thể phải bám vào cái gì đó khác, như một thần tượng hào nhoáng, game… – Do tâm lý đám đông, sính ngoại thái quá và méo mó trong nhận thức về cái được gọi là thần tượng. – Không được trang bị những kỹ năng cần thiết cho cuộc sống, thiếu sự tự tin về bản thân, không xây dựng được hình ảnh của chính mình, dễ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố hấp dẫn bên ngoài, từ đó không biết phân biệt chọn lựa thần tượng cho chính mình. **5. Biện pháp khắc phục** **–** Sống lành mạnh, nhìn khác đi, mở rộng thêm những niềm vui và tập thói quen yêu thích lành mạnh	0,25 0,5

	– Bản thân trau dồi kiến thức, hiểu biết xã hội đa chiều để tránh cái nhìn phiến diện, bảo thủ. – Phát huy tính tự chủ, sáng tạo, xây dựng hình ảnh bản thân phù hợp với tính cách. * Khẳng định lại vấn đề: – Khẳng định lại sự cần thiết phải quan tâm, giải quyết vấn đề – Nêu thông điệp, kêu gọi mọi người hưởng ứng việc thực hiện những biện pháp nêu trên: cuồng thần tượng thì thực sự là một "thảm họa" văn hoá.	
	d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Chỉ bắt buộc triển khai hai luận điểm: Lí do cần phải từ bỏ thói quen lạm dụng mạng xã hội và giải pháp khắc phục thói quen ấy – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	
	đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, dùng từ tiếng Việt, liên kết văn bản.	
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	
Tổng điểm		**10,0**

ĐỀ 54

"QUÊ MẸ"

(Trích)

Thanh Tịnh

Chiều chiều ra đứng cửa sau
Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều

(Ca dao)

Cô Thảo ra lấy chồng đã ba năm. Anh Vận chồng cô hiện làm Hương-thơ ở làng Mỹ Lý [...]*Ngày nào anh ta cũng đi nhà này qua nhà khác phát thư rồi chiều đến phải ra tận đình để lấy hòm thư đem lên huyện.Công việc của anh tuy vất vả, nhưng lương tháng - hay nói cho đúng lương năm - của anh trông ít quá. Làng chỉ trích cho anh ta ba mẫu ruộng và năm đồng bạc làm tiền lộ phí. Nhưng năm đồng ấy thì không bao giờ anh nhận được. Vì các viên chức đã khéo léo trừ với món tiền phải đóng sưu này thuế khác gần hết.*

Cô Thảo ra lấy chồng vốn liếng không có nên không đi buôn bán gì hết. Cả nhà chỉ trông vào sáu mẫu ruộng tranh và ba mẫu ruộng làng để sống năm này tháng khác.

(Gần đến ngày giỗ ông, cô Thảo muốn xin chồng về làng, lại không muốn nói thẳng. Anh Vận xin mẹ cho vợ về làng ăn giỗ. Mẹ chồng bảo cô mang buồng chuối mật trong vườn về giỗ ông, lại cho cô một hào để đi đò. Anh Vận cũng chạy quanh xóm mượn chỗ này, chỗ khác để cho cô Thảo thêm bốn hào nữa).

Tối hôm ấy cô Thảo không đi ngủ sớm. Cô đặt con ngủ yên bên chồng xong lại lật đật xách dao ra sau vườn chuối. Loay hoay một lúc lâu cô mới đem được buồng chuối mật vào nhà. Cô đem để vào một góc thật kín vì cô sợ nửa đêm chuột đến khới(1)..... Sắp đặt đâu đó xong xuôi cô mới lên giường nằm ngủ.

Trời tờ mờ sáng cô Thảo đã trở dậy sắm sửa đi về làng. Làng cô ở cách xa làng Mỹ Lý hơn mười lăm cây số. Vì vậy nên mỗi năm cô chỉ được về làng chừng hai ba lượt là nhiều. [...]

Đi chưa được bốn cây số cô Thảo đã thấy mỏi. Cô tự nhận thấy sức cô yếu hơn trước nhiều lắm. Cô muốn đi đò (2)cho đỡ chân, nhưng sực nhớ đến những món quà cần phải cho em, cô lại gắng gượng đi nhanh hơn trước.

Về đến làng cô Thảo gặp ai cũng đón chào niềm nở (3). Lòng cô lúc ấy nhẹ nhàng và vui sướng lắm. Còn họ gặp cô đi đằng xa đã kêu réo(4) om sòm(5) như gặp được người sống lại..... Cô Thảo thấy người làng chào hỏi mình vồn vã (6)nên đáp lại rất vui vẻ [...]

Đến trưa hôm ấy thì cô về đến nhà. Mấy cậu em đua nhau ra níu(7) áo chị. Cô Thảo xoa đầu đứa này đỡ cằm đứa khác, nụ cười trên môi cô không khi nào tắt. Trông thấy mẹ trong nhà đi ra cô mừng quá. Cô chạy lại đứng bên mẹ cảm động quá đến rưng rưng nước mắt. Một lúc sau cô đưa thằng Lụn cho mẹ ẵm rồi đi thẳng vào nhà để chào những người quen biết.

Bà Vạn cứ quấn quít bên cháu, bên con quên cả ngày giờ. Bà giới thiệu cô Thảo với người này người khác, bà nhắc đến chuyện cô Thảo lúc cô còn năm sáu tuổi. Bà kể đến đoạn nào bà cũng có ý khoe cô Thảo đức hạnh và khôn ngoan đủ thứ. Bà nói mãi mà không biết chung quanh bà không ai nghe bà hết.

(Mọi người thắc mắc sao anh Vận không về, cô Thảo nói anh bận việc quan).

Sáng hôm sau, cúng cơm sáng xong xuôi, cô Thảo lại sắm sửa đi qua làng Mỹ Lý. Cô gọi mấy đứa em đến gần rồi cho mỗi đứa năm xu. Trong nhà ai cũng khen cô rộng rãi và biết thương em, nên cô vui sướng lắm. Đang lúc cao hứng cô còn hứa sẽ gửi cho mẹ hai cặp quần áo mới để mặc Tết nữa. Nhưng chính cô cũng không biết sẽ lấy đâu ra hai cặp quần áo ấy. Chỉ trong nháy mắt cô Thảo đã phân phát tất cả số tiền cô đã dành dụm trong một năm. Lúc sắp sửa lên đường, bà Vạn cho cô nửa con gà và một gói xôi để về nhà chồng. Lúc ra đi cô cảm động quá, đứng bên mẹ và mấy em khóc nức nở.

Về nhà chồng, cô Thảo lại làm việc từ mai đến chiều, tối tăm cả mày mặt. Lúc nào cô cũng nhớ đến mẹ nghèo, đến em thơ, nhưng nhớ thì lòng cô lại bùi ngùi, trí cô lại bận rộn. Rồi chiều chiều gặp những lúc nhàn rỗi, cô lại ra đứng cửa sau vơ vẩn nhìn về làng Quận Lão. Nhưng làng Quận Lão ẩn sau đám tre xanh đã kéo một gạch đen dài trên ven đồi xa thẳm.

(Theo Tổng tập văn học Việt Nam, tập 33, NXB Khoa học xã hội, 2000, tr.819-823)

Chú thích: Thanh Tịnh (1911-1988) tên khai sinh là Trần Văn Ninh. Sáng tác của ông mang vẻ đẹp đằm thắm, tình cảm êm dịu, nhẹ nhàng. Hiện thực cuộc sống, thân phận con người qua ngòi bút của ông đượm chút buồn thương, có sức lay động tình cảm. Truyện ngắn "*Quê mẹ*" in trong tập truyện ngắn cùng tên, xuất bản năm 1941.

(1)*Khởi (phương ngữ):* khoét, cắn từng ít một.

(2)*Đò:* thuyền nhỏ chở khách trên sông nước theo những tuyến nhất định.

(3) *niềm nở:* (tiếp đãi) vui vẻ, tỏ ra nhiệt tình, hiếu khách.

(4) *réo*: kêu, gọi từ xa bằng những tiếng cao giọng kéo dài.

(5) *om sòm*: (khẩu ngữ): ầm ĩ, gây náo động.

(6) *vồn vã*: vui vẻ, đầy nhiệt tình khi tiếp xúc.

(7) *níu*: nắm lấy và kéo lại, kéo xuống.

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

A. Miêu tả B. Thuyết minh C. Nghị luận D. Tự sự

Câu 2. Xác định ngôi kể và điểm nhìn kể chuyện trong văn bản?

A. Ngôi thứ nhất, điểm nhìn hạn tri B. Ngôi thứ nhất, điểm nhìn toàn tri

C. Ngôi thứ ba, điểm nhìn toàn tri D. Ngôi thứ ba, điểm nhìn hạn tri

Câu 3.Trong văn bản,cô Thảo lấy chồng được bao nhiêu năm?

A. Ba năm. B. Hai năm.

C. Bốn năm. D. Một năm.

Câu 4.Xác định hai biện pháp tu từ được sử dụng trong câu "*Lúc nào cô cũng nhớ đến mẹ nghèo, đến em thơ, nhưng nhớ thì lòng cô lại bùi ngùi, trí cô lại bận rộn".*

A. Liệt kê, so sánh.B. Liệt kê, ẩn dụ C. Điệp, hoán dụ D. Liệt kê, điệp.

Câu 5. Đoạn văn cuối sử dụng phép liên kết hình thức nào?

A. Lặp, nối. B. Lặp, thế, nối. C. Thế, nối. D. Thế, lặp.

Câu 6. Ý nào sau đây nhận xét **đúng nhất** về ngôn ngữ, giọng điệu của văn bản?

A. Ngôn ngữ trau chuốt, hoa mĩ, tài hoa; giọng điệu hài hước, dí dỏm.

B. Ngôn ngữ sắc sảo, chặt chẽ; giọng điệu nhẹ nhàng, linh hoạt.

C. Ngôn ngữ linh hoạt, đậm chất khẩu ngữ, giản dị, giàu nhạc điệu; giọng điệu nhẹ nhàng, thanh thoát, sâu lắng.

D. Ngôn ngữ giàu hình ảnh, kết hợp từ Hán Việt và từ thuần Việt; giọng điệu băn khoăn, trăn trở.

Câu 7. Ý nào nêu **đúng nhất** về vẻ đẹp tâm hồn, phẩm chất của nhân vật cô Thảo?

A. Sống nội tâm, giàu tình cảm với gia đình, quê hương; cô con dâu đúng mực, lễ phép; cô con gái hiếu thảo, chu toàn với cha mẹ, với các em; hòa nhã với xóm giềng.

B. Sống nội tâm, giàu tình cảm, lo toan chu đáo mọi việc trong nhà, sâu sắc, chu toàn, kín đáo.

C. Giàu tình cảm với gia đình, cô con gái hiếu thảo với cha mẹ, hòa nhã với xóm giềng.

D. Lo toan chu đáo mọi việc trong nhà, tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, thương cha mẹ, thương các em.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Nêu ý nghĩa của nhan đề?

Câu 9. Thông điệp có ý nghĩa nhất từ văn bản.

Câu 10. Viết đoạn văn khoảng 5-7 câu trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của việc biết trân quý tình thân?

PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)

Anh (chị) hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá nhân vật cô Thảo trong đoạn văn bản trích trong truyện ngắn "*Quê mẹ*" trên.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6,0**
	1	D	0,5
	2	C	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	Ý nghĩa nhan đề: Thể hiện tấm lòng đồng cảm, xót thương với những thân phận bị áp bức trong xã hội cũ.	
	9	Thông điệp - Nỗi lòng nhớ quê - Tình yêu gia đình sâu sắc - Nỗi niềm thương nhớ quê hương - Quê hương là điểm tựa tinh thần cho mỗi người…..	1,0
	10	Viết đoạn văn khoảng 5-7 câu trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của việc biết trân quý tình thân?	1,0

		- Về hình thức: đảm bảo hình thức đoạn văn 5-7 câu. - Về nội dung: có thể theo gợi ý sau + Tạo nên nguồn năng lượng tích cực, giúp mỗi người tràn đầy niềm vui, hạnh phúc, lạc quan trong cuộc sống. + Tạo dựng và đắp bồi những tình cảm tốt đẹp khác. + Giúp mỗi người tìm thấy niềm tin, hi vọng và sức mạnh để vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống.	
II		**VIẾT**	**4,0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề	0,25
		*b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:*Nỗi lòng của người con gái lấy chồng xa quê; bộc lộ vẻ đẹp chan chứa tình người, tình quê ở nhân vật cô Thảo.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:	2.5
		*Giới thiệu khái quát về tác giả Thanh Tịnh, tác phẩm "*Quê mẹ"* và nhân vật cô Thảo. *** Phân tích nhân vật** Học sinh có thể cảm nhận theo nhiều cách nhưng cần đáp ứng các yêu cầu sau: **- Khái quát chủ đề của văn bản**: Nỗi lòng của người con gái lấy chồng xa quê; bộc lộ vẻ đẹp chan chứa tình người, tình quê ở nhân vật cô Thảo. **- Khái quát về hoàn cảnh nhân vật**: lấy chồng xa quê, cuộc sống cũng không hề dư giả. Nhân vật xuất hiện trong khung cảnh thanh bình, giản dị của làng quê. **- Phân tích**: + **Cô con gái giàu tình cảm với gia đình, lễ phép, hiếu thảo với cha mẹ; là người chị quan tâm, rộng lượng với các em**. Đêm trước ngày giỗ ông lo toan, chu đáo cho gia đình nên cô *không đi ngủ sớm. Sắp đặt đâu đó xong xuôi cô mới lên giường nằm ngủ; Trời tờ mờ sáng đã trở dậy sắm sửa đi về làng.* Khi gặp mẹcô xúc động nghẹn ngào, chan chứa niềm hạnh phúc vô bờ khi được gặp lại những người thân*"Cô chạy lại đứng bên mẹ cảm động quá đến rưng rưng nước mắt; hứa mua cho mẹ cặp quần áo mới.* Quan tâm, rộng lượng với các em: cô nghĩ đến những món quà dành cho	

		em *"Cô muốn đi đò cho đỡ chân, nhưng sực nhớ đến những món quà cần phải cho em, cô lại gắng gượng đi nhanh hơn trước"*, xoa đầu, cho mỗi đứa em năm xu. + **Cô con dâu chăm chỉ, giữ gìn khuôn phép**: khi về nhà chồng "*cô lại làm việc tối tăm mày mặt*". + **Chan chứa tình quê, yêu quê hương tha thiết; hòa nhã với làng xóm:** gặp người làng từ xa đã niềm nở; chào hỏi những người quen biết; khi trở lại nhà chồngluôn nhớ về làng Quận Lão- quê hương mình.	
		- Đánh giá chung: + Vẻ đẹp nhân vật cô Thảo là mẫu người phụ nữ tiêu biểu của gia đình. Nhà văn đã phát hiện ra thứ **"bụi quý"** trong tâm hồn người thôn quê. Hình ảnh cô Thảo đã nói lên nỗi lòng của người con gái lấy chồng xa quê; nói lên mong ước của nhà văn về cuộc sống bình dị, chân thành; ca ngợi những con người giàu tình quê, tình người; đồng cảm sẻ chia với những con người nhỏ bé, nghèo khổ trong xã hội xưa. + **Nghệ thuật xây dựng nhân vật**: cốt truyện dung dị, tự nhiên; trần thuật ở ngôi thứ ba điểm nhìn toàn tri; ngôn ngữ linh hoạt, đậm chất khẩu ngữ, giàu nhạc điệu; miêu tả tâm lí nhân vật sắc nét; giọng điệu nhẹ nhàng, thanh thoát, chan chứa yêu thương; chất trữ tình sâu lắng.	1,0
I + II			**10**

ĐỀ 55
GIÀN BẦU TRƯỚC NGÕ – Nguyễn Ngọc Tư

Tôi không thích khi cưỡi xe vào tận thềm nhà lại phải rạp mình dưới giàn bầu ấy. Chị và mẹ tôi lại ngại tóc rối. Cha tôi khó chịu khi phải dắt quan khách len lỏi bên mấy trái bầu để vào căn nhà sang trọng. Nhưng không ai dám chặt phá giàn bầu bởi nó của bà nội tôi. Bà trông nó từ hồi trong quê ra. Thoạt đầu, chị em chúng tôi thích lắm, chiều chiều lon ton xách thùng ra tưới. Chúng tôi tưới như tưới hoa. Nội cười- "Bay tưới như thằn lằn đái". Rồi bà đổ nước soàn soạt, chúng tôi nghe theo, đổ nước soàn soạt. Dây bầu lớn. Trong cái nách mập mạp lú ra mấy trái con xanh xanh. Trái bằng đầu đũa, bằng ngón tay, cườm tay rồi to to mãi. Bữa canh đầu tiên cả nhà háo hức, nuốt tuồn tuột từng miếng bầu trong veo, ngọt lịm. Ba gật gật khen ngon, day sang trách mẹ "sao trước giờ không mua bầu mà nấu ăn bà ta?"

Một lần, hai lần rồi ba lần, chúng tôi ngán tận cổ. Mà, chết thật, nội tôi cứ trồng mãi, trồng mãi, giàn bầu ngày càng rộng ra choán hết khoảng sân kiểng của cha xanh rầm rì. Trái già đến vàng khô, không ai ăn, bà mang cho hàng xóm. Hàng xóm chúng tôi cũng giàu có, họ chê nhưng cũng nhận bởi họ nể cha tôi. Nhiều quá, sớm sớm, chiều chiều, nội mang ra ngõ, này cho chị xôi chè một quả: "ăn lấy thảo", này cho bác xích lo trái bầu "về nấu cho sắp nhỏ". Rồi bà lại trồng. Chị Lan nhăn nhó:

– Nội ơi, trồng chi nhiều vậy?

Bà nội cười, buồn buồn.

– Nội làm lặt vặt quen rồi. Trồng trọt để đỡ nhớ quê.

Ôi cái quê của nội. Cái quê heo hút muốn về phải đi mấy chặng xe, tàu. Cái quê mà mỗi lần về, vào cuối mùa mưa, đất bùn quến vào móng chân tôi, ém chặt thối đen. Cái quê đèn cầy, đèn cóc, đêm nhóc nhen kêu buồn nẫu ruột, mùa lũ, lơ phơ chỉ thấy mấy nóc nhà. Ba tôi nói "làm người đừng suy nghĩ hẹp hòi, đừng tưởng nơi mình sinh ra, nơi có mồ mả ông cha là quê hương, khắp đất nước này chỗ nào cũng là quê cả". Cha tôi nói đúng và ông rước bà nội lên thành phố. Trước, ông chủ tịch đến nhà chơi, uống bia khà khà rồi nhắc: "- Lâu quá không gặp má, hôm nào chú mầy rước má lên, tội nghiệp bà già…" Cha bưng bát hương ông đi trước, bà nội lúi húi bưng bát hương chú Út theo sau. Ở nhà tôi, công việc nhàn đến mức bà thơ thẩn vào rồi lại thơ thẩn ra. Nhà cao cửa rộng, khéo đi, cả ngày chẳng ai gặp mặt ai. Chị tôi đi học cả ngày, mẹ tôi đến sở. Bà ra cửa trước, tôi vào cửa sau, bà lên lầu, cha đi xuống, gặp nhau ở lối ngõ cầu thang, nội ngó cha, nhắc "Lúc này bay bận rộn, đến không không ăn cơm ở nhà, khéo ngã bệnh nghen con". Cha cười "má khỏi lo". Rồi mỗi người mỗi ngả. Bà năng xuống bếp, quấn quít ở đấy. Chị bếp khoe:

– Bác ơi, con làm bánh tổ nè, bác cháu mình cùng ăn nghen.

Bà tôi gật gù khen ngon. Tôi tò mò nhón lấy một miếng ăn thử, nó ngòn ngọt dai dai. Thứ bánh nhà quê này xem ra có khác với Sandwich, chocolate. Bà làm nhiều thứ bánh lắm, không kể hết được, nào là bánh ngọt, bánh ú….toàn là bánh nhà quê, mà hình như chỉ tôi ăn, ba mẹ, chị Lan đều tránh xa xa hỏi " Bánh đó ăn ra làm sao? " Tôi khoe "Sáng này nội làm bánh khọt ngọt ngon lắm."Chị Lan tròn mắt" bánh gì tên ngộ vậy?

Ừ, ngộ, ngộ chứ. Nội mua về cái lò đất khói tù mù. Cha tôi chê. Nội mang ra ngoài hè để đỡ ám khói tường nhà. Bà bảo: "Làm bánh khọt thì phải đốt bằng lò đất, nó mới ngon". Bà đốt lửa, mắt già tèm nhem nước mắt mùi khói thơm thơm, cay nồng. Mùa này nhiều trái bầu khô, nội hái vào móc ruột ra, lấy cái vỏ mằn mì gọt. Lâu lâu nội đưa lên nhìn, nheo nheo mắt. Tôi hỏi, nội gọt gì. Nội cười, đưa cho tôi mảnh vỏ dầy hình trái tim nỏ xíu.

– Mặt dây chuyền cho tụi nhỏ đeo.

Tôi không nén được xuỳ một tiếng.

– Thời này ai đeo mấy thứ này, nội làm chỉ mất công.

Trong đôi mắt đùng đục của bà, tôi thấy có một nỗi buồn sâu kín. Con chị bếp dưới quê lên, bà gói dúi vào tay nó mấy mảnh bầu. Con nhỏ hớn hở, vui thiệt là vui. Cũng niềm vui ấy, con bé bán vé số lỏn lẻn cười "Bà đẽo đẹp ghê ha". Hôm sau tôi thấy nó xúng xính xỏ cọng chỉ vào, đeo tòn ten trước cổ lạ lắm. Hình như tôi ngắm vàng ròng, cẩm thạch quen rồi. Tôi xin, bà móm mém cười "Bà để dành cho bay cái đẹp nhất nè".

Tôi gói trái tim xíu xíu kia bỏ vào ngăn tủ, chị Lan trông thấy giành "cho chị đi". Tôi lắc đầu. Chị giận bảo "chị cóc cần, ở chợ bán hàng khối". Nhưng rồi chị quay về nài nỉ tôi . Lần đầu tiền, tôi thấy món quà của nội dễ thường đến thế.

Giàn bầu vẫn trước ngõ. Cha tôi đã thôi khó chịu, hay bực dọc riết rồi chai đi, chẳng biết bực là gì nữa. Nhưng khách đến nhà, ai cũng khen "anh ba có giàn bầu đẹp thiệt". Họ săm soi, từng mảng lá cuống hoa. Khách nước ngoài còn kề má bên trái bầu xanh lún phún lông tơ mà chụp hình kỷ niệm. Mấy anh chị sinh viên đạp xe ngang dừng lại nhìn đau dấu qua rào rồi kháo nhau "Nhớ nhà quá, tụi mày ơi". Chiều chiều, tôi ra giàn bầu xanh rượi, mơ màng nghe con ong vò vẽ trên từng phiến lá, chớp mắt nhìn chim sâu lích rích chuyển cành, chuồn chuồn rồi bướm rồi hoa thi nhau nở chấp chới. Bà nội tôi yếu hơn trước, mùa mưa bắt đầu lướt sướt đi qua. Ông chủ tịch đến chơi nhà, ôm chầm lấy nội, lắc lắc "lúc này má khoẻ không?" Nội cười xoà mà nghe nghẹn nghẹn "khoẻ, má khỏe". Cha tôi sai chị bếp mang rượu thịt ra ông chủ tịch khóa tay:

– Thôi, chú bảo chị ấy nấu canh bầu ăn.

Cha hẳng mặt. Chị bếp lúi húi gọt bầu, mùi nước canh xông vào mũi thơm lừng. Ông chủ tịch day qua bà nội khoe "lâu quá không ăn canh bầu rồi, má!" nội cười: "má nhớ bay thích nhất là ăn bầu nấu tép bạc". Cha dôi dợm mình "để con đi mua tôm". Ông chủ tịch ấn vai, bảo "thôi, chú cứ ngồi xuống, anh thèm lắm rồi, không chờ chú được đâu". Hôm ấy cả nhà tôi ăn lại bát canh ngày xưa, nghe ngọt lìm lịm lưỡi. Chị bếp ngó nội, khoái chí cười đầy hàm ý. Hình như nội tôi vui.

Giàn bầu thưa hẳn đi. Cái giống lạ thật. Nắng bao lâu vẫn xanh tốt, mới mưa dầm lại héo dây. Tôi đập vỡ trái bầu khô, lấy hạt ra ươm. Mùa mưa dữ dội, nội tôi bệnh, bà bị chứng tai biến não. Nội lơ ngơ, đã cười đã khóc thì không sao dừng được, tay run rẩy cầm ca nước, bát cơm cũng khó. Trời đổ mưa, sấm giật ầm ầm, nội thều thào nhắc:

– Sắp nhỏ đừng hứng nước mưa đầu mùa, hổng tốt. Chà, mưa vầy ngập đồng rồi, ngâm giống gieo mạ đi thôi.

Bà nội lẩn thơ lẩn thẩn rồi, mà hình như bà chỉ nhớ về quá khứ. Nội hay ra ngoài hiên, chăm chăm nhìn giàn bầu đang run rẩy trong gió. Bà ngồi đấy lặng lẽ, thẫn thờ, như chờ một tiếng vạc sành, một tiếng ếch kêu. Tay bà lạnh ngắt, tôi chạy vào phòng lấy lọ dầu thoa, vẫn thấy mảnh bầu trái tim màu vàng trong ngăn kéo, cái màu vàng như của rạ, của lúa, như của mái nhà lá nhỏ lơ phơ dưới nắng chiều. Giàn bầu vẫn

trước ngõ, có kẻ đi qua kêu lên, "tôi nhớ nhà". Cha tôi bảo: "có thể bứt người ta ra khỏi quê hương nhưng không thể tách quê hương ra khỏi chúng trái tim con người." Và cha tôi lại nói đúng.

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 ĐIỂM)

Câu 1. Xác định ngôi kể được tác giả sử dụng trong truyện. (0,5 điểm)

Câu 2. Tìm những từ ngữ, hình ảnh miêu tả giàn bầu trong truyện. (0,5 điểm)

Câu 3. Thái độ của mọi người trong gia đình nhân vật "tôi" đối với giàn bầu trước ngõ ra sao? Tại sao họ lại có thái độ như vậy? (1,0 điểm)

Câu 4. Nhân vật người bà là con người của chốn thôn quê hay của phố phường? Lí giải vì sao em khẳng định như vậy. (1,0 điểm)

Câu 5. Chỉ ra sự khác biệt về giá trị của giàn bầu đối với những thành viên trong gia đình nhân vật "tôi" và đối với những sinh viên, ông chủ tịch.

PHẦN II. VIẾT

Câu 1. Viết đoạn văn khoảng 12-15 câu trình bày những cảm nhận của em về nhân vật người bà trong truyện ngắn "Giàn bầu trước ngõ" của Nguyễn Ngọc Tư.

Câu 2. Trong cuộc sống vẫn luôn có sự chênh lệch, khác biệt về quan điểm, tư tưởng, thói quen giữa các thế hệ.

Theo em có cách nào, giải pháp nào để "xóa nhòa" sự chênh lệch khác biệt đó? Hãy trả lời câu hỏi trên bằng một bài văn nghị luận xã hội.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 ĐIỂM)

Câu 1.

– Ngôi kể thứ nhất (vì người kể chuyện ở đây xưng "tôi", là người trực tiếp xuất hiện trong truyện).

Câu 2.

Giàn bầu xanh rượi, mơ màng nghe con ong vò vẽ trên từng phiến lá, chớp mắt nhìn chim sâu lích rích chuyển cành, chuồn chuồn rồi bướm rồi hoa thi nhau nở chấp chới.

Câu 3.

– Thái độ của mọi người trong gia đình nhân vật tôi đối với giàn bầu:

+ Bà: yêu thương thiết thiết giàn bầu, chăm sóc rất kĩ càng => giàn bầy xanh rượi, quả rất sai. Sở dĩ bà có thái độ như vậy vì bà đã từng sống ở quê, hình ảnh giàn bầu giúp bà vơi đi nỗi nhớ quê. Hơn nữa, nhờ có giàn bầu bà có việc để làm, để vui, để khuây khỏa chân tay.

+ Các thành viên còn lại trong gia đình: Cảm thấy phiền phức, khó chịu khi xuất hiện giàn bầu *"Tôi không thích khi cưỡi xe vào tận thềm nhà lại phải rạp mình dưới giàn bầu ấy. Chị và mẹ tôi lại ngại tóc rối. Cha tôi khó chịu khi phải dắt quan khách len lỏi bên mấy trái bầu để vào căn nhà sang trọng".*

– Sở dĩ mọi người có thái độ như vậy, bởi đối với bà, giàn bầu mang giá trị về mặt tinh thần, là hình ảnh biểu tượng cho hình bóng quê hương. Còn đối với các thành viên, đa số sinh sống lớn lên ở thành phố, nên không thể hiểu được hết giá trị của giàn bầu, với họ, giàn bầu chỉ có giá trị về mặt vật chất (giá trị rất thấp: ăn ba bữa chán, cho hàng xóm cũng không thiết tha)

Câu 4.

– Bà là con người của chốn thôn quê vì: bà sinh ra lớn lên và lập nghiệp ở chốn thôn quê trong khoảng thời gian dài; hình bóng quê hương luôn ngập tràn trong trái tim bà (từ giàn bầu, cách làm bánh, cách nấu canh, làm đồ chơi từ vỏ quả bầu khô => đều mang đậm tư duy, cách làm, cách nghĩ của người ở chốn thôn quê); hình ảnh giàn bầu mang đậm hồn quê => bà đã mang quê hương lên thành phố, gửi tình yêu và nỗi nhớ quê hương vào giàn bầu => đã ra quê những lòng vẫn nặng lòng với quê "dẫu lìa ngõ ý, còn vương tơ lòng".

Câu 5.

Đối với các thành viên trong gia đình	***Đối với ông chủ tịch và những sinh viên***
– Giàn bầu mang giá trị về vật chất rất nhỏ (ăn vài bữa là chán, cho hàng xóm cũng không đặt; giàn bầu chỉ mang lại những phiền phức.	– Giàn bầu rất có giá trị về mặt tinh thần, đối với họ giàn bầu, canh bầu là hình dáng, là biểu tượng của hồn quê. Vì thế, sinh viên nhìn thấy giàn bầu thấy nhớ nhà; ông chủ tịch ăn canh bầu bằng cả tâm hồn và trái tim

PHẦN II. VIẾT

Câu 1.

*** Về hình thức:**

– Đoạn diễn dịch: Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn

– Dung lượng: 12-15 câu

*** Về nội dung:** Vẻ đẹp của bà

– Bà là người yêu quê hương tha thiết (trồng bầu, làm bánh, làm "đồ trang sức" từ vỏ bầu…)

– Bà là người mẹ thương con (lo cho con ăn uống không đều dễ bị bệnh); thương yêu các cháu (muốn làm cho các cháu nhiều thứ hay và ngon.

– Bà là một người phụ nữ rất khéo léo: làm bánh, làm "đồ trang sức" từ vỏ quả bầu khô.

=> Thái độ của tác giả: tình yêu thương, quý trọng và chút buồn man mác về cuộc đời bà cô đơn trong chính ngôi nhà giàu đẹp giữa thành phố mặc dù bà sống cùng con cùng cháu.

Gợi ý:

Nhân vật người bà trong truyện "Giàn Bầu Trước Ngõ" của Nguyễn Ngọc Tư là một hình ảnh đầy sức mạnh và ý nghĩa, gắn liền với hồi ức và tình cảm sâu sắc của gia đình. Những cảm nhận của tôi về nhân vật này không thể không bắt đầu từ sự kiên nhẫn và sự quan tâm không ngừng của người bà dành cho gia đình. Dù đã già yếu và đối diện với nhiều khó khăn, nhưng bà vẫn không ngừng trồng và chăm sóc giàn bầu, như một cách để kỷ niệm quá khứ và gắn kết với quê hương. Tôi cảm nhận được sự hy sinh và tình yêu thương vô điều kiện từ người bà. Bà không chỉ là người trồng giàn bầu, mà còn là người gieo mầm tình thương và kỷ niệm cho cả gia đình. Dù cuộc sống có thay đổi, những giá trị mà bà đem lại vẫn mãi mãi tồn tại trong tâm trí và tâm hồn của mỗi thành viên trong gia đình. Điều đáng chú ý là sự liên kết mạnh mẽ giữa giàn bầu và quê hương trong tâm trí của người bà. Mỗi cành lá, mỗi trái bầu đều đánh thức những kỷ niệm và tình cảm với quê nhà, làm cho gia đình không chỉ nhớ về nơi sinh sống mà còn nhớ về những giá trị tinh thần mà họ mang theo. Cuối cùng, nhân vật người bà trong truyện là biểu tượng của sự kiên trì và lòng hiếu thảo. Dù bước vào tuổi già, bà vẫn không ngừng trăn trở và chăm sóc gia đình, để lại những dấu ấn đẹp đẽ và ý nghĩa sâu sắc trong lòng mỗi người. Đó là điều mà tôi luôn trân trọng và ngưỡng mộ ở nhân vật người bà trong truyện "Giàn Bầu Trước Ngõ".

Câu 2.

*** Dàn ý:**

– Mở bài:

+ Dẫn dắt

+ Nêu vấn đề nghị luận: Khoảng cách giữa, chênh lệch về quan điểm, tư tưởng, thói quen giữa các thế hệ trong gia đình => giải pháp hữu hiệu.

– Thân bài:

1. **Giải thích khái niệm và nêu thực trạng:**

– Gia đình là một tế bào của xã hội; các thành viên trong gia đình được xây dựng, gắn kết thông qua mối quan hệ hôn nhân và huyết thống => mối quan hệ ruột tình, nghĩa tình, trách nhiệm. Đây là mối quan hệ gần gũi, thân thiết, thiêng liêng và bền chặt nhất trong các mỗi quan hệ.

– Các thành viên trong gia đình thường khoảng 2-3 thế hệ sinh sống. Mỗi thế hệ cách biết với nhau về tuổi tác, thời đại, hệ tư tưởng và nhân sinh quan. Chính vì thế, khoảng cách sự chênh lệch về quan điểm, tư tưởng, thói quen giữa các thành viên, giữa các thế hệ ngày càng lớn.

– Tuy nhiên, có một thực trạng

2. **Nguyên nhân:**

– Thời đại, lứa tuổi: Xã hội ngày càng phát triển, mỗi ngày sự thay đổi đó là diễn ra nhanh chóng, mạnh mẽ; những giá trị, thành tựu của ngày hôm qua đã nhanh chóng trở nên cũ kĩ, lạc hậu so với ngày hôm nay.

– Thời đại công nghệ thông tin phát triển như vũ bão, vì thế, giới trẻ có xu hướng sống nhanh, sống vội lượt tiktok với những đoạn video cực ngắn => hình thành lối sống, cách sống mì ăn liền. Họ luôn bắt trend cập nhật những trend mới, thậm chí là cả các dòng văn hóa ngoại lai.

– Trong khi đó, thế hệ đi trước, nhất là các ông, bà, các cụ là con người của lớp cũ, những con người đã rút ra những sợi dây kinh nghiệm dài dằng dặc; đã trải qua bao lần vấp ngã để đứng dậy vươn lên trưởng thành. Họ đem những kinh nghiệm đó truyền lại, chia sẻ cho thế hệ sau. Các bạn trẻ, khi nghe những điều đó lại cảm thấy rườm rà phiền phức, thấy các cụ cổ hổ, lỗi thời, quan điểm đó, kinh nghiệm đó, cách nghĩ đó không còn phù hợp. Họ nghe nhưng bỏ ngoài tai, thậm chí có một số kẻ phản ứng tức thời, không nghe, phản ứng lại gay gắt.

=> Đây chính là nguyên nhân, khiến cho các thành viên trong gia đình ngày càng cách xa, khó hòa hợp, thường xảy ra bất đồng về quan điểm.

– Hơn nữa, những thế hệ đi trước cậy mình có quyền nên áp đặt, bắt con, cháu phải theo những gì mình đưa ra….

3. **Hậu quả:**

– Sự bất đồng, chênh lệch về quan điểm vô tình đã bào mòn sợi dây liên kết, gắn kết các thành viên trong gia đình giữa các thế hệ trở nên mỏng mảnh hơn bao giờ hết.

– Sự bất đồng nếu không được giải quyết có khi còn căng thẳng, quyết liệt dẫn đến sự xung đột.

– Một số thành viên trở nên cô đơn, buồn chán chính ngôi nhà của mình…

4. **Cách giải quyết để "xóa nhòa" sự chênh lệch:**

– Thứ nhất, các thành viên cần phải nắm chắc tâm lí xã hội, những quy luật cơ bản của cuộc sống; biết đặt mình vào vị trí của người khác để hiểu bản thân, hiểu các thành viên trong gia đình hơn. Bởi chỉ có khi hiểu được tâm lí xã hội (người già thường ra sao? trẻ em thường có tâm lí như thế nào? Thời đại này đang sống và nghĩ như thế nào?); nắm được những quy luật bất di bất dịch của cuộc sống, con người ta mới biết mình ứng xử như thế, giữ gìn quan điểm đó là đúng hay sai.

– Thứ hai, cần bỏ tư tưởng bảo thủ, duy ý chí…

– Thứ ba, người lớn cần bỏ tư duy áp đặt lên cuộc đời trẻ, hãy cho chúng được sống chính cuộc đời của chúng, để chúng lập trình đúng cuộc đời bằng đam mê, khát vọng với tất cả năng lực, sở trường được phát huy.

– Thứ tư, trẻ em cần được uốn năn, giáo dục từ bé về hệ tư tưởng cơ bản cốt lõi như kính trên nhường dưới, tôn sư trọng đạo, đạo hiếu, cách học ăn học nói học gói học mở…=> để từ đó, giữa người lớn và trẻ em, giữa thế hệ đi trước và thế hệ đi sau đã có hệ tư tưởng chung cốt lõi.

– Thứ năm, trẻ cần biết lắng nghe, biết phân biệt được thật-giả, phải -trái.

– Thứ sáu, các thành viên trong gia đình cần tiết chế cảm xúc khi trao đổi, trò chuyện hoặc bày tỏ quan điểm, ý kiến.

– Thứ bảy, các thành viên thuộc thế hệ đi trước cũng cần luôn cập nhật cái mới để sống phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của cuộc sống hiện đại.

=> Chỉ có xóa nhòa khoảng cách về mặt tư tưởng, con người ta mới cảm thấy hạnh phúc, ấm áp ngay trên chính ngôi nhà của mình.

– Kết bài:

Không có khoảng cách nào là vô hình mà lại hiện hữu xung quanh các thành viên trong gia đình, giữa thế hệ đi trước với thế hệ đi sau lại khủng khiếp như thế khi những mâu thuẫn bắt nguồn từ tư tưởng, quan điểm. Vì thế, rút ngắn, xóa nhòa khoảng cách vô hình, khoảng ồn ào nóng rực và khoảng lặng lạnh lẽo giữa các thành viên trong gia đình là một việc làm thiết thực và nhân văn.

ĐỀ 56

ĐÒ LÈN

Thuở nhỏ tôi ra cống Na câu cá
níu váy bà đi chợ Bình Lâm
bắt chim sẻ ở vành tai tượng Phật
và đôi khi ăn trộm nhãn chùa Trần

Thuở nhỏ tôi lên chơi đền Cây Thị
chân đất đi đêm xem lễ đền Sòng
mùi huệ trắng quyện khói trầm thơm lắm
điệu hát văn lảo đảo bóng cô đồng

Tôi đâu biết bà tôi cơ cực thế
bà mò cua xúc tép ở đồng Quan
bà đi gánh chè xanh Ba Trại
Quán Cháo, Đồng Giao thập thững những đêm hàn

Tôi trong suốt giữa hai bờ hư - thực
giữa bà tôi và tiên phật, thánh thần
cái năm đói củ dong riềng luộc sượng
cứ nghe thơm mùi huệ trắng hương trầm

Bom Mỹ dội, nhà bà tôi bay mất
đền Sòng bay, bay tuốt cả chùa chiền
thánh với Phật rủ nhau đi đâu hết
bà tôi đi bán trứng ở ga Lèn

Tôi đi lính, lâu không về quê ngoại
dòng sông xưa vẫn bên lở bên bồi
khi tôi biết thương bà thì đã muộn
bà chỉ còn là một nấm cỏ thôi!
9/1983

* Nguyễn Duy tên khai sinh là Nguyễn Duy Nhuệ, sinh năm 1948, quê ở Thanh Hóa. Ông từng chiến đấu ở chiến trường nổi tiếng ác liệt thời chống Mỹ như Khe Sanh, đường 9 Nam Lào, Quảng Trị. Thơ Nguyễn Duy có sự kết hợp hài hòa giữa cái duyên dáng, trữ tình với chất thế sự đậm đặc.Ông đã góp phần làm mới thể lục bát bằng những tìm tòi theo hướng hiện đại.* *Đò Lèn* được viết năm 1983, trong một dịp nhà thơ trở về quê hương, sống với những hồi ức đan xen nhiều buồn vui thời thơ ấu.

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn thơ. (0,75 điểm)

Câu 2. Các từ *"lảo đảo", "thập thững"* có vai trò gì trong việc thể hiện những hình ảnh cô đồng và người bà. (0,75 điểm)

Câu 3. Sự vô tâm của người cháu và nỗi cơ cực của người bà thể hiện qua những hồi ức nào? Người cháu đã bày tỏ nỗi niềm gì qua những hồi ức đó? (1,0 điểm).

Câu 4. Thông điệp nào của đoạn trích trên có ý nghĩa nhất đối với em? (0,5 điểm)

II. Viết (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) chia sẻ câu trả lời của em cho câu hỏi về hạnh phúc*: "Là đem đến niềm vui cho người khác? Hay chính là sự hài lòng của riêng bản thân mình?"*

Câu 2.Nhà phê bình Chu Văn Sơncho rằng: *Câu thơ hay là câu thơ có khả năng đánh thức bao ấn tượng vốn ngủ quên trong kí ức của con người.*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ ý kiến qua bài thơ *Đò Lèn* của Nguyễn Duy.

Hướng dẫn chấm cụ thể

I.ĐỌC HIỂU

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**3,0**
	1	Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp với biểu cảm.	0,75
	2	Từ "lảo đảo" gợi tả chân thực và sinh động hình ảnh cô đồng trong trạng thái nhập đồng nửa tỉnh, nửa say; từ "thập thững" gợi tả hình ảnh người bà già nua, tần tảo bước thấp, bước cao trong trí nhớ của tác giả.	0,75
	3	* Sự vô tâm của người cháu được thể hiện rõ qua câu thơ "*Tôi đâu biết bà tôi cơ cực thế*".	1,0
		* Nỗi vất vả của người bà được thể hiện qua biện pháp liệt kê các công việc của bà "*mò cua, xúc tép, đi gánh chè xanh*"; các địa danh "*Ba Trại, Quán Cháo, Đồng Dao*" và	

		qua hình ảnh người bà "thập thững" trong những đêm đông lạnh. □ Người cháu trong đoạn thơ đã thể hiện tình yêu thương sâu sắc và lẫn niềm ân hận về sự vô tình, vô tâm đối với bà qua những hình ảnh tương phản đối lập giữa một bên là người cháu tinh nghịch, hiếu động với một bên là người bà già nua, cơ cực, tần tảo, chắt chiu, thương cháu hết lòng.	
	4	*Có thể trình bày một trong các thông điệp sau:* * Sống trong đời sống, dù trong hoàn cảnh nào cũng không nên sống vô tình, vô tâm. * Hãy sống và quan tâm đến những người xung quanh mình, nhất là những người thân. * Sống hãy biết ăn năn và cảnh tỉnh sau những lỗi lầm. * Lỗi lầm vì vô tình vô tâm là khó tránh khỏi trong đời. Điều quan trọng là hãy biết cảnh tỉnh.	0,5

II.VIẾT

Câu 1.

	1	Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) chia sẻ câu trả lời của anh/chị cho câu hỏi ***về hạnh phúc:*** *"Là đem đến niềm vui cho người khác? Hay chính là sự hài lòng của riêng bản thân mình?"*	**2,0**
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn nghị luận 200 chữ Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, song hành hoặc móc xích...	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: chia sẻ suy nghĩ của bản thân về hạnh phúc: Là đem đến niềm vui cho người khác? Hay chính là sự hài lòng của riêng bản thân mình?	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận Trên cơ sở những hiểu biết về đoạn trích ở phần Đọc hiểu, HS có thể trình bày suy nghĩ theo nhiều cách nhưng phải hợp lí, có sức thuyết phục. *Có thể theo hướng sau:* **- Giải thích:** *** Giải thích:** Hạnh phúc là niềm vui, sự hài lòng khi con người đạt được những điều tốt đẹp. *** Bình luận:** Khẳng định quan niệm trong hai câu hỏi đều đúng:	1,0

		* Hạnh phúc là đem đến niềm vui cho người khác, bởi ta vui khi mình sống đẹp, sống có ích, biết vị tha, làm được điều tốt	

		đẹp cho người khác, giúp người khác hạnh phúc. * Hạnh phúc là sự hài lòng của riêng bản thân mình, khi ta đạt được những nhu cầu, khát vọng chính đáng của bản thân, tạo ra được những thành quả tốt đẹp, nâng cao giá trị sự sống. **Bài học nhận thức:** đem đến niềm vui cho người khác và bản thân được hài lòng – thì hạnh phúc mới trọn vẹn, ý nghĩa. * Phê phán: suy nghĩ, cách sống vị kỉ, chỉ biết tới hạnh phúc riêng…	
		d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ	0,25

Câu 2.

2	***Viết bài văn Nghị luận văn học***	**5,0**
	a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận:Trình bày đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Phần mở bài: biết dẫn dắt hợp lý nêu được vấn đề; phần thân bài: biết tổ chức thành nhiều đoạn văn, liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần kết bài: khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.	0,25
	c. Triển khai vấn đề thành các luận điểm: vận dụng các thao tác lập luận, có sự kết hợp giữa các lí lẽ và dẫn chứng. Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo các hướng sau:	
	1.Giải thích: **1.1. Ý nghĩa nhận định** - *Câu thơ hay*: là câu thơ có giá trị, đưa đến những rung cảm mãnh liệt cho người đọc. - *Đánh thức*: làm sống dậy, thức tỉnh - *Bao ấn tượng vốn ngủ quên trong kí ức của con người*: những cảm xúc, những rung động mãnh liệt… về cuộc sống, về con người trong miền kí ức của mỗi người. => Ý kiến của nhà phê bình Chu Văn Sơn đưa ra một định nghĩa riêng về thơ hay. Đó là: Mỗi câu thơ thực giá trị phải là câu thơ có khả năng làm sống dậy những ấn tượng, cảm xúc, rung động, những nhận thức … về cuộc sống, con người (mà chủ yếu là những điều đẹp đẽ, cao cả, nhân văn…)vốn có trong mỗi người đọc nhưng bị thời gian, bị cuộc sống xô bồ làm cho lãng quên, chai sạn, vùi lấp.. **1.2. Bàn luận** - Sứ mệnh của thơ không đơn thuần là để thỏa mãn nhu cầu giải trí mà còn là thức tỉnh con người khỏi những lầm lạc, u mê, hướng người	0,5

đọc về cái đích của chân, thiện, mĩ. Khi đánh thức được bao ấn tượng vốn ngủ quên trong kí ức của con người đồng nghĩa với việc thơ ca sẽ giúp con người tìm lại được chính mình. Hơn thế, với việc đánh thức này, thơ ca sẽ giúp người đọc tiếp cận tác phẩm bằng tất cả rung động, trải nghiệm của mình, từ đó khơi gợi quá trình đồng sáng tạo trong mỗi người đọc. - Để đánh thức được những ấn tượng đó chứng tỏ nhà thơ phải thực sự thấu hiểu về cuộc đời và con người, những gì nhà thơ viết ra thân thuộc với mọi người nhưng cách viết lại ấn tượng để đọc xong người đọc có thể bừng sáng và nhận ra một ấn tượng nào đó về cuộc đời. Đó là phẩm chất cần có, thể hiện cả tài năng và tâm huyết của nhà thơ. **2. Chứng minh**: *** Giới thiệu tác giả, tác phẩm** - Nguyễn Duy tên khai sinh là Nguyễn Duy Nhuệ, sinh năm 1948, quê ở Thanh Hóa. Thơ Nguyễn Duy có sự kết hợp hài hòa giữa cái duyên dáng, trữ tình với chất thế sự đậm đặc. Ông đã góp phần làm mới thể lục bát bằng những tìm tòi theo hướng hiện đại. - *Đò Lèn* được viết năm 1983, trong một dịp nhà thơ trở về quê hương, sống với những hồi ức đan xen nhiều buồn vui thời thơ ấu. *** Luận điểm 1**: ***Đò Lèn* là dòng hồi ức được đánh thức trong thẳm sâu tâm hồn thi sĩ.** - Đó là dòng hồi ức gắn với tuổi thơ trong trẻo đầy lam lũ, gắn với cả những biến cố dữ dội, tàn khốc của chiến tranh. *Học sinh lấy dẫn chứng từ tác phẩm, phân tích để làm rõ kí ức tuổi thơ đầy ắp những trong sáng: ra cống Na câu cá, níu váy bà đi chợ Bình Lâm, ăn trộm nhãn…; nhiều những thiếu thốn: năm đói, củ dong riềng luộc sượng; nhiều những mất mát: bom Mỹ dội…* - Dòng hồi ức của cháu còn đọng lại ở hình ảnh người bà tần tảo, hết lòng vì con cháu và sáng ngời những phẩm chất đáng quý. *Học sinh lấy dẫn chứng trong tác phẩm, phân tích, chỉ rõ những lam lũ bà trải qua: bà mò cua xúc tép ở đồng Quan, bà đi gánh chè xanh Ba Trại, bán trứng ở ga Lèn… Và với cháu, bà là một phần của tuổi thơ cháu, thân thương và gắn bó, bà hiền lành, tâm hồn bà đôn hậu,thánh thiện. Sống trong tình thương ấp ủ của bà, cháu mới thấu hiểu được tấm lòng, tâm hồn của bà.* → Trước người bà giản dị, lam lũ mà tràn đầy tình yêu thương con cháu, tràn đầy nghị lực cao cả; người cháu vừa rất mực yêu quý và trân trọng bà. Bà là hiện thân của đức hi sinh, chịu thương chịu khó của người phụ nữ Việt Nam. - *Hồi ức trong cháu được đánh thức còn gắn với sự thức tỉnh muộn màng của cháu.* *Học sinh lấy dẫn chứng trong tác phẩm, phân tích để làm rõ nỗi xúc động của đứa cháu khi đứng trước mộ bà.* *** Luận điểm 2: Từ *ấn tượng vốn ngủ quên* được đánh thức nơi tâm hồn thi sĩ, *Đò Lèn* đã đánh thức *ấn tượng vốn ngủ quên* đầy**	0,25 0,25 0,25 0,25 1,5 0,25 0,75

	tính nhân văn trong lòng độc giả. Kí ức ngủ quên, tình cảm ngủ quên đã được khơi dậy và lan tỏa đến độc giả, để biết bao độc giả tìm lại tuổi thơ mình, người thân yêu của mình và cả những giá trị đẹp đã trót lãng quên. *Học sinh khai thác những rung cảm, suy nghĩ của bản thân khi đọc bài thơ.* *** Luận điểm 3: *Đò Lèn* đã *đánh thức biết bao ấn tượng vốn ngủquên* nhờ hình thức nghệ thuật đặc sắc.** - Thể thơ tám chữ, không viết hoa chữ cái đầu - Ngôn ngữ, hình ảnh giản dị, gần gũi - Giọng điệu chân thành - Sử dụng nghệ thuật đối lập… **3. Đánh giá chung, mở rộng** - Khẳng định quan niệm của Chu văn Sơn là hoàn toàn đúng đắn và bài thơ *Đò Lèn* là một bài thơ thực sự có giá trị với nhiều câu thơ hay, gây cảm xúc mạnh mẽ đối với người đọc. - Quan niệm về thơ hay, ngoài *đánh thức được những ấn tượng vốn ngủ quên* còn phải chú ý tới việc lựa chọn, tổ chức, sắp xếp ngôn từ, hình ảnh… - Bài học dành cho người sáng tác và người tiếp nhận: Người sáng tác cần đi sâu vào cuộc sống để có thể nắm bắt và ghi lại những ấn tượng nhân văn; để từ đó đánh thức, gợi về trong mỗi người đọc những kí ức đẹp đẽ, trong trẻo. Với người tiếp nhận, cần trân trọng khi thưởng thức mỗi câu thơ hay, mỗi ý thơ để tìm thấy kí ức đẹp của chínình.	1,0 0,25 0,25 0,5
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.	0,25

ĐỀ 57

I.PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Kể ra: thích cho người sống mà ghét việc giết người, đó là một người tướng có nhân nghĩa; xét biết thời cơ mà lượng sức mình là một người tướng có tri thức. Ta kính vâng mệnh trời, lấy đại nghĩa chuyên việc đánh dẹp, nghĩ đến cơ đồ tổ tông bị nguy đổ, thương nỗi đời sống nhân dân phải lầm than, đánh thành lấy đất không giết một người. Cho nên đánh đông dẹp tây, không nơi nào không phục.

Thành Xương Giang nhỏ mọn kia dám chống lại mệnh trời, ta nổi giận đi đánh, nghĩa nên phải thế, sự không được đừng. Nhưng đem sức Thái Sơn đè bẹp quả trứng, sức không chịu được bao lâu; lấy lửa đỏ rực đốt cháy lông gà, thế khó đương được chốc lát. Lấy thuận mà đánh kẻ nghịch, lo gì không phải theo; lấy mạnh mà đánh kẻ yếu, lo gì không đánh được. Vậy mà ta còn lấy lời nói chăm chăm hiểu dụ, bởi vì nhân mạng trong thành là hệ trọng nên không nỡ làm cho thương tổn. Vả lại các xứ Tân Bình, Diễn Châu, Nghệ An, Thuận Hóa thành không phải là không cao, hào không phải là không sâu, thóc không phải là không nhiều, binh không phải là không giỏi, thế

mà đô đốc họ Thái cùng các quan đều bỏ thành ra hàng, đem quân theo mệnh, vì họ hiểu rõ việc thành hay bại đều có mệnh trời nên không dám trái. Bọn các ngươi nếu biết trên xét thời trời, dưới suy việc người thì có thể giữ được vị lộc (vị trí và bổng lộc) đến vô cùng, khỏi để nhân dân một thành bị chém giết; lũ các ngươi được là người trí thức mà ta cũng không mất tiếng là một tướng có nhân nghĩa. Nếu mà cứ mê muội không hiểu biết gì, thì đến ngày thành bị hạ, ngọc đá không phân biệt, không phải là ta làm cho bạo ngược bừa bãi, mà là tự lũ các người làm ra tội nghiệt đó thôi. Đó thực là lúc còn mất nguy cấp đấy, nên tính cho kĩ, chớ để hối về sau. Thư nói không hết lời.

(*Thư dụ hàng các tướng sĩ trong thành Xương Giang,* Nguyễn Trãi, in trong *Nguyễn Trãi toàn tập,* Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1976)

Thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của văn bản? (0,5 điểm)

Câu 2. Nêu luận đề của văn bản? (0,5 điểm)

Câu 3. Văn bản trên có thể được chia làm mấy phần? Nêu nội dung chính của từng phần? (1,0 điểm)

Câu 4. Phân tích sức thuyết phục của nghệ thuật lập luận được thể hiện ở văn bản trên? (1,0 điểm)

Câu 5. Văn bản trên giúp anh/ chị rút ra được bài học gì cho cuộc sống của bản thân? Lí giải? (1,0 điểm)

PHẦN VIẾT (6,0 điểm) Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về sự cần thiết phải biết nắm bắt cơ hội trong cuộc sống.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích hình tượng người mẹ được thể hiện trong đoạn thơ sau:

Con bị thương, nằm lại một mùa mưa
Nhớ dáng mẹ ân cần mà lặng lẽ
Nhà yên ắng, tiếng chân đi rất nhẹ,
Gió từng hồi trên mái lá ùa qua.
[...]
Con xót lòng, mẹ hái trái bưởi đào
Con nhạt miệng, có canh tôm nấu khế
Khoai nướng, ngô bung, ngọt lòng đến thế
Mỗi ban mai toả khói ấm trong nhà.
Ba con đầu đi chiến đấu nơi xa
Tình máu mủ mẹ dồn con hết cả,
Con nói mơ những núi rừng xa lạ
Tỉnh ra rồi, có mẹ, hoá thành quê!

(Trích *Mẹ*, Bằng Việt23, in trong *Tác phẩm chọn lọc*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2010)

* Bằng Việt, tên khai sinh Nguyễn Việt Bằng, sinh năm 1941, quê ở Thạch Thất, Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Ông làm thơ từ đầu những năm 60 của thế kỉ XXvà thuộc lớp nhà thơ trẻ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Thơ Bằng Việt trong trẻo, mượt mà, tràn đầy cảm xúc. Đề tài thơ thường đi vào khai thác những kỉ niệm, những kí ức thời thơ ấu và gợi những ước mơ tuổi trẻ.

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4,0**
	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận.	0,5
	2	Luận đề của văn bản: Thuyết phục tướng sĩ thành Xương Giang ra hàng.	0,5
	3	Văn bản có thể được chia làm 2 phần: – Phần 1: Nêu lí lẽ khái quát về một người làm tướng có nhân nghĩa và tri thức. – Phần 2: Phân tích cho tướng giặc thấy sức mạnh của ta và thế yếu của kẻ thù, từ đó khuyên dụ kẻ thù mở thành đầu hàng.	1,0
	4	Phân tích sức thuyết phục của nghệ thuật lập luận được thể hiện ở văn bản: – Mở đầu bức thư, Nguyễn Trãi đã đưa ra những lí lẽ khái quát về việc một tướng lĩnh cần biết nhân nghĩa, biết thời thế. Từ đó tác giả khẳng định: quân ta vì biết theo nhân nghĩa, biết thuận thời thế nên đánh đâu thắng đó. Đây chính là cơ sở lí luận để ông triển khai luận điểm tiếp theo. – Ở luận điểm thứ hai: Nguyễn Trãi chỉ cho tướng giặc thấy rõ sức mạnh và sự tất thắng của quân ta nếu đánh thành: + Ta là đạo quân chính nghĩa, thuận theo mệnh trời. + Thế trận của ta mạnh hơn địch rất nhiều: *đem sức Thái Sơn đè bẹp quả trứng, sức không chịu được bao lâu; lấy lửa đỏ rực đốt cháy lông gà, thế khó đương được chốc lát. Lấy thuận mà đánh kẻ nghịch, lo gì không phải theo; lấy mạnh mà đánh kẻ yếu, lo gì không đánh được.* Nhân đó, Nguyễn Trãi lí giải vì sao ta không đánh thành, đó là vì nhân nghĩa chứ không phải vì sợ giặc: *+ bởi vì nhân mạng trong thành là hệ trọng nên không nỡ làm cho thương tổn.* *+ khỏi để nhân dân một thành bị chém giết.*	1,0

		Cùng với việc phân tích lí lẽ cho tướng giặc hiểu, Nguyễn Trãi cũng phân tích cho tướng giặc thấy những lợi ích có được nếu ra hàng: *Bọn các ngươi nếu biết trên xét thời trời, dưới suy việc người thì có thể giữ được vị lộc (vị trí và bổng lộc) đến vô cùng, khỏi để nhân dân một thành bị chém giết; lũ các ngươi được là người trí thức mà ta cũng không mất tiếng là một tướng có nhân nghĩa.*	

		Đồng thời, ông cũng đưa ra cảnh báo nghiêm khắc đối với bọn giặc nếu chúng không chịu đầu hàng: *Nếu mà cứ mê muội không hiểu biết gì, thì đến ngày thành bị hạ, ngọc đá không phân biệt, không phải là ta làm cho bạo ngược bừa bãi, mà là tự lũ các ngươi làm ra tội nghiệt đó thôi. Đó thực là lúc còn mất nguy cấp đấy, nên tính cho kĩ, chớ để hối về sau.* ð Lời lẽ trong bức thư rất kín kẽ, lí lẽ khó bề bác bỏ; giọng điệu lúc nhẹ nhàng, lúc mạnh mẽ, cứng rắn.	
	5	Học sinh được tự do rút ra bài học, miễn là có lí giải thuyết phục. Tham khảo: – Bài học: cần biết sống nhân nghĩa. – Lí giải: sống nhân nghĩa giúp con người không làm tổn hại đến người khác, được trời người đồng lòng giúp đỡ, có được cuộc sống thanh thản, hạnh phúc.	1,0
II		**VIẾT**	**6,0**
	1	**Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về sự cần thiết phải biết nắm bắt cơ hội trong cuộc sống.**	***2,0***
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Suy nghĩ về sự cần thiết phải biết nắm bắt cơ hội trong cuộc sống.	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận Sau đây là một số gợi ý: – Cơ hội có khi chỉ đến một lần trong đời, và một khi đã trôi qua, có thể ta sẽ bỏ lỡ nó mãi mãi. – Bởi vậy, việc biết nắm bắt cơ hội là rất quan trọng, giúp mở ra những con đường mới, giúp ta rút ngắn thời gian nỗ lực, giúp ta sớm đạt được mục đích của mình. – Tuy nhiên, để nắm bắt được cơ hội, chúng ta cần luôn có sự chuẩn bị sẵn sàng, cần dũng cảm, chủ động khi thời cơ đến.	0,5
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. – Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu	0,5

		biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	
		đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25

	2	**Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích hình tượng người mẹ được thể hiện trong đoạn thơ.**	***4,0***
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận văn học.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết – Xác định được các ý chính của bài viết – Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: 1. Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm và nêu vấn đề nghị luận: – Giới thiệu tác giả, tác phẩm: Bằng Việt thuộc lớp nhà thơ trẻ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Thơ Bằng Việt trong trẻo, mượt mà, tràn đầy cảm xúc. Đề tài thơ thường đi vào khai thác những kỉ niệm, những kí ức thời thơ ấu và gợi những ước mơ tuổi trẻ. *Mẹ* là bài thơ được Bằng Việt viết trong giai đoạn kháng chiến chống Mĩ, là một trong những bài thơ tiêu biểu của ông. Đoạn thơ ở đề bài được trích ra từ bài thơ này. – Nêu vấn đề nghị luận: Cảm nhận về hình tượng người mẹ trong đoạn thơ. 2. Triển khai vấn đề nghị luận: Hình tượng người mẹ được nhà thơ tái hiện qua dòng hồi ức ngọt ngào, da diết. Đó là kỉ niệm về một mùa mưa, tác giả bị thương phải nằm lại trong ngôi nhà của một người mẹ miền Nam. – Cái đầu tiên hiện lên trong kí ức nhà thơ chính là hình dáng người mẹ: hình dáng *ân cần mà lặng lẽ.* Nó cho ta thấy được sự lo lắng, tình yêu thương của người mẹ dành cho đứa con xa lạ: vì yêu thương, lo lắng cho người con chiến sĩ, mẹ đã luôn bên cạnh để chăm lo, lại sợ đứa con giật mình tỉnh giấc nên mẹ luôn lặng lẽ, bước chân cũng nhẹ nhàng.	1,0

		– Người mẹ còn tận tình lo cho người chiến sĩ từng bữa ăn. Sự quan tâm của mẹ thật kịp thời, và luôn luôn làm sao để cho người con cảm thấy hài lòng nhất: *Con xót lòng, mẹ hái trái bưởi đào/ Con nhạt miệng, có canh tôm nấu khế.* Mọi thức ăn của nhà quê mà mẹ có, người mẹ đều dành cho đứa con xa lạ: *khoai nướng, ngô bung.* Người chiến sĩ cảm thấy thật *ngọt lòng,* cái ngọt đó vừa là của vị giác, cũng là cái ngọt ngào mà người con cảm nhận được từ tấm lòng yêu thương của người mẹ miền Nam. Chính tình thương của mẹ đã làm cho căn nhà ấm áp, tình mẹ như bếp lửa, như ngọn khói sưởi ấm căn nhà, sưởi ấm lòng người con mỗi sớm mai. – Dù người mẹ và người chiến sĩ mới chỉ gặp gỡ lần đầu, nhưng người mẹ đã chăm sóc người chiến sĩ như người con ruột thịt của mình. Mẹ cũng có ba người con đi chiến đấu phương xa, nên đối với mẹ, mọi người chiến sĩ đều là những đứa con ruột rà của mẹ: *Tình máu mủ mẹ dồn con hết cả.* Chính tình yêu thương ấy đã làm cho người con cảm thấy như đang ở nhà của mình. Tình thương của mẹ đã làm cho đất lạ hóa thành quê hương. – Bài thơ là một hồi ức ngọt ngào và da diết về tình quân dân, về tình cảm của những người mẹ miền Nam dành cho người chiến sĩ trong công cuộc vệ quốc vĩ đại.	

ĐỀ 58

I.ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Tôi thích mình là một cái cây

(Thanh Thảo)

(…)

tôi ước mình là một cái cây
thi thoảng có chim tới hót
con chim sâu bé bỏng nhảy nhót
chẳng cần biết thế giới ra sao
một cái cây xanh đến từng chiếc lá
buổi sớm tỏa dưỡng khí
ban đêm hứng ánh trăng
một cái cây lang thang
dù đứng im một chỗ
những ngày rồi qua những người rồi xa
cái cây rung khẽ từng chiếc lá
chúng ta là ai chúng ta về
chờ mãi cơn mưa rào rất lạ
nắng gay gắt cứ như cáu gắt
cây lá nhỏ nép mình chật vật

chúng ta là ai xanh được bao lâu
lặng im lá vàng rơi chạm đất

(*Trích "Chờ mãi cơn mưa rào – Rất lạ"*, Thanh Thảo, NXB HNV, 2019, tr.293, 294)

Thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 5:

Câu 1. **(0,5 điểm)** Xác định nhân vật trữ tình trong đoạn thơ trên.

Câu 2. (0,5 điểm) Chỉ ra những từ ngữ mô tả cái cây mà tác giả ao ước trở thành.

Câu 3. **(1,0 điểm)** Phân tích hiệu quả của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

buổi sớm tỏa dưỡng khí
ban đêm hứng ánh trăng
một cái cây lang thang
dù đứng im một chỗ

Câu 4. (1,0 điểm) Nhận xét về ao ước của tôi qua các dòng thơ dưới đây:

tôi ước mình là một cái cây
thi thoảng có chim tới hót
con chim sâu bé bỏng nhảy nhót
chẳng cần biết thế giới ra sao

Câu 5. (1,0 điểm) Qua văn bản trên, hãy nêu một thông điệp anh/ chị thấy có ý nghĩa nhất với cuộc sống hôm nay và giải thích lý do tại sao.

PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm). Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của anh/chị về nhân vật người cha trong đoạn trích sau:

Tuy có ca thán về cha, nhưng chị Mai thương cha vô cùng. Cái dạo chị mới năm sáu tuổi, cha về phép. Một cái khung xe đạp, một con búp bê tóc vàng, vài mảnh vải cho vợ con; vậy mà cả nhà vẫn đầm ấm, hạnh phúc, vui vẻ. Cha rất quý con gái. Ngày ấy, gia đình tôi chưa chuyển lên Hà Nội ở. Chiều chiều, cha tôi dẫn con gái đi dọc triền đê nhìn đồng quê sông nước. Hình ảnh cha vận sắc phục nhà binh, đeo quân hàm đỏ chói, bàn tay to dầy thô dắt đứa con gái nhỏ bé lích chích đi tha thẩn, nhàn hạ, thanh bình trên triền đê đầy hoa cỏ may cứ đi theo chị tôi suốt tuổi thơ đến bây giờ. Nhưng, ám ảnh, sợ hãi nhất là khi cha khoác ba lô trả phép. Ngày ấy, bên chiến trường Campuchia đánh bọn Pôn Pốt vẫn đang ác liệt. Cha phải đi, bên ấy có nhiều việc đang chờ. Con gái và cha vừa ấm hơi, quen nhau thì cha đã ra đi. Cha không muốn mẹ đưa ra tận ga tàu, cha sợ những giọt nước mắt sụt sùi. Mẹ và chị tôi tiễn chân cha ra đầu làng. Cha âu yếm nhìn vợ, rồi ôm hôn con gái, cha bảo mẹ tôi: "Em và con về đi". Cha thả con gái xuống và quay lưng rảo bước, những bước chân dài đạp trên đá mạt rào rạo, vội vã, thỉnh thoảng quay lại vẫy vẫy tay. Bỗng chị tôi khóc thét lên và cùn cụt chạy theo cha. Cha tôi quay lại ôm choàng lấy con gái. Nước mắt chị tôi nhoen nhoét vào gương mặt dãi dầu từng trải của cha. Mẹ tôi bảo: "Hay anh ở lại, mai hãy đi". Cha tôi bảo: "Em đừng buồn. Anh mà ở lại thì anh không đi được nữa. Thôi nào con, cho bố đi nào". Cha chuyền tay trao con gái cho vợ rồi quay gót. Lần này, bước chân ông quả quyết, thật nhanh, không ngoái đầu nhìn lại. Mẹ và chị tôi thầm thũi khóc nhìn bóng cha tôi cứ xa dần, mờ dần.

(*Trích "Cha tôi"*, Sương Nguyệt Minh, vannghe.ninhbinh.gov.vn)

Câu 2. (4,0 điểm) *"Tuổi trẻ không có lí tưởng giống như buổi sáng không có mặt trời."* (Bi-ê-lin-xki)

Từ nhận định trên, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về vai trò của lí tưởng sống đối với tuổi trẻ.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4,0**
	1	*Hướng dẫn chấm:* Nhân vật trữ tình là Tôi.	0,5
	2	*Hướng dẫn chấm:* Những từ ngữ mô tả cái cây mà tác giả ao ước trở thành: xanh đến từng chiếc lá, thi thoảng có chim đến hót, lang thang dù đứng im một chỗ, lá nhỏ khép mình chật vật.	0,5
	3	– Một biện pháp tu từ được sử dụng ở bốn dòng thơ Nhân hóa: hứng ánh trăng, cái cây lang thang – Tác dụng: + Khắc họa hình ảnh cái cây rất sống động, có hồn, có trạng thái như con người. Cái cây dường như cũng có tâm hồn phóng khoáng, biết tận hưởng cái đẹp của thiên nhiên. + Gợi tả vẻ đẹp tâm hồn tác giả lãng mạn, yêu tự do. + Làm cho câu thơ thêm hấp dẫn, giàu tính gợi hình và biểu cảm; đồng thời ta thấy được sự tinh tế của tác giả trong việc lắng nghe vạn vật xung quanh. (HS nêu biện pháp đối, liệt kê, chỉ ra và phân tích tác dụng hợp lí vẫn cho điểm).	1,0
	4	Học sinh có thể diễn đạt nhiều cách khác nhau, gợi ý: – Ao ước của nhân vật tôi: + Ao ước trở thành một cái cây để thỉnh thoảng có chim sâu đến hót – Nhận xét: + Ao ước của tôi thể hiện khát vọng sống bình yên, giản dị. + Đó cũng là khát vọng hòa mình vào tự nhiên, chan hoà với vạn vật.	1,0
	5	Học sinh có thể rút ra thông điệp khác nhau, miễn là bám vào câu chữ và hợp lý. – Có thể lựa chọn một trong các thông điệp sau: + Sống bình yên, giản dị. + Sống hòa mình vào thiên nhiên. + Phải biết ý thức thời gian đời người hữu hạn để sống có ý nghĩa. + Phải biết trăn trở về ý nghĩa sự tồn tại của mình. … – Giải thích hợp lý, thuyết phục.	1,0

II		**VIẾT**	**6,0**
	1	**Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của anh/chị về nhân vật người cha trong đoạn trích**	***2,0***
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Vẻ đẹp của người cha trong đoạn trích.	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận Xác định được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề cần nghị luận. Sau đây là một số gợi ý: – Hình ảnh người cha: + Là người chiến sĩ trải qua bao thử thách nơi chiến trường ác liệt, cha luôn tự hào và gắn bó với màu áo lính. + Giàu tình yêu thương, luôn dành cho con những điều tốt nhất, quan tâm, chăm sóc con, bịn rịn với gia đình trong ngày chia xa. + Yêu nước, sống có trách nhiệm với Tổ quốc, sẵn sàng chiến đấu, hi sinh vì đất nước. – Nghệ thuật khắc họa nhân vật: + Người cha được khắc họa nhờ ngôn ngữ dịu dàng với vợ con, hành động đầy tình cảm. – Sắp xếp hệ thống ý hợp lý theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn nghị luận	0,5
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: …… – Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. – Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý lẽ và dẫn chứng.	0,5
		đ. Diễn đạt *Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn*	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn	0,25

		đạt mới mẻ.	
	2	***"Tuổi trẻ không có lí tưởng giống như buổi sáng không có mặt trời."* (Bi-ê-lin-xki)** **Từ nhận định trên, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về vai trò của lí tưởng sống đối với tuổi trẻ.**	***4,0***
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: về vai trò của lí tưởng sống đối với tuổi trẻ	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết – Xác định được các ý chính của bài viết – Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. Triển khai vấn đề nghị luận: – Giải thích: + Lí tưởng sống là suy nghĩ tích cực hướng đến những điều tốt đẹp và cao cả, định hướng hành động tích cực của mỗi người. – Bàn luận: + Lí tưởng sống là mặt trời soi sáng, chỉ đường để tuổi trẻ sống có ý nghĩa, hoàn thiện nhân cách và xác định được mục tiêu đúng đắn của cuộc đời. + Lí tưởng sống giúp tuổi trẻ có thêm động lực phấn đấu vươn lên. + Có lí tưởng, tuổi trẻ sẽ sống hết mình để thực hiện đam mê, có tinh thần sáng tạo và chủ động trong cuộc sống. + Lí tưởng sống là một trong những yếu tố giúp tuổi trẻ thực hiện ước mơ của bản thân, gặt hái thành công. + Sống có lí tưởng sẽ khiến tinh thần luôn phấn chấn, lạc quan, suy nghĩ tích cực… – Mở rộng, trao đổi quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện… – Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân.	1,0
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Triển khai được các ý để làm rõ quan điểm cá nhân – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.	1,5

		– Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý lẽ và dẫn chứng.	
		đ. Diễn đạt *Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.*	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			10,0

ĐỀ 59

I. ĐỌC – HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Hôn mảnh đất quê hương

"*Tôi cúi xuống hôn mảnh đất quê hương*
Như hôn người yêu sau ngày xa cách
Tôi không khóc nhưng vẫn trào nước mắt
Con đã về đây với mẹ – Mẹ quê hương!
Thanh Quýt Giáp Năm(1) *ruộng đồng xơ xác*
Đầu con đau dưới nắng chan chan
Giếng đã cạn môi người khao khát
Quê hương dòng sữa mẹ tuôn tràn.
Đất hỡi đất! Người vẹn lòng yêu nước
Viên đạn bây giờ cày lên viên đạn năm xưa
Chiếc áo màu xanh dù rách nát
Vẫn hiền hoà đùm bọc mẹ sớm trưa.
Vẫn nguyên vẹn một màu xanh xứ sở
Như mắt ai xanh tự thuở ban đầu
Sông Thu Bồn ơi! Ta nghe người đương thở
Vỗ triền miên gội tóc những nương dâu.
(...)
Ấp chiến lược đám mây đen che phủ
Lòng xót xa quặn cháy mái nhà rơm
Mẹ lom khom vịn vào vai núi
Chúng con đi mờ khuất dãy Trường Sơn.
Tôi cúi xuống hôn mảnh đất quê hương
Như hôn người yêu sau ngày xa cách
Tôi không khóc nhưng bỗng trào nước mắt
Con đã về với mẹ quê hương".

La Thọ(1), 2-1962

(**Thu Bồn**, Trích tập ***Tre xanh***, 1970)- ***Nguồn: thivien.net***

CHÚ THÍCH: Nhà thơ Thu Bồn tên thật là Hà Đức Trọng sinh ngày 1-12-1935 tại xã Điện Thắng, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Từ tháng 9-1947, gia nhập Thiếu sinh quân, rồi vào bộ đội chính quy, chiến đấu ở chiến trường Tây Nguyên. Năm 1955, tập kết ra Bắc học tập, làm việc. Năm 1960, trở lại chiến trường, làm phóng viên tại Quân khu V và Tây Nguyên. Sau năm 1975, ông tiếp tục hoạt động văn nghệ. Ông mất ngày 17-6-2003 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Thanh Quýt Giáp Năm, La Thọ: địa danh ở quê hương tác giả.

Câu 1: Văn bản được sáng tác theo thể thơ nào? Xác định nhân vật trữ tình của văn bản. (0,5đ)

Câu 2: Tìm các từ ngữ, hình ảnh miêu tả mảnh đất quê hương trong các khổ thơ 2 và 3? Qua đó em hãy nhận xét về mảnh đất quê hương hiện lên ở đây. (1,0đ).

Câu 3: Phát hiện và phân tích hiệu quả của một biện pháp tu từ có trong các câu thơ sau: (1,0đ)

"Tôi cúi xuống hôn mảnh đất quê hương
Như hôn người yêu sau ngày xa cách
Tôi không khóc nhưng bỗng trào nước mắt
Con đã về với mẹ quê hương".

Câu 4: Chỉ ra và phân tích yếu tố tượng trưng có trong hai câu thơ: (1,0đ)

"Sông Thu Bồn ơi! Ta nghe người đương thở
Vỗ triền miên gội tóc những nương dâu".

Câu 5: Đoạn thơ đã gợi cho em những cảm nhận gì về ý nghĩa của quê hương đối với mỗi người (viết đoạn văn từ 10-15 dòng). (1,5đ)

II.VIẾT (5,0 điểm)

Em hãy viết bài văn phân tích vẻ đẹp độc đáo về nội dung và hình thức của đoạn thơ sau:

Đường về quê mẹ

"U tôi ngày ấy mỗi mùa xuân,
Dặm liễu mây bay sắc trắng ngần,
Lại dẫn chúng tôi về nhận họ
Bên miền quê ngoại của hai thân.

Tôi nhớ đi qua những rặng đề,
Những dòng sông trắng lượn ven đê.
Cồn xanh, bãi tía kề liên tiếp,
Người xới cà, ngô rộn bốn bề.

Thúng cắp bên hông, nón đội đầu,
Khuyên vàng, yếm thắm, áo the nâu
Trông u chẳng khác thời con gái
Mắt sáng, môi hồng, má đỏ au.
(...)
Tới đường làng gặp những người quen.
Ai cũng khen u nết thảo hiền,
Dẫu phải theo chồng thân phận gái
Đường về quê mẹ vẫn không quên."
1942

(Đoàn Văn Cừ, Trích tập "**Thôn ca**"- 1944)

CHÚ THÍCH: Đoàn Văn Cừ (25/3/1913 – 27/6/2004) sinh ở thôn Đô Đò, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định trong một gia đình nông dân. Trước Cách mạng tháng Tám, ông dạy học, tham gia phong trào công nhân Nhà máy sợi Nam Định năm 1936. Ông tham gia phong trào Thơ mới với bút pháp tả chân mang đậm chất lãng mạn, sở trường viết về cảnh trí và đời sống thôn quê.

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. ĐỌC – HIỂU:		**5,0 điểm**
Câu 1: *Văn bản được sáng tác theo thể thơ nào? Xác định nhân vật trữ tình của văn bản.*		**0,5đ**
	– Thể thơ: tự do – Nhân vật trữ tình: "*tôi, con, chúng con* – tác giả (người con trở về quê hương)	0.25 0,25
Câu 2: *Tìm các từ ngữ, hình ảnh miêu tả mảnh đất quê hương trong các khổ thơ 2 và 3? Qua đó em hãy nhận xét về mảnh đất quê hương hiện lên ở đây.*		**1,0đ**
	· Từ ngữ, hình ảnh: "*Thanh Quýt Giáp Năm(1) ruộng đồng xơ xác", "nắng chan chan"*, "*Giếng đã cạn", "Quê hương dòng sữa mẹ tuôn tràn",* "*Viên đạn bây giờ cày lên viên đạn năm xưa", "Chiếc áo màu xanh dù rách nát/ Vẫn hiền hoà đùm bọc mẹ sớm trưa".*	0,5
	a. * Nhận xét: b. – Quê hương tan tác, tiêu điều vì bị tàn phá, hủy diệt trong chiến tranh c. – Quê hương thân thuộc, giàu tình nghĩa, sức sống…	0,5
Câu 3: *Phát hiện và phân tích hiệu quả của một biện pháp tu từ có trong các câu thơ sau:* *"Tôi cúi xuống hôn mảnh đất quê hương* *Như hôn người yêu sau ngày xa cách* *Tôi không khóc nhưng bỗng trào nước mắt* *Con đã về với mẹ quê hương*".		**1,0đ**
	– Biện pháp tu từ: So sánh "*Tôi cúi xuống hôn mảnh đất quê hương như hôn người yêu sau ngày xa cách"* – Hiệu quả nghệ thuật: + Nhấn mạnh niềm hạnh phúc, trân trọng của tác giả khi gặp lại mảnh đất quê hương sau bao ngày xa cách…. + Thể hiện tình yêu chân thành, sâu sắc, thủy chung của tác giả đối với quê hương… + Giúp các câu thơ, hình ảnh thơ thêm sinh động, hấp dẫn….. – HS có thể lựa chọn và phân tích các BPTT khác: lặp từ, lặp cấu trúc, ẩn dụ…	0,25 0,75
Câu 4: Chỉ ra và phân tích yếu tố tượng trưng có trong hai câu thơ: "*Sông Thu Bồn ơi! Ta nghe người đương thở* *Vỗ triền miên gội tóc những nương dâu*".		**1,0đ**

	· Yếu tố tượng trưng: "*Sông Thu Bồn", "nghe người đương thở", "gội tóc những nương dâu"*	0,5
	· Phân tích ý nghĩa: – *Với biện pháp tu từ nhân hóa, dòng sông như một sinh thể sống đang chở che, chăm sóc, vỗ về...* – Gợi vẻ đẹp dòng sông hiền hòa, đầy sức sống, gắn bó với quê hương, duyên dáng như người thiếu nữ đang ở lứa tuổi thanh xuân…; dòng sông nuôi dưỡng vỗ về, chăm bẵm… sự sốngcủa thiên và con người , mang dáng vẻ của đất mẹ quê hương…) – Thể hiện tình cảm của tác giả dành cho quê hương: trân trọng, tự hào, gắn bó sâu nặng, biết ơn…	0,5
Câu 5: Đoạn thơ đã gợi cho em những cảm nhận gì về ý nghĩa của quê hương đối với mỗi người (viết đoạn văn từ 10-15 dòng)		**1,5đ**
	· **Yêu cầu về hình thức:** Viết đoạn văn đảm bảo dung lượng, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt, dùng từ…	0,25
	· **Yêu cầu về nội dung**: HS nêu được một số ý cơ bản sau: – Giải thích: "*quê hương*" là nơi mỗi người sinh ra, chôn rau cắt rốn, có những người thân yêu trong gia đình…. – Ý nghĩa của quê hương với mỗi người: + Quê hương gắn với kỉ niệm tuổi thơ, gia đình, truyền thống, là cội nguồn hình thành nhân cách, phẩm chất của mỗi người… + Quê hương là những nơi, những con người quen thuộc, gần gũi, là điểm tựa tinh thần cho mỗi người vững vàng trong cuộc sống… + Yêu quê hương là một trong những giá trị sống, phẩm chất tốt đẹp của con người: uống nước nhớ nguồn, lá rụng về cội… – Bài học, liên hệ: Mỗi người hãy luôn trân trọng, gìn giữ và phát huy lòng yêu quê hương. Trách nhiệm cống hiến và đóng góp cho quê hương ngày càng giàu đẹp. Phê phán những người vô ơn, quên đi quê hương….	1,0
	· **Đoạn văn có sáng tạo:** diễn đạt trôi chảy, có cảm xúc, biết lấy dẫn chứng tiêu biểu và phân tích dẫn chứng ý nghĩa, có trích dẫn ý kiến, văn học…	0,25
II. VIẾT: Em hãy viết bài văn phân tích vẻ đẹp độc đáo về nội dung và hình thức của đoạn thơ sau "**Đường về quê mẹ" – Đoàn Văn C**		**5,0 đ**
1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: *Mở bài* nêu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề.		0,25
2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: tích vẻ đẹp độc đáo về nội dung và hình thức của đoạn thơ sau "**Đường về quê mẹ" – Đoàn Văn Cừ.**		0,25
3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao		

tác lập luận, kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau:	
*** Giới thiệu khái quát về tác giả, bài thơ, đoạn thơ.**	0,25
*** Cảm nhận vẻ đẹp của đoạn trích:** **– Vẻ đẹp nội dung:** Đoạn thơ ghi lại hình ảnh quê hương và hình ảnh người mẹ về thăm quê qua cảm nhận của người con: + Hình ảnh quê hương: "mùa xuân, *Dặm liễu mây bay sắc trắng ngần", những rặng đề, Những dòng sông trắng lượn ven đê., Cồn xanh, bãi tía kề liên tiếp, Người xới cà, ngô rộn bốn bề, …", "gặp những người quen, ai cũng khen u"…* + Hình ảnh người mẹ: "*dẫn chúng tôi về nhận họ ngoại" (quê ông bà),* hình dáng, trang phục*: Thúng cắp bên hông, nón đội đầu, Khuyên vàng, yếm thắm, áo the nâu, Trông u chẳng khác thời con gái, Mắt sáng, môi hồng, má đỏ au"; "nết thảo hiền"…* =>> Nhận xét: + Bức tranh quê hương vùng thôn quê vào mùa xuân trong trẻo, tươi sáng, thân thuộc, gân gũi + Hình ảnh người mẹ giản dị, xinh đẹp, nhẹ nhàng, duyên dáng, trẻ trung, nết na, nặng tình nặng nghĩa với quê hương, dẫu đã lấy chồng vẫn không quên hướng về quê hương… ð Tình cảm, thông điệp của tác giả: + Bồi hồi, xúc động cùng mẹ về thăm quê… + Cảm nhận tinh tế vẻ đẹp của thiên nhiên và con người quê hương… + Trân trọng, yêu thương, tự hào về người mẹ… + Cảm nhận tình cảm và ý nghĩa của sự gắn bó sâu sắc với quê hương… – **Vẻ đẹp hình thức nghệ thuật:** + Thể thơ tự do, gieo vần chân khéo léo. + Ngôn ngữ thơ, cách nói giản dị… + Các hình ảnh thơ chân thực, sinh động, phong phú… + Các biện pháp tu từ ẩn dụ, liệt kê, đối; …. +…. **(LƯU Ý*:* HS phân tích dựa vào cảm nhận ý nghĩa của các từ ngữ, hình ảnh, giá trị của các biện pháp tu từ,… để làm nổi bật vẻ đẹp nội dung trên*)***	3,5
4. Chính tả, ngữ pháp, diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt, không mắc lỗi diễn đạt.	0,25
5. Sáng tạo: HS làm được 1 trong các yêu cầu sau đây: **–** HS biết nhận xét, đánh giá, so sánh với các đoạn thơ khác thể hiện nỗi niềm, tâm trạng giống và khác ở đoạn trích này; – HS biết đánh giá, nhận xét, bình luận sâu sắc về vẻ đẹp, thành công của đoạn trích… – HS biết vận dụng kiến thức lí luận văn học phù hợp vào bài viết… **-….**	0,5
TỔNG ĐIỂM	**10,0**

	điểm

ĐỀ 60

I.ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

Trời hơi lạnh và nắng vàng hơi hửng
Lúa xanh đồng rợn sóng tận chân mây
Vài con én liệng ngang trời lơ lửng,
Từng lũ cò phấp phới đậu rồi bay.
Dọc đường cỏ ven sông cùng trẩy hội,
Những bà già lần hạt nhẩm cầu kinh,
Lũ con gái rộn ràng cười nói, nói
Khoe hàm răng đen nhánh, mắt đa tình.
Cùng mấy cậu áo là, quần lụa mới
Tập lê giầy như tập nhấc chân đi.
Trong khi gió ngang đường tung phấp phới
Giải yếm đào cùng với giải khăn thi.
(*Ngày xuân*, Anh thơ, *Tuyển tập Anh Thơ*, NXB Hội nhà văn, 1986, tr.97).

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 3. Nêu nhận xét về nhan đề văn bản *Ngày xuân.*

Câu 4. Nêu nội dung chính của văn bản.

Câu 5. Liệt kê những cảnh vật thiên nhiên gợi tả không khí *ngày xuân* trong văn bản.

Câu 6. Trong *ngày xuân*, con người được tác giả miêu tả qua những chi tiết, hình ảnh tiêu biểu nào?

Câu 7. Hãy chỉ ra và nêu hiệu quả sử dụng của một biện pháp tu từ được thể hiện trong khổ thơ sau:

Dọc đường cỏ ven sông cùng trẩy hội,
Những bà già lần hạt nhẩm cầu kinh,
Lũ con gái rộn ràng cười nói, nói
Khoe hàm răng đen nhánh, mắt đa tình.

Câu 8. Tác giả thể hiện thái độ, tình cảm gì qua văn bản *Ngày xuân*?

Câu 9. Nêu cảm nhận của anh/chị về một nét đẹp văn hóa trong ngày xuân của người Việt thể hiện ở văn bản trên.

Câu 10. Từ văn bản trên, anh/chị rút ra được thông điệp gì cho bản thân?

LÀM VĂN (4.0 điểm)

Anh/chị hãy viết một bài văn phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật bài thơ ***Ngày xuân*** của nhà thơ Anh Thơ

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6.0**
	1	Thể thơ: tám chữ	0.5
	2	Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm	0.5
	3	Nhan đề *Ngày xuân:* Ngắn gọn, gợi mở trực tiếp nội dung của văn bản, góp phần thể hiện chủ đề, cảm hứng chủ đạo của văn bản.	0.5
	4	Nội dung chính của bài thơ: Vẻ đẹp của thiên nhiên, con người và nét đẹp văn hóa làng quê Bắc Bộ khi xuân về.	0.5
	5	Cảnh vật thiên nhiên gợi tả không khí *ngày xuân*: *Trời hơi lạnh, nắng hơi ửng, lúa xanh đồng, én liệng ngang trời, có phấp phới đậu rồi bay, đường cỏ ven sông*	0.5
	6	Chi tiết, hình ảnh về con người: *Những bà già lần hạt nhẩm cầu kinh;* những cô *con gái cười nói, khoe răng đen nhánh, mắt đa tình; những cậu áo là, quần lụa mới, tập lê giầy; giải yếm đào, giải khăn thi*	0.5
	7	Gợi ý: HS có thể chỉ ra và nêu hiệu quả sử dụng của một trong các biện pháp tu từ: liệt kê, đối xứng, điệp từ – Tác dụng: Nhấn mạnh/làm nổi bật không khí tươi vui, rộn ràng, bình dị, đoàn kết của người dân đồng quê với những nét đẹp văn hóa truyền thống của quê hương; giúp cho diễn đạt của đoạn thơ cụ thể, sinh động, giàu sức gợi hình, gợi cảm.	1.0
	8	Thái độ, tình cảm của tác giả: – Trân trọng, tự hào những giá trị truyền thống văn hóa của dân tộc – Tình yêu thiên nhiên, quê hương đất nước, yêu mến nét đẹp văn hóa, đậm đà bản sắc dân tộc.	0.5
	9	HS nêu cảm nhận về một nét đẹp văn hóa của người Việt xưa: – Người Việt xưa có cách ăn mặc, phục sức độc đáo, rất riêng. – Chào đón năm mới trong không khí vui tươi, náo nức với các sinh hoạt, phong tục đậm đà bản sắc như vui chơi, du xuân, trẩy hội, lễ chùa đầu năm	0.75
	10	HS rút ra được thông điệp có ý nghĩa với bản thân. Gợi ý: – Tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước – Trân trọng, giữ gìn những nét đẹp văn hóa truyền thống của quê hương.	0.75
II		**VIẾT**	**4.0**

		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề	0.25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ *Ngày xuân* của Anh Thơ.	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể trình bày bài viết theo nhiều cách trên cơ sở đảm bảo những yêu cầu sau:	**3.0**
		* Mở bài: Giới thiệu được tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận.	
		* Thân bài: Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp: Đánh giá về nội dung và những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ. **Về nội dung:** – Nhan đề: *Ngày xuân*: ngắn gọn, gợi mở không khí mùa xuân với vẻ đẹp của thiên nhiên và con người. – Bài thơ là bức tranh thiên nhiên mùa xuân tươi đẹp tràn đầy sức sống, đậm đà bản sắc văn hóa truyền thống làng quê Bắc Bộ những ngày đầu năm mới; gửi gắm tình cảm gắn bó thiết tha của nhà thơ với thiên nhiên, với con người và quê hương, đất nước. + Thiên nhiên: sống động đầy màu sắc, âm thanh, hương thơm *(trời hơi lạnh, nắng hơi ửng, lúa xanh đồng, én liệng ngang trời, có phấp phới đậu rồi bay,...)* + Con người: tươi vui, hạnh phúc, yêu đời *(những bà già lần hạt nhẩm cầu kinh;* những cô *con gái cười nói, khoe răng đen nhánh, mắt đa tình; những cậu áo là, quần lụa mới, tập lê giầy...);* sống hòa hợp với thiên nhiên, nhịp sống chậm rãi, biết vui chơi, tận hưởng trong mùa xuân *(trẩy hội, đi lễ...)* – Nhân vật trữ tình: tinh tế, nhạy cảm, rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên và con người trong mùa xuân. Qua đó thể hiện tình cảm yêu mến trân trọng vẻ đẹp cảnh quê và nét đẹp văn hóa truyền thống dân tộc. – Chủ đề, thông điệp: Vẻ đẹp tươi mới, đầy sức sống của thiên nhiên và con người trong mùa xuân; tình yêu và sự trân trọng vẻ đẹp văn hóa truyền thống cùng nét đẹp mộc mạc, bình dị của con người. **Về nghệ thuật:** – Bức tranh ngày xuân được gợi tả qua hệ thống hình ảnh gợi cảm, đặc trưng cho cảnh sắc mùa xuân làng quê Bắc Bộ; mạch thơ uyển chuyển, tự nhiên; ngôn từ giản dị, trong sáng, giàu hình ảnh; các biện pháp tu từ đặc sắc (nhân hóa, liệt kê…); vận dụng sáng tạo thể thơ tám chữ; cách gieo vần, ngắt nhịp linh hoạt… – Bài thơ có nhiều nét mới mẻ, hấp dẫn (so với các bài thơ cùng	

		đề tài, các bài thơ trong thơ ca truyền thống) *Kết bài: Khái quát, khẳng định lại vấn đề nghị luận.	
		d. Chính tả, từ ngữ, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.25
Tổng điểm			10.0

ĐỀ 61

I.ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (5.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Áo cũ

Áo cũ rồi, mỗi ngày thêm ngắn
Chỉ đứt sờn màu bạc hai vai
Thương áo cũ như là thương ký ức
Đựng trong hồn cho mắt phải cay cay.

Mẹ vá áo mới biết con chóng lớn
Mẹ không còn nhìn rõ chỉ để xâu kim
Áo con có đường khâu tay mẹ vá
Thương mẹ nhiều con càng yêu áo thêm.

Áo đã ở với con qua mùa qua tháng
Cũ rồi con vẫn quý vẫn thương
Con chẳng nỡ mỗi lần thay áo mới
Áo dài hơn thấy mẹ cũng già hơn.

Hãy biết thương lấy những manh áo cũ
Để càng thương lấy mẹ của ta
Hãy biết thương những gì đã cùng ta sống
Những gì trong năm tháng trôi qua…

(**Lưu Quang Vũ**, Thơ tình,** NXB Văn học, 2002**)

Câu 1 (0.5 điểm): Xác đinh thể thơ của bài thơ.

Câu 2 (0.5 điểm): Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ?

Câu 3 (0.5 điểm): Hãy tìm những từ ngữ thể hiện tình cảm của nhân vật trữ tình với chiếc áo cũ?

Câu 4 (0.5 điểm): Vì sao người con lại "không nỡ mỗi lần thay áo mới" ?

Câu 5 (1.0 điểm): Anh/chị có đồng tình với nội dung 2 câu thơ sau không ?

Hãy biết thương những gì đã cùng ta sống
Những gì trong năm tháng trôi qua.

Câu 6 (1.0 điểm): Ý nghĩa của hình ảnh chiếc áo cũ trong bài thơ ?

Câu 7 (0.5 điểm): Hãy nhận xét về nhân vật người con trong bài thơ.

Câu 8 (0.5 điểm): Theo anh/chị kí ức có vai trò như thế nào trong đời sống tâm hồn, tinh thần của con người?

II.VIẾT (5.0 điểm)

Hãy viết bài văn nghị luận bàn về chủ đề: Các bạn trẻ phản biện ý kiến của lớp người đi trước.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC**	**5.0**
	1	Thể thơ : Tự do	0.5
	2	Nhân vật trữ tình: người con	0.5
	3	Những từ ngữ thể hiện tình cảm của nhân vật trữ tình với chiếc áo cũ: thương áo cũ, yêu áo thêm, vẫn quý vẫn thương.	0.5
	4	– Vì : Thay áo mới là con đã lớn. Điều đó đồng nghĩa với việc mẹ phải già đi. Người con không muốn thấy mẹ mình già yếu dù biết đó là quy luật muôn đời của tạo hóa.	0.5
	5	– Thí sinh có thể trả lời theo hướng: Đồng tình hoặc không đồng tình hoặc cả hai. + Đồng tình. Vì *những gì đã cùng ta sống, những gì trong năm tháng đã qua* chính là kỉ niệm, kỉ vật của mỗi chúng ta. Nó gắn liền với những dấu mốc, sự kiện buồn vui, đầy ý nghĩa trong cuộc đời mỗi người. Nó ghi dấu quãng thời gian một đi không trở lại và làm nên kho tàng kí ức, làm nên quá khứ của con người. + Không đồng tình. Vì nếu quá yêu thương mà đắm chìm với kỉ niệm của quá khứ sẽ dễ bị lạc lõng giữa hiện tại và không có động lực hướng tới tương lai.	1,0
	6	Ý nghĩa của hình ảnh chiếc áo cũ: – Kỉ niệm của một thời cuộc sống thiếu thốn, khó khăn trong quá khứ. – Biểu tượng cho những nhọc nhằn vất vả, sự tảo tần, chắt chiu và tình yêu thương của người mẹ.	1.0
	7	Nhân vật người con trong bài thơ: Là người hiếu thảo, thấu hiểu và yêu thương mẹ; có tâm hồn nhạy cảm; rất trân trọng kỉ niệm.	0.5
	8	– Kí ức có vai trò quan trọng trong đời sống tâm hồn, tinh thần của mỗi người. Nó là kho lưu trữ dữ liệu tạo thành nền tảng cho thế giới tinh thần của con người. Không có kí ức, tâm hồn	0.5

		con người nghèo nàn, trống rỗng.	
II		**VIẾT**	**5.0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Các bạn trẻ phản biện ý kiến của lớp người đi trước.	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý: – Giới thiệu vấn đề cần bàn luận: Việc thế hệ trẻ không thừa nhận một cách tuyệt đối, vô điều kiện các ý kiến của người lớn tuổi hơn trong gia đình hoặc ngoài xã hội giờ đây không còn là hiện tượng hiếm hoi. Nó tạo ra các luồng dư luận xã hội khác nhau: đồng tình, phản đối…. – Hoàn cảnh xã hội nảy sinh vấn đề: Trước kia, trong xã hội phong kiến hiện tượng này hoàn toàn không xuất hiện. Trong quá trình phát triển các nền văn hóa có sự giao thoa tiếp biến lẫn nhau. Tư tưởng bình đẳng, dân chủ từ văn hóa phương Tây được du nhập vào Việt Nam, hiện tượng này trở nên phổ biến và bắt đầu được một bộ phận trong xã hội chấp nhận….. – Phân tích xem xét vấn đề từ nhiều khía canh: + Phạm vi hẹp (phản biện ý kiến cha mẹ trong gia đình, thầy cô trong giờ học…), rộng (phản biện các luồng tư tưởng, quan niệm, lối sống của thế hệ đi trước…). Mặt tích cực: giúp cá nhân phát triển tư duy, rèn luyện kĩ năng cần thiết để thích nghi và thành công…; biểu hiện của kiểu tư duy phù hợp với sự phát triển theo hướng khoa học công nghệ, dân chủ, tiến bộ của xã hội hiện đại; thúc đẩy xã hội phát triển….. Mặt tiêu cực: gây nên hiện tương dân chủ quá trớn, thái độ coi thường kinh nghiệm, coi thường thế hệ đi trước hoặc đẩy khoảng cách thế hệ xa hơn… – Tuy nhiên việc người trẻ phản biện ý kiến người lớn mâu thuẫn với tư tưởng coi trọng thứ bậc, tôn ti như trong xã hội Việt Nam. Vì thế nó chưa thực sự phổ biến. Mặt khác, một bộ phận giới trẻ "lười hỏi, ngại phản biện" bởi lười tư duy, bởi e ngại bị kì thi, bị cô lập, e ngại làm căng thẳng hoặc xấu đi các mối quan hệ…. – Thế giới thay đổi từng ngày, khoa học công nghệ phát triển từng giờ. Phản biện trở thành lối tư duy phổ biến và quan trọng. Cá nhân sẽ khó thể trưởng thành, chín chắn và mạnh mẽ khi luôn chỉ biết đồng ý, chấp nhận. Điều ấy có nghĩa là bạn tự tạo	3.5

		ra vùng an toàn cố định và tự cầm tù mình trong đó. Đồng thời kéo theo sự trì trệ của xã hội. Do đó điều quan trọng là tìm ra cách thức phản biện phù hợp để hướng tới thuyết phục được người lớn mà vẫn thể hiện được thái độ tôn trọng, khiêm tốn…..	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.5
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, cuốn hút.	0.5
I+II			**10**

ĐỀ 63.

ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

Ba mét cách mặt đường

*(Nguyễn Hoàng Sơn)**[1]***

Ba mét cách mặt đường
Vòm cây ngang cửa sổ
Thế giới riêng của gió
Vũ trụ của loài chim
Và mùa thu đến ở
Đợi mắt người trông lên…

Người đương ngồi trên xe
Mải nhìn đèn xanh đỏ
Người đương chen với người
Văng tục và cau có
Chẳng nghe lời của gió
Đâu biết gì cánh chim
Và mùa thu lần lữa
Vẫn đợi người trông lên…

Em vội gì thế em
Tìm gì mà hăm hở?
Cả một mùa thu vàng
Cho không nơi cửa sổ
Mà em chẳng đoái hoài
Mà em thường bỏ lỡ
Và ngày thu tàn úa
Rơi buồn theo vết xe…

(Dẫn theo "Đi giữa miền thơ", Vũ Nho, NXB Văn hóa thông tin HN, 2001, T312

[1] Nguyễn Hoàng Sơn sinh ngày 5/2/1949 tại Sóc Sơn, Hà Nội, là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Ông được biết đến với nhiều thể loại: thơ, truyện, kịch thơ, phê bình – tiểu luận. Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam các năm 1990, 1993, Tặng thưởng Hội

Nhà văn 2001, Bông sen bạc Liên hoan phim Việt Nam, Giải thưởng Hội Điện ảnh Việt Nam. Hiện ông làm việc tại báo Tiền phong.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Văn bản được viết theo thể thơ gì?

Câu 2 (0,5 điểm). Xác định đề tài của văn bản.

Câu 3 (0,5 điểm). Theo tác giả, mùa thu đợi mọi người ở đâu?

Câu 4 (0,75 điểm). Chỉ ra các phương thức biểu đạt được sử dụng trong bài thơ.

Câu 5 (1,0 điểm). Tìm 04 hình ảnh miêu tả cảnh thiên nhiên trong bài thơ.

Câu 6 (1,0 điểm). Theo tác giả, mọi người có thái độ, cách ứng xử như thế nào trước vẻ đẹp của mùa thu? Hãy tìm trong văn bản những từ ngữ cho anh/ chị nhận thấy điều đó.

Câu 7 (1,0 điểm). Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của phép điệp cấu trúc ở cuối các khổ trong bài thơ.

Câu 8 (0,75 điểm). Nêu thông điệp mà em nhận được từ tác phẩm.

II.VIẾT (4,0 điểm)

Hãy viết một bài văn nghị luận khoảng 500 chữ trình bày cảm nhận của em về bài thơ trên.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**6.0**
	1	Thể thơ: năm chữ/ ngũ ngôn.	0.5
	2	Đề tài: mùa thu	0.5
	3	Theo tác giả, mùa thu đợi chúng ta ở: *"Ba mét cách mặt đường/Vòm cây ngang cửa sổ"*.. (Hoặc: trong vòm cây ngang cửa sổ, nơi cách mặt đường ba mét)	0.5
	4	– Các phương thức biểu đạt: biểu cảm, miêu tả, tự sự.	0,75
	5	Những hình ảnh miêu tả thiên nhiên: *vòm cây ngang cửa sổ, gió (lời của gió), chim (cánh chim, vũ trụ của loài chim), cả một mùa thu vàng, ngày thu tàn úa …*	1,0
	6	– Thái độ, cách ứng xử của mọi người: thờ ơ/ dửng dưng/ vô tình/ bàng quan/ hờ hững/ không để ý… – Các từ ngữ trong văn bản thể hiện thái độ, cách ứng xử: *chẳng nghe, đâu biết, chẳng đoái hoài, thường bỏ lỡ.*	1,0
	7	– Phép điệp cấu trúc: *Và … thu…* – Tác dụng: + Tạo tính liên kết, tạo nhịp điệu (<u>hoặc</u> nhạc điệu) cho lời thơ (<u>hoặc:</u> góp phần hình thành cấu tứ của bài thơ).	1,0

		+ Nhấn mạnh, làm nổi bật vẻ đẹp, sự hữu tình của mùa thu và sự vô tình của con người.	
	8	Thông điệp VD: – Vẻ đẹp của cuộc sống có trong những điều rất giản đơn và gần gũi, hãy mở rộng tâm hồn đón nhận, tận hưởng, ta sẽ thấy hạnh phúc. – Đừng vì áp lực của cuộc sống mà để tâm hồn mình cằn cỗi, đến độ dửng dưng với những điều tuyệt vời vốn hiện hữu xung quanh ta mỗi ngày. – Thiên nhiên vốn dĩ vẫn luôn đẹp, thơ mộng, hữu tình như thế – ngay cả nơi phố phường đông đúc; chỉ con người là hờ hững, quay lưng với vẻ đẹp của thế giới tự nhiên…	0,75
II		**VIẾT**	**4.0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: **Vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Ba mét cách mặt đường*** *(Nguyễn Hoàng Sơn).*	0.5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm **Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau** nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: ***** Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm. ***** Phân tích vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của bài thơ. – ***Nội dung***: + Vẻ thơ mộng, hữu tình của cảnh thiên nhiên mùa thu: *cả một mùa thu vàng*, ngay *trong vòm cây ngang khung cửa sổ*, với *lời của gió, vũ trụ của loài chim; mùa thu đợi, lần lữa đợi người trông lên, tàn úa rơi buồn theo vết xe* khi bị người hờ hững…. + Nhịp sống phố phường hối hả và sự dửng dưng, vô tình khiến con người bỏ lỡ những vẻ đẹp của mùa thu, cũng giống như bỏ lỡ nhiều điều tuyệt diệu, bình dị trong cuộc đời: *Người ngồi trên xe, chen với người, mải nhìn đèn xanh đỏ, văng tục, cau có, vội vã, hăm hở kiếm tìm* (để thỏa mãn những nhu cầu khác nhau)*, mà chẳng đoái hoài, bỏ lỡ cả mùa thu…* + Bài thơ thể hiện niềm đắm say trước cảnh sắc thiên nhiên và sự tiếc nuối của nhà thơ trước cách ứng xử của con người. – ***Nghệ thuật:*** thể thơ 5 chữ giàu tính nhạc, cấu tứ chặt chẽ, ngôn từ giản dị mà giàu sức gợi hình gợi cảm, nhờ sử dụng nhiều biện pháp tu từ, thủ pháp nghệ thuật: điệp từ, điệp cấu trúc, liệt kê, nhân hóa, tương phản…	2.75 (0,5) *(1,25)* *(0,5)*

		* ***Đánh giá:*** Bài thơ là lời nhắn nhủ nhẹ nhàng, mang đến những thông điệp giàu ý nghĩa. (Hs cần nêu được thông điệp, hoặc nhận thức mới mẻ của bản thân sau khi đọc bài thơ.	*(0,5)*
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0. 25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ; dẫn chứng hay, tiêu biểu.	0.25
Tổng điểm			**10.0**

ĐỀ 63

I.ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Lễ hội Sòng Sơn – Ba Dội sẽ diễn ra từ ngày 15 đến 17-3

(Baothanhhoa.vn) – Lễ hội Sòng Sơn – Ba Dội năm 2023 sẽ tổ chức trong 3 ngày, từ 15 đến 17-3-2023 (tức từ ngày 24 đến 26-2 âm lịch) tại đền Sòng, khu phố 6, phường Bắc Sơn (TX Bỉm Sơn)

Lễ hội Sòng Sơn – Ba Dội năm 2023 sẽ diễn ra tại Di tích cấp Quốc gia đền Sòng, phường Bắc Sơn, TX Bỉm Sơn

Đền Sòng được biết đến là di tích có tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu Hạnh nổi tiếng bậc nhất xứ Thanh, mỗi năm thu hút hàng vạn lượt khách về dâng hương, chiêm bái, thực hành tín ngưỡng thờ mẫu. Lễ hội cũng là dịp tưởng nhớ vua Quang Trung – Nguyễn Huệ.

Tương truyền, trên đường hành quân ra Bắc đánh đuổi quân Thanh, ông đã dừng chân trên đèo Ba Dội (phòng tuyến Tam Điệp – Biện Sơn) để hội quân, chiêu binh luyện võ, luận bàn kế sách giải phóng kinh thành Thăng Long.

Theo kế hoạch, lễ hội sẽ được tổ chức gồm phần lễ và phần hội với nhiều hoạt động nổi bật, đặc sắc. Trong đó, phần lễ với nghi lễ rước bát hương linh vị, kiệu long đình Thánh mẫu và kiệu Hoàng đế Quang Trung, thực hiện vào chiều 16-3, tức 25-2 âm lịch) tại cung cấm đền Sòng Sơn – đài lễ.

Chính lễ tổ chức vào 8 giờ 30 phút ngày 17-3 (tức ngày 26-2 âm lịch) tại đài lễ đền Sòng Sơn với các hoạt động dâng hương, đánh trống khai hội, thực hiện nghi thức tế lễ, biểu diễn chương trình nghệ thuật. Trong đó, tổ chức lễ rước bóng Thánh mẫu Liễu Hạnh, kiệu Hoàng đế Quang Trung lên Nhà bia Ba Dội, về đền Chín Giếng và hoàn vị.

Phần hội diễn ra từ ngày 15 đến 16-3 (tức ngày 24 đến 25-2 âm lịch) với các hoạt động giải cờ tướng, nấu cơm thi, trò chơi kéo co nam, nữ, hội hầu văn thánh.

Ban Tổ chức đang tích cực chuẩn bị cho lễ hội. Công tác tuyên truyền được đẩy mạnh; chú trọng đảm bảo nguồn điện, công tác an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch trong những ngày diễn ra lễ hội; sắp xếp lại hàng quán, không để diễn ra tình trạng lấn chiếm lòng, lề đường để bày bán hàng hóa… quanh khu vực đền Sòng

và đền Chín Giếng; đảm bảo an toàn giao thông, trật tự và vệ sinh các tuyến đường lên đèo Ba Dội để rước kiệu diễn ra thuận lợi, an toàn…

Lễ hội là hoạt động văn hóa truyền thống đã có từ lâu đời, phản ánh nhu cầu văn hóa, tinh thần của Nhân dân trên địa bàn. Thông qua việc tổ chức lễ hội nhằm gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, giáo dục tinh thần yêu nước, đoàn kết trong xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước; nâng cao tinh thần, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tầng lớp Nhân dân trong việc bảo vệ, gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa các di tích, danh lam, thắng cảnh để tiếp tục đầu tư, khai thác tiềm năng du lịch văn hóa của TX Bỉm Sơn.

Ngọc Huấn

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định những thông tin chính của phần văn bản.

Câu 2: Xác định thái độ và quan điểm của tác giả thể hiện trong văn bản?

Câu 3. Các yếu tố hình thức của văn bản đã hỗ trợ như thế nào trong việc biểu đạt nội dung chính?

Câu 4. Sự kiện Sòng Sơn – Ba Dội có giá trị như thế nào với tâm thức và ý thức giữ gìn nét đẹp văn hoá ở Bỉm Sơn?

II.LÀM VĂN (6,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (150 chữ) bàn về ý nghĩa của việc phát huy sức mạnh của bản sắc văn hoá truyền thống trong đời sống hiện đại.

Câu 2: (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 đến 500 chữ) phân tích nội dung và nghệ thuật của bài thơ sau:

MỘT PHÍA LÀNG TÔI

Làng tôi ở phía bờ sông
Lở bồi thành đục thành trong bao đời
Con sông như thể mẹ tôi
Phù sa lấm lụi dệt lời áo nâu

Làng tôi ở phía ruộng sâu
Ngàn năm bông lúa cúi đầu mà thơm
Đắng cay thành gạo thành cơm
Hồn người từ khói rạ rơm đượm đà

Làng tôi ở phía ông bà
Nén hương thắp đỏ nếp nhà đơn sơ
Cháu con bàn chuyện bây giờ
Thể nào cũng bảo người xưa nói rằng

Làng tôi ở phía tơ giăng
Bao nhiêu con nhện tình bằng nhớ thương
Bước chân cuối nẻo gió sương
Hồn quê một mảnh còn vương tơ làng.

Thơ Nguyễn Văn Song – Tạp chí ***Nhà văn và cuộc sống***

Chú thích:

Nguyễn Văn Song sinh năm 1974 tại Vân Điềm, Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội, tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội khoa Ngữ văn năm 2000, là giáo viên trường THPT Phù Cừ – Hưng Yên, là Hội viên Hội Văn học – Nghệ thuật Hưng Yên.

Các tập thơ đã xuất bản: Đi từ phía cổng làng, Mẹ và sen (NXB Hội Nhà văn 2022). Đoạt giải B (không có giải A) cuộc thi thơ của Báo Văn Nghệ – Hội Nhà văn Việt Nam 2019 – 2020 và nhiều giải thưởng khác.

Thơ lục bát của Nguyễn Văn Song dễ đọc, dễ nhớ, dễ đi vào lòng người bởi ngôn ngữ thơ anh khá chân thành, mộc mạc nhưng lại có những câu từ đắt giá và hình tượng. Nhất là những bài thơ về cha mẹ, về làng quê. Những bờ ao, gốc rạ, cơi trầu, giỏ tre, gọng vó, cổng làng, sân đình… được anh xem như là những kỷ vật để anh thực sự ký thác hồn mình để nhả ra ngôn ngữ thi ca đầy hình tượng.

Phần	**Câu**	**Nội dung**	**Điểm**	
I		**ĐỌC HIỂU**	**4.0**	
	1	Các thông tin chính của văn bản – Thời gian, địa điểm, sự kiện – Mục đích, nhân vật của sự kiện – Tiến trình tổ chức lễ hội – Công tác chuẩn bị – Ý nghĩa của lễ hội	1.0	
	2	– Thái độ của tác giả: yêu mến, trân trọng, tự hào về lễ hội – Quan điểm: bảo tồn và lưu truyền giá trị lễ hội Sòng Sơn – Ba Dội qua nhiều thế hệ đồng thời phát huy những nét đẹp lễ hội qua các hình thức đa dạng.	1.0	
	3	Các yếu tố hình thức: nhan đề, bố cục, hình ảnh giúp người đọc không chỉ hiểu rõ mà còn hình dung cụ thể về lễ hội Sòng Sơn – Ba Dội + Nhan đề: thâu tóm được nội dung chính của văn bản + Bố cục: trình bày theo trình tự logic của thông tin kiện nhằm cung cấp cho người đọc nội dung chính của từng phần. + Hình ảnh: Giúp thông tin văn bản được trực quan, sinh động và đầy đủ hơn.	1.0	
	4	Sự kiện Sòng Sơn – Ba Dội có giá trị lớn với tâm thức và ý thức giữ gìn nét đẹp văn hoá ở Bỉm Sơn: – Đánh thức nhưng tình cảm cội nguồn – Đánh thức lòng biết ơn và trên trọng quá khứ – Tự hào về truyền thống văn hoá của quê hương xứ Bỉm – Có ý thức giữ gìn và tôn vinh nét đẹp bản sắc riêng	1.0	
II		Viết	6.0	
	1	**Viết đoạn văn nghị luận (150 chữ) bàn về ý nghĩa của việc phát huy sức mạnh của bản sắc văn hoá truyền thống trong đời sống hiện đại.**	**2.0**	
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận Mở đoạn nêu được vấn đề, Thân đoạn triển khai được vấn đề, Kết	0,25	

		đoạn khái quát được vấn đề		
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Làm rõ ý nghĩa của việc phát huy sức mạnh của bản sắc văn hoá truyền thống trong đời sống hiện đại.	0.25	
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau: – Giải thích được khái niệm văn hoá truyền thống, khẳng định được phát huy sức mạnh của văn hoá truyền thống là việc cần thiết, đem lại những giá trị lớn cho đời sống tình thần của con người – Nhìn nhận về cuộc sống hiện đại và xu thế hội nhập, nguy cơ hoà tan… – Trình bày rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phát huy sức mạnh của văn hoá truyền thống – Rút ra bài học cho bản thân.	1,0.	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.25	
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.25	
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 đến 500 chữ) phân tích nội dung và nghệ thuật của bài thơ "Một phía làng tôi" của Nguyễn Văn Song.	4.0	
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ.	0,25	
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận nghị luận về nội dung và nghị luận một tác phẩm thơ.	0,5	
		* Giới thiệu tác giả, tác phẩm (tên tác phẩm, tác giả, thể loại,…) – "Một phía công làng" của tác giả Nguyễn Văn Song là một thi phẩm viết về nét đẹp của truyền thống, trong một hình thức thể loại rất quen thuộc: thể thơ lục bát. Bài thơ cảm động, gây xúc động lòng người bởi niềm trân trọng sâu sắc và cảm động của tác giả dành cho con người, cho quê hương, cho văn hoá truyền thống trong lời thơ hết sức giản dị, chân thành, đằm thắm. – Bài thơ có giá trị thức tỉnh hồn người, đưa mỗi người về miền kí ức của dân tộc, khiến mỗi người biết nhìn nhận và trân trọng quá khứ, trên trọng văn hoá dân tộc. * Trình bày tóm tắt nội dung và mạch cảm xúc của bài thơ: – Bài thơ "Một phía làng tôi" đưa người đọc về với dòng sông bồi lở phù sa, với đời mẹ tảo tần vất vả và tình mẹ bao la như sông quê	2,5	

		mát lành, đưa ta về với mảnh ruộng sâu, mùi rạ rơm với hạt lúa thơm đượm mồ hôi công sức, về với tình cảm biết ơn và thành kính trước ông bà tổ tiên đã lưu truyền cả một nền văn minh văn hoá, về với nghĩa tình thuỷ chung son sắt đã trở thành nét đẹp ngàn đời…Bài thơ khẳng định tấm lòng thương nhớ và biết ơn sâu nặng đối với quê hương. *Phân tích, đánh giá giá trị đặc sắc về nội dung của bài thơ. – Bài thơ đưa người đọc đến với không gian quen thuộc ta có thể bắt gặp hầu hết các vùng miền tổ quốc. Đó là những "dòng sông tuổi thơ", dòng sông quê, dòng sông phù sa bên lở bên bồi…Hình ảnh con sông thân thuộc hiện lên như người mẹ yêu thương của ta, chính xác là song gợi bóng hình của mẹ, là lòng thương nhớ của con dành cho mẹ. – Bài thơ con đưa ta đến cánh đồng quê trong mùi thơm rơm rạ, trong hình ảnh thật gần gũi ấm áp "Ngàn năm bông lúa cúi đầu mà thơm" khi trải qua những "đắng cay thành gạo thành cơm" vất vả của người dân quê cần mẫn; Bài thơ còn đưa người đọc đến với không gian của tâm linh, tâm tưởng, để mỗi người biết tri ân quá khứ, biết ơn cội nguồn "Nén hương thắp đỏ nếp nhà đơn sơ"/ "Thể nào cũng bảo người xưa nói rằng" – Đọng lại trong tâm trí người đọc thơ là những tình cảm thiết tha, sâu nặng của người con với quê hương. Hình ảnh trong lục bát ca dao" con nhện giăng tơ" đi vào thơ Nguyễn Văn Song tự nhiên, gần gũi mà chứa đựng chiều sâu văn hoá, của nghĩa tình thuỷ chung đã trở thành truyền thống: tình yêu đôi lứa, tình thương nhớ của người con xa quê, lòng biết ơn với quá khứ, cội nguồn…tất cả trở thành một giai điệu thổn thức, ngân vang, sâu lắng, ngọt lành. – Yêu và nhớ, hoài thương và trăn trở, " Một phía làng tôi" như một cái ngoái nhìn thời gian, ngoái nhìn không gian trong quá khứ để thổn thức, để ngóng mong, để hoài niệm. Có một chút tiếc nuối, như sợi tơ vương giăng dọc suốt bài thơ. * Phân tích, đánh giá giá trị đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ – Một phía làng tôi được sáng tác theo thể lục bát truyền thống, nhịp điệu nhẹ nhàng, chậm rãi, tao giai điệu sâu lắng, êm đềm. – Điệp khúc "làng tôi ở phía…" luyến láy lặp đi lặp lại thể hiện niềm nhớ mong và nhiều liên tưởng bất ngờ, thú vị: phía bờ sông, phía ruộng sâu, phía ông bà… mỗi một hình ảnh đều gần gũi, quen thương, giàu sức gợi. "Phía" "làng tôi" vì thế là phía miền kí ức, miền tâm linh, miền hoài vọng. * Trình bày những suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về bài thơ.. – "Một phía làng tôi" là một bài thơ đẹp: đẹp từ hồn thơ đến lời thơ, hình ảnh trong thơ, cái đẹp kế thừa truyền thống của dân tộc. – Bài thơ truyền cho ta nguồn cảm hứng yêu thương và trân trọng giá trị văn hoá, trân trọng vẻ đẹp bình dị, trân trọng những gì đời		

		thường, đơn sơ. Bài thơ cũng đem đến cho người đọc tình yêu quê hương, yêu những gì mộc mạc thân thuộc.		
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25	
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy	0,5	
Tổng			10,0	

ĐỀ 64

ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

BÀI THƠ QUÊ HƯƠNG

[…]Quê hương tôi có cây bầu cây nhị *Tiếng đàn kêu tích tịch tình tang…* *Có cô Tấm náu mình trong quả thị,* *Có người em may túi đúng ba gang.* Quê hương tôi có ca dao tục ngữ, Ông trăng tròn thường xuống mọi nhà chơi. Một đĩa muối cũng mặn tình chồng vợ, Một dây trầu cũng nhắc chuyện lứa đôi. *Con chim nhỏ cũng đau hồn nước mất* *"Cuốc cuốc" kêu nhỏ máu những đêm vàng,* *Chân ngựa đá cũng dính bùn trận mạc* *Theo người đi cứu nước chống xâm lăng.*	*Quê hương tôi có bà Trưng, bà Triệu* *Cưỡi đầu voi, dấy nghĩa, trả thù chung.* *Ông Lê Lợi đã trường kỳ kháng chiến,Hưng Đạo vương đã mở hội Diên Hồng.* *Quê hương tôi có múa xoè, hát đúm,* *Có hội xuân liên tiếp những đêm chèo.* *Có Nguyễn Trãi, có Bình Ngô đại cáo* *Có Nguyễn Du và có một Truyện Kiều.[…]* (Trích *Bài thơ quê hương –Nguyễn Bính, Nguyễn Bính thơ và đời,* NXB Văn học Hà Nội, trang 134-135)

Ghi chú: Nguyễn Bính (1918 – 1966) tên thật là Nguyễn Trọng Bính, sinh tại thôn Thiện Vịnh, xã Đồng Đội (nay là xã Cộng Hòa), huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Ông mồ côi mẹ từ nhỏ, bắt đầu làm thơ từ năm 13 tuổi. Nguyễn Bính được coi là nhà thơ của làng quê Việt Nam với những bài thơ mang sắc thái dân dã, mộc mạc. Ông tham gia kháng chiến chống Pháp tại Nam Bộ, tập kết ra Bắc năm 1954, làm việc tại Hội văn nghệ Việt Nam. Tác phẩm Bài thơ quê hương được Nguyễn Bính sáng tác vào dịp Tết Bính Ngọ,1966.

Thực hiện những yêu cầu sau:

Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ gì?

Câu 2. Xác định nhân vật trữ tình trong văn bản trên.

Câu 3. Những người nữ anh hùng nào đã được nhà thơ nhắc đến trong khổ thơ sau:

Quê hương tôi có bà Trưng, bà Triệu
Cưỡi đầu voi, dấy nghĩa, trả thù chung.
Ông Lê Lợi đã trường kỳ kháng chiến,
Hưng Đạo vương đã mở hội Diên Hồng.

Câu 4. Anh/Chị hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê được sử dụng trong khổ thơ sau:

Quê hương tôi có múa xoè, hát đúm,
Có hội xuân liên tiếp những đêm chèo
Có Nguyễn Trãi, có Bình Ngô đại cáo
Có Nguyễn Du và có *một Truyện Kiều.*

Câu 5. Khổ thơ sau giúp em hiểu gì về tinh thần chiến đấu của quân và dân ta trong hoàn cảnh đất nước bị xâm lăng?

Con chim nhỏ cũng đau hồn nước mất
"Cuốc cuốc" kêu nhỏ máu những đêm vàng,
Chân ngựa đá cũng dính bùn trận mạc
Theo người đi cứu nước chống xâm lăng.

Câu 6. Em có nhận xét gì về tình cảm của tác giả đối với quê hương trong đoạn thơ trên?

Câu 7. Nêu thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm trong đoạn thơ.

Câu 8. Qua đoạn thơ trên, em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 6-7 dòng) trình bày trách nhiệm của bản thân đối với quê hương, đất nước.

II.VIẾT (4.0 điểm)

Em hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của đoạn thơ sau:

[...] Quê hương tôi có cây bầu cây nhị
Tiếng đàn kêu tích tịch tình tang...
Có cô Tấm náu mình trong quả thị,
Có người em may túi đúng ba gang.

Quê hương tôi có ca dao tục ngữ,
Ông trăng tròn thường xuống mọi nhà chơi.
Một đĩa muối cũng mặn tình chồng vợ,
Một dây trầu cũng nhắc chuyện lứa đôi.

Con chim nhỏ cũng đau hồn nước mất
"Cuốc cuốc" kêu nhỏ máu những đêm vàng,
Chân ngựa đá cũng dính bùn trận mạc
Theo người đi cứu nước chống xâm lăng.[...]

(Trích *Bài thơ quê hương* – Nguyễn Bính, *Nguyễn Bính thơ và đời,* NXB Văn học Hà Nội, trang 134-135)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm

I		**ĐỌC HIỂU**	6.0
	1	Thể thơ: tự do	0.5
	2	Nhân vật trữ tình: tôi	0.5
	3	Những người nữ anh hùng đã được nhà thơ nhắc đến trong khổ thơ: – Bà Trưng – Bà Triệu	0.5
	4	– Liệt kê: *Múa xoè, hát đúm, hội xuân liên tiếp những đêm chèo, Nguyễn Trãi, Bình Ngô đại cáo, Nguyễn Du, Truyện Kiều.* – Làm nổi bật sự phong phú của những di sản tinh thần trên quê hương ta, nhấn mạnh tình cảm và niềm tự hào của tác giả đối với những di sản tinh thần của dân tộc. – Giúp cho câu thơ giàu hình ảnh, nhịp điệu.	1.0
	5	Tinh thần chiến đấu của quân và dân ta trong hoàn cảnh đất nước bị xâm lăng**.** Học sinh trình bày theo quan điểm của mình, đảm bảo phù hợp và logic. *Gợi ý*: – Khi đất nước bị xâm lăng thì nhiệm vụ không chỉ riêng ai mà toàn dân đồng lòng, đoàn kết xông pha ra trận mạc để dẹp quân thù. – Tinh thần quyết tâm cao độ đánh giặc ngoại xâm.	1.0
	6	Nhận xét về tình cảm của tác giả đối với quê hương. Học sinh trình bày theo quan điểm của mình, đảm bảo phù hợp và logic. *Gợi ý:* yêu mến, trân trọng, tự hào về những vẻ đẹp, những truyền thống quý báu của dân tộc.	1.0
	7	Nêu thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm trong đoạn thơ. Học sinh đưa ra ý kiến của bản thân, đảm bảo phù hợp và logic. *Gợi ý:* Hãy luôn trân trọng, yêu quý vẻ đẹp bình dị của quê hương mình. Những điều bình dị, mộc mạc ấy đã làm đẹp đời sống tâm hồn ta và giúp ta có thể sống, cống hiến.	1.0
	8	Viết một đoạn văn ngắn trình bày trách nhiệm của bản thân đối với quê hương, đất nước. (Đoạn văn khoảng 6-7 dòng). *Gợi ý:* – Phát huy truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc. – Nỗ lực học tập, trau dồi bản thân, rèn luyện đạo đức, sống có ước mơ, hoài bão, mục tiêu và cố gắng vươn lên. Tích cực tham gia vào các hoạt động công ích, các hoạt động tình nguyện, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ người khác.	0.5
II		**VIẾT**	4.0

		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một đoạn thơ.	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm. HS có thể trình bày bài viết theo nhiều cách trên cơ sở đảm bảo những yêu cầu sau:	
		***** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: (Tác giả, tác phẩm,…). Dẫn đề. ***** Phân tích, đánh giá đoạn thơ: – Giá trị về nội dung: + Khổ thơ thứ nhất và khổ thơ thứ hai: gợi ra những di sản văn hóa, đó là thành tựu của cha ông dựng xây, gìn giữ. + Khổ thơ thứ 3: niềm tự hào của tác giả đối với những truyền thống quý giá trong lịch sử, các vị anh hùng đã giành lại độc lập dân tộc. Thể hiện tình yêu quê hương, đất nước trước sự xâm lược của quân giặc. Qua đó, để lại nhiều bài học sâu sắc để thế hệ trẻ chúng ta noi gương và cố gắng gìn giữ, phát huy giá trị cao cả, thiêng liêng này. – Giá trị về nghệ thuật: + Với thể thơ tự do nhân vật trữ tình dễ dàng bộc lộ cảm xúc, tình yêu của mình dành cho quê hương, đất nước. + Giọng thơ trữ tình thủ thỉ, thiết tha, đằm thắm. + Sử dụng các chất liệu văn hóa dân gian một cách sáng tạo. + Sử dụng các biện pháp tu từ: liệt kê, điệp từ, nhân hóa… – Liên hệ so sánh với các tác giả, tác phẩm cùng đề tài. ***** Khái quát, tổng hợp lại vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ. Nêu suy nghĩ, đánh giá khái quát và cảm xúc của bản thân về đoạn thơ.	2.5
		d. Chính tả, từ ngữ, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.5
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0.5

ĐỀ 65

KHÔNG CÓ GÌ TỰ ĐẾN ĐÂU CON

Không có gì tự đến đâu con
Quả muốn ngọt phải tháng ngày tích nhựa
Hoa sẽ thơm khi trải qua nắng lửa
Mùa bội thu trải một nắng hai sương.

Không có gì tự đến dẫu bình thường

Phải bằng cả đôi tay và nghị lực
Như con chim suốt ngày chọn hạt
Năm tháng bao dung nhưng khắc nghiệt lạ kì.

Dẫu bây giờ bố mẹ – đôi khi
Có nặng nhẹ yêu thương và giận dỗi
Có roi vọt khi con hư và dối
Thương yêu con đâu đồng nghĩa với chiều.

Đường con đi dài rộng rất nhiều
Năm tháng nụ xanh giữ cây vươn thẳng
Trời xanh đấy, nhưng chẳng bao giờ lặng
Chỉ có con mới nâng nổi chính mình.

Chẳng có gì tự đến – Hãy đinh ninh.

(Trích *Lời ru vầng trăng*, Nguyễn Đăng Tấn)

*** CHÚ THÍCH:** Bài thơ ***"Không có gì tự đến đâu con"***, được nhà thơ Nguyễn Đăng Tấn viết tặng con là Nguyễn Đăng Tiến vào khoảng năm 1995, khi Tiến đang học lớp 3. Bài thơ được in trong tập thơ ***"Lời ru Vầng trăng"***, xuất bản năm 2000.

I.ĐỌC HIỂU (4,0 điểm):

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2.(1,0 điểm). Theo em, khổ thơ cuối bài thơ có gì đặc biệt? Ý nghĩa của sự đặc biệt đó?

Câu 3. (1,5 điểm). Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong khổ thơ sau:*"Không có gì tự đến dẫu bình thường/ Phải bằng cả đôi tay và nghị lực/ Như con chim suốt ngày chọn hạt/ Năm tháng bao dung nhưng khắc nghiệt lạ kì."*

Câu 4. (1,0 điểm). Hãy nêu thông điệp người cha muốn nói với con trong hai dòng thơ sau: *"Trời xanh đấy, nhưng chẳng bao giờ lặng/ Chỉ có con mới nâng nổi chính mình."*

II.VIẾT (5,0 điểm): Nhận định về thơ, Diệp Tiến cho rằng: "*Thơ ca là tiếng lòng người nghệ sĩ".*Em hãy cảm nhận về " tiếng lòng" mà nhà thơ Nguyễn Đăng Tấn gửi gắm trong bài thơ " Không có gì tự đến đâu con".

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Nội dung	Điểm
I		**4,0 điểm**
	Câu 1. Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm	0,5 điểm
	Câu 2. - Điểm đặc biệt của khổ thơ cuối bài thơ là chỉ có một câu. - Ý nghĩa: người cha muốn khắc ghi lại những điều muốn nói với con. Tác giả sử dụng từ "đinh ninh" nhằm nhắc đi nhắc lại cho người con hiểu rõ, nhớ rõ những điều mình dạy. Mặt khác từ "đinh	0,5 điểm 0,5 điểm

	ninh" được hiểu theo nghĩa thứ hai, đó là thể hiện sự tin tưởng của người cha dành cho con.	
	Câu 3. - Biện pháp tu từ + So sánh: "*Như con chim suốt ngày chọn hạt"* + Nhân hóa: "*Năm tháng bao dung nhưng khắc nghiệt lạ kì."* -Tác dụng: + Người cha muốn dặn con rằng thành công trong cuộc đời con không tự nhiên đến, dẫu đó là những điều bình thường đến và thành công chỉ đến với con bằng nỗ lực phấn đấu, bằng đôi tay và nghị lực của bản thân. Trên con đường thành công phải được đánh dấu bằng sự cần cù, chịu thương chịu khó "*Như con chim suốt ngày chọn hạt"*. Nỗ lực phấn đấu của con luôn được ghi nhận dẫu đôi khi có gặp khó khăn trở ngại hay mắc phải những sai lầm bởi những *"khắc nghiệt lạ kì"* của cuộc sống nhưng mọi người luôn rộng lòng cảm thông tha thứ (*Năm tháng bao dung)*. Đó chính là động lực và nguồn động viên lớn lao nhất để con vững bước trên con đường thành công. + Cách diễn đạt sinh động, hấp dẫn, hình ảnh thơ có hồn và gợi cảm hơn.	0,25 điểm 0,25 điểm 0,75 điểm 0,25 điểm
	Câu 4. Thông điệp người cha muốn nói với con trong hai dòng thơ là: - Trên bước đường thành công của mỗi con người không bao giờ bình lặng mà luôn có những sóng gió cuộc đời đợi ta và mỗi chúng ta phải khuất phục nó để đi đến thành công. - Người cha muốn khắc ghi cho con rằng: con hãy biết tự thân vận động để vượt qua những khó khăn để hướng tới sự thành công. Và cách duy nhất con có thể vượt qua đó chính là nỗ lực của bản thân. - Lời dặn của người cha rất có ý nghĩa giúp người con nhận ra được những điều mình cần làm và giá trị từ sự nỗ lực của bản thân. - Chúng ta hiểu rằng thành công của mỗi người luôn được ghi nhận, đánh giá bằng sự tự lực vươn lên của mỗi bản thân con người.	0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm

II.VIẾT	*a. Về kĩ năng:* + Hiểu đúng yêu cầu của đề, có kĩ năng làm bài nghị luận văn học. Biết kết hợp nhuần nhuyễn các phép lập luận đã học, vận dụng tích hợp liên môn. + Có kĩ năng xây dựng luận điểm đúng đắn, sáng tỏ, dẫn chứng chọn lọc, lí lẽ thuyết phục, không mắc lỗi chính tả và lỗi diễn đạt. + Văn viết trong sáng, có cảm xúc, thể hiện được năng lực cảm nhận sâu sắc. *b. Về kiến thức*: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:	0,5 2,0

	* Lí giải và khẳng định vấn đề: + Thơ là hình thức sáng tác nghệ thuật lấy ngôn từ làm chất liệu để diễn tả những xúc cảm trào dâng nơi tâm hồn nhà thơ. + Nói "thơ là tiếng lòng": chính là những rung động mãnh liệt bật ra trong một phút thăng hoa cảm xúc của nhà thơ. => Thơ được tạo ra từ thực tiễn cuộc sống và cảm xúc tình cảm của nhà thơ. Cũng thông qua thơ, người nghệ sĩ gửi gắm tình cảm của mình. **Chứng minh qua bài thơ " Không có gì tự đến đâu con":** * Bài thơ là tiếng nói tràn đầy tình cảm yêu thương của người cha đối với con trai, đồng thời nhắc nhở con hãy cố gắng vượt qua những khó khăn, trở ngại trên đường đời: + Người cha nhắc nhở con không có gì tự đến cả, các sự vật tự nhiên cũng phải ttrair qua những thủ thách khắc nghiệt mới có thể hoàn thiện cũng giống như con người phải có nghị lực, đấu tranh mới có thể giành được vinh quang và hạnh phúc. + Quả muốn chín, kết hương thơm, mật ngọt cho đời phải trải qua giông bão, tích nhựa qua tháng ngày, hoa muốn có hương thơm cũng cần tháng ngày gian nan, muốn có một mùa bội thu con người cũng phải cần mẫn vất vả, điều này được thể hiện qua thành ngữ"một nắng hai sương". + Khổ thơ thứ 2: cha mẹ vẫn nhấn mạnh không có gì tự đến, dẫu bình thường. Chỉ có bàn tay và nghị lực mới đem lại cho con người những thành quả trong cuộc sống. Tác giả sử dụng phép so sánh "như con chim suốt ngày chọn hạt" để nhấn mạnh sự cần mẫn, tỉ mỉ, kiên trì của con chim trong việc chọn hạt. Qua đó muốn khuyên con trong cuộc sống phải có sự kiên trì, tỉ mỉ, cần mẫn mới có được thành quả. Phép nhân hoá ở câu thơ "Năm tháng bao dung khắc nghiệt lạ kỳ" tạo sự tương phản, đối lập thể hiện năm tháng trôi rất nhanh nhưng thời gian cũng toạ nên giá trị, những điều kì diệu của cuộc sống. Với phép nhân hoá đã giúp câu thơ sinh động, gợi hình gợi cảm. * Tiếng lòng ấy còn là tâm tình của người cha: cha mẹ luôn yêu thương, tin tưởng và là bờ vai vững chắc nhất để cho con dựa vào cho dù bây giờ cha mẹ có lúc giận hờn, yêu thương, thỉnh thoảng còn dùng roi, vọt… nhưng tất cả đều thể hiện sự yêu thương con, nhưng không nuông chiều con, mong con sẽ hiểu được biện pháp giáo dục ấy… * Đó còn là lời nhắn nhủ của cha mẹ đối với con: cha mẹ luôn mong con hãy giữ vững tinh thần, ý chí và nghị lực, luôn tin tưởng vào bản thân mình, chỉ có mình mới nâng đỡ và mang đến thành công cho bản thân được, không ai dựa dẫm ngoài mình… *** Đánh giá chung:** - Đây là bài thơ xuất sắc thể hiện "tiếng lòng" của nhà thơ Nguyễn Đăng Tấn. Đó là lời nhắn nhủ đầy yêu thương, tâm	2,0 2,0 1,5 0,5

	huyết, trách nhiệm của người cha đới với con của mình. Bài thơ giúp người đọc hiểu thêm về giá trị của ý chí, nghị lực của con người trong cuộc sống. Thông qua bài thơ, người đọc cảm nhận được sự trân trọng, tin yêu của nhà thơ vào tình cảm gia đình- một thứ tình cảm thiêng liêng, tốt đẹp. Vì thế, bài thơ đã đọng lại trong lòng độc giả với biết bao cảm xúc. - Bài thơ sử dụng thể thơ 8 chữ phù hợp với việc diễn tả những lời thủ thỉ tâm tình và dặn dò của cha mẹ gửi đến con cái thông qua các biện pháp: ẩn dụ, nhân hoá, điệp từ, hình ảnh chọn lọc có giá trị biểu cảm cao giúp người đọc xúc động và thấm thía với tình cảm, sự yêu thương tha thiết vfa niềm mong mỏi của cha mẹ gửi đến con cái. - Ý kiến trên của Diệp Tiến "*Thơ ca là tiếng lòng người nghệ sĩ" không chỉ có giá trị của một thời*, mà còn đúng với mọi thời, mọi dân tộc. Diệp Tiếp không chỉ đề cao cảm xúc, không coi nhẹ tài năng của người cầm bút mà còn đề cao giá trị người sáng tác và người tiếp nhận phải có tâm hồn giàu rung cảm với từng khoảnh khắc của cuộc đời để có những cảm xúc dồi dào, mãnh liệt trên mỗi những trang thơ. Từ đó độc giả có thể lắng lòng mình lại để cảm nhận những tâm sự mà người nghệ sĩ gửi gắm vào trang viết. *c. Sáng tạo:* Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,5 0,5 0,25

ĐỀ 66.

CHIẾC ÁO CỦA CHA

Ngô Bá Hòa

Tuổi chiếc áo bằng một nửa tuổi Cha
mỗi nếp gấp mang dáng hình đồng đội
mỗi mảnh vá chứa bao điều muốn nói
về một thời trận mạc của Cha

Ngày con sinh ra
đất nước hoà bình
với bạn bè con hay xấu hổ
khi thấy Cha mặc chiếc áo xanh cũ kĩ
đâu biết với Cha là kỉ vật cuộc đời
Nơi nghĩa trang nghi ngút khói hương
trước hàng hàng ngôi mộ
cha đắp áo sẻ chia hơi ấm
với đồng đội xưa yên nghỉ nơi này

Khoé mắt con chợt cay
khi chứng kiến nghĩa tình người lính
không khoảng cách nào giữa người còn người mất
chiếc áo bạc màu hoá gạch nối âm dương.

(https://vanvn.vn/chum-tho-tac-gia-tre)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (*1,0 điểm*) Xác định thể thơ, các phương thức biểu đạt trong bài thơ.

Câu 2. (*1,0 điểm)* Hình ảnh chiếc áo xuất hiện trong bài thơ mấy lần và mang ý nghĩa gì?

Câu 3. (*2,0 điểm*) Giả sử, em là người con trong bài thơ, khi được chứng kiến cảnh người cha viếng đồng đội mình ở nghĩa trang liệt sĩ, em sẽ nói gì với cha?

Câu 4.(*2,0 điểm*) Em có đồng tình với ý kiến: Những người lính trở về từ chiến tranh vệ quốc nên quên những đồng đội cũ, quên kỷ niệm xưa để có thể sống thanh thản, thích ứng với cuộc sống hiện tại. Vì sao?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Câu 1. (*4,0 điểm*)Từ nội dung bài thơ trong phần Đọc hiểu, em hãy viết bài văn nghị luận (*khoảng 300 chữ*) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của sự thấu hiểu người thân.

Câu 2. Viết bài văn phân tích, đánh giá chủ đề và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ Chiếc áo của cha - Ngô Bá Hòa

		Nội dung	**Điểm**
	ĐỌC HIỂU		**6,0**
		- Thể thơ: tự do - Các phương thức biểu đạt: biểu cảm, tự sự, miêu tả	0,5 0,5
		- Hình ảnh chiếc áo xuất hiện năm lần trong bài thơ - Ý nghĩa: nhấn mạnh, tô đậm hình tượng thơ và mở ra nhiều tầng ý nghĩa về chiếc áo.	0,5 0,5
		- Học sinh có thể: + Hóa thân vào nhân vật trữ tình để có cảm xúc hối hận vì đã cảm thấy xấu hổ khi cha mặc chiếc áo cũ. + Hóa thân vào nhân vật trữ tình để có cảm xúc: mình đã hiểu người cha và chiếc áo xanh cũ kĩ; vô cùng xúc động trước nghĩa tình đồng đội của những người lính. + Hãy nói với cha về dòng cảm xúc trong lòng mình đối với chiếc áo, với cha và tình đồng đội của ông..	2,0
		- Học sinh trình bày quan điểm cá nhân của mình, cần có lý giải hợp lý, phù hợp với chuẩn mực đạo đức.	2,0

		- Có thể bổ sung để xây dựng lối sống phù hợp với thời đại (để người lính trở về từ chiến trường, không quên đồng đội xưa mà tâm trạng không quá nặng nề, sống yên vui, có ích cho đất nước…).	
		VIẾT	
		Viết bài văn nghị luận nêu suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của sự thấu hiểu người thân	**4,0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn khoảng 300 chữ, có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài; lập luận thuyết phục, có lí lẽ và dẫn chứng cụ thể.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề.	0,25
		c. Triển khai hợp lí nội dung bài văn: Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể viết bài văn theo hướng sau :	
	1	*** Giải thích** - Thấu hiểu người thân là **khả năng hiểu biết và nhận thức một cách sâu sắc về tính cách, tâm tư, cảm xúc của người thân bên mình** và từ đó, chúng ta có thể thể hiện tình yêu, lòng khoan dung, sự trân trọng bằng cách chân thành nhất. *** Bàn luận** - Thấu hiểu người thân thực sự cần thiết đối với mỗi người. Thấu hiểu là lúc ta biết đặt mình vào vị trí, hoàn cảnh của người thân để cảm nhận, thấu hiểu, cảm thông với nỗi niềm của họ một cách sâu sắc. Sự thấu hiểu bồi đắp lòng nhân ái, giúp ta biết sống yêu thương, biết chia sẻ và có trách nhiệm với những người xung quanh mình, tránh được những phán xét, suy nghĩ cực đoan và sống vị tha hơn đối với người khác. Khi nhận được sự thấu cảm, yêu thương, chia sẻ, người thân bên ta sẽ vơi bớt nỗi buồn, có thêm động lực để vượt qua khó khăn. - Sự thấu hiểu người thân mở rộng ra là sự thấu hiểu những người xung quanh. - Học sinh lấy những dẫn chứng biểu hiện cụ thể của sự thấu hiểu người thân - Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều người thờ ơ, vô cảm với người thân; quay lưng lại khi người thân đang cần giúp đỡ, sẻ chia… Những biểu hiện này đáng bị phê phán. *** Bài học nhận thức và hành động** - Cần nhận thức được ý nghĩa quan trọng của sự thấu hiểu.Cần tích cực rèn luyện bản thân, hoàn thiện nhân cách, có những hành động cụ thể biểu hiện sự thấu hiểu của mình với người thân, với mọi người.	0,25 1,0 0,25 0,5 0,5 0,5
		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp	0,25

		tiếng Việt.	
		e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.	0,25

Câu 2. Viết bài văn phân tích, đánh giá chủ đề và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ Chiếc áo của cha - Ngô Bá Hòa

Dàn ý bài thơ "Chiếc áo của cha" của Ngô Bá Hòa:

*** Mở bài.** Giới thiệu về tác giả và bài thơ

- Ngô Bá Hòa là một nhà thơ trẻ Việt Nam.
- Bài thơ "Chiếc áo của cha" là một trong những tác phẩm nổi tiếng của ông.

* Thân bài:

- Tóm tắt nội dung bài thơ: Bài thơ kể về tình yêu và sự hi sinh của người cha. Cha mặc chiếc áo có số tuổi bằng nửa đời người chưa bỏ, dành những điều tốt đẹp nhất cho con. Cha là chiến sĩ trong thời chiến và thời bình, bảo vệ tổ quốc và gia đình. Cha và những người chiến sĩ đã đồng cam cộng khổ, hy sinh để đổi lấy sự bình yên cho đất nước. Cha là một tấm gương sáng giúp người con nhìn vào để học tập và trở thành công dân có ích cho xã hội.
- Phân tích các yếu tố trong bài thơ

+ Tình cảm gia đình: Bài thơ tập trung vào tình yêu và sự hi sinh của người cha đối với con.

+ Tình yêu quê hương: Bài thơ thể hiện lòng yêu quê hương và lòng biết ơn đối với những người chiến sĩ đã bảo vệ đất nước.

+ Sự hy sinh và tình cảm thiêng liêng: Bài thơ nhấn mạnh sự hy sinh và tình cảm cao cả của người cha đối với con.

+ Tình yêu vô điều kiện: Bài thơ thể hiện tình yêu của người cha không cần phải diễn tả bằng lời, mà luôn im lặng và không bao giờ kết thúc.

- Ý nghĩa của bài thơ

+ Bài thơ nhắn nhủ về tình yêu và sự hi sinh của người cha, khuyến khích người con học tập và rèn luyện để trở thành công dân có ích cho xã hội.

+ Bài thơ cũng thể hiện lòng biết ơn và tôn trọng đối với những người chiến sĩ đã hy sinh để bảo vệ đất nước và gia đình.

*** Kết bài**

- Bài thơ "Chiếc áo của cha" của Ngô Bá Hòa là một tác phẩm tuyệt vời về tình yêu và sự hi sinh của người cha.
- Bài thơ gợi lên những cảm xúc sâu sắc và tôn vinh những người cha và những người chiến sĩ đã hy sinh vì đất nước.

Bài viết tham khảo:

Nhà thơ Ngô Bá Hòa là tác giả trẻ sáng tác thơ nổi bật ở giai đoạn những năm 2000. Anh đến với thơ từ rất sớm, góp phần mang những tác phẩm trong trẻo, giản dị về núi rừng, những năm tháng chiến đấu bảo về Tổ Quốc,... "Chiếc áo của cha" là bài thơ tiêu biểu đưa tên tuổi của anh được biết đến với độc giả.

Bài thơ đã mang đến cho người đọc những cảm nhận sâu sắc về tình yêu của con dành cho cha mình. Chủ đề xuyên suốt tác phẩm là những hy sinh thầm lặng, là tình phụ tử cao cả luôn muốn dành những thứ tốt đẹp nhất cho con. "Tuổi chiếc áo bằng

một nửa tuổi cha" chiếc áo là kỷ vật theo cha suốt những năm tháng chiến đấu cùng đồng đội. Thể hiện tình cảm, sự trân quý của cha dành cho những người đồng đội đã khuất. Là một người lính đã trải qua biết bao đau thương mất mát nơi chiến trường, là người trực tiếp tham gia cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc. Cha là người nặng tình nặng nghĩa, sống giản dị luôn nhớ về đồng đội về những kỷ niệm xưa. Đó là tình cảm chân thành, chiếc áo xanh cũ kỹ là niềm tự hào của cha, của biết bao anh hùng đã đứng lên vì độc lập Tổ Quốc. Con may mắn được sinh ra trong thời bình, chưa nhận thức rõ được giá trị của màu áo xanh. Con đâu biết rằng với cha đó là kỷ vật của cuộc đời, là nơi ghi dấu ấn sâu đậm về một thời oanh liệt. Chiếc áo bạc màu ấy là nơi kết nối âm dương, là nơi kết nối tình cảm của cha với những người đồng đội đã khuất. Thời chiến tranh cha là một người lính dũng cảm bảo vệ Tổ Quốc. Khi thời bình cha là người bao bọc che chở cho con lớn khôn từng ngày. Mãi đến khi trưởng thành con mới nhận ra được sự hy sinh cao cả, mới cảm nhận hết được tình cảm thiêng liêng ấy. Tình đồng chí, đồng đội cùng nhau đồng cam cộng khổ qua những tháng ngày vất vả nhất. Đó là sự kính trọng cuối cùng mà người cha dành cho những người chiến sĩ đã hy sinh.

Bài chiếc áo của cha được Nguyễn Bá Hòa viết theo thể thơ tự do với những ngôn ngữ mộc mạc giản dị. Hình ảnh chiếc áo đã trở thành kỷ vật gắn liền với những tháng năm oanh liệt của lịch sử đất nước. Nhà văn đã cho thấy được sự đối lập trong suy nghĩ của người con khi còn nhỏ và lúc nhận ra được tình cảm thiêng liêng của cha.

Qua việc lựa chọn chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật, bài thơ đã thực sự chạm đến tim người đọc bằng những cảm xúc chân thực nhất. Tác phẩm đã mang đến cho ta những cảm nhận thiêng liêng về tình phụ tử, về tình đồng chí đồng đội. Cha chính là tấm gương sáng để con nhìn theo và học tập, để ngày càng tiến bộ hơn rèn luyện thành một công dân có ích cho xã hội, tiếp bước cha bảo vệ sự bình yên của Tổ Quốc.

ĐỀ 67

RỒI NGÀY MAI CON ĐI – Lò Cao Nhum-

Rồi ngày mai con xuống núi
Ngỡ ngàng
Đất rộng, trời thấp
Bước đầu tiên
*Con **vấp** gót chân mình.*

Rồi ngày mai con xuống núi
*Gặp phố phường **ngã bảy, ngã mười***
Gặp lòng người đỏ, vàng, đen, trắng
Mỗi lần vấp, một bước đi
Sẽ sực nhớ người thầy trên núi.

*Bố mẹ cho con **cán rìu, lưỡi hái***
Vung một sải quang ba ngọn đồi
Nhưng chưa đủ mo cơm, tay nải
Trên đường xa về phía chân trời.

Người thầy ngồi lặng lẽ sương khuya
Áo cổ lông không ngăn được rét rừng như chích
Chăm giáo án như vun từng đốm than tí tách
Thắp lửa hồng ấm mãi tim con.

Ngọn lửa ấy là mo cơm khi đói
Là chiếc gậy con vịn đường mưa
Là ngón tay gõ vào chốt cửa
Phía sau kia rộng mở nụ cười.

Ngày mai con xuống núi
Cùng tay nải hành trang đầu tiên
Đi như suối chảy về với biển
Chớ quên mạch đá cội nguồn.
(LÒ CAO NHUM, Gốc trời, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2009)

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 ĐIỂM)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Câu 1. Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính. (0,5 điểm)

Câu 2. Tìm những tính từ miêu tả màu sắc. (0,5 điểm)

Câu 3. Nghĩa của các từ bôi đậm được hiểu trong ngữ cảnh của bài thơ như thế nào? (1.0 điểm)

Câu 4. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong những câu thơ sau:

Người thầy ngồi lặng lẽ sương khuya
Áo cổ lông không ngăn được rét rừng như chích
*Chăm giáo án như **vun** từng đốm than tí tách*
Thắp lửa hồng ấm mãi tim con.

Ngọn lửa ấy là mo cơm khi đói
*Là **chiếc gậy** con vịn đường mưa*
*Là **ngón tay** gõ vào chốt cửa*
Phía sau kia rộng mở nụ cười.

Câu 5. Thông điệp ý nghĩa nhất sau khi đọc xong bài thơ là gì? Tại sao em rút ra thông điệp đó?

PHẦN II. VIẾT (6,0 ĐIỂM)

Câu 1 (2,0 điểm): Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ về lời nhắn nhủ của nhân vật trữ tình dành cho "con" trong bài thơ "Rồi ngày mai em đi" của Lò Cao Nhum.

Câu 2 (4,0 điểm): Tri thức là sức mạnh. Trong thời đại nền kinh tế tri thức đang phát triển như vũ bão, mỗi người cần trau dồi tri thức, ứng dụng tạo ra những sản phẩm mới đủ sức cạnh tranh.

Theo anh/chị bên cạnh tri thức, cần các yếu tố nào để đưa Việt Nam "sánh vai với các cường quốc năm châu" như điều của Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong mỏi?

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Thể thơ tự do; phương thức biểu đạt chính: biểu cảm.

Câu 2. Đỏ, vàng, đen, trắng, hồng.

Câu 3.

– Vấp: trong câu thơ *"Con vấp gót chân mình"* đặt trong ngữ cảnh này => Vấp: sự hấp tấp, vội vàng nên vấp chính gót chân mình. Đó chính là vấp ngã, là thất bại đầu tiên trên đường đời rộng lớn.

– Ngã bảy, ngã mười: trong câu thơ *"Gặp phố phường ngã bảy, ngã mười"* => gợi phố phường có nhiều ngã rẽ, nhiều lối đi; phố phường giao thông rất phức tạp, giăng mắc chằng chịt. Ngã bảy, ngã mười cũng gợi liên tưởng khi đến phố phường có rất nhiều cơ hội, nhiều lựa chọn nhưng cũng nhiều cạm bẫy, nhiều thách thức.

– Cán rìu, lưỡi hái: trong câu thơ *"Bố mẹ cho con cán rìu, lưỡi hãi"* được hiểu là cho con công cụ, phương tiện, dạy cho con những kĩ năng cơ bản để có thể mưu sinh, phát triển.

Câu 4.

– Chăm – vun: trong câu thơ "Chăm giáo án như vun từng đốm than tí tách" => Người thầy cần mẫn, chăm chỉ, tận tâm chăm chút, chăm sóc trong từng trang giáo án để có những bài dạy hay nhất, ý nghĩa nhất nhằm "vun" trồng ngọn lửa, nhen từng đốm than, đốm lửa trong lòng học trò.

– Thắp lửa: Truyền cảm hứng, tình yêu, niềm tin cho học trò.

– Ngọn lửa: Ngọn lửa tri thức, khát khao, tình yêu thương => Ngọn lửa đó được thầy truyền cho HS qua những trang giáo án, những bài học hay.

– Chiếc gậy, ngón tay: Đặt trong ngữ cảnh với các câu thơ của khổ trước, cũng như đặt trong mối quan hệ với hành động "Chăm giáo án" "thắp lửa" => tác giả đang so sánh "ngọn lửa" tri thức, khát khao, yêu thương mà thầy truyền cho học trò giống như "chiếc gậy" để con vịn trên đường đời nhiều giông bão, thách thức, giống như "ngón tay" giúp con mở được những cánh cửa tương lai, cánh cửa thành công.

=> Giúp cho lời thơ thêm gợi hình, gợi cảm. Khắc họa rõ nét vẻ đẹp cần mẫn, tâm huyết, yêu thương học trò của thầy, đồng thời khẳng định sức mạnh của kiến thức, tri thức, của những bài dạy của thầy. Qua đó, thể hiện thái độ yêu quý, tôn trọng thầy và đề cao tri thức của nhân vật trữ tình.

Câu 5.

– Thông điệp: Cần trân trọng tri thức/Tri thức là sức mạnh/Cần biết hướng về cội nguồn…

– Giải thích: HS phân tích vai trò ý nghĩa của thông điệp ra:

+ Nếu không có …. thì…

+ Nếu có…thì…

Tham khảo:

Thông điệp ý nghĩa nhất sau khi đọc xong bài thơ là không quên ơn thầy dạy và sự gắn bó với nguồn gốc, với quê hương. Em rút ra thông điệp này vì bài thơ nhấn mạnh vai trò quan trọng của người thầy trong việc dẫn dắt, giúp đỡ con người trưởng thành và nhớ về nguồn cội, về quê hương.

PHẦN II. VIẾT (6,0 ĐIỂM)

Câu 1

– Hình thức viết thành đoạn văn 12 câu.

– Nội dung:

+ Bài thơ đã gửi gắm lời khuyên nhủ của nhân vật trữ tình với nhân vật "con". Với tư cách của một người từng trải, nhân vật trữ tình đã đoán được những điều có thể xảy ra ra: bị vấp ngã, lạc lõng giữa ngã bảy, ngã mười hay ngỡ ngàng khi gặp lòng người đỏ, vàng, đen, trắng…

+ Để vượt qua được khó khăn, nhân vật trữ tình đã khuyên nhủ "con" hãy nhớ về những bài học đã được thầy dạy dỗ.

+ Những kiến thức ấy sẽ là hành trang đi theo "con" trong suốt cuộc đời, giúp đỡ trong mọi hoàn cảnh cuộc sống. Tất cả sẽ cùng theo "con" trong suốt cuộc đời, những điều bình dị nhưng lại mang ý nghĩa to lớn.

+ Dù có đi đâu, có thế nào con cũng không quên được cội nguồn.

=> Lời dặn tha thiết, sâu sắc

=> Thể hiện tình yêu thương, niềm tin tưởng tha thiết, mãnh liệt.

=> Lời dặn đề cao vai trò của người thầy, sức mạnh của tri thức, sức mạnh của nguồn cội quê hương và gia đình.

Tham khảo:

Khi nhìn vào những từ ngắn gọn, nhưng ẩn chứa nhiều cảm xúc sâu sắc trong bài thơ "Rồi Ngày Mai Em Đi" của Lò Cao Nhum, ta như được đưa về với những khung cảnh đồng quê mộc mạc, nơi mà trái tim con người vẫn luôn giữ mãi những ký ức và hình ảnh của quê hương. Lời nhắn nhủ của nhân vật trữ tình, dành cho "con" không chỉ là những dòng chữ mà còn là một lời nhắc nhở sâu sắc về nguồn gốc, về giá trị của việc nhớ đến thầy cô, nhớ đến những bài học vàng son từ quãng thời gian học trò trên núi. Đó là hành trang quý báu "con" mang theo trong cuộc hành trình đời, không chỉ để vượt qua khó khăn mà còn để gieo mầm yêu thương và tri thức cho thế hệ tiếp theo. Nếu một ngày "con" bước ra khỏi cánh cửa làng quê, chân bước vào thế giới rộng lớn, lời nhắn nhủ ấy sẽ là nguồn động viên, là điểm tựa vững chắc giúp "con" không bao giờ lạc lối trong cuộc sống. Và ở ngã rẽ của đường đời, khi "con" đối diện với những quyết định quan trọng, nhớ những lời dạy của thầy, nhớ về quê hương, nhớ về nguồn cội sẽ giúp "con" luôn đi đúng hướng, vững bước trên con đường mình đã chọn.

Câu 2.

Mở bài:

– Dẫn dắt vấn đề

– Nêu VĐNL: Bên cạnh tri thức cần rất nhiều yếu tố để đưa Việt Nam sánh vai với các cường quốc năm châu.

Thân bài:

Khẳng định sức mạnh của tri thức: là gốc dễ, là nền tảng then chốt của bất cứ quốc gia dân tộc nào muốn phát triển, xây dựng đất nước ngày càng phát triển hùng mạnh trong đó có Việt Nam.

– Tri thức: là những kiến thức, kĩ năng của nhân loại đã được đúc kết, lưu giữ và truyền lại ngàn đời nay. Tri thức vô cùng phong phú đa dạng, bao gồm nhiều lĩnh vực. Mỗi ngày tri thức của nhân lại càng được đưa thêm những kiến thức mới, những định lí, định luật, những phát minh, nghiên cứu mới. Chính vì thế, kho tri thức của nhân loại luôn mới mẻ, giàu có và càng giàu có hơn.

– Tri thức thực sự là sức mạnh, nếu tri thức được sử dụng, được ứng dụng vào cuộc sống, vào trong lao động sản xuất. Còn nếu không tri thức hầu như không có giá trị nếu học chỉ để lấy bằng cấp, lấy danh hão…

Các yếu tố kết hợp để tri thức ngày càng đưa đất nước đi lên.

– Tư tưởng lãnh đạo, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước => tư tưởng là kim chỉ nam cho mọi hành động => Tư tưởng không thông bình tông vác không nổi => Tư tưởng đúng đắn thì có hướng đi sáng suốt, tư tưởng lớn sẽ tạo ra bước nhảy vọt; tư tưởng bảo thủ dẫn đến trì trệ, tư tưởng duy ý chí sẽ dẫn đến những hậu quả khôn lường, tư tương sai lầm đi chệch hướng vạn dặm, cả trăm năm.

– Trí tưởng tượng: đây là yếu tố rất cần thiết. Anh xtanh đã từng khẳng định "Tri thức thiếu trí tưởng tượng là tri thức chết". Chỉ có tưởng tưởng mới có thể tạo ra những ý tưởng điên rồ, vượt thời đại.

– Tính kỷ luật trong học tập, lao động.

– Xây dựng và giáo dục lòng tự trọng, phát huy, khơi dậy lòng yêu nước.

– Hệ thống giáo dục chất lượng. Học đi đôi với hành, cần xây dựng nền giáo dục thực chất mang tính ứng dụng cao.

– Duy trì hệ thống pháp luật nghiêm minh, công bằng.

….

Bàn luận:

– Để tạo nên cốt lõi của vấn đề từ gốc rễ là tri thức cho đến các phẩm chất tất cả từ giáo dục mà ra. Vì thế giáo dục là quốc sách. Chỉ khi giáo dục được lòng tự trọng, đề cao sự trung thực. Bởi lẽ, phá hủy một quốc gia dân tộc không cần bom nguyên tử mà chỉ cần thiếu trung thực trong học tập và thi cử.

– Phê phán những kẻ lười học, thiếu ý thức tự giác trong học tập; không hiểu được sức mạnh của tri thức.

– Liên hệ: là học sinh bản thân cần phải làm gì?

Kết Bài:

– Khẳng định lại sức mạnh của tri thức; tri thức không bao giờ dẫn đến thành công khi đi một mình, không khác gì người học bỏ quên mất bán cầu não phải. Vì thế, tri thức chỉ có thể kết hợp các yếu tố mới làm nên những điều kì diệu.

ĐỀ 68

TỔ QUỐC Ở TRƯỜNG SA

Biển mùa này sóng dữ phía Hoàng Sa
Các con mẹ vẫn ngày đêm bám biển
Mẹ Tổ quốc vẫn luôn ở bên ta
Như máu ấm trong màu cờ nước Việt

Biển Tổ quốc đang cần người giữ biển
Máu ngư dân trên sóng lại chan hòa
Máu của họ ngân bài ca giữ nước
Để một lần Tổ quốc được sinh ra

(Trích Tổ quốc ở Trường Sa - Nguyễn Việt Chiến)

I.ĐỌC HIỂU 1.

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định thể thơ của đoạn thơ trên.

Câu 2 (0,5 điểm): Em hiểu nghĩa của từ " Mẹ Tổ quốc" trong đoạn thơ trên như thế nào?

Câu 3(1,0 điểm): Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ được so sánh được sử dụng trong hai câu thơ sau:

Mẹ Tổ quốc vẫn luôn ở bên ta

Như máu ấm trong màu cờ nước Việt

Câu 4 (1,0 điểm): Đoạn thơ thể hiện những tình cảm nào của nhà thơ dành cho biển đảo Tổ quốc?

Câu 5 (1,0 điểm): Từ đoạn thơ em hãy nêu trách nhiệm bảo vệ biển đảo quê hương của mỗi công dân trong hoàn cảnh hiện tại.

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	- Thể thơ 8 chữ	**0,5**
Câu 2	Xác định nghĩa của từ "Mẹ Tổ quốc": Chỉ hình tượng Đất nước gần gũi, yêu thương, che chở cho người ngư dân bám biển	**0,5**
Câu 3	**- BPTT so sánh:** *Mẹ Tổ quốc ở bên ta như máu ấm trong màu cờ nước Việt* **- Hiệu quả nghệ thuật:** + Góp phần làm cho lời thơ thêm sinh động, hấp dẫn, gợi cảm + So sánh "Mẹ Tổ quốc" với "máu ấm" giúp người đọc dễ hình dung và cảm nhận được sự gần gũi, ấm áp của Tổ quốc. + Thể hiện tình cảm gắn bó thiết tha, máu thịt với biển đảo quê hương và quyết tâm bảo vệ độc lập chủ quyền dân tộc đồng thời qua đó nhắc nhở mỗi người về trách nhiệm với biển đảo quê hương	**0.25** **0,25** **0,25** **0.25**
Câu 5	Đoạn thơ trên thể hiện nhiều tình cảm sâu sắc và thiêng liêng của nhà thơ dành cho biển đảo Tổ quốc: + Nhà thơ thể hiện tình yêu sâu đậm đối với biển đảo qua việc miêu tả cảnh biển với sóng dữ ở Hoàng Sa và hình ảnh các ngư dân kiên cường bám biển ngày đêm. Điều này cho tình yêu và sự gắn bó với biển đảo - một phần không thể thiếu của Tổ quốc. + **Lời thơ còn thể hiện lòng biết ơn và sự trân trọng đối**	

	với ngư dân. Họ là những người hy sinh, đổ mồ hôi, thậm chí máu để bảo vệ biển đảo quê hương. + Đoạn thơ còn thể hiện n**iềm tự hào về lịch sử của Tổ quốc đồng thời** cũng nhắc nhở mỗi chúng ta về ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng đất nước.	
Câu 4	Trách nhiệm bảo vệ biển đảo quê hương: + Mỗi người cần phải nhận thức rõ về giá trị và tầm quan trọng của biển đảo quê hương. Việc giáo dục và tuyên truyền về tình yêu và trách nhiệm bảo vệ biển đảo cần được thực hiện từ gia đình, nhà trường cho đến cộng đồng. Qua đó, mỗi người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, sẽ hiểu rõ và biết trân trọng những giá trị thiêng liêng này. + Mỗi công dân cần phải đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau, cùng nhau bảo vệ và xây dựng quê hương. Đặc biệt, cần tôn vinh và tiếp nối tinh thần hy sinh của những người đi trước, sẵn sàng cống hiến và hy sinh vì sự nghiệp chung. + Mỗi người dân cần có những hành động thiết thực để ủng hộ, chia sẻ và động viên tinh thần cho những người trực tiếp bảo vệ biển đảo + Mỗi công dân cần có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường biển, không xả rác bừa bãi, tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên.	**0,25** **02,5** **02,5** **02,5**

ĐỌC HIỂU 2.

Câu 1 (0,5 điểm): Xác định nghĩa của từ *"Mẹ Tổ quốc"* trong đoạn thơ trên.

Câu 2 (1,0 điểm): Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của 02 biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ.

Câu 3 (0,5 điểm): Nội dung chính của đoạn thơ trên?

Câu 4 (1,0 điểm): Em hãy nêu trách nhiệm bảo vệ biển đảo quê hương của mỗi công dân trong hoàn cảnh hiện tại.

II. VIẾT (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)**:** Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 300 chữ) trình bày suy nghĩ của em về tình yêu quê hương, đất nước.

Câu 2. Em hãy viết bài văn ghi lại cảm xúc của em về đoạn thơ trên.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**3,0**
	1	Xác định nghĩa của từ *"Mẹ Tổ quốc"*: Chỉ hình tượng Đất	0,5

		nước; Sự gần gũi, yêu thương, che chở cho người dân biển.	
	2	Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật - Xác định được 02 biện pháp tu từ trong 03 biện pháp tu từ sau: + Điệp từ: *biển, máu, Tổ quốc* + Ẩn dụ: *Mẹ Tổ quốc vẫn luôn ở bên ta.* + So sánh: *Như máu ấm trong màu cờ nước Việt.* - Hiệu quả nghệ thuật: thể hiện tình cảm gắn bó thiết tha, máu thịt với biển đảo quê hương và quyết tâm bảo vệ độc lập chủ quyền dân tộc.	1,0
	3	Nội dung chính: Sự cảm phục/ngợi ca tinh thần dũng cảm, kiên cường của ngư dân trên biển cả.	0,5
	4	Trách nhiệm bảo vệ biển đảo quê hương: - Khẳng định biển đảo là một phần lãnh thổ của Tổ quốc. - Mỗi cá nhân đều phải có ý thức trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn sự thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.	1,0

II.VIẾT

Câu 1.

	1	**Trình bày suy nghĩ về tình yêu quê hương, đất nước.**	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Tình yêu quê hương, đất nước.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận	1,0
		Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ tình yêu quê hương, đất nước là tình cảm thiêng liêng, tốt đẹp của con người. Có thể theo hướng sau: - Tình yêu quê hương: là thứ tình cảm gắn bó yêu mến, vun đắp, dựng xây quê hương ngày càng giàu đẹp, đóng góp một phần sức lực của mình cho công cuộc xây dựng quê hương. - Tình yêu quê hương gắn liền với yêu gia đình, làng xóm.	

		Mỗi khi đi xa ai cũng trông ngóng về quê hương nơi mình sinh ra và lớn lên. - Phê phán những người quên đi cội nguồn, quên đi quê hương. - Mỗi cá nhân cần có trách nhiệm với quê hương, đất nước.	
		d. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận.	0,25

Câu 2.

Câu 2		**VIẾT**	**4,0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: phân tích,đánh giá nét đặc sắc về nội dung và một vài biện pháp nghệ thuật của văn bản.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:	2,5
		***Nội dung đặc sắc của bài thơ:** - Nhà thơ đã chọn nhịp điệu thơ chắc khỏe như điêu khắc, chạm khắc vào tượng đài "Các anh đứng như tượng đài quyết tử" với bao trăn trở như muôn ngàn lớp sóng. Nhà thơ đã làm một phép cộng để từ đó nhân lên: "Thêm một lần tổ quốc được sinh ra" từ "Cho một lần tổ quốc được sinh ra" đến "Để một lần tổ quốc được sinh ra" bằng sự hy sinh của bao liệt sĩ mà tiêu biểu là các chiến sĩ ở đảo đá Gạc Ma. -Cảm hứng lịch sử tuôn chảy như "dòng máu Việt chảy trong hồn người Việt" đã tạo ra âm hưởng sử thi có nét bi hùng oanh liệt của cả bề dày trầm tích lịch sử quá khứ. Hình ảnh người lính: "Họ đã lấy ngực mình làm lá chắn" và "Họ đã lấy thân mình làm cột mốc" Đó chính là tượng đài đẹp đẽ nhất và bi tráng nhất. Tổ quốc hiện ra thật cụ thể khi: "Cờ tổ quốc phất lên trong lửa đạn",đó là hiện thân của tổ quốc, linh hồn của tổ quốc. -"Tổ quốc ở Trường Sa" là một tuyên ngôn về bài ca yêu nước. Đó	

		là khí thơ và cao hơn là ý chí của người con đất Việt dành giữ chủ quyền trọn vẹn của non sông đất nước, của mỗi tấc trời, tấc biển. Có thể nói tình yêu tổ quốc chính là bắt đầu từ tình yêu của truyền thống ngàn năm. ***Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ** - Nghệ thuật so sánh:dáng đứng hiên ngang, bất khuất của các anh như tượng đài kiên vững quyết tử cho Tổ quốc, nhằm nhấn mạnh khí phách, sự kiên cường, dũng cảm không màng thân mình hi sinh cho Tổ quốc, non sông… -Điệp cấu trúc: "Họ đã lấy…làm…" như nhấn mạnh thêm sự mạnh mẽ, kiên cường, sự dũng cảm của các anh chiến sĩ, không gì có thể làm các anh khuất phục, không gì có thể làm vơi đi tinh thần trách nhiệm, sự quên mình đấu tranh không mệt mỏi ở các anh. Ngực các anh đây, thân các anh đây sẵn sàng hiến dâng cho Tổ quốc trong sứ mệnh anh hùng cao cả cuả mình. Đó chính là tượng đài đẹp đẽ nhất và bi tráng nhất…Điều đó thật đáng ngưỡng mộ và tự hào biết bao. *(HS có thể lồng ghép phân tích, đánh giá cả nội dung và nghệ thuật song song)*	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5

Bài viết tham khảo.

Tổ quốc luôn là một cảm hứng thường trực trong trái tim của mỗi thi sĩ. Nhất là khi tổ quốc có nguy biến thì cấp độ tình yêu lại được nhân lên gấp bội. Nhà thơ Nguyễn Việt Chiến với "Tổ quốc ở Trường Sa" thêm một lần đã cắm một cột mốc yêu nước trong thi ca Việt về chủ quyền của đất nước giữa ngàn trùng biển khơi …

Nhà thơ đã chọn nhịp điệu thơ chắc khỏe như điêu khắc, chạm khắc vào tượng đài "Các con đứng như tượng đài quyết tử" với bao trăn trở như muôn ngàn lớp sóng. Sự định vị "Tổ quốc ở Trường Sa" không chỉ giới hạn địa lý mà mở ra bao liên tưởng từ tâm điểm của Trường Sa tỏa muôn vòng sóng giao thoa. Chính sự vận động tuyến tính này đã đắp bồi thiết tha, đã cộng hưởng sự kết tinh ấn tượng, nhà thơ đã làm một phép cộng để từ đó nhân lên: "thêm một lần tổ quốc được sinh ra" từ "Cho một lần tổ quốc được sinh ra" đến "Để một lần tổ quốc được sinh ra" bằng sự hy sinh của bao liệt sĩ mà tiêu biểu mà các chiến sĩ ở đảo đã Gạc Ma. Cảm hứng lịch sử tuôn chảy như "dòng máu Việt chảy trong hồn người Việt" đã tạo ra âm hưởng sử thi có nét bi hùng oanh liệt của cả bề dày trầm tích lịch sử quá khứ. Hình ảnh người lính: "Họ đã lấy ngực mình làm lá chắn" và "Họ đã lấy thân mình làm cột mốc" Đó chính là tượng đài đẹp đẽ nhất và bi tráng nhất. Tổ quốc hiện ra thật cụ thể khi: "Cờ tổ quốc phất lên trong lửa đạn" là lúc "Mẹ tổ quốc vẫn luôn ở bên ta" để "biển tổ quốc đang cần người

giữ biển". Một chuỗi hình ảnh liên kết cờ - mẹ - biển gắn liền với tổ quốc, là hiện thân của tổ quốc, linh hồn của tổ quốc. Nếu không có những liên tưởng gắn kết này thì tứ thơ dễ bị loãng ít gây ấn tượng, giảm sự lay thức, lôi cuốn. Tôi có cảm giác nhà thơ đã dùng thủ pháp chồng mờ trong điện ảnh để tạo ra từ trường cuốn hút từ hơi thơ mà nguyên âm "a" cuối mỗi câu có sức ngân vang âm hưởng cuồn cuộn trong lòng người, cuồn cuộn trong thi hứng, cuồn cuộn trong cộng hưởng. Đôi lúc đó là sự biến ảo chập chờn: "Nếu mẹ gặp cánh chim về từ biển - Con đấy mà mẹ đã nhận ra chưa?". Nghẹn thắt mà vẫn bời bời trong bao hy vọng. Nhà thơ đã vận dụng khá linh hoạt từ sự sâu lắng đan xen với những biến tấu trữ tình dào dạt. Đó chính là nhịp của giao hưởng, của những cao trào dâng lên và lắng đọng lại như nhịp của những con sóng thủy triều.

"Tổ quốc ở Trường Sa" là một tuyên ngôn về bài ca yêu nước. Ta lại nghe âm vang như có cả hơi thơ truyền dẫn điện của một "Nam quốc sơn hà nam đế cư" của Lý Thường Kiệt hay "Hịch tướng sĩ văn" của Trần Hưng Đạo ngày nào. Đó là khí thơ và cao hơn là ý chí của người con đất Việt dành giữ chủ quyền trọn vẹn của non sông đất nước, của mỗi tấc trời, tấc biển. Có thể nói tình yêu tổ quốc chính là bắt đầu từ tình yêu của truyền thống ngàn năm: "Có nơi nào như đất nước chúng ta - Viết bằng máu cả ngàn chương sử đỏ". Nguyễn Việt Chiến đã thành công trong nhiều bài thơ viết về đề tài sử thi này. Như tên anh là khí phách của người Việt dám chiến đấu, đương đầu với mọi kẻ thù: ""Biển mùa này sóng dữ phía Hoàng Sa - Các con mẹ vẫn ngày đêm bám biển" . Khi "Tổ quốc ở Trường Sa" chính là Tổ quốc trong mỗi trái tim ta.

TỔ QUỐC Ở TRƯỜNG SA

(Tưởng nhớ những chiến sĩ hy sinh ở đảo đá Gạc Ma)

Các con đứng như tượng đài quyết tử
Thêm một lần Tổ quốc được sinh ra
Dòng máu Việt chảy trong hồn người Việt
Đang bồn chồn thao thức với Trường Sa

Khi hy sinh ở đảo đá Gạc Ma
Họ đã lấy ngực mình làm lá chắn
Để một lần Tổ quốc được sinh ra
Máu của họ thấm vào lòng biển thẳm

Cờ Tổ quốc phất lên trong mưa đạn
Phút cuối cùng đảo đá hóa biên cương
Họ đã lấy thân mình làm cột mốc
Chặn quân thù trên biển đảo quê hương

Họ đã hóa cánh chim muôn dặm sóng
Hướng về nơi đất mẹ vẫn mong chờ
Nếu mẹ gặp cánh chim về từ biển
Con đấy mà, mẹ đã nhận ra chưa!

Có nơi nào như Đất nước chúng ta
Viết bằng máu cả ngàn chương sử đỏ

Khi giặc đến vạn người con quyết tử
Cho một lần Tổ quốc được sinh ra

Biển mùa này sóng dữ phía Hoàng Sa
Các con mẹ vẫn ngày đêm bám biển
Mẹ Tổ quốc vẫn luôn ở bên ta
Như máu ấm trong màu cờ nước Việt
Biển Tổ quốc đang cần người giữ biển
Máu ngư dân trên sóng lại chan hòa
Máu của họ ngân bài ca giữ nước
Để một lần Tổ quốc được sinh ra

Việt Nam ơi! dưới bão táp mưa sa
Người thắp sáng một niềm tin bền bỉ
Những giếng dầu trụ vững giữa khơi xa
Dầu là máu thắp trên thềm lục địa

Sớm mai này nắng ấm ở Trường Sa
Tiếng gà gáy bình yên trên ngực đảo
Tiếng trẻ nhỏ đến trường nơi sóng bão
Thêm một lần Tổ quốc được sinh ra

ĐỀ 69

I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Bây giờ hãy thử mang giá trị của con người ra so sánh thử xem? Chẳng phải là tất cả đều bình đẳng đó sao? Nhưng "bình đẳng" ở đây không có nghĩa là người nào cũng phải có điều kiện sống ngang nhau, mà "bình đẳng" ở đây có nghĩa là ai ai cũng đều có quyền lợi ngang nhau, vì chúng ta đều là con người cả.

Nếu nói về điều kiện sống thì có người giàu người nghèo; kẻ mạnh, kẻ yếu, người thông minh, người đần độn. Có người sinh ra thuộc tầng lớp lãnh chúa, quý tộc, ở trong lâu đài, biệt thự, ăn ngon mặc đẹp, thì cũng có người sinh ra phải đi làm thuê làm mướn, sống trong hang cùng ngõ hẻm, hằng ngày chỉ đủ vắt mũi bỏ miệng. Bằng tài năng, có người trở thành chính khách, thành doanh nhân tầm cỡ có thể xoay chuyển thế gian, thì cũng có người chỉ có trí tuệ vừa phải, buôn bán lặt vặt, đến đâu hay đó. Có lực sĩ, có đô vật Sumo lực lưỡng thì cũng có công tử bột, thiếu nữ liễu yếu đào tơ. Mỗi người mỗi vẻ, nhưng quyền lợi cơ bản với tư cách là con người thì ai cũng như ai, hoàn toàn ngang nhau.

Vậy thì thế nào là quyền lợi của con người? Đó chính là quyền được coi trọng sinh mạng, quyền bảo vệ tài sản, quyền được tôn trọng nhân cách và danh dự.

Kể từ khi sinh ra con người trên thế giới này, Trời đã truyền cho con người năng lượng thể xác và tinh thần, đã quy định rõ ai cũng có quyền sống. Không kẻ nào được phép xâm phạm quyền lợi đó. Sinh mạng của lãnh chúa cũng quý giá như sinh mạng của người làm thuê. Ý thức bảo vệ đống gia tài khổng lồ của các nhà tư bản kếch sù

cũng không khác gì ý thức bảo vệ đồng vốn ít ỏi của những người buôn bán lặt vặt. (...)

Dân cày có thể khác với địa chủ về điều kiện sống nhưng không khác về quyền lợi. Dẫm phải gai, người dân kêu đau, không lẽ cũng dẫm phải gai mà địa chủ bảo không đau. Ăn của ngon, chủ đất khen ngon, không lẽ cùng ăn của ngon mà dân làm thuê cuốc mướn chê dở.

Đã là người thì ai cũng muốn ăn ngon mặc đẹp, có nhà cao cửa rộng và chẳng có ai lại muốn khổ cả. Âu cũng là lẽ thường.

Người nắm quyền lực vừa có tiền vừa có thế, người nông dân thì lại vừa nghèo vừa yếu thế. Phải thừa nhận rằng ở trên cõi đời có người mạnh người yếu, người giàu người nghèo, có sự khác biệt trong điều kiện sống. Nhưng việc cậy thế vì có tiền, có quyền, lợi dụng sự hơn kém trong điều kiện sinh hoạt để chèn ép người nghèo yếu, chính là hành vi xâm phạm đến quyền lợi của người khác. Kẻ yếu có cách của kẻ yếu, họ sẽ tự bổ khuyết cho họ. Không có sự chèn ép nào tệ hại hơn việc sử dụng quyền thế để ức hiếp những người nghèo yếu.

(Trích *Khuyến học,* Fukuzawa Yukichi, Nxb Thế giới, Tp.HCM, 2021, tr.41-42)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Văn bản trên viết về vấn đề gì?

Câu 2. Chỉ ra 02 luận điểm chính được tác giả trình bày trong văn bản?

Câu 3. Nhận xét về sự kết hợp giữa lí lẽ và bằng chứng ở văn bản trên?

Câu 4. Chỉ ra mục đích, thái độ của người viết được thể hiện trong văn bản?

Câu 5. Theo anh/chị, vấn đề bình đẳng về quyền lợi giữa người với người mà tác giả đặt ra trong văn bản có còn ý nghĩa đối với xã hội hôm nay không? Vì sao? (Viết một đoạn văn khoảng 7-10 dòng)

PHẦN VIẾT (5,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích nghệ thuật sử dụng hình ảnh trong bài thơ sau:

Chiếc lá kia rơi
Mặt đất sẽ trũng xuống
Vọng tiếng chuông xua mây đen

Nắng sẽ hanh hao Heo may run ngõ nhỏ
Sách mới thơm hơi trẻ thơ Mía ngọt trào lên ngọn

Những con sâu nhẫn nại tết vệt trứng óng ả quanh gốc cây già Chú bê non chạm lưỡi mềm mặt cỏ

Chiếc lá ấy rơi
Biết có ai được may mắn đến gần Thời khắc mùa thu về đích.

(*Thu đến,* Mai Văn Phấn, in trong *Lặng yên cho nước chảy,*
Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2020)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4,0**

	1	Văn bản bàn về vấn đề: sự bình đẳng về quyền lợi giữa con người với con người.	0,5
	2	Hai luận điểm chính có trong văn bản: + Luận điểm 1: Con người sinh ra có thể khác nhau về điều kiện sống. + Luận điểm 2: Con người phải luôn được bình đẳng về quyền lợi.	0,5
	3	Nhận xét về sự kết hợp giữa lí lẽ và bằng chứng trong văn bản: – Lí lẽ và bằng chứng được kết hợp một cách chặt chẽ, làm tăng tính thuyết phục cho luận điểm và làm nổi bật luận đề của văn bản. – Cụ thể: + Khi nói về điều kiện sống của con người có thể khác nhau, tác giả đã đưa ra những bằng chứng rất trực quan, gần gũi: người giàu – người nghèo; người thông minh – kẻ đần độn; lãnh chúa, quý tộc – kẻ làm thuê, làm mướn;… Từ đó ta thấy rõ, con người được sinh ra trong những điều kiện khác nhau, thậm chí đối lập nhau. + Khi nói về sự bình đẳng về quyền lợi, bất chấp sự khác nhau về điều kiện sống, tác giả đã đưa ra những dẫn chứng rất thuyết phục, không thể bàn cãi: giẫm phải gai thì ai giàu nghèo ai cũng đau như nhau, ăn món ngon thì bất kì ai cũng không chê là dở,… Đó là cái chung của mọi con người, không phân biệt quý tiện, sang hèn.	1,0
	4	Mục đích và thái độ của người viết: – Mục đích: thuyết phục người đọc rằng con người dù sinh sống trong những điều kiện khác nhau, nhưng về quyền lợi họ cần phải được bình đẳng. – Thái độ: + Ủng hộ việc đảm bảo bình đẳng về quyền lợi giữa người với người. + Ngầm lên tiếng phản đối xã hội phân chia giai cấp, giàu nghèo, dẫn đến sự bất bình đẳng về quyền lợi giữa các cá nhân trong cộng đồng.	1,0
	5	Vấn đề bình đẳng về quyền lợi giữa người với người mà tác giả đặt ra trong văn bản vẫn còn ý nghĩa đối với xã hội hôm nay. Bởi vì: dù chúng ta đang nỗ lực xây dựng một xã hội công bằng, nhưng có một bộ phận vẫn còn giữ quan niệm phân biệt đối xử, dẫn đến những người nghèo, những người dân thường vẫn bị coi khinh, bị hạn chế về quyền lợi, thậm chí là mất quyền lợi.	2,0
II	**VIẾT**		

	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích nghệ thuật sử dụng hình ảnh trong bài thơ "Thu đến".	**5,0**
	a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,5
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Phân tích nghệ thuật sử dụng hình ảnh trong bài thơ "Thu đến".	0,5

	c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý: – Toàn bộ hình ảnh trong bài thơ đều tập trung thể hiện rõ bức tranh thiên nhiên và cuộc sống khi mùa thu đến. – Đó đều là những hình ảnh rất đặc trưng của mùa thu: + Thiên nhiên: lá rơi, nắng hanh hao, heo may, mía ngọt lên ngọn, sâu đẻ trứng,… + Cuộc sống: mùa tựu trường của học sinh (sách mới thơm hơi trẻ nhỏ) – Những hình ảnh cho thấy sự quan sát tinh tế của tác giả; đồng thời cũng thể hiện những suy ngẫm, chiêm nghiệm của tác giả trong thời khắc thu về: từ hình ảnh chiếc lá rơi, tác giả suy ngẫm về sự ngắn ngủi, thoáng chốc của kiếp người.	2,0
	d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. – Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	1,0
	đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,5
	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5

ĐỀ 70

PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(Lược một đoạn: Đào Cảnh Long, hiệu là Vân Hiên cư sĩ, là một học trò nghèo sống vào cuối đời Lê Chiêu Thống, đức độ rộng rãi, tính tình chất phác, trọng danh nghĩa, chuộng khí khái. Năm Bính Thìn, vì nhà thiếu ăn, chàng phải đi dạy học thuê cho một nhà giàu).

Ở chỗ dạy học, anh có nuôi một con chó già, sớm hôm chơi đùa với nó. Anh đi đâu, nó cũng đi theo. Anh ngồi đâu, nó cũng đứng chầu bên cạnh. Anh đặt tên nó là Hàn Lư. Anh thường đùa với nó:

– Mày được ta chăm nuôi, mày có chịu dốc sức liều chết vì ta không? Con vật gật đầu, nghoe nguẩy đuôi như tỏ ý nhận lời.

Mấy tháng sau, anh có việc phải trở về quê hương. Con chó phải ở lại. Nó quanh quẩn ra vào ở cửa phòng học. Ban ngày xua đuổi gà lợn, ban đêm phòng giữ kẻ gian. Nhiều khi bọn trẻ lãng quên, không cho ăn, tiếng sủa của con chó không còn được sang sảng nữa.

Bấy giờ, trong làng có một phú ông họ Trương thấy vậy, thương hại, đem cơm đến cho ăn. Vừa bước vào cửa phòng học, liền bị con chó cắn phải. Ông trách mắng:

– Hàn Lư! Hàn Lư! Vì thương mày đói lâu nay, nên ta đến đưa cơm cho mày ăn. Ta đâu phải là kẻ bất nhân! Mày tuy là giống vật, nhưng cũng biết suy nghĩ chút ít. Sao mày lại lấy oán trả ân?

Ông chưa dứt lời, con vật chồm lên, nhe răng, giơ vuốt, nói bằng tiếng người:

– Ngày chủ tôi đi có căn dặn tôi phải bảo vệ phòng học, trông nom bọn trẻ. Ngăn chặn kẻ ác, cấm đoán kẻ gian là trách nhiệm của tôi. Ông tới đột ngột, lại không có chủ tôi đón tiếp, thì bị cắn một miếng là đúng lẽ thôi! Thế mà còn trách mắng nặng lời gì nữa!

Thấy con chó biết nói tiếng người, lại nói đúng lẽ, phú ông thầm nghĩ trong bụng nó là con vật kì lạ, ý muốn dụ dỗ, bèn nói:

– Ông chủ của mày bản chất là thầy đồ nghèo. Mình hắn chẳng đủ miếng ăn, lấy đâu ra dành cho mày nữa. Bây giờ chi bằng mày bỏ chỗ tối, tới chỗ sáng, bỏ nhà nghèo, tới nhà giàu, tìm nơi no đủ, sung sướng suốt đời, có phải hơn không? Tội gì mà phải chịu khổ mãi?

Con chó nói:

– Ôi! Ông cũng là người, sao nỡ mở miệng buông lời như thế. Kẻ sĩ trung nghĩa, không vì cùng hay thông mà thay đổi ý chí, cho nên đến mùa rét mới biết rõ bách tùng tươi tốt hơn các cây khác, gặp gió mạnh mới hay cây đứng được vững chắc. Giống súc vật tuy khác với loài người, song vẫn có tính trời phú, biết giữ vững khí tiết đối với chủ của mình. Huống hồ ông chủ của tôi lại là một người luôn biết giữ lòng chân chính, sống nghề quang minh, trung để thờ vua, tín để kết bạn, hiếu với cha mẹ, hòa thuận họ hàng, trời sắp giao cho trách nhiệm quan trọng, cho nên bắt phải cùng khổ thiếu thốn, để trau dồi cho được thành công tốt đẹp đó thôi! Ông nói năng lung tung chẳng đúng gì, nên tôi tha thứ cho. Nếu không miệng này sẽ cắn cho một miếng nữa, chẳng ngần ngại gì! Hãy mau mau lui về, chớ để sau phải hối tiếc!

Phú ông nghe xong, sửng sốt ngây dại, hiểu rõ con vật có nghĩa, không thể giành giật được, đành mang cơm ra về.

Vài hôm sau, Đào Cảnh Long trở về, con chó mừng rỡ ra cửa đón tiếp, hình dáng tiều tụy khôn xiết. Nghe xóm giềng kể lại câu chuyện, Đào Cảnh Long cảm động lắm, ngậm ngùi lấy làm lạ mãi. Anh kiểm tra lại phòng sách, thì khóa cửa không di chuyển, giường chiếu còn y nguyên, đều

là nhờ con chó hết sức canh giữ.

Ôi! Con chó là loài súc vật, mà còn biết giữ lòng tiết nghĩa thờ chủ. Dù dùng lời đường mật dụ dỗ, cũng không thể lay chuyển lòng dạ sắt đá của nó. Huống gì con

người ăn lộc nhà vua, nếu giữ vững đầy đủ cái lòng tiết nghĩa ấy để đền ơn nước, xông ra đánh giặc, giặc nào chẳng tan; cố sức giữ thành, thành nào chẳng vững…

Than ôi! Sao mà lòng người chẳng còn được như xưa, thói đời đổi thay nhiều dạng? Lúc nước nhà yên vui thì bợ đỡ cầu vinh, lúc cuộc đời rối ren thì trở mặt đổi giọng, bán nước kiếm ăn, theo thời cầu lợi, không còn chút liêm sỉ, thật là quá quắt!

Vì vậy, tôi cho rằng ở đời nhiều kẻ không bằng con Hàn Lư đấy! Nhân ghi lại mẩu chuyện để răn bảo người đời.

(*Chuyện con chó có nghĩa của một nhà nghèo,* Phạm Quý Thích, in trong *Truyện truyền kì Việt Nam,* Vũ Ngọc Khánh – Nguyễn Quang Ân sưu tầm, tuyển chọn, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2023, tr.320 – 332)

Thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Văn bản trên được kể lại từ ngôi thứ mấy? (0,5 điểm)

Câu 2. Văn bản trên có mấy nhân vật? Đó là những nhân vật nào? Đâu là nhân vật chính? (0,5 điểm)

Câu 3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của yếu tố kì ảo được sử dụng trong truyện? (1,0 điểm) **Câu 4.** Xác định chủ đề của văn bản? (1,0 điểm)

Câu 5. Anh/ chị rút ra được bài học gì cho bản thân sau khi đọc văn bản trên? (1,0 điểm)

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích ngắn gọn thông điệp của bài thơ sau:

Chuyện kể rằng
Có quả trứng đại bàng Rơi vào ổ gà đang ấp
Khi nở ra cùng với bầy gà
Đại bàng con ngượng ngùng chiêm chiếp
Nhảy bay loạng choạng sân nhà.
Không ai nói với đại bàng về những chân trời xa
Về những đại ngàn bí mật
Nên nó vẫn hồn nhiên bới đất Chỉ có khát vọng mơ hồ
Lâu lâu lại cồn cào trong ngực…
Làm sao mà ai biết
Mình đã bắt đầu từ quả trứng nào đây
Sao không thử một lần vỗ cánh tung bay?…

(*Khát vọng*, Đặng Hồng Thiệp24, in trong *Thơ Sông Lam*, trang 247, Nxb Hội nhà văn, 2017)

Nhà thơ Đặng Hồng Thiệp (1937-2013), quê ở xã Liên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Năm 2012, ông được nhận giải thưởng Tác phẩm hay của Tạp chí Nhà văn Việt Nam.

Câu 2. (4,0 điểm)

Hiện nay bên cạnh những người có lối sống tốt đẹp vẫn còn có những người sống theo quan niệm *Gió chiều nào theo chiều ấy.Em hãy* Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục người khác thay đổi quan niệm sống trên

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4,0**
	1	Văn bản được kể lại từ ngôi thứ ba.	0,5
	2	Văn bản trên có 3 nhân vật: Đào Cảnh Long, chú chó Hàn Lư và phú ông họ Trương. Nhân vật chính là chú chó Hàn Lư.	0,5
	3	– Yếu tố kì ảo: chú chó Hàn Lư biết nói tiếng người. – Tác dụng: + Tăng sức hấp dẫn cho truyện kể + Giúp tác giả thể hiện tư tưởng về lòng trung nghĩa.	1,0
	4	Chủ đề của văn bản: Thông qua hình tượng chú chó Hàn Lư, tác giả cất lên tiếng nói ca ngợi những con người có tấm lòng trung nghĩa, đồng thời phê phán những kẻ bất trung bất nghĩa, vì ham vinh hoa phú quý mà sẵn sàng bán nước cầu vinh.	1,0
	5	Học sinh được tự do rút ra bài học, miễn là hợp lí và liên quan đến nội dung của văn bản. Tham khảo: – Con người sống ở đời phải có lòng trung nghĩa, giữ vững khí tiết dù ở trong bất cứ hoàn cảnh nào. – Cần tránh xa lối sống bất nghĩa, vô ơn.	1,0
II		**VIẾT**	**6,0**
	1	**Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích thông điệp của bài thơ "Khát vọng".**	***2,0***
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Phân tích thông điệp của bài thơ "Khát vọng".	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận Sau đây là một số gợi ý: – Hình ảnh quả trứng đại bàng rơi vào ổ gà đang ấp, nở ra và sống giữa đàn gà, tưởng mình cũng chỉ là một con gà là hình ảnh mang tính ẩn dụ về con người: là con người, ai cũng nuôi trong mình những khát vọng lớn lao, nhưng vì không đủ dũng cảm, không hiểu chính mình, lại luôn	0,5

		bị chìm ngập trong những điều nhỏ bé, tầm thường nên ta dần quên mất đi khát vọng lớn lao của mình. – Từ đó, bài thơ gửi gắm đến chúng ta thông điệp: + Là người, hãy không ngừng khát khao những điều lớn lao, hãy dũng cảm thực hiện những khát vọng vĩ đại, bởi khả năng của chúng ta là phi thường, là vô hạn. + Đừng để những điều tầm thường, những tập quán tầm thường xung quanh trì kéo chúng ta. Hãy thử *cất cánh tung bay,* vì chỉ khi đó, ta mới biết được chính xác khả năng của bản thân mình.	
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. – Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	0,5
		đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	**Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục người khác thay đổi quan niệm sống: *Gió chiều nào theo chiều ấy.***	***4,0***
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận xã hội.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Thuyết phục người khác thay đổi quan niệm sống: *Gió chiều nào theo chiều ấy.*	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết – Xác định được các ý chính của bài viết – Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: 1. Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề nghị luận: – Trong xã hội có ráta nhiều người sống theo quan niệm: *Gió chiều nào theo chiều ấy.* – Đây là một thói quen xấu, cần khắc phục. 2. Triển khai vấn đề nghị luận:	1,0

		2.1. Giải thích quan niệm: *Gió chiều nào theo chiều ấy* là thái độ sống không có chính kiến, không có lập trường, không phân biệt được đúng-sai, phải-trái. Họ có thể xuôi theo ý kiến của bên này hoặc bên kia nếu sự xuôi theo đó giúp họ bảo vệ được lợi ích và sự an toàn của bản thân. 2.2. Tác hại của quan niệm sống *Gió chiều nào theo chiều ấy:* – Khiến con người đánh giá trị của bản thân, trở thành kẻ ba phải, xu nịnh. – Khiến con người không có được sự tự chủ và độc lập trong suy nghĩ, dẫn đến không quyết đoán trong hành động. – Người sống theo quan niệm trên thường bị mọi người lợi dụng, xem thường, ghét bỏ. 2.3. Lợi ích của việc từ bỏ quan niệm sống *Gió chiều nào theo chiều ấy:*	

		– Sẽ làm cho bản thân trở thành người có chí khí, vững vàng và tự chủ trong mọi suy nghĩ và hành động. – Giúp con người biết suy xét để phân biệt phải-trái, đúng-sai, từ đó chọn cho mình một lối sống lành mạnh và lương thiện. – Được mọi người lắng nghe, tôn trọng và yêu mến. 2.4. Giải pháp từ bỏ quan niệm sống *Gió chiều nào theo chiều ấy:* – Ý thức được tác hại của quan niệm sống trên và những lợi ích to lớn nếu từ bỏ quan niệm sống đó. – Nhận thức được rằng bản thân mình là một cá thể độc đáo và duy nhất, từ đó mà hình thành lối suy nghĩ độc lập, biết đưa ra những nhận xét, đánh giá của riêng mình trước một vấn đề nào đó. – Trau dồi phẩm chất đạo đức, để từ đó chỉ đi theo những xu hướng tích cực, lành mạnh, lương thiện, biết lên án cái tiêu cực. – Kết giao với những con người có tư duy độc lập và độc đáo. 3. Đánh giá khái quát vấn đề ở đề bài.	
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. – Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	1,5
		đ. Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5